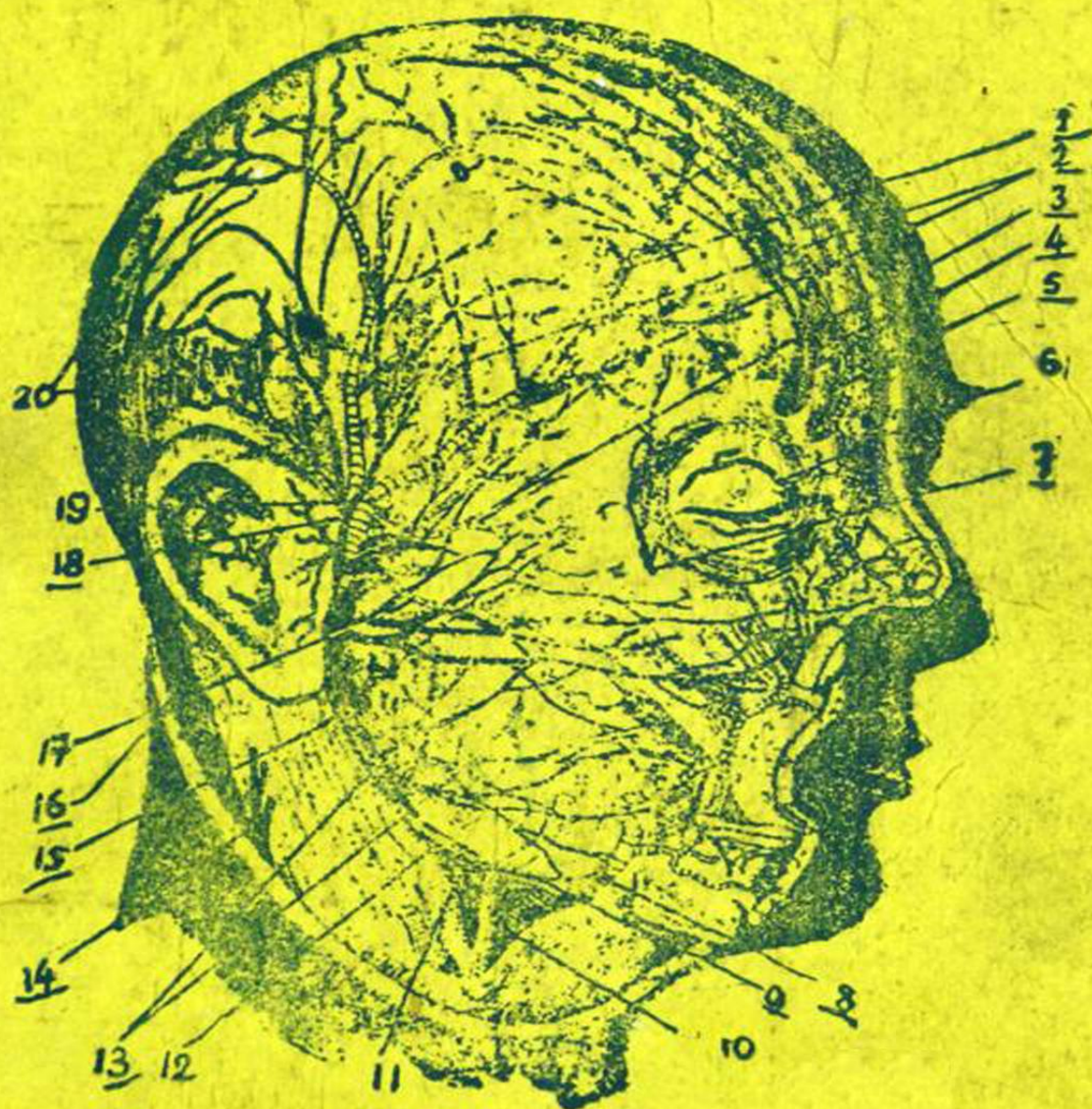


CHÂM CỨU HỌC TOÀN KHOA
TRỊ LIỆU THẦN KINH HỌC

Y ÁN CHÂM CỨU THỰC NGHIỆM

Sơn giả THƯỢNG-TRÚC



THẦN KINH và ĐỘNG MẠCH ĐẦU, MẮT

Chị Lăng Xuất Bản

292 Võ-Tánh nổi dài Tân-Sơn-Nhất Gia-dịnh
ĐT : 44.613

**CHÂM CỨU HỌC TOÀN KHOA
TRỊ LIỆU THẦN KINH HỌC**

**Y ÁN CHÂM CỨU
THỰC NGHIỆM**

Chi Lăng Xuất Bản

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Châm-cứu Đại-thành.	Docteur J. Lavier
Formulaire d'acupuncture	Soulié de Morant.
Précis de la vraie acupuncture chinoise.	Trần-tá-Hoàng .
Châm-cứu Bách Bệnh Thực dụng.	Trần-tồn-Nhơn
Bách bệnh nghiệm phương.	»
Tiểu-nhi Bách bệnh nghiệm phương.	»
Phụ-nhơn bách bệnh nghiệm phương.	Trần-Cư-Lâm.
Hiện-Đại Trung-Y Dược Tập chí.	»
Hiện-Đại Trung-Y Nội-khoa học.	Trung - Y Học - Viện
Giảng-minh Châm cứu-học.	»
Châm-cứu trị liệu học.	Y-Học-sĩ Hà-Trọng-Đào
Châm-cứu-học.	Trần-tồn-Nhơn
Trung-Quốc danh-y nghiệm-phương.	Dương-y-Hiệp.
Làm sản các khoa Tổng hợp trị liệu.	Châu - Liên.
Tân - châm - cứu - học.	Việt-Phong-Tiên
Nham-chứng trị liệu.	Đường-minh-Sơn
Giảng minh Thiết dụng châm cứu học.	Vương-tuyệt-Đài
Châm cứu học thủ sách.	



Soạn giả *Chương Trình*
Hình tác giả hiện kim

Thay lời tựa

Đề tựa quyền Y-ÁN-CHÂM-CỨU THỰC NGHIỆM này, tôi xin dịch bài nói về KHOA CHÂM-CỨU Ở ÂU-CHÂU (L'ACUPONCTURE EN EUROPE) của Ông SOULIÉ DE MORANT trong quyền PRECIS DE LA VRAIT ACUPONCTURE CHINOISE sau đây đề cống hiến cùng độc-giả.

« Trước khi xuất bản cuốn sách đầy đủ và vĩ-đại về Khoa Châm-cứu căn cứ vào tài-liệu phiên dịch của TRUNG-HOA và các chứng nghiệm đề đáp ứng lời yêu cầu của một số Y-sĩ, tôi quyết định trình bày nơi đây điểm chính của phương pháp trị liệu một vài căn bệnh mà AU-CHÂU tỏ ra bất lực một phần nào.

Hơn nữa với quyền sách nhỏ này, công chúng có thể phân biệt trong số Y-sĩ thực hành khoa Châm-Cứu ai đã học hỏi từ nguồn gốc, ai chỉ vì sự bành trướng mạnh mẽ của khoa Châm-Cứu mà cho rằng hành nghề này không cần học hỏi, lại tin vào sự cảm nghĩ thật thà đốt nát của thân chủ và uy lực của quảng-cáo.

Từ năm 1901, sau khi học hỏi ở Trung-Hoa cách đây 6 năm, lần đầu tiên tôi đem vào nước Pháp phương pháp trị-liệu bằng Kim thuật và Ngại cứu mà ở Âu-Châu, Mỹ-Châu từ trước hầy còn bị quan niệm mơ hồ, nay đã có thể thực nghiệm, các cuộc thí nghiệm ngày gia tăng, kết quả đã được công nhận, do đó không thể không biết đến khoa Châm cứu.

Phải công nhận rằng nếu lúc sơ khởi Bác-sĩ Paul. Ferreyrolles không áp dụng những điều tôi đã học tập ở Trung-Hoa thì ở Âu-Châu đến nay cũng vẫn còn không biết tới Khoa này.

Tôi là lãnh-sự, Văn-học giả, Hoa-ngữ học gia, đã trở thành một Đông Y-sĩ chỉ vì khi thâm thập được kết quả trong môn học này, tôi không hề suy nghĩ gì hơn là cần phải học hỏi cho được 1 thuật rất kỳ diệu đối với tôi; và vì thế khi trở về Pháp tôi đem ra phổ biến khi gặp sự nghi kỵ.

Nhưng nhờ các Bác-sĩ Marcel và Thérèse Martiny sau khi khảo sát nghiêm khắc khoa Châm-Cứu Trung-Hoa chân truyền đề được theo dõi phát huy và tránh cho ngành này khỏi bị thực-nghiệm một cách mù-quán với những kết quả không xác tín và tạm thời.

Từ đó Bác-sĩ Flankin ở Bệnh-viện Bichat và các vị Nội trú : Macé de Lépinay và Gallot dùng tài liệu của tôi và của Bác-sĩ Ferreyrolles thi hành vào cuộc thực nghiệm tại Y-Khoa Đại-học. Họ thống kê và thông báo những kết quả tốt hay không tốt cho Hội Nghiên-Cứu các nhà Bác-học của chúng ta.

Bác sĩ J. Landowski, Barihac, Poret M. Lavergne, Sauvagest, Bonnet-Lemaire v.v. nhờ phương pháp ấy thu hoạch được nhiều kết quả trị liệu tuyệt hảo.

Có vài Y-sĩ bạo dạn dựa vào tài liệu của tôi và của các môn đệ đem ra trị bệnh cũng được nhiều kết quả bất ngờ.

Trái lại trước sự thành công của phương pháp đó lại công bố là đã tự phát minh mà không nhận là vừa mới được thụ huấn.

Đã đến lúc cần phải chính-xát hóa và thu thập những ý niệm rã rắt trong nhiều tài liệu, ngộ hầu những cuộc thực nghiệm của Trung-Hoa tự nhiều thế-kỷ nay không trở thành vô hiệu, và những nhà khảo cứu nhiệt tâm có thể có thêm phương tiện để cứu chữa các bệnh.

Nhưng có điều làm cho người ta suy nghĩ là tại sao từ lâu rồi, ở Âu-Châu không tìm hiểu khoa Châm-cứu, và tại sao khoa Châm-Cứu không phải do một vị Bác-sĩ nào phổ biến mà phải do một nhà Hoa-ngữ học.

Trước hết chúng ta không nên quên rằng những nhà truyền-giáo và nhất là các vị Bác-học thuộc dòng Jésuites ở Bắc-kinh từ thế-kỷ thứ 17 đã thu lượm được những điều kỳ diệu và đã trình bày những điểm chính.

Thời đó vì sự độc đoán trong đầu óc nhân loại, luôn luôn lại cấm đoán phân tách một phương pháp mới lạ hay bất phải sửa đổi lại theo thực trạng về tinh thần và vật chất, như Pasteus đã bị làm nhục trước khi được sung bái, Quang chất trước tiên cũng không được thừa nhận, phương-thức Vi bệnh liệu bệnh chưa được dạy trong Y-khoa.

Mặc dầu những tài liệu phiên dịch của các vị Giám-mục bị hạn chế gắt gao, các Bác-sĩ Berlioz de Tour (phụ thân 1 Nhạc-sĩ), Bác-sĩ Jules Cloquet Giáo-sư Y-khoa Đại-học Paris quyết tâm thực hành trị bệnh bằng Châm thuật vào năm 1825.

Nhưng vì quá dốt nát nên không áp dụng đúng khoa Châm-thuật của Trung-Hoa, họ lại dùng cách đâm sâu vào nội tạng những cây kim thật dẹt rồi để yên trong đó từ 20 đến 30 tiếng đồng hồ.

Các cuộc thí-nghiệm này mở đầu cách trị bệnh bạo tàn thực tế kết quả khả quan, nhưng không được bền vững lâu dài, tuy Bác-sĩ Cloquet đã được tiếng trong bao nhiêu năm trị bệnh.

Khoa Châm-Cứu chân truyền Trung-Hoa vì việc đề xướng sai lầm này đã bị mất tín nhiệm nên ở Âu-Châu thời không nghiên cứu nữa. Tuy vậy năm 1863 Ông Lãnh-sự Dabry lại công bố một tài liệu quan trọng của Y-Khoa Trung-Hoa đã có một quan niệm rõ rệt về Khoa Châm-Cứu.

Vậy trước khi muốn học tập Khoa Châm-Cứu chân truyền phải cần tổng hợp nhiều sự hiểu biết phức tạp, như trước tiên phải biết ngôn ngữ đàm thoại của người Trung-Hoa, rồi đến văn viết của họ rất khác biệt với khoa ngôn ngữ, mặt khác lại phải tìm tòi tra cứu trong Từ-điển Hoa-Âu về danh từ Y-học mà hiện giờ tôi đương soạn thảo, cũng cần hiểu sâu về nghi-lễ Trung-Hoa để khỏi có những nghi kỵ, như một Ông Giáo-sư Pháp muốn mở mang nền Giáo-dục cho dân Nam Phi không biết tiếng nói và phong tục, tập quán của người Pháp.

Những Y-sĩ của chúng ta đưa qua Trung-Hoa để dạy những phương pháp của chúng ta không biết tiếng Trung-hoa, họ ở đó để dạy không phải để học hỏi, chắc họ cho là mất thể diện, mất uy thế để vào học trong trường người bản-xứ, mặc dầu người bản xứ rất vui lòng chỉ dạy cho họ.

Tôi xin trình bày thêm, nhờ những vị truyền giáo giới thiệu tôi được đến viếng một Bệnh-viện, tôi thấy nhiều điều tuyệt diệu, các Y-sĩ Trung-Hoa vui lòng chỉ dẫn cho tôi học, và còn tìm sách vở cần thiết cho tôi xem. Sau đó khi làm Thăm-Án tòa Hồn-Hợp Thượng-Hải, tôi gặp một người Châm-y rất giỏi ở nha Y-tế, vị này cố tâm dạy tôi học đến thành công.

Cũng nhờ biết Hoa-ngữ tôi mới có thể tập luyện ở Trung-Hoa và chuyển qua khoa học Tây phương một liệu pháp phản ứng bất đồng mà từ lâu chưa hề được giảng dạy.

Ở Trung-Hoa từ thế kỷ thứ 28 trước Thiên-chúa giáng sinh, sau khi tìm ra đồng, phương pháp Châm-Cứu đã bắt đầu phổ biến và được đúc kết, người ta đã biết sự tuần hoàn của huyết mạch, sự quan hệ của tạng Tỳ v.v. và từ đây sự khảo cứu không bao giờ đứt đoạn. Tất cả những sách vở tài liệu lưu truyền từ đời này đến đời khác được bảo tồn, chính tôi có sưu tầm để lưu chiếu những tài liệu này.

Ở Nhật bản đã theo nghệ thuật Y-khoa Trung-Hoa từ thời Thượng cổ. Đến năm 1884 mới bắt đầu xây dựng nền Y-học theo kiểu Tây-phương.

Nghệ thuật của chúng ta được bành trướng mạnh, những nhà Bác-học Nhật-bản thu hoạch được nhiều điều danh tiếng.

Trong lúc ấy dân chúng Nhật-bản vị nể Y-khoa chúng ta trở nên nghệ thuật Nội-khoa khoa học, những kết quả mới lạ các thứ thuốc miễn dịch, thuốc uống, thuốc tiêm ngành Phản xạ tuyền, Giải-phẫu học, nhưng đối với nhu cầu túi tiền của họ, thì càng ngày họ càng trở về khoa Châm-Cứu.

Những Y-sĩ trong các Bệnh-viện tư nhận thấy nhiều bệnh tật đối với Tây-y phải chịu bất lực mà từ trước có thể trị một cách rất mau lẹ bằng Châm Cứu nên họ lại càng áp dụng khoa Trị-liệu này.

Bây giờ những nhà Bác-học Âu-châu, lại phải học tập phương pháp Châm kim ấy theo những nguyên tắc khoa học của chúng ta. Những kết quả được trở nên vững chắc và đã có thể giải thích thành một bộ-phận Y-học riêng.

Ngày nay phong trào này được phát triển, khoa Châm-Cứu lại chiếm địa vị ưu thế, những nhà Bác-học uyên thâm như Bác-sĩ Savado, Naka Yana, Fujii v.v. đương điều khiển sự học tập.

Vậy chúng ta nên cố gắng giúp họ và cùng hợp tác với họ trong công việc này để giúp chữa trị cho bệnh nhơn :

L'ACUPONCTURE EN EUROPE

Avant de publier le complet et volumineux exposé que je prépare sur l'Acuponcture, avec traductions précises des textes chinois, références et citations, je me décide, pour répondre aux demandes de nombreux médecins, à donner ici l'essentiel de la méthode de traiter quelques maladies pour lesquelles l'Europe est plus ou moins désarmée.

Le public, d'autre part, par ce petit volume, pourra distinguer, parmi les médecins qui pratiquent l'acuponcture, ceux qui ont étudié aux sources et ceux qui, devant le grand développement de la méthode, prétendent l'appliquer sans l'avoir étudiée, se fiant soit honnêtement à la suggestion soit moins honnêtement à l'ignorance de leur clientèle ou même à la puissance de la publicité.

Depuis en effet que, l'ayant étudié en Chine dès 1901, j'ai le premier dans le monde Blanc, introduit en France, il y a déjà six ans, la Méthode des Aiguilles et Morax, et qu'ainsi l'Europe et l'Amérique qui n'avaient sur elle que des notions confuses, ont pu enfin la pratiquer, les expériences se sont multipliées. Les succès se sont affirmés. Il n'est plus possible de l'ignorer.

Il faut reconnaître que si, au début, le Docteur Paul Ferreyrolles ne m'avait pas arraché ce que j'avais appris en Chine, l'Europe serait encore dans son ignorance à ce sujet.

Pour moi, en effet, consul, sinologue, et littérateur, je n'étais devenu médecin chinois que par émerveillement des effets obtenus par de si faibles moyens et sans pensée autre que d'étudier un art presque miraculeux à mes yeux. De retour en Europe, le scepticisme que je rencontrais m'avait vite empêché de parler.

Mais c'est surtout grâce aux docteurs Marcel et Thérèse Martin que sous un contrôle sévèrement scientifique, l'étude de la vraie acupuncture chinoise a pu poursuivre, s'affirmer, et ne pas se détourner ou se fossier vers l'application aveugle de formules incomprises, avec résultats incertains ou temporaires...

Depuis lors, le Docteur Flandin, de l'hôpital Bichat, et ses internes MM. Macé de Lépinay et Gllot, utilisant mes documents et ce que leur en transmettait le Docteur Ferreyrolles ont soumis la méthode à l'expérimentation sévère de la Faculté. Ils ont communiqué leurs succès et leurs insuccès à nos grandes sociétés savantes.

Les Docteurs J. Landowski, Barishac, Poret, M. Lavergne. Sauvageot ; Bonnet— Lemaire, etc., ont obtenu, grâce à cette méthode, des guérisons souvent sensationnelles.

Quelques médecins audacieux ont, sur lecture de mes articles ou de ceux des adeptes, tenté et réussi des cures inattendues.

D'autres, devant le succès de la méthode, ont proclamé l'avoir inventée sans même l'avoir étudiée superficiellement.

Il est temps de préciser et de réunir les notions éparses en plusieurs documents afin que les expériences poursuivies depuis tant de siècles par la Chine, tiers de l'humanité, ne soient pas rendues inutilisables par incompréhension de leurs principes directeurs, et que les chercheurs honnêtes et consciencieux puissent avoir un moyen de plus de soulager leurs malades.

✓ Mais pensera-t-on, comment se fait-il que l'acupuncture ait attendu si longtemps d'être connue en Europe ? Comment a-t-il fallu que ce fût un sinologue et non un de nos Docteurs qui la fit connaître ?

Tout d'abord, elle n'était pas ignorée, Les Missionnaires et surtout les savants jésuites de la Mission Scientifique de Péking, au XVII^e siècle en rapportent les merveilles et en décrivent les grands points.

Mais le dogmatisme de l'esprit humain a toujours empêché d'intégrer une formule nouvelle obligeant à modifier les positions prises mentalement et matériellement, Pasteur a été honni avant d'être déifié. Le radium a été nié tout d'abord. L'homéopathie n'est pas encore enseignée à la Faculté.

Malgré que les notions transmises par les missionnaires fussent fort restreintes, le docteur Berlioz de Tour (père du musicien), le docteur Jules Cloquet professeur à la Faculté de Paris, entreprirent, vers 1825, de traiter des malades à coups d'aiguille.

Mais dans leur ignorance, ce n'était pas l'acuponcture chinoise qu'ils appliquaient, car ils enfonçaient de très longues aiguilles jusque dans les organes et les laissaient en place pendant vingt et trente heures. L'étude de leur expérience est pourtant instructive. Mais la cruauté du traitement, malgré des succès intéressants, mit vite fin à la grande vogue que le docteur Cloquet connut pendant plusieurs années.

La vraie acuponcture chinoise, par cette fausse présentation fut déconsidérée. L'Europe cessa de s'y intéresser, malgré qu'en 1863 le consul Dabry eut publié un important travail sur la médecine chinoise et donné une idée déjà plus précise sur l'acuponcture.

Pour étudier la vraie méthode il fallait réunir bien des hasards heureux : d'abord la connaissance courante de la langue parlée, puis celle de la langue écrite, fort différente de la langue parlée. D'autre part il fallait se constituer un dictionnaire sino européen de termes médicaux ce qui n'existait encore que par mon travail et en manuscrit. Il fallait aussi connaître l'étiquette chinoise assez à fond pour ne pas choquer des susceptibilités aussi grandes que celles d'un de nos maîtres à qui s'adresserait pour en obtenir l'enseignement un flot entortillé ignorant de notre langue et de nos coutumes.

Nos médecins envoyés en Chine pour enseigner nos méthodes ne savaient pas le chinois. Ils sont là pour enseigner et non pour apprendre. Peuvent-ils, sans « perdre la face » et le prestige, se mettre à l'école indigène même si celui-ci consentait à les instruire ?

Il fallut encore que, présenté par les missionnaires auxquels appartenait l'hôpital que je visitai, je vis de véritables miracles opérés sous mes yeux. Le médecin chinois consentit à m'instruire et à me trouver les livres nécessaires. Plus tard, juge à la Cour mixte de Shanghai, je trouvai, à la direction sanitaire, un excellent acuponcteur qui acheva de m'instruire. Et c'est ainsi que, parce que le sinologue, j'obtins de pouvoir exercer en Chine.

et que je pus transmettre à la science française une variété de réflexothérapie qu'elle n'avait pas encore étudiées.

En Chine, dès le XXVIII^e siècle avant J. C., évoque suivant de près la découverte de cuivre, la méthode semble avoir été connue et mise au point. On connaissait déjà la circulation du sang, le rôle de la rate, etc. Et depuis lors, l'étude n'en a jamais été interrompue. Les livres parus de siècle en siècle ont tous été gardés. J'en possède la collection.

Le Japon avait adopté l'art médical chinois dès l'antiquité. En 1884 il fonda des facultés de médecine à l'europeenne. Notre art prit aussitôt une grande extension. Les savants japonais acquirent une renommée considérable.

Le Public japonais cependant, à mesure que notre médecine devenait plus chirurgicale, redoutait de plus en plus pour son corps et pour sa bourse, vaccins, sérums, injections aux effets inconnus, radiographie, opérations, pour ce qu'on traitait autrefois. Il retourne de plus en plus à l'acupuncture.

Les cliniciens ; eux ; s'apercevaient que bien des maladies devant les quelles notre art est désarmé étaient guéries instantanément par l'acupuncture. ils employèrent celle-ci de plus en plus.

Les savants à l'europeenne étudièrent alors la méthode des aiguilles selon nos principes scientifiques. Les résultats en furent confirmés et expliqués en partie.

Aujourd'hui ce grand mouvement s'affirme. L'acupuncture reprend sa prédominance. D'illustres savants tels les docteurs Savada, Nakayama, Fujii, etc. en dirigent l'étude.

Efforçons de les aider et de nous associer à leur travaux, pour le bénéfice des malades./.

T.B. Nguyễn văn trong quyền sách của ông Soulié de Morant, tôi xin trích ra đây đề quý ngài tham khảo, vì nhận thấy hiện nay ở nước ta khoa Châm-Cứu chưa được thừa nhận trong ngành Y-học và cũng chưa được học tập tường tận; lại cũng có nhiều người muốn thực hành hay phổ biến khoa này mà không quyết tâm nghiên cứu, hoặc còn mơ hồ, có người còn ngộ nhận là một nghệ thuật mới lạ của Nhật-bản hay môn thuật của Thiếu-lâm Thiên-môn (chính có vài bệnh như hội tôi những sự ngộ nhận này).

Như thế đối với những lời tường thuật của Ông Morant thì tôi

trước năm 1967 ở Âu-Châu vẫn có những điểm sai lầm như ở nước ta hiện nay, mong quý độc-giả, nhất là trong giới Y-học đề ý giúp đỡ nhiều hơn cho khoa Châm-Cứu nước nhà ngày thêm được tiến bộ.

Về học lực rất thiếu kém, đối với bài phiên dịch này chắc có nhiều điều khiếm khuyết, không được sát nghĩa lắm, xin quý Ngài lượng thứ cho.

Về phần tài liệu trong sách này tôi xin phổ biến các phương trị nghiệm của các vị Châm-Cứu sư danh tiếng Trung-Hoa, Nhật-bản, Pháp và những phương tôi đã thực hành có hết quả trong nhiều năm lâm sản trị bệnh đề tiện nghiên cứu áp dụng giúp phần kinh nghiệm.

Có thêm phần Đồ hình Thần-kinh, Kinh huyết từ bộ phận trong cơ thể, với bản kiểm tra huyết-vị theo số huyết từng Kinh mạch đề đáp ứng sự yêu cầu của quý vị mới học tập dễ dàng tra cứu.

Vậy tự xét còn nhiều thiếu sót, rất mong quý ngài Châm Cứu sư chỉ giáo thêm đề sau này cải thiện hoàn hảo hơn. Tôi xin đa tạ.

THƯỢNG-TRÚC

Sơ - giả
THƯỢNG-TRÚC

TOÀN BỘ GIẢI - PHẪU CƠ - THỂ

I. TÌNH-MẠCH

II. CƠ, MẠCH, HỊT

IV.— BỘ XƯƠNG

V.— NỘI TẠNG-PHU

VI.— PHÂN KHU TUYẾN KINH HUYẾT

(Từng bộ phận : Đầu, Ngực, Bụng, Lưng, Tay, Chân.)

CHI-LĂNG XUẤT BẢN
292. *Võ-Tánh nói dài* (T.S.N.)

TÂN CHÂM-CỨU-HỌC

Dẫn giải Giải Phẫu Cơ-Thể và Phân Khu Tuyến Thần-Kinh.

1) Toàn bộ Hệ-thống Thần-kinh và Bộ-xương

2) Phân khu từng bộ phận.

Đầu : Thần-kinh, Động-mạch, Tĩnh-mạch.

Ngực, Bụng : Thần-kinh, Động-mạch, Tĩnh-mạch.

Lưng : Thần-kinh, Động-mạch, Tĩnh-mạch.

Tay : Thần-kinh, Động-mạch, Tĩnh-mạch.

Chân : Thần-kinh, Động-mạch, Tĩnh-mạch.

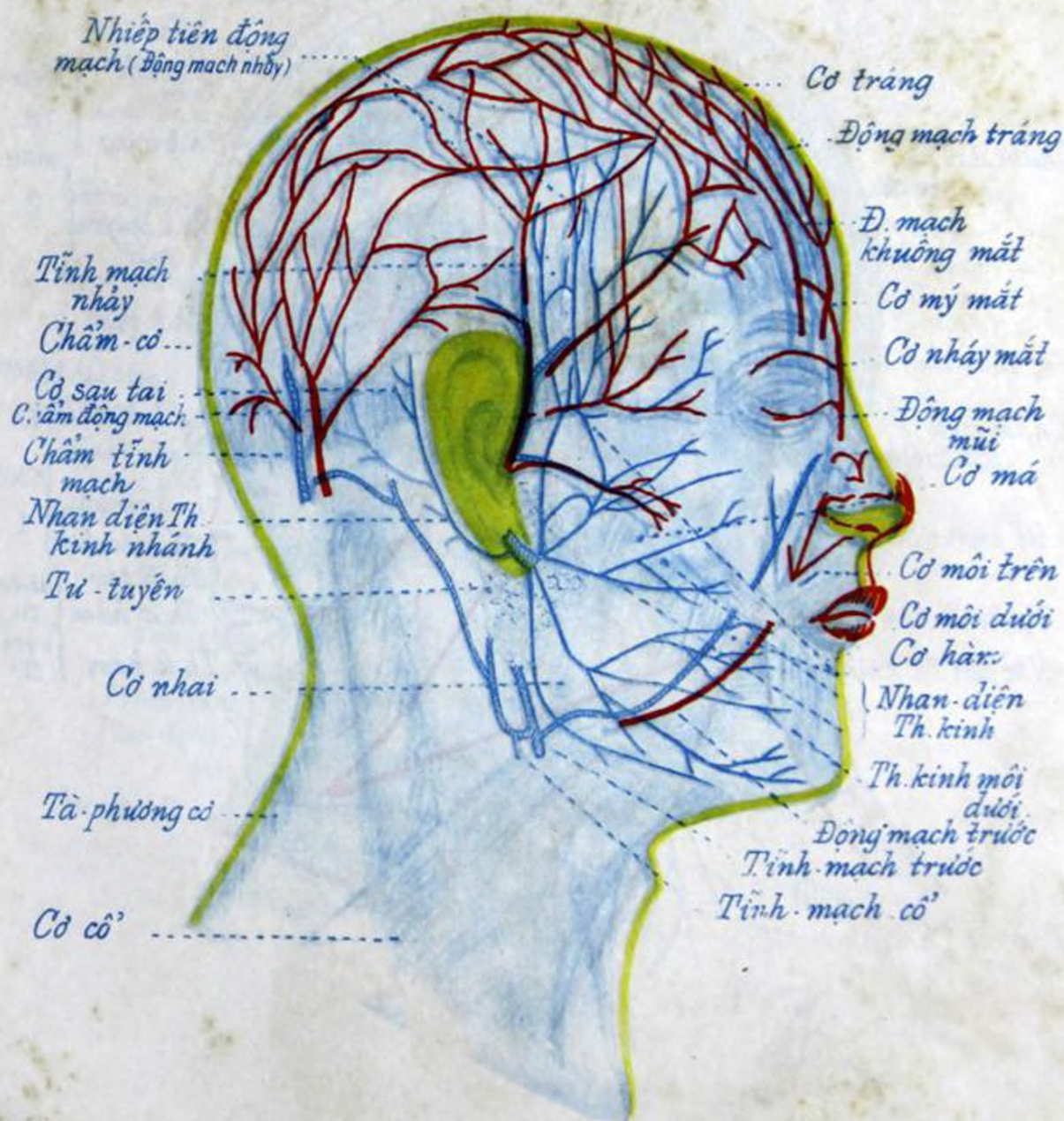
3, 4) Vị-Trí Tạng-Phủ trong Cơ-thể.

5, 6) Bệnh tật ứng hiện các điểm sau Lưng, trước Ngực Bụng.

7) Phân Khu Tuyến Kinh Huyết :

- Kinh huyết bộ phận Đầu.
- Kinh huyết bộ phận Ngực, Bụng.
- Kinh huyết bộ phận Lưng.
- Kinh huyết bộ phận Tay.
- Kinh huyết bộ phận Chân

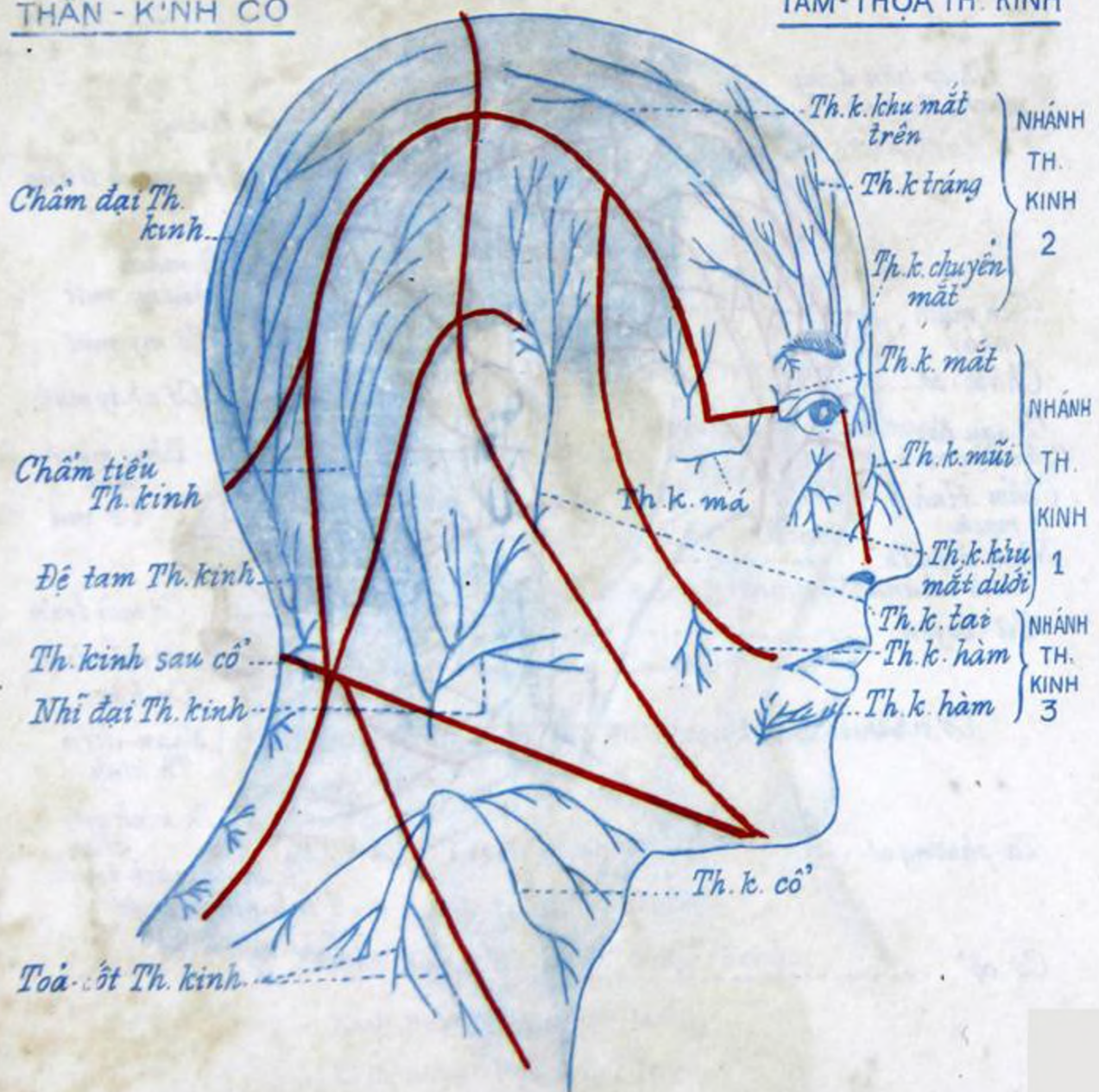
CƠ, HUYẾT-QUẢN ĐẦU, CƠ VÀ NHAN-DIỆN THẦN-KINH



THẦN-KINH ĐẦU, MẶT, CÔ

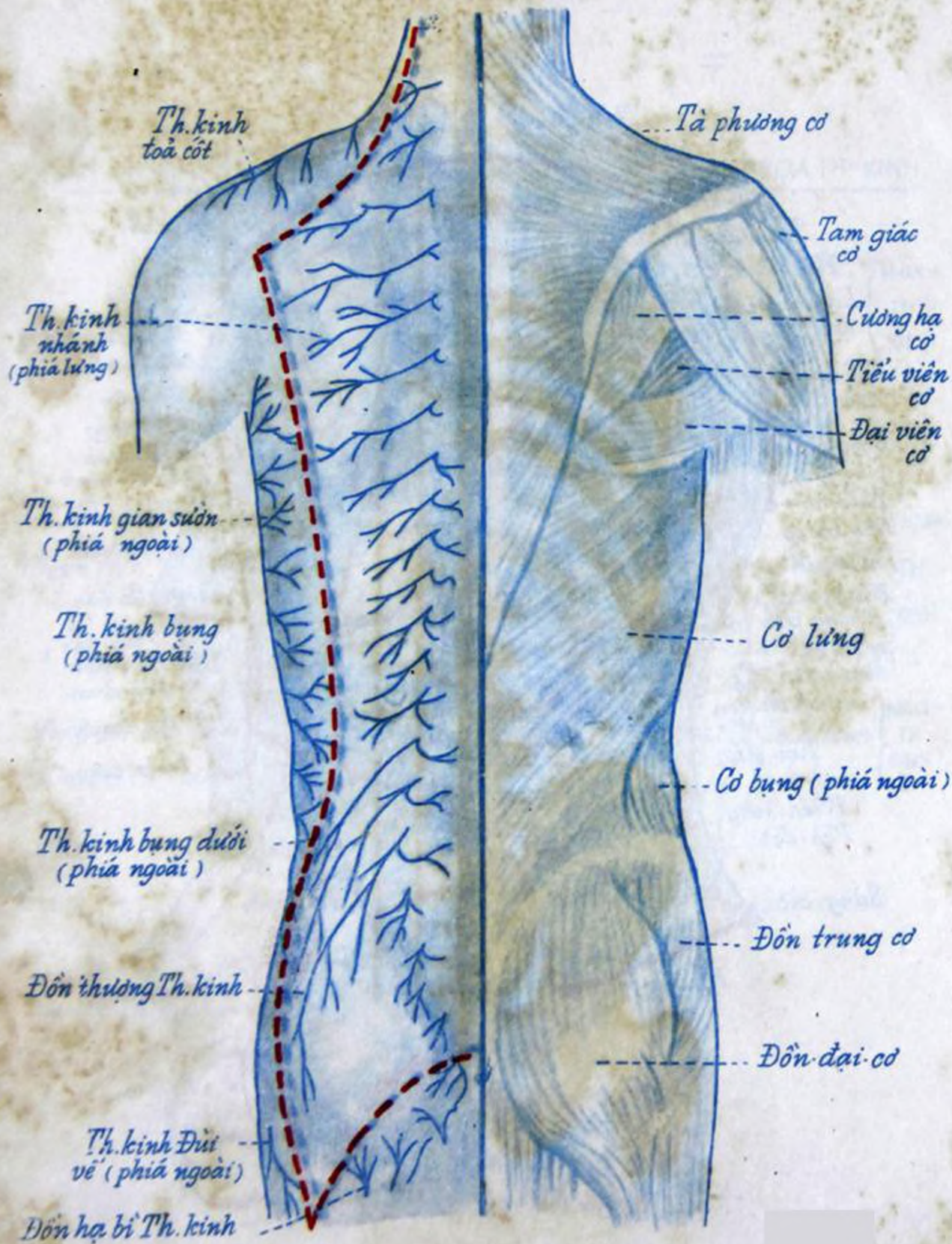
THẦN - KINH CÔ

TAM-THỌA TH. KINH

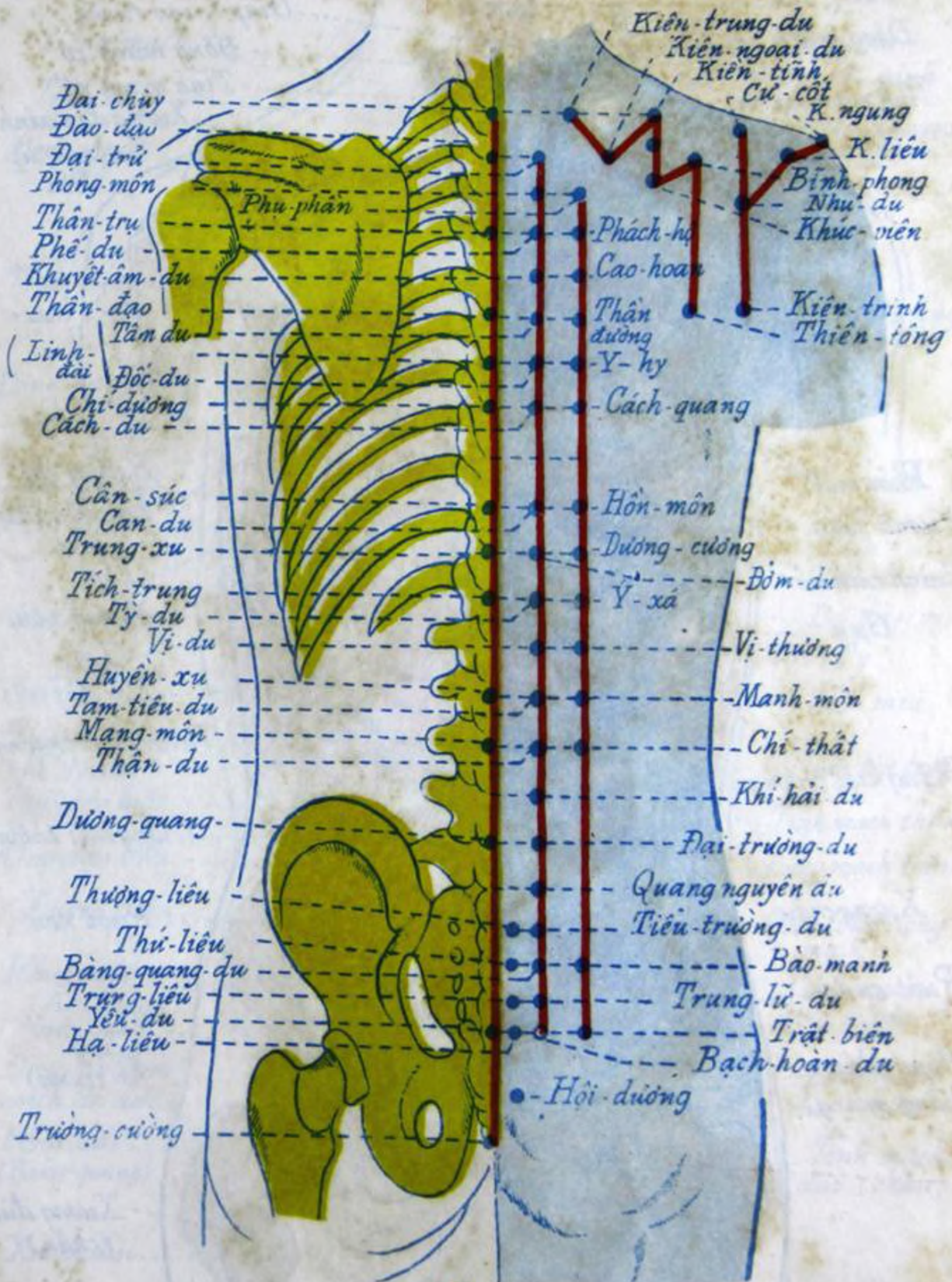




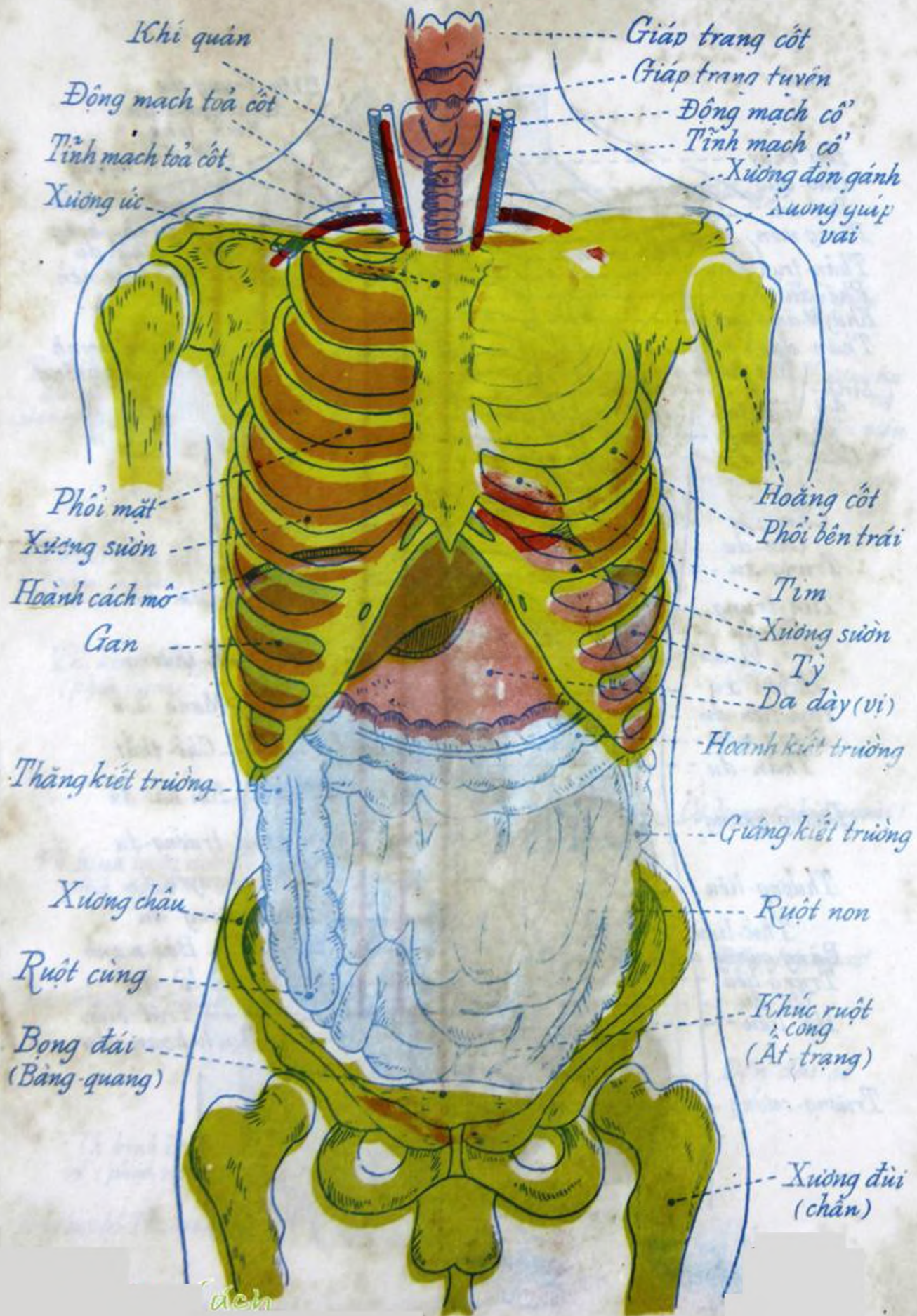
CƠ, NHỰC, THẦN-KINH LƯNG, VAI



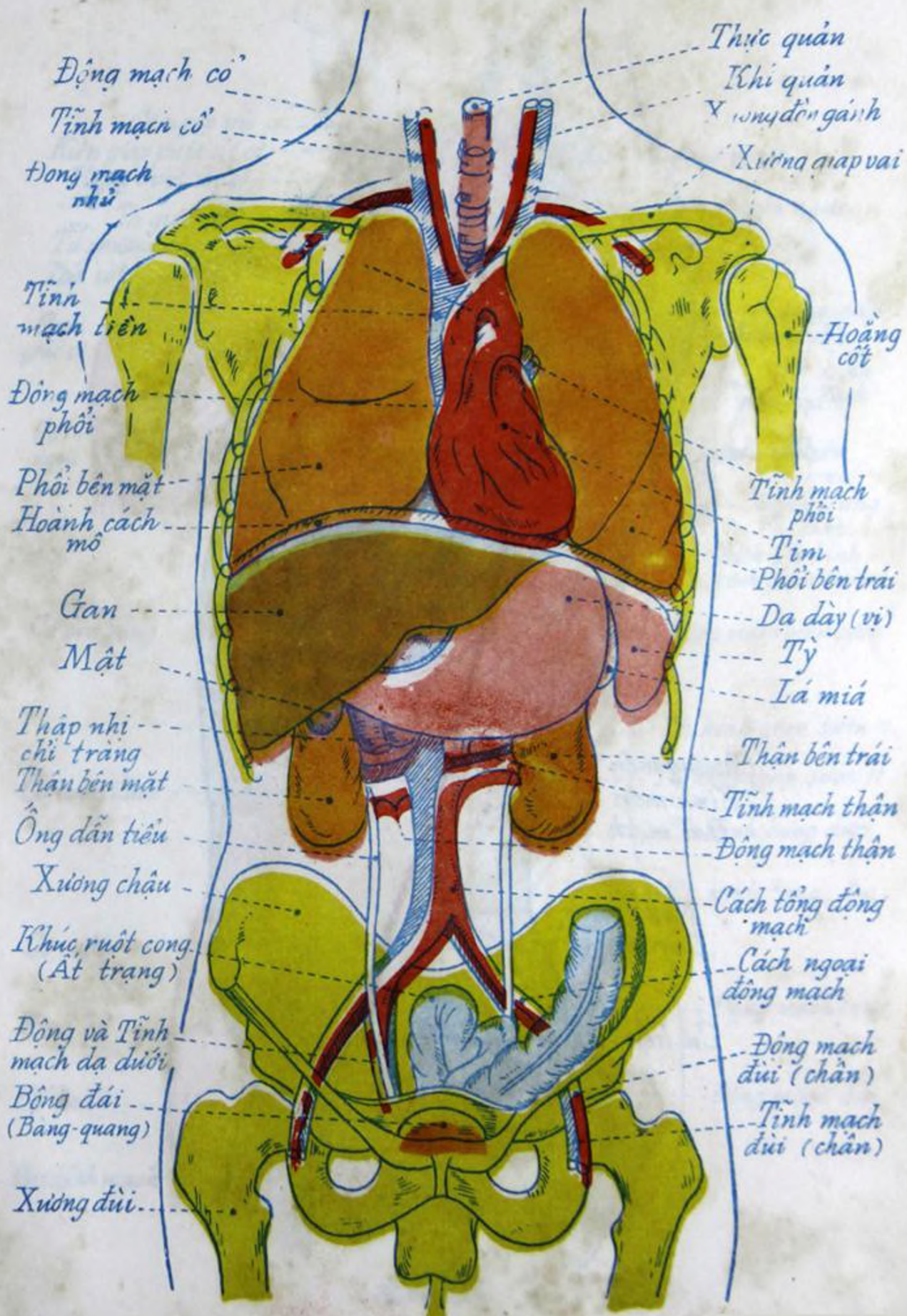
TUYẾN KINH HUYẾT LƯNG, VAI



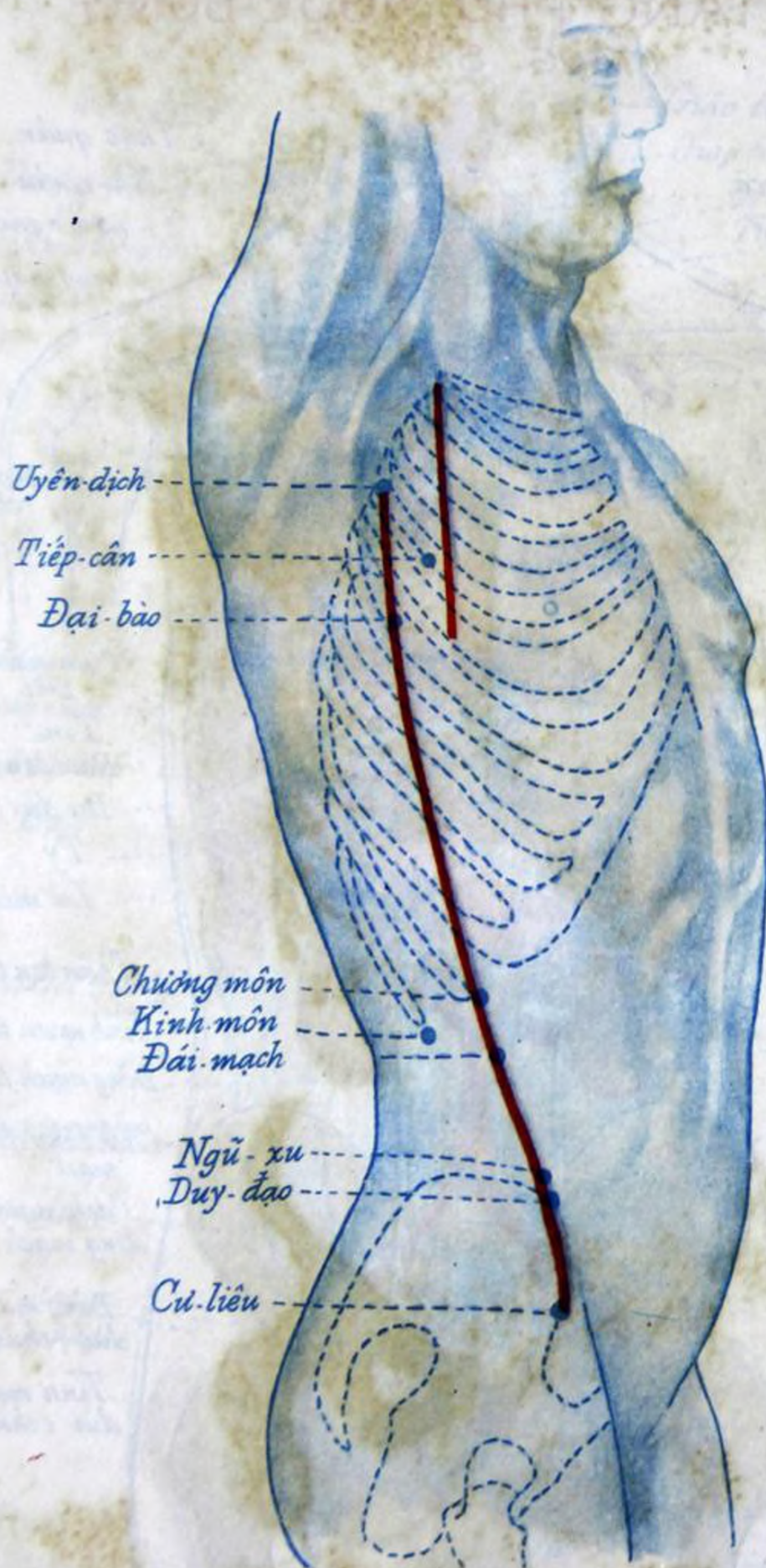
NỘI TẠNG PHỦ NGỰC BỤNG (TẦNG TRÊN)



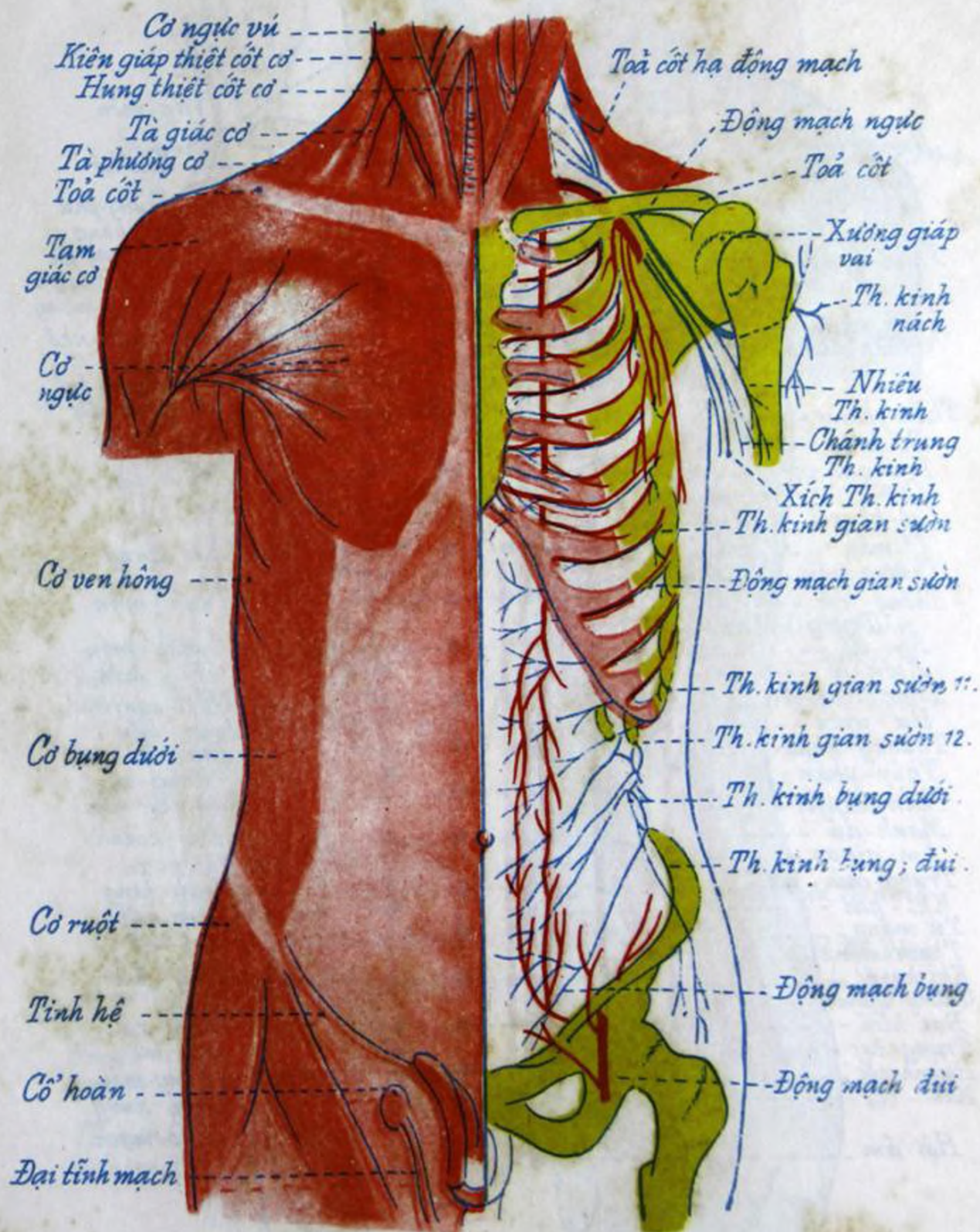
NỘI TẠNG PHỦ NGỰC BỤNG (TẦNG SÂU)



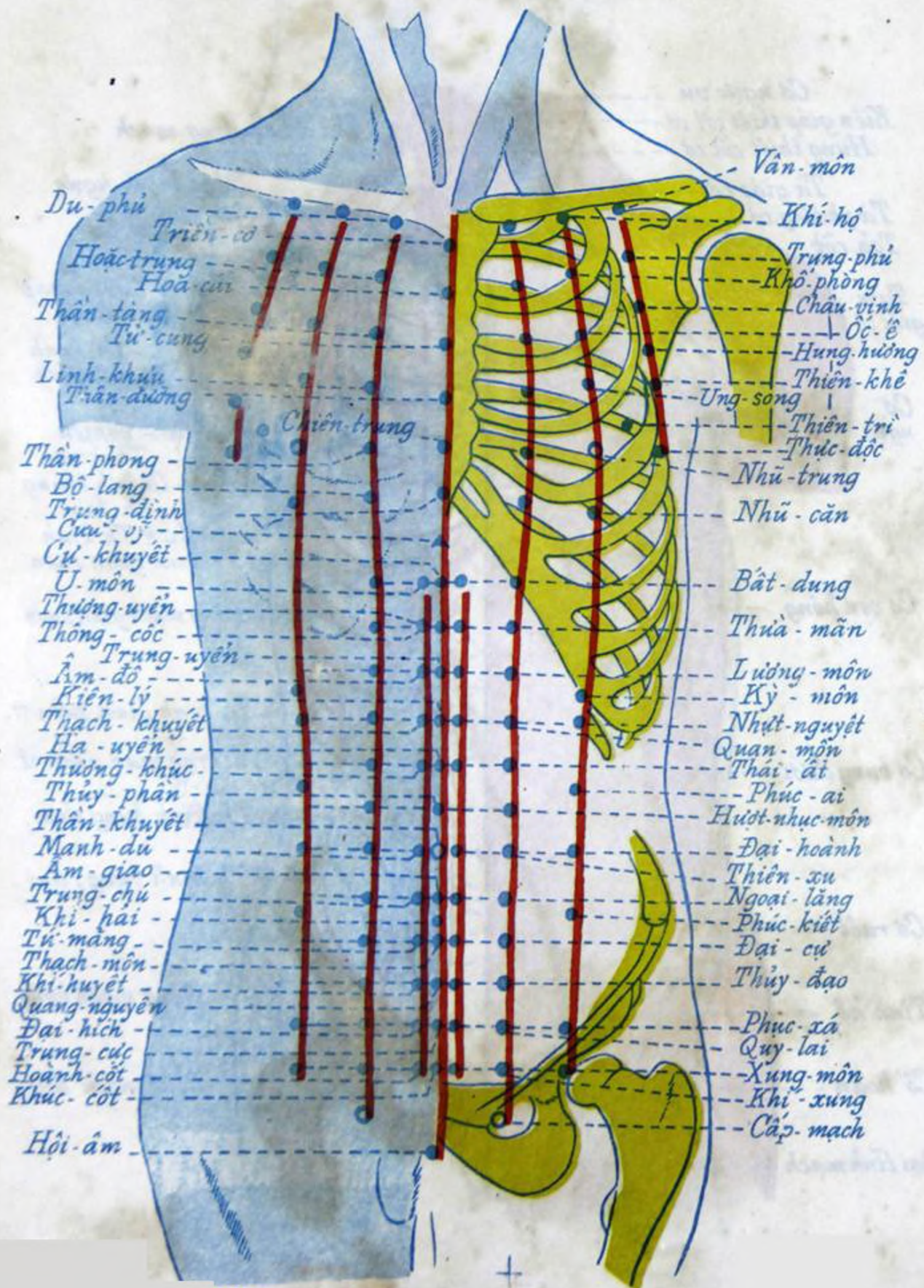
TUYẾN KINH HUYẾT HÔNG, BỤNG



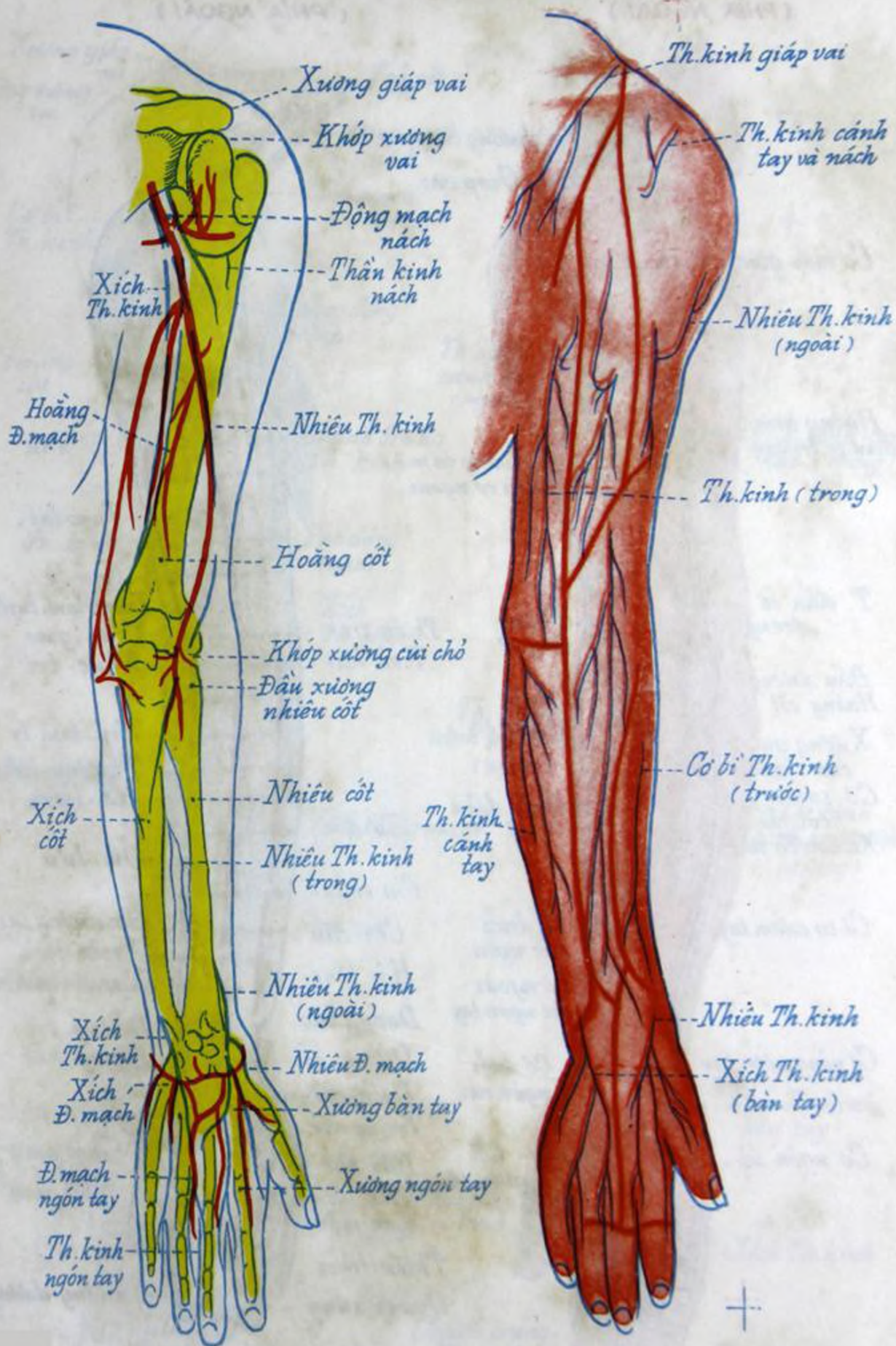
CƠ, HUYẾT-QUẢN, THẦN-KINH NGỰC, BỤNG



TUYẾN KINH HUYẾT NGỰC, BỤNG

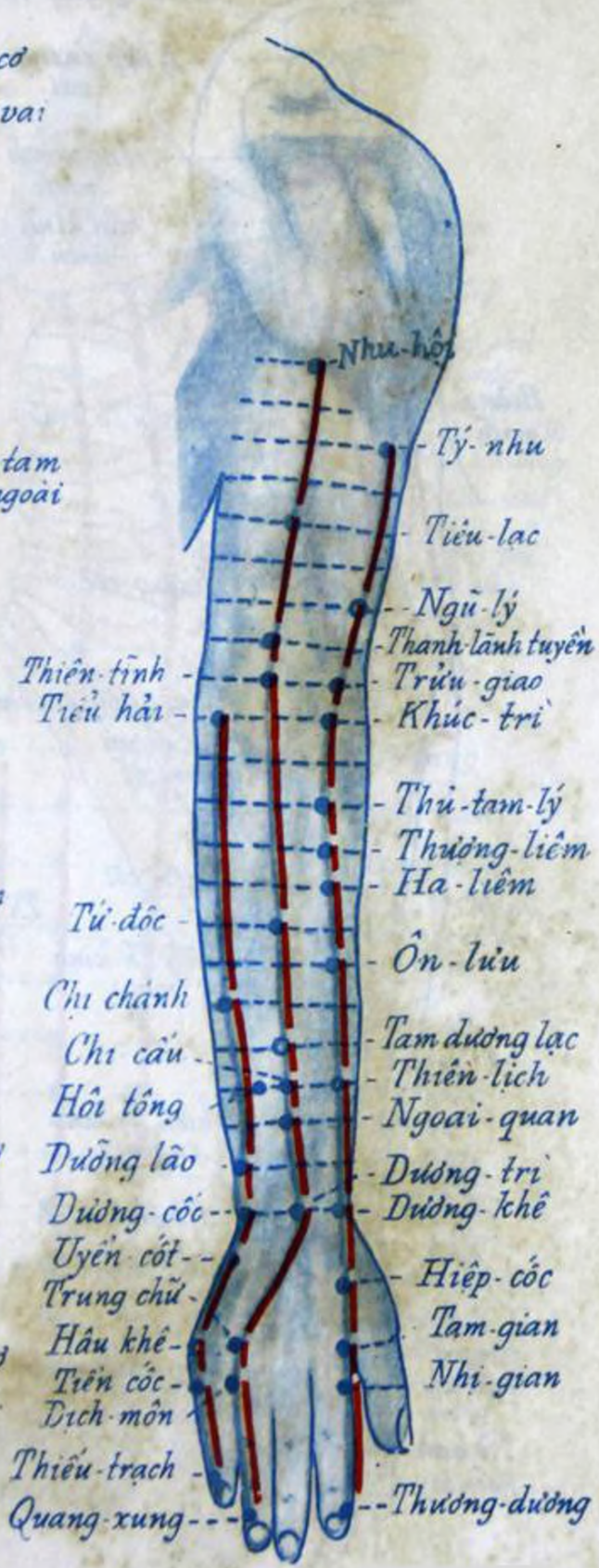


XƯƠNG, HUYẾT-QUẢN, THẦN-KINH CÁNH TAY (PHÍA NGOÀI)

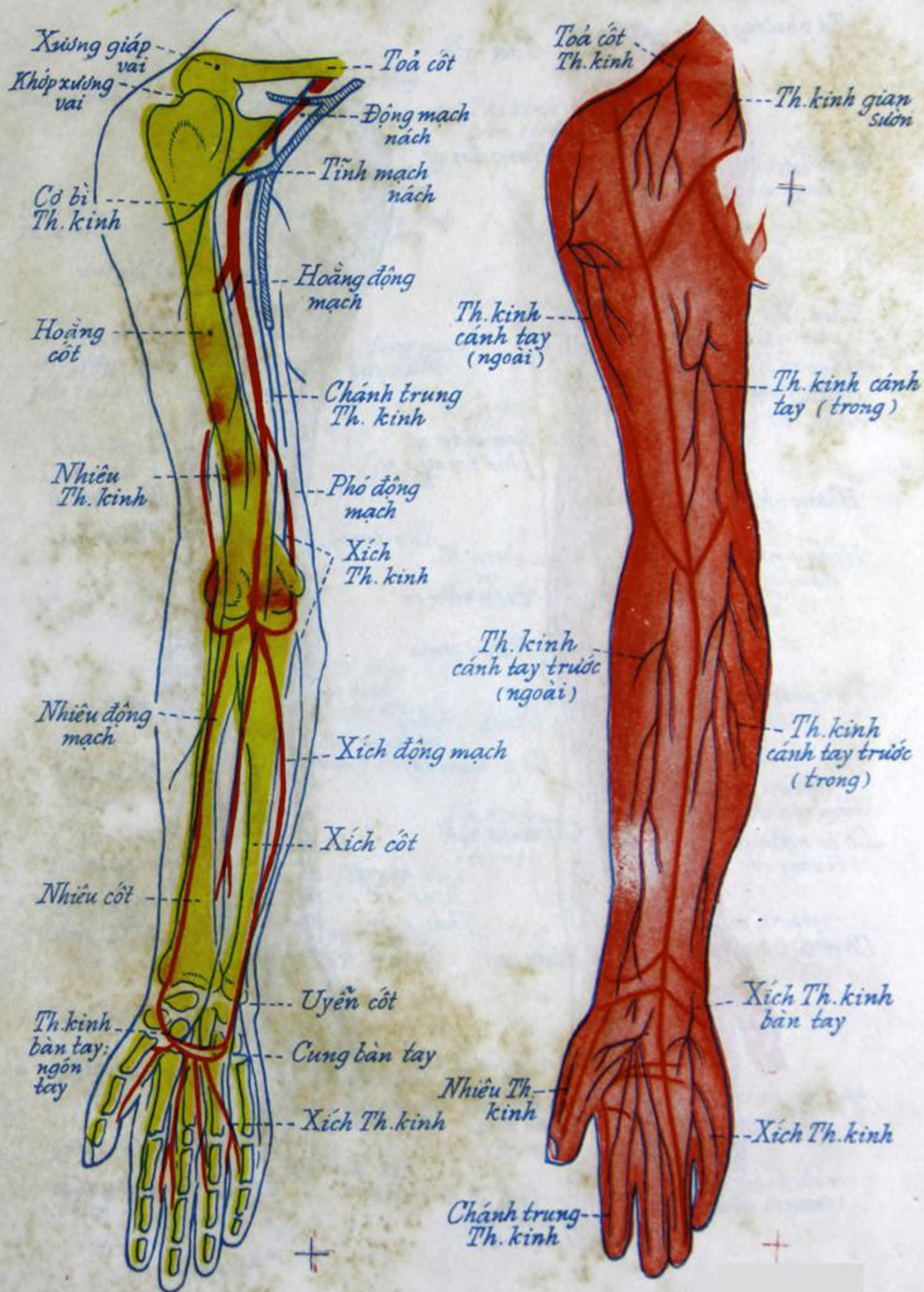


CƠ, NHỤC CẢNH TAY
(PHÍA NGOÀI)

BÀ TUYẾN KINH-HUYẾT CẢNH TAY
(PHÍA NGOÀI)



XƯƠNG, HUYẾT-QUẢN , THẦN-KINH CẢNH TAY (PHÍA TRONG)

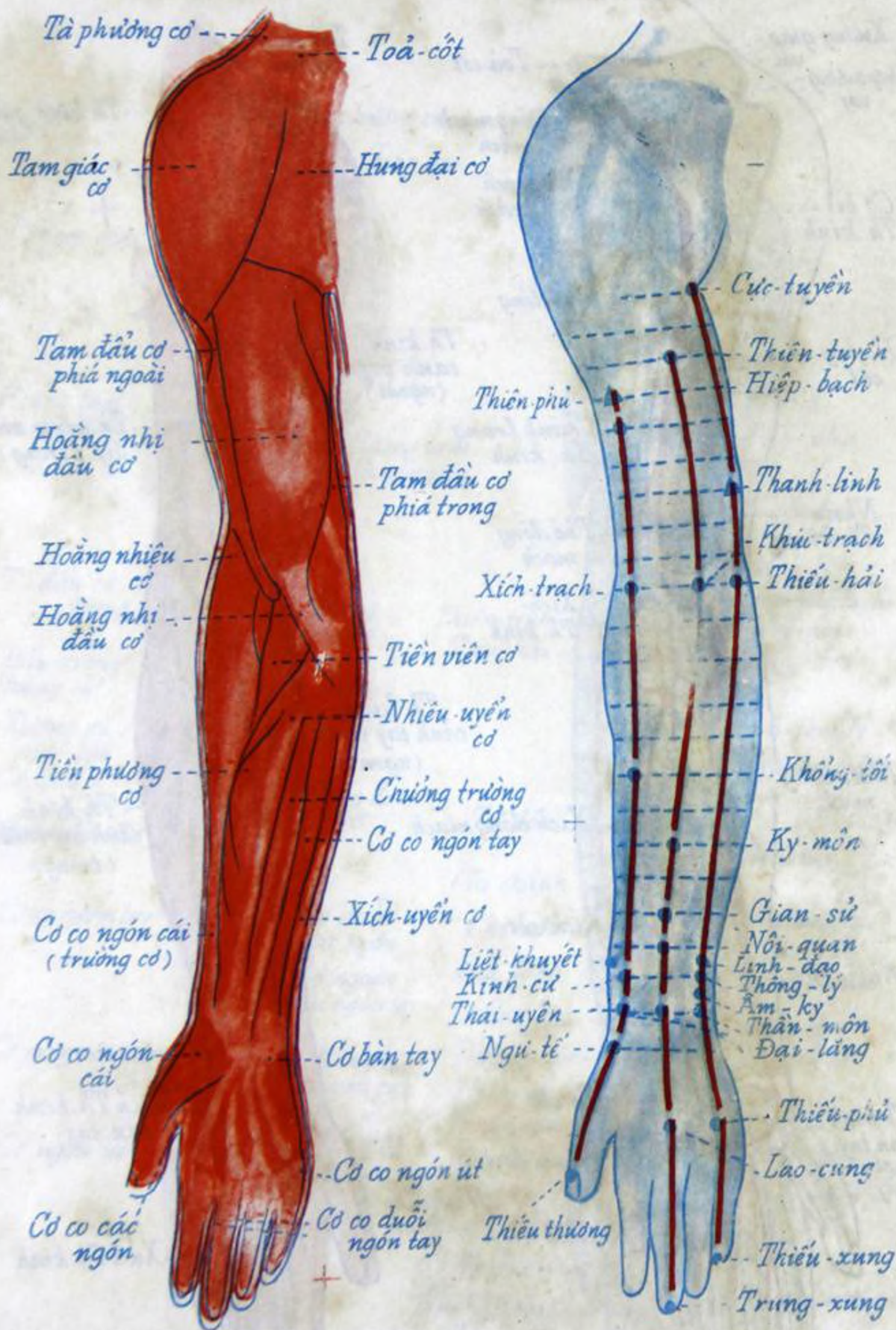


CƠ, NHỤC CẢNH TAY

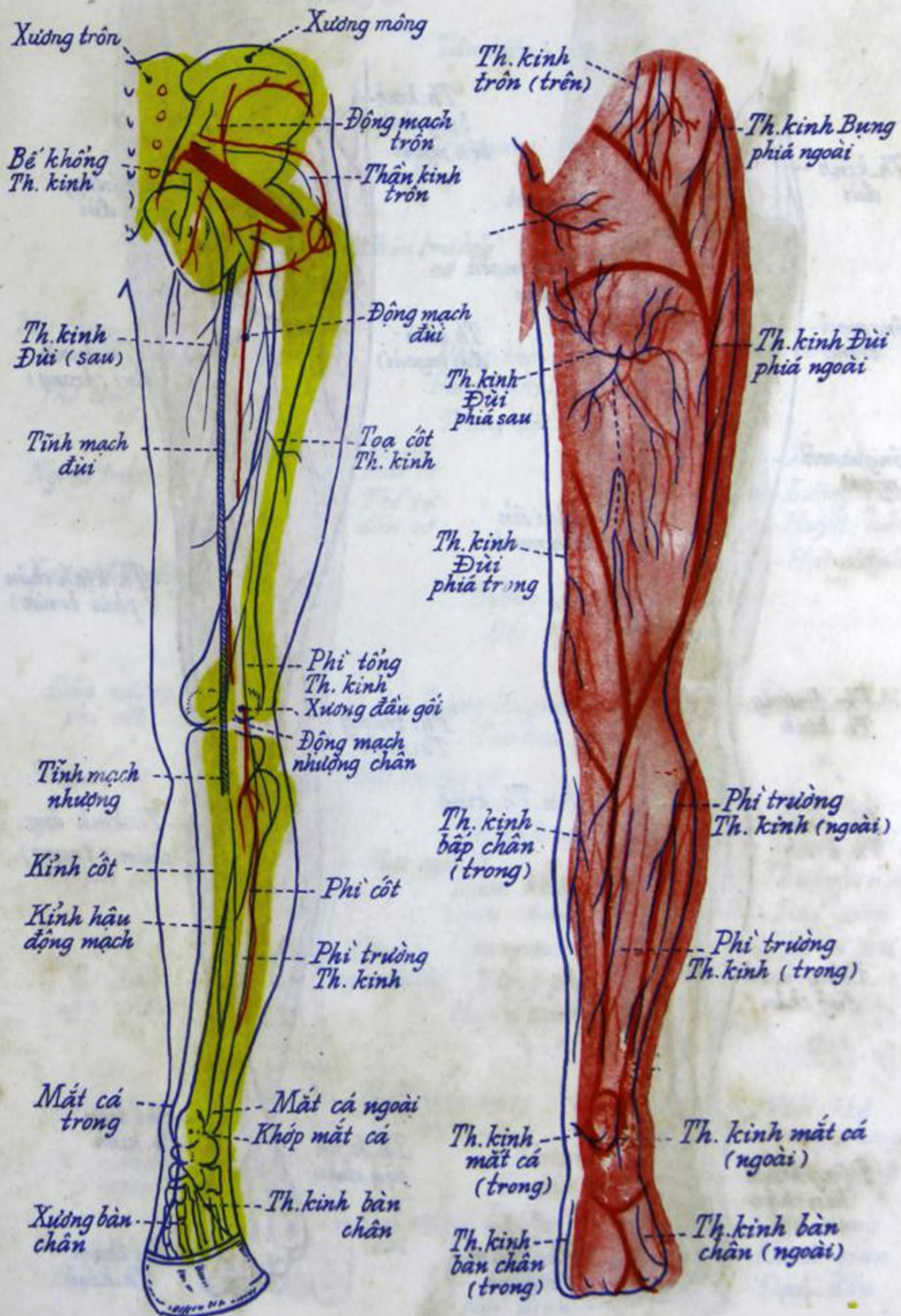
(PHÍA TRONG)

BATUYẾN KINH-HUYỆT CẢNH TAY

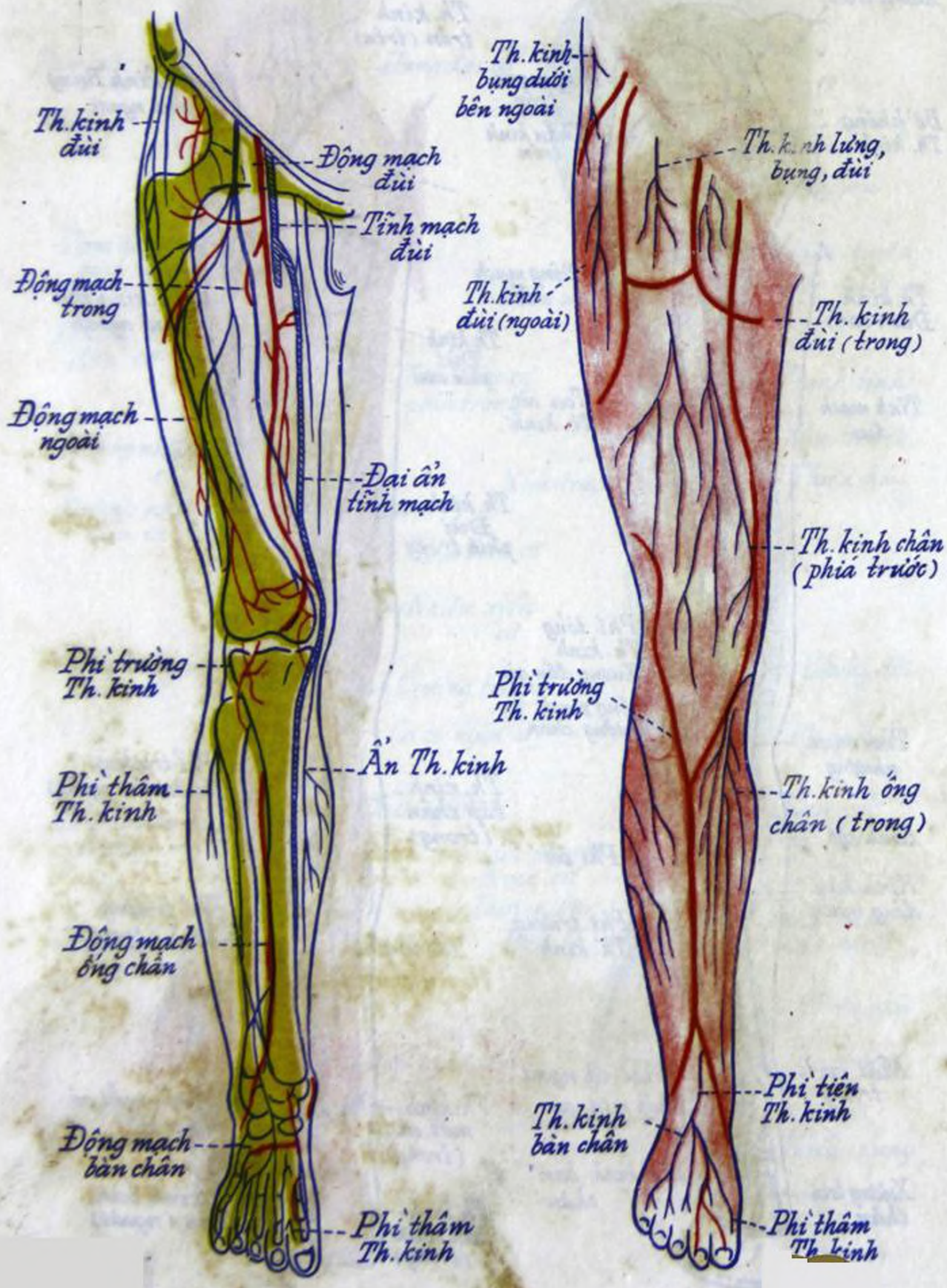
(PHÍA TRONG)



XƯƠNG, HUYẾT-QUẢN, THẦN-KINH CHÂN (PHÍA SAU)



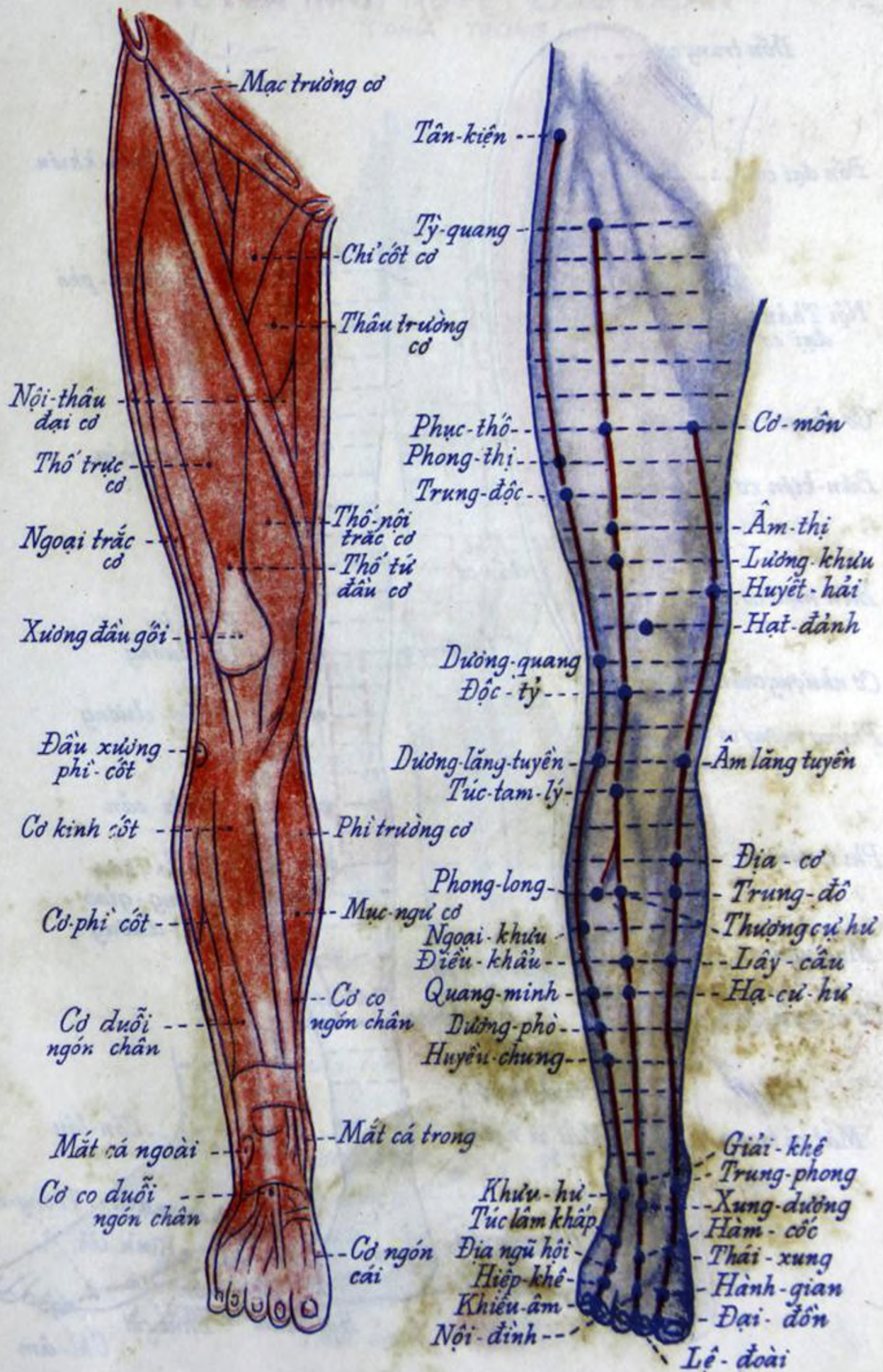
XƯƠNG, HUYẾT-QUẢN, THẦN-KINH CHÂN (PHÍA TRƯỚC)



CƠ, NHỤC CHÂN BA TUYẾN KINH HUYẾT CHÂN

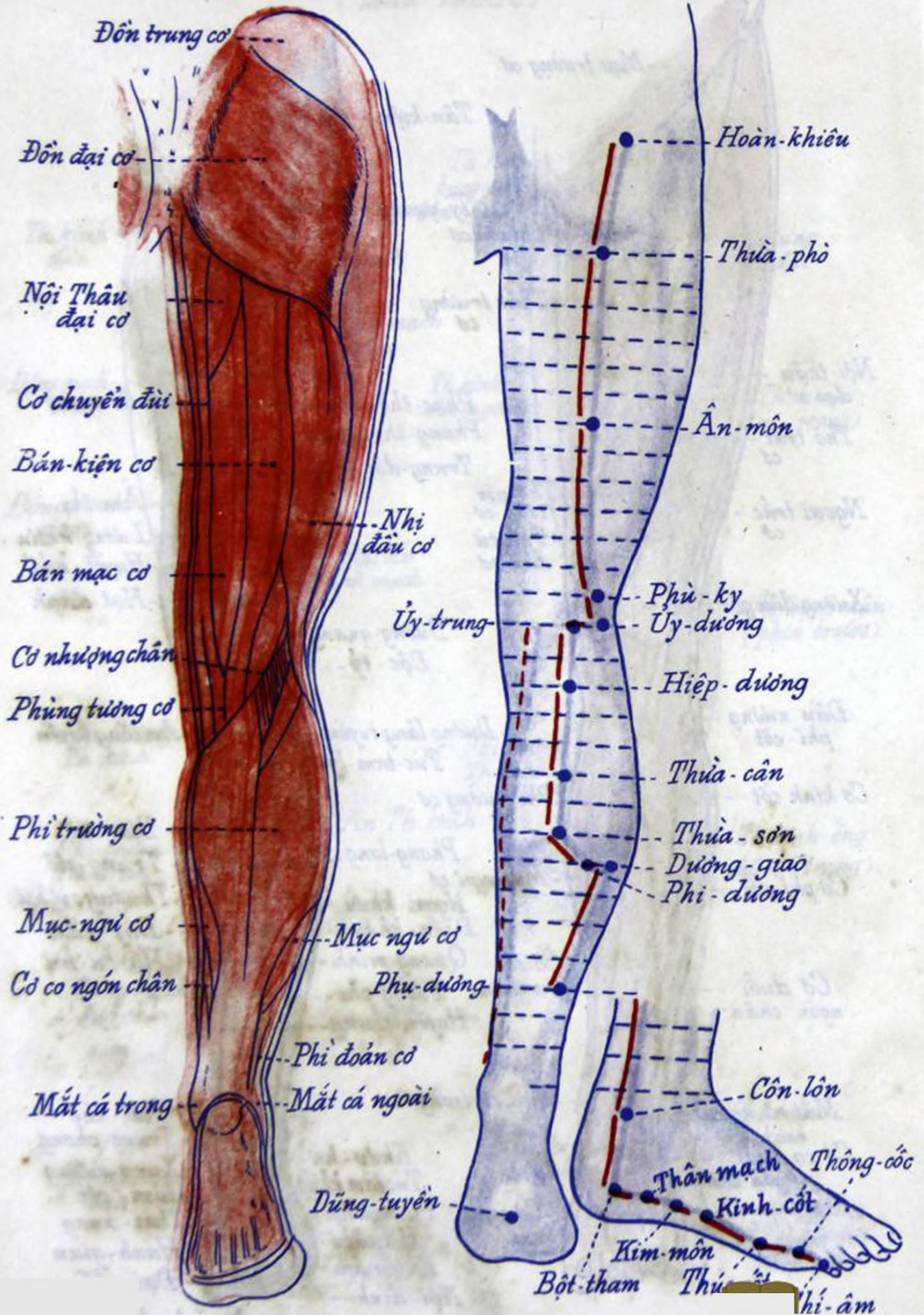
(PHÍA TRƯỚC)

(PHÍA TRƯỚC)



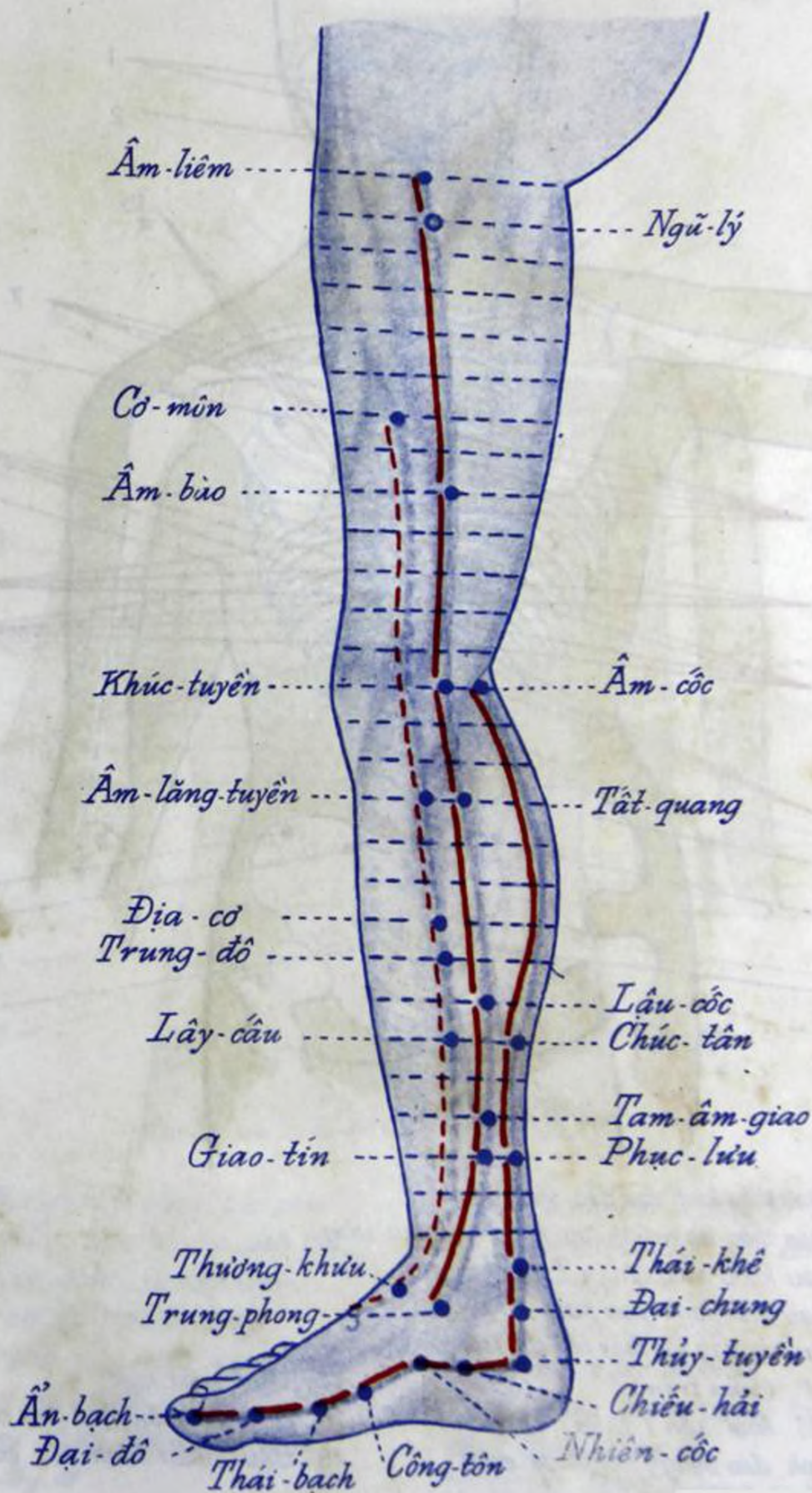
CƠ, NHỰC CHÂN (PHÍA SAU)

TUYẾN KINH HUYẾT CHÂN (PHÍA SAU)

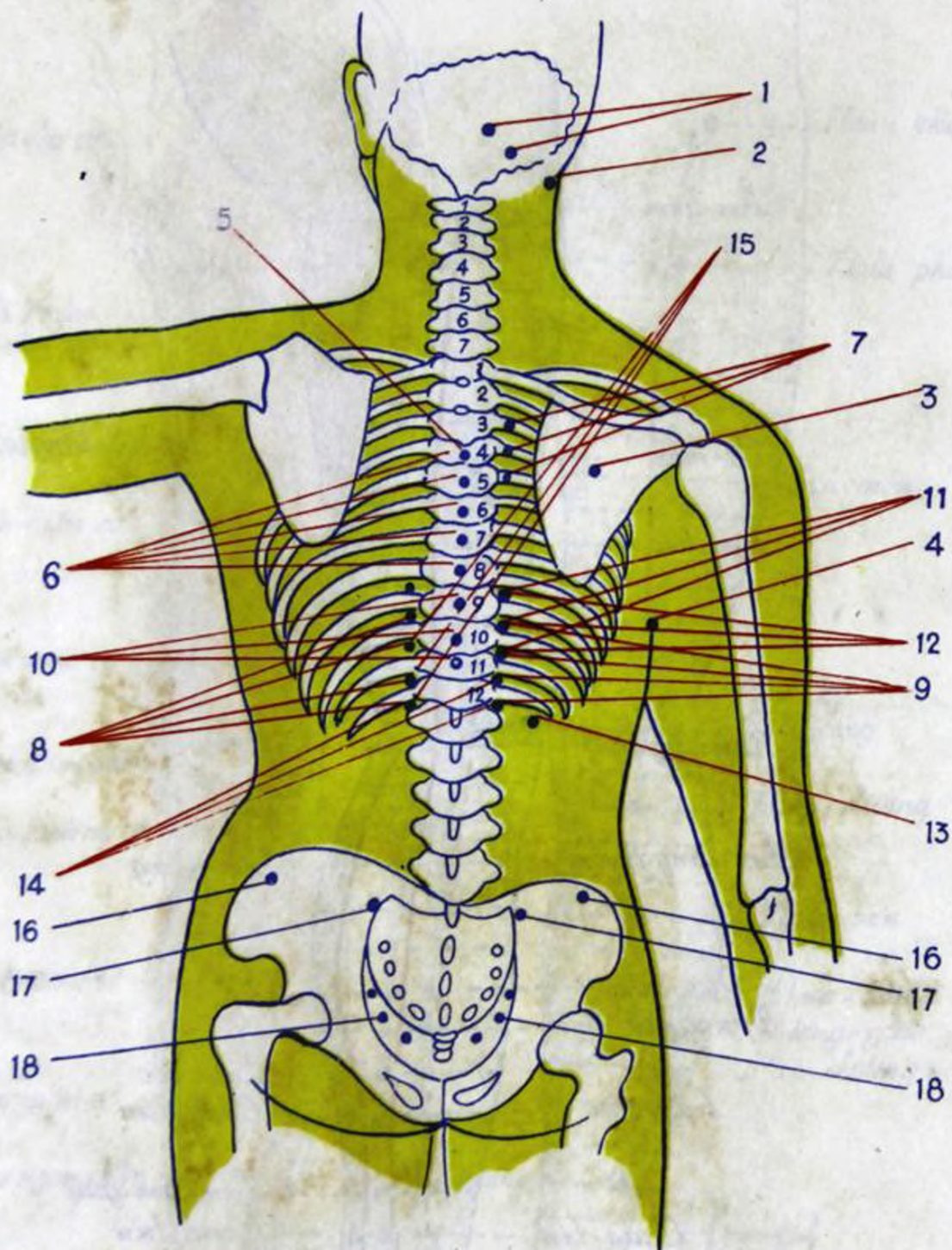


TUYẾN KINH HUYẾT ỔNG CHÂN

(PHÍA TRONG)



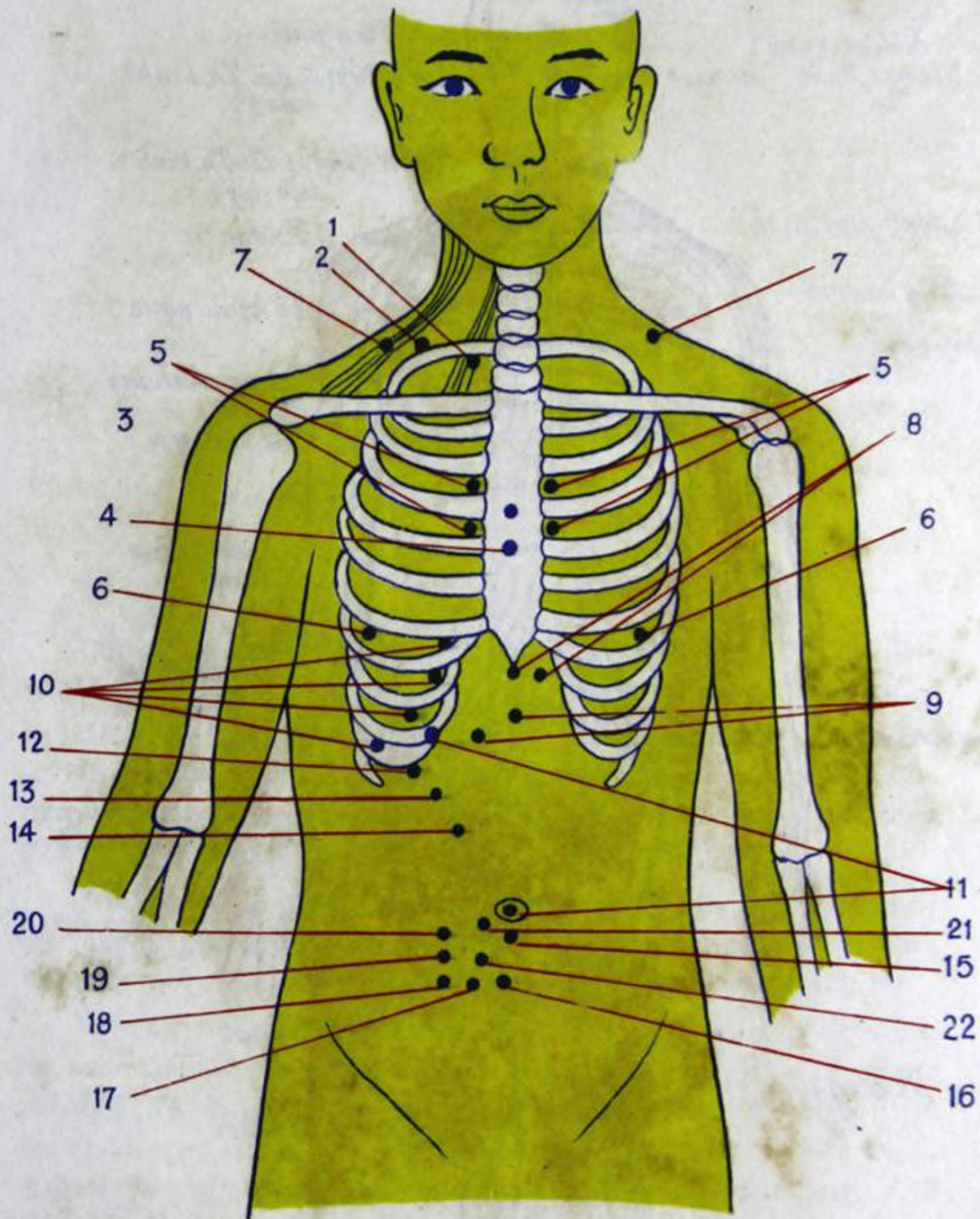
BỆNH TẬT ỨNG HIỆN CÁC ĐIỂM ĐỀ ĐAU PHÍA SAU LƯNG



- 1, 2. Đau thần-kinh sau đầu, sau cổ
 3, 4. Đau thần-kinh cánh tay, khớp vai, ngực sườn.
 5. Đau khớp sống lưng (Tích chủy)
 6, 7. Đau thần-kinh gian sườn, Bệnh tim.
 8. Đau dạ dày và thập nhị chi trường lỗ.
 9, 10, 11. (như trên)
 13, 14, 15. Mệt sạn (Đỏm-thạch)
 17. Kinh, đau bụng; tuyến dạ dưới

12. Bệnh cuốn mật.
 16. Đau chỗ thần-kinh tọa cột.
 18. Đau thần-kinh tọa cột.

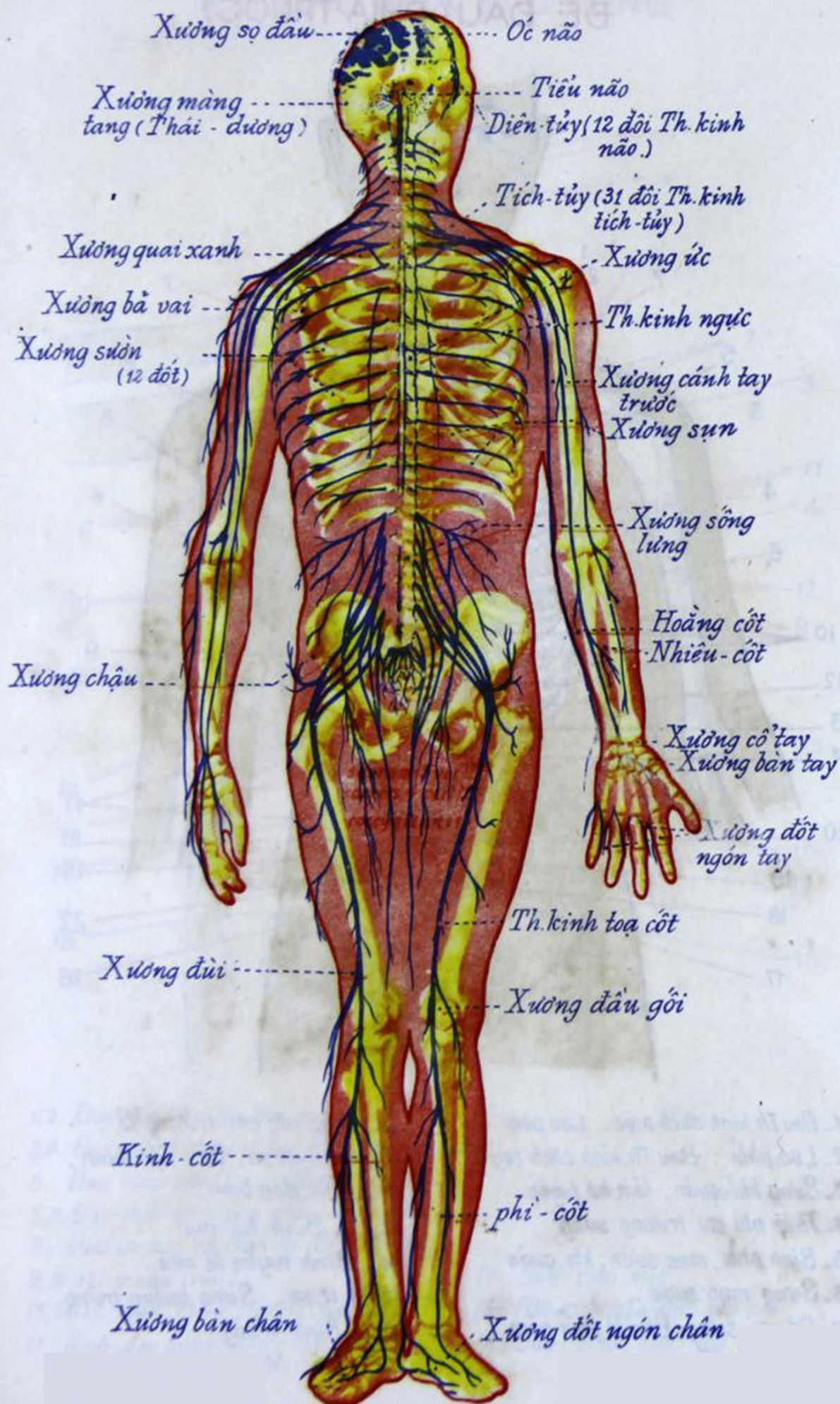
BỆNH TẬT ỨNG HIỆN CÁC ĐIỂM ĐỀ ĐAU (PHÍA TRƯỚC)



- 1- Đau Th.kinh cách mạc . Lao phổi
- 2- Lao phổi ; Đau Th.kinh cánh tay
- 3- Sưng khí-quản, lâm ba tuyến
- 4- Thấp nhị chi' trường sưng
- 5- Bệnh phổi, mạn sườn, khí-quản
- 6- Sưng mạn sườn .
- 7- Cơ vai sưng; Đau lá phổi nằm
- 8- Dạ dày lở .

- 9- Thấp nhị chi' trường lở .
- 10- Gian sườn, Đởm đạo binh .
- 11- Đởm đạo binh .
- 12,13- Bệnh túi mật .
- 14- Bệnh tuyến lá miá .
- 15,16,17,18- Sưng buồng trứng .
- 19- Bệnh trứng .
- 20,21,22- Manh-trường sưng .

BỘ XƯƠNG, NÃO TỦY VÀ THẦN-KINH



CHƯƠNG I.

I.— NGUYÊN TẮC CHẨN ĐOÁN BỆNH CỦA MỘT Y SĨ CHÂM-Y.

Châm-Cứu trị bệnh phải cần xét đoán bệnh chứng thật chu đáo, vì nhận định đúng bệnh mới có thể trị chắc chắn công hiệu được.

Xét đoán bệnh chứng theo Đông-y không phải chỉ căn cứ vào sự tổn thương của một cơ quan nội-tạng trong cơ thể, để tìm hiểu nguyên nhân bệnh chứng, mà còn tìm hiểu sự liên quan của tạng phủ trong hệ thống Thần-kinh theo khí hoá Âm Dương.

Tìm nguyên nhân phát sanh bệnh cần căn cứ vào sự suy yếu hay quá dư dật của nguồn sinh lực cơ quan nội tạng, tìm hiểu sự biến thái của tạng phủ bị rối loạn làm tổn thương phát sanh bệnh tật.

Vì cùng một bệnh chứng nhưng đối với người cơ thể khoẻ mạnh thì khác mà đối với người cơ thể gầy ốm thì khác, vì như chứng mất ngủ có chứng do sự suy yếu phát sinh (Hư), có chứng bạo bệnh phát sinh (Thiệt). Chứng Táo-bón có chứng do sự thiếu Dinh-dưỡng thiếu huyết phát sinh (Hư). có chứng vì bị kết tụ phát sinh (Thiệt).v.v.

Như thế trị bệnh cần phải xét kỹ bệnh chứng, tùy từng bệnh như xét về hơi thở, thanh âm, thể chất, sinh hoạt, để căn cứ vào thể bệnh và thể chất của bệnh nhân mà tìm nguyên nhân để có thể đặc phương pháp trị liệu.

Nhất là về Châm cứu trị áp dụng thủ pháp Bỗ, Tã, nếu không nắm vững bệnh trạng Hư, Thiết thì không thể nào thi thuật chính xác được.

Theo Đông-y muốn chẩn đoán chắc chắn phải nắm vững những nguyên tắc căn bản sau đây :

A — Vọng, Văn, Vấn, Thiết.

B. — Hàng, Nhiệt, Hư, Thiết, Biều, Lý, Âm Dương, Chơn, Giả.

A. — Vọng, văn, vấn, thiết.

Đông-y xem mạch đoán bệnh đặc ra 4 pháp chính là Vọng, Văn, Vấn, Thiết. Nghĩa là : 1) Vọng là xem hình sắc, 2) Văn là nghe âm thanh 3) Vấn là hỏi bệnh tình, 4) Thiết là chẩn đoán 6 bộ mạch, 4 yếu điểm ấy không thể thiếu một, nhưng Vọng và Văn là rất cần thiết, vì nghe âm thanh để xét giọng nói lớn nhỏ, để định hư, thiết, chẩn mạch để xét mạch nổi (phù) hay chìm (trầm) để định bàng, nhiệt (lạnh, nóng) yếu (nhược), hay thịnh (hồng, khẩn) để định hư, ngoài ra thì dưới ngón tay ấn mạch cũng khó hiểu gì hơn được nữa (về Mạch lý không thể giải được trong phạm vi quyển sách này, sẽ giải sau về MẠCH-LÝ ĐÔNG-Y riêng), nên khi lâm sàng trị bệnh nhiều người lại cho là chỉ căn cứ ở mạch mà định chứng không nhận đủ cả các pháp xem bệnh xưa thì thiết là không thành thật.

Và cần hỏi cho thật kỹ nguyên nhân duyên cơ phát bệnh thì mới biết được nguồn gốc của bệnh từ trước và hỏi cho thật kỹ căn trạng thì mới biết được căn bệnh sâu cạn lâu mau (cấp, mạn tính). Lại với cách xem sắc của mỗi bộ vị, xem sắc của môi, lưỡi, đại tiểu tiện, như thế có thể hiểu được 8,9 phần (xem sự quan hệ của tạng phủ đối với sắc, mùi, vị), sau mới chẩn mạch để tham hiệp quyết định ; và còn phải hỏi xem chỗ đau (đá chần) trên cơ thể để tìm hiểu bộ phận bị bệnh ; vì cơ quan nội tạng bị bệnh thường thể hiện những điểm đau (xem đồ hình 20).

Và khi lâm sàng trị bệnh một châm y không thể bỏ qua những nguyên tắc này.

B. — Hàng, Nhiệt, Hư, Thiết, Biều, Lý, Âm Dương, Chơn, Giả.

Vọng, Văn, Vấn, Thiết để xem hình thể bệnh tình thể hiện trên, dưới, tả hữu, tại cơ nhục bì phu huyết mạch căn cốt kinh lạc tạng phủ cần phải phân định bệnh chứng thuộc lạnh hay nóng, hư hay thiết, trong hay ngoài, thuộc âm hay dương.

L — Hàng nhiệt tức kiểm tra thể chất bệnh thuộc lạnh hay nóng.

Lạnh Bình lạnh thì sợ gió, ưa ăn đồ nóng, uống nước nóng, hoặc không khát nước, thường hiện chứng tay lạnh, người mề mết, ưa nhắm mắt, mắt lơ lơ, ăn ít tiêu hoặc tả lỏng, mũi miệng thở hơi lạnh, hơi thở yếu, mặt sắc mét hay trắng bạc, hoặc đen, nước tiểu trắng. Lạnh thuộc loại Âm, hoặc trong lạnh hoặc ngoài lạnh, Lạnh phần nhiều thuộc chứng Hư.

Nóng : Thường sợ nóng, ưa đồ mát, ưa uống lạnh, thường hiện chứng tay chân ấm, hoặc nóng, tiếng nói ồ ề, người hay lay động, hôn mê nói xàm, mặt mắt đỏ, miệng môi khô nứt, nước tiểu đỏ, hoặc vàng, gắt. Đại tiện bí, táo.

Nóng thuộc loại Dương, hoặc trong nóng hoặc ngoài nóng. Nóng phần nhiều thuộc chứng Thiệt,

2. — Hư, Thiệt : Xem tánh chất bệnh (theo xưa tà khí thanh là thiệt, chánh khí bạc là Hư). Vậy tà tức là Độc bệnh, vi trùng bệnh, sự diễn tiến của bệnh lý. Chánh là khí lực tức sự hoạt động của các bộ phận Tuần hoàn, Hô hấp, Tiêu hóa, Bài tiết, Thần kinh nghĩa là xem kháng lực của cơ thể (sức đề kháng).

Thiệt : thường hiện chứng nóng sốt, uất kết, Thần khí phiền táo không an, nói xàm, phát cuồng, ngực, bụng đầy trướng đau, hoặc có tích khối, tiểu tiện đỏ, lưỡi vàng, hoặc đóng cặn dày trắng, mạch nhẩy mạnh (lồng đại hữu lực).

Hư : thường hiện chứng tay chân hơi hằm, hơi lạnh, ra mồ hôi (trạ hăng, thanh hăng), thần khí mề mết, ít nói, tiếng nhỏ, mặt sắc mét, nước tiểu nhiều, lưng mỏi đau hoặc có di tinh, bình thê gầy yếu, ho thở mết, hoặc có đàm máu, có khi làm nóng cơn (triều nhiệt), mạch nhẩy nhỏ yếu (Hư tế vô lực).

3. — Biện lý : tức vị trí của bệnh trong hay ngoài.

Biểu : Ngoài. Bệnh thuộc cấp tánh, mới phát mới nhiễm, thường ưa lạnh phát sốt đầu đau cổ cứng, xương cốt rã đau, không mồ hôi hoặc có mồ hôi ít, bệnh uất không giải được, mạch nhẩy mau hiện ở trên (phù sát, phù huyễn).

Lý : Trong, bệnh tình diễn tiến đã vào trong, đã lâu, tức đã vào thân kinh lại tạng phủ, bệnh bên trong thuộc bộ phận tuần hoàn, Hô-hấp, bài-tiết, tiêu-hóa v. v. thường phát nóng phiền táo, khát nước, hay có ọc mửa, tiện bí hoặc tả lỏng, tiểu tiện gắt đỏ, sốt cao độ nói xàm, mạch nhẩy mau ở phần dưới (trầm sát trầm huyệt)

4. — *Âm Dương.* Tất cả bệnh tượng trên đây như bệnh nước nóng, chứng thiệt, ở ngoài biểu là thuộc Dương.

Bệnh thuộc lạnh, chứng hư, đã lãn, bệnh vào bên trong lý là thuộc Âm,

Nhưng đoán bệnh lại còn cần phải phân biệt chơn Giả mới khỏi lầm lẫn, vì hàng nhiệt có giả hàng, giả nhiệt.

Giả hàng là lạnh ở ngoài mà nóng ở trong, tuy lạnh nhiều mà không uống nước nóng. Giả nhiệt là ở ngoài nóng mà lạnh ở trong, tuy nóng nhiều mà không thích uống nước lạnh (đó là so sánh đại khái).

Giả thiệt là bệnh thể dữ mà thần khí hư suy, mạch nổi mà tán dật loạn.

Giả hư là bệnh thể trầm trầm suy yếu hư mà thần khí còn mạnh, mạch tuy nhỏ mà chắc chắn.

Lại còn có người hư mà chứng thiệt, người thiệt mà chứng hư.

Như người suy yếu mới cảm nhiễm hoặc mới bị thương đó là người hư chứng thiệt.

Người mạnh cường tráng mà bị lao lực, mất huyết, đó là người thực chứng hư.

Vậy một y sĩ dùng thuốc trị phải cần nhận định rõ bệnh để dùng thuốc cho thích hợp, một Châm-y cũng rất cần đoán chắc bệnh để đối chứng áp dụng thủ pháp Bô Tả.

Tóm lại khi lâm sàng trị bệnh cần kiểm tra thể bệnh và sự hoạt động của người bệnh như mạnh, suy, nhiệt độ cao hay thấp, tình hình sung huyết hay bần huyết, bệnh thuộc cấp tách hay mạn tách theo các tiêu chuẩn sau đây :

1.— Xem cụ thể bệnh thuộc tách gì (lạnh, nóng, cấp tách hay mạn tách (xem tách chất).

2.— Bệnh tình tấn thối, thịnh suy, chơn giả (xem bệnh tình).

3.— Cơ thể suy yếu hay cường tráng (thể chất bệnh nhân).

Tất cả phương pháp trên đây là nguyên tắc cương yếu để đoán bệnh tình áp dụng liệu pháp người trị bệnh không thể thiếu sót trong nghệ thuật được (xem đồ án dưới làm tiêu chuẩn.

Vậy chẵn đoán bệnh về Hàng nhiệt Hư thiệt phân định theo án biểu sau đây để lâm sàng trị bệnh tiên xét đoán,

A. – Hàng – Nhiệt

Chứng trạng	Hàng	Nhiệt
Sắc mặt	Sắc trắng bạc, sắc mét hoặc thâm hoặc đen	Sắc mặt đỏ (Thiệt) hoặc má hơi hồng (Hư)
Thế ôn	Sợ gió tay chân lạnh, nhiệt độ thấp, ưa nóng.	Sợ nóng nhiệt độ cao, tay chân nóng ưa lạnh, bèn mê, nói xàm
Ăn uống	Miệng không khát, hoặc có khát mà uống ít, ưa uống nóng, ăn ít tiêu	Miệng môi nứt, quá khát, uống nước nhiều, ăn uống ưa đồ lạnh.
Ho, đàm	Ho thường tiếng thanh, đàm sắc trắng, thờ yếu	Ho nặng tiếng, đàm đỏ, rít hoặc vàng
Đại tiện	Thường lỏng không thành hình, chỗ giang môn lạnh	Đại tiện bí kết, hoặc làm tả lý, sắc vàng, đỏ, chỗ giang môn nóng
Tiểu tiện	Nước tiểu thường trong và nhiều	Nước tiểu đỏ, vàng, ít gắt hoặc tiểu đau
Kinh nguyệt Bụng ; dạ dưới	Sắc thường lợt Trong bụng thường lạnh ưa nóng	Sắc đỏ, hoặc bầm Trong bụng thường nóng ưa lạnh
Sắc lưỡi	Lưỡi trong trắng nhuận	Lưỡi đỏ, có tưa vàng hoặc khô ráo
Chẩn mạch	Mạch tri (mạch nhảy chậm)	Mạch sát, (mạch nhảy mau).

B.— Hư — Thiệt.

Chứng trạng	Hư	Thiệt
Hình trạng	Thân thể suy nhược, sức yếu, mệt mỏi	Thân người tráng kiện có sức, phiền táo không an
Sắc mặt	Mặt sắc mét	Mặt, mắt đỏ.
Thở ôn	Nhiệt độ thấp, tay chân lạnh hoặc thường sau trưa hực nóng, triều nhiệt	Nhiệt độ cao. Nóng sốt nói xàm.
Tri giác	Đau đớn ứa dề, hoặc tê ngứa, cơ nhục hư thoát	Đau nhức, dề càng đau cơ nhục sung thịnh, khăn trương.
Hô hấp	Thở yếu, thiếu hơi, thở mệt	Hơi thở mạnh thường chỗ ngực đầy đau.
Ăn uống	Ăn uống giảm, ăn khó tiêu	Ăn được dễ tiêu mà phát sốt hoặc đầy.
Đại tiện	Tả lỏng, đồ ăn không tiêu	Tiễn bí hoặc làm tả lý phần vàng giàng môn đau
Tiểu tiện	Tiểu nhiều, thất cảm hoặc di tinh	Tiểu ít gắt, hoặc đau.
Mồ hôi	Nhiều mồ hôi, mồ hôi trộm (tự hạng, thịnh hạng)	Ít mồ hôi, phát sốt mà Mồ hôi bị bế.
Kinh nguyệt	Kinh sắc đậm, sau khi có kinh đau bụng	Kinh sắc thâm thâm, trước Kinh đau bụng.
Ghê (Xang Dương)	Không đỏ không sưng Không nóng, không cứng Không đau nhức lắm hay chảy nước	Đỏ Sưng, Cứng, Nóng, Đau nhức kịch.
Bụng, dạ dưới	Bụng mềm, dề dễ chịu hoặc trường vị bị hơi đầy khi tăng khi giảm	Bụng trương đầy, Dề càng đau kịch, hoặc có tích khối
Lưỡi	Lưỡi sắc đậm hoặc có điểm đen	Lưỡi sắc thâm dầy, tủa vàng Vị giác giảm.
Chân mạch	Mạch Hư, nhảy nhỏ yếu (tế vô lực).	Mạch thiệt, có lực nhảy mạnh (Hồng Đại hữu lực)

Bị chú : Về Biểu lý Âm dương nên phân biệt trên đây mà phân định.

II.— PHƯƠNG-THỨC TRI-LIỆU

Châm-cứu trị bệnh, mỗi kinh huyết đều có công dụng về chủ trị bệnh tậi cuộc bộ, đồng thời chủ trị bộ phận phụ cận hay phản-xạ.

Những kinh huyết ở bộ phận đầu mặt chủ trị ở đầu và phụ cận. Các huyết ở ngực chủ trị ở ngực. Các huyết ở bụng chủ trị bệnh tậi ở bụng. Các huyết ở tay chân chủ trị bệnh ở tay chân và có thể trị các bệnh ở đầu mặt và toàn thân, nội tạng. Những huyết ở lưng chủ trị các bệnh toàn thân và nội tạng. Châm cứu trị còn cần phải hiểu rõ 14 kinh mạch huyết nào thuộc kinh nào (sách trước đã nói) để biết bộ phận nào bị bệnh tùy kinh dụng huyết như tâm tạng bệnh thì dùng huyết kinh Thủ Thiếu Âm Tâm kinh, Vị bệnh dùng huyết kinh Túc dương minh vị kinh v.v..

Về phần kinh mạch chủ trị : Bệnh chứng phân định sau đây :

1.— Thủ Thái-âm Phế kinh chủ trị các bệnh : Ho, Suyễn, Đau ngực, Đau vai, Tay, Yết-bầu, phát-sốt, hoặc lạnh, Tâm phiền.

2.— Thủ-Dương Minh Đại-trương chủ trị các bệnh Đau răng, Hàm, Loạ-lich, Vai Tay, Tê môi, Đau mắt, Chảy máu cam, Nghẹt mũi chảy nước, Đau ruột và Bán thân bất toại.

3.— Túc-Dương-Minh Vị-kinh chủ trị các bệnh Chảy máu cam, miệng môi sanh ghẻ, Khẩu nhĩn hoa tả, cổ Hầu đau, Phức trường, ruột đau, Tả-ly, Bệnh ngũ-quang, đau Vú, ít sữa, Bệnh sốt rét. Sốt cao độ, Cuồn loạn, Cắm khẩu, Đau dạ-dày, Đản bà Kinh nguyệt không điều.

4.— Túc Thái-âm Tý Kinh chủ trị các bệnh Ớc sữa, Ớ hơi, Ngực Hồng đau, Bụng trường, Đau Dạ-dày (Tâm phúc thống), tiết-tả, Huỳnh đản, Đại tiểu tiện không thông Chân gối sưng, lạnh đau, Trùng tích, Đản bà Kinh nhiều, Đại-hạ, Kinh không điều.

5.— Thủ Thiếu-âm Tâm Kinh chủ trị các bệnh Miệng khát cổ khô, Đau tim, Hồng ngực đau, Điện giản, Tim đập bồi Lộp sớ sệt, tay chân đau phát sốt.

6.— Thủ Thái-Dương tiểu trường kinh chủ trị, Tai ù điếc, Bệnh mắt, Hầu đau, Sưng má, Cổ cứng, Vai đau tê, Cánh tay đau, Điện, giản.

7.— Túc Thái-dương Bàng-qương kinh chủ trị các bệnh Chảy nước mắt, Mắt không thấy rõ, Nhức đầu xoay xâm, Ho, Lao phổi, Tiết tả, Di-tĩnh, Di-niệu, Đại-hạ, Thận suy, Lưng đau, Bệnh Trĩ, Khước Khí Sốt-rét, Điện-giản, Huỳnh-đản, Chân đau tê nhức.

8.- Túc Thiếu-Am Thận kinh chủ trị ; Sắc mặt khảm đen, Đầu xoay mắt hoa, Tâm thần không an, Mất ngủ, Bệnh Dương-nuy, Khí sưng, Xán khí, Di tinh, Di niệu, Tử cung hạ trụy, Lâm lậu, Hung ngực đầy đau, Dạ dày đau trứt, Đàn bà băng lậu không con.

9. — Thủ Khuyết-Am Tâm Bào-lạc chủ trị các bệnh Hong ngực đầy trướng, Đau tim, Tim phiền (các bệnh Tim), Tâm thần không an, Điện giản, sốt-rét, Ho nghịch, Đau Dạ-dày.

10. — Thủ Thiếu Dương Tam tiêu chủ trị các bệnh Tai ù điếc, Nhức đầu, Cổ đau, Đau mắt, Loã-lich, Vai tay đau, khớp xương tay đau, Thần kinh mất tề, các chứng Điện giản.

11. — Túc Thiếu-dương Đởm kinh chủ trị các bệnh Ngũ quang, miệng méo mắt xéch, Nhủ nga, Loã lịch, Nách sưng, Hồng đau, Cấn gối đau tê, Bàn thân bất toại, Khước khí, phong thấp, phát nhiệt ở hàng.

12. — Túc khuyết-Am Can kinh chủ trị các bệnh đau lưng, Xán khí, Ngực đầy thổ nghịch, Thủy tả, Di niệu, tiểu tiện không thông, Lâm lậu, chân tê đau, Đàn bà kinh ra nhiều, Tử cung trệ, Bệnh bộ phận sinh thực khí.

13. — Nhâm mạch chủ trị, các bệnh Xán khí, Xích bạch đới, kinh nguyệt không đều, Tiểu tiện không thông, Tử cung trệ, ầu thổ không ăn, Đau dạ dày, Dạ dày trệ.

14. — Đốc mạch chủ trị các bệnh Đau lưng cổ đơ, Đốc cung phản trướng (uốn ván), Bệnh trĩ thoát giang. Trẻ con kinh phong, Nhức đầu, xoay xam.

Trên đây là phần chủ trị của từng kinh mạch, khi xử dụng trị bệnh nên biết rõ để nhận định tác dụng chủ trị. Khi trị bệnh lại còn dùng những huyết chủ yếu và huyết thứ yếu, vì bệnh thường gặp rất phức tạp, không thể chỉ đơn thuần 1 kinh tạng bị bệnh, mà phải nhận định thể bệnh vớt sự liên quan của tạng phủ nào hay kinh lạc nào để quyết đoán phương thức trị liệu.

Khi lâm sàng trị bệnh, một Y-sĩ chằm y luôn luôn cần xét đoán cho đúng mới bảo đảm trị liệu (nguyên tắc trên đã nêu rõ) đó là điều cốt yếu để áp dụng phương thức trị liệu, nhưng có khi tai sao đã đoán đúng bệnh dùng huyết trị đúng mà không công hiệu.

Vậy phương thức trị liệu khi áp dụng thủ pháp có những nguyên nhân dưới đây làm cho chằm-y không thấu được kể quả :

1) Chẩn đoán nhận định không đúng Bệnh.

2) Chẩn đoán đúng bệnh áp dụng đúng huyệt nhưng ấn ra đúng vị trí huyệt.

3) Ấn đúng vị trí huyệt mà thủ thuật không đúng, như ấn không đúng độ, không đúng phân lượng.

4) Như đúng độ đúng phân lượng nhưng châm thuật không đúng cho thần kinh kích thích đến bệnh sở (cảm giác tê nóng, đạt khi bệnh, xem phần bí quyết châm thuật.)

5) Châm đạt đến bệnh sở nhưng không đúng phương thức bỏ tả. (Xem phần bỏ tả).

Vậy trị bệnh muốn đạt được mục đích cần phải áp dụng theo 2 phương thức căn bản sau đây :

I) Ấn bệnh thủ huyệt.

II) Ấn bệnh trị liệu.

I) Ấn bệnh thủ huyệt : theo 3 tiêu chuẩn :

1) Cuộc bộ thủ huyệt :

a) Trực tiếp tại bộ phận bị bệnh, như đau mắt dùng huyệt Tinh minh, Đau lưng dùng huyệt Thận-du, Đau khớp xương dùng các huyệt tại bộ phận khớp xương.

b) Phụ cận thủ huyệt tức dùng huyệt xung quanh bộ phận bị bệnh như Đau mắt dùng huyệt Dương-bạch, Thái-dương. Đau ngực dùng huyệt Trung-phủ, Cự Khuyết. Cơ nhục chân (phì trường cơ) co dục dùng huyệt Ủy-trung, Côn-Lộn v. v.

c) Đối chứng thủ huyệt tức không trực tiếp châm cứu các huyệt tại bộ phận bị bệnh mà dùng huyệt đối chứng như đau ngực, ho dùng huyệt Phế-du, đau Dạ-dày dùng huyệt Vị-du.

2) Tuần Kinh thủ huyệt :

a) Bồn kinh thủ huyệt tùy bệnh tại kinh nào mà áp dụng huyệt như Tâm tạng bệnh dùng huyệt Tâm kinh Nội-quang.

Đan Dạ dày dùng vị Kinh huyệt Túc-tam-ly.

b) Đối trặc thủ huyệt : Như tai bên trái đau ù châm huyệt Trung-xung bên mặt, Răng bên trái đau châm huyệt Hiệp cốc bên mặt, tay chân 1 bên tê bại châm các huyệt tay chân bên mạnh.

3) Kinh huyệt phối hợp.

a) Tả hữu tương phối : Hai bên tả hữu đồng thời đều dùng như nhau dùng cả 2 huyết Thái-dương. Đau Dạ-dày dùng cả 2 huyết Túc-tam-lý.

b) Tiền hậu tương phối : Tại cuộc hộ bệnh dùng huyết 1 trước 1 sau phối hợp như Nghệt mũi dùng huyết Nghinh-hương phối hợp với huyết Phong-tri. Tiện bí dùng huyết Thiên-xu phối hợp với huyết Đại-trường-du.

c) Âm-dương tương phối tức phối hợp Âm kinh và Dương kinh như Túc tam lý phối hợp Tam Âm giao trị bệnh tiêu hóa bất lương (Ăn không tiêu). Hiệp-cốc phối hợp với Liệt-khuyết trị cảm mạo.

d) Viễn cận tương phối tức dùng huyết ở gần và huyết ở xa phối hợp như các huyết Thiên-đốt phối hợp với Hiệp-cốc trị Suyễn súc, Trung-uyêu phối hợp với Túc-tam-lý trị bệnh đau Dạ dày.

đ) Thượng hạ tương phối tức phối hợp các huyết ở tay và ở chân như Nội-quang phối hợp Công-tôn trị bệnh đau Dạ dày. Chi-cầu phối hợp với Cuiếu-hải trị tiện bí, Khúc-tri hợp với Túc tam lý trị giải nhiệt. Thần môn hợp Tam Âm giao trị bệnh mất ngủ, Hiệp cốc hợp với Phục lưu Chỉ hạng và phát hạng. v. v.

Đây là Phương thức căn bản Ấn bệnh thủ huyết (Châm cứu, Thực hành trước cũng có giải) nhưng sau này còn phải nắm toàn diện phần sau sẽ nói rõ Phối hợp thành phương, Bối du, Mộ-bu-uyệt phối hợp, Ngũ huyết thuộc ngũ hành sanh khắc nguyên lục phối hợp, Kỳ kinh thượng hạ phối hợp v. v.

II. — Ấn bệnh trị liệu :

Tnú pháp châm cứu phải hiểu rõ về thuật pháp thích ứng với bệnh tình chẩn đoán về B.êu lý, Lưu thiết, Hàng nhiệt phân định sau đây :

1. — Về biểu chứng, nên châm cạn hoặc ít cứu, phân biểu nhiệt châm cạn, biểu hàn châm sâu, lưu kim.

2. — Lý chứng châm sâu, phân lý nhiệt dùng tả pháp cấm cứu, lý hàn dùng bổ pháp gia cứu.

3. — Hư chứng phân, Hư hàn châm ít cứu nhiều dùng Bổ pháp, Hư nhiệt châm nhiều ít cứu dùng tả pháp.

4. - Thiết chứng phân biểu thiết châm cạn tả pháp ít cứu, lý thiết châm sâu tả pháp ít cứu.

5.— Phòng chứng châm sâu, lưu kim dùng bỏ pháp gia cứu.

6.— Nhiệt chứng châm cạn không cứu dùng tả pháp hoặc châm ra máu.

Vậy trên đây 2 phương thức trị liệu căn bản châm y phải hiểu rõ không thể thiếu sót được. Ngoài ra muốn đoạt được chắc chắn kết quả trị liệu còn cần phải hiểu rõ về châm pháp Bồ tả và bí quyết châm thuật sau.

III.— LUẬN CHÂM PHÁP-BỒ, TẢ.

Phương thức Châm cứu Linh-Khu Kinh mạch có câu : Thanh tắc tả chi, Hư tắc bổ chi, Nhiệt tắc tạt chi, Hàng tắc lưu chi Hâm hạ tắc cứu chi, Bất thanh bất hư vĩ Kinh thủ chi (điều hòa bình bổ bình tả).

Châm cứu Thực hành trước tôi có nói rõ về châm Bồ Tả theo Nội-kinh, Nhưng hiện nay các sách đều biện luận nhiều về Bồ Tả.

Cứu đối với châm thì Cứu là Bồ châm là tả, đó là so sánh châm kích thích làm cho cơ năng tạng phủ bớt căng trương bức bách nên gọi là Tả, Cứu thường làm cho cơ năng tạng phủ tăng thêm sức cơ thể, tăng sức đề kháng nên gọi là Bồ.

Nhưng châm lại có thủ pháp rất quan hệ vì khi áp dụng châm thuật có thể làm cho cơ năng tạng phủ tăng cường hay giảm bớt.

Vậy Châm hoặc Cứu mục đích làm cho tạng phủ tăng cường sức lực đều là Bồ mà với mục đích làm cho giảm bớt sự dư dật phát bệnh đều là Tả. Như thế Châm thuật Bồ Tả tức áp dụng thủ pháp tương phản với nhau.

Xưa các sách luận châm Bồ Tả thường theo các tiêu chuẩn sau đây :

1.— Châm thuận nghịch.

Châm thuận theo chiều Kinh và dùng huyết thuận theo chiều kinh, tức làm cho sự kích thích thuận theo hướng lưu thông của kinh mạch tức đề giúp cho sự hoạt động của tạng phủ ấy tăng thêm huyết lực, như thế là tiếp thêm sinh lực cho kinh mạch tạng phủ ấy tức là châm Bồ.

Châm Tả thì ngược lại, châm nghịch chiều kinh, dùng huyết nghịch chiều làm cho sự hoạt động của kinh mạch bị ngăn nghẽn

trở ngại được lưu lợi và cũng làm cho độc bệnh thoát khỏi bế tắc.

2.— Tỳ hơi thở : (đã nói rõ ở quyền trước). Tức lợi dụng hơi thở ra hít vào để giúp cho sự hoạt động của thần kinh làm tăng hay giảm.

3.— Tác dụng Hưng phần, Ưc chế, Hưng phần tức Bồ, Ưc chế tức Tả (cũng đã nói rõ ở quyền trước) cũng gọi là Từ-lại pháp.

4.— Môn tuần tức là Khai bế huyết (đã giải rõ sách trước)

5.— Xoay Kim bồ tả.

Theo châm cứu Kinh nghiệm của châm-sư Trần-tồn-Nhơn gần đây. Châm Bồ đối với Đan ông con trai dùng ngón tay cái, cầm kim xoay ra trước (tả), Đan bà con gái thì ngón cái cầm kim xoay ra sau (hữu). Châm tả thì trái lại tức: Đối với đân ông thì ngón cái cầm kim xoay ra sau (hữu), Đan bà con gái thì ngón cái cầm kim xoay ra trước (tả) Công cũng là Tả tức đẩy xoay vận kim (trước tác thuật). Tất cả những Y-án trị nghiệm của Trần-tồn-Nhơn trong sách này có ghi Bồ, tả như tả 3 lần, Bồ 3 lần v.v. đều theo thủ pháp này.

6.— Tử Mâu pháp :

Trị bệnh nội tạng áp dụng kinh huyết của Tạng phủ bị bệnh dụng huyết Bồ tả và đối với tạng phủ liên hệ cũng áp dụng huyết bồ tả để có thể làm tăng cường hay giảm bớt cơ quan tạng phủ liên hệ để điều chỉnh nội tạng. Nội kinh có câu Hư Bồ mâu tức dùng Mâu kinh, Mâu huyết, và mâu huyết bổn kinh. Thiết tả Tử, tức dùng Tử Kinh tử huyết và Tử huyết của bổn kinh. Thủ pháp này áp dụng theo Ngũ hành sanh khắc (xem giải phần ngũ hành sau).

7.— Lợi dụng hóa chất kim loại mà áp dụng bồ tả.

Hiện nay ở Âu châu Pháp dùng Kim vàng châm bồ, Kim bạc châm tả.

Dùng tánh chất kim thuộc lợi dụng hóa chất biến thể châm vào Thần kinh có tác dụng biến sanh hóa chất khác nhau như kim vàng sắc vàng đồ thuộc dương tăng sinh lực, Kim bạc sắc trắng thuộc âm, âm tánh chế ngự. (Tài liệu Y án bệnh suyền của Bác-sĩ LÉ COZE có giới thiệu sau).

Vậy đối với các tiêu chuẩn trên đây chúng ta nhận thấy châm bồ tả xưa nay còn phức tạp chưa có nguyên tắc nhưc định, nhưng phân tách từng loại thủ pháp thì châm kích thích Thần kinh đều có

tác dụng làm cho tế bào Thần kinh hoạt động nên Bỏ Tả là căn cứ vào sự biến đổi của Thần kinh tăng giảm mà phân định. Khi lâm sán trị bệnh chúng ta nhận thấy theo kinh nghiệm sau đây :

1/ Châm Thuận nghịch thì làm cho Thần kinh bị kích thích hoạt động theo chiều hướng như khi châm trở lên (mũi kim xoay trở lên) thì cảm nhận tê rần chạy lên. Khi châm trở xuống thì cảm nhận tê rần chạy trở xuống (Châm các huyết Túc tam-lý, Hiệp-cốc v. v... bệnh nhưn đều cảm nhận như thế cả). Áp dụng thủ thuật này trị bệnh tùy bộ phận trên dưới mà châm theo chiều điều có hiệu quả (xem bí quyết châm thuật).

2/ Tùy hơi thở ra hít vào ; thủ pháp này nếu gặp trường hợp bệnh nhưn hôn mê, hoặc suy kiệt và đối với trẻ con thì không thể bảo bệnh nhưn làm theo được, hơn nữa đã có nhiều Châm cứu sư cho rằng vì trong phòng bệnh có thở ra hít vào làm cho bệnh nhưn dễ hít thêm vào các loại vi trùng bệnh, như thế không có lợi vậy cũng chưa thể căn cứ để áp dụng bỏ tả.

3/ Tác dụng Hưng-phấn, Ưc-chế cũng gọi là Từ tât pháp. Châm nhẹ, lần lần đẩy kim vào sâu rồi rút kim ra để làm cho thần kinh bị kích thích tăng huyết lực mạnh (lừ tẩn châm, tật xuất châm). Châm mạnh, lâu lần lần xoay vận kích thích rút lên hoặc kích thích thêm (tật tẩn châm từ xuất châm), nhận thấy bệnh nhưn giảm bớt đau nhức, bệnh thuộc viêm chứng thống chứng rất công hiệu. Nhưng cũng có khi cũng làm cho bệnh nhưn bị quá tê, quá bị kích thích mà phát sanh phản ứng như thế hai thủ pháp này có tác dụng bỏ tả.

4/ Khai, Bế, Ấn tại huyết đề sau khi rút kim lên khỏi bị ra máu hoặc khỏi bị thông hơi. Không ấn tại huyết có khi rút kim ra bị ra máu, thủ pháp này có tác dụng bỏ tả, vì nếu châm bỏ rút kim ra bị ra máu thường gặp phản ứng.

5/ Xoay kim bỏ tả. Kinh nghiệm khi xoay kim tả hữu kích thích thần kinh nhận thấy khi châm kim vào bệnh nhưn cảm nhận tê rần như luồng điện chạy, để lâu thì hết, xoay đây lại thì tê lại có khi quá xoay mạnh làm cho bị xoay xảm, như thế thủ pháp này rất công hiệu, nhưng xoay bỏ tả cần phải để ý xem xét bệnh nhưn kéo thường gặp phản ứng.

6/ Từ mầu pháp. Theo luật ngũ hành sanh khắc đề hỗ trợ tương phối huyết nhận thấy rất cần thiết cho bỏ tả (xem ngũ hành sau)

7/ Dùng kim vàng châm bổ, kim bạc châm tả, theo những tài liệu tham khảo Đông Tây gần đây châm-sư Trần-cư-Lâm Giám-Đốc Trung-Y Học-viện Thượng-hải phối hợp Đông Tây áp dụng bổ tả dùng kim vàng châm nhẹ, châm rút khinh (khinh thích, Đơn thích) đề bổ, dùng kim bạc châm mạnh, lưu kim (trọng thích, trí châm) đề tả như thế là áp dụng biến thể hóa chất của kim thuộc.

Vậy kinh nghiệm trong khi lâm sàng trị bệnh, chúng tôi nhận thấy phối hợp châm cứu bổ tả rất công hiệu như :

Châm xong rồi cứu tức tiên tả hậu bổ, hoặc trước cứu sau châm tiên bổ hậu tả. Châm bổ tả áp dụng thủ thuật Hưng-phân Úc chế, Từ-tật pháp.

Xoay kim tả hữu Bình bổ bình tả và tùy chứng áp dụng thủ thuật vừa xem bệnh nhưn đề ấn định thủ pháp, xoay tả, hữu hay lâu mau. (Theo kinh nghiệm thủ pháp y án Trần tồn nhưn).

Vậy phân định châm bổ tả nguyên tắc sau đây : đề khi lâm sàng trị bệnh đề áp dụng.

Thủ pháp	Bổ	Tả	Chủ trị
Hưng-phấn Ưc-chế (Tứ Tật-pháp)	Châm nhẹ từ cạn vào sâu rút kim (Tứ tấn. Tật xuất) Dùng kim vàng đơn thích	Châm mạnh sâu xoay kích thích rút kim lần lần (Tật tảo Từ xuất) Kim bạc trí châm.	Nhứt thiết các chứng Tạng Phũ, Kinh lạc hàng nhiệt. Hư thiệt, Phò chánh khu tả.
Khai, Bế	Rút kim đè ấn tại huyết cảm ra máu (Đạo khí thâm nhập.)	Rút kim không ấn huyết, xoa xung quanh, hoặc ra máu (Đạo khí ngoại xuất)	Chủ trị như trên
Thuận Nghịch	Dùng huyết và châm thuận chiều	Dùng huyết và châm nghịch chiều	Điều hòa Dinh Dưỡng, Lưu thông Kinh mạch, trị các chứng ung trệ, khí huyết không điều Hoà, Đau nhức Tê mỏi.
Xoay Kim Tả Hữu	Châm vừa trung độ xoay kim nam tả nữ hữu	Châm vừa Trung độ xoay kim nam hữu, nữ tả	Trị tất cả các bệnh tật bất hư bất thiệt, hoặc chẩn đoán chưa rõ thiệt hư. (bệnh bổ bình tả)
Tứ Mẫu Pháp	Dùng mẫu Kinh mẫu huyết và mẫu huyết bốn kinh	Dùng Tứ Kinh, Tứ huyết và Tứ huyết bốn kinh	Trị về nội tạng Bệnh tất ngũ hành sinh khắc xuất hiện thiên lệch (Điều hòa Âm Dương.)

Chú ý : 1) Châm sâu cạn : các chứng ở ngoài Da, Bệnh Trẻ con chứng thuộc biểu, nhiệt chứng nên châm CẠN.

Các chứng mạng tánh Phong thấp, quan tiết cơ nhục sưng nhức co dục Hàng chứng bệnh Tinh thần đều nên châm SÂU.

2) Châm thuận nghịch chiều để đạt đến bình sở công hiệu hơn.

3) Thời gian. Các bệnh hôn mê, nhiệt bệnh, tại biểu nên châm kim mau. Các chứng mạng tánh, nhiệt tánh, nhiệt chứng thuộc lý châm hơi lâu, lưu kim 1 chấp,

Thuộc hàng chứng, mạng tánh phong thấp, quan tiết cơ nhục viêm, đau nhức, co dục, đè kim lâu càng công hiệu.

IV. Bí Quyết Châm Thuật

Học châm cứu, khó nhất về thủ pháp châm thuật, nhưng nhiều người quá bừa bãi cho là dễ, làm càn bướng sai lạc sự huyền diệu của thuật pháp cũng có nhiều người sợ sệt không can đảm thi thuật.

Vậy đây là 1 vấn đề khó khăn trong nghệ thuật, nhiều anh em học viên nhận thấy vị trí các huyệt khó tìm mà không chú ý đến thủ pháp. Vậy vị trí huyệt khó tìm đúng được nhưng có đồ án, hình vẽ hoặc khi được đặc truyền có người chỉ dẫn cho mình nhưng khi thực hành phải căn đo cho đúng v. v. như thế có thể án đúng huyệt (xem theo chuẩn án huyệt quyển trước) khỏi sợ sai lạc).

Thực hành khoa châm cứu, chúng ta phải nhẫn nại đặt vấn đề trị được bệnh mới bảo đảm nghệ thuật, nên chúng ta phải dè dặt cẩn thận.

Khi mới bắt đầu vào trị cho một bệnh nhân, phải hỏi bệnh chứng lý mỷ để nhận định kinh lạc xử dụng đường huyệt nào chính, huyệt nào phụ, rồi định phương pháp thủ thuật hoặc châm như thế nào, hoặc cứu như thế nào, chỉ châm hay chỉ cứu, hoặc châm rồi cứu hay cứu rồi châm và huyệt nào cấm châm, cấm cứu v. v. Bây giờ mới lấy đồng t. án thốn của bệnh nhân đo án huyệt, làm dấu đúng vị trí rồi mới bắt đầu thi thuật. Cẩn thận được như thế mới bảo đảm được thủ pháp.

Hãy giờ chúng ta không nên làm càn bướng nữa, vì đây là bí quyết thuật pháp, vì có khi đã án đúng huyệt rồi mà vẫn trị không có kết quả, hay sai lạc đi làm cho bệnh thể thay đổi hoặc phản ứng.

Có nhiều bạn cho là khó không thể áp dụng đúng được, tôi xin khuyên quý bạn nên cố tâm, nhẫn nại. không nên có thái độ tầm thường cầu thả không quan tâm đến cứu bệnh, nếu được như vậy

thì nắm ngay được yếu tố thủ pháp không phải khó khăn không thực hành được.

Tôi xin phổ biến 1 bí quyết về châm thuật mà lâu nay nhiều người cho là khó khăn không giải rõ được, có người lầm tưởng đó là bí truyền nghệ thuật.

Vậy bí quyết châm thuật là thế nào châm đúng thần kinh huyết đạo ?

Muốn châm đúng huyết đạo thì khi bắt đầu châm kim, luôn luôn lấy móng tay ấn tại huyết huyệt hơi hình như có cảm giác tê không nếu có là đúng huyết, nếu chưa sửa lại cho đúng, bây giờ mới để mũi kim đúng độ châm đâm vào, phải hỏi bệnh như có cảm giác tê không? Nếu có mới là đúng, nếu chưa hoặc như đau là không đúng, vậy khi chưa đúng thì nên nhẹ rút kim lên (nhớ đừng rút ra hết kim, vì khi rút ra hết rồi châm lại thì bệnh như kinh sợ và đau đớn lắm. nghiêng mũi kim qua trái, hay qua phải, hoặc lên trên hay nhích xuống dưới 1 tý, đẩy kim vào huyệt nhân đã cảm giác tê là đúng, bây giờ để yên tại đó, dùng huyệt khác (trường hợp này nếu chưa thì vẫn để yên sau sẽ dùng thủ pháp tấn châm hay trước lác cho bệnh như cảm giác tê) chỉ trừ những người quá suy yếu và trẻ em không cảm nhận được. Nếu chỉ dùng 1 huyệt trị thì cũng nghỉ 1 tý rồi áp dụng thủ thuật bổ tả xoay kim. Nhưng nhớ khi xoay kim cũng phải hỏi bệnh như có cảm giác tê mới đúng (trường hợp này có khi châm vào thì tê, để yên thì hết, cũng có khi tê suốt cả, như vậy khi hết tê thì xoay lại cho tê, nhưng nên nhớ lúc này xoay xoay kim phải hỏi và xem sắc mặt của bệnh như kéo phản ứng xuống châm, trường hợp này rất nhiều nên cần thận trọng.

Nhớ khi châm trị đúng huyết có khi chỉ mới châm 1 huyệt một bên bệnh hết ngay không cần châm bên khác, như thế thì khi châm xong 1 bên tay hay bên chân bên trái hay bên phải (nhớ nam tả nữ hữu), áp dụng thủ pháp bổ tả xoay xong rồi mới châm qua tay bên kia, các bộ phận ở lưng bụng có thể châm 1 bên hay 2 bên tùy chứng trạng sử dụng.

Nhưng tê như thế nào mới đúng ?

Sau đây là những kinh nghiệm của các vị danh sư tôi xin phổ biến một ít huyệt ở các bộ phận cảm ứng tê của huyết đạo để nhận thấy sự huyền diệu của thuật pháp

Những bộ phận khi châm nhận thấy cảm giác tê đúng vị trí huyết đạo trị bệnh :

Bộ phận ở đầu mặt ;

Những huyết : Thương-tĩnh, Thần-dinh đúng vị trí thì châm cứu cảm giác tê nóng đến mũi, huyết Thông-thiên châm đúng cũng tê rần đến mũi, Huyết Bách-hội tê rần hay nóng bừng cả đầu, cứu huyết này hực nóng đến chân, Huyết Đầu-duy châm Tê đến cả sau đầu v.v...

Vì vậy nên khi dùng những huyết này trị bệnh nhức đầu, bệnh mũi công hiệu thần tốc.

Những huyết ở mắt như Toán-trúc, Tinh-minh, Tư-trúc-không châm đúng thì tê đến mắt, như thế trị bệnh mắt mới kết quả.

Huyết Thính-hội, E-phong châm đúng tê đến trong tai, hay đến cả mặt nên trị được các bệnh ở tai.v.v.

Bộ phận ở bụng

Châm các huyết ở vùng bụng rất khó vì châm cạn lăm tại huyệt thì thần kinh thì không hiệu quả mà quá sâu đến phúc mạc thần kinh thì sợ nhầm phải trực tiếp nội tạng phủ Trường, vị, lại còn vì có liên quan đến sự hô hấp nên đẩy kim vào hay cong kim.

Vậy châm các huyết vùng bụng, khi đâm kim vào phải tùy hơi thở, như thở ra thì châm vào được mà khi thở vào nên đình chỉ lại, như thế lần lần mới xoay đẩy vào cơ mạc thần kinh (ở giữa). Cho tê rần mới đúng, nên ban đầu mới châm vào thì châm nhẹ rồi lần lần xoay đẩy vào đúng vị trí mới công hiệu, nhưng cũng phải phòng vụng châm.

Những huyết Trung, Thương, Hạ-nguyên châm đúng thì tê rần đến cả vùng bụng, dạ dày. Những huyết Khí-hải, Quang-nguyên, Trung Cực, Khúc cốt, châm đúng thì tê đến cả bộ phận sinh dục, Huyết Thủy đạo cứu thì hơi nóng chạy rần đến xương chậu, Huyết Quy lai, Khí xung châm đúng tê rần đến cả Âm nan, Âm đạo. Khi áp dụng đúng như thế thì trị các bệnh dạ-dày, Bộ phận sinh-dục mới có kết quả.

Bộ phận ở Lưng.

Bộ phận này cũng rất khó đẩy kim, nhưng khi châm đúng vị trí huyết lại càng công hiệu gấp bội, nhưng nên nhớ khi châm phải bảo bệnh như khom lưng ấn đúng huyết ở giữa 2 khớp xương lưng châm đẩy kim vào (vì khom lưng 2 khớp xương hở ra châm vào mới công hiệu).

Những huyết Đại-chùy, Đào-đào, Phong-môn, Phế-du, Tâm-du, châm đúng Thần kinh thì tê rần đến trước ngực, có khi đến cả tạng Phổi, tạng Tim, nên mới trị được các chứng bệnh Phổi, bệnh Tim, Nhất là huyết Cao-hoan trị được bách bệnh vì châm đúng thì tê rần đến cả toàn thân, Huyết Mạng-môn, Thận-du, Chi-Thất châm đúng Thần kinh tê rần đến trước xương bả vai vì thế nên trị được các bệnh Di-tinh, Bạch-trọc v.v...

Bộ phận ở Tay.

Những huyết Kiên-ngung, Khúc-tri châm đúng thần kinh tê rần đến cả cánh tay, Huyết Hiệp-cốc châm đúng tê rần lên đến vai (khi châm xoay kim trở lên). Những huyết Xích-trạch, Thái-uân, Kinh-cự châm đúng tê đến các ngón tay, đặc biệt huyết Nội-quang, Lao-cung có khi tê thốn đến cả trong tim. (Có trường hợp châm huyết Hiệp-cốc trị bệnh đau yết hầu khi châm đúng huyết này tê chạy đến cổ họng khoan khoái ngay).

Bộ phận ở Chân

Những huyết Hoàn-khiêu, Phong-thị, Dương-lăng-tuyền, Âm-lăng-tuyền, Huyền-chung, Cồn-lôn, châm đúng thì tê rần đến suốt cả chân, bàn chân Huyết Huyết-hải tê đến vùng hán, bụng dưới. Huyết Tam-âm-giao tê đến cả da con nên trị được bệnh ở bộ phận sinh-dục, vì vậy nên đối với đàn bà chữa cấm châm cứu, Huyết Tác tam lý châm đúng tê đến vùng dạ-dày, (khi châm xoay kim trở lên), tê đến suốt cả ống chân bàn chân (khi châm kim xoay trở xuống).v.v.

Vậy khi châm đúng huyết-vi, thì thật là huyền-diệu, nên nếu có luyện tập được thì nhất định trị bệnh có kết quả ngay, nếu sai thì không công hiệu được. Như thế một người mới học làm sao nắm được bí quyết này ?

Học châm cứu cần quyết tâm luyện tập thủ thuật cho điều luyện bạn mới học ban đầu mới trị 1 bệnh như khi châm hỏi họ đã tê chưa ? Tê như thế nào ? (Nếu lần đầu chưa có kết quả, hy vọng lần thứ 2 cũng vẫn đề ý như thế, không nên chán nản).

Sau trị cho người thứ 2, thứ 3, nếu cũng áp dụng huyết ấy thì cũng hỏi như thế, để nhận định đúng huyết, nhận định tác dụng xử dụng huyết ấy đúng hay sai, rút kinh nghiệm, để sau cùng cứ y như thế mà thực nghiệm lối 9, 10 người. Nếu cố nhẫn nại, cầu

tiến, quyết tâm học tập cho được một thuật pháp kỳ diệu thì như định đoạt được mục đích.

•Nên nhớ trên đây tôi chỉ đưa ra những huyết chính yếu để nhận thấy khi châm đúng huyết thì có sự cảm giác thế như thế, vậy khi thi hành thủ thuật bất kỳ huyết nào ở bộ phận nào cũng cần bởi xem bình như cảm nhận như thế nào để nhận định mà rút kinh nghiệm bản thân. Vì khi châm đúng vị trí huyết thì đều có sự cảm giác như trên và như định có công hiệu.

V.— CHÂM CỨU TÂN LIÊU PHÁP

I.— CHÂM DẪN ĐIỆN

Dùng điện lực để trị bệnh có hai tác dụng :

- 1) Tác dụng Hưng-phân (làm vượng phát mạnh).
- 2) Tác dụng Trấn tĩnh (làm hòa điệu).

Y khoa hiện nay dùng năng lực của điện để làm cho các bộ phận thần-kinh hay cơ nhục bị tê dại, hoặc liệt bại được khôi phục lại (Hưng phần tác dụng) và để làm cho các tổ chức tê nhức, đau được bớt căn trương tức làm tiêu viêm chỉ thống (trấn-tĩnh hay ức-chế tác dụng. Đó là lợi dụng năng lực của điện áp dụng trị liệu trên những kích thích diềm của thần kinh cơ nhục để nhờ điện lực kích thích các cơ năng thần kinh ấy mà trừ được bệnh.

Đối với châm trị hiện nay đem áp dụng điện lực để trên kim dẫn điện tại huyết đạo trị bệnh lại càng được nhiều hiệu quả hơn, vì những diềm kích thích thần kinh tức là những huyết đạo, nên dùng huyết trị bệnh dẫn điện lực thêm vào thì đối với tác dụng Hưng phần, Trấn tĩnh lại càng được đặc lực hơn.

Châm cứu trị bệnh thì Châm bổ tức là áp dụng tác dụng Hưng-phần, Châm tả tức là áp dụng Ức-chế, trấn tĩnh, nếu lại thêm dẫn điện là lợi dụng kim châm thuộc điện tánh hợp thêm điện lực dẫn vào phát sanh tác dụng mạnh hơn, vì Thần kinh do huyết đạo dẫn truyền vào lại được trực tiếp kích thích nên hiệu năng trị bệnh được nhiều công hiệu.

Vậy đối với các bệnh Tê bại, yếu xuôi, đau nhức áp dụng châm dẫn điện nhưc định có rất nhiều hiệu quả.

Dùng điện lực cho vào cơ thể người bệnh là lợi dụng làm cho huyết lực của cơ thể được mạnh được tăng thêm, khôi phục cơ năng bị bệnh, như thế nên dùng để phụ trợ châm lực, vì vậy không phải tùy theo kinh nào hay huyết nào cũng xử dụng, mà nên hiểu dùng huyết là chính mà dùng điện lực dẫn là trợ giúp.

Khi áp dụng châm trị dẫn điện thì trước nên châm trị dùng các huyết chính để trị bệnh là chủ yếu rồi mới dùng thêm điện dẫn, tức là dùng âm dương điện, bảo bệnh như một tay cầm nắm (poire), âm, rồi dùng bộ phận dẫn điện dương để trên kim cho luồng điện theo kim truyền vào kinh lạc, để trừ khử tại chỗ, tổ chức bị bệnh, làm cho cơ năng bị bệnh được khôi phục. Như trị chứng Thần kinh ma tê Khi áp dụng huyết châm trị, lưu kim, rồi dùng bộ phận dẫn điện trên đầu cán kim làm cho bệnh như cảm nhận chạy rần cả... (Khi xử dụng dẫn điện thì bệnh như 1 tay cầm nắm poire) âm. Thần kinh khôi phục lại, như thế mới hiệu quả.

Phương thức này cũng như phương pháp châm đầu cứu pháp, tức châm rồi để ngai cứu trên đầu kim.

Hiện nay ở Trung Hoa và Nhật bản mới phát minh máy châm dẫn điện (có kèm tài liệu chỉ dẫn xử dụng trị liệu và để dò huyết vị gọi là Kinh-huyết Thâm-lỗ khi dùng trị các bệnh đau nhức tê mỏi rất hay ; tôi có dùng thực-nghiệm có nhiều kết quả.

Xin giới thiệu những bệnh đã thực nghiệm hiệu quả sau đây :

1 — Trị bệnh đau lưng 8 năm không khom được.

Có Hoa 37 tuổi đau lưng (giữa sống lưng, tích bối) đau nhức đã 7, 8 năm. các thứ thuốc dùng không công hiệu, lưng không khom được, nhức như bị gãy, trời lạnh hay mùa hạ cũng vẫn đau không nhất định.

Trị pháp : Châm Nhân-trung tả 5 lần, Cứu Thận-du, Mạng-môn 5 tráng, kết quả không phản ứng gì.

Trị lần thứ hai Châm Tích-trung (chỗ đan) tả 3 lần sau dẫn điện trên kim 10 phút.

Kết quả ban đầu không biết, sau cảm giác như chỗ đau rần tan ra 1 vùng ở lưng (tức độc bệnh chạy nhưng cũng không cảm giác gì, dẫn điện thêm 30 phút nữa, sau tả 3 lần, và công 2 lần, nhỏ kim).

Kết quả bảo, công lưng, hơi hoạt động được.

Trị lần thứ 3. Cũng châm như trên, không dẫn điện, lại không có phản ứng gì.

Vậy trị bệnh này lúc đầu châm không dẫn điện không có phản ứng, lần thứ hai, dẫn điện thì biết có chạy rần ở cả lưng, lần thứ ba thử không dẫn điện thì không có phản ứng nữa.

Như thế chứng minh là dẫn điện trên kim trợ lực có phản ứng nên có hiệu quả.

2.— *Trị bệnh hai vai đau nhức.*

Bệnh nhân, Anh Vinh 45 tuổi bị bệnh hai vai đau nhức đã 4 tháng, có thử máu cho là bị bệnh độc Giang-mai tiêm thuốc trừ sâu và các thử thuốc diệt trùng không hiệu quả sau dùng thuốc Đông-y cũng vô hiệu, hiện bệnh hai vai đau nhức không cử động được.

Trị pháp : Châm Kiên-ngung 2 huyết tả 5 lần, công 1 lần, Khúc-trì bên phải tả 5 lần. Dùng điện dẫn lên kim.

Hiệu quả Cảm giác chạy từ cuồn tay lên đến vai, trong mấy phút sau đó hai vai hết đau nhức. Thật kết quả mỹ mãn.

3.— *Trị bệnh Phong Thấp đau nhức khớp xương, bại hai chân.*

Bệnh nhân, anh Can 19 tuổi ban đầu phát ngón chân út mọc mụn độc lại di độc lên đến chỗ khuỷu (huyệt Hoàn-khiêu) đau nhức, đi Bệnh viện trị hết, sau biến làm chỗ đau gối sưng, hai chân đều nề cục, không vận động được, thành bại hai chân.

Trị pháp : Châm Phong-phủ, Giải-khê, Dương-lăng-tuyền, Tuyết-cốt, Tam-âm-giao, Cồn-lôn tả 3 lần, Khúc-trì tả 2 lần bờ 2 lần. Tịch-Chí-âm, Khuyết-âm, Lệ-đoài, Đại-đò ra máu.

Cửu Hoàn-khiêu, Tam-lý, Khuru-hư, Âm-lăng-tuyền, Dương-lăng-tuyền, Túc-lâm-khấp đều 5 tráng.

Kết quả không phản ứng.

Trị lần thứ hai : Châm Phong-thị, Thái-xung, tả 3 lần, Tuyết-cốt Tam-lý, Dương-lăng, Xích-trạch, Khúc-trì tả 2 lần,

Cửu Tỳ-du, Vi-du, Tam-âm-giao, Giải-khê, Cồn-lôn, Tỳ-bát phong đều 2 tráng (bảy giờ bên khớp đầu gối mặt hơi sưng lên).

Trị lần thứ ba trị như trên, bảy giờ bên khớp bàn chân mặt (chỗ huyệt Giải-khê sưng thũng).

Trị lần thứ 4. Châm Thái-xung, Giải-khê, Thương-khuru tả 3 lần, Khúc-trì, Túc-tam-lý, Tam-âm-giao, Tuyết-cốt, Âm-lăng-tuyền, Dương-lăng-tuyền bờ 2 lần tả 2 lần, bảy giờ thêm dẫn điện trên các kim 30 phút. Truyền điện xong xoay kim bờ tả rồi rút kim.

Cửu Vị-du 9 trảng, Hoàn-khiêu 9 trảng, Côn-lôn và Túc-bát-phong đều 3 trảng.

Kết quả Chân trái dễ xuống đất được, chân mặt bấy giờ chuyển vận mạnh.

Trị lần thứ 5 Châm trị y như trên và dẫn điện 40 phút.

Kết quả : bấy giờ đi được mấy bước.

Sau tiếp tục trị như trên mấy lần nữa, bệnh như đi đứng được như thường, sắc mặt hồng hào và bình phục hẳn.

4.— *Trị bệnh biến phong Nan hoán (bại bán thân).*

Bệnh nhưn, Ông-Sanh 55 tuổi nửa năm trước bị chứng trúng-phong, hơn hai tháng không dậy nổi, bấy giờ tay trái không đưa cao lên được, chân mặt không vận động được, trị châm cứu các thầy rồi vẫn không nhẹ.

Trị pháp : Châm Kiên-ngung, Khử-trì, Dương-lăng-tuyền, hèn mạnh hồ trước hèn bại tả sau, dùng điện dẫn châm phối hợp trong 30 phút. (dẫn điện bên bại)

Hiệu quả : Trị xong tay đưa cao lên được 4, 5, tất, chân hoạt động hơi mạnh.

Trị lần thứ hai : Châm trị y như trên cũng dẫn điện 50 phút, kết quả vận động được.

Trị tiếp luôn 3 lần nữa cũng áp dụng dẫn điện như trên. Kết quả, bệnh nhẹ hẳn vận động được như thường. Rất kiến hiệu.

5.— *Trị trẻ em chân bị bại.*

Bệnh nhưn, cháu Quốc 2 tuổi bị bại hai hơn 18 tháng, tay chân đều bại xuôi, sau lần lần hai tay và chân trái bớt chỉ còn chân mặt, chỗ khớp đầu gối co vô lực không di động được, ngón chân cũng cồng vào không ngậy ra được.

Trị pháp : Châm Hoàn-khiêu, Dương-lăng tuyền, Phong-thị, Tuyết-cốt, Tam-lý, Tam-âm-giao, Dũng-truyền, Trường-cường, Côn-lôn, châm vừa dùng ngải quỳện cứu xung quanh chỗ kim châm.

Cửu Âm-lăng tuyền, Ủy-trung, Hoàn-khiêu, Thận-du, Mạng-môn. Túc bát phong đều 1 trảng.

Hiệu quả : Các ngón chân hoạt động co duỗi được.

Trị lần thứ hai : Châm Hoàn-Khiêu, Dương-lăng, Âm-lăng, Đại-chùy, Tam-lý, Trường-cường. Tuyết-cốt, Phong-thị, Tam-âm-giao,

Dũng-tuyền, phối hợp dẫn điện trên các kim cả thấy 20 phút, nhỏ kim.

Tiếp cứu : Côn-lôn, Dương-lãng, Tam lý, Tam âm-giao, Tuyết cốt Giải-khê, Trung-phong, Khưu-hư đều 1 tráng.

Hiệu quả : Chân bên mặt vận động được, quỳ được.

Trị lần thứ ba : Y như trước Thêm Thái-xung, Côn-lôn, Hiệp-khê, tiếp dẫn điện, sau cùng rút kim cứu bằng Ngại quỵện mỗi huyết 1 lần.

Hiệu quả : Chân hoạt động được mạnh, và sau lần lần bình phục hẳn.

Kết luận : Châm dẫn điện những bệnh giới thiệu trên đây rất công hiệu, nhưng chú ý sau mỗi lần dẫn điện rồi đều xoay kim bỏ tả mới rút kim cốt làm cho độc bệnh tan ra, hay bỏ thêm lực vào, có khi cũng vẫn áp dụng cứu thêm sau khi dẫn điện là dễ giữ được sức nóng và bỏ thêm, như trường hợp trị bệnh bại trẻ con trên đây

Châm dẫn điện có công hiệu nhưng nên nhớ những bệnh mới cảm mạo sơ phát không nên dẫn điện vì có thể dẫn tà vào sâu, vậy đối với những chứng mới nên cấm dùng.

VI.— NGẠI QUYỆN CỨU TRỊ

Dùng ngại Quyên cứu tức chế ngại điệp và thuốc hoặc thêm xa hương quán thành cây thuốc, đốt một đầu châm vào huyết làm cho nhiệt lực thâm nhập vào cơ thể rất tiện lợi.

Năm 1951, lúc tháng sáu nhơn có 1 người thỉnh linh tự nhiên la đau bụng dữ dội, bắt đi cầu, nhưng chỉ bắt rặn ruột kêu xuất mồ hôi lạnh, trong lúc cấp cứu, tôi lấy ngại vẫn điều thuốc đốt cứu huyết Đại-trường-du 7, 8, phút, tức thời đi cầu ra nước nhưng còn đau bụng, tôi cứu thêm Túc-tam-lý 10 phút nữa, hết đau bụng nhẹ hẳn, ngày sau làm việc như thường.

Một lần nữa, lúc ban đêm, 1 người bệnh nóng lạnh, la đau toàn thân đồng thời la đau bụng, đi tả nước mấy lần, như chứng sưng ruột, cho uống thuốc cấp cứu thổ tả thì lại làm mưa. Tôi dùng ngại quyên cứu các huyết Thiên-xu, Túc tam lý, Thần khuyết, Đại trường du cả thấy gần nửa giờ. Sau đó các chứng lần lần giảm, nhưng bệnh nhơn vì ở xa mai sáng phải về, tôi sợ sâu phát chứng Mạng tánh trường viêm, nên trước khi đi tôi cứu thêm huyết Túc tam lý và Thiên-xu, cứu đến khi không còn đau bụng âm ỷ nữa, và không bắt đi cầu nữa. Rồi cấp thời bệnh nhơn phải về, sau thơ cho biết từ ấy về sau hết hẳn.

Vậy hai lần trị dùng ngại quyên trên đây thấy rất kết quả, tôi bắt đầu áp dụng trị bệnh cứu thể ngại viên thấy có những sự tiện lợi sau đây :

1. — Nhiệt lực mau phân tán toàn thân như cứu huyết Bách-hội lập tức cảm xúc ngay.

2. — Có thể cứu các chỗ bộ phận không tiện dùng ngại viên.

3.— Dùng cứu bồ làm trấn lĩnh tinh thần rất mau (đối với chứng vừng châm, xiều, dùng ngải quỳ cứu ngay tại huyết Túc tam-lý tỉnh lại liền.

4.— Những chứng cấp cứu dùng kim châm không kịp thì dùng ngải quỳ châm cứu kiến hiệu cũng mau.

Cách dùng : Dùng giấy hồi (vì giấy khác khó cháy), đề ngải và thuốc lên trên giấy vắn như điều thuốc, hai đầu bằng lối hơn (vì 1 đầu nhỏ 1 đầu lớn thì hao thuốc mà khúc sau “ thuốc cứu không hiệu quả). nên dùng ngải củ lâu năm càng tốt, vì củ sức nóng ôn hòa, hương dịu, ngải mới sức nóng quá làm rát mà hương bắc khó chịu. (chế ngải theo Thái-Ất-Thần-châm hay Lôi-hòa-châm).

Thủ pháp : Cứu trị bằng ngải quỳ dùng hai phương thức sau đây :

Hoặc cứu trị làm cho vừng phát tức Hưng phần tác dụng, hay làm cho giảm bớt, chế ngự trấn lĩnh tác dụng thì áp dụng hai phương thức là Ôn-hòa cứu và Trước tác cứu.

I) *Ôn hòa cứu :* Đốt ngải quỳ đề lên huyết cách chừng đề hơi nóng vào mới thôi, nếu cứu thể ngải viên thì châm đề xuống cho nóng thì lấy lên, như 1 trảng ngải cứu, 3 trảng thì 3 lần.

II) *Trước tác cứu :* Cũng cứu như trên nhưng cứ lấy lên đề xuống như chim mổ trong 5,10 phút cho sức nóng thấm thấm nhập vào (Phương pháp này của châm sư Châu-Liên, nay tôi áp dụng rất có kiến hiệu.

Xin giới thiệu những chứng bệnh dùng ngải quỳ cứu trị có kết quả sau đây :

1.— *Trị trẻ con tả ra nước.*

Cháu Tháo 3 tuổi vì cho uống dầu nên làm chứng nhũn tả ra nước luôn không cầm.

Trị pháp : Dùng ngải quỳ cứu các huyết : Trung-vườn, Thần-khuyết, Thủy-phần, Âm-giao, Khí-hải, Túc tam-lý, dùng ôn hòa cứu 1 lần như cứu 1 trảng.

Kết quả : Hết tả, bình phục hẳn.

2.— *Trị trẻ con ọc mửa nước.*

Cháu Tư 3 tuổi vì dạ dày yếu hay phát ọc mửa, có khi mửa đồ ăn,

Trị pháp ; Cứu Thiên-đột, Chiên-trung, Trung-nguyên, Hạ-nguyên, Khí-hải, Thiên-xu, Vị-du, Tỳ-du, Túc-lam lý. Ôn hòa cứu 2 lần.

Kết quả hết ọc mữa.

Cách 5 ngày sau lại phát trở lại trị 1 lần nữa như trên, hết hẳn sau không tái phát nữa.

3.— *Trị bệnh nhức khớp xương tay.*

Cô Giác 34 tuổi, chỗ gần cườm tay sưng nhức, khớp xương đau vận động càng nhức bệnh đã 10 ngày.

Trị pháp : Dùng ngải quỳ cứu Dương-cốc, Dương-tri (chỗ đau) Đại-chùy, Ngoại-quang, Thái-yên, Hiệp-cốc. Ôn hòa cứu đều 2 lần.

Kết quả : Bớt nhức, tay vận động được, còn sưng.

Trị lần thứ hai : Trước tác cứu huyết Dương-tri 40 phút, các huyết trước trị như trên.

Kết quả : Sưng xẹp và bình phục hẳn.

4 — *Trị bị té sưng chân.*

Bà Hưng 52 tuổi bị té sưng chân nhức khó chịu.

Trị pháp : Dùng ngải quỳ cứu huyết Hàm cốc, Thái-xung ôn hòa cứu 4 lần.

Kết quả : Sau khi trị đi về không đau, bớt sưng, và lần lần về sau nhẹ hẳn.

5.— *Trị chứng Thở huyết mất ngủ.*

Anh Luân 23 tuổi bị thở huyết mấy ngày dùng đủ thuốc đông tây không công hiệu, nếu ăn đồ gì nóng là thở huyết ngay, ban đêm không ngủ được, chỗ vú có hơi đầy khó chịu, tiểu tiện đi rất nhiều.

Trị pháp : Dùng ngải quỳ cứu các huyết, Bách hoi, Chiên-trung, Nhũ-cẩn, Trung-nguyên, Khí-hải, Phế-du, Cách-du, Can du, Tỳ-du, Xích-trạch, Hiệp-cốc, Túc-lam-lý, Tử-hoa huyết ôn hòa cứu 1 lần.

Kết quả cứu xong bắt đầu buồn ngủ, ngủ được hai giờ, tỉnh dậy, thở ra máu 2 húng rồi hết hẳn.

6.— *Trị bệnh hư nhược sau làm xoay xẩm, ngực bụng nổi cục đau.*

Bà Thành 51 tuổi, bị bệnh chỗ ở tim đau, bụng đau ớn lạnh đầu xoay xẩm sợ gió.

Trị pháp : Dùng ngải quỳ ôn hòa cứu các huyết :

Bách-hội, Phong-trì, Tinh-hồ, Thương-tinh, Mạng-môn Thân-du, đều 3 lần, Chiên-trung, Thủy-phần, Thần-khuyết, Thiên-xu đều 1 lần, Khí-hải, Quang-nguyên Đại-lãng, Nội-quang đều 3 lần, Túc-tam-ý, Tam-âm-giao, Thái-khê, Côn-lôn đều 5 lần. Kết quả cứu xong tinh thần phấn khởi, về nhà ra mồ hôi, các chứng mất hẳn, sắc mặt hồng hào khỏe mạnh làm lao động được.

III.— CHỈ CHÂM

(Châm thuật bằng móng tay)

Đây là 1 thủ pháp dùng móng tay châm ấn tại huyết vị để trị bệnh cho trẻ em và những trẻ vị thành niên, dùng thủ pháp này cũng có tác dụng Trấn tĩnh hoặc Huoag phần (tức dùng tác dụng châm thuật không khác nào dùng kim thuật.

Phương pháp thực hành : Dùng ngón tay cái, ngón trỏ hay ngón giữa, hoặc 2 ngón ấn tại huyết và tùy thần kinh sâu cạn mà áp dụng thủ thuật, cũng ấn cho tê rần như châm kim như thế mới đúng và công hiệu :

Cách áp dụng chủ trị như sau đây :

— Trị bệnh đau răng dùng huyết Thiên-dung (dưới tai 3.4 phân) lấy ngón tay trỏ ấn móng tay tại huyết vị làm cho tê ắt hết đau ngay.

— Bệnh nghẹt mũi dùng huyết Nghinh-hương lấy móng tay ngón trỏ hay ngón cái ấn tại hai bên cánh mũi.

— Đau yết hầu, dùng huyết Hiệp-cốc, 2 ngón tay cái và trỏ ấn trong bàn tay và tại chỗ hồ khẩu cho tê rần công hiệu ngay.

— Đau tay chân, nhức mỏi dùng huyết Gian-sử (ở tay) huyết (Túc-tam lý (ở chân) dùng 3 ngón tay nắm tại chỗ ấy và móng tay ấn tại huyết.

Dưới đây những bệnh dùng huyết chủ trị, có thể tùy áp dụng ấn huyết trị rất kết quả như dùng thủ pháp châm kim :

1.— Nhức răng : dùng những huyết, Hạ-quang, Giáp-xa, Thiên-dung, Thái-dương Hành-gian, Nội-đinh,

2.— Đau yết hầu : khó nuốt đồ ăn, ho, mất ngủ dùng các huyết Nhị-gian, Tam-gian, Hiệp-cốc, Thương-khưu, Túc-tam-lý.

3.— Mất đồ đau dùng các huyết : Toán-trúc, Tư-trúc không, Tinh-minh, Thái dương.

4.— Nghẹt mũi dùng các huyết, Nghinh-hương, Hòa-liêu, Tố-liêu.

5.— Nhức đầu dùng các huyết Thái-dương, Đẩu-duy, Khúc-măn, Huyền-ly, Bách-hội.

6.— Đau chân dùng các huyết, Dương-lăng-tuyền, Giải-kê.

7.— Tai đau, tai ù dùng các huyết, Lễ-phong, Thính-cung, Nhĩ-môn. Ngoài ra tùy chỗ đau cũng có thể áp dụng thủ pháp chỉ châm, trừ các bộ phận dùng huyết như ở bụng và các chỗ thần kinh khác không thể áp dụng chỉ châm thì dùng kim châm hay ngải cứu trị, phối hợp. Thủ thuật này hiện nay ở Nhật-bản các châm sư dùng nhiều để trị trẻ con.

Gần đây có ông bạn Châm y thực nghiệm trị chứng nhứt đầu ấn móng tay cái tại huyết, Bách-hội làm nóng bưng cả đầu, trị 2 lần hết hẳn.

THỦY CHÂM LIỆU PHÁP

(Tìm thuốc vào huyết trị bệnh)

Gần đây có nhiều người theo Tây-y nghiên cứu cách tìm thuốc vào huyết để trị bệnh, nghĩa là tùy chứng bệnh mà dùng thuốc tìm và áp dụng tùy bệnh thủ huyết mỗi huyết tìm vào 1 ít thuốc. Đối với chứng bệnh dùng bao nhiêu huyết thì đều tìm thuốc vào các huyết ấy để làm cho thuốc trực tiếp vào kinh-lạc dẫn đến kinh tạng bị bệnh được mau kiến hiệu.

Phương này mới nghiên cứu chưa thấy phổ biến rộng. Châm sư Trần-Tồn-Nhơn giới thiệu trị bệnh nhứt đầu dùng phương pháp trị liệu sau đây.

Trị chứng Thần kinh tách Đầu thống. Hiện chứng trạng nhứt đầu hoa mắt, xoay xẩm tai ù, tim đập mất ngủ, người mệt mỏi, mỗi lần làm việc gì về tinh thần thì liền phát ngay.

Trị pháp dùng các huyết Hiệp-cốc, Thái-dương, Phế-du, Vị-du.

Dùng sérin lấy 1cc thuốc Nô-phất-dịch tim vào các huyết dưới da (nắm da lên tim ngay huyết vào cơ nhục) mỗi huyết 1 tý thuốc các huyết Phế-du, Vị-du mỗi lần trị áp dụng hai huyết tréo nhau, tức huyết Phế-du bên trái thì huyết Vị-du bên mặt, và trái lại.

Tim trị như thế 4 lần bệnh hết hẳn không tái phát.

Tôi xin ghi vào đây để nghiên cứu. Các sách châm cứu gần đây có nói Thủy-châm, nhưng phương thức trị liệu này cần phải chuyên môn, hiểu rõ được tánh nhất là Ấu được dùng đúng thuốc mới mong đạt được kết quả, nếu không ắt gặp sự phản ứng nguy hại.

Vậy đây cũng là một sự tiến bộ của ngành Y học nhưng phương thức trị bệnh này được nhiều kết quả mỹ mãn còn nhờ sự nghiên cứu sau này mới có thể chắc chắn được.

V.— CHÂM CỨU TRỊ GẶP PHẢN ỨNG

Phạm bệnh như hư suy mất hiện sắc mét khi châm trị dễ bị phản ứng (tức xū) mà cứu trị cũng có khi gặp phản ứng tuy rất ít. Vậy trong lúc châm trị thường trong một trăm người có khi gặp một hai người (1%) còn cứu trong 1000 người có lúc cũng gặp 1 hay 2 người. Vậy phạm gặp bệnh như hư suy nhược thì hay gặp hiện tượng phản ứng, nhưng trị liệu có hiệu quả, tôi có trị ít bệnh hư suy nhược, khi châm trị gặp phản ứng, cấp cứu bệnh khỏe lại, về sau bệnh giảm và nhẹ hẳn, Đơn cử ít bệnh sau đây để nghiên cứu.

1.— Trị bệnh đau bên đầu gặp phản ứng.

Ông Mai 55 tuổi lúc thanh niên bị mai độc, thường hai chân hay đau như đã mấy năm dùng châm cứu trị, gần đây chân bớt đau, nhưng lại công lên đau đầu phía bên mặt (phía sau đầu dần qua một bên đau như thuốc bán biên đầu thống) đau liên tiếp mấy ngày chịu không được, dùng đủ thuốc không công hiệu, đến trị xem bệnh nhân vì già yếu (bần huyết tánh) không thể trị 1 vài lần nhẹ được, tôi dùng các huyết châm trị :

Châm Phong-trì, Phong-phủ và chỗ bên đau tả hai lần.

Kết quả : chỗ đau tan dần hơi bớt

Thị lần thứ 2 : ngày sau châm trị, Túc-lâm-khấp, Lây-cấu, Đại-trử, Phong-trì (bên mặt) tả 3 lần,

Kết quả giảm 2/3 (giảm 11).

Trị lần thứ 3. Hôm sau châm Phong-trì, Đại trử, Lây-cấu, Túc-lâm-khấp bên mặt tả 2 lần, Phục-khu, (mặt) hữu 4 lần.

Đương châm-trị, liền biến sắc trầm trọng, bị phản-ứng mắt rục thương bất tỉnh, tôi liền điu cho nằm, dùng ngại quỳện ôn được cấp cứu ốt Khí hải. Quang-nghuyên nửa giờ, người hơi tỉnh lại, bây giờ tiếp xoay kim các huyết châm trước, bỏ 1 lần lấy kim, để khỏe 1 giờ sau mới về. Hôm sau lại cho biết bệnh từ ấy giảm nhẹ hẳn đến 95/ và về sau chỉ bồi dưỡng ăn uống và nghỉ ngơi, bệnh lành hẳn không tái phát nữa.

2. — Trị bệnh đau chân gặp phản ứng.

Ông Năm 33 tuổi hai chân đau từ đầu gối trở xuống thường hay nhức rất khổ sở.

Trị-pháp : Cứu Hoàn-khiêu, Phong-thị, Âm-lăng-tuyền, Dương-lăng-tuyền, Túc-tam-lý, Tam-tam-giao, Túc-lâm-khấp, Túc bát-phong đều 3 trảng. Định cứu xong thì châm Phong-phủ, Thái-xung. Nhưng đương cứu liền gặp ngay phản ứng làm tiểu tiện tự sồn vãi ra.

Lập tức đỡ nằm yên tĩnh, cấp cứu khi bệnh nhưn khỏe tỉnh táo thì chùng đau chân hết hẳn.

Kinh nghiệm

Đơn cử hai bệnh trên đây, vậy trong lúc trị bệnh bằng châm cứu thường cũng khó tránh phản ứng, vì nếu người hư suy quá độ, không thể châm trị ngay, vì sợ phản ứng, nhưng trường hợp cứu trên, đây cũng có thể xảy ra tuy rất ít (1/1000) còn đối với người trai tráng khỏe mạnh có khi châm trị cũng gặp phản ứng, mà lại phần nhiều, tuy vậy cũng chỉ cần cấp cứu kịp thời và luôn luôn bình tĩnh, nhưng cần phải hiểu rõ để đề phòng cấp cứu.

Nhưng đối với những chứng gặp phản ứng lại sau khi cấp cứu bệnh phục thì bệnh lại thuyên giảm nhiều.

Vậy trong lúc làm sản trị bệnh thường gặp những trạng thái sau đây, xin ghi rõ để phòng bị :

Châm cứu trị bệnh nếu có phát làm ợc mửa, hoặc mửa dữ dội (mửa xong lại hết), cũng có bệnh phát ra mồ hôi lạnh, hoặc xiền,

tay chân lạnh, nếu trầm trọng thì ngã té, hoặc vài tiểu tiện (són đái) như trường hợp bệnh trên, châm y nên bình tĩnh cấp cứu thì được an toàn bình phục cả sau này bệnh thể (nguyên bệnh) lại có kết quả không biến sanh nguy hiểm.

Vậy theo kinh nghiệm tổng kết sau đây để khi lâm sàng trị bệnh châm y được vững tâm khỏi phải lo sợ.

1. — Để phòng phản ứng.

Xem bệnh như thấy người mệt mỏi suy yếu, xanh xao, ất ả thể nào cũng gặp phản ứng, thì nguyên tắc nên tránh dùng dùng châm trị, trừ phi không thể không trị, thì nên để nằm yên một chập rồi mới châm (để nằm châm), hoặc dùng thuốc thối mũi cho nhảy mũi rồi sau mới châm, như thế là an toàn nhất tránh được phản ứng (thuốc nhảy mũi Thông-quan-tán trị Trùng phong).

2. — Để phòng khi châm bị xoay xảm.

Trước khi muốn tránh khỏi bệnh như xoay xảm thì khi châm kim vào nên hỏi bệnh như, như có cảm giác muốn xoay xảm, tim đập (nhớ bắt đầu phản ứng là có hiện tượng này ngay), như vậy là đã bị phản ứng, phải gấp dùng thuốc thối vào mũi cho nhảy mũi ngay, nhẹ thì cho uống lý nước ất hết (trường hợp nhẹ đã nói cách xử trí vừng châm ở Quyền 1 Châm-cứu thực-hành). Nếu gặp trường hợp không hết thì gấp dùng Ngại quyền cứu huyết. Túc-tam lý (trực tiếp cứu 3 tráng), nếu nặng chưa tỉnh thì cứu thêm các huyết Bách-hội, Nội-quang. Đại-chùy đều 3 tráng ất khỏe lại ngay và nhờ để nằm nghỉ một chập cho bình phục hẳn mới cho về.

3. — Cấp cứu bất tỉnh nhưn sự.

Có khi bệnh nhưn bị phản ứng tinh thần quá bị kích thích biến sắc làm bất tỉnh nhưn sự, gấp để nằm yên dùng Ngại quyền cứu huyết Túc-tam-lý 7 tráng, Bách-hội, Đại-chùy 5 tráng, Nội-quang 3 tráng thì tỉnh lại liền, như chưa thì châm thêm huyết Nhôn-trung cho cảm xúc mạnh cũng tỉnh lại ngay, bình phục như thường.

4. — Cấp cứu bị phản ứng thể nguy, lâu không tỉnh.

Gặp phản ứng khi đã dùng tất cả các phương pháp trên mà không kiến hiệu, lại thêm mồ hôi ra đầm đề, lâu không tỉnh, rất nguy hiểm, cấp dùng ngại quyền cứu Quang-nguyên, Khí-hải ất tỉnh,

thậm chí vài đài, (trường hợp bệnh cứu trị đau chân trên) cũng tỉnh lại và hết ngay, đã trị nghiệm cấp cứu bệnh trên).

Phạm gặp các chứng lạnh-khuyết Trùng-phong, bụng đau, chân lạnh, dải thụt nguy, cấp cũng đều dùng ngay quyền cứu các huyết Quang-nguyên, Khí-hải, Thận-du, Mạng-môn đều có hiệu quả.

5. Chú ý sau khi trị phản ứng.

Sau khi cấp cứu bệnh phản ứng, khôi phục lại, rồi thì bất kỳ khi trị những huyết nào đã dùng tả pháp đều đình chỉ mà chuyển qua bờ 1 lần mới lấy kim và để bệnh như nằm nghỉ nửa giờ hay 1 giờ mới đi về và bảo bệnh như bình tĩnh dưỡng thì bệnh thể (nguyên bệnh) đều hoàn toàn bình phục hoặc giảm nhẹ hiệu quả ngay.

VII.— CỨU TRỊ : BÍ TRUYỀN

Bi truyền cứu trị nghiệm phương.

Phụ thực nghiệm của Danh-sư Châm-cứu Liễu-Cốc-Tử-Linh Nhứt-bản.

Từ xưa ở nước ta các vị Y-sư tiền bối đều phần đông dùng cứu trị nhiều hơn châm trị, hiện nay cũng còn thấy nhiều vị Lão-y vẫn dùng nhiều thật ra những chứng Thần-kinh ma tà, Thần kinh thống không dùng cứu trị thì không công hiệu, nhưng cứu pháp có nhiều thứ; như trực tiếp cứu, cứu cách gờng, cứu cách tởi v.v.. (quyền châm cứu thực hành đã có nói rõ), nhưng những sự sai lầm hiện nay cứu làm cho phỏng lở rất nhiều, thậm chí có người bị lỡ cả thừng chưa lành (có nhiều bệnh như đến tôi trị bệnh thấy toàn thân đầy cả vết sẹo thâm đen đã mấy năm không phai, nhưng bệnh vẫn không hết hẳn, có người thuật lại chịu đau nhức khổ sở cả mấy tháng vì vết cứu vì thế nên sợ. Xem rất kỹ lại thì có khi sai vị trí huyết cũng có, mà có khi vị nhân sai bệnh cũng có.

Vậy cứu cũng như châm cốt án đúng huyết, và khi cứu cũng có cảm giác rần nóng cả như luồng điện chạy phóng tán các nơi, như thế mới có kết quả, và khi dùng viên ngải cứu nhất là trực tiếp cứu nên dùng viên ngải rất nhỏ mới khỏi thương cơ nhục, và khi án đúng huyết thì khi cứu nhớ giữ đúng thế vị không nên làm di động sai lạc vị trí, như thế mới công hiệu.

Dưới đây xin phổ biến những phương thực nghiệm bí truyền của vị danh-sư, Nhựt-bồn đề tiện tham khảo, mà những phương này xưa kia các vị tiền bối chúng ta đã dùng rất kết quả.

1.— Chứng Khước-khí dùng các huyết : Túc-tam-lý, D-rung-lăng tuyền, Côn-lôn, Đại-lăng, Thần-môn, Trung-uyên, Quang-nguyên, (ban đầu dùng viên ngai nhỏ bằng nửa hột gạo cừu 3 trảng, sau quen chịu nóng được mới dùng viên ngai lớn bằng hột gạo cừu mỗi huyết từ 5 đến 7 trảng).

2.— Nhi xang (ghê ở tai) dùng các huyết : Giác-tôn, Phong-tri, (dùng viên ngai bằng nửa hột gạo cừu 5 trảng), Túc-tam-lý, Hiệp-cốc cừu 15 trảng đến 50 trảng).

3.— Trung-nhi-viêm : trong tai đau nhức dùng các huyết ; Nhiên-cốc, Phục-lưu, Khúc-tri (dùng viên ngai nhỏ bằng nửa hột gạo cừu từ 50 trảng đến trên 100 trảng).

4.— Nhức đầu dùng các huyết : Thiên-tru, Phong-tri, Hiệp-cốc (dùng viên ngai nhỏ bằng nửa hột gạo cừu từ 5 đến 15 trảng).

5.— Diện đình (mặt bị mọc đinh độc) dùng các huyết : Khúc-tri, Thủ-tam-lý, Hiệp-cốc (cừu từ 3 đến 5, 7, trảng, sau sẽ cừu nhiều hơn).

6.— Biên-đào tuyến-viêm (Nhủ-nga, Hầu-nga, Hầu-tê) dùng các huyết : A-thi-huyết, Hiệp-cốc, Phong-tri (dùng viên ngai nhỏ bằng nửa hột gạo cừu 7 trảng).

7.— Xỉ thống (nhức răng) dùng các huyết Khúc-mẩn, Giáp-xa cừu 5 trảng Xỉ-thống huyết (tại giữa tuyến giáp vai cừu 3 đến 7 trảng), Túc-tam-lý, Hiệp-cốc (cừu 10 trảng).

8.— Nhân bình (đau mắt) dùng các huyết : Can-du, Tích-trung, giữa đốt ngón tay giữa, Phong-tri, Hiệp-cốc, Giác-tôn (cừu 3 đến 7 trảng).

9.— Suyễn-súc dùng các huyết : Phế-du, Cao-hoan, Chi-thất, Phục-lưu, Khổng-tối (cừu 3 đến 7 trảng).

10.— Lặc-mạc-viêm (nhức sườn ngực) dùng các huyết : Khuru-hư, (cừu 3 đến 5 trảng) Khổng-tối (có ho cừu 3 đến 5 trảng), Cao hoan, Chi-thất.

11.— Bịnh Phổi dùng các huyết : Phế-du, Cách-du, Chi-thất, Thận-du (ngai bằng nửa hột gạo cừu 3 đến 5 trảng), Khổng tối (có ho cừu 3 đến 5 trảng) Túc-tam-lý, Phục-lưu, Hiệp-cốc (nếu người quá suy nhược ngai nửa hột gạo cừu 3 trảng).

12.— Tâm tạng bình Dùng các huyết Trung-xung, Thiếu-xung, Tâm-du, (cứ 3 ngày, nếu tim đập làm sợ sệt cứ thêm từ 5 đến 7 ngày).

13.— Dạ dày co thắt đau dùng các huyết : Lương-khưu, Túc-tam-lý, Lệ-đoái, Trung-uyên, Cách-du, (liên tiếp cứ đến hết đau), nhờ cũng dùng ngải nhỏ.

14. — Vị-viêm, (dạ dày sưng, đau) dùng các huyết : A-thị-huyết Lương-khưu, Túc-tam-lý, Trung-uyên (dùng ngải nhỏ cứ đến hết đau).

15.— Hạ-lỵ dùng các huyết : Đại-trường-du, Tiểu-trường-du, Trung-uyên, Quang-nguyên (ngải nhỏ cứ 7 ngày).

16.— Tiệt bí : Dùng các huyết : Dưới rún 2 lốt do ra phía trái tất và huyết Dương-cốc đều cứ 7 ngày.

17.— Thận tạng-viêm dùng các huyết : Chi-thất, Thận-du, Phục-lưu, Nhiên-cốc, Đại-trường-du, Tiểu-trường-du đều cứ 3 ngày sau sẽ tăng thêm.

18.— Bàng quang co thắt dùng các huyết : Quang-nguyên, Khúc-cốt, Phục-lưu Thận-du, Chi-thất đều cứ 7 ngày)

19. — Bàng-quang viêm dùng các huyết : Bắc-liêu, Thận-du, Chi-thất, Phục-lưu đều cứ 3 ngày.

20.— Niệu đạo viêm (sưng niệu đạo) dùng các huyết Dương-cốc, Chi-chánh, Bắc-liêu, Chi-thất, Thận-du đều cứ 3 ngày.

21.— Lâm-lậu dùng các huyết : Khúc-tuyền, Đại-đôn, Trung-chữ (cứ 30 ngày) Bắc-liêu, Thận-du, Chi-thất, Phục-lưu đều cứ 3 ngày.

22.— Tất-hoàn viêm (sưng hòn đái) dùng các huyết như trên.

23 — Bệnh tử-cung dùng các huyết : Bắc-liêu, Thận-du, Chi-thất (cứ 3 ngày) Quang-nguyên, Khúc-cốt (cứ 7 ngày) Khúc-tuyền cứ 30 ngày.

24.— Dạ niệu (đái đêm) Dùng các huyết : Quang-nguyên, Khúc-cốt, Thiên-xu, Xích-trạch, Phế-du cứ 3 ngày.

25.— Tích-chủy lao : dùng các huyết : Từ đốt sống lưng thứ 6 đến thứ 8 do ra 2 bên mỗi bên lấy 3 huyết cứ 3 ngày, sau thêm cứ Túc-tam-lý, Hiệp-cốc.

26.— Điện-giễn dùng các huyết : Tinh-hội Thần-môn, Phục-lưu, Nhiên-cốc cửu 5 đến 7 trảng.

27.— Ấp-huyết cao (đông mạch ngành hóa) dùng các huyết Thái-xung (cửu 3 trảng sau sẽ lãng) Hiệp-cốc, Phục-lưu. Cửu 5 trảng.

28.— Thần-kinh cánh tay đau dùng các huyết : Kiên-ngung (thần kinh ngoài ngón tay cái đau dùng, Khúc-tri, Thủ-tam-lý, Hiệp-cốc đều cửu 5 trảng. Thần kinh phía trong ngón út đau dùng Thiên-tôn, Thần-môn cửu 5 trảng.

29.— Thần kinh lưng, chân đau dùng các huyết : Thần-du, Chi-thất, Hoàn-khiêu, Ân-môn, Dương-lãng-tuyền, Thân-mạch cửu 5 đến 7 trảng.

30.— Lưng đau dùng các huyết : Thần-du, Chi-thất, Hoàn-khiêu, Thượng-liêu Côn-lôn, Thân-mạch cửu 5 trảng.

31.— Vai đau (kiên ngại phong) dùng các huyết : Thiên-liêu, Kiên-ngoại-du Hiệp-cốc Côn-lôn cửu 3 đến 5 trảng.

32.— Phong thấp thống dùng các huyết : Kiên-ngung, Khúc-tri, Thủ-tam-lý, Dương-tri (phong thấp đau ở tay dùng cửu 11 trảng) Thần-du, Hoàn-khiêu Ân-môn, Dương-lãng-tuyền, Thủ-tam-lý Thương-khưu (đau ở chân dùng cửu 11 trảng), nếu thuộc cấp tách thống không nên cửu.

33.— Bệnh trĩ dùng các huyết : Thủ-liêu đo ra 2 tấc cửu 30 trảng, Bách-hội, Khổng-tối, Phục-lưu cửu 3 trảng.

34.— Tử cung lạnh không có thai dùng các huyết : Khí-hải, Âm-giao, Thần-du, Chi-thất, Bắc-liêu cửu 3 đến 5 trảng.

35.— Thần kinh suy nhược dùng các huyết : Hiệp-khê, Thúc-cốt, Bách-hội, Thiên-tru Cửu 5 trảng.

36.— Sốt rét dùng các huyết : Đại-chùy, Thân-tru, Khí-hải, Khúc-tri đều cửu 5 trảng.

37.— Khớp xương giáp vai đau dùng các huyết : Thiên-liêu Kiên-ngung, Thiên-tôn, Kiên-trinh, Khúc-tri cửu 5 trảng, chỗ chuyển động đau liên tiếp cửu 30 trảng.

38.— Vùng sườn ngực đau (thần kinh thống) dùng các huyết : Thương-khưu, Hiệp-khê, cửu 7 trảng, Can-du, Cách-du, Thần-môn cửu 5 trảng.

39.— Cảm mạo dùng các huyết : Thân-tru, Phế-du, Cao-hoan, Quang-nguyên, Thủ-tam-lý, cứu 3 đến 11 trảng

40.— Ăn ít tiêu (tiêu hóa bất lương) dùng các huyết : Thiên-xu, Quang-nguyên, Đái-mạch, Túc-tam-lý, Đại trường-du, Tiểu-trường-du cứu 5 trảng.

41.— Trẻ con cam tích dùng các huyết : Thân-tru, Phế-du bên trái, Tỳ du cứu 3 trảng, nếu con gái cứu Can-du, Tỳ-du bên mặt.

42.— Tim đập hồi hộp dùng các huyết : Nhũ-cẩn bên trái cứu 5 trảng lần lần tăng thêm đến 30 trảng, Thần-môn bên trái cứu 7 trảng.

43.— Tim thắt hẹp (hiệp tâm chứng) dùng các huyết : Thương-khưu, Dương-phò-cứu 3 trảng, Trung-xung cứu 5 trảng.

44.— Bệnh hậu cứu bồi dưỡng dùng các huyết : Những huyết du ở lưng (hai bên) và Túc-tam-lý, Trung-uyên, Quang-nguyên, Hiệp-cốc, Khổng-tối, Khúc-tri, Nhiên-cốc. Thương-khưu, Côn-lôn, Thân-mạch, Thiên-xu, Tam-âm-giao (đều dùng ngải nhỏ bằng nửa hột gạo cứu 1 trảng).

VII.— CỨU HUYỆT THẬN-DU.

Thận-Du theo Sách Xưa là huyết Quan hệ mật thiết với các tạng-phủ Tâm, Can, Tỳ, Phế, Thận, nên châm cứu đều thường hay dùng huyết Thận-Du.

Hiện nay ở Nhật-Bản cũng thường dùng huyết này Châm-cứu trị và nhận là yếu huyết trị bệnh Thận và Bàng-quang, gần đây lại giới thiệu huyết Thận-du đối với bệnh Thận trị rất thích hợp.

Những bệnh chứng chỗ vùng Thận bộ ở lưng lạnh, chân gối cũng lạnh đồng thời cơ thể có hiện tượng hư hàn, không dùng huyết Thận-du không công hiệu.

Nhưng thông thường Châm cứu huyết Thận-du không nên chỉ dùng 1 huyết.

Sau đây những bệnh dùng huyết Thận-du có công hiệu:

I.— Cháu X.. 11 tuổi bệnh đau bụng làm oẹ mửa đã mấy tháng, thường buổi mai trước khi ăn sáng cũng mửa ra nước. ăn xong lại mửa ra có đồ ăn, mỗi tuần nhứt lại đau chỗ rốn 1 lần, ra mồ hôi

làm mệt, đưa đến các Bác-sĩ Nội-khoa trị chỉ bớt thời gian vẫn trở lại, rồi kiến Dạ-dày không nhận thấy hiện tượng gì chỉ cho là chứng thuộc Thần-kinh tách.

Hiện bệnh sắc mặt mét trắng hạc, thường hay ra mồ hôi, lưỡi tươi nhuận nhưng trong lưỡi có sắc đen, bụng đầy, đờ không đau, mạch Thận nhỏ yếu, nhận là chứng Thận hư.

Trị pháp: Dùng viên ngai nhỏ bằng hạt gạo trực tiếp cứu 2 huyết Thận-du. Kết quả sắc mặt hơi nhuận lại, bụng hết trướng, chứng ọc mửa hết hẳn, 8 ngày sau trị lại cũng chỉ cứu 2 huyết Thận-du, kết quả các chứng tiêu hết, sau trị tiếp 1 lần nữa, bệnh hoàn toàn bình phục, không tái phát.

2 — Anh Y.. 31 tuổi bị bệnh nhức phía sau đầu đã 8 tuần nhật, thường buổi mai càng đau nhiều, hỏi thêm bệnh nhân cho biết chân đầu gối trở xuống lạnh xem mạch bộ thân yếu nhận là chứng Thận hư đầu thống.

Trị pháp Dùng viên ngai nhỏ trực tiếp cứu 2 huyết Thận-Du mỗi huyết hai tráng kết quả hết nhức đầu, 3 hôm sau nhức lại, trị lại cũng cứu Thận-du, bệnh hết và sau cũng tiếp tục trị ít lần nữa, bệnh phục hẳn.

3.— Cô A.. 39 tuổi 3 tháng trước vì uất huyết đầu nặng nhức khó chịu, lại cảm sốt, nhưng chỗ lưng và chân lạnh, theo Phụ-khoa chẩn đoán do bệnh kinh kỳ không điều nên sắc diện thì mét xanh nhưng người khỏe mạnh, đoán cũng là chứng thận hư đầu thống.

Trị pháp: Dùng ngai nhỏ bằng hạt đầu cứu 2 huyết Thận-du 2 tráng.

Kết quả bệnh hết, trị tiếp ít lần nữa bệnh phục.

4.— Cô B.. 28 tuổi bị bệnh suyễn súc đau khổ đã 9 tuần nhật, ban đêm thở khó khăn, lại thêm tim động hồi hộp, 4 tuần trước vào Bệnh-viện điều trị nhận là bệnh tim nhưng trị lại không thuyên giảm, 8 ngày ra Bệnh-viện, gần đây, bệnh lại trở lại nặng rất lo sợ

Hiện bệnh sắc mặt mét xanh người gầy ốm, thở mệt, chỗ bụng nhầy, ấn bên rốn phía trái mạch nhầy mạnh, các chỗ khác bình thường, chân ra mồ hôi nhiều, nhận định là chứng thận hư làm suyễn súc.

Trị pháp: Cứu hai huyết Thận-du, kết quả đỡ dễ dàng nhưng mai sáng lại phát, trị tiếp 4 lần nữa (2 ngày trị 1 lần cũng cứu Thận-du). các bệnh hết hẳn.

5.— Cậu thiếu niên 16 tuổi 3 tháng trước đêm nào cũng đấm dằm, ban ngày cũng thường tiều luôn, người chân thường lạnh, ngoài lưng cũng lạnh, dùng thuốc trị tiểu tiện không công hiệu, Sau đi Bệnh-viện Nội-khoa trị cũng không kết quả.

Hiện bệnh nhân người yếu, thận mạch hư, nhận định thuộc bệnh thận hư.

Trị pháp: Cứu 2 huyết Thận-du mỗi huyết 2 trảng, cách 1 ngày trị 1 lần, tiếp trị 4 lần, hết hẳn không tái phát nữa.

Kết luận: Năm chứng bệnh trên đây đều thuộc thận hư, hiện tượng rõ ràng nên cứu huyết thận-du đều có kết quả. Nhưng nên nhớ trị bệnh tùy chứng áp dụng huyết cần thận trọng. Đối với Đông-y trị bệnh quan hệ nhất về sự đoán bệnh, phải nhận định rõ mới công hiệu, vì nếu sai thì lại gặp phản ứng không lường.

Đơn cử bệnh dưới đây cũng cứu Thận-du lại gặp phản ứng dễ rút kinh nghiệm.

Một bệnh nhân 18 tuổi bị chứng khí-thũng cũng có trạng thái chứng thận hư, trong lúc trị cũng cứu huyết Thận-du, nhưng tức thời phản ứng thở không nổi, mệt, bệnh càng nặng, lập tức phải châm tả 2 huyết Thái-khê bệnh mới hết.

Vậy lý do tại sao phản ứng, vì bệnh này Thận mạch thiết, mạch lại huyết Thái-khê nhảy mạnh, trị nên tả Thái-khê, lại cứu Thận-du nên gặp phản ứng ngay.

Kinh nghiệm trên đây : Trị bệnh cũng đều dùng huyết Thận-du mà khi nhận định đúng bệnh thì công hiệu vô cùng, mà khi nhận sai bệnh thì lại biến sanh phản ứng cấp tốc. Trong khi lâm sàng trị bệnh cần phải hiểu rõ hàng, nhiệt, hư, thiết, biểu lý, âm, dương, phân biệt mới khỏi ngộ nhận. (Xem nguyên tắc chẩn đoán bệnh ủa một Y-Sĩ Cĩ Âm-Y).

VII. — BỐI-DU HUYỆT HIỆU NGHIỆM.

Phần kinh huyết về kinh BÀNG-QUANC chúng ta nhận thấy ở sau lưng có nhiều huyết 'DU-HUYỆT', theo xưa Du Huyết là lưu thông xứ vi Du, có tên là Khí-du, Du-hội và có căn Sở trú vi Du, vậy Du-huyết ở lưng là những chỗ lưu trú của khí Kinh-mạch tức là tạng phủ Du-huyết.

Theo cơ-thể học thì những Du huyết ở lưng quan hệ với các mạch của Hệ Thần kinh Dinh-Dưỡng Giao-cấm thần-kinh (Thần kinh có giải ở sách trước), Thần-kinh điều khiển cơ năng nội-tạng. Nội-kinh có câu Trị tạng già trị ư Du, vì thế châm cứu 1 bệnh trực thuộc với tạng phủ cần phải dùng những huyết Du ở lưng.

Tất cả sau lưng có 29 huyết là :

Đại-chùy, Phong-môn, Phế-du, Khuyết-âm-du, Tâm-du, Đốc-du, Cách-du, Can-du, Đởm-du, Tỳ-du, Vị-du, Tiểu-trường-du, Thận-du, Khí-hải-du, Đại-trường-du, Quang-nguyên-du, Tam-tiêu-du, Bàng-quang-du, Trung-lũ-du, Bạch-hoàn-du, Thượng-liêu, Thử-liêu, Trung-liêu, Hạ-liêu, Cao-hoan, Tỳ-hoa, Hoan-môn, Mạng-môn, Yếu-du.

Nhưng trong 29 huyết có 18 huyết chủ yếu :

Đại-chùy, Phong-môn, Phế-du, Tâm-du, Cách-du, Can-du, Đởm-du, Tỳ-du, Vị-du, Tam-tiêu-du, Thận-du, Thượng-liêu, Trung-liêu, Hạ-liêu, Cao-hoan, Mạng-môn, Yếu-du.

Châm cứu trị cần phải hiểu rõ sự quan hệ của những Du-huyết, khi lâm sàng trị bệnh biết phối hợp áp dụng mới có nhiều kết quả chắc chắn.

Xin đơn cử các bệnh sau đây :

1) Bà Liên 60 tuổi người suy nhược, vì dạ dày yếu ăn ít tiêu nên thiếu sự Dinh dưỡng phát bệnh chỗ cánh tay trái đến giáp vai đau nhưc đã 10 năm, không nằm bên ấy được, tay mặt không đưa ra sau lưng được, ban đêm thường cảm thấy tê nhưc chỗ giáp vai rất khó chịu không ngồi được, dùng đủ các thứ thuốc chỉ đỡ không hết hẳn.

Trị pháp : Châm cứu trị trong 40 lần đều dùng các huyết phía sau lưng phối hợp các huyết ở vai tay trị phong thấp và khiêm dùng Vị-du với các huyết ở chân trị bệnh dạ dày, áp dụng trực tiếp cứu các Du-huyết.

Kết quả tay đưa ra sau được, và nằm được như thường không đau nhưc nữa, lại ăn uống như thường, bệnh hoàn toàn hết hẳn.

2) Anh Quân 30 tuổi làm nghề Nha-y người gầy ốm, mạch nhỏ vô lực, 2 năm trước bị bệnh Sưng ruột dư trị hết sau phát đau từ chỗ thành ruột dẫn đến thận nan (dái) hàng ngày sau 12 giờ trưa khi làm việc thì càng đau dữ, tối không ngủ yên được. đã dùng nhiều

thứ thuốc đều vô hiệu, cho là chứng bất trị, Đông-y cho là chứng Xán-khi nhưng trị cũng không kết quả.

Châm cứu trị cả thấy 23 lần hết đau, vì nhận là chứng Trường hãn kinh thống mỗi lần trị đều dùng bởi Du-huyệt làm chủ Tam-tiên-du, Thận-du, Mạng-môn phối hợp với các huyệt chỗ đau (Thủy-đạo, A-thị-huyệt, Túc-tam-lý, Tam-âm-giao bên trái áp dụng châm sau gia cứu, trị trong 5 lần bệnh giảm 7/10 sau tiếp trị đến hoàn toàn hết hẳn, bình phục lại như thường.

3) Anh Dương 40 tuổi người khỏe mạnh, mấy tháng trước cảm thấy đau từ dưới lưng lên đến cổ, khi có làm lưng gì lại càng đau nhiều, tinh thần mê mệt, dùng đủ thuốc không công hiệu.

Sau châm cứu trị tôi nhận là đau Thần-kinh gian sườn thường dùng các huyệt thông-dụng trị 3 lần không có kết quả, sau áp dụng các Du-huyệt ở lưng (tả Phế-du, tả Tâm-du, làm chủ) và phối hợp các huyệt Nhũ-căn, Kỳ-môn, Chương-môn, A-thị-huyệt đều châm sau gia cứu, trị 7 lần kết quả hết hẳn.

Vậy 3 bệnh trên đây dùng các Du huyệt ở lưng rất công hiệu, chứng minh các Du huyệt liên hệ trực tiếp với các cơ năng tạng phủ, nhất là đối với Thần-kinh dinh-dưỡng, trị bệnh nên cần nghiên cứu phối hợp.

IX.— PHỐI HUYỆT THÀNH-PHƯƠNG

Châm cứu tùy bộ-phần bị bệnh, đối chứng dung huyệt tại các kinh trực thuộc (điểm diện) và phối hợp kinh liên hệ (tuyến). tùy chứng trạng thể chất áp dụng thủ pháp thích ứng, phần Ấn bộ thủ huyệt quyển trước đã có nói rõ về phần định bệnh sở tùy bộ phận dung huyệt.

Theo xưa áp dụng phối hợp dung huyệt trị bệnh như được liệu có những thành phương sau đây rất hiệu nghiệm :

1,— Các huyệt hợp dung : Đại-chùy, Khúc-trì, Hiệp-cúc có công dụng làm cho cơ năng thanh vượng thường dùng trị các bệnh : Lao phôi, sốt rét.

Dùng các huyệt sau Phối hợp với dung phương trị liệu như :

Đầu cổ cứng đau thì phối hợp : Phong-tri, Phong-phủ.

Các bệnh dạ dày ruột thì phối hợp : Túc-tam-lý, Phong-long.

Thương phong làm nghẹt mũi thì phối hợp Thương-tinh, Nghinh-hương.

Các chứng bai huyết, niệu độc thì phối hợp Nội-quang.

2.— Chỉ hạng. Phát hạng : Hiệp-cốc, Phục-lưu (Bổ Hiệp-cốc, tả Phục-lưu, chỉ hạng, Bồ Phục-lưu, tả Hiệp-cốc phát hạng).

3.— Trị bệnh ở bộ phận Đầu mắt dùng các huyết : Khúc-tri, Hiệp-cốc.

Như mắt đau gia Tinh-minh, Tư-trúc-Không, Bình mũi gia Nghinh-hương, Hòa-liêu, Tai ù tai điếc gia Thính-hội, Tể-phong, Bình ở miệng gia Lao-cung, Thủy-cẩu, Bình yết-hầu gia Giáp-xu, Ngư-tử, Bình đau răng gia Hạ-quang (cũng trị chân răng sưng), Nhan diện thần kinh ma tê hoặc kinh loạn gia Địa-thương.

4.— Vai cánh tay đau và bộ phận ở ngực các chứng như nhức đầu, cổ, Trúng-phong, Hầu-viêm, Hung-mạc-viêm thường dùng các huyết Kiên-ngung, Khúc-tri.

5.— Làm cho cơ năng nửa thân dưới được điều chỉnh dùng các huyết Hoàn-khiêu, Dương-lăng-tuyền.

6.— Cảm mạo, Phong-thấp dùng các huyết : Khúc-tri, Ủy-trung, Hạ-liêm (có thể dùng Thủ Hạ-liêm thay Túc Hạ-liêm tùy ứng dụng).

7.— Điều chỉnh cơ năng nội tạng như Phổi, Gan, Thận, Trường Vị dùng các huyết : Khúc-tri, Dương-lăng-tuyền.

8.— Các viêm chứng như ghê, Phụ nhon bệnh tử-cung, hoàng trùng dùng các huyết : Khúc-tri, Tam-âm-giao.

9.— Bệnh ở chân và các bệnh Trường Vị dùng các huyết Dương-lăng-tuyền, Túc-tam-lý.

10. Trấn tĩnh Thần kinh dùng các huyết : Hiệp-cốc, Thái-xung. Trị bệnh Tinh thần phối hợp với Phong-long, Dương-lăng-tuyền. Trị Viêm-giãn Phối hợp với Thần-môn, Bách-Hội,

11.— Trị Tiệt-bì Trấn tĩnh thần kinh Phong-long, Dương-lăng

12.— Bệnh ở dưới bụng, Bàng-quang, Niệu đạo, Sanh thực-khi dùng các huyết : Khi-hải, Thiên-xu.

13.— Điều chỉnh cơ năng, Trường vị, chỉ thượng thổ hạ tả dùng các huyết Trung-uyên, Túc-tam-lý.

14.— Bệnh Dạ dày dùng các huyết : Lao-cung, Túc-tam-lý.

- 15.— Kiện Tý Vị dùng các huyết Hiệp-cốc, Túc-tam-ly.
- 16.— Hung thũng dùng các huyết : Đại-chùy, Nội-quang.
- 17.— Cường-tráng dùng các huyết : Nội-quang, Tâm-âm-giao.
- 18.— Ho Thở huyết, Ho lao phòng sự quá độ dùng các huyết Ngũ-lễ, Thái-Khê.
- 19.— Cổ lưng thũng đau và điều chỉnh nội tạng dùng các huyết Đại-trữ, Thán-trụ.
- 20.— Ho suyễn : Du-phủ, Vân-môn.
- 21.— Bệnh bộ phận sinh dục : Khí-hải, Quang-nguyên, Trung-cực, Tử-cung.
- 22.— Trị bệnh trẻ con như ho, ọc mửa, đau cổ hầu, phát sốt dùng các huyết Hiệp-cốc, Thiếu-thương, Thương-dương.
- 23.— Trị Thở tả, ác mộng dùng các huyết : Khúc-trạch, Ủy-trung (châm ra máu).

CHƯƠNG II

I.— NĂM HUYỆT CHÍNH TRONG 12 KINH

Học về Kinh mạch, chúng ta đã nhận thấy trong cơ thể có 12 kinh chánh và hai kinh Nhâm, Đốc, mỗi kinh mạch đều có nhiều huyết với sự công dụng trị bệnh của từng huyết.

Trị bệnh bằng châm cứu phải tùy hộ phận đối chứng dụng huyết chủ trị. (Phần này quyển trước đã có nói rõ), nhưng đối với trị liệu không phải chỉ biết áp dụng như thế là đủ, vì đối với huyết cũng như đối với tấp được, thì khi trị bệnh lại cần phải biết cách phối hợp, đối với kinh mạch còn cần phải linh hoạt biến thông.

Phần trước đã nói trị bệnh bằng châm cứu áp dụng theo khí hoá nên kinh mạch đã phân Âm dương (phần sách trước có nói rõ), vì căn cứ theo khí-hóa nên Đông-y phân ra ngũ hành Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ, tức cũng theo khí hóa luận Vũ-tru, và có câu Cơ thể con người là tiểu Thiên địa, trị bệnh cho con người cần phải làm điều hòa khí hóa trong cơ thể theo chiều hướng bất thường của vũ trụ.

Vì thế nên đối với kinh mạch và huyết đạo đều phân theo Âm dương Ngũ hành sanh khắc (sẽ giải rõ phần ngũ hành sau).

Trong 12 kinh mạch có nhiều huyết nhưng áp dụng Ngũ hành sanh khắc thì chỉ dùng mỗi kinh 5 huyết chính là Tĩnh, Vinh, Du, Kinh, Hiệp, tức những yếu huyết của mỗi kinh tạng theo Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ.

Khi trị bệnh đối với ngũ tạng bệnh những huyết này rất cần thiết để đối chứng áp dụng đúng theo quy tắc sanh khắc của ngũ hành.

Vậy sau đây là những huyết Tĩnh, Vinh, Du, Kinh, Hiệp của 12 kinh mạch công cả thấy là 60 huyết chính (12 kinh mỗi kinh 5 huyết).

A. Thập nhị kinh : Tĩnh, Vinh, Du, Kinh, Hiệp.

1) TĨNH (TSING/Source/ Sở xuất vi Tĩnh.

2) VINH (YONG/Petit Courant/ Sở lưu vi Vinh.

3) DU (YU/ Grand Courant/ Sở trú vi Du.

4) KINH (TCHING/ Courant de Méridiant/ Sở hành vi KINH.

5) HIỆP (HO/Jointion vec l'Energie général/ Sở nhập vi Hiệp.

1) TĨNH (Những huyết bắt nguồn từ ở đầu hay ở huyết cuối cùng của kinh mạch.

Thường ở đầu ngón tay hay ngón chân, trừ huyết Dũng-tuyền ở giữa lòng bàn chân.

12 Tĩnh huyết ở 12 kinh là ;

Phế :	Thiếu-Thương.	Đại-Trường :	Thương-Dương.
Tỳ :	Ân-Bạch.	Vị :	Lệ-Đoài.
Tâm	Thiếu-Xung.	Tiểu-Trường :	Thiếu-Trạch.
Thận :	Dũng-Tuyền.	Bàng-Quang :	Chí-Âm.
Bao Lạc	Trung-Xung.	Tam-Tiên :	Quang-Xung.
Can	Đại-Đôn.	Đôm :	Khiếu-Âm.

II) VINH Những Huyết gần tức huyết tiếp theo huyết Tĩnh (Huyết thứ hai hay huyết trước huyết cuối cùng của Kinh mạch.

12 Vinh huyết ở 12 Kinh là :

Phế :	Ngư-Tế	Đại-Trường :	Nhị-Gian.
Tỳ	Đại-Độ.	Vị :	Nội-Đình.
Tâm	Thiếu-Phủ.	Tiểu-Trường :	Tiền-Cốc.
Thận	Nhiên-Cốc.	Bàng-Quang :	Thông-Cốc.
Bao Lạc	Lao-Cung.	Tam-Tiên :	Dịch-Môn.
Can	Hành-Gian.	Đôm :	Hiệp-Khê.

III) DU. Những Huyết liên tiếp với Vinh, thường là những huyết thứ ba hay thứ tư kể từ huyết Tĩnh.

12 DU huyết ở 12 Kinh là :

Phế :	Thái-Uyên.	Đại-Trường :	Tam-Gian.
Tỳ :	Thái-Bạch.	Vị :	Hàm-Cốc.
Tâm :	Thần-Môn.	Tiểu-Trường :	Hậu-Khê.

Thận :	Thái-Khê	Bàng-Quang :	Kinh-Cốt.
Bào-Lạc :	Đai-Lăng.	Tam-Tiêu :	Trung-Chữ.
Can :	Thái-xung.	Đờm :	Túc-Lâm-Khấp.

IV. KINH : Những huyết phía trong cườm tay hay mắt cá chân.

12. Kinh ở 12 Kinh mạch là :

Phế :	Kinh-Cự	Đai-Trường :	Dương-Khê.
Tỳ :	Thương-Khưu.	Vị :	Giải-Khê.
Tâm :	Liuh-Đạo.	Tiểu-Trường :	Dương-Cốc.
THẬN :	Phục-Lưu	Bàng-Quang :	Côn-Lôn.
Bào-Lạc :	Gian-Sử	Tam-Tiêu :	Chi-Cấu.
Can :	Trung-độ.	Đờm :	Dương-Phò.

V. – HIỆP : Những huyết ở giữa cùi chỏ hay khớp đầu gối, huyết nối tiếp với luồng Thần-kinh chính.

12 HIỆP ở 12 Kinh mạch là :

Phế :	Xích-Trạch.	Đai-Trường :	Khúc-Tri.
Tỳ :	Ấm-lăng-Tuyền.	Vị :	Túc-Tam-Lý.
Tâm :	Thiếu-Hải.	Tiểu-Trường :	Tiểu-Hải.
Thận :	Ấm-Cốc.	Bàng-Quang :	Ủy-Trung.
Tam-Bào :	Khúc-Trạch.	Tam-Tiêu :	Thiên-Tĩnh.
Can :	Khúc-Tuyền.	Đờm :	Dương-Lăng-Tuyền.

Mỗi kinh có 5 Huyết chính : Tĩnh, Vinh, Du, Kinh, Hiệp trên ngoài ra khi trị bệnh ở các kinh lạc còn cần phải dùng những huyết Nguyên và Lạc sau đây để phối hợp. Vì dùng 1 trong 5 huyết Tĩnh, Vinh, Du, Kinh, Hiệp, thêm Nguyên Huyết và phối hợp trong ngoài (Biểu, Lý) Lạc huyết, tức là chủ khách phối hợp, Âm Dương hỗ trợ thì càng công hiệu.

Nội-kinh có câu : Túc-Dương-Minh, Thái-Âm vi biểu lý, Thiếu-Dương, Khuyết-Âm vi Biểu lý, Thái-Dương, Thiếu-Âm vi Biểu-lý, (Túc Âm-dương kinh), Thủ Dương-Minh, Thái-Âm vi Biểu-lý, Thiếu-Dương Khuyết-âm vi biểu lý, Thái-Dương, Thiếu-Âm vi biểu lý. (Thủ Âm-dương kinh.)

Trong thân thể con người có ngũ tạng lục phủ, Tạng là Âm-Kinh, Phủ là Dương-kinh, về sinh hoạt của kinh mạch cứ một Âm phối hợp với một Dương, giao cảm hỗ trợ lẫn nhau (Sự sinh hoạt của kinh lạc đã có nói ở quyển trước về phần kinh huyết

trong có thể), để phát sanh hiệp lực tác dụng, vậy trị bệnh bằng châm cứu phải cần hiểu rõ sự quan hệ liên quan của kinh huyết Nguyên Lạc phối hợp với nhau.

15 LẠC HUYỆT (xem giải sau)

Phế Lạc vi Liệt-Khuyết	Thiên-Lịch thuộc Đại-Trường
Tỳ nãi Công-Tồn huyết.	Phong-Long Vị trung ương.
Tâm lạc tâm Thông-Lý.	Chi-Chánh quy Tiểu-Trường.
Đại-Chung vi Thận lạc.	Bàng-Quang thuộc Phi-Dương.
Nội-Quan Tâm-bào-lạc.	Ngoại-Quan Tam-Tiên-tương.
Lây-cấu hệ Can lạc.	Quang-Minh Đởm Thiếu-Dương.
Nhâm mạch tại, Hối-Âm.	Đốc mạch tại Trường-Cương
Tỳ phục hữu Đại-Bào,	Đại-Bào tổng Âm-Dương. (Huyết

Đại-Bào là tổng huyết thông Âm Dương các Kinh mạch.)

12 Kinh NGUYÊN huyết (xem giải sau)

Nguyên Huyết. Nạn-Kinh; Ngũ tạng lục Phủ hữu bịnh giai thủ kỳ Nguyên. Nguyên huyết thống trị ngũ tạng lục Phủ bách bịnh. Tức khi trị bịnh nội tạng cần phải phối hợp thêm Nguyên huyết của tạng phủ ấy.

Phế kinh Nguyên Thái-Uyên. Đại-Trường Nguyên Hiệp-Cốc.
Tâm-Bào-lạc Nguyên Đại-Lăng. Tam-Tiên Nguyên Dương-Trì.
Tâm kinh Nguyên Thần-Môn. Tiểu-Trường Nguyên Uyên-Cốt.
Tỳ kinh Nguyên Thái-Bạch. Can kinh Nguyên Thái-Xung.
Vị kinh Nguyên Xung-Dương. Thận kinh Nguyên Thái-Khê.
Đởm kinh Nguyên Khưu-Hư. Bàng-Quang Nguyên Kinh-Cốt.
Kết luận trên đây là 5 huyết chính của mỗi kinh mạch và Nguyên (chủ huyết) và Lạc (phối huyết).

Trị bịnh có đặc tính riêng sở trị của mỗi huyết sau đây :

TỈNH huyết chủ trị ngũ tạng lục phủ làm bịnh dưới tim đầy.
VINH huyết chủ trị ngũ tạng lục phủ làm bịnh toàn thân nóng.
DU huyết chủ trị ngũ tạng lục phủ làm bịnh mình nóng xương đau.

KINH huyết chủ trị ngũ tạng lục phủ làm bịnh ho suyễn, nóng lạnh.

HIỆP huyết chủ trị ngũ tạng lục phủ làm bịnh hơi nghịch tiết ra.

Khi lâm sàng trị bịnh nếu thấy hiện bịnh ở kinh nào mà xóc đau có phát hiện chứng trạng như dưới tim đầy thì đều dùng Tỉnh huyết,

nếu phát hiện toàn thân nóng thì đều dùng Vinh huyết, như hiện bệnh mình nặng xương đau thì dùng Du huyết, hiện bệnh ho suyễn làm nóng lạnh thì dùng Kinh huyết, có hơi nghịch tiết ra đầy đau thì dùng Hiệp huyết.

Vì như : Bệnh nhưn ho hen chỗ trên rún phía mặt có động hơi đề đau ấy là Phế kinh bệnh, nếu dưới chỗ tim đầy, trị châm huyết Thiếu-Thương (Tĩnh) thân nóng châm huyết Ngư-Tế (Vinh) mình nặng xương đau, châm huyết Thái-uyên (Du), suyễn súc làm nóng lạnh châm huyết Kinh-Cự (Kinh), hơi đầy xóc nghịch khó chịu châm huyết Xích-Trạch (Hiệp).

Vậy cứ chiếu theo đây, nếu mỗi kinh bệnh phát hiện các chứng kể trên thì đều áp dụng những huyết trị như thế cả, ngoài ra dùng thêm huyết Nguyên tức là chủ huyết của kinh và huyết Lạc tức là huyết phối hợp trị để phát sanh hiệu lực tác dụng.

Nhưng trị bằng châm cứu còn cần phải hiểu thêm về ngũ hành sanh khắc để áp dụng Bồ Tả thì công hiệu mới vững chắc.

(xem ngũ hành sau)

B. Tinh, Vinh, Du, Kinh, Hiệp, Nguyên, Lạc, Bô, Tả, theo ngũ hành
★ AM KINH

KINH TÀNG	TINH	VINH	DU	KINH	HIỆP	NGUYÊN	LẠC	BÔ	TẢ
Ngũ Hành Tâm (Hỏa)	Mộc Thiếu- Xung	Hỏa Thiếu Phú	Thổ Thần-Môn	Kim Linh-Đạo	Thủy Thiếu-Hải	Thần-môn	Thông-Lý	(Mẫu) Thiếu- Xung	(Tỷ) Thần-môn
Cao (Mộc)	Đại-đôn	Hành-gian	Thái-xung	Trung-Đô	Khúc- tuyền	Thái-xung	Lấy-cầu	Khúc- tuyền	Hành gian
Tỷ (Thổ)	Ẩn-bạch	Đại-đồ	Thái-bạch	Thương- khư	Âm lăng	Thái-bạch	Công-tôn	Đại-Đô	Thương- khư
Phế (Kim)	Thiếu thương	Ngư-tế	Thái-Uyên	Kinh-cự	Xích trạch	Thái-Uyên	Đet khuyết	Thái-Uyên	Xích-trạch
Thận (thủy)	Dũng tuyền	Nhiên cốc	Thái-khê	Phục-lưu	Âm-cốc	Thái-khê	Đại-chung	Phục-lưu	Dũng- tuyền
Tâm bào (hỏa)	Trung xung	Lao-cung	Đại-lăng	Gian sir	Khúc-trạch	Đại-lăng	Nội-quan	Trung-xung	Đại-lăng

★ ĐƯƠNG KINH

KINH TẠNG	TÍNH	VINH	DU	KINH	HIỆP	NGUYÊN	LẠC	BỒ	TẢ
Ngũ hành Đại- Trưởng (Kim)	Kim Thương dương	Thủy Nhị gian	Mộc Tam-gian	Hỏa Dương- Khê	Thổ Khúc-Tri	Hiệp-cốc	Thiên-Lịch	Khúc-ri	Nhị-gian
Tiểu trưởng (Hỏa)	Thiếu trạch	Tiền-cốc	Hỏa-khê	Dương-cốc	Tiền-hải	Uyên-cốt	Chi-chánh	Hỏa-khê	Tiền-hải
Vị (Thổ)	Lệ-đoài	Nội đình	Hàm-cốc	Giải khê	Túc-tam lý	Xung- đương	Phong-long	Giải-khê	Lệ-đoài
Đỗm (Mộc)	Khiếu-âm	Hiệp-Khê	Túc lâm- khấp	Dương-phò	Dương- lăng	Khưu-hư	Quang- minh	Hiệp-khê	Dương- phò
Bàng Quang (Thủy)	Chí-âm	Thống-cốc	Kinh cốt	Côn-lôn	Ủy-trung	Kinh-cốt	Phi-dương	Chí âm	Thúc-cốt
Tam Tiểu (hỏa)	Quang- xung	Dịch môn	Trung chữ	Chí cầu	Thiên-tinh	Dương-tri	Ngoại- quang	Trung chữ	Thiên-tinh

xem phần ngũ hành sanh khắc sau Hư bổ mẫu, Thiệt tả tử.

III — THẬP NGŨ LẠC MẠCH

Phần Kinh mạch có nói về lạc tức là những nhánh nối liền các Kinh mạch (đã giải sách trước về sinh hoạt của Kinh mạch).

Vậy Kinh mạch chỉ có 12 Kinh chánh và Nhâm, Đốc mạch, nhưng lại có đến 15 lạc. Theo Nội-kinh 12 kinh chánh có 12 lạc mạch thông với nhau làm biểu lý trong ngoài và hai Mạch Nhâm Đốc là Hai kinh trước sau cân đối nhau về Âm dương trong cơ thể, lại thêm Tý kinh ở Trung ương nên có 1 lạc lớn nữa tổng hợp âm dương có mạch ở huyết Đại-bào tổng cộng là 15 lạc sau đây :

1.— Thủ Thái-âm Phế-kinh có lạc nhánh là Liệt-khuyết, chạy từ phía trên cườm tay lên ngón cái chỗ huyết Liệt khuyết chạy nối với kinh Thủ Dương-Minh Đại-trường hợp Phế và Đại-trường làm biểu lý trong ngoài.

2.— Thủ Thiếu-âm Tâm kinh có lạc nhánh gọi là Thông-lý khởi từ phía cườm tay bên ngón út chỗ huyết Thông-lý chạy nối với kinh Thủ Thái-dương Tiểu-trường làm biểu lý trong ngoài.

3.— Thủ-khuyết-âm Tâm bào-lạc có lạc nhánh gọi là Nội-quang khởi từ giữa cườm tay trong nơi huyết Nội-quang chạy nối với kinh Thủ Thiếu-dương Tam-tiêu hợp Tâm bào-lạc và Tam tiêu làm biểu lý trong ngoài.

4.— Thủ Thái-dương Tiểu-trường có lạc nhánh gọi là Chi-chánh khởi từ phía ngoài cánh tay chỗ huyết Chi-chánh chạy nối với kinh Thủ Thiếu-âm Tâm làm biểu lý trong ngoài.

5.— Thủ Dương-minh Đại-trường có lạc nhánh gọi là Thiên-lich khởi từ trên cánh tay phía ngoài nơi huyết Thiên-lich chạy nối với kinh Thủ Thái-âm Phế làm biểu lý trong ngoài.

6.— Thủ Thiếu-dương Tam-tiêu có lạc nhánh gọi là Ngoại-quang khởi từ phía ngoài cườm tay chỗ huyết Ngoại-quang chạy nối với thủ khuyết-âm Tâm-bào-lạc làm biểu lý trong ngoài.

7.— Túc Thái-dương Bàng-quang kinh có lạc nhánh gọi là Phi-dương khởi từ phía sau ống chân trên mắt cá chỗ huyết Phi-dương chạy nối với kinh Túc Thiếu-âm-Thân làm biểu lý trong ngoài.

8.— Túc Dương-minh Vị có lạc nhánh là Phong-long khởi từ phía chân ngoài trên mắt cá chỗ huyết Phong-long chạy nối với kinh Túc Thái-âm-Tý làm biểu lý trong ngoài.

9. — Túc Thiếu-dương Đởm kinh có lạc nhánh gọi là Quang-minh khởi từ phía chân ngoài trên mắt cá chỗ huyết Quang-minh chạy nối với kinh Túc Khuyết-âm Can kinh làm biểu lý trong ngoài.

10. — Túc Thái-âm Tỳ có lạc nhánh gọi là Công-tôn khởi từ chân chỗ huyết Công-tôn chạy nối với kinh Túc Dương-minh Vị làm biểu lý trong ngoài.

11. — Túc Thiếu-âm Thận có lạc nhánh gọi là Đại-chung khởi từ chỗ dưới mắt cá chân trong nơi huyết Đại-chung chạy nối với kinh Túc Thái-dương Bàng-quang làm biểu lý trong ngoài.

12. — Túc khuyết-âm Can có lạc nhánh gọi là Láy-cẩu khởi từ trên mắt cá ngoài nơi huyết Láy-cẩu chạy nối với kinh Túc Thiếu-dương Đởm làm biểu lý trong ngoài.

13. — Đốc mạch lạc là Trường-cường chạy từ Trường-cường suốt lưng thẳng lên đầu mặt.

14. — Nhâm mạch lạc là Hội-âm chạy từ Hội âm lên bụng ngực

15. — Tỳ Đại lạc gọi là Đại-bào khởi từ huyết Đại-bào dưới nách 3 tất bao cả Hông ngực toàn thân.

Vậy tất cả 15 lạc mạch chạy nối các kinh mạch làm thành biểu lý trong ngoài, trị bệnh cần hiểu rõ để áp dụng huyết trị phối hợp, là nhờ âm dương tương quan quân binh phối hợp hỗ trợ lẫn nhau thì cũng được nhiều công hiệu.

(Xem phần trị nghiệm sau)

III THẬP NHỊ KINH BỊN, TỈNH, VINH, DU, KINH HIỆP, HƯ, THIẾT, BỐ, TẢ

Phế Kinh : Động bệnh (kinh mạch bị bệnh), hiện chứng trạng phổi đầy trương, ho suyễn, chỗ ngực (khuyết bên) đau hai tay lạnh, phát bệnh (biến sinh bệnh) hơi xốc lên ho, suyễn, tim phiền, ngực đầy, cánh tay đau ban tay nóng.

Chứng thuật ; đau dần cả vai lưng, ra mồ hôi, tiểu tiện gắt (sắt) mạch Khí-khẩu lớn hơn Nhơn-nghinh. (1)

Chứng hư , Vai lưng lạnh, hơi thở hụt (thiếu hơi), tiểu tiện vô độ, mạch Khí-khẩu nhỏ hơn Nhơn-nghinh.

Châm trị ; Hư. Bồ huyết Thái-Uyên (Du thổ, thổ sanh kim), Hư bồ mẩu. Thiệt ; Tả huyết Xích-Trạch (Hiệp thủy, Kim sanh thủy) Thiệt tả tử.

Đại Trường-Kinh : Động bệnh nặng đau má sưng, phát bệnh mặt vàng miệng khô, chảy máu cam, hầu tê, trước vai đau, ngón tay cái và trở đơ, (bất dụng).

Chứng thiệt ; Mạch mau, sưng nóng, Mạch Nhơn-nghinh lớn hơn Khí-Khẩu.

Hư ; lạnh không dừ, Mạch Nhơn-Nghinh nhỏ hơn Khí-Khẩu.

Châm trị ; Hư : Bồ huyết Khúc-tri, (Hiệp thổ, thổ sanh Kim) Hư bồ mẩu.

Thiệt : Tả Huyết Nhị-gian (Vinh thủy, Kim sanh thủy) Thiệt tả kỳ tử.

Vị Kinh : Động bệnh, Mặt má hơi đen, sợ sệt, không muốn gần người, gần lửa, tim động. bệnh nặng muốn chạy nhảy như điên.

Phát bệnh ; Sốt rét, chảy máu cam, mồ hôi, miệng khát, hầu tê, môi liệt, bụng dưới trướng, đầu gối đau, ngón tay giữa đơ.

Chứng thiệt ; thân nóng hoài, hay đói, nước tiểu vàng vàng, Mạch Nhơn nghinh lớn hơn Khí khẩu.

Chứng hư : thân hình lạnh, da dày lạnh đầy, mạch Nhơn nghinh lớn Khí-khẩu.

Châm trị : Hư bồ Giải-kê (Kinh hỏa : hỏa sanh thổ) hư bồ mẩu, Thiệt Tả Lệ-Đoài (Tĩnh kim, thổ sanh kim) Thiệt tả kỳ tử.

Tỳ-Kinh : Động bệnh lưỡi cứng, chỗ da dày đau, bụng trướng hay ợ. Phát bệnh lưỡi đau, thân nặng nề không muốn hoạt động, ăn vào không hạ, tim phiền, huyết đáng, tả lỏng, chân gối phía trong sưng lạnh, ngón chân cái đơ (bất dụng).

Chứng thiệt trong bụng đau, mạch Khí-khẩu lớn hơn Nhơn-nghinh.

Chứng hư, Bụng trướng to, mạch Khí-khẩu nhỏ hơn Nhơn-nghinh.

Châm trị : Hư bồ Đại-đô (Vinh hỏa, Hỏa sanh thổ), hư bồ mẩu. Thiệt tả Thương-khưu (Kinh kim, thổ sanh kim) thiệt tả tử.

Tâm-Kinh : Động bệnh : cổ khô, ở tim đau, khát nước, uống hoài tay lạnh. Phát bệnh : Mắt vàng hồng đau, cánh tay trong đau, bàn tay đau.

Chứng thiết, chỗ hung cách khó chịu, mạch **Khi-khâu** lớn hơn **Nhơn** nghìn.

Chứng hư, không muốn nói năng, mạch **Khi-khâu** nhỏ hơn **Nhơn** nghìn.

Châm trị: Hư bổ **Thiếu-Xung** (Tĩnh, mộc, mộc sanh hỏa hư bổ mẫu. **Thiệt tả Thần-Môn**, (Du thổ, hỏa sanh thổ) **thiệt tả tử**.

Tiểu Trường-Kinh: **Động bệnh**: Hàm sưng không xoay cổ được lưng như gãy, vai cứng.

Phát bệnh: Mất vàng má sưng tai điếc, cổ, vai, tay, cùi chỏ phía ngoài tay đau.

Chứng thiết: chỗ cùi chỏ khớp xương đau khó vận động, mạch **Nhơn** nghìn lớn hơn **Khi-khâu**.

Chứng hư, phát bứt hạc: Mạch **Nhơn** nghìn nhỏ hơn **Khi-khâu**.

Châm trị: Hư bổ **Hậu-Kê** (Du mộc, Mộc sanh hỏa) Hư bổ mẫu. **Thiệt Tả Tiểu-Hải Hiệp thổ**, **Hỏa sanh thổ**: **Thiệt tả tử**.

Bàng-Quang: **Động bệnh** Đầu đau như vỡ, cổ đau, lưng đau, như bị gãy, chân không khum được, nhượng chân cứng mắt cá chân lạnh.

Phát bệnh làm sốt rét, như điên cuồng, cổ cứng mắt vàng chảy máu cam, cổ, lưng, chân đều đau, ngón chân út dơ (bất dung).

Chứng thiết: chảy mũi nước, lưng cổ đau, mạch **Nhơn** nghìn lớn hơn **Khi-khâu**.

Chứng hư: Chảy máu cam. Mạch **Nhơn**-nghìn nhỏ hơn **Khi-khâu**.

Châm trị: Hư, **Bổ Chi-Âm** (Tĩnh Kim, Kim sanh Thủy), Hư bổ mẫu.

Thiệt; **Tả Thúc-cốt** (Du mộc, Thủy sanh mộc) **Thiệt tả tử**.

Thận Kinh: Đói không muốn ăn, mặt đen như khói, ho, khat ra máu, mắt không thấy rõ, khô khè như suyền, tim như treo đói xót, hay sợ sệt.

Phát bệnh: Miệng nóng lưỡi khô, hầu sưng khí nghìn, tim phiền đau, da huỳnh đàn, lưng đau chân yếu.

Chứng thiết **Đại tiểu** không thông, Mạch **Thốn-khâu** lớn hơn **Nhơn**-nghìn. **Chứng hư**: Bụng đau Mạch **Thốn-Khâu** nhỏ hơn **Nhơn**-Nghìn.

Châm trị: Hư bổ **Phục-Lưu** (Kinh kim, Kim sanh thủy) Hư bổ mẫu.

Thiệt : Tả Dũng-Tuyền (Tĩnh Mộc, Thủy sanh Mộc, Thiệt tả tử.

Tâm-bào-Lạc : Động bệnh lòng bàn tay nóng, cùi chỗ co đau, dưới nách sưng, Hong dầy, tim động mạnh, mặt đỏ mắt vàng.

Phát bệnh : Tim phiền, đau, bàn tay nóng.

Chứng thiệt : Tâm đau, mạch Khi khẩu lớn hơn Nhơn-nghinh.

Chứng hư : Đầu nặng đau, mạch Khi-khẩu nhỏ hơn Nhơn-nghinh.

Châm trị : Hư bổ Trung-Xung (Tĩnh Mộc, Mộc sanh hỏa, Hư bổ mẫu.

Chứng thiệt : Tả Đại-lăng (Du thổ, hỏa sanh thổ (Thiệt tả tử.

Tam-Tiêu : Động bệnh tai diết lưng bưng, yết hầu sưng tề.

Phát bệnh ra mồ hôi mặt, má, phía sau tay đau, vai cánh tay cùi chỗ đau, ngón tay út, ngón trở đơ (bất dụng).

Chứng thiệt : Khớp cùi chỗ co cấp, mạch Nhơn nghinh lớn hơn Khi-khẩu.

Chứng hư : Cùi chỗ yếu không co lại được, mạch Nhơn Nghinh nhỏ hơn Khi Khẩu.

Châm trị : Hư bổ ; Trung-Chữ (Du mộc, Mộc sanh Hỏa) Hư bổ Mẫu.

Thiệt : Tả Thiên-Tĩnh (Hiệp-Thổ, Hỏa sanh Thổ) Thiệt tả tử.

Đom kinh : Động bệnh miệng đắng, Tim hồng đau, khó xoay trở, mặt có màu khôi, người không quang dẫn. chân phía ngoài nóng.

Phát bệnh đau bên đầu, chỗ ngực hơi sưng đau, làm lạnh, ngực hồng, sườn, phía ngoài đầu gối đến mắt cả ngoài các khớp xương đều đau, ngón chân út đơ (bất dụng).

Chứng Thiệt : Chân khuyết lạnh, mạch Nhơn-Nghinh lớn hơn Khi Khẩu.

Chứng Hư : Chân yếu khó đứng. ngồi không dậy nổi, mạch Nhơn-Nghinh nhỏ hơn Khi-khẩu.

Châm-trị : Hư bổ Hiệp-Khê, (Vinh thủy, Thủy sanh mộc) Hư bổ mẫu.

Thiệt : Tả Dương-Phò (Kinh hỏa, Mộc sanh hỏa) Thiệt tả tử.

Cao kinh : Động bệnh, lưng đau không cúi được, trai xán khí, nữ bụng dưới đau, cổ khô, mắt biến sắc.

Phát bệnh, ngực dầy, thổ nghịch, ỉa chảy, xán khí di niệu hoặc bế.

Chứng thiết, hôn đái hơi trệ, mạch Khi-khẩu lớn hơn Nhơn-nghinh.

Chứng, hư, âm nan ngửa Mạch Khi-khẩu nhỏ hơn Nhơn-nghinh.

Châm trị : Hư bổ Khúc-luyền Hiệp thủy, thủy sanh mộc, hư bổ mầu.

Thiết tả Hành gian (Vinh hỏa, Mộc sanh hỏa) Thiết tả tử.

(1) Khi-khẩu mạch trước bộ Quan tay phải. Nhơn-nghinh mạch trước bộ Quan tay trái.

IV. - KINH NGUYÊN LẠC HUYỆT CHỨNG TRỊ:

Phế-kinh : Nóng lạnh ho suyễn ngực đầy tả lỏng, tiểu nhiều : tả nhức, hoặc yết hầu sưng, vú đau đàm nghẽn bì phu bình dùng Nguyên huyết Thái-Uyên, phối hợp Lạc huyết Đại-trương Thiệu-Lịch.

Đại-trường : Mũi chảy nước, miệng khô, hầu tê, vai đau, tai ù điếc, má sưng, ngón tay cái và trở đờ dùng Nguyên Huyết Hiệp-Cốc, phối hợp Lạc huyết Phế Liệt-Khuyết.

Tỳ kinh : Lâm bịnh lưỡi cứng, oẹ mửa, đau bụng đau da dầy, ợ hơi, mình nặng, bí kiết, huỳnh đản, chân đầu gối đau, dùng Nguyên huyết Thái-Bach, phối hợp với Lạc huyết Vị Phong-long.

Vị kinh : Cuồn vọng ca hát, ghét người ghét lửa, ánh đèn, chấy máu cam, trong người nóng, đàm nhiều, ngực đầy chân đau dùng Nguyên huyết Xung-Dương phối hợp với Lạc huyết Tỳ Công-Tôn.

Tâm kinh : Hay quên, kinh sợ, (kinh úy chinh xung) phiền táo, hay khát nước, nhổ đàm nước hôi dùng Nguyên huyết Thần-Môn, phối hợp Lạc huyết Tiểu trường Chi-Chánh.

Tiểu trường : Hàm má tai sưng phát nóng lạnh, cùi chỏ tay khó xoay trở, vai lưng đau khó chịu dùng Nguyên Huyết Uyển-Cốt phối hợp Lạc huyết Tâm Thông-Lý.

Thận kinh : Mỵ mắt đen, ưa nằm, lưng đau chân đau không muốn bước, hoặc miệng khát, thổ huyết hạ bộ lạnh, hoặc bụng dưới đau khó chịu, dùng Nguyên Huyết Thái-Khê, phối hợp Lạc Huyết Bàng-Quang Phi-Dương.

Bàng-quang : Lưng chân đau khó đi, bụng trường đau, hoặc

làm ly tả nóng huyết, đầu cổ cứng đau khó chin dùng Nguyên huyết Kinh-Cốt phối hợp Lạc huyết Thận Đại-Chung.

Tâm-bào-lạc : Cánh tay đau nhức; miệng hôi, ngũ tâm phiền nhiệt, mặt, mắt đỏ, hoặc sợ sệt ngực bụng đau dùng Nguyên Huyết Đại-Lăng, phối hợp Lạc Huyết Tam-Tiên Ngoại-Quang.

Tam-tiên : Tai điếc hầu tê mắt sưng hoặc mắt tai hầu đều sưng, cùi chỏ tay đau, ra mồ hôi, ngón tay út ngón trỏ đều đơ tê (bất dụng), đại tiện kiên bế dùng Nguyên huyết Thái-Xung, phối hợp huyết Lạc Đởm Quang-Minh.

Đởm-kinh : Ngực hông sườn đau chân không đỡ được, đần mắt đau; nách sưng mồ hôi nhiều cổ nổi hạch tràng hạt mả đao, lưỡi đau miệng đắng, sốt rét, nóng lạnh thấu xương tủy, dùng Nguyên huyết Khuru-Hư, phối hợp Lạc huyết Can Lây-Cầu.

V.— THẬP NHỊ KINH BIỂU LÝ NGUYÊN LẠC HUYẾT PHỐI HỢP TRỊ NGHIỆM

1.— Can với Đởm liên hệ biểu lý, dùng Can Đởm huyết phối hợp trị nhẹ bệnh phong nan-hoán.

Anh Thiên 22 tuổi chân trái bệnh phong bại đã 5 tháng vì co lâu nên rút gân teo khô lại, hằng ngày thường hay dục rút đau, cứ cách chừng 1 giờ rút dục 1 lần, rên la rất khổ sở.

Trị pháp : Ban đầu châm Đởm huyết Dương-lăng-tuyền tả pháp, hấy giờ chân phía ngoài hết đau, duy phía trong chỗ gân gần bụng còn rút đau khó chịu, cử động không được nên không thể dùng huyết bên trong, phải áp dụng Can huyết Lây-cầu phối hợp châm tả.

Kết quả : Châm xong chân trái hết đau ngay (thật công hiệu).

Tiếp trị như trên 2 lần nữa, hết đau nhức (thật kết quả ngoài ý định).

Trị lý : Trị bệnh này là án huyết Can chủ gân, tạng phủ liên quan với nhau nên dùng Đởm huyết (biểu lý phối hợp) nên công hiệu.

2.— Tâm với Tiểu-trường liên hệ biểu lý, bổ Tâm kinh và bổ Tiểu-trường kinh trị nhẹ bệnh mất ngủ nửa tháng,

Anh Tồng 40 tuổi tháng trước bệnh đi cầu ra máu (trường phong) hạ huyết trên 100 lần ra máu nhiều làm bần huyết, người phát vàng tim đập mạnh, đầu xoay xảm, tâm tạng suy nhược, đi thì mệt, ban đêm tay chân đều tê không ngủ được hơn nửa tháng.

Trị pháp . Bỏ Thiếu-xung Tâm huyết và Hậu-kê Tiều-trường huyết Châm trị lúc giờ mùi khi châm vào huyết Thiếu-xung thì cảm giác đến tim muốn mưa (ấy là vì hiện tượng thể chất suy nhược) xoay bỏ thì đầu hết xoay xảm muốn ngủ, để nằm ngủ yên 2 giờ, đến giờ Thân bây giờ châm huyết Hậu-kê Tiều-trường kinh, khi châm vào thì nhận thấy khoan khoái, xoay bỏ tiếp rút kim.

Kết quả về nhà đêm ấy ngủ đến sáng, và sau không còn chứng mất ngủ nữa.

Trị lý : Bệnh này vì thiếu huyết nên tâm tạng suy nhược thành chứng mất ngủ, vậy trị cần phải bổ Tâm, theo sách xưa huyết tuần hoàn đến sau giờ Ngọ thì lưu trú ở tâm, nên chiếu theo đúng giờ mùi châm bổ Tâm có kết quả thật bất ngờ, vì thể nên ngủ được ngay (đến 2 giờ), bổ tâm tinh thần khỏe lại, hết mệt mỏi, vì Tâm với Tiều-trường liên hệ biểu lý, tiếp bổ Tiều-trường hỗ trợ đề, kết quả về sau không còn chứng mất ngủ nữa.

3.— Thận với Bàng-quang liên hệ biểu lý, bổ Bàng-quang trị nhẹ bệnh Thận hư tại lưng bưng.

Ông Thanh 66 tuổi, già yếu suy nhược nên hai tay thường lưng bưng.

Trị pháp : Châm bổ Phục-lưu 3 lần, bổ Phi-dương 3 lần.

Kết quả ; Khi châm Phục-lưu bổ xong tại bết ù ngay, tiếp bổ Phi-dương bệnh giảm nhiều.

Trị lý : Bổ thận trị bệnh tại ù rất hay, nhưng nên phối hợp bổ Bàng-quang lạc huyết mới mau công hiệu.

4.— Tỳ với Vị liên hệ biểu lý. Châm Tỳ, Vị huyết trị nhẹ bệnh tim đập, tại lưng bưng điết.

Anh Lộc 28 tuổi bệnh tại lưng bưng điết, tim đập mạnh.

Trị pháp : Châm Thái-bạch, Phong-long, bổ 3 lần, Đại-đồ cũng bổ 3 lần.

Kết quả : Tại bết lưng bưng bết điết (khi mới châm 2 huyết Thái-bạch, Phong-long) Tiếp châm bổ Đại-đồ, tại thông ngay hết điết.

5.— Để với Đại-trường liên hệ biểu lý, Châm Đại-trường kinh Thiên-lich trị nhẹ bệnh cổ ngứa ho

Bà La 66 tuổi bệnh ho khan ngày đêm không dứt, không nằm được, cổ ngứa thì ho, phát ra mồ hôi.

Trị pháp : Châm Kinh-cự tả 3 lần, công 3 lần cổ hết ngứa, tiếp châm Thiên-lich tả 3 lần.

Kết quả đêm ấy mồ hôi hết ra, ngủ yên ho giảm nhiều.

VI.— THẬP NHỊ KINH, TỈNH, VINH, DU, KINH, HIỆP TRỊ NGHIỆM

1. — Tỉnh huyết trị bệnh dưới tim đầy trướng, Châm tỉnh huyết trị hết chứng thỉnh linh xâm té.

Ông Giáp già yếu tâm trạng suy nhược đi đường xa quá mệt thỉnh linh té bên vệ đường mắt nhắm không nói được, hỏi không trả lời chỉ lấy tay chỉ chỗ tim.

Trị pháp : Châm Thiếu-xung Tâm lĩnh huyết. (Châm kim vào mắt mở ngáy và nói được liền).

Trị lý : Bệnh như không nói được lấy tay chỉ chỗ tim tức vì khí bế tắc tim đầy trướng làm xâm té, làm trị nên cho tâm khiếu thông dùng Tâm lĩnh huyết, kết quả ngay.

2. — Tỉnh huyết trị chỗ dạ dày đầy đau, châm tỉnh huyết trị nhẹ bệnh dạ dày đầy trướng không muốn ăn uống.

Cô Tú 36 tuổi chỗ vùng dạ dày đầy trướng không muốn ăn uống thêm bệnh Bạch-đái nhiều.

Trị pháp : Châm Ân-hạch ra máu, Hiệp-cốc tả 3 lần

Kết quả : Dạ dày bớt đau ăn uống được ; bạch đái cũng giảm.

Trị lý : Chỗ dạ dày đau là vì Can khắc tỳ, không muốn ăn uống là vì Tỳ bị tích trệ. Châm trị Tỳ lĩnh huyết làm cho Mộc không khắc thổ, thì Tỳ hết bị tích, châm huyết Hiệp-cốc là Đại-trường nguyên nguyệt phối hợp nên hết đầy trướng mà ăn được, bệnh bạch đái cũng bớt.

3. — Vinh huyết trị toàn thân nóng ; Châm Vinh huyết trị bệnh nóng sốt. Có Phòng bị độc Dương mai lam ghẻ độc, toàn thân nóng sốt, ghẻ nhức, tay sưng.

Trị pháp: Châm Lao-cung (Tâm-bảo-lạc Vinh huyết) tả 3 lần.

Kết quả: Châm kim ngay lòng bàn tay làm tim động tả xong toàn thân lạnh, vậy chứng minh Vinh huyết trị bệnh toàn thân nóng sốt rất hay.

4. — Du huyết trị bệnh Thân nặng xương đau, châm Du huyết trị nhẹ bệnh thân nặng xương đau, ho, nhức đầu.

Cô Châu toàn thân các khớp xương đau nhức, mình nặng, nhức đầu, ho, trạng thái như bị gió phạm nảo.

Trị pháp: Châm Thái-uyên Phế du huyết tả 3 lần. Kết quả Thân hết nặng, hết đau, đầu hết nhức (đầu lạnh bảy giờ chuyển nóng), các bệnh hết, châm Đại-trường Thiên-lich tả 2 lần.

Kết quả bệnh hoàn toàn bình phục.

Trị lý: Chứng này đầu phong thống, ho tức thuộc phong. phổi bị thọ phong và bệnh lâu không đi nên thân nặng dẫn đến đau khớp xương. Trị dùng Phế du huyết là trị gốc lần ngọn nên kết quả rất hay.

5. — Du huyết trị xương đau, châm du huyết trị nhẹ bệnh thân đau phát hạng.

Cô Tú 31 tuổi toàn thân đau nhức mỗi đêm đều ra mồ hôi 1. 2 lần, mỗi buổi mai lúc 5, 6 giờ thì tim bức rức khó chịu, cách 2 tuần lại thổ ra uộc 1 lần.

Trị pháp: Châm Thần-môn du huyết (bên mặt) xoay tả 1 lần thì toàn thân dễ chịu tả lần nữa, hết đau nhức sau xoay hồ 3 lần, tiếp châm tả Dưỡng-lão.

Kết quả hết thanh hạng, sang hôm sau tim cũng hết bức rức nữa.

Trị lý: Mồ hôi là do tâm dịch bệnh này vì Tâm bệnh nên phát ra mồ hôi. Du huyết trị thân đau nhức nên dùng Tâm Du huyết Thần-môn, trước tả để trị đau nhức sau hồ trị tâm hư, (trước tả sau hồ các chứng đều hết).

6) Du huyết trị đau xương, Châm du huyết trị bệnh toàn thân đau nhức, mồ hôi, tim phiền khát.

Anh Tuyên 25 tuổi toàn thân đau nhức, khi đau nhiều thì ra mồ hôi nhiều, đau ít cũng ra nhưng ít hơn, tim lại làm nóng nảy phiền táo, miệng khát nước mà không muốn uống.

Trị pháp: Châm Thần-môn tâm du huyết 1 huyết trước hồ sau tả, dùng ngay quyền cứu Phục-lưu, Thái-khê, Côn-lôn, 3 lần.

Kết quả : hết đau nhức, mồ hôi giảm, miệng bớt khát.

Cách 3 ngày sau trị 1 lần nữa bệnh hết hẳn.

Trị lý : Trị bệnh này cũng dùng huyết như trên, các chứng đau xương, thanh hạng, miệng khát đều hiện tượng tâm hư thành bệnh, sau cứu các huyết trị thận và bàng quang là cố biểu chỉ hạng, nên công hiệu càng mau kết quả.

7) Kinh huyết trị ho nóng lạnh, Châm Phế kinh huyết trị nhẹ bệnh cảm họ, Cô Thĩ 26 tuổi nh ưn cảm mạo phát ho, ợ hơi thổ đàm, cổ ngứa.

Trị pháp : Châm Kinh cự, Phế kinh huyết (bên mặt) tả 3 lần, tiếp tả huyết Thiên-lich 3 lần.

Kết quả : châm tả Kinh-cự xong thì cổ hết ngứa, ngực khỏe, sau tả thêm Thiên-lich ho suyễn đều giảm, ngày sau hết hẳn.

8) Kinh huyết trị ho nóng lạnh, châm Kinh huyết trị nhẹ bệnh ho nặng nhất là sau buổi trưa và sáng sớm.

Cô Canh 21 tuổi bệnh cảm hàng sau phát ho nặng, cổ ngứa, thường sau giờ Ngọ thì phát ho cả đêm đến sáng.

Trị pháp : Châm huyết Kinh-cự tả 3 lần, Xích-trạch tả 3 lần (dùng huyết bên mặt).

Kết quả : Khi châm tả huyết Kinh-cự thì cổ hết ngứa, sau tả Xích-trạch thì hết hẳn, ho cũng dứt.

Trị lý : Kinh-cự thuộc Phế Kinh huyết chủ trị phổi nếu bệnh nhẹ có thể hết ngay, bệnh này nặng nên dùng thêm huyết Xích-trạch phối hợp càng công hiệu.

9) Hiệp trị khi nghịch tiết tả, Châm Hiệp huyết trị nhẹ bệnh đau bụng làm tiết tả tăng sáng sớm (ngủ canh tả).

Trị pháp : Châm Túc-tam-lý Vị hiệp huyết trước tả sau bổ.

Kết quả : châm tả xong thì ở bụng cảm giác khoan khoái hết bắt di tả, sau xoay hồ tinh thần khỏe, ngày hôm sau tả chỉ hết hẳn.

Trị lý : canh năm gần sáng là lúc khí huyết tuần hoàn châu thân khí lưu trú tại trung-tiêu ; thuộc vị, bệnh trước phát đau bụng sau tả, vậy là vì lạnh ứ trệ ở trường vị, khí đi lên phổi lại phản trở xuống làm tả, dùng Hiệp huyết là trị khi nghịch làm tiết tả, dùng Túc-tam-lý làm cho cơ năng khôi phục lại bệnh hết.

10) Hiệp huyết trị khi nghịch làm tiết tả, châm Hiệp huyết trị nhẹ bệnh Bạch-lỵ (kiết đàm trắng), tiểu tiện đau và đầu, bụng, tay chân cũng đau.

Cô Nhon 28 tuổi bệnh Bạch ly, mỗi lần tả làm đau bụng, kiết nhưc đầu, bụng dưới đau, tay chân nhưc, lại phát nóng lạnh.

Trị pháp: Châm Khúc-trị Hiệp huyết (bên mặt) tả 3 bờ 3, Trung-uyên, tả 3 bờ 3, Tiểu-hải Hiệp-huyết (bên mặt) tả 3 lần.

Kết quả: Châm trị xong bụng hết đau hết kiết tinh thần khỏe, bình phục.

Trị lý: Bệnh kiết-ly đau bụng nguyên nhân bị lạnh trệ ở ruột. Hiệp huyết trị khí nghịch tiết tả nên dùng Đại trường Hiệp huyết Khúc-trị và Tiểu-trường Hiệp huyết Tiểu-hải, lại dùng thêm Trung-uyên trợ nên bệnh kết quả hết hẳn.

11) Châm Hiệp huyết trị hết chứng Xích-ly (kiết lẫn máu đỏ).

Cháu Linh 2 tuổi bệnh kiết máu đi nhiều lần, không dứt.

Trị pháp: Châm Khúc-trị, Tiểu-hải, Cứu Thượng, Trung-uyên, Thủy-phần, Thần-khuyết, Thiên-xu, Trường-cường, Âm-giao, Quang-nguyên, Đại tiểu-trường-du, Tư-liêu đều 1 tráng.

Kết quả bệnh hết hẳn.

Kết luận: vậy kinh nghiệm trị trên đây chúng ta nhận thấy áp dụng năm Huyết chính: Tĩnh, Vinh, Du, Kinh, Hiệp trị các bệnh rất công hiệu.

VII.— KỶ KINH BẮC MẠCH

Kỷ Kinh bắc mạch tức là các Kinh ngoài 12 Kinh chánh là: Đốc, Nhâm, Xung, Dương duy, Âm-duy, Dương-kiên, Âm-kiêu, phân ra 4 Kinh Dương và 4 Kinh Âm. Đây là những Kinh Mạch thông suốt bao gồm cả các Kinh mạch trong cơ thể.

1.— Đốc Mạch: Đốc mạch khởi từ huyết Hạ-cực du (tức Trường-cường) theo sống lưng lên đến Não các huyết Phong-phủ, Bách-hội, xuống đến mũi và môi miệng đến huyết Ngâm-giao thông với kinh Thái-dương Tiểu-trường.

Theo Nội-kinh Mạch Đốc khởi từ tiền-phúc vĩ hạ cốt trung-trương (tức Trường-cường), kỳ lạc từng âm khiêu, tức từ huyết Trường-cường có lạc nhánh vào âm-khiêu như thế là hiệp với Nhâm mạch ở khoản giữa huyết Trường-cường và Hội-âm Nhâm-mạch (Mạch Đốc đã học ở trước về Kinh mạch).

Mạch Đốc chạy phía sau lưng nuôi dưỡng cả các kinh Dương (Đốc ư hậu tư vinh chư dương) vì Dương mạch chi hải).

Bệnh phát hiện ở mạch này thì lưng cứng đơ cổ uốn ngược, không cúi xuống được, chỗ bối tâm nóng, phát cuộn chạy, chỗ xương cổ Đại-chùy đau.

• Biến bệnh tay chân co dục (quơ tay chân) trúng phong bất ngữ, diên-giễn, đầu nhức mắt sưng, nước mắt dãn dụa, hoặc lưng chân đau 1 bên, cổ cứng không vận chuyển được, răng, má, hầu sưng, tay chân tê, phát thanh hạng.

Trị pháp dùng huyết Hậu-khê (chủ huyết) phối hiệp huyết Thân-mạch (phối huyết).

2.— **Nhâm mạch** : Nhâm mạch khởi từ huyết Hội-âm chạy lên ngực bụng đến huyết Thừa-tương thông với kinh Thủ-thái-âm Phế kinh, (lạc nhánh thông với kinh này (về kinh huyết có nói ở Kinh mạch Nhâm trước).

Mạch Nhâm ở trước bụng nuôi dưỡng các mạch Âm (Nhâm ư tiền đồng vinh chư âm vì kinh lạc chi hải).

Phát bệnh hiện chương đản ông bị kết tụ làm chứng sản khí, đản bà bệnh Đái-hạ, trung-hạ, nóng lạnh không điều hòa, miệng lưỡi sanh ghẻ, đầu nhức cổ đau, bụng dưới đến rún quặn đi u.

Biến chứng bệnh làm sốt-rét, tiêu ra máu. Ho đàm, Hầu sưng, tiểu tiện khó, tâm ngực bụng đau, sản hàn bất ngữ, các bệnh thuộc huyết phần, tử thai không hạ. Trị pháp dùng huyết Liệt-khuyết (chủ huyết trị Tâm phúc ngũ tạng bệnh) phối hiệp huyết Chiếu-hải (phối huyết).

Dương-Kiều : Mạch Dương-kiêu chạy từ phía sau mắt cả ngoài huyết Thân mạch chạy dọc phía sau chân lên đến huyết Phong-trì lạc nhánh thông suốt với kinh Thái-dương Bang-quang.

Theo Nội-kinh mạch này khởi từ huyết Thân-mạch đến Bội-tham Phụ-dương rồi chạy đến kinh Túc-thiếu-dương, hội ở huyết Cự-liêu chạy lên vai cùng với kinh Thủ Dương-minh hội ở huyết Kiên ngung, Cự-cốt và Thủ Thái-dương, Dương-duy hội ở huyết Nhu-du, cùng với kinh Túc Dương-minh hội ở các huyết Địa-thương, Cự-liêu và Thừa-khấp.

Vậy kinh mạch này thông suốt các kinh Phủ thuộc biểu ở ngoài.

Phát bệnh hiện chứng Âm huân Dương cấp, chủ tay chân bị

phong độc, ung độc. Biến bình lưng cứng chân sưng, sợ gió
tự bang, đầu đau, mắt đỏ, tay chân tê lạnh, tai điết chảy máu cam,
các khớp tay mỗi, nửa thân mình sưng phù.

☛ Trị pháp : Dùng huyết Thân-mạch (chủ huyết trị tay chân bị
phong độc, ung độc).

4.— Âm kiều : Mạch Âm kiều khởi từ mắt cá chân trong chạy
thẳng lên hội ở huyết Nhơn-nghinh tại yết-hầu lạc nhánh thông với
Túc Thiếu dương Thận kinh, tức khởi từ huyết Chiếu-hải chạy theo
chân phía trong lên huyết Giao-tin, chạy lên bụng ngực cổ tại huyết
Nhơn-nghinh.

Mạch này thông suốt các kinh thuộc các tạng thuộc lý bên trong.

Phát bệnh hiện chứng đàm trệ Diên cuốn, Dương huẩn Âm cấp.

Biến bình Hàu nghệt, Tiểu tiện lâm lịch, đau tại bàng quang,
ruột sôi, thổ tả phiên-vị tích-tu, Trường phong hạ huyết, nan sản
bôn mê.

Trị pháp : Châm huyết Chiếu-hải (chủ huyết trị tạng phủ bệnh).

5.— Đái mạch : Mạch Đái khởi từ trên rún 2 phân bao tròn cả
vòng hông như sợi giây lưng thông với Túc Thiếu-dương Đởm kinh.

Mạch này hội các huyết Đái-mạch, Ngũ-Xu, Duy-đạo bao thông
suốt hết các mạch làm cho điều hòa.

Phát bệnh hiện chứng bụng cổ trướng, lưng lạnh như ngồi
trong nước lạnh, tay chân nặng.

Biến chứng tay chân bị phong không cử động được, tê đau,
phát sốt co dục, nhừ đầu mắt sưng đỏ, răng má sưng, tai điết,
chân đau hông đầy.

Trị pháp dùng huyết Lâm-khấp (chủ huyết trị tay chân bệnh)
Phối huyết Ngoại-quang.

6) Mạch Xung : Mạch Xung khởi từ huyết Khi-xung chạy lên
rún bụng ngực, lên đến huyết Du-phủ tức suốt kinh Túc Thiếu Âm
Thân : các huyết Đại-hoành, Đại-hích, Khí-huyết, Từ-mãng, Trung-
chủ, Manh-du, Thương-khúc, Thạch-khuyết, Âm-đô, Thông-cốc, U-
môn lên đến Du-phủ ở ngực.

Phát bệnh hiện chứng Thận khí không đủ thượng xung mạch
không đi lên làm bụng trướng đau lý cấp.

Biến bình cửu chũng tâm thống, ngực đầy đau ngàn nghìn.

Phiên vị, đồ ăn bị tích ở trường vị bụng đau, bảo-y không hạ huyết xung tâm.

Trị pháp châm huyết Công-tôn (chủ huyết trị tâm phúc ngũ tạng bệnh), phối hợp huyết Nội-quang.

7. **Dương duy**: Mạch Dương-duy khởi từ huyết Tuyết-cốt chạy lên Dương-lăng-tuyền chạy dọc theo chân lên lưng đến huyết Đại-trữ lạc nhánh thông với kinh Thủ Thiếu-dương Tam-tiêu.

Theo Nội kinh khởi từ chỗ hội của các mạch Dương huyết Kim. Môn mắt cá ngoài lên Dương-giao lên lưng vai hợp với Túc thiếu-dương Thiên-liêu, Thủ-Túc Dương-minh Kiên-tĩnh lên đầu mặt hợp với Túc Thiếu-dương Dương-bạch chạy lên Bồn-thần, Lâm-khấp, Muc-song, Chánh-dinh, Thừa-linh, Nã-không xuống Phong-tri, thẳng xuống huyệt hội với huyết Nhựt-nguyệt, rồi đi lên hợp cùng Đốc mạch hội ở huyết phong-phủ, Á-môn.

Mạch này chạy ràng buộc hết các mạch mạch Dương gọi là Duy lạc chư Dương, vì thuộc dương nên chủ về Phong bệnh bên ngoài, phát nóng lạnh.

Biến bệnh làm các khớp tay chân sưng đau, gối lạnh, tay chân tê mỏi, đầu phong, xương gân lưng đau, đầu cổ mý mắt nhức, mắt cá chân sưng, Thương-hàng tự hạ. Trị pháp Châm huyết Ngoại-quang (chủ huyết trị phong hàn và bệnh ngoài da).

8) **Âm-Duy**: Mạch Âm-duy khởi từ mắt cá chân trong Giao-tín lên Tam-âm-giao lên rún chỗ huyết Âm-giao thông với Thủ huyết-âm Tâm bảo-lạc.

Nội kinh thì mạch này khởi từ chỗ giao hội các mạch âm từ huyết Chúc-tân, chạy lên hội với kinh Túc Thiếu-âm ở huyết Phúc-ai, Đại-hoàn, và kinh Túc Khuyết-âm Phủ xá, Kỳ-môn, hợp cùng với Nhâm mạch nơi huyết Thiên-đột, Liêm-tuyền. Mạch này chạy ràng buộc hết cả các kinh mạch Âm (duy lạc chư âm).

Phát bệnh hiện chứng Cuồng ngốc tâm thống (Âm chủ về huyết, tâm chủ huyết nên làm đau tim).

Biến bệnh Tâm đầy đau, ngực đầy trướng, ruột sôi làm tả lý, thoát-giang, làm chứng ngánghen nuốt không xuống (tất cả các chứng tâm thống hiếp thống và chứng Thương-hàng không giải được làm chứng kết hung).

Trị pháp : dùng huyết Nội-quang (chủ huyết trị Tâm, Đởm, Tỳ, Vị bệnh).

Kết luận : Nhận định về Kỳ kinh mạch, chúng ta tóm tắt các yếu điểm sau đây :

1) Kỳ kinh tức là các kinh mạch ngoài 12 kinh chính nhưng bao trùm tất cả các kinh mạch các tạng phủ.

2) Bốn kinh Dương là : Đốc mạch, Dương-Kiều, Đái mạch, Dương-duy chủ trị tất cả các bệnh ở bộ phận lưng, vai, chân thuộc phần biểu bên ngoài.

3) Bốn mạch Âm là Nhâm mạch, Âm kiều, Maci. Lung, Âm-duy, chủ trị tất cả các bệnh thuộc bộ phận bụng ngực hông sườn thuộc phần lý bên trong.

4) Mỗi kinh mạch có 1 huyết chủ trị và dùng thêm 1 huyết ở dưới phối hợp.

5) Những huyết chủ và khách phối hợp sau đây :

Hậu-khê (chủ) Thân-mạch (khách). Công-tôn (chủ) Nội-quang (khách).

Lâm khấp (chủ) Ngoại-quang (khách).

Liệt-khuyết (chủ) Chiếu-hải (khách).

Vậy ví dụ sau đây :

Như trị bệnh về Tâm, Đởm, Tỳ Vị bệnh các chứng đều dùng huyết Nội-quang thì kết quả ngay, hoặc tùy phối hợp đối chứng dùng yếu huyết lại càng mau kiến hiệu, như bệnh tại các kinh mạch ấy thì dùng luôn 2 huyết 1 chủ và 1 khách phối hợp trị.

Giới thiệu những phương trị nghiệm sau đây :

Dùng huyết Nội-quang chủ khách phối hợp trị có kết quả.

1. — Anh Sanh 48 tuổi bị bệnh ho rất nặng, đã 2 tháng, khi ho thì chỗ vùng vú đau, đàm ngấn nghẹn khó chịu, đã 3 ngày không ăn được, không ngủ yên được, tiểu tiện tự són không biết, đại tiện lỏng, phát sốt, lưỡi tưa vàng, người ốm, gầy, tự hạo, mạch nhuy 120, tại ngực đầy tức, thở dốc, làm khi suyễn, mặt phù thũng, chứng hiện rất nguy hiểm.

Trị pháp : Trước cứu Thiên-đột, và 3 hàng huyết trước ngực mỗi huyết 1 trảng. Dùng ngay quyền cứu các huyết Khí-hải, Quang-

nguyên, Thái-khê, Túc-tam-lý, Tam-âm-giao, Thần-khuyết, Trung-
uyên, Phế-du, Phong-môn, Đại-chùy, Bách-hội, Tỳ-du, Vị-du, Bách-
lao, Côn-lôn, Nội-dinh, Công-tôn đều bổ 3 lần.

Sau châm Nội-quang, Công-tôn, Phong-long tả 3 lần.

Kết quả : Vì bệnh này thuộc Hư chứng nên không áp dụng dùng
châm trị, nhưng vạn bất đắc phải châm trị nên trước dùng ngải
quyển cứu bổ các huyết 3 lần làm cho tinh thần vượn lại sau mới
áp dụng châm.

Cứu xong đến khi châm tả huyết Phong-long sau tả huyết Nội-
quang thì cảm thấy tại ngực khỏe khoắn, tả tiếp huyết Công-tôn, tinh
thần vượn lại nhiều, ngực được thông suốt, bớt thở dốc ngay, nói
năng được qua 1 giờ sau cho ăn được 1 chén cháo. Đêm ấy không
ho, ngũ yên, đến khuya hết sốt nóng, ngày hôm sau mặt xẹp, ăn uống
được. Rất thần diệu.

2.— Anh Hiền 24 tuổi bệnh phía bên sườn trái chỗ lá lách sưng
lớn độ cả tấc, tràn đến trên rún, chỗ Dạ dày, thỉnh linh phát đau
kịch liệt, nặng quá làm tối tăm mày mặt, cảm nhận như có hơi nóng
chạy lên đầu nên bắt xoay xâm, trong tai lại chảy mủ, hay quên
lãng, bình thường đi đường hoặc nói năng gì lâu thì muốn ngắt phải
nghỉ 5,7 phút mới nói lại được, vì hay mệt làm như hụt hơi, đi xe
thì lại làm mữa, nếu mữa thì làm tối xẩm, cổ cứng đơ, thở mệt, mặt
đỏ, thân hình tê cứng.

Trị pháp : Dùng ngải quyển cứu các huyết Tỳ-du, Vị-du, Cách-
du, Phế-du, Túc-tam-lý, Dũng-tuyền mỗi huyết 5 lần.

Châm Nội-quang tả 3 lần, Công-tôn tả 7 lần, Chương-môn tả 4
lần.

Kết quả khi châm huyết Chương-môn trước xoay kim thì cảm
giác hơi nóng tại độ chạy lên chỗ ổ tim, lần lần chạy lên miệng, tả
tiếp 1 lần nữa hơi bớt, tiếp lần thứ 2 thì hết nóng bây giờ mặt hết
đỏ, cảm giác như có hơi chạy ra sau lưng, lưu kim. Sau châm Nội-
quang, Công-tôn, khi châm cảm giác hơi nóng xông lên ngực; chạy
đến sau đầu não phát sốt, xoay tả Nội-quang 4 lần thì sốt bớt nhưng
chỗ ngực còn nóng tả tiếp Nội-quang và tả luôn Công-tôn thì miệng
hết nóng, đầu não cũng hết. Sau tả tiếp 2 lần nữa và tả luôn
Chương-môn, lưu kim bây giờ hết nóng hẳn.

Trị xong chỗ lá lách bên hông hết sưng, thở khoan khoái, cách 2 ngày sau thân lại phát ngứa (độc bệnh xuất), nhưng các chứng đều hết, lá lách xẹp, mặt trở lại tươi nhuận bình phục,

Kết luận vậy trị 2 bệnh trên đây là áp dụng Kỳ kinh bác mạch 2 huyết Nội-quang và Công-tôn phối hợp rất thần diệu. Và lại vì bệnh quá hư suy nguy hiểm áp dụng trước cứu sau châm cũng rất kiến hiệu.

Kinh kỳ bác mạch chủ trị

Tên huyết	Tạng-phủ Kinh-mạch	Thông kỳ-kinh	Chủ-trị
Công-tôn	Tỳ-kinh	Xung-mạch	Đau vùng Tim ngực, bụng, (phần trên Tâm phúc ngũ tạng bệnh). Bộ phận chân phía trước.
Nội-quang	Tâm-bào	Âm-duy	Đau vùng ngực bụng phần trên Bộ phận tay phía trong (chủ trị Tâm, đởm, tỳ vị bệnh).
Túc-lâm-khấp	Đờm-kinh	Đái-mạch	Đau các bộ phận đầu trắng, mắt, tai đau bên hông, bộ phận chân phía trước (cũng chủ trị tay chân bệnh).
Ngoại-quang	Tam-tiểu	Dương-duy	Đau các bộ phận đầu trắng mắt tai, bên hông, cánh tay phía ngoài, chủ trị phong hàng bệnh ngoài da).
Hậu-khê	Tiểu-trường	Độc-mạch	Đau bên đầu, mắt tai mũi, yết hầu, bộ vai (kiên giáp bộ) cánh tay phía xích-cốt.
Thân-mạch	Bàng-quang	Dương-kiêu	Đau cổ, mắt, lưng, dỉ, bộ phận chân phía ngoài sau. (chủ trị chân bị phong độc, ung độc).
Liệt khuyết	Phế-kinh	Nhâm-mạch	Đầu trắng, miệng, ngực, cánh tay phía Nhiều cốt.
Chiếu-hải	Thận-kinh	Âm-kiêu	Cổ, mắt, hầu, bụng dưới, bộ phận chân bên trong phía sau (chủ trị tạng phủ bệnh),

CHÚ Ý : Khi áp dụng cần phối hợp 2 huyết trên dưới (thượng hạ phối hợp).

VIII. THẬP NHỊ KINH MÔ NGUYỆT,

Mô nghĩa là kết tặc chỗ khí huyết Tinh hoa sở kết. Nội-Kinh Dương bịnh hành âm cổ lĩnh Mô tại âm tức là bịnh dương chạy vào âm phần kết ở âm (Mô) Bụng thuộc âm nên Mô huyết ở tại bụng. Các bịnh Hư nhược thường trị tại các huyết Mô. Những Mô huyết của các tạng phủ sau đây :

Phế Mô Trung-phủ, Tâm Mô Cự-khuyết,
Can Mô Kỳ-môn, Tỳ Mô Chương-môn,
Thận Mô Kinh-Môn, Vị Mô Trung-uyển,
Bàng-quang Mô Trung-cực, Đờm Mô Nhựt-nguyệt,
Đại-trường Mô Thiên-xu, Tiểu-trường Mô Quang-nguyên, Tam
đầu Mô Thạch-môn, Tâm bào Mô Chiêu-trung.

Giới thiệu thực nghiệm áp dụng Mô huyết trị các bịnh dưới đây :

1.— Trị bịnh dùng Phế Mô Trung-phủ.

Cháu Phương 15 tuổi bị bịnh chỗ nách có nổi cục chạy đến Trung-uyển sưng to phát ho.

Trị pháp Châm Túc-lâm-khấp Trung-phủ tả.

Kết quả : ngày sau hết ho (chỗ nách còn sưng).

Trị lý : Bịnh này sưng đau, chỗ nách nơi kinh mạch tuần hành thuộc Đờm kinh nên dùng châm huyết Túc-lâm-khấp và dùng Mô huyết Trung-phủ, không dùng huyết trị bịnh ho, lại trị hết ho, chứng minh tinh khí của phổi kết ở Huyết Trung-phủ nên châm trị huyết này dứt ho (bịnh này chỉ nói về phần dùng Phế Mô huyết).

2.— Trị bịnh dùng Can Mô huyết Kỳ-môn.

Cô Thúc 26 tuổi bị bịnh hai bên hông đau do Can khí xóc lên làm đau, chỗ vị uyển sưng đau đè lại càng đau, ban đêm hơi lại càng xóc lên làm chỗ ổ tim ở ngực cũng đau.

Trị pháp : lấy móng tay ấn chỗ huyết Kỳ-môn bên trái thì cảm giác có hơi chạy qua bên mặt, ấn bên mặt thì lại chạy qua bên trái. Vậy châm 2 huyết Kỳ-môn (Can Mô huyết), tả.

Kết quả chỗ hông và giữa ngực đều hết đau.

Trị lý : Can mạch chạy chỗ vùng hông nên bên hông đau là hiện tượng Can bịnh, lại thêm đau chỗ Vị-uyển xông lên Tim là vì Mộc khắc Thổ nên đau (đúng bịnh lý với ngũ hành sanh khắc), vậy trị dùng Can Mô huyết Kỳ-Môn rất đúng, nên có hiệu quả ngay, chứng minh Khí kết Mô huyết mà cũng chứng minh Can Mộc khắc Tỳ thổ nên chỗ Vị-Uyển cũng hết hẳn.

TẠNG-PHỦ, DU, MÔ HUYỆT CHỦ TRỊ.

Trị bệnh nội tạng dùng huyết kinh tạng ngoài ra cần tìm tạng phủ ấy thuộc tại bộ phận như ở lưng hay tại bụng, ngực mà áp dụng phối hợp trị, như trên đã nói, tại bộ phận như ở lưng tức là Du huyết (Bối du), Bộ phận ở ngực bụng tức là Mô huyết. Kinh nghiệm thường Cấp tách bệnh, phát nhiệt ở hàng dùng Bối Du huyết. Mạng tách bệnh thường dùng Mô huyết. Thiết chứng thì dùng Du huyết. Hư chứng thì dùng Mô huyết. Các chứng Nội tạng mạng tách phối hợp cả Du huyết và Mô huyết ứng hiệp với nhau rất công hiệu. (Phần trước có nói rõ về hiệu nghiệm của Bối du huyết). Phối hợp Bối-du, Mô huyết nên áp dụng theo án biểu dưới đây.

Tạng-phủ	Bối du-huyết	Mô-huyết	Chủ-trị
Phế	Phế-du	Trung-phủ	Hô hấp khí bệnh, như ho suyễn, ngực đầy.
Tâm-bào lạc	Khuyết-âm-du	Chiên-trung	Tâm tạng tật bệnh, như đau tại chỗ ngực, ở tim, tâm hĩi hợp.
Tâm	Tâm-du	Cự-khuyết	Các bệnh Tâm, Vị như Tâm hồi hợp, đau dạ dày, bệnh về thần kinh, như thần kinh suy nhược, bệnh cuồn gốc.
Can	Can-du	Kỳ-môn	Can, Vị bệnh như đau vùng gan, chứng ầu thổ, nhiều chất chua.
Đờm	Đờm-du	Nhựt-nguyệt	Can Đờm bệnh như chứng huỳnh đản, đau vùng gan sườn, mật.
Tỳ	Tỳ-du	Chương-môn	Can Tỳ bệnh như Gan lá lách lớn, đau, ăn khó tiêu, bụng đầy trướng, phúc tả.
Vị	Vị-du	Trung-uyên	Vị bệnh, Đau dạ dày, đầy trướng, ăn ít.
Tam-tiểu	Tam-tiểu-du	Thạch-môn	Bệnh tích nước, thủy thũng, phúc tả.
Thận	Thận-du	Kinh-môn	Đau tạng thận và sinh dục khí, đau lưng, di tinh.
Đại-trường	Đại-trường du	Thiên-xu	Bệnh bộ phận ruột già, đại tiện bí, bụng đầy.
Tiểu-trường	Tiểu trường-du	Quang-nguyên	Bệnh bộ phận ruột non, bọng đái và sinh dục khí, ruột đau thắc, xán thống bí tiểu, di niệu, di tinh.
Bàng-quang	Bàng quang du	Trung-cực	Bệnh bộ phận Bọng đái, sinh dục khí, bí tiểu, di niệu, di tinh, kinh nguyệt không đều.

IX. BÁC HỘI HUYỆT.

Theo Nội kinh có nói Bác Hội huyết tức là chỗ giao hội Tinh khí của Ngũ tạng lục Phủ và huyết mạch cân cốt, tinh tủy trong cơ thể giao hội kết tụ lại.

Vậy bác hội là : Ngũ tạng hội ở Chương-Môn, Khí Lục phủ hội ở Trung-uyển.

Cốt hội Đại-trử, Tủy hội Tuyết-cốt, Cân hội Dương-lăng-tuyền, Huyết hội ở Cách-du, Khí hội Chiên-trung, Mạch Hội Thái-uyên.

Trị bệnh kết tụ nội tạng thì dùng Hội huyết.

Giới thiệu trị nghiệm các bệnh dưới đây áp dụng Hội huyết kết quả.

1.— Trị bệnh Não lậu dùng huyết Tủy hội Tuyết-cốt.

Bà Kim 50 tuổi bị bệnh não lậu, mũi chảy nước hơi thúi, hơi thở ra cũng hôi, ban đêm miệng càng thúi nhiều, trên đầu não cảm giác như có con vật gì bò rọ rây khó chịu.

Trị pháp Châm 2 huyết Tuyết-cốt tã 3 lần, Cứu các huyết Bách-Hội, Tinh-hội, Thượng-tinh, Thần-dinh đều 1 trảng.

Kết quả hết hẳn.

2.— Trị bệnh chân co cúp dùng Cân hội huyết Dương-lăng-tuyền.

Anh Thiện 23 tuổi trước bị bệnh bại đau gân trị hết nhưng 2 chân co cúp lâu không ngay ra được.

Trị pháp Châm huyết Dương-lăng-tuyền bổ 3 lần.

Kết quả châm trị xong gân giãn, ngay chân ra được 2 tất.

3.— Trị bệnh Hoát-loạn thổ tả dùng huyết Phũ hội Trung-uyển.

Ông Thanh 54 tuổi bị chứng Hoát-loạn thổ tả ra nước 4, 5 lần, chỗ ở tim đầy, miệng đắng, tay lạnh, thở mệt mắt lờm vào, bệnh phát từ khi 12 giờ trưa đến tối, chứng rất nguy cấp.

Trị pháp Dùng ngải quỳ cứu huyết Trung-uyển 3 lần, Khí-hải bổ 3 lần, Thủy-phần bổ 7 lần, Thần-khuyết bổ 1 lần, Thiên-xu bổ 3 lần, Túc-tam-lý tã 3 lần, Hiệp-cốt tã 1 lần.

Kết quả khi cứu huyết Trung-uyển thì lần lần hết đau, tim hết đập, sau mới tiếp cứu các huyết, bệnh giảm lần hết thổ tả, 1 giờ sau hết hẳn.

Kết luận: Trị 3 bệnh trên đây, Bệnh thứ 1 theo xưa tà chứng não lậu, não tức thuộc tủy, dùng tủy hội huyết Tuyệt-cốt có kết quả.

Bệnh thứ 2 Gân co cúp áp dụng Gân Hội Dương-lăng-tuyền, châm trị cũng kết quả ngay ra được 2 tất.

Bệnh thứ 3 Chứng Hoát-loạn thổ tả bệnh thuộc Trường Vị áp dụng phủ Hội Trung-uyển nên kết quả hết hẳn.

Vậy chứng minh Bác-hội huyết rất công hiệu.

BÁC HỘI HUYẾT CHỦ TRỊ

Tên huyết	Hội thuộc	Chủ trị
Chương-môn	Tạng	Trị các bệnh; Gan, Cách-mô, Tỳ, Thận, (Tạng chi hội)
Trung-uyển	Phủ	Trị các bệnh Trường Vị, (Phủ chi hội)
Chiên-trung	Khí	Trị các bệnh ngực trướng đầy, sườn tức (Khí chi hội).
Cách-du	Huyết	Trị các bệnh tạng Tâm bệnh, huyết bệnh (Huyết chi hội).
Thái-uyển	Mạch	Trị các bệnh thuộc nhiệt tánh, hoặc tứ chi khuyết lãnh, Tim suy nhược, bệnh về mạch (Mạch chi hội).
Dương-lăng tuyền	Cân	Trị bệnh phong thấp cơ nhục, chân tê, nau hoán, (Cân chi hội).
Đại-trử	Cốt	Trị bệnh về xương cốt, chứng cốt chùng lao nhiệt (Cốt chi hội).

PHỤ CHÚ: Nội Kinh có câu nhiệt bệnh tại nội thủ kỳ Hội chi khí huyết. Nên bác Hội huyết phần nhiều trị nhiệt chứng vì chủ, nhưng thông thường dùng cũng công hiệu.

X. THẬP NHỊ YẾU HUYẾT.

Châm cứu Đại-toàn xưa làm sần trị bệnh kinh nghiệm dùng 12 huyết chính sau đây thông dụng và hiệu nghiệm :

Tam-lý, Nội-dinh huyết, Khúc-trị, Hiệp-cốc an, Ủy-trung phổi Thừa-sơn, Thái-xung, Côn-lôn huyết, Hoàn-khiêu dương Dương-

lăng, Thông-lý tịnh Liệt-khuyết. Tam bách lục thập huyết bất xuất Thập nhị quyết. (nghĩa là 12 huyết chính này biết phối hợp áp dụng trị bệnh rất công hiệu vì trong 360 huyết trong cơ thể cũng không ngoài 12 huyết này vậy).

Tên huyết	Kinh mạch	Chủ trị
Túc tam-lý	Vị kinh	Các bệnh đầu mặt cổ, răng rụng, bộ phận ở bụng và chân phía trước.
Nội-đỉnh	Vị kinh	Đầu trắng cổ răng và chân trước như trên.
Khúc-tri	Đại-trường	Trị bệnh các bộ phận vai tay phía trong.
Hiệp-cốc	Đại trường	Trị các bệnh mặt, cổ, mắt, tai mũi răng, ngực và cánh tay phía ngoài.
Ủy-trung	Bàng quang	Trị các chứng sau đầu, cổ, lưng đi và bộ phận phía sau.
Côn-lôn	» »	Trị các chứng bộ phận vai đi, và chân phía ngoài.
Thái-xung	Can kinh	Trị các chứng bệnh ở cổ, mắt, yết hầu, bụng dưới và bộ phận chân phía trong.
Hoàng-khiêu	Đờm kinh	Trị các chứng bộ phận phía sau, và phía sau đi.
Dương-lăng tuyền	» »	Bệnh bộ phận phía bên hông và chân phía trước.
Thông-lý	Tâm kinh	Trị các bệnh yết hầu, tim, ngực, bộ phận cánh tay phía xích cốt.
Liệt-khuyết	Phế kinh	Trị các bệnh ở đầu cổ, miệng và bộ phận cánh tay phía nhiều cốt.

XI. LỤC TỔNG HUYẾT CHỦ TRỊ.

Kinh nghiệm các Vị Châm cứu xưa lại cũng thường dùng 4 huyết chủ yếu tổng trị các bệnh như : Trị bệnh thuộc vùng bụng, huyết Túc-tam-lý, ở lưng dùng huyết Ủy-trung. Bệnh ở đầu cổ dùng huyết Liệt-khuyết. Miệng mặt dùng huyết Hiệp-cốc tức Tử tổng huyết, sau dùng huyết Nội-quang trị các bệnh ở vùng ngực rất hiệu nghiệm thành Ngũ tổng huyết. Nay kinh nghiệm nhận thấy huyết Tam-âm-giao quan hệ cả 3 kinh âm, áp dụng trị bệnh thuộc 3 kinh ấy rất thích hợp nên thêm là Lục tổng huyết, thành các câu ca :

Đồ phúc Tam-lý lưu, Yếu hối Ủy-trung cầu,
Đầu hạng tằm Liệt-khuyết, Diện khẩu Hiệp-cốc sầu,
Tâm hung thủ Nội-quang, Tiềm phúc Tam-âm mưu.

XII.— THƯƠNG BỊNH TRỊ HẠ, HẠ BỊNH TRỊ THƯỢNG

Theo xưa về phương pháp trị liệu có câu Thương bệnh trị hạ, Hạ bệnh trị thượng (tức bệnh đau ở trên trị dùng huyết ở dưới, bệnh đau ở dưới dùng huyết ở trên).

A.— Thương bệnh trị hạ (Bệnh đau ở trên trị ở dưới)

1.— Châm ở Chân trị hết bệnh nhức răng.

Bà Da 51 tuổi răng hàm dưới bên trái đau đến tai đã mấy ngày, miệng hở, hai hàm răng không cắn lại được.

Trị pháp : Châm Thái-xung tả 3 lần.

Kết quả : Khi châm tả 1 lần răng bớt nhức, xoay tả tiếp tại hết đau. Trị xong bệnh hết hẳn, miệng ngậm răng nhai được như thường.

Bệnh đau răng thì dùng huyết Hiệp-cốc có khi kết quả có khi không, vì đau do Hư hỏa, Thiệt hỏa, Phong hỏa, Can hỏa có nhiều thứ, trị chứng này dùng huyết ở dưới trị bệnh ở trên, vì trước lấy tay ấn tại huyết Hiệp-cốc, không thấy phản ứng gì, mà khi ấn tại Thái-xung thì răng hết đau, nên châm Thái-xung kết quả ngay.

2.— Châm ở chân trị hết bệnh nhức đầu :

Ông Châu 52 tuổi bệnh đầu cổ đau nhức.

Trị pháp Châm huyết Thái-xung bên trái tả 3 lần. Kết quả châm trị xong bệnh hết hẳn.

Kết luận : Vây đơn cử hai bệnh trên đây chứng minh bệnh đau ở trên trị dùng huyết ở dưới công hiệu.

Sau đây xin giới thiệu những phương-thức trị nghiệm :

1.— Bệnh đau tai châm Túc-lâm-khấp, Thái-xung có kết quả, (hoặc thêm Ấp-phong, Thính-hội).

2.— Trẻ con đau tai sưng lở châm Túc-khiếu-âm ra máu, thích Dũng-tuyền công hiệu ngay.

3.— Nhức răng thuộc Vị hỏa Tả Túc-tam-lý, Nội-dinh kết quả, như thuộc Can hỏa Túc-lâm-khấp, Thái-xung kết quả.

4.— Đầu xoay xâm thuộc hư nhược Châm Bồ Túc-tam-lý có kết quả, Đầu xoay xâm thuộc Can vượng tả Thái-xung. Túc-lâm-khấp, khiêm Thận hư thêm bổ Phục-lưu công hiệu.

5.— Đầu trắng đau thuộc Dương-minh kinh tả Túc-tam-lý và Nội-dinh có kết quả.

6.— Nhức đầu đau hai bên (biên đầu thống) tả Túc-lâm-khấp, Thái-xung công hiệu.

7.— Nhức tại đỉnh đầu Tả huyết Uy-trung, Thái-xung công hiệu.

8.— Bệnh Nảo-lậu dùng huyết Tuyết-cốt công hiệu,

9.— Đau bụng dùng huyết Túc-tam-lý Công-lôn hữu hiệu.

B.— Hạ bệnh trị thượng (Đau ở dưới dùng huyết ở trên)

1. - Cứu ở đầu trị hết bệnh trẻ con lòi trê.

Cháu Sanh 4 tuổi bị bệnh lòi đôm trê.

Trị pháp : Cứu Bách-hội 7 trảng có kết quả.

Bệnh thoát gian nặng sau khi cứu Bách-hội thì châm thêm huyết Trường-cường ra máu càng công hiệu, bệnh nhẹ chỉ cứu Bách-hội cũng kết quả.

2.— Cứu ở Đâu trị hết bệnh Di-tinh.

Ông Hai 57 tuổi bị bệnh đi tiểu hoài trị dùng bồ Thận-du và Quang-nguyên hết, đny cách 2,3 đêm phát di tinh 1 lần.

Trị pháp : Cứu Bách-hội 5 trảng kết quả.

3.— Chân bị phong thấp nhức, dùng các huyết : Phong-phủ, Khúc-tri có hiệu.

4.— Lưng đau nhức châm Huyết Nhơn-trung kết quả (đã trị rất nhiều người đều công hiệu).

5.— Hai chân yếu dùng các huyết Tích-trung, Đại-chùy. Mạng-môn, Trường-cường. Thận-du công hiệu.

Kết luận : Vay trên đây là những kinh nghiệm trị liệu áp dụng huyết trị bệnh đau họ phận ở trên thường dùng những huyết ở dưới, những bệnh ở dưới lại dùng những huyết ở trên rất công hiệu, cũng không nên nhận là tuyệt đối, khi lâm sàng trị bệnh nên phải nghiên cứu phối hợp huyết mà áp dụng thì mới vận dụng đúng phương pháp.

XIII.— ÁP DỤNG NAM TẢ NỮ HỮU

Theo cách sách xưa về mạch lý và Châm cứu đều phân Nam tả (trái dùng bên trái), Nữ hữu (Gái dùng bên phải), khi lâm sàng trị bệnh mới nhận thấy rất đúng, vậy xin giới thiệu trị bệnh kinh nghiệm dưới đây để tiện tham khảo; vì tôi đã trị bệnh trái dùng huyết bên trái trị có công hiệu mà bên mặt không công hiệu, trị bệnh đàn bà con gái dùng huyết bên mặt có công hiệu mà khi dùng bên trái lại không công hiệu.

1.— Trị bệnh trai dùng huyết bên trái có hiệu mà dùng bên mặt vô hiệu.

Cháu Hòa 42 tuổi bệnh vàng da (huỳnh đản bệnh) lại thêm nhức đầu, miệng đắng.

Trị pháp : Châm Túc-lâm-khấp bên trái, Thái-xung bên mặt đều tả 3 lần.

Kết quả: Đêm ấy hết nhức đầu, tinh thần khoẻ.

Trị lần thứ 2 dùng hai huyết này thay đổi, Túc-lâm-khấp bên mặt, Thái-xung bên trái cũng tả 3 lần. Kết quả : Đầu vẫn đau như trước.

Trị lần thứ 3 trị châm lại như lần thứ 1 tức châm Túc-lâm-khấp bên trái, Thái-xung bên mặt; Kết quả đầu hết nhức.

Trị lý: Vẩy chứng này thuộc Đởm bệnh (Đởm nhiệt làm miệng đắng) nên áp dụng trị tả Đởm kinh vì chủ tả Can kinh phụ trợ, nhưng châm trị tả huyết Túc-lâm-khấp bên trái công hiệu, ngày sau lại cải lại châm bên mặt thì bệnh trở lại (vô hiệu) lần thứ 3 châm lại bên trái thì lại kết quả. Như thế đủ chứng minh trị bệnh đàn ông, con trai dùng huyết bên trái nhưt định công hiệu.

Như thế thuyết xưa dùng Nam tả, Nữ hữu rất đúng.

XIV.— NGŨ HÀN SANH KHẮC VẢ HƯ THIỆT BỎ TẢ

Âm Dương (Quyền trước đã có giải rõ). Trị bệnh cần hiểu rõ Âm Dương là cần xem rõ chứng thuộc Âm hư hay thiệt, Dương hư hay thiệt để áp dụng châm thuật Bồ Tả.

Dương chủ ở ngoài chủ về nóng, Âm chủ ở trong chủ về lạnh.

Dương thiệt thì ngoài nóng, để làm cho Âm hư, Âm thiệt thì nhiệt tiêu, mà nhiệt tiêu thì trong lạnh, vậy Dương hư là ngoài lạnh, Âm thiệt là trong lạnh, Âm hư là trong nóng, đó là thường lệ.

Trị bệnh bằng châm cứu thì hư tắc Bồ, Thiệt tắc Tả. Nhưng bỏ tả cần phải hiểu rõ dùng huyết nào để bổ huyết nào để tả, hoặc tả lạng nào bổ lạng nào, Vì bỏ tả còn trị bệnh làm cho thăng bằng sự thừa sự thiếu. Lỗ là thêm vào chỗ thiếu, Tả là bớt chỗ dư, đó là nguyên

tắc điều chỉnh thăng bằng Thần kinh tức là làm cho Âm Dương điều hòa để điều chỉnh cơ năng tạng phủ.

Vậy hiểu rõ Âm Dương rồi còn cần phải hiểu căn cội của Ngũ hành sanh khắc thì mới có thể áp dụng bổ tả.

Ngũ hành là gì ? Đông y phân tạng phủ theo Ngũ hành là theo lý hóa, vì Thần kinh dinh dưỡng theo sự luân chuyển của kinh mạch liên hệ tạng phủ này hỗ trợ nuôi dưỡng tạng phủ kia, vì sự liên hệ của hệ thống Thần kinh làm điều chỉnh cơ năng tạng phủ.

Áp dụng theo Ngũ hành tức là theo khí hóa của Vũ-tru ; KIM, MỘC, THỦY, HỎA, THỔ. (Kim-khí, Cây cỏ, Nước, Lửa, Đất).

Luật Ngũ hành có tương Sinh và tương Khắc.

Tương-Sinh : Kim sanh thủy, Thủy sanh Mộc, Mộc sanh Hỏa, Hỏa sanh Thổ, Thổ sanh Kim.

Tương Khắc : Kim khắc Mộc, Mộc khắc Thổ, Thổ khắc Thủy, Thủy khắc Hỏa, Hỏa khắc Kim.

Theo lý luận tương sanh thì Kim khí đốt chảy ra nước, (kim sanh thủy). Nước nuôi được cây, (Thủy sanh Mộc), cây đốt cháy thành lửa. (Mộc sanh Hỏa). Lửa đốt tàn ra tro thành đất, (Hỏa sanh Thổ). Trong đất có dưỡng chất kim loại (Thổ sanh Kim).

Theo lý luận tương khắc. Loại kim khí chặt cây chết (Kim khắc Mộc) Cây bám vào ăn màu mỡ của đất (Mộc khắc Thổ) Đất ngăn chặn được nước chảy (Thổ khắc Thủy) Nước tưới tắt lửa (Thủy khắc Hỏa) Lửa đốt kim khí chảy thành nước (Hỏa khắc Kim). Theo lý luận thông thường tương sanh tương khắc là thế.

Ngũ hành phân theo tạng phủ như sau :

Phế, Đại-trường thuộc Kim. Can thuộc Mộc, Thận Bàng-quang thuộc Thủy. Tâm, Tâm bào lạc, Tam-tiêu, Tiểu-trường thuộc Hỏa. Tỳ Vị thuộc Thổ.

Theo lý luận sanh khắc áp dụng trị bệnh Hư tắc Bổ thiệt tắc tả Nội kinh có câu : Sanh ngã vi mẫu, Ngã sanh vi tử, nghĩa là cái sanh ra ta là mẹ (mẫu), Cái mà ta sanh ra là con (tử), và có câu Hư bổ mẫu. (Hư bổ mẹ). Thiệt tả tử (Thiệt tả con).

Vậy Hư tắc bổ mẫu. Bổ mẹ là làm cho mẹ đầy đủ dồi dào ắt nuôi con mạnh. Thiệt tắc tả tử (tức thúc ép con làm cho con phải rút tía thêm nhiều sức mẹ để làm giảm sút bớt sự quá thừa của mẹ.

Như thế trị bệnh khi áp dụng bổ tả thì theo ngũ hành sanh khắc mà bổ tả, tức là theo kinh tạng nào hư thiệt mà áp dụng bổ tả, nên dùng huyết cũng phải biết huyết sanh khắc mà áp dụng vì thế nên trong mỗi kinh có 5 huyết chủ yếu trên đều phân ra theo ngũ hành để có thể áp dụng châm trị bổ tả.

Năm huyết Chủ yếu Tĩnh, Vinh, Du, Kinh, Hiệp phân theo ngũ hành như sau đây :

Những Kinh Tạng : Tâm, Can, Tỳ, Phế, Thận, Tâm bào lạc : Các huyết theo ngũ hành thì Tĩnh Mộc, Vinh Hỏa, Du Thổ, Kinh Kim, Hiệp Thủy.

Những kinh Phủ : Đại-trường, Tiểu-trường, Vị, Đởm, Bàng-quang, Tam tiêu các huyết theo ngũ hành Tĩnh Kim, Vinh Thủy, Du Mộc, Kinh Hỏa, Hiệp Thổ. Vậy áp dụng Bổ tả phải căn cứ vào tạng phủ nào theo hành gì dùng huyết theo hành gì tức là theo luật tương sanh tương khắc mà áp dụng. (Xem đồ án Âm-kinh, Dương-kinh)

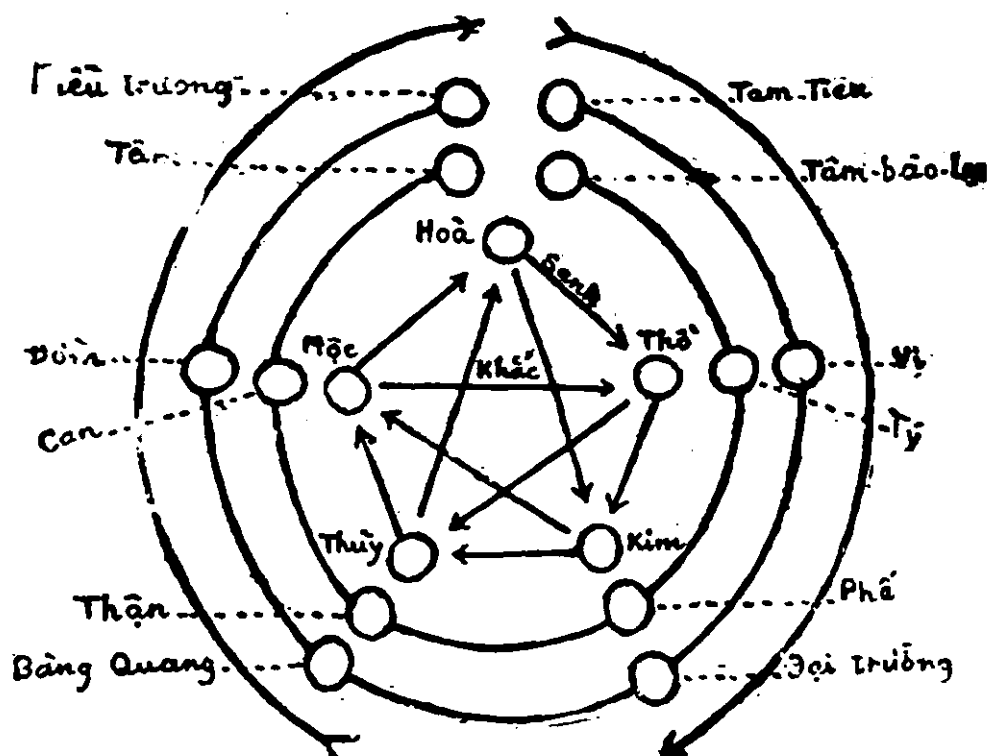
Ví như : Phế kinh bệnh Ho suyễn phiền khát, ngực đau v.v..

Chứng thiệt : Thì Ngực, đầu đau ra mồ hôi v.v.. Trị bệnh cần tả huyết Xích-Trạch, là vì Huyết Xích-Trạch thuộc huyết Hiệp thuộc Thủy, như vậy là tả tử vì Phế thuộc Kim sanh Thủy.

Chứng Hư thì lưng đau (ngực đau dẫn ra đến lưng) thiếu hơi thở mệt v.v.. Trị bệnh cần Bô Huyết Thái-Uyên, là vì huyết Thái-Uyên thuộc huyết Du thuộc Thổ, như vậy là bổ mẫu, Thổ sanh Kim.

Vậy khi lâm sàng trị bệnh nên theo công lệ này mà áp dụng bổ tả thì trị, (xem phần dưới đây chỉ rõ về hư thiệt bổ tả bệnh chứng của 12 kinh mạch)...

Lục Phủ ngũ tạng đối với ngũ hành sanh khắc



Tương sanh : Hỏa sanh Thổ, Thổ sanh Kim, Kim sanh Thủy, Thủy sanh Mộc, Mộc sanh Hỏa.

Tương khắc : Hỏa khắc Kim, Kim khắc Thủy, Thủy khắc Mộc, Mộc khắc Thổ, Thổ khắc Hỏa.

XV.— NGŨ TẠNG ĐỐI VỚI NGŨ HÀNH

Phần trên nói về Phương pháp trị liệu áp dụng huyệt trị từng tạng phủ tùy chứng dụng huyệt chủ yếu, nhưng theo Đông-y ngũ tạng lục phủ đều tương quan với ngũ hành sanh khắc như trên kia đã nói, Phế, Đại trường thuộc Kim. Can, Đờm thuộc Mộc. Thận, Bàng quang thuộc Thủy. Tâm, Tiểu-trường, Tâm bào lạc, Tam-tiên đều thuộc Hỏa. Tỳ, Vị thuộc Thổ.

Về sinh lý cơ quan tạng phủ đều có liên quan với nhau nên khi một tạng phủ bị bệnh không phải chỉ riêng tạng, phủ ấy bệnh mà thôi lại còn liên quan mật thiết với các tạng phủ khác về bệnh lý, và cũng còn do sự điều hòa âm dương của Thần kinh liên hệ, nhất

là do sự biến hóa của Ngũ hành sanh khắc.

Vì như bị bệnh đau Dạ-dày (do Tỳ vị) tức Tỳ vị bị bệnh, thì Tỳ Vị thuộc Thổ nếu xét về ngũ hành sanh khắc thì Hỏa sanh Thổ, Mộc khắc Thổ vậy tương quan về bệnh lý thì Tỳ Vị bị bệnh liên quan đến các tạng phủ khác như Tâm, Tiểu-trường, Tam-tiêu, Tâm bào-lạc, (thuộc Hỏa) tương sanh, và Can, Đờm (thuộc Mộc) tương khắc.

Trị bệnh nhận đoán đúng thì có thể bồ hỏa (Tâm bào-lạc, Tam-tiêu) để sanh Tỳ Vị Thổ, hoặc tả mộc (Can, Đờm) để chế bớt khỏi khắc Tỳ Vị thổ,

Đối với Châm cứu trị bệnh ở Tỳ, Vị, chúng ta thấy có dùng các huyệt như : Túc-tam-lý, Thiên-xu (Vị kinh), Nội quang, Gian-sử (Tâm-bào-lạc), các huyệt Kiện-lý, Trung-uyên, Khí-hải (trực thuộc Thượng, Trung, Hạ tiêu), Chương-môn (Can kinh), ngoài ra còn dùng các huyệt dinh dưỡng sau lưng như Can-du, Tỳ-du, Tâm-du, Vị-du.

Vậy đây là đại khái sơ lược để chúng ta có thể nắm ít quy tắc chính về ngũ hành sanh khắc quan hệ với ngũ tạng lục phủ cần phải hiểu rõ và suy diễn áp dụng, vì tất cả các bệnh tật của các tạng phủ đều cần phải theo quy luật ấy áp dụng trị liệu mới mong nắm được yếu tố về phương pháp áp dụng huyệt trị bệnh (xem phần dưới về ngũ tạng tương quan ngũ hành sanh khắc trị nghiệm).

Về ngũ tạng còn có sự liên quan đến sự thể hiện trên cơ thể như sắc, mùi, vị, và thông với ngũ khiếu bên ngoài (phần này rất quan hệ để xem xét đoán bệnh).

Theo các sách xưa thì Tâm sắc đỏ, vị đắng, khai khiếu ở lưỡi, chủ về mạch, Can sắc xanh, vị chua, khai khiếu ở mắt, chủ về Gan.

Tỳ sắc vàng, vị ngọt khai khiếu ở môi miệng chủ về cơ nhục.

Thận sắc đen, vị mặn khai khiếu ở tai và nhị âm.

Phế sắc trắng, vị lạt khai khiếu ở mũi chủ về Da lông.

Kết luận : Sơ lược về phần trị liệu đối với châm cứu trị rất cần hiểu rõ đủ tất cả những phần quan hệ căn bản, mới mong khi lâm sàng trị bệnh có thể tùy cơ ứng biến khỏi phải phân vân (xin xem những phương trị nghiệm y-án thực hành sau).

XVI.— NGŨ TẠNG SANH KHẮC TRI NGHIỆM

Để chứng minh về ngũ tạng tương quan với nhau đối với ngũ-hành sanh khắc, dưới đây tôi xin trích những phương trị liệu có kết quả, khi biết áp dụng đúng với luật ấy.

1.— Ngũ tạng thuộc ngũ hành

1.— Tiểu trường thuộc hỏa, Tả hỏa làm giảm bệnh sốt nóng.

Ông Lưu 56 tuổi bị chứng về mùa Xuân cảm nhiễm phát sốt nóng cao độ làm suyễn súc, mặt đỏ, lưỡi vàng, vì trong nóng quá làm rên thở, nhiệt độ 41.

Trị pháp : Ban đầu châm tả Hiệp-cốc, không giảm sốt, sau ấn tạng phủ thì Tiểu-trường thuộc hỏa vậy dùng huyết Hậu-khê tả hỏa.

Châm Huyết Hậu-khê xoay kim tả 3 lần, bệnh giảm sốt, tả tiếp 3 lần nữa cơn sốt giảm nhẹ ngay, tiếp tả 2 lần nữa. Bệnh hết sốt, bình phục. Vậy chứng minh tả Tiểu-trường Hỏa chứng sốt cao độ giảm hết ngay.

2.— Tiểu-trường thuộc hỏa, Tâm bào-lạc thuộc hỏa, Bỏ tả, hỏa trừ được chứng Sốt-rét.

Cô Trần 44 tuổi bệnh Sốt-rét đã hơn 1 năm, trước lạnh sau nóng, người yếu gầy, mặt vàng, mề mẹt.

Trị pháp ; Huyết Hậu-khê thuộc Tiểu-trường hỏa, Huyết Gian-sử thuộc Tâm bào-lạc hỏa (tạng phủ trong ngoài giao tiếp với nhau). Trước châm bỏ xoay kim 3 lần, rồi xoay tả 3 lần. bệnh hết hẳn.

Bệnh này vì trước lạnh nên trước bỏ hỏa bắt tức (thiếu, bỏ huyệt sau lại nóng nên tả hỏa hữu dư (dư, tả thiệt), vì thế nên công hiệu.

3.— Tâm thuộc hỏa, Thận thuộc Thủy, Tả Tâm hỏa, Bỏ Thận thủy trị bệnh Phế-lao huyết khô, mất kinh, lòng bàn tay, bàn chân nóng.

Cô Quân 39 tuổi bị bệnh phôi nặng, huyết khô nên mất kinh nguyệt đã 3 tháng, lòng bàn tay lòng bàn chân nóng, mỗi ngày sau 2 giờ chiều làm tim phiền nhiệt, đêm không ăn, chỉ ngủ được vài giờ, đầu xoay mất hoa, ho nhỏ bọt trắng, ăn không tiêu, hoặc no hơi, tim hồi hộp, nói hơi mệt, dùng đủ các thứ thuốc Đông, Tây đều cho là chứng cần huyết lao, rọi phổi thì là chứng Lao-phổi.

Trị pháp : Vì sợ vụng châm nên trước cứu bổ Tam-âm-giao, Nội-quang, Thái-khê, 3 trảng, Côn-lôn 1 trảng, sau châm bổ Phục-lưu, Tam-âm-giao, Tam-lý, Nội-quang trước bổ sau tả.

Kết quả : Ngày sau ăn được.

Trị lần thứ 2 Châm Tam-lý, Tam-âm-giao bổ, cứu như trước, và châm thêm bổ Phục-lưu, Phi-dương, châm tả Đại-chùy, Phế-du, Phong-môn.

Kết quả : Tinh thần khỏe, ăn được tăng, vai bớt đau.

Trị lần thứ 3 trị như trên. Kết quả : Không phản ứng, duy chỗ Trung-uyên lại hơi đau.

Trị lần thứ 4 : Trị như trên bổ thêm Phục-lưu, Tam-âm-giao, Tam-lý, Trung-uyên, và tả Nội-quang.

Kết quả : Đêm ấy bớt ho, ngày sau chứng triều nhiệt buổi trưa giảm, sắc mặt tươi nhuận, tinh thần khỏe, ngủ được thêm 3 giờ.

Trị lần thứ 5 : Trị như trên. Bảy giờ tinh thần khỏe khoắn, ho bớt nhiều.

Trị lần thứ 6 : Châm Đại-lăng (tả 4 lần, tả Tâm bào-lạc). Bổ Thận thủy Phục-lưu, Tam-âm-giao, Tam-lý, Cứu như trước.

Trị lần thứ 7 : Trị y như trước, thế Đại-lăng thay dùng huyết Chiếu-hải. Kết quả các chứng triều nhiệt và hư hỏa hết, bệnh hết.

Trị lý : Bệnh này trị lần đầu vì nhận thấy Tâm tạng suy nhược, cho nên bổ Thận-thủy Phục-lưu là vì Âm hư hỏa động làm lòng bàn tay bàn chân nóng nên bổ Nội-quang để tăng cường tâm hỏa.

Vì trị 3 lần trước đều bổ hỏa nên không thối được nhiệt, vì thế nên trị lần thứ 4 tả Nội-quang tâm hỏa bổ Thận thủy thì ngày sau bớt nóng, vậy chứng minh Tâm tạng hỏa không hư (dùng bổ sai).

Trị lần thứ 6 cũng tả tâm hỏa (huyết Đại-lăng). Nhưng qua lần thứ 7 không cần tả Tâm hỏa nữa chỉ bổ Thận-thủy (bổ Chiếu-hải), nên hư hỏa thối, tay chân hết nóng bệnh nhẹ. Vậy chứng minh dùng thủy chế hỏa rất hay.

Vả lại bệnh này cũng thuộc bệnh phổi, đối với kinh Phổi dùng huyết trực tiếp trị mà không bổ Thận thủy, tả tâm hỏa dùng trị liệu gián tiếp thì bệnh phổi không thể có kết quả được.

4.— Tả Tâm hỏa trị nhẹ bệnh biến thân sưng lở do độc Dương-mai.

Anh Phùng 28 tuổi bị bệnh lậu độc Dương-mai, đã mấy năm, gần đây phát bệnh cả mình ghê lở, nhất là các khớp ngón tay, (10 ngón tay không thẳng ra được), thử máu thì máu quá đen, độc nhiễm toàn thân phát nóng, ghê nhức.

Trị pháp : Hai lần đầu châm tả huyết Lao-cung (tâm-bào-lạc chủ huyết, tả Tâm hỏa). Kết quả khi châm lập tức trong tim nghe hơi nóng thoát ra cứ mỗi lần xoay tả thì thân lần lần lạnh (hỏa khứ thân lãnh, trị xong ngày sau ghê giảm bớt ngay.

Trị lý : Theo các sách muốn tả Tâm hỏa thì tả Tâm-bào-lạc tức công hiệu cho nên tả hỏa tức thì phát lạnh, ấy là hỏa tiêu phản nhiệt vi hàng, ghê giảm tức Tâm hỏa giảm xang hãm tiêu, vậy tả Tâm trị bệnh này rất công hiệu.

XVII.— NGŨ TẠNG TƯƠNG QUAN NGŨ HÀNH SANH KHẮC TRỊ NGHIỆM

1.— Tả Can trị hết bệnh đau Dạ-dày (Vị bệnh).

Bà Dương 64 tuổi phía dưới chỗ ổ tim đau 20 năm nay, ban đầu 1 năm phát mấy lần, lần lần càng nặng, gần đây lại nặng hơn, phải uống A-phiến mới bớt, bây giờ mỗi ngày tại Trung-uyên đau không hết, khi đau, tim đập mạnh.

Trị pháp : Châm Trung-uyên, Chương-môn tả.

Kết quả : Khi châm huyết Trung-uyên tả 2 lần thì đau chạy xuống dưới, xoay kim qua trái đẩy vào (công) thì đau lại chạy lên trên, xoay kim thêm thì đau chạy xuống dưới lại, xoay kim đẩy nữa thì đau chạy vào giữa, không dứt được, sau tiếp xoay 3 lần nữa cũng vẫn còn đau tuy ít nhưng không dứt hẳn. Sau châm Chương-môn (Can huyết) khi châm vào thì tim đập mạnh (Chương-môn là Can huyết thuộc mộc, Tâm thuộc hỏa, tức Mộc sanh Hỏa nên phản ứng) chỗ Trung-uyên lại đau dữ (Can mộc khắc Tỳ thổ) tiếp xoay tả 3 lần nữa, hết đau, bệnh nhẹ.

Trị lý : Chứng này thuộc Tâm khí thống, nhưng thiết là cuốn trên Dạ dày đau (Vị thuộc thổ, Can thuộc mộc, vì Can thanh nên khắc Vị thổ, lại thấy chỗ Trung-uyên đau là chỗ vị khẩu nên trị châm Trung-uyên, sau đau tuy giảm nhưng không hết, đến khi châm huyết Chương-môn (Can huyết), khi châm vào thì tim lại động mạnh,

chỗ Vị-nyên cũng đau dữ, đó là Can mộc sanh Tâm hỏa, và Can mộc khắc Vị thổ, cho nên sau tả Chương-môn tim hết đập mạnh, Vị thổ khỏi bị khắc nên hết đau, bình nhẹ.

2.— Bỏ Tỳ Thổ tức thì mưa ra nước và đàm nhiều, hết ho, hết đau mình.

Cô Vinh 31 tuổi bị bệnh chân gối bên mặt tê nhức ngày đờ không co lại được bình đã trên năm, tim đập mạnh, hông bên trái đau, toàn thân cốt tiết đều đau, lại thêm ho có đàm.

Trị pháp: Châm Thái-bạch, Tâm-âm-giao, Ủy-trung, Hoàn-khiếu

Kết quả: Châm xong về nhà bắc đi cầu trên 10 lần, miệng mưa đàm nước rất nhiều. Mưa rồi thì chỗ ổ tim và phía hông trái hết đau hết đập, thân thể lại khỏe không đau nhức nữa, ngày hôm sau chỗ gối đau hết, co duỗi được bình thường.

Trị lý: Bệnh này vì bị đàm bế ngăn nghẹn nên làm cho tim đập mạnh và hông đau, chân gối đờ cứng. Trị dùng đại bổ Tỳ thổ Thái-bạch, Tâm-âm-giao, như vậy là làm cho Thổ khắc Thủy, nên phát mưa đàm, nước và tiết tả, rồi các chứng đều hết. Vậy chứng minh Thổ khắc Thủy rất công hiệu.

3.— Bỏ Thận trị hết bệnh nhức đầu, mặt đỏ thân sốt nóng.

Cô Trinh 27 tuổi bệnh nhức đầu, mặt đỏ thân sốt cứ sau giờ Ngọ thì phát.

Trị pháp: Châm Phục-lưu, Phi-dương (đó là dùng Nguyên, Lạc Phối hợp trị).

Kết quả: Mặt hết đỏ bớt nhức đầu, bớt sốt, ngày hôm sau chứng giảm nhẹ.

Trị lý: Mặt đỏ sốt là thuộc hỏa, nhức đầu cũng do hỏa xông lên và lại bệnh sau giờ Ngọ phát là chứng thuộc Âm (tức bệnh do Âm hư hỏa động) trị dùng bổ Thận thủy chế hỏa, bệnh hết, chứng minh áp dụng Thủy khắc Hỏa công hiệu.

4.— Phong xuất Hỏa khí, trị nhẹ chứng sưng phổi.

Cháu Bình 2 tuổi bệnh ban trái sau rồi phát ho, nóng sốt cao độ, khí suyễn, đàm kéo, miệng lở, mặt đỏ, môi lưỡi mọc mủ, khi ho thì môi rướm máu, đã 2 ngày chưa hết lại kèm chứng kiết, Tây y chẩn đoán là bệnh sưng phổi.

Trị pháp: Châm Hiệp-cốc và Thủ tỉnh-huyết, Ấn-hạch, lệ đoai ra máu. Phong phủ, Phong-trì, Thân-trụ, Đại-chùy, tả pháp.

Kết quả: Các chứng đều giảm, hết kiết.

Trị lần thứ 2 ăn được, trị tiếp đến 4 lần hết sốt, các chứng hết hẳn.

Trị lý : Bệnh này vì ban trái lâu chưa hết sốt nên chuyển thành sưng phổi, là vì hỏa khắc kim. Trị áp dụng châm tả các kinh Tiểu-trường, Tâm-bào-lạc, Tam-tiểu, và Phế-kinh để làm cho thối hỏa (hết nóng) hỏa thối thì phổi yên, ho hết. Vậy chứng minh Phổi kim nhưn bị tâm hỏa khắc thành phổi sưng nên trị phổi Kim chế hỏa thì hết bệnh.

5.— Bỏ Phế, Thận trị hết bệnh Phụ nữ kinh bế đã 5 tháng không thông, phát ho, mà mỗi lần ho thì vài tiểu tiện.

Cô Vinh 49 tuổi mất kinh đã 5 tháng lại phát ho mà mỗi lần ho thì nước tiểu tự ý vài ra, ho đàm mận.

Trị pháp : Châm Thái-uyên, xoay kim bỏ, tả 3 lần, Thái-khê xoay bỏ 4 lần. Kết quả : Châm trị xong ho giảm, hết vài tiểu, qua 3 ngày sau thì có kinh. Bệnh hết hẳn.

Trị lý : Tạng Thận có ống dẫn nước tiểu, bệnh tiểu tiện tự ý ra là vì cơ năng Thận tạng mất sự co thắt, nên không ho thì nước tiểu không ra, mà khi ho thì tự ý lưu xuất, ho do phổi, do sự hô hấp, Phổi ho thì Thận khí không thấu nạp, mất sự thúc ép của cơ năng Thận nên nước tiểu tự ý ra. Theo phép trị bỏ Phế Kim sanh Thận thủy và khiêm bỏ Thận nên áp dụng huyết Thái-khê là Thận chi Du huyết thuộc thổ, thổ sanh kim, làm cho kim sanh thủy, vì thế nên trị chứng này công hiệu mà kinh huyết cũng thông. Chứng minh Kim sanh Thủy rất đúng.

6 — Bỏ Thận trị nhẹ bệnh mắt trông không rõ (thuộc Can khai khiếu ư mục).

Anh Thu 43 tuổi bị bệnh mắt bên mắt mờ không thấy rõ.

Trị pháp : Châm Phục-lưu bỏ (Thận kinh huyết).

Kết quả : Châm xong mắt sáng, ngày sau càng thấy rõ.

Trị lý : Hư bỏ mầu : Thận thủy sanh Can mộc và đồng tử (con ngươi) cũng thuộc Thận thủy, vì thế nên bỏ Thận Phục-lưu công hiệu ngay.

7.— Châm Can huyết trị nhẹ bệnh đau tim.

Cháu Quân 10 tuổi thường chỗ ở tim đau đã 1 năm, ban đầu mấy tháng phát 1 lần, gần đây ngày đêm đều đau không dứt, khi đau thì mặt mắt xanh, tay lạnh, khom lưng hoài,

Trị pháp : Châm Thiếu-thương ra máu, bệnh hơi bớt, sau 1 tiếng đồng hồ lại đau lại 1 tý rồi hết, đến đêm lại đau nhưng so với trước nhẹ hơn.

Trị lần thứ 2 ngày sau. Châm Linh-đạo, tả pháp. Kết quả : Tả xong thì hết đau. Nhưng sau giờ ngọ lại hơi đau lại.

Trị lần thứ 3 Châm Thần-môn. Kết quả Châm vào thì đau rồi hết nhưng gần đến giờ ngọ lại đau.

Trị lần thứ 4 Châm Nội-quang, Thừa-tương. Kết quả Châm trị xong hết đau.

Trị lần thứ 5 trị như trên. Châm trị xong về nhà, vì đi đường xa nên đau lại 1 tý, qua ngày sau cũng còn hơi đau nhưng nhẹ hơn.

Ngày sau lại trị. Nhận định bệnh qua ngày sau lối gần sáng (giờ Sửu) phát đau lại bệnh này đúng do khí lưu trú ở Gan.

Trị châm huyết Thái-xung. Kết quả hết đau và sau không tái phát nữa.

Trị lý : Trị bệnh này dùng các huyết kinh Tâm chỉ hết tạm thời, trị lần sau châm Can huyết Thái-xung mà tim hết đau đó là vì Tâm kinh với Can kinh liên quan với nhau (thuộc cả 2 hệ thống tuần hoàn và tiêu-hóa, nên trị châm Can mà bệnh tim hết.

8.— Châm Vị huyết trị nhẹ bệnh tim nháy đập mạnh.

Cô Năng 43 tuổi bị bệnh tim thường đập mạnh, chỗ ở tim đầy đau, bệnh đã 20 năm nay khi đau thường làm ọe mửa nước trong.

Trị pháp : Châm Thương-uyên xoay tả và công 3 lần.

Kết quả : Châm trị xong tim hết đập mạnh và hết đau.

Trị lý : Hòa sanh Thở chỗ Tâm khẩu tức cuốn trên Da dày (da dày là vị thở) vị thọ tả bị bệnh, chỗ ấy cùng liên quan đến tim nên làm cho tim đau đập mạnh, tức Tâm thiết sanh bệnh nên Quam tả Thương nguyên (thiết tả tử) bệnh nhẹ hết đau.

9.— Châm Vị huyết trị nhẹ bệnh ho lâu 20 năm.

Ông Kim 68 tuổi mỗi đêm nằm ngủ đều phát ho, không ngủ yên được, thường chỗ ở tim đau, đã 20 năm nay dùng thuốc nhiều vẫn không công hiệu.

Trị pháp : Châm Trung-uyên tả pháp, khi xoay kim tả xong, chỗ ở tim được khoan khoái, tối lại nằm ngủ yên không ho nữa, đến nửa đêm tỉnh dậy còn ho chút ít, ngày hôm sau hết hẳn.

Trị lý : Chỗ ò tim đau là do Vị Thở-thọ tà, tiếp với Phế-kinh làm phế-khi không được điều hóa nên phát ho mãi không hết, Trị dùng tả Vị huyết làm Vị yên cơ năng Phế tạng khôi phục lại nên hết ho. Vả lại bị bệnh này vì lâu đã dùng nhiều cách trị trực tiếp Phế kinh không hết, nên nay định sự liên hệ cơ năng Vị và Phế-kinh quan hệ với nhau nên áp dụng trị liệu công hiệu.

XVIII.— NGŨ SẮC QUAN HỆ VỚI NGŨ TẠNG

Nội kinh có câu : Tâm sắc đỏ, Can sắc xanh, Tỳ sắc vàng, Phế sắc trắng, Thận sắc đen, cần xem xét sắc diện mà đoán bệnh.

Vậy khi lâm sàng trị bệnh cần xem sắc diện của bệnh nhân mà đoán bệnh để định phương thức dùng huyết Châm cứu trị ắt công hiệu.

1.— Tâm sắc đỏ, Châm Tâm huyết trị chứng bệnh Diên-giản mặt sắc đỏ.

Cháu Thọ 15 tuổi bệnh thần-kinh thất thường, mặt đỏ mắt trợn thị, nói xàm, có khi ca hát, đầu xoay xảm, tiện bí.

Tại pháp : Châm Thần-môn tả pháp.

Kết quả : Mặt hết đỏ, tim yên, hết nói xàm, bệnh lần lần tỉnh, hết hẳn.

Trị lý : Sắc mặt đỏ thuộc tâm, Trị tả tâm Du huyết Thần-môn bệnh giảm.

2.— Can sắc xanh, Tả Can huyết trị nhẹ bệnh nhưc đầu mặt sắc xanh.

Ông Hòa 48 tuổi cho biết lúc nhỏ bị bệnh Trùng phong, trị hết sau phát đầu nhưc khi đau khi hết dây dưa không dứt, đến nay phát nhưc đầu luôn 10 ngày, mặt sắc xanh, tròng mắt và móng tay cũng hiện sắc xanh, hai bên Thái-dương có lúc dục nhưc, miệng khô đắng, nửa năm gần đây có thổ huyết 1 lần rất nhiều.

Trị pháp : Châm Can huyết Thái-xung (bên mặt) và huyết Đởm-kinh Túc-lâm-khấp (bên mặt) tả pháp.

Kết quả : Đêm ấy hết nhưc đầu, tỉnh thần khỏe, ngày sau mặt hết xanh, duy đầu còn lạnh.

Sau trị hai lần nữa như trên thêm huyết Phong-trị. Bệnh hết hẳn.

Trị lý : Bệnh này thấy mặt sắc xanh, trông mắt cũng xanh, đó là thuộc Can tạng, Can và Đởm là tạng phủ trong, ngoài (biểu lý), nên dùng Can-Đởm 2 kinh Du huyết trị, vì thế nên mặt hết xanh bệnh giảm.

Vậy chứng minh mặt sắc xanh bệnh thuộc Can-Đởm rất đúng.

3.—Tỳ sắc vàng Bồ Tỳ trị hết bệnh Huỳnh-dẫn (da vàng).

Anh L. 28 tuổi 1 năm về trước một hôm ăn cháo rất nóng rồi uống nước rất lạnh uống nhiều làm hàng khí tích ở Tỳ Vị (lục danh là Thủy-tích), vì người yếu kém chứng mộng di tinh, nên sau phát bệnh mặt vàng cả (Huỳnh-dẫn), môi và móng tay trắng nhợt, tim đập mạnh, tai ù, ngày càng trầm trọng.

Trị pháp : Lúc đúng giờ ngọ Châm huyết Thái-bạch, Phong-long bồ.

Kết quả : Tai hết ù, Tim bớt đập mạnh, mắt mặt bớt vàng, mà trở lại tươi nhuận, duy khi làm lung gì quá sức thì còn hơi mệt. (Vì bệnh nặng chỉ trị có 1 lần nên chưa thật bình phục hẳn).

Trị lý : Bệnh này là chứng Huỳnh-dẫn, nên mặt vàng. Chứng Huỳnh-dẫn là thuộc Tỳ bệnh. Theo sách xưa bồ Tỳ trị đúng thời gian đúng lúc là công hiệu, nên khi trị lại dùng giờ ngọ châm bồ huyết Thái-bạch và Phong-long 2 huyết phối hợp nên kiến hiệu ngay (tim hết đập mạnh, tai hết ù, mặt trở lại tươi nhuận, kết quả thật ngoài sự tưởng tượng).

4.— Phế sắc trắng Châm Phế kinh huyết trị hết chứng ho thổ đàm mặt sắc trắng bạc, tim nặng, ợ hơi.

Cô L. 26 tuổi bị cảm lạnh làm ho, mai sớm càng ho nhiều, khi suyễn, mặt sắc trắng, thổ đàm, khi ho thì chỗ tim đầy, ợ hơi.

Trị pháp : Châm Kinh-cự Thiên-lịch đều tả 3 lần.

Kết quả : Tả Kinh-cự thì cổ hết ngứa, ngực khoan khoái, tả Thiên-lịch xong thì hết ho, đêm lại hết suyễn súc, bệnh giảm đến 9/10.

Trị lý : Bệnh sắc mặt trắng, ho là bệnh thuộc Phổi nên dùng Phế-kinh huyết Kinh-cự và Đại-trường-huyết Thiên-lịch phối hợp trị bình hết.

5.— Thận sắc đen. Bồ Thận trị bình đầu xoay xẩm, mặt sắc đen người suy nhược.

Ông Hương 67 tuổi người suy nhược, mặt sắc đen như khói, đầu xoay xẩm, tim mệt, đêm không nằm yên được, làm suyễn sục, không thiết đến sự ăn uống, tự nhận là chứng chết.

Trị pháp : Dùng ngải trư cứu Thận-du, Quang-nguyên, Khi-hải.

Kết quả : Ngày hôm sau các chứng lần lần giảm.

Trị cứu tiếp mấy ngày lần lần ăn được, suyễn giảm. Nửa tháng sau ăn khá (ăn được 3, 4, chén cơm), sắc mặt trở tại hồng nhuận. Bệnh hết hẳn.

Trị lý : Bệnh này vì sức già suy nhược phát bệnh, mặt sắc khói tức thuộc Thận bệnh (Thận bại). Trị cứu Thận-du, Quang-nguyên, Khi-hải để cố Thận quả nhiên bệnh chuyển nguy thành an mà sắc mặt biến hồng hào lại bình phục.

XIX.— NGŨ TẠNG CÙNG VỚI NGŨ VỊ QUAN HỆ

Theo Nội kinh năm Vị như vị chua vào gan, vị cay vào phổi, vị đắng vào tim, vị ngọt vào Tỳ, vị mặn vào Thận, vị lạt vào Vị đó là năm mùi vị. Như vậy vị đắng là thuộc Tim, Vị chua thuộc Gan, vị ngọt thuộc Tỳ, Vị cay thuộc Phổi, vị mặn thuộc Thận. Trị bệnh có thể hỏi bệnh như miệng thường thích mùi vị gì mà đoán được bệnh thuộc tạng nào, dùng huyết chủ trị càng được công hiệu.

1.— Can vị chua, tả Can trị bệnh miệng luôn luôn chua.

Cô Tú 31 tuổi thường bất luận ăn đường, muối, cơm, uống nước trà đều cảm nhận chua cả. Tây y nhận là bệnh vì Dạ dày nhiều nước chua, nhưng dùng thuốc Đông Tây đều không công hiệu.

Trị pháp : Ấn bệnh miệng chua thuộc Can tạng bệnh. Châm Can huyết Thái-xung tả pháp. (trị trong 5 phút).

Kết quả : Châm trị xong bảo bệnh như uống nước thì nhận không còn chua, lần lần miệng hết nhận mùi chua nữa.

Trị lý : Bệnh nay nếu cứ nhận vì Dạ dày nhiều nước chua trị thì vô hiệu mà nhận theo xưa do Gan bệnh (vì chua thuộc Gan), nên kết quả ngay.

2.— Thận vị mặn, dùng huyết Thận trị nhẹ bệnh ho thở đàm mẩn.

Cô Tôn 23 tuổi sau khi sanh bị cảm lạnh phát ho nay đã 6 tháng. khi hết khi không, khi ho thì thổ ra đàm có lợn cợn lại mùi mặn, tăng sáng mai càng ho nhiều, ho đến đầu nhức, lưng đau, khó chịu.

Trị pháp : Châm Thái-uyên, xoay trước tả sau bờ 3 lần, Phong-long tả 3 lần Cứu Mạng-môn, Thận-du, Phế-du, Phong-môn, Túc-tam-lý.

Kết quả : Ho hơi giảm.

Trị lần thứ 2, án bệnh vị mặn thuộc Thận, Châm bờ Phục-lưu xoay kim 4 lần, Kinh-cự tả, Cứu Phế-du, Phong-môn, Nhũ-cẩn, Du-phủ, Hoắc-trung, Thần-tàng, Linh-khư, Thận-phong, Âm-cốc, Túc-tam-lý đều 1 tráng.

Kết quả : Bệnh hết hẳn,

Trị lý : Bệnh này theo án bệnh vị mặn thuộc Thận nên dùng huyệt Thận trị bổ thận, hết ho. Vậy chứng ho này lại thuộc Thận mà không phải thuộc Phổi, nên nhận đàm mặn là bệnh Thận trị bổ thận bệnh hết hẳn.

Ông Lương 50 tuổi, bệnh thổ đàm mặn.

Trị pháp : Châm Bờ Phục-lưu, Phi-dương. Cứu Mạng môn, Thận-du. 1 tráng.

Kết quả : Đàm hết mặn bệnh hết.

Vậy gặp bệnh vị mặn là thuộc Thận bệnh, dùng bờ Thận trị đền công hiệu.

3.— Tim Vị đắng, Tả Tâm hỏa trị nhẹ bệnh khi ăn vào miệng thì đắng lại thêm cổ khô, miệng hơi thúi.

Anh Vinh 28 tuổi ăn vật gì vào miệng cũng thấy đắng, cổ khô, miệng lại hơi thúi.

Trị pháp : Châm Thần-môn xoay bờ, tả 3 lần, Chi-Chánh bờ.

Kết quả : Châm huyệt Thần-môn cảm giác tai nóng và lưng bùng rồi hết, sau châm thêm Chi-chánh (Nguyên, Lạc chủ khách phối hợp). Ngày sau bệnh nhưn hết đắng miệng và tinh thần khỏe khoắn.

Trị lý : Bệnh này miệng thúi, cổ khô không phải chỉ do Tim mà Vị cũng bị nóng. Theo bệnh lý miệng đắng thuộc Tâm tả tâm Nguyên huyết Thần-môn, hợp với Lạc huyết Chi-chánh hết bệnh là vì chứng mình đắng thuộc Tâm mà Vị nhiệt cũng do Tâm (hỏa sanh thổ) vì thế nên tả Tâm là trị gốc lẫn ngọn nên công hiệu.

4.— Phổi vi cay, Tả Phế tri nhẹ bình ho cổ nóng hơi khó chịu.

Bà Hồ 67 tuổi bình ho đã lâu, trong cổ hơi nóng khó chịu.

Trị pháp : Châm Kinh-cự tả 3 lần.

Kết quả khi châm kim vào ở ngực cảm giác như chạy đến Phổi, làm cho hơi nóng ở cổ bớt, tả xong thì hết hẳn, ngày sau tìm khỏe.

Trị tiếp 1 lần nữa bình hết hẳn.

XX. NGŨ TẠNG SỞ CHỦ

Nội kinh : Năm tạng đều có chủ bệnh, như Tâm chủ về Mạch, Phế chủ về da lông, Can chủ về Gân, Tỳ chủ về Thịt. Trị bệnh bằng Châm cứu cũng xem tùy sở chủ mà dụng huyết trị :

1.— Can chủ Gân Châm Can huyết trị bình rút gân Nan-hoán.

Anh Thiển 23 tuổi bị chứng phong rút gân hai chân đã 5 tháng đau nhức.

Trị pháp : Châm Đổm huyết Dương-lăng-tuyền bổ và Can huyết Lây-cẩu tả.

Kết quả : chân ngay ra được 2 tấc và hết đau (xem bệnh đau khớp xương).

Trị lý : Can Đổm chủ gân nên dùng Can Đổm huyết công hiệu.

2.— Phổi chủ da lông (bì mao) Châm Phế huyết và Đại-trường huyết trị bình bì phu nổi Phong Chẩn.

Cháu Phú 3 tuổi toàn thân phát Phong Chẩn, nổi về, bụng đau mình nóng.

Trị pháp : Châm Thiếu-thương, Thương-dương, Hiệp-cốc ra máu Khúc-trị tả.

Kết quả : Trị xong về nhà ; các chứng lần lần hết, chần tiêu.

Trị lý : Phổi chủ bì mao Phế và Đại-trường tạng phủ trong ngoài (hiếu lý) phong chẩn phát sanh ngoài da nên dùng Phế và Đại-trường kinh Tĩnh, Nguyên, Hiệp, Du các huyết tả thì bình hết hẳn.

3.— Tỳ Chủ cơ nhục (thịt) Kiện tỳ là trị bình thân thể gầy ốm.

Cô Bình 42 tuổi thân thể gầy ốm.

Trị pháp : Uống thuốc bổ Tỳ và châm bổ các huyết Tỳ kinh trị trong 1 tháng người lần lần ăn khỏe lại. Tháng sau thân thể béo mập hồng hào.

XXI. NGŨ TẠNG QUAN HỆ VỚI THẤT KHIẾU.

Nội kinh: Can khai khiếu ư mục (khiếu của Gan ở mắt, Tâm khai khiếu ư thiệt (Khiếu của tim ở lưỡi). Tỳ khai khiếu ư khẩu (Khiếu của tỳ ở miệng, Phế khai khiếu ư tỷ, (Khiếu của Phổi ở mũi). Thận khai khiếu ư Nhĩ (khiếu của thận ở tai) và câu Thận khai khiếu ư nhị âm, Khiếu của Thận ở hậu-âm và tiền-âm (đại tiện tiện).

1.— Tai là Khiếu của Thận. Bỏ Thận trị bệnh tai ư.

Ông Thúc 60 tuổi, già yếu người suy nhược, bại tai lưng bưng luôn.

Trị pháp: Châm Bỏ Thận Phục-lưu, Phi-dương (dùng huyết bên trái) bỏ 3 lần. Kết quả: Châm xong tai bên trái bớt 1 nửa. Sau trị lần thứ 2 châm cả 2 bên bệnh giảm nhiều.

Trị lý: Vậy chứng minh Nhĩ vi Thận khiếu, trị bỏ Thận huyết công hiệu, nhưng cũng cần bỏ thêm Bàng-quang kinh (huyết Phi-dương), là tạng phủ trong ngoài hỗ trợ lẫn nhau càng kết quả nhiều hơn.

2.— Thận khai khiếu ư nhị âm, Bỏ Thận trị bệnh đại, tiểu tiện đi nhiều làm phúc tả nồng huyết.

Anh Thanh 34 tuổi bệnh đi cầu ra máu mủ đã lâu, mỗi ngày đêm đi 5, 6, lần, sau khi đi cầu ra máu, dùng nhiều thuốc trị không công hiệu. Trị pháp: Châm Bỏ Phục-lưu, Phi-dương, Túc-tam-lý, Tam-âm-giao bỏ 4 lần kết quả: Đêm ấy đại tiện giảm bớt còn 1 lần. Tiếp tục trị như thế bệnh khỏi phục hẳn.

Ông Đông 57 tuổi ban đêm thường bắt đi tiểu hoài, đi rồi lên giường nằm muốn đi nữa, cả đêm như vậy, lại thêm bụng dưới đau, đi tiểu thì đau nhiều, có khi đại tiện cũng theo ra luôn.

Trị pháp: Châm bỏ Thận Phục-lưu và Phi-dương 4 lần. Cứu Thận-du, Mạng-môn, Thái-khê, Côn-lôn, Quang-nguyên bỏ 5 tráng.

Kết quả: Đêm ấy còn đi tiểu 1 lần, bụng bớt đau.

Trị tiếp bỏ 4 lần nữa hoàn toàn bình phục, đại tiểu như thường.

Trị lý: Trị hai bệnh này đều chứng minh Thận khai khiếu ư nhị âm, nên bỏ Thận đại tiểu tiện điều hòa chánh thường.

3.— Tỳ khai khiếu ư Thần, khẩu (môi, miệng), khuôn mặt thuộc Tỳ, Vị, Châm Tỳ, vị tỉnh huyết ra máu trị bệnh môi mắt đều sưng thủng.

Cô Lực 23 tuổi bệnh môi trên và khuôn mặt đều sưng thủng, trị

nặng xuống làm mắt không mở lớn được.

Trị pháp : Châm Ấn-hạch, Lệ-đoài ra máu.

Kết quả đêm ấy ra mồ hôi và chảy nước mắt luôn, qua ngày sau bớt sưng thũng. Trị tiếp lần thứ 2, bệnh hết hẳn.

Trị lý : Trị bệnh này đúng với nghĩa Tý, Vị khai khiếu ư Thần khiếu và nhân bì thuộc Vị, nên tả Tĩnh huyết Tý, Vị, hết sưng thũng.

4.— Can khai khiếu ư mục, Bỏ Can trị bệnh mắt không thấy rõ. Cô Của 43 tuổi hai mắt mờ không thấy rõ gần nửa năm.

Trị pháp : Châm bỏ Khúc-tuyền, Quang-minh Phục-lưu 4 lần.

Kết quả ngày sau chảy nước mắt, con ngươi nhỏ lại (trước con ngươi lớn, tán đại nên không thấy rõ).

Trị tiếp 5 lần bệnh hoàn toàn bình phục, trước thường ngó thấy lốm đốm hoa nay cũng hết luôn.

Trị lý : Bỏ Can Khúc-tuyền và Đởm huyết Quang-minh (Nguyên Lạc phối hợp nên công hiệu đặc lực), con ngươi lớn hay lòa thuộc Thận nên bỏ Thận Phục-lưu khiêm trị kết quả mỹ mãn.

5.— Phế khai khiếu ư tỷ. Bỏ phế trị bệnh ho lâu, mũi phát đỏ. Cô Diên 46 tuổi, bệnh ho đầu mũi đỏ hồng.

Trị pháp : Châm bỏ Thái-uuyền 4 lần, Cứu Phong-môn, Phế-du 3 tráng.

Kết quả : Đêm ấy ho giảm, ngày sau đầu mũi bớt đỏ. Trị tiếp lần thứ 2 bệnh hết hẳn.

Trị lý : Bệnh ho lâu lại hiện mũi đỏ là thuộc Phế hư nên áp dụng bỏ Phế huyết công hiệu.

XXII.— NGŨ TẠNG BỆNH CƠ

Nội kinh : Bệnh ghẻ phát ngứa đều thuộc Tâm, Bệnh Phong làm xoay xâm đều thuộc Can, Bệnh Thấp làm đầy trương đều thuộc Tý, Bệnh về uất hơi đều thuộc Phổi, Bệnh lạnh dần phát đều thuộc Thận. vậy án tỳ sở bệnh của ngũ tạng dùng huyết trị.

1.— Bệnh ghẻ phát ngứa thuộc Tâm. Tả Tâm huyết trị bệnh châu thân sanh ghẻ phát ngứa.

Cô Ngô 36 tuổi bệnh châu thân phát ghẻ ngứa đau khó chịu.

Trị pháp : Châm Lao-cung (tả tâm hỏa), Khúc-tri tả 2 lần.

Kết quả : Ngày sau gẻ khô bớt ngứa.

Trị tiếp lần thứ 2 bệnh hết hẳn.

Trị lý : Vì nóng nhiệt phát gẻ ngứa thuộc Tâm nên bệnh này tả tâm hỏa rất đúng. và dụng huyết Khúc-tri tức thuộc Đại-trường kinh thuộc bì phu (trị bì phu nhiệt độc) phối hợp rất công hiệu.

2.— Chứng tay chân kinh厥 là thuộc Phong. Cứu Phong-môn trị bệnh tay chân kinh厥 hết.

Bà Chi 50 tuổi, tay chân lạnh, thần sắc biến đổi, mặt mét; mồ hôi ra đầm dề, đầu nghèo 1 bên, tay chân tê cứng, kinh厥 luôn không ngớt, la chết chịu không nổi, bệnh nguy cấp.

Trị pháp : Cấp cứu dùng ngải quỳ cứu Túc-tam-lý tức thời mữa ra nước xanh vàng rất nhiều, mồ hôi giảm, tay chân hơi bớt厥, nhưng rồi lại厥 lại la chết. Cấp cứu ngải cứu Quang-nguyên, Khí-hải, Trung-uyên, Bách-hội mấy trảng. Bệnh giảm nhưng vẫn còn厥. Bây giờ tiếp cứu Đại-chùy, Phong-môn. (Cứu đến Phong-môn thì tay chân hết điều động) bệnh nhẹ.

Trị lý : Huyết Phong-tri. Phong-môn đều ở trên mà Phong-môn tức là cửa gió (phong chi môn), chứng phong hết thì tay chân hết厥, vì vậy nên đầu cấp cứu bệnh giảm mà phong chưa định thì còn厥, cứu Phong-môn làm phong định thì làm tay chân hết厥 bệnh mới giảm.

3.— Các chứng Thũng-thấp đều thuộc Tỳ. Châm Tỳ Vị huyết trị bệnh Phù thũng, đầu không xoay chuyển được thở mệt thiếu hơi, tim đập mạnh.

Anh Thọ 48 tuổi trước đó 20 hôm phát thũng ở đầu rồi đến tay chân, rất nặng nề khó chịu rồi đến cả toàn thân đều phát phù thũng. tim đập mạnh cổ cứng đờ không xoay chuyển được, tay chân nặng trĩu, hơi thở kéo lên khòng nằm nghiêng được (xoay nghiêng qua thì hựt hơi muốn tắc thở), không muốn ăn, lại thêm nhổ đàm có máu.

Trị pháp : Châm Ân-bạch ra máu, tiếp châm Trung-uyên (xoay tả 3 lần, xoay hữu 3 lần, xoay lại tả 1 lần nữa).

Kết quả : Châm Ân-bạch ra máu thì đầu xoay chuyển được, tả huyết Trung-uyên khi xoay tả thì tim hơi khòe, tả tiếp lần thứ 2 thì hơi thở được tả 1 lần nữa thì ngón tay diêu nhưng tả tiếp 1 lần nữa thì tim lại động (vì tả nhiều), chuyển xoay kim hữu lại thì bớt nhưng xoay hữu đến lần thứ 3 thì chỗ ở tim lại nặng (hữu nhiều) vì

thế nên xoay lại tả lại 1 lần nữa, mới bớt, hết nghệt hơi, tim hết đập mạnh.

Trị lý : Bệnh này rất nguy cấp, không thể dùng nhiều huyết sơ thương đến tánh mạng, án bệnh Thấp thuộc Tý, vả lại tay chân nặng không muốn ăn là thuộc Tý, Vì, vì thế nên dùng huyết Tý kinh làm chủ, châm Tý Tĩnh huyết Ấn-bạch, đầu xoay chuyển được, và cũng dùng Trung-nguyên Tý bổ tả để làm cho hơi thở đều, vì chỗ ổ tim đập mạnh quá lại tay chân nặng nề vô lực nên tả Tý làm tim yên tức chứng minh bệnh phù thũng đều thuộc Tý, ổ tim (tề thượng) cũng thuộc Tý Vì, về ngũ hành tương sanh thì Hỏa sanh Thổ (thổ là hỏa chi tử) Tâm thuộc hỏa, Tý thuộc thổ, tả Tý để Tâm yên (thiệt tả tử). Trị bệnh này nhờ án theo Nội-kinh áp dụng thì trị kết quả được mỹ mãn.

4.— Chư khi uất đại thuộc Phế, Châm Phế huyết trị bệnh tay chân cứng đờ không nói năng được, bệnh nguy cấp.

Cô Châu 34 tuổi, thỉnh linh bị chứng nguy cấp tay chân cứng đờ, ngón tay cứng không co lại được, mắt đỏ, làm khí suyễn, chỗ ổ tim nghệt hơi, miệng không nói được.

Trị pháp : Châm Thiếu-thương và các Thủ Tĩnh huyết ra máu.

Kết quả : Khi châm Thiếu-thương bên mặt ra máu, tay chân mặt hơi dịu lại, chỗ ngực thông, sau khi châm trị xong các huyết, mặt tươi nhuận lại, ổ tim thông, sau khỏe lại hẳn.

Trị lý : Các chứng không thông suốt đều thuộc Phổi, nên tả Phế thông thì các chứng nhẹ.

5.— Chư hàng thấu dần dai thuộc ư Thận, cứu Thận trị bệnh hòn dái chạy xốc lên đau.

Anh Thanh 32 tuổi bệnh hòn dái thụt xốc lên đau rất nguy cấp.

Trị pháp : Cứu Thận-du, Quang-nguyên, Kí-hải đều 3 tráp.

Kết quả hết đau, nằm yên được và sau đi đứng bình thường không đau xốc nữa.

XXIII.— NGŨ LAO SỞ THƯƠNG

Nội kinh : Xem lâu thương huyết, Năm lâu thương khí, Ngồi lâu thương nhục, Đứng lâu thương xương, Đi lâu thương gân, tức Ngũ lao sở thương. Trị bệnh xem nguyên nhân thương tổn dùng huyết trị công hiệu.

1.— Đi lâu thương gân, Châm Can Nguyên huyết trị nhẹ bệnh hai chân đau trên 10 ngày.

Anh Quá 48 tuổi vì đi chạy bộ làm lao động 26 ngày hai chân chỗ cườm chân sưng đau đến mất ca bệnh đã 10 ngày.

Trị pháp : Đi lâu thương gân, Gân thuộc Gân, dùng Can Nguyên huyết Thái-xung thêm chỗ đau (A-thị-huyệt) Thân-mạch đều châm tả 3 lần, rút kim ra máu bầm đen. Cứu Tam-âm-giao, Cồn-lôn, Thái-khê, Túc-bác-phong đều 1 trảng.

Kết quả : Chỗ mất cá hột nhưc, chân trái xẹp, chân mặt giảm.

Trị lần thứ 2 như trên thêm châm Túc-lĩnh huyết ra máu.

Kết quả : Bệnh hết hẳn.

Trị lý : Bệnh này vì đi lâu nên sưng nhưc thương gân, dùng huyết Thái-xung làm chủ nên trị công hiệu.

2.— Nằm lâu thương khí. Châm Phế-Nguyên huyết trị bệnh mê mui cứ muốn ngủ hoài, lại thêm khí suyễn.

Anh Can 35 tuổi bệnh ngày đêm nằm ngủ hoài, cả năm thất nghiệp không có việc làm, thêm phát chứng suyễn súc, khi nói há miệng lắc đầu, trong cổ như có gì vướng, thở mệt, đi thì muốn ngất hơi.

Trị pháp : Châm Thái-uyên, Nội-quang, Đại-chùy đều bổ 2 lần, Châm Thiên-đột tả 3 lần. Cứu Phong-môn, Phế-du và 3 hàng huyết trước ngực đều 1 trảng.

Kết quả : Bệnh nhơn về nhà hơi thở khỏe.

Trị lý : Cứu ngọa thương khí (nằm lâu thương khí) nên nói không ra hơi. Trị dùng huyết Thái-uyên bổ Phế khí và tả Thiên-đột tả Phế khí, lại bổ tả Nội-quang, Đại-chùy hiệp trợ nên kiến hiệu.

CHƯƠNG III

A.— Y-AN CHÂM-CỨU ĐẠI-THÀNH

1.— Một bệnh nhờn, *cánh tay không đưa lên được*, phát ớn lạnh, người mê mệt, tuy trời nắng mà cũng đắp mền, thầy thuốc xem mạch cho rằng bị cảm lạnh, nhưng dùng thuốc uống không nhẹ.

Tôi xem mạch thấy mạch đi Trầm, Huyết, (tôi nhận là bệnh vì đàm dịch bế ở kinh lạc, dùng châm trị :

Các huyết: *Phế-du, Khúc-trì, Thủ, Túc-tam-lý* nội ngày ấy bệnh nhờn nhẹ dần, tay đưa lên được, không còn ớn lạnh nữa, bỏ mền không trùm, sau tôi cho uống thuốc trừ đàm thấy bệnh nhẹ hẳn.

Bệnh này nếu cứ dùng thuốc tán-hàng bỏ-hư ắt không thể trị được.

2.— Một bệnh nhờn *nổi cục hạch lớn bằng trái thị trên cánh tay*, các thầy cho rằng thũng độc, nhưng ấy là vì đàm hạch kết ở lớp màng mạc trong da, không thể dùng thuốc uống được trừ phi giải phẫu, tôi dùng châm-cứu trị.

Tôi châm huyết *Khúc-trì*, cứu tại hạch ấy 14 tráng để thông kinh lạc, châm-cứu liên tiếp trong mấy ngày lần lần hạch tan, bệnh phục.

Bệnh này nếu dùng thuốc đắp làm thương cơ nhục ắt thành bại chứng làm độc khó trị.

3.— Sản hậu sưng chân :

Một người đàn bà, sau khi sanh tự nhiên 2 *chân nổi sưng to* chứng rất nguy, chân mạch thấy mạch khi có khi lại ngưng nhận là bệnh sau khi sanh, huyết xấu ra không hết, lại gặp nhiễm độc lam khuyết nghịch, bất lĩnh nhờn sự ; nên bộ phận dưới bị sưng thũng. Tôi châm ngay các huyết *Túc-tam-sâm* (trị tam âm kinh) quả nhiên châm xong bệnh nhàn nhàn tảo và chân lần lần xẹp.

Sau tôi gặp chứng đàn bà hai đầu gối mắt cá sưng to, uống thuốc nhiều không nhẹ, tôi chẩn mạch thấy Huột, Phù, như vậy là phong thấp nhập vào căn cốt, tôi áp dụng châm các huyết Phong-thị, Âm-thị bình nhẹ không tái phát.

4.— Một bệnh như bị chứng kiết và thổ huyết, thân nóng phát ho, tại *ngang rún nổi một cục đau đớn chết*, mạch rất nguy các thầy không ai trị được mà cũng nhận là chứng bệnh nan trị. Tôi xem mạch thấy gần tuyệt, chứng nguy cấp, nơi dưới rún nổi cục cao to lên, lại theo sách xưa cho rằng ngày ấy không thể châm chích, tôi thấy vậy không thể bỏ được, vì đã nguy cấp; liền châm *Khi-hải* và cứu luôn 50 tràng; thì thấy cục ấy lần lần tan, hết đau; sau dùng phương trị kiết, trị họ, rồi lần lượt điều lý bệnh nhẹ hẳn.

Nhiều thầy hỏi tôi cách trị. Tôi nhận rằng bệnh có gốc ngọn, trị bệnh cũng tùy chứng nào gấp chứng nào hoãn; bệnh này cứ cho rằng ngày cũ châm-cứu, mà lúc ấy không châm cứu huyết *Khi-hải* thì cục ở rún không tan, mạch khí không lưu thông được, ắt nguy đến tánh mạng ngay nên tôi phải cấp cứu trị ngọn lúc nguy cấp; làm cho mạch hồi phục lại rồi tìm căn bệnh trị gốc sau làm cho khí huyết điều hòa.

Chánh khí hồi phục, thì trị các bệnh khác ắt nhẹ.

5.— Một bệnh như nơi cổ *hầu như có nổi hạch*, nuốt vào cảm như vườn, ấy là tại kinh Phế bị bệnh, tôi dùng châm-cứu trị. Châm các huyết *Chiên-trung*, *Khi-hải*, *Túc-tam-lý*, và cứu 10 tràng lần lần bệnh nhưn lại ăn nuốt điều hòa, không cảm thấy mệt hạc gì cả.

6.— Trị một đứa bé bệnh *Cam-tích*, uống thuốc gì cũng vẫn ốm leo; tôi nhận đây không phải chứng cam, mà là chứng tích khối tại Tỳ Vị, nên uống thuốc trị cam trùng mà không trị tích, đó là trị ngọn mà không trị gốc; Tôi châm-cứu huyết *Chương-môn* và châm tại tích khối ở tỳ vị, tức là làm cho tiêu tích diệt trùng, quả nhiên sau mới cho uống hoàn *diệt trùng*, thấy có hiệu quả ngay, đứa bé lần lần ăn uống có da thịt, chứng cam tích đều tiêu mất cả.

7.— Một bệnh lạ, *tại ngực lẫn lẫn nổi cao lên*, không có thuốc gì trị được. Tôi nhận là tại Phế kinh bị kết hạch không tan được nên lần lần trước ngực nổi lên cao.

Tôi châm huyết *Du-phủ* và *Chiên-trung*, sau gia cứu 5, 7 tràng và dùng thuốc cao dán làm tan đám dịch, lần lần tự nhiên xẹp không biến chứng gì nữa.

8.— Một người đàn bà bệnh nguy hiểm lạ ; nửa tháng không ăn uống được, nhả mất không mở rất lâu, mạch xem khi có khi không nhiều thấy nhận không trị bằng châm-cứu thì không nhẹ được. Tôi châm ngay huyết Nội-quang mắt tự nhiên mở ra, và nhỏ sữa cho uống, lần lần bình phục và sau dùng thuốc bồi dưỡng bình toàn đủ.

9.— Một bệnh nhân bị bệnh kiết lỵ, đến hơn nửa tháng thuốc uống không nhe, lại không ăn uống được ; trị bệnh ở tỳ vị cũng không thuyên giảm. Tôi cứu huyết Trung-uyên và Chương-môn, thì ăn uống được, cứ tiếp châm-cứu trị bệnh nhẹ hẳn. Sau gặp các bệnh y như vậy ; Tôi cũng áp dụng châm-cứu 2 huyết ấy đều nhẹ cả. Vậy với bệnh kiết lỵ lâu, bệnh thể suy hư ; châm-cứu 2 huyết này trị rất thần hiệu.

10 — Một bệnh nhân 22 tuổi bị chứng đờ cứng kinh (kinh giãn) mất hôn-am tay co cứng, tôi châm các huyết Cưu-vỹ, Trung-uyên để trợ tỳ vị và 2 huyết Kiên-Ngung. Khúc-trị đờ cứng kinh lạc, làm cho khí huyết lưu thông chứng giãn lần lần định chỉ ngay và tiếp cho uống thuốc hóa đàm, kiện tỳ vị bệnh nhẹ hẳn.

11.— Một bệnh nhân đau tại chỗ gần Dạ dày nổi lên một cục uống thuốc không nhẹ ; tôi ấn chỗ ấy thấy như có một khối vì vậy thuốc không làm tan được, nên áp dụng châm-cứu trị bĩ-khối (trên dưới khối ấy châm gia cứu 7 trảng và tả hữu châm cứu y như vậy, sau châm cứu trên, giữa khối) và cứu huyết Trung-uyên bệnh nhẹ hẳn.

12.— Một bệnh nhân bị chứng Kinh giãn rất lâu trị nhiều không nhe, tôi châm huyết Liệt-khuyết, Chiếu-Hải và cứu Tâm-du bệnh nhẹ ngay, nhưng nên nhớ gặp các chứng kinh giãn phải trị theo ngũ giãn mới công hiệu.

13.— Một bệnh nhân bị chứng Thương hàn : xem mạch thấy Di Tế. Các thầy đều nhận là Âm mạch cho là chứng chết, vì theo nội kinh có câu : « Dương mạch kiến ư Âm kinh giả sanh, Âm mạch kiến ư Dương kinh giả tử ». Tôi thấy thể dùng châm trị, chứ không bằng theo mạch lý, liền châm huyết Nội-quang thì mạch lại chuyển lại Dương mạch ; bây giờ mới dùng thuốc thang gia giảm và tùy chứng dụng được, bệnh nhẹ hẳn.

14.— Một bệnh nhân bị chứng nghẽn hơi (cách khí) thân hình tiêu tụy, mạch nhả Trầm Sắc. Tôi dùng hai huyết trước châm cứu huyết Chiên. Trung sau châm cứu huyết Khí-hải mạch trở thành lại sau cũng tiếp châm cứu hai huyết ấy đều cứu 7 trảng, bệnh nhẹ hẳn, lần lần ăn được người khỏe mạnh chắc chắn trở lại.

15.— Một bệnh như vậy đàm hỏa cánh tay không có đuổi được, người khỏe mạnh. Tôi nhận là vì đàm hỏa lưu lại kinh lạc liền châm huyết Kiên-Ngung rồi cứu huyết Phế-Du để điều hòa căn bản thì đàm hỏa lưu thông ; châm cứu trị, rất có kết quả.

16.— Một bệnh như hai bắp chân đau nhức, tức Lưỡng thổ phong, ngày đau nhức khó chịu nằm tại giường trên tháng. Tôi châm huyết Hoàn-khiêu, Tuyết-cốt, không đầy tuần nhức hết đau đi đứng như thường (bệnh này uống thuốc không nhẹ).

17.— Một bệnh như đàn bà làm băng không dứt, thân nóng xương đau làm phiền táo bức rức khó chịu, chân mạch đều sát, bệnh này vì ngộ nhận ngoại cảm dùng thuốc mát để giải nóng làm cho nguyên khí hao tán nên không thể dùng thuốc chỉ hãm được. Tôi liền cứu huyết Cao-Hoang-Du và Túc-Tam-Lý bệnh nhẹ ngay.

Kết luận : Trên đây là những Y án xưa nhận bệnh trị pháp, vậy sau đây chúng tôi xin phổ biến những Y án thực nghiệm phân ra từng loại bệnh mà các vị châm-sư Trung-Hoa — Nhựt-Bản, Pháp v. v... đã trị có kết quả.

B.— Y - ÁN THỰC - NGHIỆM

I.— CHỨNG ÁP HUYẾT CAO

Bệnh lên máu (Áp huyết cao): Trị bệnh này tức là đề phòng Trúng phong trước. Sách xưa ghi trước một vài tháng hoặc ba bốn tháng nếu người nào cảm thấy tay chân tê không hết, có thể là triệu chứng Trúng phong, nên cần cứu Huyết Túc-Tam-Lý và huyết Tuyết-Cốt 3 tháng (cứu phòng) có thể ngừa Trúng phong.

Sau này các châm-sư dùng huyết Túc-tam-lý làm huyết chính và các huyết : Khúc-Tri, Hiệp-Cốc, Huyết-Hải, Tam-âm-giao, Hành-gian ; Cưu-Vỷ đề trị hạ áp-huyết có công hiệu, thủ thuật áp dụng kích thích mạnh (trấn tĩnh thủ pháp) và phân biệt đối chứng dùng huyết đều có kết quả, theo kinh nghiệm của nhiều Châm-sư ở Trung-hoa đã trị nghiệm trên 40 bệnh Áp-huyết cao theo phương pháp sau đây :

Cách trị : Mỗi ngày châm cứu một lần ; tiếp 5 ngày làm một liệu-trình, nghỉ hai ngày, cả thấy trị ba liệu trình 15 ngày làm một

chu-kỳ. Bảy giờ hết kỳ Áp huyết đã hạ hay chưa cũng cần nghỉ và cần đo áp huyết lại, như đã hạ thì không cần châm trị nữa, nếu chưa hạ thì nên trị tiếp và cứ như vậy đến chu kỳ thì nghỉ và đo Áp huyết lại, nếu liên trị 1, 2, tháng thì cũng chỉ trong hai tháng trị liệu là lâu, nếu chưa hạ cũng cần hoãn sau mới trị lại, và cần xem lại bệnh thể để áp dụng huyết phối hợp, nhưng vẫn dùng huyết Túc-tam-lý là chính. Ngoài ra khi áp dụng châm trị thì nên để bệnh nhân nằm nghỉ 30 phút đo áp huyết rồi mới châm trị để tránh phản ứng.

Kết quả: Trong số bệnh nhân Áp huyết cao hiện các chứng trạng sau đây: Nhức đầu, đầu nặng, xoay xâm, tai ù; nặng tai, mắt thấy kém, nói năng không ý thức, thần kinh mặt kinh dục, đầu cổ cứng đơ, tim hồi hộp đập mạnh, chỗ ở tim đau, tay chân tê, tay chân vận động trở ngại; mất ngủ, mê ngáy ngủ, mất trí nhớ; mê mệt, hoặc hiện 2, 3, chứng trạng trong một bệnh nhân.

Áp dụng phương thức trị liệu trên đây đều kết quả có bệnh hoàn toàn bình phục có bệnh nhẹ giảm 90%, chỉ có vài ba người vì không theo trị đúng liệu trình nên không được kết quả.

Đây là tài liệu trị bệnh xác thực có kết quả xin giới thiệu để đồng tài liệu trị bệnh Áp-huyết-Cao.

Dưới đây xin ghi những Y án và những kinh nghiệm của các Châm-y để tham khảo.

1) *Trị chứng áp huyết cao; nhức đầu xoay xâm, tay chân vô lực:*

Chứng trạng: Nhức đầu, xoay xâm, đầu nặng mắt hoa, mất ngủ, tay chân vô lực, trước tim ngực đau, lói, hồi hộp đo áp huyết từ 15 trở lên.

Dùng huyết: Áp-Huyết huyết, Bách-hội, Thái-dương. (Huyết Áp-huyết dưới huyết Túc Tam-Lý 1 tắt ruỗi, tức giữa Túc-tam-lý và Thượng-cự-hư.)

Thủ thuật: Châm huyết Bách-hội 2 phân hướng mũi kim ra sau; châm huyết Thái-dương dọc theo da ra trước 8 phân. Châm huyết Áp-huyết 1 tắc 2 phân, kích thích trung độ, lưu kim 20,30 phút.

Mỗi ngày châm 1 lần đến khi nào các chứng tiêu hết, áp huyết hạ. Sau cách 1, 2, ngày châm 1 lần chừng 10 lần cho bệnh phục bệnh thường thì nghỉ không châm trị nữa.

Trị nghiệm I : Phương thức này đã trị được 8 người Cao huyết áp bị bệnh từ 6 tháng trở lên, có người bệnh đây đưa 8 năm dùng trị từ 6, 7, lần đến 41 lần đều nhẹ hẳn.

Đơn cử ít bệnh gần đây đã trị nhẹ hẳn.

1.— Bà Hà-thị . . . 42 tuổi bị bệnh Áp huyết cao đây đưa 8 năm, chứng trạng đầu nhức xoay xẩm, mắt hoa tay chân nhức mỏi, người mê mệt, ăn uống giảm lần khi cơn phát không đi đứng được, Áp huyết đo 21.

Châm trị cả thấy 16 lần, đo áp huyết xuống còn 14. các chứng tiêu thối ăn uống biết ngon, hoạt động được như thường. Sau cứ cách nhứt châm trị thêm trước sau cả chầy 39 lần thời gian 3 tháng, người hoàn toàn khỏe mạnh như thường, không tái phát.

2.— Ông Trị h-Văn, 42 tuổi, bệnh Áp huyết cao từ hơn một năm nay, bệnh thường phát nhức đầu, xoay xẩm ăn uống ít, tay chân yếu, không thể làm lụng gì được, dùng đủ các thứ thuốc, đi Bệnh viện trị cũng không công hiệu, áp huyết luôn luôn đo từ 19 lên xuống.

Dùng phương này châm trị liên tiếp 23 lần, huyết áp đo hạ xuống 16 các chứng giảm bớt, châm trị luôn 2 tháng rưỡi huyết áp đo xuống 14 không lên nữa, làm lụng hoạt động được như thường bệnh hoàn toàn nhẹ.

Trị chứng Áp huyết cao, nhức đầu mất ngủ, tim đập mạnh :

Chứng trạng đầu nhức, xoay xẩm, tim đập mạnh thở mệt, đêm ngày không ngủ được ; tay chân tê mỏi.

Dùng huyết : Lần thứ nhứt, Túc-tam-lý, Cưu-vỹ, Khúc-trì.

Lần thứ hai : Can-du, Phong-trì, Thân-trụ.

Thủ-thuật : Lần thứ nhứt Châm Túc-tam-lý 1 tấc, Cưu-vỹ châm xiên trở lên 5 phân, Khúc-trì trực châm 2 tấc rưỡi.

Lần thứ hai : Châm Can-du 7,8, phân Phong-trì 1 tấc, Thân-trụ châm 1,5. Tất cả châm mạnh, đề trấp (rút lên đẩy xuống) đình chỉ 1 lần, liên tiếp như vậy 6 lần, lưu kim trong 35 hay 40 phút, cứ mỗi ngày châm trị 1 lần và sau cần điều dưỡng không nên hút thuốc, uống rượu, cử ăn đồ mặn và dầu mỡ.

Trị nghiệm II: 1.—Cô Trương-thị... 20 tuổi học sinh, từ 2 năm nay thường bị chứng nhức đầu, xoay xẩm, huyết áp đo 18, ngoài ra không có bệnh chứng gì, bắt đầu trị dùng các huyết.

Túc tam-lý, Cứu-vỹ, Hiệp-cổc, Thái dương, Tư-trúc không, châm trị cả thấy 15 lần, đo huyết áp xuống 14, các chứng không còn nữa, đến 5 6, tháng sau không tái phát mà huyết áp đo xuống 12.

2.— Bà Thị-Việt, 60 tuổi hoạt động được duy nhưc đầu xoay xảm luôn, có khi phát sốt mải ngủ, tay chân trái tê mỏi, tim hồi hộp thở mệt, đo áp huyết lên 18 rồi kiến tim lớn.

Châm trị dùng các huyết : Thái-dương, Khúc-trì, Tư-trúc-không, Thiếu-thương, châm trị tiếp 28 lần huyết áp đo xuống 16, các chứng đều giảm hết, 3 tháng sau đo huyết xuống 15, bình không tái phát nữa.

Trị chứng Áp-huyết cao, Đầu cổ đau, miệng khô táo :

Bệnh nhưn Đặng văn... 51 tuổi bị bệnh lên máu đã mấy năm không trị lành hẳn, mỗi năm qua mùa Xuân mùa Thu phát bệnh đo áp huyết 18, 20, 21, bình thường cũng 18, đầu cổ đau miệng khô môi thâm, tiểu tiện có chất đăn bạch, thường ngày nhẹ đêm nặng, nhiệt độ 38/5.

Trị pháp : Châm Phục-lưu bỏ 4 lần, các huyết Phong-long Ủy-trung, Thái-xung, Túc-lâm-khấp, đều tả 3 lần, huyết Ấn-bạch, Lệ-đoài tả ra máu trị liên tiếp 2 ngày, hiệu quả đầu bớt đau, miệng khô bớt, trị tiếp 3,4, ngày huyết áp hạ xuống còn 18 chứng nhẹ.

Trị lý : Bệnh này vì Áp huyết lên, tiểu động mạch cứng nở lớn tâm thất nở to và khiếm Thận động mạch bức bách nên chứng tiểu tiện có đăn bạch. Thường đa số bệnh áp huyết nếu do động mạch ngành hóa, và khiếm chứng Thận tạng bệnh. trị nên bỏ huyết Phục-lưu và dùng các huyết hạ áp huyết thì áp huyết mới hạ.

Chứng này không phải khó trị, nhưng cần tham khảo các huyết trị liệu chu đáo thì mới có kết quả.

Trị bệnh Áp huyết cao, tay chân tê, đầu xoay xảm muốn té :

Bệnh nhưn Thị-Hương 49 tuổi, tay chân thường tê đã 5 năm, gần đây phát bệnh lên máu đo áp huyết lên 18. Hiện bệnh đầu xoay bỏ đi muốn té, hai mắt hoa, hai chân tê, tay bên trái rần đau, nhiệt độ 38, phát như chứng trúng phong đã ba tuần nhứt.

Trị pháp : Châm Phong-phủ, Phong-long, Thái-xung đều tả 5 lần, Cứu Bách-hội, Phong-trì, Đại-chùy, Phong-môn, Túc-lâm-lý, Tuyệt-cốt đều 3 tráng.

Hiệu quả : Sau khi châm, đầu xoay mắt hoa giảm.

Ngày sau phát nhưng hiện chứng nhẹ hơn, chân bớt tê.

Lần thứ hai châm trị cách hai ngày. trị y như trước, nhưng trị rồi thì đầu lại nặng thêm như có vật gì đè nặng trên đầu qua 4 giờ sau mới giảm, bây giờ thấy nhẹ đến 40%, chân bớt tê nhiều.

Trị lần thứ ba cách 3 ngày, bây giờ hiện bệnh tình thần yếu, đầu xoay. Châm trị các huyết : Nội-quang, Phong-phủ, Phong-long, Phi-dương, Thái-xung đều tã 3 lần. Cứu như trước.

Hiệu quả qua ngày sau tim hồi hộp, nóng giảm tình thần yên.

Trị lần thứ tư cách 4 ngày, hiện tay còn tê, đầu xoay và nặng, tim hồi hộp. Châm trị các huyết Phong-phủ, Phong-long, Phi-dương, Thái-xung cũng tã 3 lần, Cứu y trước.

Hiệu quả ngày sau vì làm lao động nhiều nên đến 12 giờ trưa chứng lại phát trở lại nặng y như lúc đầu tiên, nhưng sau ba ngày lại nhẹ.

Trị lần thứ 5. Trị y như trước, thêm huyết Quang-nguyên châm bổ 4 lần. Sau hai ngày đầu giảm nhưng cùi xuống còn nặng và cũng phát nhưng nhẹ hơn.

Trị lần thứ 6 : Châm Phục-lưu, Tam-âm-giao bổ 4 lần, Bách-hội, Khúc-tuyền, Thái-xung, Tam-âm-giao tã 3 lần.

Hiệu quả qua ngày sau tự nhiên từ 12 giờ trưa lại đau mặt phát tê cứ ba giờ 1 lần rồi hết, lại hai giờ phát một lần cứ như vậy 4 lần nhưng hôm sau nữa, đầu lại hết xoay xảm.

Trị lần thứ 7. Hiện chứng bệnh muốn mửa, chân yếu vô lực đầu xoay. Châm trị các huyết Khúc-tuyền, Bách-hội, Thái-xung như trước, Cứu Trung-uyên, Tam-lý, Trung-đầu đều 3 tráng, bây giờ đầu xoay giảm nhẹ. Bệnh như không lại trị nữa. hỏi người nhà cho biết ba ngày sau không phát nữa, bệnh bớt nhiều, và vì quá bận việc nên không trị tiếp nữa.

Phụ chú : Bệnh lên máu thật rất phức tạp, có trường hợp không thể lấy nguyên nhân nặng nhẹ đo áp huyết tăng cao làm tiêu chuẩn, mà còn tùy theo dõi chứng dùng huyết phối hợp tuy thường dùng hai kinh Túc thiếu-âm và Túc Thái-dương, cốt hút huyết thuận khí khu phong, nhưng có khi phải bồi bổ Thận tạng như trường hợp dùng huyết Phục-lưu trên đây. Vậy những phương giới thiệu trên đây nên tùy chứng trạng thay đổi áp dụng và đây cũng là những phương kinh nghiệm để khi lâm sàng áp dụng được công hiệu.

Phủ trị : nghiệm dùng Huyệt Nhôn-nghinh trị Áp-huyết cao :

Chứng trạng : Nhức đầu, xoay xâm, thường mất ngủ, tim đập mạnh, hơi mệt, ngực bên trái lồi đầy đau.

Dùng huyệt Nhôn-nghinh, cách trị : để bệnh nhôn ngồi thẳng, ấn huyệt Nhôn-nghinh, châm 1 tấc, xem cán kim chuyển động theo động mạch, lưu kim 5 phút. Mỗi ngày châm 1 lần, châm 5 lần là một liệu trình nghỉ một tuần châm lại hai hay ba liệu trình.

Trị nghiệm : Châm trị bệnh Áp huyết cao chỉ dùng huyệt Nhôn-nghinh trị nhẹ được trên 30 người.

Bệnh nhẹ châm trị một tuần nhưt (1 liệu trình), bệnh nặng cũng chỉ 2,3, liệu trình. Có khi Áp huyết hạ xuống ngay có khi lần lần mới hạ, đơn cử giới thiệu đã trị hai bệnh sau đây :

1.— Anh Trần..., 34 tuổi công nhân, bị bệnh Cao áp huyết gần 2 năm thường nhức đầu xoay xâm, không ngủ được, trị rất nhiều nhưng không dứt hẳn, anh lấy làm thất vọng đến chần trị, đo áp huyết lên 18, dùng phương này trị, sau khi châm 3 lần huyết đo hạ 16, châm trị một liệu trình nghỉ không trị nửa trong hai tháng huyết áp đo không lên nữa mà các chứng hoàn toàn bình phục, hoạt động được như thường.

2.— Bà Trương-thị... 50 tuổi, bệnh nhức đầu xoay xâm đã 4 năm, uống thuốc rất nhiều và dùng Âu dược cũng vô hiệu huyết áp đo 19 lại rọi kiến tim nở lớn.

Dùng phương này trị. Châm trị 1 lần huyết áp đo hạ 14 các chứng đều giảm, sau châm trị đến lần thứ 5 đình chỉ không trị nữa, sau mấy tháng đo Áp huyết vẫn giữ mức 14 không lên nữa và bình phục hoàn toàn.

Trên đây là phương châm trị của Châm sư Dương-sơn-Thông Trung-Hoa giới thiệu xin ghi vào đây để tham khảo.

II.— CHỨNG NHỨC ĐẦU

Phàm Não, Não mạc, đầu sọ, tai mũi, yết hầu các bộ phận phát bệnh hoặc uất huyết, bần huyết, thờ khố, đau da dầy, ruột, bình ngoại cảm, Đái đường, Thống phong, đàn bà kinh bệnh v.v... đều có phát nhức đầu.

Ngoài ra Thần kinh suy nhược, thần kinh đau đầu, hoặc đau toàn cả đầu, hoặc chỉ đau hiện một chỗ nào, có khi đau nhức nặng càng dữ dội ; nhẹ thì cảm thấy nặng trĩu, đau liên tiếp mấy ngày, mấy tháng, diễn tri mấy năm không nhưc định.

Phàm khi vận động bộ phận ở đầu hoặc khi dùng ý tập trung, dùng tinh thần đều làm cho tăng thêm, bình nặng, lại dễ phát nữa

Tri bệnh này dùng các huyết chủ trị :

Thiên-tru, Phong-tri, Kiên-tinh, Cường-gian, Đại-chùy, Bách-hội, Phong-phủ, Đầu-duy, Đồng-tự-liêu, Thái-dương.

Dùng các huyết chỉ thống đồng thời phối hợp các huyết làm tăng sức khương kiện, dùng các huyết : Khúc-tri, Ngoại-quan, Túc-lâm-lý, Tam âm giao thường áp dụng những phương pháp sau đây :

Nhưc đầu thông dụng huyết :

Thủ huyết : Hiệp-cốc, Liệt-khuyết, Phong-phủ, Đầu-duy, Thái-dương. những huyết phụ : Bách-hội, Thần-dinh, Dũng-luyền, Thiên-tru, Đại-chùy, Cường-gian, Khúc-sai, Thượng-tinh, Khúc-tri,

Thủ thuật : Trước châm huyết Hiệp-cốc, đưa kim hướng trở lên, châm Liệt-khuyết và các huyết, nếu chưa nhẹ, sau mỗi lần dùng cách huyết thay đổi trị nếu trở phản lại đau quá làm bần huyết thêm cứu Bách-hội Thần-dinh 3,4, tráng ắt công hiệu.

Cách gia giảm : Đau trước trán dùng các huyết : Thượng-tinh, Thái-dương, Ấn-đương, Hiệp-cốc, Liệt-khuyết.

Đau chính giữa : Thượng-tinh, Thần-dinh, Bách-hội, Thái-dương, Hiệp-cốc, Liệt-khuyết.

Đau cả căn cổ : Thượng-tinh, Phong-tri, Bách-hội, Thiên-tru, Thiếu thương, Hiệp - cốc, Liệt-khuyết.

Đau trước mí mắt : Toán-trúc, Đầu-duy, Thái-dương, Tư-trúc-không, Liệt-khuyết, Dương-hạc, Hiệp-cốc, Thần-dinh.

Đau một bên đầu : Liệt-khuyết, Đầu-duy, Thái-dương, Phong-tri, Dương-lăng, Hiệp-cốc.

Đau phía sau : Hậu-đảnh, Phong-tri, Ngoại-quan, Hiệp-cốc.

Đau đầu căn cổ cứng : Thiên-tru, Phong-tri.

Sau đây chúng tôi xin trích những phương kinh nghiệm

Thần kinh suy nhược đau đầu.

Chứng trạng : Nhứt đầu xoay xoay, hôn mê hoặc mất ngủ.

Thủ huyết : Túc-lâm-thấp và các huyết phối hợp : Ngoại-quang,

Đầu-duy, Thượng-tinh, Bách-hội, Tư-trúc-không, Đầu-lâm-khấp, Thân-mạch.

Thủ-pháp : Trước Châm Túc-lâm-khấp 5 phân, Ngoại-quang 1 tấc, Đầu-duy dọc theo da 1 tấc, Liệt-khuyết Châm dọc theo da hướng trở lên 1 tấc thường đau bên trái dùng huyết bên trái, đau bên phải dùng huyết bên phải, Thượng-tinh, Bách-hội hướng ra sau 3 phân, Đầu-lâm khấp dọc theo da hướng trở lên Châm 3 hay 5 phân, Thân-mạch trực Châm 3 phân. Dùng pháp lưu kim 1 giờ (cứ 10 phút xoay kim 1 lần).

Phương này trị Thần-kinh suy nhược nhưc đầu rất hay, đã trị 10 người, đều mỗi ngày Châm trị 1 lần, đến 3 lần tất cả đều bình phục hẳn.

Nhức thần kinh sau đầu

Thủ huyết : Phong-tri, Đại-trử, Hoàn-cốt, Ngoại-quang, Hiệp-cốc, Phong-long, Côn-lôn. Châm kích thích trung độ.

Hoặc dùng các huyết: Hậu-đảnh, Thiên-tru, Phong-phủ, Phong-tri, Bách-hội, Đại-trử, Hiệp-cốc, Liệt-khuyết, và các huyết phụ: Khiếu-âm, Thông-thiên, Khúc-viên.

Thủ-pháp : Trực Châm huyết Hiệp-cốc, Liệt-khuyết và các huyết. Cứu huyết Bách-hội.

Nhức đầu phong, Đầu đông

Chứng trạng quen tánh nhưc đầu, tại bộ phận ở đầu não đau, ăn không ngon, thường ác tâm oẹ, xoay xẩm, quên lãng, mất ngủ.

Thủ huyết : Tất cả đều dùng : Phong-Tri, Đại-trử, Hiệp-cốc, Thân-mạch. Đầu cổ đau gia Bách-hội, Tiền đảnh, Hậu đảnh, Hậu-khê.

Đau phía trước : gia Thượng-tinh, Dương-bạch, Phong-long, Nội-đinh.

My lẳng cốt thống gia : Toán-trúc, Dương-bạch, Thái-dương.

Đau một bên gia : Đầu-duy, Thái-dương, Lư-tinh, Hàm-yếm, Túc-lâm-khấp.

Đau phía sau đầu gia : Hậu-đảnh, Côn-lôn.

Sau khi nống rượu nhứt đầu gia : Toán-trúc, Soát-cốt, Hoàn-cốt, Trung-Uyển, Lương-môn, Túc-tam-lý.

Tri bình nhứt đầu phong đều dùng kích thích trung độ và thêm cứu các huyết ở đầu, các huyết ở tay chân chỉ cần châm tri. Tri bình này nên tri lâu và cũng cần tìm nguyên nhân bệnh dùng huyết phối hợp mới trị tuyệt gốc được.

Biên đầu phong (Đau bên đầu)

Chứng này do tinh thần mẫn cảm hoặc vì quá lao, hay phong sự, thường do Thần kinh bị bệnh trước, hoặc phát toàn đầu bộ đa đầu ề âm khó chịu, đè đau từng tia thần kinh, bệnh phát trường kỳ có khi mấy ngày, mấy tháng mấy năm thường hay phản phúc chứng cũng phát ác tâm oẹ mửa mắt hoa, tai ù, sắc mặt mắt xanh, nên phân loại sau đây :

1.— Đầu bộ, Giao-cảm thần-kinh, động mạch làm đau, cơn phát mắt đỏ, hay một bên đầu động mạch biến động, đồng tử con người nhỏ lại, hoặc đau nhứt một bên động mạch làm ép đồng tử con người thấy lòa to ra.

2.— Nhân tánh biên đầu thống, ác tâm, thấy không rõ, bị mờ ám hoặc chỉ thấy rõ một bên.

Thủ huyết : Phong-tri, Đầu-duy, Thái-dương, Hạ-quang, Phong-long, Thần-mạch, Tùy chứng thêm các huyết : Đầu-lâm-khấp, Hoàn-cốt, Hòa-liêu, Huyền-ly, Huyền-lư, Phong-môn, Khuyết-âm-du, Ấc-phong, Thượng-tinh, Trung-uyển, Liệt-khuyết, Túc-lâm-khấp, Hành-gian. Mỗi ngày hay cách nhật Châm tri.

Thủ pháp : Như thuộc Giao cảm thần kinh ma tê các huyết ở đầu kích thích nhẹ không lưu kim.

Như thuộc kinh loan tánh cơ dục thì kích thích trung độ và lưu kim thường các huyết tay chân Châm kích thích mạnh và lưu kim.

Bệnh mạng tánh kinh cứu nên dùng cả Châm và cứu.

Hoặc dùng phương sau đây :

Dùng những huyết chủ yếu : Dũng-tuyền, Hiệp-cốt, Liệt-khuyết, Đầu-duy, Thái-dương và những huyết phụ : Phong-tri, Tư-trúc-không, Huyền-lư, Hàm-yếm, Dương-bạch, Tam-âm giao Bồn-thần, Nội-đỉnh, Thượng-tinh.

Thủ pháp : Trước Châm Hiệp-cốc, Liệt-khuyết, Thái-dương. Nếu chưa nhẹ, cứu Thái dương 1,2, tráng, ngày sau chưa nhẹ cũng Châm các huyết ấy thêm Phong-tri, Đầu-duy và Dũng-luyện, Cứu huyết Dũng-luyện ắt nhẹ.

Những phương kinh nghiệm trị đau bên đầu

1) Trị đau một bên đầu diện trị mãi không nhẹ :

Dùng huyết Suất-cốt Châm xoay vận nhẹ cho mũi kim đến gần huyết Tư-trúc-không, lưu kim 2 giờ từ từ rút kim. Mỗi ngày Châm trị, hay cách nhưt châm trị một lần. Trị tiếp 3 lần nhẹ hẳn.

Trị nghiệm : Ông Trương văn... 56 tuổi đau một bên đầu hình đã 4 năm trị rất nhiều phương không hết kể cả châm cứu trị, sau áp dụng phương này trị một lần bệnh giảm bớt nhiều, tiếp trị 2 lần nữa bệnh tuyệt hẳn không tái phát,

Phương này cũng đã áp dụng trị trên 30 người chứng minh hiệu quả hoàn toàn 100%.

2) Trị quen tánh đau bên đầu mất không thấy rõ.

Bệnh nhân Nguyễn văn... bị bệnh đau đầu khi cơn phát mất không thấy rõ, đầu xoay xẩm khi đau một bên, khi lại đau cả đầu lại thêm làm ọe mửa, trong gia tộc có nhiều người đau đầu.

Thủ-huyệt : Dùng các huyết Hàm-yểm, Huyền-ly, Huyền-lu (chỉ dùng bên đau Phối hợp huyết Hiệp-cốc bên đau.

Thủ pháp : Dùng kim dài châm huyết Hàm-yểm, vận kim đầy đến huyết Huyền-ly, Huyền-lu, tức 1 kim xuyên luôn 3 huyết.

Áp dụng pháp bình bổ bình tả lưu kim. Sau châm Hiệp-cốc 1 tắc châm mạnh cũng lưu kim 30 phút. Hai ngày châm trị 1 lần, tiếp trị 2 lần bệnh giảm nhẹ, trị luôn 2 lần nữa hoàn toàn bình phục hẳn không tái phát.

Trị bệnh đau đầu phát có mùa

Anh Tám 25 tuổi bị bệnh đau 1 bên đầu đã 6 năm, khi hết khi đau dùng đủ các thứ thuốc và cũng dùng nhiều phương châm cứu trị không dứt, khi đau có phát sốt rất khổ sở, mỗi năm về mùa hạ lại phát rất nặng.

Trị pháp : Dùng các huyết : Bách-hệ / ~~Phong~~ hội, Ấ-phong, Tư-trúc-không, Phong-tri, Phong-phủ.

Khi châm trị thì bệnh dứt ngay, sau lấy kim, 3 giờ sau lại phát đau trở lại y cũ, ngày thứ hai châm trị y cũ nhưng không có kết quả.

Trị lần thứ 3. Châm các huyết trên thêm huyết Ủy-trung, và lưu kim 45 phút. Bệnh tự nhiên hết hẳn.

Chiếu theo thủ pháp này trị tiếp luôn năm ngày nữa, bệnh hết hẳn, 3 tháng sau không tái phát.

Sau áp dụng trị các bệnh thêm huyết Ủy-trung đều công hiệu.

Trị nhức bên đầu chóng mặt mất ngủ :

Chứng trạng thường nhức bên đầu, chóng mặt mất ngủ, khi phát mất nheo một bên, xoay xâm có khi nhức cả đầu, làm ọe mửa, trong gia tộc cũng có người đau như vậy.

Trị pháp : Dùng các huyết Liệt-khuyết, Tư-trúc-không, phối hợp huyết Thái-dương, Đầu duy trị đều dùng bên đau.

Châm Liệt-khuyết xiên lên cánh tay sâu 3 phân, Huyết Tư-trúc-không châm 6, 7 phân, Thái-dương 5 phân. Đầu-duy châm ra sau 3 phân xoay mạnh và lưu kim từ 30 phút đến 1 giờ.

Trị nghiệm : Dùng thủ pháp này thì trị 12 người đều công hiệu cả, chỉ có 1 người vì bệnh lao phổi, nên sau trở lại ngoài ra đều không tái phát Đơn cử hai bệnh sau đây :

1.— Anh Lê-văn... 24 tuổi quân nhân bệnh nhức đầu đau rất kịch liệt, xem sách thì xoay xâm, trí nhớ giảm, khi phát đau ran cả sau đầu, mỗi ngày cứ trước 12 giờ thì phát nhức, có khi đau bực ọe khan, mắt như có gì che không dám ngó, ăn uống như thường, rồi kiến các tạng phủ không có bệnh gì cả, hỏi thì gia tộc anh có bà thân mẫu bị bệnh nhức đầu kinh niên. Châm trị dùng các huyết : Thái-dương, Hiệp-cổc, Dương-bạch, châm rồi hết nhức ngay, ngày thứ hai cũng trị như vậy, tiếp hai lần nữa bệnh dứt hẳn, không trị nữa.

2.— Anh Trần văn... quân nhân thường có chứng hay nhức đầu, gần trước vì trời quá nóng bức thỉnh thoảng phát nhức nặng, uống thuốc cảm nhức đầu giảm, nhưng về sau cứ mỗi ngày đều có phát nhức thành đau đầu phong cứ cách 1,2 giờ đầu nhức 1 lần rất khó chịu, các thứ thuốc đều không công hiệu. Đang lúc đầu nhức kịch dùng phương này châm 2 huyết Tư-trúc-không, Liệt-khuyết, Thái-

đương. Đầu-đuy, hết nhức. Tiếp trị mấy ngày nữa bệnh hoàn toàn hết hẳn không tái phát.

Trị đau đầu lâu năm không dứt hẳn

Cô Nghĩa 40 tuổi đau đầu từ hai bên Thái-dương phát đau dẫn đến toàn bộ đầu não đau quá bất nữa, khi đầu giảm bớt đau thì tay bên mặt tê, lưng đau, hiện nay toàn thân đều đau đớn càng nhiều, bệnh đã lâu năm không thuốc gì trị nhẹ cả.

Trị pháp : Châm Thượng-tinh, Liệt-khuyết, Hiệp-cốc đều xoay kim bỏ 3 lần tả 1 lần, châm Túc-tam-ly bỏ 4 lần. Cứu các huyết : Thần-dinh, Trung-uyên, Thận-du, Can-du, Thái-khê, Tam âm-giao đều 3 trảng, Cồn-lôn 1 trảng Thái-dương, Phong-tri, Ấc-phong đều 1 trảng.

Hiệu quả 3 ngày sau cho biết bệnh đã hết duy tay chân châm trị sau tê rần chưa hồi phục ; (ấn chứng tê rần tay chân sau khi châm trị chưa khỏi phục lại là vì bỏ lực làm lãng sức đề kháng độc bệnh phản ứng, không trị cũng hết).

Trị lần thứ hai Cứu Thận-du, Bách-hội, Thái-khê, Tam-ly, Tam Âm-giao Nội quang đều 3 trảng, Phong-tri 3 trảng, Thái-dương, Ấc-phong, Cồn-lôn đều một trảng.

Hiệu quả các chứng nhức đầu, đau lưng, tay chân tê đều nhẹ hẳn, da dày khoẻ ăn ngon. Tiếp trị thêm một lần nữa bệnh hoàn toàn bình phục hẳn.

Trị vì kinh sợ đau đầu, chân tê vô lực

Bệnh nhân Thị-Địch 19 tuổi, nhơn bị khủng bố sợ sệt nên phát đau đầu, mỗi lần kinh khủng sợ sệt đều phát, bệnh đã lâu thường cứ nhức đầu chân tê, hơi mệt, kinh nguyệt hai tháng mới có một lần.

Trị pháp ; Châm Túc-lâm-khấp, Thái-khê đều bỏ 4 lần. Hiệu quả chân hết tê, đầu đau giảm.

Trị lần thứ hai như trên thêm cứu Bách-hội, Tiễn-danh, Thượng-tinh đều ba trảng. Hiệu quả bệnh giảm nhiều.

Sau trị thêm một lần nữa y như trước bệnh hoàn toàn nhẹ hẳn.

Trị đau đầu từ phía sau não dẫn đến giữa đầu

Bệnh nhân Thị Minh 50 tuổi đau đầu từ sau Não dẫn phát đến đỉnh đầu, mỗi ngày sau giờ Ngọ phát sốt đến hai ngày không ăn, nhiệt độ lên 38/3 tinh thần mê mệt.

Trị pháp : Châm Côn-lôn, tả 3 lần, Phong-tri, Phong-phủ tả 5 lần.

Cửu Bách-hội Phong-tri, Đại-chùy, Phong-môn, Phế-du, Côn-lôn, Kinh-cốt Thúc-cốt đều 3 tráng.

Hiệu quả : Châm sau đầu nhẹ các chứng giảm, đến giờ Ngọ không phát sốt nữa, ăn biết ngon, từ ấy về sau hết hẳn.

Trị đau đầu trước trán và cả đau bụng

Bệnh nhân Thị-Tịnh 28 tuổi đau đầu trước trán đến hai bên Thái-dương, Bụng đau xung quanh rốn, chỗ quảng sườn thứ 2, đi Bệnh viện trị không kết quả.

Trị pháp : Châm Thái-xung, Nội-quang, Hiệp-cốc, Hàm-cốc tả 5 lần. Cửu : Bách-hội, Thượng-lĩnh, Phong-tri, Chiên-trung, Trung-nguyên, Khí-hải, Thần-khuyết, Túc-tam-lý, Tam-âm-giao đều 3 tráng Thái-dương 1 tráng. Hiệu quả : Đầu, thái-dương hết đau, bụng hết đau, trị một lần nữa nhẹ hẳn.

Trị chứng đau đầu My lãng cốt thống

Bệnh nhân Đặng-minh-Thế 20 tuổi đau đầu chỗ xương my mắt (My-lãng-cốt-thống) dưới chân mày đau dữ sau nổi to lên bằng đầu ngón tay. Trị pháp : Châm Túc-lâm-khấp và Thái-xung bên mặt tả 3 lần, thích Khiếu-âm, Tư-trúc-không ra máu.

Hiệu quả : Nội đêm ấy hết đau và ngày sau nhẹ hẳn, chỗ mụn chân mày cũng hết hẳn.

Trị nhức đầu mắt không thấy rõ

Bệnh nhân anh Phạm văn... 30 tuổi nhức đầu rất lâu trên một năm mắt không thấy rõ.

Trị pháp : Dùng các huyệt Phong-phủ, Phong-tri, phối hợp huyệt Túc-tam-lý, Tam-âm-giao (2 huyệt này thay đổi dùng).

Thủ pháp : Châm huyệt Phong-phủ dưới da xoay đầu kim 1 bên qua huyệt Phong-tri lưu kim 15 phút, lần lặn rút lên lặn da rồi lại

xoay châm qua hên kia huyết Phong-tri rồi lưu kim. Tiếp châm huyết Túc-tam-lý hay Tam-âm-giao bình hân bình tả lưu kim.

Mỗi ngày châm trị 1 lần, tiếp châm 1 lần có kết quả bệnh nhẹ hẳn.

Chú ý : Trị bệnh đau đầu mắt không thấy rõ cần phối hợp thêm huyết Can-du và Mạng-môn (châm Can-du 5 phân, Mạng-môn 8 phân bình hân bình tả lưu kim 15 phút), bệnh trên đây trị một liệu trình kết quả nên không dùng huyết phối hợp nếu gặp bệnh không kết quả nên cần phối hợp hai huyết này mới công hiệu.

III. CHỨNG XOAY XĂM (HUYỀN - DỤNG)

Chứng Xoay xăm làm đầu não xoay bờ, mắt hoa tối, tim hồi hộp muốn mửa, do đàm hỏa, lao lực, sầu uất hoặc suy yếu.

Dùng các huyết : Cứu Bạch hội, Châm Thần-đỉnh, châm cứu Thái dương Túc-tam-lý.

Như tim hồi hộp thêm cứu Tâm-du, châm Thần-môn, muốn ọc châm Nội Quang, Châm cứu Trung-Uỷên.

Những phương kinh nghiệm trị chứng Xoay xăm huyền dụng:

Trị chứng xoay xăm, mắt tối đen, bất tỉnh.

Bệnh như Ông Trần-văn-Nhu 52 tuổi. Tháng trước bị chứng Trúng phong, sau làm nhức đầu xoay xăm tối tăm, bất tỉnh như sự 3, 4, phút tỉnh lại. Ngày phát 3, 4, lần làm khí suyễn, ho khan, tay bên trái tê cứng.

Trị pháp : Châm Phục-lưu bờ 4 lần, Nội-quang, Liệt-khuyết bờ 2 lần tả 2 lần, Thái-xung tả 2 lần. Cứu Bạch hội, Phong-tri, Tiển-danh, Thượng-tinh, Thần-đỉnh, Đại-chùy, Phong-môn, Phế-du, Tâm-du, Cách-du, Can-du, Đởm-du, Thận-du, Túc-tam-lý, Tam-âm-giao đều 3 trảng, Dương-bạch, Lâm-khấp, Thái-dương đều 1 trảng.

Hiệu quả trị sau 3 ngày bệnh phát giảm mỗi ngày còn hai lần, tức giảm 80% còn phát chỉ 1 phút tỉnh lại, tức cũng giảm 2/3, trước khi phát mất cảm giác, bây giờ phát có cảm giác, và mắt bên trái giờ nay chuyển qua mắt bên mặt, tay bên trái hết tê.

Trị-lý : Bệnh này nam tả nữ hữu nên bệnh bên tả di chuyển qua hữu, nên châm trị bên tả du qua hữu. Trị tiếp hai lần dùng

Huyết bên hữu, làm quân binh nên binh lần lần nhẹ hẳn.

Nguyên nhân vì binh Trúng phong di độc do não xuất huyết, động mạch ngành hóa nguyên nhân không phải do chứng bần huyết nên trị dùng các huyết trên cốt làm hạ áp huyết chứng Trúng phong và bổ Phục-lưu để cố hạ nguyên binh Can, cường Tâm điều khí rất công hiệu.

Trị chứng xoay xảm mất ngủ :

Bệnh nhưn Thị-Khai 27 uổi, Bệnh đầu xoay xảm trị châm cứu 42 lần nhẹ rồi sau sanh chứng mất thườn mờ, hai bên thái dương đục, xoay xảm, châm trị lại không hết đến Bệnh-viện rọi kiến cho biết vì binh lao phổi và binh mất ngủ biến sanh.

Trị pháp : Châm bổ Phục-lưu xoay kim 4 lần, Hiệp-cốc bổ 3 lần tả 1 lần Thượng-tinh bổ 3 lần Thái-xung tả 3 lần

Cửu Bách-hội, Tiền-Đãnh, Thần-đỉnh, Phong-trì, Đại-chùy, Phong-môn, Phế-du đều 3 tràng.

Hiệu quả Giảm bớt nhưng tại thái dương vẫn còn hơi xói.

Trị lần thứ hai, Trị y cũ thêm huyết Tam-âm-giao bổ 4 lần, Nội-dinh tả 3 lần. Trị lần thứ ba cũng trị y cũ nhưng vẫn không thuyên giảm hơn lại thêm thở hơi khó và xoay xảm.

Trị lần thứ 4 Châm trị lại Hiệp-cốc bổ 4 lần, Túc-tam-lý tả 2 lần, bổ 2 lần, Ấn-đường tả 2 lần, Thái-xung, Nội-dinh châm lưu kim.

Bệnh này áp dụng các phương thức trên không hiệu quả là vì không phải do cảm mạo phát bệnh mà do hư hỏa xung lên.

Trị lần thứ 5 Châm Quang-nguyên, Phục-lưu ; Túc-tam-lý Tuyệt-cốt đều bổ 4 lần, Thượng-tinh lưu kim, và Cửu như trước.

Hiệu quả qua ngày sau đầu não nhẹ nhàn hết xoay xảm.

Bệnh nhưn vì khi hết kinh ngồi lâu làm lưng nên bụng dưới đau và có binh tử cung viêm, nhưng châm trị lần sau này bụng dưới hết đau.

Trị lần thứ 6 vì ngủ chưa yên nên châm trị như lần thứ 5 thêm huyết Thần-môn bổ 4 lần. Bây giờ đầu xoay xảm nhẹ hẳn và ngủ yên được.

Trị lý : Bệnh này mấy lần trước vô hiệu là vì chứng làm bần huyết tách huyền động, nên lần sau trị bổ huyết Tuyệt-cốt mà ngày sau kiến hiệu lại bổ huyết Thần-môn nên trị chứng mất ngủ cũng có hiệu quả.

Trị chứng xoay xâm chân vô lực, phát nóng

Bệnh như Thị-Nguyên 25 tuổi bệnh đầu xoay xâm tay chân vô lực, tim phiền táo toàn thân phát sốt, lòng bàn chân bàn tay nóng trước khi đi đại tiện bụng đau, mặt đỏ, nhiệt độ 36, đã uống thuốc nhiều, kiểm nhận là chứng Bần huyết.

Trị pháp : Châm Phục-lưu, Tam-âm-giao, Túc-tam-lý đều bỏ 4 lần, Thái-xung tả 2 lần. Cứu Bách-hội, Phong-tri, Thượng-tỉnh, Thần-đỉnh, Thận-du, Thái-khê, Côn-lôn đều 3 tráng, Khí-hải, Quang-nguyên bỏ 5 tráng, Túc-tam-lý bỏ 3 tráng.

Hiệu quả : Đầu xoay xâm tay chân vô lực giảm.

Trị lần 2 và thứ 3. Trị y như trước.

Hiệu quả : Mất hết đỏ, ăn biết ngon, tâm phiền hết, đau bụng giảm, tinh thần khỏe khoắn, chứng xoay xâm và lòng bàn tay bàn chân hết nóng. **Trị lần thứ 4 :** Châm Tam-âm-giao bỏ 4 lần, Tam-lý Nội-đỉnh đều bỏ 2 lần, tả 2 lần. Cứu Chiên-trung, Trung-uyên Chương-môn, Khí-hải, Quang-nguyên, đều 3 tráng Thái-xung Túc-lâm-khấp đều 1 tráng.

Hiệu quả : Bụng trưởng giảm, đầu còn xoay xâm chỗ thái dương nặng. **Trị lần thứ 5.** Hiện bệnh còn đau bụng và nặng thái dương.

Châm Tam-âm-giao bỏ 4 lần, Nội-quang tả 2 lần, Nội-đỉnh tả 2 lần.

Cứu Chiên-trung, Trung-uyên, Chương-môn, Khí-hải, Quang-nguyên đều 3 tráng. **Hiệu quả** hết đau đầu, bụng đau giảm (Trước tráng nặng xoay xâm do Vị-bệnh làm phản ứng, nên trị tả Nội-đỉnh, Nội-quang có kết quả hết ngay). **Trị lần thứ 6** y như trên. Đau hết đau.

Trị lần thứ 7 : Châm Túc-tam-lý, Tam-âm-giao, Phục-lưu bỏ 3 lần, Công-tôn tả 3 lần, Thái-xung tả 2 lần, Cứu như trước thêm Âm-đồ, Thông-cốc đều 1 tráng. **Kết quả :** Bệnh hoàn toàn về sau hết hẳn.

Trị chứng xoay xâm, ngón lâu muốn té

Bệnh như Thị Thanh 42 tuổi bệnh đau đầu xoay xâm mắt hoa không ngón lâu được, vì ngón lâu muốn té, chân té.

Trị pháp : Châm Phục-lưu bỏ 4 lần Thái-xung, Túc-lâm-khấp, Nội-đỉnh, tả 2 lần bỏ 2 lần, Cứu Chiên-trung, Chương-môn, Can-du, Hổm-du, Bách-hội, Phong-tri đều 3 tráng. Thái dương 1 tráng.

Kết quả : Đầu nhẹ hết xoay xẩm và dứt hẳn.

Trị bệnh Xoay xẩm, Tay tê, Lưng đau mất ngủ.

Bệnh như Anh Như 48 tuổi, đau đầu cứ mỗi buổi mai từ sau não chạy tới trước làm xoay xẩm các ngón tay tê cứng ban đêm không ngủ được bệnh đã lâu dùng đủ thuốc không công hiệu.

Trị pháp : Châm Phục-lưu, Thần-môn Tam âm-giao Hiệp-cốt đều hồ 4 lần. Cứu Bách-hội, Thượng-linh, Puong - trì, Thần - du, Mạng-môn, Khí-hải, Quang-nguyên 3 tráng.

Trị lần thứ 2 cách 1 ngày. Châm Phục-lưu, Nội-quang, Phi-dương hồ 4 lần, Phong-phủ, Thái xung, Túc-lâm-khấp tả 2 lần. Cứu như trước. Hiệu quả đêm sau Di tinh 1 lần, ngày sau đau, mất tay đều giảm, ngủ được 5 tiếng đồng hồ.

Trị lần thứ 3 Châm Phục-lưu, Nội-quang, Phi-dương Thần-môn hồ 4 lần. Đêm ấy cũng di tinh 1 lần, ngủ được 7 tiếng đồng hồ, đau giảm nhẹ.

Trị lần thứ 4. Châm Quang-nguyên, Tuyết-cốt hồ 4 lần. Cứu Dũng-tuyền 5 tráng; Kết quả bệnh nhẹ hẳn và không còn di tinh nữa.

Trị lý : Chứng này là bệnh hãm huyết, Thần-kinh suy nhược, 2 lần trước trị vì quá đại bổ nên ban đêm di tinh, nhưng ngủ được, lần thứ 4 dùng huyết Tuyết-cốt (tủy hội Tuyết-cốt) bổ não; và Quang nguyên cố thận nên có hiệu quả chứng xoay xẩm hoàn toàn hết hẳn. Vậy 2 huyết Tuyết-cốt, Quang-nguyên bổ não rất hay.

Trị bệnh đau não xoay xẩm muốn té đã 20 năm.

Bệnh như Bà Phạm-thị-Sương 68 tuổi bị bệnh đau đầu xoay xẩm 20 năm dư, sợ gió, mùa hạ vẫn trùm đầu, có lúc ngó nhà cửa thấy xoay tròn, có lần té, cả thân mình và đầu bị thương, vai lưng đau, phía vú bên mặt hơi xốc lên đau.

Trị pháp : Châm Phong-phủ tả 3 lần, Thái-dương châm ra máu.

Hiệu quả : trong khi châm Phong-phủ tả 3 lần đầu não hết đau ngay, hết sợ gió bỏ trùm đầu, nhưng hai bên thái-dương đau, liền châm lại hai bên huyết Thái dương ra máu bệnh nhẹ hẳn.

Trị lý. Bệnh này châm trị 1 lần mà chứng bệnh đau hai mươi năm hết, vì chứng này Não thống (đau não đau) xoay xẩm, não thần kinh bệnh, nên ấn chỗ huyết Phong-phủ bệnh như đỡ đau vì thế áp dụng châm tả 3 lần các chứng trừ hết, không đau não sợ

gió, nửa, trị dòng huyết Phong-phủ là trị phong thuộc cân não nên hiệu quả.

Trị đau đầu xoay xảm, chân sưng tiện bí đã 10 năm.

Bệnh như bà Thị-Minh 66 tuổi, phát bệnh ngày nào đầu cũng xoay hồ, nặng tẻ, sau cứ 2, 3, ngày phát 1 lần trên 10 năm nay, toàn thân đau rần, cứ đến sau 12 giờ trưa thì chân sưng, lại thêm chứng đại tiện táo bí, tiêu hóa không tốt.

Trị pháp: Châm Phục-lưu bổ 4 lần Tuyết-cốt, Tam-lý, Thái-xung đều tả 2 lần. Cứu Bách-hội, Tiền-đânh, Tinh-hội, Thượng tinh, Thần-đỉnh, Thái-dương, Phong-tri, Nhĩ-tiêu, Chiên-trung, Trung-Thượng, Hạ-uyển, Khí-hải, Đại-chùy, Phong-môn, Phế-đu đều 3 tráng.

Hiệu quả: Đầu xoay, thân đau giảm, chân bớt sưng, Đại tiện thông, ăn tiêu không đầy trướng nữa.

Trị 2, 3, lần sau, đầu xoay đã giảm nhẹ phân nữa.

Trị lần thứ 5 cũng trị như lần thứ nhất (vì trị lần thứ 4 các chứng giảm phân nữa nhưng ngày sau chứng xoay xảm lại phát trở lại).

Trị lần thứ 6. Hiện bệnh ban đêm bệnh lại phát làm bất tỉnh, hai tay lạnh tẻ, bụng dưới đau, mũi đỏ ngứa.

Châm trị Phục-lưu, Tam-lý, Tuyết-cốt đều bổ 4 lần, Thái-xung, Túc-lâm-khấp đều tả 2 lần. Cứu y như lần thứ nhất.

Hiệu quả Tay hết lạnh, bụng dưới hết đau, mũi hết đỏ ngứa.

Trị lần thứ 7: Y như trước. Chứng xoay xảm hết và các chứng hoàn toàn bình phục.

Trị bệnh xoay xảm hai chân yếu:

Bệnh này thường phát đầu xoay xảm, hai chân vô lực như có người kéo nặng triệu muốn té.

Ông Văn 60 tuổi bệnh xoay xảm trước trán nặng không đỡ đầu lên được như có người ở sau đè xuống, hai chân vô lực, bụng dưới lại đau như bị đâm, tim khó chịu, thêm nóng chạy đến lòng bàn chân.

Trị pháp: Châm Tam-lý bổ 4 lần, Thái-khê; Phi-dương đều tả 3 lần.

Hiệu quả: Tim dễ chịu, nóng chạy đến chân hết, đầu nhẹ chân bớt.

Trị lần thứ 3 Y như lần trước thêm châm Trung-cực tả 2 lần, bổ 2 lần, Dũng tuyền tả 2 lần.

Hiệu quả Đầu xoay xẩm nhẹ hẳn.

Trị lần thứ 4 : Y như trên. Châm rồi bệnh nhẹ hẳn như thường, ngày sau bình phục hẳn.

Trị tiếp 2 lần nữa y như trên, Bệnh hoàn toàn bình phục.

Trị bệnh xoay xẩm mình lạnh Tỉnh thần mê mết, xuất đại hàn.

Bệnh nhưn, Anh Trần Sơn 37 tuổi, đầu xoay xẩm, tim hồi hộp, toàn thân lạnh, ra mồ hôi không dứt, hông bụng đau, ăn thì mửa; tỉnh thần bạc nhược, bệnh trên 10 ngày rất nguy cấp.

Trị pháp : Cứu Bách-hội, Phong-tri, Thượng-tinh, Tiễn-đỉnh, Kỳ-môn, Chương-môn, Trung-uyên, Tam-lý ; Tam-âm giao, Thái-xung, Thái-khê, Phục-lưu, Đại-chùy, Phong-môn, Phế-du, Mạng-môn, Dương-quang, Thận-du, Tầm-du, Tý-du, Vị-du, Khi-hải, Quang-nguyên, Nội quang, Thần-môn Tất cả đều 3 tráng.

Hiệu quả : Cứu xong các bệnh giảm nhẹ ngay.

Trị lần thứ hai, qua ngày sau : Châm Á-môn, Phong-long, Khúc-tri, Thái-xung. Nội quang, thích Trung-xung ra máu.

Cứu Khi-hải, Quang-nguyên, Trung-uyên.

Hiệu quả : Châm xong hết ra mồ hôi tiếp cứu thì toàn thân hơi nóng lại đầu hết xoay xẩm, ngày sau ăn cháo được, tim hết đập mạnh hồi hộp.

Trị lần thứ ba y như lần thứ nhất nhưng đều cứu 1 tráng. Bệnh hoàn toàn nhẹ hẳn bệnh phục như thường.

Trị bệnh bị té đầu não xoay xẩm mất ngủ.

Bệnh nhưn Anh Đường 32 tuổi hai năm trước bị té lầu, phía sau não bị động làm đau não, mất ngủ, bây giờ lại xoay xẩm, đã đi nhiều Bệnh-viện rọi kiến toàn bộ não mất cảm giác, trị đủ cả thuốc Đông Tây vô hiệu, chưa tin châm cứu có thể trị được bệnh não chỉ đến trị thử.

Trị pháp : Nhân xét bệnh này không phải não bị thương thì không phải bệnh não mà là nguyên nhân vì không ngủ được, nên não không yên, cốt trị cho ngủ được thì não yên, hư hỏa hạ thì tự nhiên đầu hết xoay xẩm.

Thủ pháp : Châm Phong-phủ tả 3 lần. Phục-lưu bổ 4 lần Tuyệt-cốt tả 2 lần bổ 2 lần, Bách-hội châm ra máu.

Hiện quả lúc châm trị đầu não nhẹ hẳn, dạ dày khỏe tinh thần vượng lại nhưng mắt ngủ vẫn còn như cũ. Ngày sau vẫn còn xoay xảm.

Trị lần thứ hai Châm trị y như trước thêm Thần-môn bổ 4 lần hiệu quả vẫn chưa ngủ được.

Trị lần thứ ba : Châm Phục-lưu Thần-môn bổ 4 lần, lần này xoay kim bỏ cần thận, châm Hiệp-cốc bên trái bổ 4 lần.

Cứu Thận-du, Quang-nguyên, Khí-hải bổ 3 trảng, Mạn-môn bổ 3 trảng. Hiệu quả Đêm ấy ngủ được 7 tiếng đồng hồ, ngày sau đầu đau nhẹ hẳn, bớt xoay xảm, mặt tươi nhuận, tinh thần hơi khỏe.

Trị lần thứ 4 : Y như trên, kết quả ngủ ngon cả 8 tiếng đồng hồ, ăn uống khỏe (bệnh như tin tưởng ngay).

Trị tiếp luôn cũng dùng y phương pháp ấy 5 lần nữa, bệnh hoàn toàn bình phục như thường.

Trị bệnh sau mỗi lần đi cầu đứng dậy xoay xảm muốn té.

Bệnh như anh Tây 26 tuổi bị bệnh mỗi lần đi cầu đứng dậy đầu xoay mất bca, muốn té, dùng rất nhiều thứ thuốc không công hiệu.

Trị pháp : Châm Phục-lưu, Phi-dương, Tam-lý, Tam-âm-giao đều bổ 4 lần Cứu Thận-du, Mạn-môn, Khí-hải, Quang-nguyên đều 3 trảng.

Kiến hiệu ngay, bệnh hoàn toàn nhẹ hẳn không tái phát.

Bổ Thận trị nhẹ già bệnh xoay xảm mặt đen.

Ông Lưu-văn-Hưng 67 tuổi, già suy yếu sắc mặt đen, thường xoay xảm mắt hoa, tim hồi hộp, hay suyễn, đêm không nằm yên được, không muốn ăn uống cho là chừng gần chết.

Trị pháp : Cứu các huyết Thận-du, Khí-hải, Quang-nguyên đều 5 trảng. Hiệu quả ngày sau các bệnh đều giảm.

Trị tiếp lần thứ hai : Cứu y như trước.

Hiệu quả ăn được bớt, suyễn, đầu hết xoay xảm nửa tháng sau càng ngày ăn càng tăng, mặt trở lại hồng hào, các chứng không còn nữa.

Trị lý : Bệnh này vì già khí suy, sắc mặt đen là bệnh Thận bại, nên trị cứu các huyết trên là cổ thận (bổ Thận-du, Khí-hải, Quang-nguyên) chuyển nguy thành an, nên trị bệnh này thành công.

IV.— CƠ NĂNG THẦN KINH BỊNH

Điên-giảng, Dương-phong, Kinh-phong, Phong-xù. Tất cả các chứng này khi phát bắc nhưc đầu, tâm thần không yên, thường thỉnh linh mất thần, té phèo nước bọt, dục rung trong mấy phút rồi co rút lần lần dịu lại hơi tỉnh hoặc có nhưc đầu, không nói mất không thấy rõ các bắp thịt (cơ nhục) run dục.

Con phát 5, 3 lần trong một ngày hay mấy ngày một lần, mấy tuần, mấy tháng hoặc cả năm có mùa phát 1 lần, không nhưc định, tất cả đều thỉnh linh xoay xảm, vật té, Chứng này trẻ con thường hay phát.

Chứng này phần nhiều bệnh do di truyền Mai độc, Ngoại thương hay trúng độc được, nhưng các chứng Ký sanh trùng trong ruột hoặc các bệnh tai, mũi cũng có dẫn phát.

Châm cứu trị bệnh này nên trị lâu dài, từ thời gian phát lần lần giảm bớt đến hết hẳn mới trừ căn.

Tùy đối chứng dùng huyết trị.

Tất cả đều dùng các huyết sau đây :

Đại-chùy, Bách-hội, Thần-đỉnh, Dũng-tuyền, Thiếu-thương, Bội tham, Gian-sử, Thân-tru, Cự-khuyết, Phong-thị, Suất-cốt, Phong-phủ, Nhơn-trung, Ấn-bạch, Đại lãng, Cưu-vỷ, Trung-uyên, Lao-cung, Thân-mạch.

Xin giới thiệu những phương trị nghiệm sau đây :

Bệnh Diên Giản thỉnh linh té, Miệng phèo bọt

Bệnh nhưc Hoàng-văn-Minh 20 tuổi chương phát thỉnh linh té ngã, bất tỉnh, miệng phèo bọt hơn nửa giờ tỉnh lại, ngày phát 2, 3 lần.

Trị pháp: Châm các huyết: Phong-phủ, Xích-trạch, Gian-sử, Thái-xung tả 4 lần bờ 6 lần. Cứu Bách-hội, Phong trị, Thương-tĩnh, Đại-chùy, Phong-môn, Phế-du, Cách-du, Tâm-du, Thận-du, Màng-môn, Chiên-trung, Kỳ-môn, Chương-môn, Khí-hải, Quang-nguyên, Tam-lý, Hoàng-khiêu, Phong-thị, Dương-lãng-tuyền, Tuyết-cốt, Thủ-túc bác phong đều 3 trảng.

Kết quả sau khi trị ngày sau phát sơ 1 lần không té, rồi tỉnh lại ngay.

Trị lần thứ hai y như trước. Kết quả về nhà sau không phát nữa và nhẹ hẳn.

Trị bệnh Diên Giản trên 10 năm

Cháu Sanh 15 tuổi bị bệnh diên giản, cơn phát, hai tay quơ, miệng lập bập, mắt trợn ngược, phèo hột miếng, cơn phát đến 6 tiếng đồng hồ lẫn lộn tỉnh lại, sau cơn phát rồi thì nhưc đầu. Bệnh phát từ lúc nhỏ nay đã 10 năm.

Trị pháp : Châm Xích-trạch, Gian-sử, Khúc-tri đều xoay bỏ 2 tả 2 lần Dương-lăng-tuyền cũng xoay bỏ 2 tả 2 lần.

Cửu Bách-hội, Phong-tri, Đại-chùy, Phong-môn, Phế-du, Tâm-du, Can-du, Tỳ-du, Thận-du, Mạn-môn, Trường-cương, Chiên-trung, Trung-uyên, Kỳ-môn, Khí hải, Quang-nguyên, Tam-lý, Tam-âm-giao, Thái-xung, Thủ-túc bác Phong, đều 3 tráng.

Trị liên tiếp 5 lần, kết quả sau hai ngày phát 1 lần, ngày sau mới phát 3 lần.

Trị lần thứ 6 Châm Phong-phủ xoay tả 3 lần, Đại-chùy, Dương-lăng, bỏ 3, tả 2 lần, Gian-sử Xích-trạch, Khúc-tri tả 2 bỏ 2 lần.

Kết quả hai ngày sau không phát.

Trị tiếp như trên đến lần thứ 9 thì sau đó phát 1 lần và kết quả như sau : thời gian phát thì cơn phát còn 3 giờ, không nữa nữa, mà phát sau rồi cũng không nữa.

Trị tiếp đến 20 ngày mới phát lại 1 lần, từ lần thứ 10 trở đi đều trị như lần thứ nhất (cả châm, cứu), lần thứ 2 cơn phát sơ nhưng còn chỉ 5 phút thì hết.

Trị tiếp hai lần nữa như lần thứ nhất, bệnh nhẹ hẳn không còn tái phát nữa.

Trị chứng Diên Giản, đầu xoay xam chân tê, rút.

Bệnh nhưn Thị Hoa 16 tuổi, bị bệnh Kinh-giản lúc sơ phát ban đầu thì phát kinh 3 lần, cơn phát mất lảo liên, miệng dục tay chân co, ngáy ngồ khờ khạo, sau 3 phút lẫn lộn tỉnh lại, chân bèn trái tê rút đi khó khăn, đầu xoay xam.

Trị pháp : Châm Xích-trạch, Dương-lăng-tuyền, Bách-hội, Trung-uyên xoay tả 3 lần. Cứu : Tỉnh-hội, Ấn-đường, Lễ-phong, Thừa-lương, Chiên-trung, Cứu-vỹ, Cự-khuyết, Thượng-Trung-Üền, Thần-khuyết, Mạn-môn, Trường-cương, Nội-Quang, Thần-môn, Tam-lý, Tam-âm-giao đều 3 tráng.

Kết quả : Sau khi châm rút kim Xích-trạch ra máu đen, sau khi châm các huyết kia xong thì đầu và chân đều giảm.

Bệnh nhưn về quê, sau 9 ngày cho biết : Sau khi về thì cách 3 ngày sau mới phát 1 lần, nhưng chỉ quơ tay sơ rồi hết, và từ đó về sau hết luôn không tái phát nữa.

Trị các chứng **Điên Cuồn Khờ Ngốc** (Ý bệnh), **Phong-giễn**.

Tùy chứng áp dụng huyết :

Thủ huyết : Pháp thứ 1) **Thủ túc thập-tuyền**, **Thủ túc Thập-kỳ**, **Thủ-túc Thập tuyết**, **Tỷ-khuru**, **Nhơn-trung**.

Pháp thứ 2 : **Đại-chùy**, **Đào-đao**, **Yêu-kỳ**, **Địa-thương**, **Giáp-xa**, **Bách-hội**, **Nghinh-hương**, **Hóa-liêu**, **Toán-trúc**, **Ấn-đường** **Thương-tinh**, **Thái-dương**.

Như khờ khạo không nói, thêm các huyết : **Hải-tuyền** ; **Liêm-tuyền**, **Kim-tân** ; **Ngọc-dịch** ; **Ấm-môn**.

Ấn-huyết : **Thập-kỳ huyết** : Tại đầu ngón tay ngón chân phía trong cách móng 1 tý (tương đương với các huyết : **Thiếu-thương**, **Thương-dương**, **Ấn-bạch**, **Lệ-đoái**). **Thập tuyết huyết** : Tại đầu ngón tay ngón chân phía ngoài cách móng 1 tý (tương đương với các huyết : **Quang-xung**, **Thiếu-xung**, **Túc-khiếu-âm**, **Chí âm**). **Thập tuyền huyết** tức tại chính giữa đầu ngón tay ngón chân. **Huyết** : **Tỷ-khuru** trong lỗ mũi phía dưới chỗ lông mũi.

Thủ pháp : Trị chứng **Điên**, **Giễn**, **Ý bệnh** thì lúc cơn phát nên dùng pháp thứ nhất. Lúc chưa phát thì dùng pháp thứ hai.

Các huyết : **Thập tuyền**, **Thập-tuyết**, **Thập kỳ** **Tỷ-khuru**, **Nhơn-trung** đều châm 3 phân ra máu, không lưu kim. (chứng nặng thì châm sâu, nhẹ thì châm cạn), **Huyết Tỷ-khuru** thì chỉ dùng 1 bên (nam tả, nữ hữu) xoay vận 3 phút đến 10 phút. **Huyết Yêu-kỳ** châm trở lên dọc theo da 2, 3 lát, các huyết khác tùy xử dụng phối hợp.

Không nói : châm **Hải-tuyền** ra máu ; **Liêm-tuyền** 2 lát, châm các huyết ở lưỡi sau sẽ châm huyết **Ấm-môn**, châm xong dạy bệnh nhưn nói.

Trị nghiệm :

1) **Anh Đạo** . . . 26 tuổi bị bệnh **Điên Cuồn**, cơn phát hành bẻ đánh đập người, leo lên mái nhà, không nói, không biết quen lạ, đại tiện táo.

Châm trị dùng các huyết : **Thập-tuyền**, **Thập-kỳ**, **Thập-tuyết** và phối hợp các huyết trên trị tinh thần. Châm trị cả thảy 12 lần bệnh nhẹ hẳn.

2.— Cô Lê thị... 22 tuổi định Dương Giảng phong khi phát tự nhiên té, hôn mê không biết gì, mặt đỏ miêng phèo bọt miếng, tay chân co rút

Châm trị : Dùng các huyết : Thập-tuyệt, Thập-tuyền, Thập-kỳ, Toàn-trúc, Nhơn-trung. Châm trị 2 lần nhẹ hẳn.

3.— Cô Ngô thị... 20 tuổi Bệnh Kinh Giảng, cơn phát té ngã, đầu cổ cứng đơ, cong lưng uốn vắn, tay chân co cúp, mắt trợn ngược, sau cơn phát ngày đêm không ngủ được, đến 9 ngày.

Châm trị : Châm các huyết Phong-phủ, Phong-trì, Ấp-phong, Thập-tuyền, Thập-tuyệt, Thập-kỳ, Nhơn-trung, Ấn-đường, Nghinh-hương, Bách-hội. Kết quả bệnh hoàn toàn nhẹ hẳn.

4.— Ông Dương văn... 56 tuổi, bị bệnh khờ khạo ngày ngớ (tạng tảo Ý bệnh) cơn phát chạy bay, mắng chưởi lung tung, 20 ngày không ngủ, lúc hết cơn ý thức như thường.

Châm trị khi cơn phát châm các huyết : Hội-âm : Tỷ-khưu, Thập-tuyệt, Thập-tuyền, Thập-kỳ. Chứng trạng giải lần về sau nhẹ hẳn.

Trị chứng Diên-Giàn đề phòng cơn phát

Bệnh thỉnh linh té, miêng phèo bọt miếng, bất tỉnh nhơn sự, một chập tỉnh lại như thường.

Trị pháp : Dùng biệt huyết. A-thị-huyết (Tại huyết Đại-chùy đo 2 bên mỗi bên 1 tắc (đồng thân thốn).

Hai bên lưng từ huyết Đại-chùy đến Trường-cường lấy tay chà trên đốt xương cho nổi đỏ lên, làm cho tại huyết Trường-cường bầm nổi lên, lấy tay đè mạnh, dùng kim Tam-lăng-châm, châm hai huyết Trường-cường ra máu, châm đến huyết Hội-dương cũng ra máu, không lưu kim.

Khi cơn giãng muốn dón phát thì trị ngay đề khỏi phát, chừng nhẹ châm trị hai lần ắt hết hẳn.

Trị nghiệm :

Em Mả 19 tuổi bệnh Giảng Chứng dùng đủ thuốc trị hoài không hết, sau dùng phương này châm trị 3 lần hết hẳn không tái phát.

Anh Vương 36 tuổi công nhơn cũng bị chứng Phong giảng phát thỉnh linh té, miêng phèo nước bọt, bất tỉnh nhơn sự, cơn phát 3 phút thì tỉnh lại như thường, ngày phát 2 lần. Dùng phương pháp này châm trị 1 lần nhẹ hẳn không tái phát rất công hiệu.

Trị bệnh Diên cuồng, Thần kinh bệnh

Bệnh thần kinh, tinh thần thất thường, hay nói xàm hoặc có khi không nói năng gì, thường khủng khiếp sợ sệt, nhưc đầu mất ngủ, hoặc có lúc hành động táo bạo.

Trị pháp : Dùng các huyệt : Tích-tru, Cảnh-chùy, Đầu bộ, Thủ-tâm. Dùng thất-linh châm, châm hai bên sống lưng, eo lưng, châm mạnh rồi châm hai bên xương cổ, đầu, lòng bàn tay, đều châm ngan dọc nhiều lần. Mỗi ngày châm 1 lần.

Trị nghiệm :

Anh Di 26 tuổi gần 1 năm bị bệnh mất ngủ, đầu xoay xảm, lại hơn vì bị kích thích tinh thần nên làm cho tinh thần thất thường, đi Bệnh viện trị gọi là bệnh thần kinh, trị 1 tháng vẫn không thuyên giảm, hiện chứng trạng, lưỡi tưa trắng, huyết áp đo 130/78, nhiệt độ 39, chỗ đốt sống lưng, 5, 7, 8, đè đau, tôi áp dụng phương pháp trị liệu này trị tiếp 5 lần, tinh thần khỏe, đau giảm, hơi ngủ được chút ít, bệnh ho hơi nhẹ, bệnh hơn không trị nữa, nhưng sau gặp gia sự vừa lòng lại phạm phát trở lại.

Đến trị lại 10 lần nữa cũng trị như trên, kết quả ngủ ngon ăn khỏe, tiếp trị thêm 5 lần nữa các chứng toàn giảm, trị thêm 5 lần nữa. cả thấy 20 lần, bệnh khỏi phục bình thường làm việc được không tái phát.

Trị các chứng Diên cuồng

1.— Bệnh Diên cuồng đánh đập người, chạy, bậy không kể gì.

Trị pháp : Dùng các huyệt : Đào-đạo, Phế-du, Cách-du, bắt đầu châm các huyệt sâu vào 1 tấc, rồi nghỉ, đẩy vào 2 phân, nghỉ, rồi đẩy sâu vào độ 1 tấc (thủ pháp thiên-địa hơn), xoay kim trước tả sau hữu, rồi xoay lại trước hữu sau tả, lưu kim 10 đến 30 phút.

Đương lúc châm trị nếu bệnh hơn muốn mửa thì để cho mửa sau sẽ rút kim. Thủ pháp này trị bệnh Diên cuồng đàm nhiều cho mửa đàm ra được là công hiệu.

2.— Bệnh Diên cuồng, cười khóc không chừng hoặc nói một mình, không ngủ.

Trị pháp : Dùng các huyệt : Túc-tam-lý, Tam âm-giao, Cự-khuyết. Châm Túc-tam-lý 2 tấc, Tam-âm-giao 2 tấc, xoay qua lại, bình hồ bệnh tả, huyệt Cự-khuyết châm sâu xiên xuống 3, 4 tấc, châm và xoay kim 1 phút, rút kim lên đẩy kim xuống 3 phân, lưu kim 10 phút.

Phương pháp này trị bệnh thần kinh rất hợp, nhưng cần phối hợp thêm các huyết: Bạch-hội, Thần-môn, Tâm-du, Cưu-vỹ, Chương-môn, Khí-hải, dùng kích thích nhẹ mỗi ngày hay cách nhật châm trị 1 lần, nên trị thời gian lâu mới hoàn toàn bình phục hẳn.

III.— Trị bệnh Diên cuồng ca khóc không chừng xé áo quần chạy càn, không biết quen thuộc, hành hạ đánh đập người ta.

Trị pháp: Dùng các huyết: Cưu-vỹ, Cự-khuyết, Thượng-uyên, phối hợp các huyết Hiệp-cốc, Ân-đường, Thượng-tinh Toàn-trúc.

Gia giảm: như người thể chất yếu thêm các huyết: Đại-chùy, Phong-môn, Đào-đạo; Phế-du, Thập tuyên.

Trị bệnh này nên nhờ người giữ cho bệnh nhân nằm ngay ngắn, yên tĩnh mới áp dụng châm.

Thủ pháp: Châm Cưu-vỹ, Cự-khuyết, Thượng-uyên đều 3 tấc, Hiệp-cốc 1 tấc rưỡi, Ân-đường, Thượng-tinh, Toàn-trúc 5 phân bình bổ bình tả, lưu kim từ 2 giờ đến 9 giờ (tùy bệnh án thời gian). Tùy bệnh hoặc 1 ngày châm trị 1 lần, hoặc 2, 3 ngày 1 lần.

Người yếu thì tùy bộ phận các huyết phối hợp thay phiên dùng.

Bệnh này nên cử ăn gà, cá và đừng làm xúc động.

Phương thức này đã áp dụng trị 30 người đều hoàn toàn nhẹ hẳn, có bệnh chỉ châm trị 1, 2 lần, có bệnh 4, 5 lần là cùng, các chứng nặng nên kiên trì châm trịắt có công hiệu.

IV.— Trị bệnh Diên cuồng tình thần bất thường, tự nói một mình, nói bậy bạ, khi khóc khi cười, ngày đêm không ngủ.

Trị pháp: Dùng các huyết, Đởm-du, Tâm-du, Tỳ-du, Phong-môn, Cưu-vỹ. Như ăn uống không được thêm Trung-uyên, Túc-tam-lý.

Không ngủ được thêm Thần-môn, Bạch-hội.

Thủ pháp: Trước châm Đởm-du, (đầu kim xoay ra) 8 phân, châm Phong-môn, lần lần xoay đầy kim vào 3 tấc sau châm Cưu-vỹ (đầu kim xoay trở xuống) 1 tấc, châm Túc-tam-lý 1 tấc. Tất cả các huyết đều lưu kim 20 phút. Sau rút kim rồi cứu các huyết: Tâm-du, Tỳ-du, Thần-môn đều 20 trắn (các huyết này không châm).

Cách 3 ngày châm cứu trị một lần, cứ 3 lần là một liệu trình.

Trẻ em dưới 19 tuổi bị bệnh này dùng phương thuật này rất mau kiến hiệu.

V.— Trị bệnh Diên cuồng tình thần thổ loạn không biết quen lạ, xé áo quần chạy càn bậy bạ.

Trị pháp : Dùng các huyết : Hiệp-cốc, Nhơn-trung, Tinh-minh, Bách-hội, A-thị-huyết, Cách-du, Trường-cường, Túc-tam-lý, Côn-lôn, Thượng-uyên, Can-du. (A-thị-huyết tại 2 bên huyết Đại-chùy đo ra 1 tấc).

Thủ pháp : Châm huyết Hiệp-cốc, 3 đến 5 phân, Nhơn-trung châm xoay trở lên 3 phân, Tinh-minh 3 phân, Bách-hội châm xoay ra sau 3 phân : A-thị-huyết châm trở xuống 1 tấc, Cách-du, Can-du đều châm trở xuống 8 phân, Trường-cường châm dọc theo da trở lên 1 tấc, Túc-tam-lý châm vào 5, 6 phân. Côn-lôn 8 phân Thượng-uyên 1 tấc, các huyết đều xoay vận mạnh, lưu kim 1 giờ, như châm sau rồi mà bệnh nhơn chưa tỉnh thì rút kim rồi cứu tại huyết Cách-du và Can-du, cứu đến bệnh nhơn ra mồ hôi và lay động thì thôi.

Thủ pháp này lần đầu nên cách 1 ngày châm trị 1 lần, nếu chứng hơi giảm cứ cách nhật châm trị một thời gian, sau cứ từ 3 đến 7 ngày châm trị 1 lần. Mỗi lần châm rồi nên cho uống thuốc Hoàn Ngưu-hoàn Thanh-tâm-hoàn thì bệnh mau nhẹ. (Ngưu-hoàn Thanh-tâm các tiệm thuốc có bán).

Phương này của Châm-sư Dư-phong giới thiệu đã trị 500 người kết quả 300 người đều hoàn toàn hết hẳn.

Trị chứng Kinh giản thỉnh linh tinh thần hôn loạn

Ông Sanh 50 tuổi tự nhiên tinh thần hôn loạn, đem đến Tây-y trị không công hiệu đem lại nhờ Châm cứu trị, nhận thấy bệnh mất đồ ngàu, không có Thần sắc, tinh thần hôn mê không biết gì, mạch nhảy mạnh (hồng huyệt), chứng này thuộc thiệt chứng

Trị pháp : châm Thiếu-thương, Trung-xung nặng ra máu 3 giọt, Hiệp-cốc, Thần-môn, Nội-quang, Thủy-cửu, Túc-tam-lý, kích thích mạnh.

Kết quả tinh thần an tỉnh bớt bức rức mạch bớt nhảy mạnh nữa.

Trị tiếp lần thứ 2 Châm Lệ-đoài ra máu 1 giọt, Hiệp-cốc, Thần-môn, Nội-quang, Đại-chùy, Trung-uyên, Túc-tam-lý cũng kích thích mạnh.

Trị lần thứ 3 ngày sau, bệnh mạch đã nhảy thường độ, tinh thần hơi bớt. Châm Thần-môn, Nội-quang, Đại-chùy, Túc-tam-lý cũng kích thích mạnh.

Trị lần thứ 4. Hôm nay mắt còn đỏ. Châm Hiệp-cốc, Nội-quang, Thủy-cửu, Đại-chùy, Ngưu-yếu, Túc-tam-lý kích thích mạnh.

Trị lần thứ 5. Châm Thần-môn, Túc-tam-lý kích thích mạnh.

Trị lần thứ 6. Hôm nay mắt hơi vàng trở lại. Châm Hiệp-cốc, Thần-môn, Nội-quang, Tinh-minh, Ấu-đường, Đại-chùy, Túc-tam-lý kích thích mạnh.

Trị lần thứ 7 châm Thần-môn, Túc-tam-lý, Trung-uyên, Hiệp-cốc, Đại-chùy, Thận-du, Đại-lăng, kích thích trung độ. Liên tiếp y như thế trị 7 lần nữa cả thấy 14 ngày bệnh hết hẳn bình phục như thường.

Chú ý : Trị bệnh này đoán đúng bệnh thuộc Thiết chứng nên trị dùng tả pháp châm kích thích mạnh nên bệnh lần lần hết hẳn.

Trị bệnh Kinh giản ban đêm

Bà Hoa bệnh ban đêm phát Kinh giản đã 20 năm nay uống thuốc Đông-y lâu không dứt, có khi cách 1 tháng phát 1 lần rất khổ sở, đến nhờ châm trị.

Trị pháp : Châm Đại-lăng, Thần-môn, Hậu-khê, Gian-sử, Chiếu-hải, Thủy-cầu, Cừ-vỹ, Cứu Bách-hội, Thần-dinh, Trung-uyên, Phế-du, Tỳ-du, Côn-lôn, Dũng-tuyền. Chỉ trị 1 lần về nhà không phát nữa, đến 5 tháng sau cho biết dứt hẳn không phát lần nào cả. (Trị bệnh này chỉ châm cứu trị 1 lần kết quả thật ngoài ý định.

Trị các chứng bệnh Dương-giảng phong (Phong-xù).

I.— Bệnh kinh giảng thỉnh linh té, hôn, mê, miệng phèo nước bọt, tay chân co rút.

Trị pháp : Dùng các huyệt : Bách-hội, Cự-khuyết, Thần-môn, Hiệp-cốc, Yêu-kỳ, Thái-xung.

Các huyệt phối hợp : Phong-tri, Thái-dương, Thượng-tinh, Khúc-tri, Thông-lý, Phong-long, Hành-gian, Chiếu-hải, Thân-mạch, Đại-chùy, Dũng-tuyền, Tâm-du, Can-du, Thượng-uyên, Nội-quang.

Cách phối hợp : Mỗi lần dùng chủ huyệt ít và phối hợp huyệt tùy thay đổi xử dụng. Vì như Dùng các huyệt Cự-khuyết Cừ-vỹ, Thượng-uyên, mỗi lần 1 huyệt, các huyệt Thần-môn và Thông-lý, Hành-gian và Thái-xung, Bách-hội và Thượng-tinh tùy thay đổi xử dụng.

Như thân sốt làm phiền táo dùng các huyệt : Đại-chùy, Nội-quang, Dũng-tuyền, khi cơn phát cũng cần dùng ba huyệt này.

Đàm nhiều khô khè thêm huyệt Phong-long.

Ban đêm phát thêm huyết Chiếu-hải, Ban ngày phát thêm huyết Thân-mạch.

Không ngừng dùng thêm huyết: Thân-môn, Nội-quang, Túc-tam-lý. Thường thêm cứu huyết Ấn-đường.

Thủ pháp: Chứng phiền táo bức rức tức chứng Thiết dùng các huyết: Đại-chùy, Dũng-tuyền, Thông-lý tả pháp.

Người hư yếu thuộc chứng Hư dùng bổ pháp và dùng ít huyết, thủ pháp nhẹ và thời gian lưu kim mau hơn, ngoài ra tất cả đều dùng thủ pháp bình bổ bình tả.

Huyết Cự khuyết, Cưu-vỹ châm trở xuống, trừ huyết Yếu-ký châm sâu xiên theo da ra ngoài 3 tấc, các huyết khác châm vào rồi đều lặn kim từ 20 phút đến 1 giờ.

Mỗi ngày châm trị 1 lần hay cách nhật châm trị 1 lần, châm trị 10 lần là một liệu-trình.

Chú ý: Trong lúc trị nên cho nghỉ ngơi, không nên quá lao碌, nên tiết dục và giữ gìn yên tĩnh đừng quá kích thích. Phương thuật này đều dùng trị trong một liệu trình thì bệnh thuyên giảm nhiều, từ 2 đến 3 liệu trình bệnh hoàn toàn hết hẳn.

Trị nghiệm: I.—Cháu Huyền 18 tuổi từ hồi 3, 4 tuổi đã bị chứng Kinh giãn phát không nhứt định, thường sợ sệt, mặt đỏ, mắt xem vật gì cũng không rõ, dùng đủ các thứ thuốc không kiến hiệu. Sau áp dụng trị phương pháp này, các chứng giảm nhẹ, châm trị thời gian 16 lần, trong khi trị thì chỉ phát 1 lần. Tiếp tục châm trị đến 31 lần bệnh hoàn toàn bình phục đến nay 18 tuổi không tái phát.

2.—Anh Vũ 39 tuổi 7 năm trước bị chứng Phong kinh giãn, phát không nhứt định thường làm đau đầu, chóng mặt, tay chân tê đơ dùng phương này trị mỗi ngày 1 lần các chứng đều giảm nhẹ châm trị đến 11 lần, vì ăn uống không cử kiền nên trở lại phát 1 lần. Tiếp tục châm trị thêm đến 28 lần bệnh hết hẳn không tái phát.

II.—Bệnh Kinh giãn thành linh hôn mê, thần thức mất, tay chân co rút sau tỉnh lại như thường.

Trị pháp: Dùng các huyết: Bách-hội, Côn-lôn, Hiệp-cốc, Giáp-xa, Địa-thương. Cách gia giảm như hai mặt xềch, thêm Tư-trúc-không, lười đơ không nên thêm Nhâm-trung, Chên-trung, Âm-môn, Trung-xung.

Thủ pháp : Châm Bách-hội 2 phân, Côn-lôn 6 phân, Hiệp-cốc 3 tất (xuyên kim gần đến huyết Lao-cùng), rồi tiếp châm Địa-thương, Giáp-xa 3 phân dùng tả pháp, huyết Tư-trúc-không châm dọc theo đ. mý mắt 5 phân, Nhơn-trung châm trở lên, 3,5 phân Chiên-trung, châm 3 phân, Á-môn 4 phân Trung-xung 2,3, phân lưu kim 30 phút.

Châm trị cách 1 ngày 1 lần, châm trị 2,3, lần ắt hết hẳn.

Trị nghiệm : 1.— Cô Lê thi... 26 tuổi bị bệnh kinh giãn cơn phát thần tri hôn mê bất tỉnh, hai mắt xếch, răng cắn cứng, lưỡi đơ tay chơn co rút. Áp dụng phương thuật này châm trị 1 lần hết hẳn.

2.— Cô Đỗ thị... 40 tuổi Kinh giãn cơn phát thần tri hôn mê bất tỉnh hàm răng cứng tay chân co rút hai mắt xếch.

Dùng châm trị các huyết Bách-hội, Côn-lôn, Hiệp-cốc, Giáp-xa, Địa-thương, Á-môn, Tư-trúc-không, thủ thuật như trên bình bổ bình tả. Châm trị 2 lần hết hẳn.

III — Dùng Đơn huyết Trường-cường trị bệnh Kinh-giãn.

Các chứng bệnh Kinh giãn thỉnh linh hôn mê, tay chân co rút mắt trực thị hay xếch, miệng răng cắn chặt lưng uốn cồng (đốc cung phản trương), hoặc mắt miệng xéo một bên cắn lưỡi, trong cổ kéo khô khè, miệng phèo nước bọt, cơn phát từ 5 đến 20 phút mới tỉnh, khi tỉnh lại ăn uống như thường, cơn phát không nhứt định.

Áp dụng huyết Trường-cường.

Cách trị : Để bệnh nhơn nằm, hai chân co vào bụng, ấn tại xương đi đến giang-môn chỗ giữa có sưng đó là dùng huyết Trường-cường.

Ấn tại huyết dòng Tam-lăng châm, châm ngay tại huyết và xung quanh trên dưới tả hữu (làm dấu chữ thập), châm xung quanh và ngay huyết lấy tay đè ép nặng ra máu, nếu chưa ra thì châm lại.

Cứ 7 ngày châm trị 1 lần, Châm 10 lần là một liệu trình, hắc đều trị trong 1 tháng nếu chưa nhẹ phải trị tiếp, thường châm trị trong 3 lần là kiến hiệu.

Phương này đã áp dụng trị 30 người kiến hiệu, nhưng cốt trong lúc trị nên khuyên bệnh nhơn rón theo đúng thời hạn và chịu nhẫn nại đúng thời gian như thế thì tất cả đều hoàn toàn kết quả.

V.— Ý BỊNH (KHỜ KHẠO SI NGỐC)

Ý bịnh tức là chứng khờ khạo, si ngốc.

Châm cứu trị bịnh này lúc không phát cơn dùng các huyệt ở lưng, bụng, và tay chân kích thích nhẹ để làm vượng phát thần kinh, nếu đương cơn phát như sự sệt tợ như cuồn, nhưng không phát nặng, cũng không phải hoàn toàn bất tỉnh, mà hoặc khóc, hay cười, ca hát hay ngồi đứng không yên, hoặc ngồi 1 chỗ mất tỉnh thần sự sệt không chừng.

Trị pháp : Châm các huyệt : Nhơ-trung, Dương-khê, Liệt-khuyết, Đại-lăng, Thần-môn. Nếu ngay ngớ quá, Cứu Thiếu-thương, Tâm-du, Châm Thần-môn, Dũng-tuyền, Trung-uyên.

Thường hay sâu muện Cứu Bách-hội, Đại-lăng, Châm Nhơ-trung, Giáp-xa. Dưới đây là phương trị kinh nghiệm :

Trị bịnh si ngốc tỉnh thần thất thường cười khóc không chừng ra mồ hôi lạnh.

Trị pháp : Dùng biệt huyết : Phong-nham (nằm ngang huyệt Ế-phong và huyệt Phong-tri, sau Ế-phong 2 tấc).

Thủ pháp : Châm huyệt Phong-nham sâu vào 2 tấc (châm thẳng) khi biết tê rần thì lưu kim.

Chú ý : Huyệt này thuộc kinh Thái-dương Đớn kinh nằm tại sau Châm cốt thuộc Thần kinh não, khi châm phải đề đặt vì sợ phạm Não mạc.

Trị nghiệm : 1.— Anh Mạnh 24 tuổi bịnh phát sanh cười nói, khóc vô chừng đánh đập người, châm trị dùng huyệt ngày bịnh hết hẳn.

2.— Cô Lương 25 tuổi tự nhiên khóc ngắt hết hơi bế tắc (khí bế) Châm trị dùng huyệt này hết hẳn.

Trị bịnh không kịu ca khóc vô chừng.

Trị pháp : Dùng các huyệt : Thiên-linh huyệt, (biệt huyết, nằm phía trên nách, trên lằn chỉ 1 tấc đo 5 phân), Cứu-vỹ, Nhơ-trung, Phong-nham huyệt.

Thủ pháp : Châm huyệt Thiên-linh theo lằn da châm xiên xuống. Châm huyệt Cứu-vỹ xiên xuống Trung-uyên 7 phân, Châm Nhơ-trung kim xoay trở lên 3 phân. Châm Phong-nham thẳng vào 2 tấc, xoay vận kim rồi lưu kim 30 đến 60 phút.

Áp dụng phương này châm trị 1 lần hết bịnh như yên tỉnh ngay.

Trị Ý bệnh thần kinh kích thích làm tinh thần hỗn loạn, cười khóc không chừng, hoặc làm hôn mê

Trị pháp : Dùng Thất-tinh châm kích thích hai bên từ cổ đến sống lưng, hai bên hông và chỗ eo thắt lưng, không nên làm cho ra máu. Mỗi ngày châm trị 1 lần.

Trị nghiệm : 1.— Cô Đào, học sinh 19 tuổi bình thường hay nhưc đầu hôn mê, bệnh gần 5 tháng thường phát luôn mấy lần không thể dùng nỗ lực học hành gì được, khi nằm ngủ thì sợ sệt không yên, bụng cứng hay đau, ăn uống không biết ngon, đại tiện như thường. Kinh nguyệt có từ hồi 13 tuổi mỗi lần từ 25 ngày đến 30 ngày, mỗi lần có kinh 2, 3 ngày đau bụng, có Bạch đới hạ, đến Bệnh viện chẩn trị cho biết thuộc về bệnh Thần kinh (Quang năng thần kinh bệnh),

Bắt đầu đến châm trị, hiện nhiệt độ đo 37, hai bên sống lưng hơi mỏi, từ đốt sống lưng thứ 5 đến thứ 8 [có chỗ đè đau, (thuộc tạng tảo Ý bệnh).

Áp dụng phương thức này dùng Thất-tinh-châm kích thích hai bên lưng từ cổ đến xương sống lưng thứ 5 và thứ 8, chỗ thắt lưng và hai bên hông.

Trị lần thứ nhất giảm bớt nhất đầu, tiếp trị 3 lần nữa, ngủ yên được tiếp tục trị luôn đến 6 lần, hết nhưc đầu xoay xảm, bời hôn mê, trị luôn 2 lần nữa (cả thảy 8 lần) bệnh hoàn toàn hết hẳn.

2.— Bà Ngô 44 tuổi, 6 năm gần đây bị bệnh nhưc đầu xoay xảm, tim hồi hộp khó ngủ, có lúc hôn mê, bất tỉnh nhưn sự, mỗi lần phát 2, 3, giờ có khi 10 ngày hay 1 tháng phát 1 lần đến Bệnh viện trị không có hiệu quả. Gần đây cứ 10 ngày phát 1 lần, tim phiền táo bức rức, không muốn ăn uống gì, đại tiện lỏng, thường đau bụng hai bên đùi về hơi sưng kinh nguyệt không đều chỗ lỏng hai bên xương sống thứ 5 và 10 có chỗ đè đau, hai bên cổ cũng sưng.

Trị pháp : Dùng Thất-tinh châm, châm 2 bên cổ, hai bên hông, chỗ eo lưng thẳng xuống hai bên mông.

Trị hai lần hết hôn mê, đến 10 lần các chứng giảm, tiếp trị hai tuần nhưt bệnh nhẹ hẳn. Nhưng vì bệnh lâu, người hư nhược nên châm thêm các huyệt Nội-quang 1 tắc, Thần-môn 3 phân, Thái-xung 3 phân, Châm tả lưu kim 20 phút, chỉ châm 1 lần bệnh hết hẳn không tái phát.

Trị bệnh thần trí không minh mẫn, cười khóc bất thường, chân run dục, hôn mê.

Trị pháp : Lần thứ nhất dùng các huyệt : Hiệp-cốc, Phong-phủ, Thần-môn, Gian-sử.

Lần thứ hai dùng các huyệt : Khúc-tri, Nội-quang, Túc-tam-lý, Dương-lăng-tuyền, Tam-âm-giao, Trung-uyên, Thiên-xu, Khí-hải.

Thủ pháp : Khi cơn phát dùng pháp trị thứ nhất, lúc hết bệnh dùng pháp trị thứ hai hoặc cả hai trị liệu.

Khi cơn phát châm huyệt : Hiệp-cốc, từ 7 phân đến 1 tấc, Phong-phủ 1 tấc, Thần-môn 5 phân, mỗi huyệt xoay vận kim 3, 5, phút rút kim.

Khi bình thường châm huyệt : Khúc-tri 1 tấc 5 phân, Nội-quang 5 phân, Túc-tam-lý 5 phân, 1 tấc, Tam-âm-giao 5 phân đến 8 phân, Trung-uyên 1 tấc, 2 tấc, Thiên-xu 5 phân 1 tấc, Khí-hải châm 1 tấc, bình bổ bình tả lưu kim 5 phút. Cách 2 hay 3 ngày châm trị 1 lần.

Trị bệnh thần kinh cười khóc vô chừng, nói năng hôn loạn, hoặc tự nhiên hôn mê, bất tỉnh khi phát khi tỉnh.

Trị pháp : Dùng các huyệt : Bách-hội, Nhôn-trung, Thừa-tương, Lao-cung, Thiếu-thương, Ấn-đường, Khí-hải, Trung-uyên, Ấn-bạch, Hiệp-cốc, Phong-phủ, Thượng-linh, Túc-tam-lý, chứng phát nặng, thêm Hội-âm.

Thủ pháp : Châm Bách-hội hướng kim ra phía trước 3 phân, Thừa-tương châm hướng lên 3, 5 phân, Thiếu-thương 1 phân, Lao-cung 3 phân, Ấn-đường 1 phân, Khí-hải 8 phân, 1 tấc, Trung-uyên 1, 2 tấc, Ấn-bạch 1, 2 phân, Hiệp-cốc 3, 7 phân, Thượng-linh hướng ra sau 3, 4 phân như chứng nặng châm Hội-âm 3 tấc, các huyệt Nhôn-trung, Thừa-tương châm rồi kích thích mạnh các huyệt khác châm kích thích nhẹ, lưu kim 30 phút, huyệt Khí-hải châm bổ. Cách 1 ngày châm trị 1 lần, châm trị 6, 7 lần bệnh nhẹ hẳn.

Trị nghiệm : Có Trương 26 tuổi hai năm trước phát bệnh đến nay trị đủ cách không công hiệu, hiện chứng trạng nói năng hôn loạn, có khi hôn mê bất tỉnh, ngày phát 1 lần có khi 2, 3 lần.

Châm trị dùng các pháp trị 3 lần không công hiệu, sau dùng phương pháp này trước châm bộ phận đầu đến tay chân, rồi châm luôn Hội-âm (châm 3 tấc) và châm Khí-hải 2 tấc rồi, tất cả đều châm

lưu kim 20 phút bình nhưn tỉnh lại, rút kim, các chứng đều hết và nhẹ hẳn. Sau 2 năm nay không tái phát.

Trị bệnh tinh thần cười nói không chừng, hoặc ca hoặc múa, phiên tảo không muốn ăn.

Trị pháp : Dùng các huyết : Gian-sử, Thương-cự-hư, Trung-uyên, Thần-môn, Nhôn-trung.

Thủ pháp : Châm Gian-sử 1 tấc, Thương-cự-hư 2 tấc, Trung-uyên 3 tấc Thần-môn 2 phân, Nhôn-trung 1, 3 phân châm mạnh lưu kim 2 giờ đến 4 giờ trong lúc lưu kim nên để cho bệnh nhưn yên tỉnh đừng làm kinh động.

Trị nghiệm : Cô Tú 18 tuổi, làm lao động ban đầu mới phát tim hồi hộp, rồi hôn mê té ngã, tỉnh rồi cười khóc lung tung ca hát không dứt.

Dùng phương này châm trị, khi châm kim vào Cô Ấy yên tỉnh mê ngủ, lưu kim 3 giờ đồng hồ sau tỉnh lại, toàn thân nhẹ nhàng không cảm giác gì cả nhưng lần lần khỏe. Chỉ châm trị 1 lần bệnh hết hẳn.

Trị chứng kinh giãn khờ khạo, tim hồi hộp, tay chân quơ múa, hay lạnh khuyết, không nói năng gì hay nói tiếng một.

Trị pháp : Dùng các huyết : Nội-quang, Nhôn-trung, Bách-hội.

Thủ-pháp : Châm huyết Nội-quang 5 phân, xoay vận 1 phút, Châm huyết Nhôn-trung 2,3 phân, huyết Bách-hội dọc theo da 5 phân xoay nhẹ 1 phút lưu kim 20 phút.

Trị nghiệm : Phương này đã trị các bệnh Không khiêu trên 30' người. Diễn hình 2 bệnh sau đây :

1.— Cô Tôn 20 tuổi tháng hai năm nay thỉnh thoảng cảm giác người khó chịu, sau phát hôn mê, tay chân khuyết lạnh, mạch nhẩy nhỏ dùng châm cứu trị và uống thuốc không công hiệu. Sau dùng phương này, khi châm huyết Nội-quang lập tức tỉnh lại hết đực tay chân, mạch hồi phục, nói năng được, lưu kim trong giây lát rồi xoay kim và lưu lại 20 phút, bệnh hoàn toàn hết, về sau nhẹ hẳn.

2.— Cô Tư 41 tuổi, thỉnh thoảng đi ngoài đường ca hát rồi hôn mê luôn không nói năng gì, dùng phương này châm trị bệnh tỉnh lại sau cũng hết hẳn.

Trị chứng Ý bệnh thất ngữ, bệnh mất ý thức không biết gì, không nói năng gì, đại tiểu tiện có khi không biết.

Trị pháp : Dùng các huyết : Trung-xung, Gian-sử, (chủ huyết) và phối hợp các huyết Nhơn-trung, Can-du, Tâm-du, Túc-tam-lý, Trung-uyên.

Thủ pháp : Châm huyết Trung-xung ra máu, huyết Gian-sử châm 5 phân xoay mạnh làm cho bệnh nhơn tỉnh, Châm huyết Nhơn-trung 2, 3 phân Can-du 3, 5 phân. Tâm-du 3 phân, Trung-uyên 1 tấc, trừ các huyết chủ yếu còn các huyết kia đều lưu kim 25, 30 phút.

Phương pháp này rất công hiệu đã trị nhiều bệnh có kết quả hoàn toàn.

Chú ý : Bệnh Tạng tảo Ý-bệnh là do Đại não bị chất phát bệnh nên trị bệnh này cần làm cho tinh-thần an tĩnh, khỏi thương tổn, bệnh này rất phức tạp, dùng châm cứu trị nên tùy chứng áp dụng các phương pháp, nhưng bệnh đau thể chất, thể nào cũng là chứng Thiệt, nên áp dụng thủ thuật mạnh (kích thích mạnh) là để tả Thục tam cho thần kinh thông đạt đến bệnh sở thì mới đạt đến Đại-não bị chất mới có thể làm cho thần kinh bị tổn hại được điều hòa hưng khởi lại thì các chứng trạng mới giải được, nên khi trị bệnh này cần chú ý làm cho cường tráng mới đạt đến mục đích trị liệu.

Phụ trị chứng Sĩ ngốc kim bại bán thân (Ý-bệnh tánh nan hoán)

Huyết chủ yếu : Thiên-linh-huyết, Âm-ủy-huyết, Túc-tam-lý, phối hợp các huyết : Ủy-trung, Thừa-sơn, Côn-lôn, Thừa-phò, Hoàn-khiêu (trị chân bại). Như tay bại phối hợp các huyết : Khúc-tri, Nội-quang, Hiệp-cốc như thất ngữ phối hợp các huyết : Đại-chủy, Đào-đạo.

Thủ pháp : Thiên-linh-huyết (biệt huyết) phía trên lẳng chỉ nách (cách lẳng chỉ nách độ 1 tấc) đo ra 5 phân.

Âm-ủy-huyết (biệt huyết). Trên huyết Khúc-tuyền 1 tấc, ngoài khớp đầu gối 1 tấc. Châm hai huyết này nên chú ý :

Tay trái ấn tại huyết, ngón cái, ngón trỏ và ngón giữa tay mặt cầm cán kim định châm vào huyết mới đâm vào 4,5 tấc, một ngón tay giữ kim đâm vào cho đứng rồi tận lực xoay vận kim, như bệnh như cảm giác đau đớn lắm nên an ủi họ rán chịu mới kết quả.

Khi châm vào xong rồi bảo bệnh nhơn tự cử động duỗi tay chân, nếu một lần không đạt được mục đích thì lần sau đề năm, lưu kim 10

phối—ững xoay chuyển kim và bảo bình như tự vận động tay chân, nếu vận động được ấy là đạt được mục đích mới thôi, không châm nữa. Nếu bệnh như vì nằm quá lâu có thể suy nhược, 1 lần châm trị không kết quả thì nên ấn định thời gian châm trị nhiều lần không nên chán nản. Ban đầu mới châm trị nên dùng huyết Thiên-linh-huyết làm chủ cách một ngày châm trị 1 lần, nếu chứng trạng có hơi thuyên giảm thì bảo bình như nên vận động tay chân đi đứng như cảm giác té ấy là có kiến hiệu, và nên phối hợp các huyết khác châm trị.

1.— Trong khi châm trị nên chú ý phản ứng, bảo bình như lúc châm không nên quá sợ sệt làm lay động.

2.— Khi đẩy kim vào cũng nên xem xét hình như sắc mặt có biến đổi gì, nếu hơi xanh mét thì cho bệnh như nằm nghỉ.

3.— Trước khi châm nên kiểm tra xem xét nhiệt độ bệnh như, như quá 38 độ hoặc cơ thể quá suy yếu, hay có bệnh đau tim, bệnh lao phổi, bệnh đau gan, đau thận hoặc Trung-khu thần-kinh bị bệnh thì không nên châm.

4.— Lúc châm nên cẩn thận không nên làm thương hại huyết quản.

5.— Châm rồi nên cần nghỉ dưỡng và nên giúp bệnh như vận động tay chân, Châm huyết Túc-tam-lý phối hợp thì châm sâu 3 tấc.

Chú ý : Phối hợp các huyết : Như bộ phận dưới thì phối hợp các huyết ở chân, như ở bộ phận trên thì phối hợp với các huyết ở tay (đều dùng phía bên bại) và áp dụng thủ pháp kích thích mạnh, như hai huyết Đại-chùy và Đào-đạo nên kích thích nhẹ.

Trị nghiệm: Đơn cử hai bệnh sau đây :

1.— Anh Vương-văn-Lực 25 tuổi đã có vợ, bị bệnh Ngay ngực (Ý bệnh) lại thêm bại chân trái.

Hiện chứng trạng : Bệnh như trước 9 năm bệnh đan dái và bụng dưới đau, sau lần lần chân bên trái vận động khó chịu, sau phát không duỗi ra được, thở mệt mỏi, ho, ăn uống không biết ngon, cả ngày nằm không hành động gì được, đã đi Bệnh-viện trị và kê cả dùng thuốc và châm cứu đã 4 năm, bệnh chỉ hơi đỡ không dứt, nay đến nhờ xem mạch châm trị.

Hiện bệnh như sắc mặt xanh mét người ốm gầy có trạng thái thiếu máu hơi thở và nhiệt độ thường, chỉ chân bên trái không vận động được như ý vì đã co lâu nên thành tật co duỗi khó khăn, cơ

nhục như co rút, bên trái suy giảm nhiều, nhưng cho biết rồi kiến không thấy bệnh gì, về tinh thần thì bệnh như biểu hiện sâu khổ bi quan, thất vọng, nên người lờ đờ không phấn khởi, trí lực rất mờ ám tối tăm không thiết đến sự gì cả, hàng ngày nằm trên giường, ăn uống đại tiểu tiện gì cũng nhờ người khác giúp đỡ.

Bắt đầu châm trị dùng phương pháp trên đây trị 2 lần đầu thì chân vận động hơi được, hy vọng có hiệu quả, tiếp tục trị 5 lần các chứng đều thuyên giảm, tất cả khôi phục bình thường, tinh thần sảng khoái lại và bình phục hẳn, hiện nay không tái phát.

2.— Anh Lý Đệ 33 tuổi đến trị chẩn đoán cũng thuộc Ý bệnh và hai chân bại. Hiện bệnh : Bệnh như 5 năm trước thường bị bệnh nhức đầu đông, lưng đau đùi đau ý thức không còn vui vẻ, lần lần phát toàn thân co rút (lúc gọi phong rút) tay chân lạnh, hai chân co cúp không duỗi thẳng được, hằng ngày dùng hai tay vịn vịn lần lần đi xiêu vẹo, đã trị đủ các phương không kiến hiệu.

Hiện bệnh thần khí còn khá, sắc diện không có gì thay đổi, người thể chất, phủ tạng thuộc âm lạnh, nhưng nhiệt độ cũng thường, chỉ hai chân lạnh co rút, nửa thân dưới tê liệt, cảm giác mất nhiều vì thần kinh mất điều hóa nên vận động khó khăn và vì bệnh lâu đã vịn và đi đứng như thế 2,3 năm nên gân liệt yếu.

Bắt đầu châm trị cũng áp dụng phương pháp trên này châm trị 1 lần thì vịn vịn đi mạnh dạn, hai giờ hoạt động co duỗi được, châm trị tiếp lần thứ hai thì hành động đi đứng được như thường, tinh thần sảng khoái như người thường lại vui vẻ phấn khởi. Bệnh này chỉ châm trị 2 lần mà kết quả lạ thường, người bình phục hẳn về sau không tái phát chứng gì cả.

Phụ chú : Theo lời giới thiệu dùng 2 huyết « biệt huyết » này là làm cho các gân và thần-kinh khôi phục lại nên trị bệnh rất thần tốc và cũng áp dụng phương pháp này trị bệnh tương tự như trên hơn 10 người đều công hiệu, vậy xin ghi vào để tiện tham khảo.

VI.— THẦN KINH SUY NHƯỢC

Bệnh này do công việc làm hay hoàn cảnh, thể chất suy yếu dùng não lực nhiều nên bị bệnh, thường bệnh như từ 20 đến 50 tuổi hay phát bệnh đây đưa làm sức đề kháng cơ thể suy giảm, nên dễ bị cảm mạo, bệnh thường hay mất ngủ, hay mộng mị chiêm bao, hay nhức đầu, xoay xẩm, đau lưng, đau vai, da thịt như có vật gì rọ ray, hay bức

rực khó chịu, tinh thần khi thì phấn khởi khi thì mê mệt, mắt trông thấy kém, ký ức giảm, tim hay đập, sắc mặt khi đỏ bừng khi mê xanh, tay chân thường lạnh, ăn không tiêu, đại tiện táo bí hoặc làm kiết, di tinh, tảo tiết, hay đi tiểu.

Châm cứu trị bệnh này rất công hiệu.

Dùng các huyệt : Thần-môn, Túc-tam-lý, Bách-hội, Tam-âm-giao, Hiệp-cốc, Quang-nguyên, Hành-gian, Nội-quang, Trung-cực, Cao-hoan, Phế-du, Đại-chùy, Mệnh-môn. Tùy cảnh huống thể chất căn bệnh mà áp dụng huyệt, và cũng cần thêm sự ăn uống điều dưỡng.

Trị bệnh thần kinh suy nhược, Hư tổn.

Bệnh này cũng thường gọi chứng Hư tổn thường phát đầu xoay xẩm đau nhức, sợ sệt (âm úy) mất ngủ, di tinh, hay quên ăn uống không biết ngon.

Trị pháp : Dùng các huyệt : Nội-quang, Trung-uyên, Túc-tam-lý, Tam-âm-giao, Thần-môn, Quang-nguyên, Khí-hải, Bách-hội, Thái-dương.

Thủ pháp : Châm huyệt Nội-quang 5 phân, Trung-uyên 1 tấc, Túc-tam-lý 1 tấc rưỡi, Tam-âm-giao 5, 8 phân, Thần-môn 3 phân, Khí-hải 8 phân, có nhức đầu châm Bách-hội (mũi kim ra sau) 3 phân, Thái-dương 3 phân, dùng pháp bình bổ bình tả lưu kim 15, 20 phút. Huyệt Quang-nguyên thêm cứu 5 phút. Cách một ngày châm cứu trị 1 lần.

Phương này đã kinh trị trên 10 người có hiệu quả đến 90% bệnh thường không có khiếm chứng gì thì mau công hiệu.

Trị Bệnh Thần kinh suy nhược Kinh úy, Chính xung (hồi hợp sợ sệt), hay quên mất ngủ, mê mệt vô lực ăn uống kém khi làm việc gì dùng não thì phát nức : đầu :

Trị pháp : Dùng các huyệt : Bách-hội, Đầu-duy, Phong-trì, Hiệp-cốc, Thận-du, Túc-tam-lý.

Gia giảm : Nhức đầu phiền táo bất an, lười đờ thêm các huyệt Thái-dương, Toán-trúc, Thần-môn, Gian-sử.

Sợ sệt hồi hợp mất ngủ, mê mệt ăn uống không ngon thêm Tâm-du, Trung-uyên, đầu xoay mất mớ, người tiểu thùy thêm các huyệt Can-du, Liệt-khuyết, Tam-âm-giao, Hành-gian, Thái-xung, Thái-khê, Châm pháp bình bổ bình tả nên chú ý sự vững chãi.

Mỗi ngày hay cách nhật châm trị 1 lần.

Trị Thần kinh suy nhược Tâm úy, Chính xung, Kiện-vong.

Dùng phương pháp châm trị :

Dùng các huyệt : Thiên-tru, Phong-tri, Uyển-cốt châm 5 phân, Đại-chùy, Thần-tru châm 3 phân, Can-du, Đởm-du, Vị-du, Tỳ-du, Tam-liêu-du, Đại-trường-du đều châm 1 tất 2 tất.

Thủ tam-lý, Túc-tam-lý, Âm-lăng-luyện, Tam-âm-giao đều 5 phân, Đầu trước đầu, hoặc sưng thũng dùng các huyệt : Tiền-đảnh, Bách-hội, Tinh-hội, Suốt-cổc, Đầu-lâm-khấp, Dương-hạc, Đầu-duy, Bồn-thần. Đầu phía sau dùng các huyệt : Hậu-đảnh, Phong-phủ, Ngọc-châm và châm Thiếu-hải 3 phân, Thông-lý 3 phân, Phong-tri 8 phân, Kiện-lĩnh 5 phân, Thiên-liêu 6 phân, Khúc-viên 5 phân, Phế-du, Cao-hoan đều 3 phân.

Ăn uống không biết ngon dùng các huyệt : Châm Trung-uyển, Lương-môn, Hạ-uyển 8 phân, Túc-tam-lý 1 tất.

Liên tiếp châm trị 1, 2, tuần nhứt tất công hiệu.

Như bệnh quá hư nhược dùng các huyệt : Bách-hội, Mạng-môn, Tâm-du, Thận-du, Tinh-cung, Khí-hải, Quang-nguyên, Trung-cực, Thông-lý, Tam-âm-giao đều 3, 5 phân.

Hoặc dùng phương pháp cứu trị.

Dùng các huyệt : Phong-tri, Đại-chùy, Thần-tru, Thiên-xu, Thủ-tam-lý, Túc-tam-lý đều cứu 7 tráng.

Hoặc cứu các huyệt : Bách-hội, Phế-du, Thiên-tru, Kiện-lĩnh, Phong-tri, Thần-tru, Cao-hoan-du, Quang-minh, Túc-tam-lý 10, 15 tráng.

Bệnh nhẹ trị trong tuần nhứt, nặng trị 2 tuần liên tiếp cứu trị tất công hiệu.

Hoặc dùng phương sau đây : Cứu các huyệt : Can-du, Tỳ-du, Thận-du, Trung-uyển, Mạng-môn, Quang-nguyên, cách 1 ngày cứu trị 1 lần cũng công hiệu.

Trị chứng Hư-lao (Âm hư) Tư âm bổ thủy pháp.

Bệnh như Cô Quân 39 tuổi nửa năm trước bị chứng băng huyết rồi 1,2 ngày sau làm tắc kinh luôn 3 tháng, rồi kiến cho là chứng lao phổi, dùng Đông Tây dược các thứ nhưng vô hiệu, bệnh càng ngày linh thần mê mệt (hư quện).

Hiện chứng trạng : Sau buổi trưa thường phát sốt, tìm mệt làm phiền táo bực rứt, có lúc toàn thân sốt cao độ, ho khan nhò ra bọt

trắng, tim đập mạnh, đầu xoay mất hoa, tai cổ như có vườn đào
nguyệt, đói muốn ăn, nhưng ăn vào ngực đầy muốn mửa, đại tiện 7
ngày chưa đi, chân hơi sưng, đêm khó ngủ, miệng khô, thở mệt,
không nói nhiều được, nói tiếng nhỏ, thân người gầy, mặt đen kho
đét, vai bên trái đau.

Trị pháp : Như vì bệnh nhưn quá hư nên trước dùng ngại
quyền cứu bổ các huyết : Tam-lý, Nội-quang, Thái-khê, Côn-lôn 3
tráng để phòng vụng châm, sau châm các huyết, Túc-tam-lý, Phục-
lưu, Nội-quang, Tam-âm-giao đều bên mặt, bổ pháp.

Kết quả : Ngày hôm sau ăn được.

Trị lần thứ hai, Châm Túc-tam-lý, Tam-âm-giao, bổ (đều 2 huyết).

Kết quả : Khoan khoái, tinh thần khỏe, ăn ngon, vai trái hết đau.

Trị lần thứ 3, 4 như trên. Kết quả sắt mặt tươi nhuận, chứng
nóng trưa (triệu nhiệt) giảm, còn ho nhưng vẫn khỏe.

Trị lần thứ 5 như trước, kết quả ngủ yên 4, 5 giờ, bớt ho.

Trị lần thứ 6, 7 như trước, kết quả hết nóng cơn nhẹ hẳn.

Đây là nguyên tắc trị bệnh này : Dùng các huyết : Phục-lưu (bổ
Thận thủy), Tam-âm-giao (Tư âm bổ huyết), Túc-tam lý (kiện tỳ
tráng dương), Nội-quang (cường tâm khiêm tả hỏa),

Kết luận : Nguyên tắc bổ Hư-lao.

1.— Bệnh nhưn người mê mệt bị quỵện sợ châm, hay nếu châm
ắt phản ứng vụng châm. Vậy trước khi châm nên cẩn thận, hay
hơn hết, trước cứu bổ (cứu dập lửa) để làm cho thần kinh vườn lại
như các huyết : Bách-hội, Đại-chùy, Nội-quang, Tam-lý, Tam-âm-
giao, Khí-lải, Quang-nguyên, Thái-khê, Côn-lôn chín huyết đều bổ
3 tráng.

Sau sẽ dùng các huyết trị bệnh, ưng tả thì cứ tả, ngày sau mới
chánh thức châm trị, nhớ nên châm Bổ pháp.

2.— Ngày sau lần thứ hai trị chiếu theo 9 huyết trên dùng
ngại quyền cứu (như Hư hỏa, má đỏ dùng huyết Nội-quang, châm
thì không cứu) rồi mới châm bổ các huyết Túc-tam-lý, Tam-âm-giao,
Hậu-khê, Nội-quang 4 huyết dùng Nam tả Nữ hữu, như Hư hỏa, má
không đỏ thì huyết Nội-quang châm tả 2, bổ 2 lần. Nên hỏi bệnh
nhưn sợ vụng châm, nếu hơi xay xăm cần dùng ngại quyền cứu
Túc-tam-lý (khi chưa châm huyết này), để làm cho bệnh nhưn hết
xoay xăm và tim yên mới thôi, nhiên hậu sau lần lần rút kim từ từ

các huyết (nhớ ăn tại huyết), từ từ trong 30 phút để đủ lực hồ mới kiến hiệu.

3. — Nếu vì quá Hư sanh bệnh thì khi bệnh thể đã giảm cần phải phò chánh khu tả tức tùy chứng dùng huyết 1, 2 huyết châm trị không nên dùng nhiều, nếu cần tả các huyết thì phải thường dùng các huyết Túc-tam-lý, Tam-âm-giao đại Bồ để phò chánh.

Trị các bệnh Âm hư hỏa động (thường bệnh nhưa lòng bàn tay bàn chân phát nóng ấy là chứng Hư lao) cần trị bổ tiếp 6, 7 lần ắt thối hư nhiệt, ngoài ra các chứng Âm Dương bất túc cần châm Bồ mới kiến hiệu.

VII. — BỆNH VỀ MẠCH MÁU (Huyết quang bệnh tật)

Tĩnh mạch viêm (Sưng tĩnh mạch).

Chỗ tĩnh mạch bị sưng muốn làm mủ, phát sanh đau nhức, làm cho da nổi đỏ, nóng, sưng, thành toàn thân phát sốt, bệnh này thường hay phát, chỗ đau sưng cao lên không dám đề, phải dùng đồ chuôm nóng mới bớt đau.

Châm cứu trị bệnh này dùng các huyết : Đại-chùy, Thân-tru, Kiên-lĩnh, Mạng-môn và các huyết xung quanh chỗ đau (thiên ứng huyết), tùy chứng châm trị rất công hiệu.

Tĩnh mạch lưu. (Tĩnh mạch nổi u, cục).

Huyết ở tĩnh mạch lưu thông bị trở ngại làm cho tĩnh mạch sưng to, những người làm lao động, và những đàn bà mang thai thường hay phát, bệnh thường phát ở chân, ban đầu thì thấy khi vận động thì chân sưng lên, sau chỗ tĩnh mạch như bị thương nên lan dài ra mà làm thành từng khúc, hoặc nhiều cục nhỏ, từ ấy chân lại nặng trĩu, hơi sưng ngứa, cào gãi thì phát ghẻ chảy nước lờ rất khó trị (chứng này khi phát nên cần đề phòng sự cào phá ra thành ghẻ khó trị lành).

Châm cứu trị bệnh này dùng các huyết : Bách-hội, Đại-chùy, Thân-tru, Mạng-môn và các huyết phụ nên chỗ bị bệnh, tùy chứng châm trị rất có hiệu quả.

(Hai bệnh trên đây, nếu trường hợp sanh độc, xem mục trị Ghê độc sau).

Bần huyết (thiếu máu).

Bệnh vì mất máu quá nhiều thành suy nhược, làm xoay xảm phiền

khát, hay mưa, người mệt xanh hoặc vàng da, tay chân lạnh, thờ yếu, hay mệt, nhiệt độ hạ thấp, sau ra mồ hôi đầm đề, ý thức mất, đến nguy hiểm, về mạng lách (chứng lâu dẫn phát) mặt mét, miệng môi mét, làm gì nặng thì thờ mệt, tim đập, thường nhức đầu xoay xảm, ù tai oẹ mưa, tay chân lạnh, toàn thân mệt mệt, đàn bà bị chứng Bần huyết, sau kinh không đều, đến tắc kinh.

Châm cứu trị bệnh này dùng các huyệt : Thân-tru, Cách-du, Vị-du, Mạng-môn, Trung-uyên, Quang-nguyên, Túc-tam lý, Nội-đinh, Phong-long, Trung-phủ, Phong-trì, và trên chỗ khu đi (lỗ chỗ móng đi cách lổ 4 ngón tay), dùng ôn hòa cứu nửa giờ đến 1 giờ, tùy chứng dùng huyệt châm cứu trị, Thường mỗi lần dùng lổ 4,5 huyệt, đều dùng cứu 5, 7 tráng, tùy chứng luân phiên xử dụng.

Hồng huyết cầu quá nhiều.

Những người hồng huyết cầu quá nhiều thường phát chứng nhức đầu xoay xảm, đau bên đầu, chỗ bụng (tỷ tạng) bên trái đau, mặt mũi đỏ, khi huyết tan thì làm mạch máu cản trường thường phát sanh chảy máu cam, răng ra máu (đàn bà khi có kinh thì phát nhức đầu xoay xảm), lấy máu kiểm nghiệm thì hồng huyết cầu lên đến trên 14000 vạn. Vì hồng huyết cầu nhiều dễ sanh ra bệnh Đơ máu, đến đức gân máu, và nếu phát sanh Não đầy máu bị xuất huyết ắt chết ngay.

Châm cứu trị bệnh này cần dùng các huyệt sau đây : Đại-chùy, Thân-tru, Tỳ du, Can-du, Vị-du, Thái-dương, Khúc-trạch, Xích-trạch, Ủy-trung, Thừa-sơn, Nhôn-trung, Kiên-lĩnh.

Châm Ủy-trung, Khúc-trạch, Thái-dương, Hiệp-cốc đều ra máu, các huyệt khác dùng châm tả pháp, trị thời gian lâu có công hiệu.

Vậy bệnh này thường phát trước bệnh lên máu, vì thế nên những người sợ máu lên (Áp huyết cao) nên đo máu và kiểm nghiệm hồng huyết cầu nhiều nên bắc đầu dùng phương này trị để khỏi phát sanh bệnh Áp huyết cao, nặng đến Não xuất huyết nguy hiểm.

VIII.— BỆNH TIM (Tâm thống, Hung thống, Nhiệt tâm thống)

Cấp tánh Tâm nội mạc viêm.

Bệnh này thường do các bệnh Phong thấp, Sản hậu phong, Bại huyết chứng dẫn phát làm cho lưng ngực bên trái cảm giác khó chịu, khó thở hay đập mạnh, hoặc có tiếng động, hoặc chỗ sưng

Thứ 3 nơi huyết Ngọc-đường phía trái đầy trướng phát bệnh tim đập mạnh, hồi hộp, thở mệt có khi ở trên da có nổi ban đỏ, và phát sốt mấy ngày hay cả tuần, lâu mới hết, biến thành flux chứng mạng tánh bệnh.

Nếu vì bại huyết làm nước da xanh mét, mề mề, hoặc vàng úa, toàn thân khớp xương đau, có khi mệt thở ngất hơi làm thành chứng Bần huyết, làm tạng Tý lớn, có lúc phát đau, đầu, vai, tay, chân phát ban đỏ, chỗ ở tim cũng có phát, thành chứng nguy hiểm.

Châm cứu trị dùng các huyết : Phế-du, Cách-du, Kiên-trung-du, Kiên-ngoại-du, Đại-chùy, Kiện-lý, Trung-uyên, Nội-quang, Nội-dinh, Thái-khê, Trung-phong, Đại-lăng, Ấn-bạch, Thiếu-xung, Thần-môn. Tùy chứng luận phiên thay đổi xử dụng.

Mạng tánh tâm nội mạc viêm.

Cổ động mạch tim lưu thông trở ngại, miệng tim hẹp, uất mạch căng, tim uất huyết làm cơ tim suy nhược biến sanh chân bị thủng, lần lần hai chân đều thủng đến toàn thân, tim đập mạnh thở mệt.

Châm cứu dùng các huyết chủ trị : Hiệp-cốc, Nội-quang, Khúc-tri, Xích-trạch, Tâm-du, Du-phủ, Trung-phủ, Thận-lăng, Thần-đương, Cao-hoan, Thần-môn, Túc-tam-lý.

Chợt tâm thống.

Bệnh này chỗ ở tim lúc đau rất kịch liệt có khi đến 10, 15 phút mới giảm, sau thời gian giảm hoặc cả năm vẫn trở lại, hoặc ít tháng trở lại (chứng này cơn phát nếu đau nặng lắm ắt chết ngay).

Dùng các huyết chủ trị : Phong-phủ, Thiên-tru, Phong-tri, Thiên-dung, Thiên-song, Phong môn, Kiên-trung-du, Kiên-ngoại-du, Đại-chùy, Đại-trử, Tâm-du, Hiệp-cốc, Phụ-phần, Thận-đương, Thủ-tam-lý, Túc-tam-lý, Gian-sử, Cồn-lôn.

Tâm bào viêm (sưng màng bao tim).

Bệnh này khi phát như chỗ tạng tim, bị châm đau, thở vào khó chịu, đè chỗ ở tim đau, Tim đập mạnh, thở khó khăn như bị đè chỗ ống thực quản, nên nuốt xuống cũng đau, có phát nổi cục, oẹ mửa bệnh như thường muốn nằm bên trái.

Chứng Cấp tánh thì có phát sốt, Mạng tánh không sốt, khi thở vào muốn ôm chỗ ngực đè hơi dễ chịu, bệnh này mới phát trong tuần nhựt để trị.

Dùng các huyết chủ trị : Nội-quang, Gian-sử, Tâm-du, Đại-chùy, Thân-tru, Kiên-linh, Cao-hoan, Thần-đường, Phế-du, Hiệp-cốc, dùng huyết Hiệp-cốc bên trái và huyết Khúc-tri kích thích mạnh cho giảm cơn đau, ngoài dùng thêm dầu nóng thoa bóp chỗ ngực phối hợp thì mau công hiệu.

Tâm tạng biến mạc viêm.

Bệnh này do hữu phòng tim lớn, tả phòng tim sưng, làm Phế động mạch hẹp, phát sườn súc, thở mệt, chân thũng.

Dùng các huyết : Phong-tri, Kiên-linh, Đại-trử, Tâm-du, Trung-nguyên, Khí-hải, Thiên-tru, Phong-môn, Cao-hoan, Kiện-lý, Quang-nguyên.

Mỗi ngày thay đổi huyết châm trị 1 lần.

Nếu phù thũng dùng các huyết : Thận-du, Thử-liêu, Túc-tam-lý, Tam-âm-giao và Tam-liêu-du, Tiểu-trường-du, Âm-lăng-tuyền, Phục-lưu mỗi ngày thay đổi châm trị 1 lần để không uể uải thũng xẹp.

Phụ trị nghiệm những bệnh đau tim.

Bệnh thiếu huyết tim suy nhược. (Tâm lực suy kiệt)

Bệnh như Cháu Trần 14 tuổi, vì lúc nhỏ thiếu sữa nuôi nên thành thiếu máu bệnh Nội thương, người yếu ốm, nay thành bệnh tim làm sợ sệt, lòng bàn chân nóng, chỗ ngực thấy đập tim nhầy, hai bên má đỏ, mũi có hơi nóng, ho, đi đường thở mệt, sắc mặt xanh mét, tinh thần mê mệt.

Trị pháp : Châm các huyết Nội-quang, Tam-âm-giao, Phục-lưu, bổ 2 lần. Cứu Đại-chùy, Tâm-du, Phế-du, Chiên-trung, Thận-du đều 3 tráng, Khí-hải, Quang-nguyên đều 2 tráng.

Kết quả : Lòng bàn chân bớt nóng và mũi cũng bớt.

Trị lần thứ 3 : Ngày hôm sau trị y như trên thêm châm huyết Nghinh-hương.

Kết quả : Ho giảm, mũi hết nóng.

Trị lần thứ 3, 4 trị y như trên.

Kết quả : Tim ít đập, ho giảm nhẹ nhưng chỗ vai hơi đau.

Trị lần thứ 5 : Châm trị như lần thứ 1. Cứu thêm chỗ đau (thêm ứng huyết), kết quả chỗ ấy giảm.

Trị lần thứ 6, 7 châm cứu y như lần thứ 1.

Kết quả : chỗ vai đau dứt lại, nhưng ho và chỗ tim bớt.

Trị lần thứ 8, 9, 10, 11, 12 như trên. Kết quả khá nhiều.

Trị lần thứ 13, 14, 15, 16, Châm Phục-lưu, Túc-tam-lý, Tam-âm-giao, Nội-quang bổ, kết quả vai hết đau.

Tiếp tục trị y như lần sau này đến lần thứ 20, rồi tiếp luôn đến lần thứ 25. Kết quả các chứng nhẹ hẳn, tinh thần thoải mái.

Trị lần thứ 26 : Châm Nội-quang, Túc-tam-lý, Tam-âm-giao, Phục-lưu bổ. Kết quả bình phục như người thường, đi đường không mệt nữa, tinh thần sắc mặt tươi nhuận.

Bệnh tim nhảy, thở khó, nằm ngời không an (Tâm lực bất toàn).
Anh Trần-văn-Hương 30 tuổi bệnh tim đập làm miệng mũi thở hết hơi rất khổ sở, cứ 5 ngày phát 1 lần, khi phát nằm ngời không được mà đi thì mệt, lại sau 12 giờ trưa chỗ lòng bàn chân nóng ran, người sắc mặt, khô đen, mạch nhảy 120, tiểu tiện bất cấm ăn giảm 1/2.

Thủ pháp : Châm các huyết : Thần-môn, Hậu-khê, Nội-quang đều 1/2 Cưu Chiên-trung, Trung-uyên, Khí-hải, Túc-tam-lý đều 3 tráng, Công-tôn 1 tráng. Kết quả : Đi hết mệt, tim nhảy và thở đều giảm.

Trị lần thứ 2 : Trị y như trên, Cưu thêm huyết Thần-du 3 tráng.

Kết quả : Tiểu tiện chánh thường, hơi xốc lên giảm, miệng mũi bốc thở đã bớt, ăn ngon sắc mặt trở lại hồng nhuận.

Trị lần thứ 3 : Châm Thần-môn, Hậu-khê bổ 4 lần, Nội-quang, bổ 2 lần, tả 2 lần. Kết quả châm xong về, nhưng vì cảm lạnh, nên ngày hôm sau lại hơi xốc lên rồi bớt, quá trưa lòng bàn chân nóng giảm, đi đường không mệt nữa.

Trị lần thứ 4, hiện bệnh đi đại tiện rặn, bụng hơi đầy.

Châm Thái-uyên, Đại-chùy bổ 3 tả 1, Thiên-dột tả 3 lần, Cưu Phong-môn 7 tráng, Phế-du 20 tráng, Cao-hoan 20 tráng, Khí-hải, Túc-tam-lý đều 3 tráng. Kết quả các chứng giảm 1/3.

Trị lần thứ 5 : Hiện chứng trạng, Tại cổ ngực từ Thiên-dột trở xuống đến Cưu-vý hơi trướng, đàm nhiều, miệng nóng.

Châm Nội-quang, bổ 2 tả 2 Thương-uyên bổ 3, Cưu như trên trừ huyết Cao-hoan. Kết quả : Đàm nhẹ nhỏ dễ, các chứng giảm.

Trị lần thứ 6. Hiện lưng bên trái đau.

Châm Ủy-trung tả 3 lần, lưng hết đau, ho giảm các chứng thở mệt hoàn toàn nhẹ hẳn.

Trị tiếp 2 lần nữa như lần thứ 5 bệnh hoàn toàn bình phục.

Trị chứng tâm khí thống.

Bà Đường 64 tuổi bệnh dưới chỗ ở tim hơi xốc đau đã trên 20 năm nay, ban đầu 1 năm phát mấy lần, rồi sau càng nặng, gần đây lại nặng hơn, đau đến phải uống A-phieon mới hết, khi đau tim nhẩy mạnh liệ.

Trị pháp : Châm huyết Trung-uyên, Chương-môn (lả huyết).

Kết quả : Khi châm huyết Trung uyên xoay kim thấy đau hơi hơi, có hơi chạy qua trái rồi chạy từ trên xuống dưới, nhưng không dứt, tả 3 lần cũng chưa dứt hẳn, sau châm huyết Chương-môn thì tim lại nhẩy mạnh, lại chỗ Trung-uyên cũng đau, nhưng khi tả Chương-môn 3 lần thì các chứng giảm hẳn nhẹ ngay.

Trị bệnh này nhận thấy vì huyết Chương-môn thuộc Can mộc, Mộc sanh hỏa nên phản ứng, nhưng tả Chương-môn xong Tâm hỏa không bị khắc nữa nên tim hết nhẩy, và Vị thổ (Trung uyên) không thọ khắc nên bệnh hết hẳn.

Trị bệnh Tâm khẩu trướng (chỗ ở tim đầy).

Bệnh nhou, Cô Tư 36 tuổi chỗ tim bào trướng đầy, không muốn ăn uống lại thêm bệnh Bạch đái nhiều.

Trị pháp : Châm huyết Ấn-bạch ra máu, Hiệp-cốc tả 3 lần (dùng 1 huyết).

Kết quả : Chỗ tim giảm, ăn được, chứng Bạch đái bớt.

Trị bệnh này vì do Tỳ trệ Mộc khắc Thổ nên dùng luôn Hiệp-cốc là Đại-trường Nguyên huyết và Ấn-bạch là Tĩnh huyết nên chứng trướng hết, ăn được, chứng Bạch đái giảm nhẹ.

Trị bệnh đau tim, lói chồ chấn thủy.

Chứng này là Tâm khí thống, cũng gọi là Hiệp tâm thống.

Trị pháp : Dùng các huyết : Thần-tàng, Hung-hương, châm 3 phân, kích thích mạnh, Đại-trử, Phụ-phần, Phong-môn, Phế-du đều 5 phân kích thích mạnh, các huyết Tiểu-hải, Tam-lý, Ngự-tế (bên mặt) đều 5 phân kích thích mạnh mới hết đau.

Hoặc dùng phương : Trước châm Thiếu-thương, Linh-đạo, Cứu Gian-sử, Cự-khuyết 5, 6 trảng (cứu liên tiếp). Châm cứu đến hết đau, nếu chưa hết, tiếp châm Túc-tam-lý và Ấn-bạch rồi cứu Túc-tam-lý 5, 6 trảng, Cứu Gian-sử 14 trảng ắt hết đau ngay.

IX. BỊNH MẮT NGỦ

Bệnh mất ngủ thường cũng do Thần kinh suy nhược, làm đau đầu, xoay xảm, hay quên, sợ sệt, hồi hộp.

Trị pháp : Dùng các huyết : Thần-môn, Phục-lưu, Thương-tinh, Bách-hội, Túc-tam-lý, phối hợp các huyết : Công-tôn, Nội-quang.

Như có nhức đầu thêm huyết Phong-trì.

Trước châm huyết Công-tôn, bỏ rồi châm Huyết Nội-quang 6 phân, Thương-tinh 1 phân, Bách-hội 2 phân (xiên ra sau) Thần-môn 3 phân tả, Phục-lưu 6 phân (bỏ), Túc-tam-lý 1 tất bình bỏ bình tả, lưu kim 30 phút hay 1 giờ.

Mỗi ngày trị 1 lần.

Bệnh Mất ngủ, hoặc ngủ 1 chập tỉnh dậy.

Bệnh cả đêm không ngủ được, hoặc ngủ 1 chập tỉnh dậy rồi không ngủ lại được.

Trị pháp : Châm các huyết : Dương-khê, Thần-môn, Túc-lâm khắp 4 phân, Phong-thị 2 phân, Thiên-tôn 5 phân tả và lưu kim huyết này 2 phút, các huyết khác đều lưu kim 20 phút.

Mỗi ngày châm trị 1 lần.

Trị nghiệm : Phương này đã trị bệnh mất ngủ 15 người đều châm trị trong thời gian 3 lần công hiệu ngay.

Trị bệnh mất ngủ, tai ù, sau cổ đau.

Bệnh như Lê văn ... 43 tuổi hiện bệnh lưng đau, tai lưng lưng, đầu cổ nặng, cả đêm không ngủ được, ban ngày nằm ngủ, cứ tưởng tượng phía sau cổ có chỗ nào đau, sưng, lại thêm đi cầu thường ra máu, dùng đủ thuốc không công hiệu.

Trị pháp : Châm Thần-môn : Phục-lưu 2 huyết bỏ, Ủy-trung tả. **Kết quả :** Ngủ được, lưng bớt đau.

Trị lần thứ hai : Y như trên. Đi cầu ra máu giảm bớt.

Trị lần thứ ba : Châm Thần-môn ; Phục-lưu, Côn-lôn bỏ.

Kết quả : Lưng bớt đau nhiều.

Trị lần thứ 4 : Châm Thần-môn, Phục-lưu, Phi-dương, Cáo-chánh bỏ.

Kết quả : Ngủ thêm được nhiều.

Trị lần thứ năm : Trị y như trên, thêm cứu huyệt Thận-du 3 trảng, Mạn-môn, Trường-cường, Bát-liêu đều 1 trảng.

Kết quả : Chỗ lưng (Thận bộ) đau chạy các nơi (độc chạy) ngủ yên giấc, ban ngày bớt tư tưởng như trên, ban đêm ngủ được 4 giờ, nhưng vì mộng sợ nên thức giấc.

Trị lần thứ 6 : trị như trên : Lưng giảm, tai bớt lũng bùng

Trị lần thứ 7 : Trị y như lần thứ 5 thêm châm Thượng-tinh tả

Kết quả : đầu hết nặng, đi cầu hết ra máu, bớt đau lưng và tai lũng bùng ít. Trị lần thứ 8 cũng trị y như trên, các chứng nhẹ nhiều, nhưng lại chỗ ngực hơi đau.

Trị lần thứ 9 Châm Quang-nguyên, Trung-cực, Phục-lưu, Thần-môn, Phi-dương, Chi-chánh đều bỏ, Đại-chùy tả.

Cứu : Mạn-môn, Thận-du, Tinh-cung, Khí-hải đều 2 trảng.

Kết quả : Bệnh nhẹ hẳn không trị nữa.

Trị bệnh mất ngủ, cổ hầu như bị đè nghẹt :

Bệnh nhơn, Anh-Hương 37 tuổi, bệnh mất ngủ, chỗ cổ hầu như bị nghẹt bế tắc hơi thở, chỗ huyệt Đại-chùy sau cổ đè đau.

Trị pháp : Châm Nội-quang, Tam-âm-giao, bỏ, cứu Thận-du 3 trảng, Bách-lợi, Đại-chùy, Trung-uyên, Khí-hải, Túc-tam-lý đều 3 trảng.

Kết quả : Ngủ yên, tim hết hồi hộp, các bệnh nhẹ hẳn.

Trị bệnh mất ngủ 50 ngày.

Bệnh nhơn, Anh Thanh 27 tuổi bệnh không ngủ được đã 50 ngày, đầu hơi xoay xảm lại có chứng Di tinh (nhẹ).

Trị pháp : Châm Thần-môn, Phục-lưu, Tam-âm-giao Thái-uyên bỏ 4 lần.

Kết quả : Đêm ấy ngủ được 1 giờ.

Trị lần thứ 2 y như trên, kết quả ngủ được 3 giờ hết Di-tinh.

Trị tiếp 1 lần nữa bệnh hoàn toàn bình phục.

Trị bệnh mất ngủ, nhức đầu, Tim hồi hộp, Tinh thần mê mết :

Bệnh nhơn, Cô Thanh 34 tuổi hai năm trước có ngày đi làm vì trời nắng quá, về phát nóng sốt, đến Bệnh viện xin trị bệnh, xem thấy bệnh nhơn nhiều quá, phát kinh sợ quá độ, về tối lại không ngủ được, tim đập hồi hộp sợ sệt quá, ban ngày thì bớt, bệnh như thế đến 15 ngày rồi thì thỉnh thoảng làm sợ sệt quá độ tim đập như

muốn đi, không ngủ được, tinh thần mê mẩn, dùng thuốc Đông y uống hết, nhưng qua 1 năm sau lại phát lại cũng mất ngủ, sau tìm đập hồi hộp không thể chịu nổi, phải nằm trên giường, cũng trị thuốc Đông-y bình đở nửa tháng, nhưng tinh thần thất thường, như có cảm giác muốn tự sát, cứ tư tưởng hảy rất khổ sở. Hiện chứng trạng, mất ngủ, miệng mũi cổ đều khô, đầu trắng, hai bên thái dương đau, kinh nguyệt không đều, tim đập mạnh có lúc phát sốt, mắt trơ tráo như có trạng thái bệnh tinh thần.

Trị pháp : Châm các huyết : Thần-môn, Tam-âm-giao ; Dũng-tuyền đều bỏ 4 lần.

Trị lần thứ 2 : Châm Thần-môn, Nội-quang bỏ 3 lần.

Kết quả : Đêm ấy hơi muốn ngủ.

Trị lần thứ Ba : Châm Thần-môn, Nội-quang, Phục-lưu bỏ 4 lần. Đêm ấy lại mộng sợ không muốn ngủ như trước.

Trị lần thứ 4 : Châm Thần-môn, Thái-uyên, Chi-chánh bỏ 4 lần.

Trị lần thứ 5 y như trên, kết quả miệng khô, Đầu xoay xam giảm bớt.

Trị lần thứ 6 cũng y như trên, kết quả ngủ yên được, đau hết, nóng, sắc mặt tươi nhuận, ngày hôm sau lại phát đau rang.

Trị lần thứ 7 Châm Nội-quang, Tam-âm-giao bỏ 4 lần.

Kết quả hết đau rang trưa ngủ được và tối ngủ đến sáng.

Trị lần thứ 8 cũng dùng châm hai huyết Tam-âm-giao và Nội-Quang như trên. Kết quả chứng mất ngủ hết hẳn, đầu xoay xam cũng hết, kinh lại có điều hòa. Bệnh bình phục hẳn.

Phụ phương trị bệnh mất ngủ :

- Dùng những huyết chính : Ân-bạch, Thần-môn, Tam-âm-giao, Âm-lăng, Nội-quang, và các huyết phụ : Lao-cung, Thái-uyên, Dũng-tuyền.

Thủ pháp : Như bệnh mới phát, người còn khỏe nên châm mạnh các huyết Tam-âm-giao, Âm-lăng, Ân-bạch, Thần-môn.

Như bệnh đã lâu người suy nhược, dùng các huyết trên nhưng châm nhẹ và mau. Vẫn dùng châm trị, bệnh này không nên cứu

Trị bệnh mất ngủ thường nên trị lúc buổi chiều trước khi đi ngủ càng công hiệu. Như tìm hồi hộp nhớ luôn luôn thêm huyết Nội-quang. Theo các sách trị bệnh mất ngủ lấy huyết chính trị là huyết Thần-môn (đây là huyết mà các Y-sư xưa cho là huyết Dưỡng-lão), tùy theo bệnh mà áp dụng bỏ tả trị đều công hiệu.

X. BỆNH NÃO TÍCH TỬY. Não bần huyết (Huyết hư huyết đọng).

Bệnh phát thành linh toát mồ hôi lạnh, tay chân lạnh, mắt hoa tai điếc, ác tâm âu thổ, thậm chí muốn té, cần cấp cứu.

Mạng tánh thường mê mết, xoay xảm đầu nặng trĩu, mắt thấy kém, ưa nằm, ngủ mê, khi tỉnh dậy mắt lồi đen, dễ té ngã.

Dùng các huyết chủ trị :

Thiên-tru, Uyển-cốt, Phong-trì, Kiên-trung-du, Kiên-ngoại-du, Kiên-linh, Kỳ-môn, Tam-lý, Hiệp-cốc, Đại-đôn, Lệ-đoài, Nội-đình, Phong-long, Thương-tinh, Bách-hội, Trung-uyển, Giải-khê, Thủy-cẩu.

NÃO XUẤT HUYẾT (TRÚNG PHONG). Bai xuội, Bán thân bất toại hoặc Biên khô.

Chứng này phát do Trúng phong tức là Đức gân máu não, bệnh mới phát do não đầy căn huyết, làm tổn tâm mảy mặt, té xỉu, miệng méo mắt xếch, 1 bên thân bại xuội, hay run rẩy, hoặc bại hai chân hai tay. Trị Trúng phong hết rồi sau thành bại xuội, tức bán thân bất toại hay biên-khô.

Bệnh mới phát tức **NÃO XUẤT HUYẾT**, (Đức gân máu Não).

Chứng trạng : Thỉnh linh té xỉu, bất tỉnh, thở yếu, mạch loạn, đầu ngò 1 bên, mắt dục miệng méo, són đái, són ỉa, tùy bệnh đức gân máu nặng nhẹ mà hiện bệnh chứng, có khi phát một ít tiếng đồng hồ đến 2, 3, ngày chết ngay, có khi chết liền không cần cấp kịp, bệnh nhẹ lần lần tỉnh lại, nhưng không nói năng gì được, hoặc nói không rõ, liệt nửa thân, không hoạt động được.

Trị chứng Trúng phong sách Châm cứu thực hành trước. Chúng tôi đã có ghi rõ phương pháp trị liệu.

Vậy sau đây là những chứng Hậu trúng phong tức trúng phong sau di hại làm bán thân bất toại. Những phương kinh nghiệm.

Trị bệnh bán thân bất toại (bại xuội).

Bệnh trúng phong sau làm tay chân té dại, mất cảm giác, bệnh đã 5 tháng. Hiện chứng trạng tay chân không di động được, ngón tay ngón chân không cử động, mắt vàng, hay run rẩy, mạch nhỏ

Trị pháp : Dùng các huyết : Kiên-ngung, Khúc-trì, Dương-trì, Hậu-khê, Ấ-phong, Giáp-xa, Hoàn-khiêu, Phong-thị, Dương-lăng, Tuyền

cốt, Côn-lôn, Hành-giang, Giải-khê Ủy-trung, Thừa-sơn.

Thủ thuật : Trước châm Hoàn-khiêu, 2 tấc, Dương-lăng-luyện 1 tấc, rồi châm Kiên-ngung, Khúc-tri đều 1 tấc rưỡi, Dương-tri 3 phân, Ấp-phong, Giáp-xa 5 phân, Hậu-khê, Phong-thị, 8 phân, Tuyệt-cốt, Côn-lôn, Hành-giang, Giải-khê 5 phân, Ủy-trung, 1 tấc rưỡi, Thừa-sơn 8 phân.

Dùng phương thức bình bổ bình tả và lưu kim 20, 30 phút.

Sau rút kim xong Cứu hai huyết Hoàn-khiêu, Kiên-ngung cứu đến đỏ da thì thôi, cách 1 ngày châm cứu 1 lần.

Trị nghiệm : Ông Lê văn... 67 tuổi bị bệnh trúng phong sau làm tay chân tê cứng, da mặt run, mất cảm giác, bệnh đã trên 4 tháng.

Dùng phương này châm cứu trị lần đầu không biết đau đớn gì, sau cứ cách 1 ngày châm trị 1 lần, đến lần thứ 3 thì lại các huyết châm cảm thấy tê rần, đến lần thứ 4 cảm giác nhiều, tiếp trị đến 6 lần thì tay chân bắt đầu di động được và co duỗi được, đến 13 lần có thể vịn giường đi được, tiếp tục trị đến lần thứ 15 thì có thể đi đứng hoạt động được chút ít.

Trị tiếp tục đến cả thấy 23 lần thì tự chống gậy đi mạnh dần tự động 1 mình, về sau lần lần bình phục hẳn.

Trị bệnh bán thân bất toại cảm khẩu :

Trị pháp : Dùng các huyết : Hiệp-cốc, Khúc-tri, Thủ-lam-lý, Hoàn-khiêu, Kiên-ngung, Dương-lăng-luyện, Âm-lăng-luyện, Dương-tri, Thiên-tru, Ủy-trung, Thủ-lam-lý, Điều-khẩu, Dũng-luyện, Kỳ-môn, Thiên-xu.

Thủ thuật : Trước châm các huyết hên mạnh, châm nhẹ, sau châm bên bại, dùng thủ thuật trước lúc khi có cảm giác rần tê thì rút kim, nếu còn Ấp huyết cao thì không dùng hai huyết Kỳ-môn và Thiên-xu.

Trị nghiệm : Dùng phương này liệu pháp lâu mau không như định, có khi châm trị 1, 2 lần bên bại cử động được ngay, có khi phải đến hai tuần mới vận động được, có khi lâu đến 1, 2 tháng mới bình phục được. Đã trị nghiệm 9 người, Đơn cử 2 người sau đây:

1) Cô Triệu 49 tuổi hiện bệnh phía bên trái bại lâu ngày, lại thêm đầu thường nhức, không ăn uống được, tinh thần mệt mỏi, không ngủ được, đại tiện bí tiểu tiện đỏ, đi điều trị các nơi đều cho là vì huyết áp cao, dùng Âu-dược, nhưng đo huyết áp vẫn 14, phía bên trái vẫn mất cảm giác, đầu càng nhức lung, mắt bên trái nhỏ lại, sau uống thuốc Đông y hạ áp huyết, thì đo xuống 11; nhưng đi te xiêu, bên trái lại càng trầm trọng bại hẳn, đầu nhức càng nặng

ngày đêm không ngủ được, dùng thuốc an thần thì an tĩnh được và chấp hình lại trở lại đau như cũ. Bây giờ dùng Châm cứu trị áp dụng phương pháp này châm phía bên bại kích thích mạnh dùng thủ thuật trước tác và vì có bệnh đau mũi nên dùng thêm các huyệt, Ấn-đường, Thương-linh, Phong-trị, Liệt-khuyết cũng dùng trước tác thuật, châm trị lần đầu thì tay chân vận động được nhưng còn khởi khạc, đầu mỗi khi châm trị thì bớt, ngủ được 4 giờ nhưng tỉnh lại vẫn như cũ, Tiếp tục châm trị 1 tuần nhứt thì bên bại cử động được. Châm trị tiếp trong 2 tuần nhứt các chứng giảm nhẹ dần và tư động hành động, sau lần lần bình phục hẳn.

2) Anh Thông 34 tuổi thỉnh linh tự nhiên không nói được dễ dàng vai và chân bên mặt cử động khó khăn, hiện chứng miệng ngậm, răng cắn chặt (nha quan khắn hể) lưỡi đơ, bại bên mắt, không muốn ăn uống, bên bại mất cảm giác, đo áp huyết hạ tìu yếu.

Trị pháp : Dùng phương thuật trên đây, vì cấm khẩu nên thêm hai huyệt Giáp-xa, Liêm-tuyền. Châm trị dùng thủ thuật, bên mạnh châm nhẹ, bên bại châm mạnh, trước tác thuật, không lưu kim, mỗi ngày châm trị 1 lần. Trị trong hai lần thì lưỡi co thụt được, châm trị tiếp đến 10 lần thì nói được tiếng một và tự vận động tay chân được, sau mới nói rõ, tiếp trị vài lần nữa và dùng thêm thuốc thì thần trí lần lần sáng khoải lại, sau bình phục hẳn.

Trị bệnh Bán thân bất toại Áp huyết cao.

Chứng trúng 1 bên thân bại, miệng méo mắt xếch, sắc mặt đỏ, miệng chảy nước giải, nói năng không rõ.

Trị pháp : Dùng các huyệt Bách-hội, Nhơn-trung, Dũng-tuyền, Phong-long, Nhơn-nghinh, Kiền-ngung, Khúc-trị, và các huyệt : Hiệp-cốc, Hoàn-khiêu, Phong-thị, Dương-lăng, Túc-tam-lý, Tuyệt-cốt.

Thủ pháp : Trước châm Bách-hội, Nhơn-trung 3 phân, sau châm bên mạnh : Dũng-tuyền, Phong-long, 8 phân, Nhơn-nghinh 3,5 phân, Kiền-ngung, Khúc-trị 1 tấc rưỡi, Hiệp-cốc 1 tấc, Hoàn-khiêu 2 tấc, Phong-thị, Dương-lăng-tuyền, Túc-tam-lý 1 tấc. Tuyệt-cốt 5 phân. (Huyệt Phong-long dùng tả pháp, còn các huyệt khác đều bình bổ bình tả lưu kim 30 phút).

Châm xong bên mạnh rồi cũng y như vậy châm bên bại (bổ pháp), lưu kim 15 phút.

Mỗi ngày châm trị 1 lần. Bệnh nhẹ trị trong 10 lần, bệnh nặng trị trong 15-20 lầnắt công hiệu.

Trị bệnh bán thân bất toại, tay chân bên bại mất cảm giác, không vận động được.

Trị pháp : Dùng các huyệt : (Bên bại) Công-tôn, Nội-quang, Bách-hội, Thương-tinh, Hoàn-khiêu.

• Thủ pháp : Châm bên bại các huyệt : Công-tôn 8 phân, Nội-quang, 5 phân Bách-hội 5 phân (mũi kim xiên ra sau) Thương-tinh 4 phân, (xiên tới trước) sau trực châm Hoàn khiêu 4 tấc. Niệm vận bỏ pháp lưu kim 3 tiếng đồng hồ.

Phương này đã áp dụng trị nghiệm trên 10 người đều công hiệu.

Trị bệnh bán thân bất toại, lưỡi đơ miệng méo.

Bệnh như Anh Hào 49 tuổi nguyên hai năm về trước chân gối hay tê, 3 ngày trước đây tự nhiên lưỡi đơ, đi từ trên lầu té xuống chết đất, tỉnh lại thì tay chân bên mặt không vận động được, sụp đơ xuống, lưỡi đơ, miệng méo không nói được nữa.

Trị pháp : Châm Quang-nguyên, Phong-long, Phong-phủ, Phong-tri, Nhon-trung đều lưu kim.

Cứu Bách-hội, Hoàn-khiêu, Phong-thị, Dương-lăng, Túc-tam-lý, Tuyết-cốt, Thủ túc bác phong, Khúc-tri, Hiệp-cổc, hữu Địa-thương, hữu Giáp-xa 3 trảng.

Kết quả : Lưỡi đơ và chân hơi giảm bớt.

Trị lần thứ 2 và thứ 3 cách 1 ngày trị 1 lần. Châm Quang-nguyên bỏ, Phong-long, Phi-dương tả, Khúc-tri bỏ. Cứu Khử-hải, Quang-nguyên, Thần-khuyết để làm ôn bổ,

Mỗi lần trị đều có kết quả, chân đi được.

Trị lần thứ 4 sau uống thuốc nhưng bệnh lại trở lại, không muốn ăn, chân không đi được nữa (ấy là phản ứng).

Trị lại như trên thêm Hiệp-cổc, bên tả bỏ, bên hữu tả.

Kết quả : Ăn được, chân đứng dậy được.

Trị lần thứ 5 cũng như trên thêm cứu Bách-hội, Thương-tinh, Phong-tri, Khúc-tri, Nhĩ-tiêu đều 3 trảng, Phong-phủ 1 trảng.

Kết quả : hết tê, vịn đi thì muốn chạy, ngón tay trái vận động được.

Trị lần thứ sáu y như trên kết quả vịn đi xa được, tay mặt vận động được, miệng hết méo.

Trị lần thứ 7 (hiện tay bên mặt còn tê, lưỡi còn đơ). Châm Đại-chùy bồ, Khúc-tri, Hiệp-cốc, bên trái bồ, bên mặt tả, Phong-phủ tả, Phục-lưu bên mặt và huyết Phi-dương bên trái đều bồ. Cứu Quang-nguyên, Khí-hải 3 trảng, Bạch-hội 20 trảng, Tiền-đảnh, Thượng-linh, Phong-tri, Phong-môn ; Phế-du, Hoàn-khiêu, Phong-thị, Âm-lăng, Dương-lăng, Tam-lý, Tuyết-cốt, Thủ túc bác phong đều 3 trảng.

Kết quả : Tay hết tê.

Trị lần thứ 8 (hiện tay mặt vô lực, lưỡi còn đơ, miệng còn hơi méo). Châm Quang-nguyên bồ Khúc-tri bên trái bồ, Bên mặt tả Dương-lăng mặt tả, Phong-long, Phi-dương, Địa-thương bên mặt, Thánh-hội bên mặt đều tả, Phong-phủ tả.

Cứu như trước thêm các huyết Thủ-tam-lý, Nội-quang, Ngoại-quang, Kiên-ngung đều 3 trảng. Trung-uyên 10 trảng, Bát-phong, Thập-tiết đều 1 trảng (nhớ đều dùng huyết bên mặt). Kết quả cầm được, đi được.

Trị lần thứ 9 trị như trên. Kết quả tay cầm viết được, lưỡi hết đơ miệng hết méo.

Trị lần thứ 10 như trên, kết quả tay cầm viết được, đi đứng nói năng được như thường.

Trị lý : Trị chứng Trúng-phòng, Huyết áp cao sau làm bán thân bất toại, hoặc biên khô (liệt 1 bên), mỗi lần trị đều dùng châm bồ Quang-nguyên, Phục-lưu và cứu Quang-nguyên, Khí-hải để cho Thân mạnh, Ích não làm chủ, hiệp với các huyết, trị phong hạ đàm thì kiến hiệu mau, và cách trị thì bên mạnh bồ, bên bại tả là hay nhất.

Trị bệnh bán thân bất toại miệng méo mất ngó

Anh Thân Văn 43 tuổi hiện chứng tay chân mặt xụi, miệng méo không nuốt đồ ăn được ; mắt sưng, ban đêm không ngủ được trong tai thường phát hơi ra, đường đại tiện không thông, tiểu tiện ngày đi 5 lần.

Trị pháp : Châm Khúc-tri, Dương-lăng-tuyền bên trái bồ, bên mặt tả, Giáp-xa, Địa-thương đều tả, Nhơn-trung lưu kim, Cứu Bạch-hội, Phong-tri đều 3 trảng.

Kết quả : Mắt bớt sưng, miệng bớt méo hơi hoạt động được. ngủ được chút ít, tim khoan khoái.

Trị lần thứ 2 y như trên kết quả chân mặt chuyển động được, tay cũng bớt tai hết phi hơi.

Trị lần thứ ba : Châm Khúc-trị, Dương-lăng-tuyền bên trái hồ bên mặt tả, Tuyết-cốt bên mặt tả, Tam-lý, Ngoại-quang bên mặt bô Cứu Bách-hội, Phong-trị, Đại-chùy, Phong-môn, Địa-thương, Giáp-xa bên trái, Thủ túc bác-phong, Túc-tam-lý, Âm-lăng-tuyền, Tam-âm-giao, Phong-thị, Côn-lôn, Thái-xung đều 3 tráng.

Kết quả Tiểu tiện giảm ít, chân hơi hoạt động mạnh, miệng hết méo, ngủ lâu hơn.

Trị lần thứ 4 như trên kết quả chân đứng được, miệng hết méo, ngũ yên, đại tiện như thường.

Trị lần thứ 5 như trên, kết quả, chân vận động linh hoạt hơn, dắt đi thì chuỗi tời như chạy.

Tiếp trị lần thứ 6 y như trên kết quả tự đi đứng một mình được, miệng nhai đồ ăn được.

Trị lần thứ 7 cũng như trên, bây giờ đi xa được.

Trị lý : Bệnh này do Đức gân máu não bộ phận tuần hoàn bị thương, trị dùng tả bên bại, bổ bên mạnh, nên kiến hiệu mau, nhưng lần thứ 3 tả nhiều nên hơi phản ứng sau cải lại bên bệnh tả, bên mạnh bổ nhiều nên có kết quả mau, đi được, áp dụng phương pháp này trị rất kiến hiệu.

Trị bị : H Bán thân bất toại, tay chân yếu.

Ông A 52 tuổi, 1 năm về trước, như cầm mào phong hàng, han đầu tay trái tê không cử động được sau chuyển đến chân cũng tê đi đứng xiêu vẹo, (nan hoán) run rẩy yếu đuối, bây giờ dùng rất nhiều thứ thuốc Đông y điều trị không công hiệu, sau đưa vào Bệnh-viện nhờ cứu chữa, nhưng vì không có chỗ nằm nên cho toa và thuốc về mua uống và tim, trị 1 tuần (Bệnh-viện đo áp huyết cho là chứng vì Áp huyết cao), sau có người giới thiệu đi trị bằng Châm cứu.

Hiện chứng trạng, sắc mặt đỏ, nói năng không được rõ, nhưng thần trí vẫn còn khỏe, ăn không giảm sút, đại tiểu tiện như thường.

Trị pháp : Lần thứ nhất : Châm các huyết : Hiệp-cốc, Xích-trạch, Thủ-tam-lý, Dương-trị, Hoàn-khiêu, Phong-thị Ủy-trung, Côn-lôn,

Cứu các huyết : Bách-hội, Kiên-ngung, Khúc-tri, Đại-lăng, Dương-lăng.

Lần thứ hai. Châm cứu y như trước thêm châm cứu Phong-tri Cứu Phong-môn, Phế-du, Cách-du, Khí-hải, Kiên-trinh, Uyển-cốt,

Lần thứ 3 trị như trên thêm cứu Thận-du, Túc-tam-lý.

Lần thứ 4 châm các huyết như trước, Cứu thêm Kỳ-môn, Trung-chữ, Dịch-môn.

Lần thứ 5 cứu Bát-liên và châm các huyết như trước.

Lần thứ 6 cứu Ngoại-quang, Chương-môn, Châm như trước.

Lần thứ 7 cứu Dương-phò, Tuyết-cốt, Châm các huyết như trước.

Lần thứ 8 cứu Khuru-hư, Thương-khuru, châm như trước.

Lần thứ 9 châm các huyết như trước.

Lần thứ 10 cứu Cao-hoan, Nội-quang, châm các huyết y như trước.

Lần thứ 11 châm các huyết như trước.

Lần thứ 12 cứu Lao-cung, Dũng-tuyền châm các huyết như trước.

Trị lần thứ 13, 14, 15 y như lần thứ 12.

Về sau cứ cách 1 ngày trị tiếp thêm 1 lần cũng như những lần sau cộng cả thấy trước sau 23 lần.

Kết quả tay chân hồi phục lại bình thường.

(Bệnh này có áp dụng hàng ngày 1 thang thuốc uống trợ giúp thêm).

Phụ trị nghiệm Trúng-phong (Não xuất huyết) và Hậu trúng-phong di hoạn.

Theo các sách xưa : Châm-cứu Tập thành trị chứng thỉnh lình Trúng phong bất tỉnh như sau sự dùng các huyết :

Thính-hội, Giáp-xa, Địa-thương, Bách-hội, Kiên-ngung, Khúc-tri, Phong-thị, Túc-tam-lý, Tuyết-cốt, Nhĩ-Tiêu, Phát-tế, Đại-chùy Phong-tri.

Miệng méo mắt xếch dùng các huyết : Thính-hội, Giáp-xa, Địa-thương (méo bên trái cứu bên mặt và trái lại).

Bán thân bất toại dùng các huyết : Bách-hội, Thính-hội, Phong-tri, Kiên-ngung, Khúc-tri, Hiệp-cốt, Hoàn-khiên, Tam-lý, Tuyết-cốt, Phong-thị.

Miệng cần không mở dùng các huyết : Nhơn-trung, Giáp-xau Hiệp-cốc, Bách-hội.

Không nói được dùng các huyết : Kỳ-môn, Nhơn-trung, Thiên-đột, Thần-môn, Chi-cầu Phong-phủ, Dũng-tuyền.

Theo sách Châm cứu Toàn thư : trị Trúng Phong bất tỉnh nột sự dùng các huyết Bách-hội, Nhơn-trung, Trung-xung.

Trúng phong miệng cần không mở được dùng các huyết Thừa-tương, Giáp-xa, Hiệp-cốc.

Miệng méo mắt xếch dùng các huyết : Nhơn-trung, Thừa-tương Địa-thương, Thái-hội, Ấ-phong, Phong-môn, Phong-tri, Liệt-khuyết, Nội-đinh.

Bán thân bất toại (bại phần trên hay phần dưới) dùng các huyết : Bách-hội, Nhơn-trung, Kiên-tĩnh, Phong-môn, Khúc-tri, Tam-lý, Hiệp-cốc, Trung-xung, Phong-thị, Dương-lăng, Túc-tam-lý, Tuyền-cốt, Côn-lôn.

Trúng phong nan hoán (bại 1 bên) dùng các huyết : Kiên-tĩnh, Kiên-ngung, Khúc-tri, Thũ-tam-lý, Dương-Khê, Hiệp-cốc, Hoàn-khieu, Phong-thị, Dương-lăng-tuyền, Dương-phò, Khưu-hư, Côn-lôn.

Gần đây theo Châm cứu Ky-Tâm áp dụng sau đây trị có kết quả.

Toàn thân dùng các huyết : Đại-chùy, Phong-tri, Tâm-du, Thận-du, Khúc-tri, Liệt-khuyết, Hàm-cốc, Dương-lăng, Túc-tam-lý, Tam-âm-giao, Trung-uyển.

Cuộc bộ, miệng méo mắt xếch dùng các huyết : Thũy-cầu, Thừa-tương, Giáp-xa, Địa-thương, Thái-hội Ấ-phong, Liệt-Khuyết, Nội-đinh, Tư-trúc-không đều châm trái lại (bệnh méo bên trái châm bên phải).

Nói năng khó khăn dùng các huyết : Bách-hội, Thông-thiên, Ấ-môn, Thiên-đột, Kiên-tĩnh, Thũy-cầu, Địa-thương, Thái-Hội, Ấ-phong.

Bán thân bất toại : Tay dùng các huyết : Kiên-tĩnh, Kiên-ngung, Tý-nhu, Khúc-tri, Thũ-tam-lý, Liệt-khuyết, Hiệp-cốc, Uyển-cốt, Tam-dương-lạc, Dịch-môn, Dương-tri. Chân dùng các huyết : Hoàn-khieu, Phong-thị, Ủy-trung, Dương-lăng-tuyền, Côn-lôn, Thái-khê, Tuyền-cốt, Tam-âm-giao.

Thủ pháp tùy chứng trạng luân phiên xử dụng, cách 1 ngày hay 3 ngày trị 1 lần. Bệnh mới dùng châm trị làm chủ, kích thích

trung độ. Nếu áp huyết không cao thì có thể dùng cứu trị làm chủ nhưng mạch nhảy lớn không nên cứu.

Sau đây xin giới thiệu 2 phương đã trị kết quả mỹ mãn.

1. — Trị bệnh Trúng-phong hậu bán thân bất toại.

Ông Thọ-Nguyên Gia-Kiệm 61 tuổi Thầy thuốc bắc bị chứng Trúng-phong làm méo miệng mắt xệch, bán thân bất toại bại bên trái, đem đi Bệnh-viện chẩn đoán là chứng Não xuất huyết trị trong 13 ngày không thuyên giảm.

Hiện chứng trạng miệng méo mắt xệch, không nuốt nước được, nói không rõ, bại tay chân bên trái, 13 ngày không đi cầu. Bệnh nhưn cho biết 10 năm trước bệnh trúng phong bại bên mặt, phải đưa đi Thượng-hải Châm cứu trị 1 tháng mới bình phục, năm nay lại phát bên trái.

Bắt đầu trị ngày 7-4-65. Dùng các huyết : Địa-thương, Giáp-xa, Hạ-quang, Bách-hội, Phong-trì, Thiên-tru, Đại-trữ, Liêm-tuyền, Ủy-trung, Túc-lam-lý, Côn-lôn.

Trước châm tay chân không bại (châm nhẹ lấy kim, sau chân bên bại lưu kim 25 phút.

Ngày sau trị lần thứ 2 châm trị y như trước thêm Thiên-đột, châm sâu xiên trở xuống), tay thêm Thũ-lam-lý, Đại-lăng.

Kết quả nuốt nước được, cho uống thuốc (trước không nhö thuốc được).

Trị lần thứ 3 (hôm nay đi cầu được (15 ngày không đi cầu).

Cứu Bách-hội, Phong-trì, Ấp-phong, châm Hạ-quang, Địa-thương, Giáp-xa, châm thêm Kim-lân, Ngọc-dịch. Tay chân châm y như trước, gia thêm cứu bên bại.

Kết quả : Bệnh bớt nhiên tay đưa lên được, chân tự nhấc lên được, tự xoay trở một mình được, nói được nhưng miệng còn méo.

Trị lần thứ 4 Châm Bách-hội, Phong-trì, Thiên-tru, Ấm-môn, Thiên-đột, Thũy-cẩu, Giáp-xa, Đại-thương. Tay chân châm cứu y như trước gia thêm Tuũ-túc bác-phong.

Trị lần thứ 5 Trị như trước thêm châm trị mắt, Toán-trúc, Tư-trúc-không, Tư-bạch (bên mắt bệnh), Cứu bên tay chân bại thêm số trắng (trước 3 trắng bây giờ 5 trắng), và cứu 2 huyết Giáp-xa, Địa-thương bên không bệnh 2 trắng.

Trị lần thứ 6 Trị như trên.

Trị lần thứ 7 Châm Phong-trị, Bách-Hội, Phong-phủ, Thiên-tru, Âm-môn, bên mắt bệnh, Toán-trúc, Tư-trúc-không, Giáp-xa, Địa-thương (cứu bên không bệnh 2 huyết này), Tay chân trị y như cũ nhưng chỉ châm cứu bên bại.

Kết quả : trong 7 ngày bệnh giảm rất nhiều, nuốt nước dễ dàng, ăn uống được hơn trước, đại tiện thông hằng ngày, miệng bớt méo, nói hơi rõ, tay đưa lên khỏi đầu chân đưa lên cao, thử vịn tự nằm ngồi đi một mình được.

Bệnh nhưn vì ở xa nên về nghỉ 7 ngày sau lại trị lại, hiện nói năng rõ ràng hơn trước, ăn cháo mạnh như người thường, đi được, chỉ còn tay chưa nắm vật đưa vào miệng được, chân đề hơi run, cười nói lớn miệng còn méo, mắt còn mờ.

Châm trị lại : Châm Toán-trúc, Tư-trúc-không, bên mắt mới Giáp-xa, Địa-thương bên không bệnh, Cứu bên bệnh và châm Phong-trị, Bách-hội, Phong-phủ, châm cứu bên tay chân bại những huyết, Kiên-ngung, Cự-cốt, Kiên-trung, Kiên-ngoại-đu, Kiên-tĩnh, Thũ-tam-lý, Khúc-trị, Dương-khê, Ủyển-cốt Hiệp-cốc, Hoàn-khiêu, Phong-thị, Âm-thị, Ủy-trung (không cứu) Túc-tam-lý, Huyền-chung, Côn-lôn

Cách 6 ngày lại trị, hiện bệnh hết méo khi nói cười, tay còn te nhiều, chưa nắm vững được, châm bớt nhiều.

Châm trị như trước tay thêm Ngoại-quang, Dương-cốc, nhưng hôm nay châm nhẹ bên không bại, Chân cứu bên bại.

Cách 7 ngày lại trị. Hiện bệnh đi đứng dễ dàng, tay đã cầm được nhưng vẫn còn yếu, chân cũng đi còn yếu.

Châm trị như trước chân thêm Thái-xung, chỉ châm cứu bên bại.

Sau cứ cách 7 ngày lại trị tiếp 2 lần nữa bệnh hoàn toàn bình phục.

2.— Trị bệnh Não Dật huyết.

Ông Thoàn Hốc-môn âm thợ mộc 67 tuổi, sau khi làm về tối ăn cơm tự nhiên tay run rớt chén không hay rồi bắt đầu té liệt, đưa đi Bệnh-viện chẩn đoán là chứng Não dật huyết dùng Âu-độc 3 ngày bệnh không giảm, đem về ngày 28-11 đến nhờ châm trị.

Hiện bệnh nhưn khoẻ mạnh, tay chân bên trái bị liệt không cử động được, mặt mắt không méo, tiếng nói còn rõ ràng, chỉ đầu nhức, mắt hơi mờ.

Trị pháp Dùng các huyệt : Bách-hội, Phong-trì, Thiên-tru, Toán-trúc, Tư-trúc-không, Thái-dương, Kiên-ngung, Khúc-trì, Hiệp-cốc, Hoàn-khiên, Phong-thị, Âm-thị, Ủy-truog, Túc-tam-lý, Dương-lăng-tuyền, Tuyết-cốt, Cồn-lòn.

Trước châm bên mạnh châm nhẹ lấy kim sau châm bên bại lưu kim 25 phút, và cho uống thuốc Lưu-phong huyết-huyết.

Trị lần thứ 2 y như trên nhưng lưu kim lâu hơn (45 phút).

Trị lần thứ 3 cũng trị như trên nhưng bên bại gia cứu 2 tráng.

Kết quả sau ngày ấy tay chân cử động được, và bắt đầu tập chống gậy đi được nhưng hơi run.

Trị lần thứ 4 trị như trên tay thêm Thủ bác-phong, Chân thêm Giải-khê, Thái-xung, Túc-bác-phong.

Trị tiếp 3 lần nữa cũng đúng liệu trình 7 lần, bệnh nhẹ hẳn, đi đứng như thường, về sau đi làm thợ lại như cũ.

Trị ngừa Trúng phong.

Người thể chất béo hay ốm nếu cảm giác đầu ngón tay tê đầu xoay luỗi đơ ; nên cần trị trước để phòng ngừa sau này có thể bị trúng phong.

Dùng các huyệt Bách-hội, Phong-trì, Kiên-tĩnh, Khúc-trì, Phong-thị, Túc-tam-lý, Tuyết-cốt.

Thủ pháp : Dùng ngón cứu Bách-hội, rồi cứu Phong-trì, Kiên-tĩnh, Khúc-trì, Phong-trì, Túc-tam-lý, Tuyết-cốt 10 hay 20 tráng (người thể chất béo nên dùng nhiều), nhớ cứu thứ tự như thế, từ trên xuống và Nam trước bên trái, Nữ trước bên phải.

Cách 2 ngày cứu 1 lần cứu 4 lần là 1 liệu trình, nghỉ 10 ngày. Cứu xong nên tránh ra gió (cứu trong 3 liệu trình).

Chú ý : Phương này áp dụng cứu trị ngừa trúng phong rất hay. Vậy nên đề phòng trước hơn đề sau phát bệnh nguy hiểm.

XI. BỆNH PHỔI : HO, SUYỄN

Trị các chứng ho, như Ho lồi, tức, cảm ho.

Dùng các huyệt : Đại-trữ, Phế-du, Thiên-đột, Xích-trạch, Ngoại-quang, Kinh-cự, Tam-âm-giao.

Mỗi ngày châm trị 1 lần.

Ho gió : Phong-thấp khất-thần, cảm ho.

Nhứt đầu nóng lạnh ho.

Dùng các huyết : Phong-tri, Thân-tru, Phong-môn, Ngoại-quang, Kinh-cự.

Ho nhưc đầu nóng lạnh châm các huyết : Phong-môn hoặc Phế-du, Xích-trạch, Hiệp-cốc Ngoại-quang.

Ho nhiều rát cổ thêm Thiên-dột Tam-âm-giao, mỗi ngày châm trị 1 lần, Tiếp châm trị 3, 4, ngày ít nhọc.

Hoặc dùng phương sau đây :

Dùng các huyết cho ra mồ hôi : Hiệp-cốc, Liệt-khuyết, Khúc-tri, Ngự-lễ.

Làm trấn cơn ho dùng các huyết : Đại-trử, Thiên-dột, Phong-môn, Phong-long, Túc-tam-lý.

Làm cho giảm nóng dùng các huyết : Đại-chùy, Xích-trạch, Ủy-trung, Gian-sử. Hàng thấu (vì lạnh ho) châm thêm Cao-hoan, Linh-đài. Nhiệt đàm thì thêm các huyết : Chiên-trung, Thái-khê.

Ho khan, ho kinh niên.

Chứng trạng nhiều nhưng chủ trị cần làm cho cơ năng tạng phổi mạnh khi huyết lưu thông, bồi dưỡng cho vượn phổi.

Dùng các huyết : Phế-du, Trung-uyên, Du phủ, Xích-trạch, Túc-tam-lý, hoặc Phong-môn, Thân-tru, Kiên-lĩnh, Thái-uyên, Phong-long.

Mỗi ngày thay đổi kích thích trung độ ít lần ít công hiệu, nhưng so với cứu trị hay hơn.

Cứu pháp : Cứu các huyết : Thân-tru, Phế-du, Linh-đài, Thiên-dột, Chiên-trung, Tỳ du, Trung-uyên, Túc-tam-lý, Phong-long mỗi huyết cứu 5 trảng. Cứu trị tiếp 2, 3, tháng bịnh tuyệt hẳn.

Ho lâu thêm cứu Phế-du, Châm Thái-uyên, Chiên-trung, Phong-long, Bịnh thường nên cứu để phòng khỏi ho dùng các huyết : Cao-hoan, Phế du, Thân-tru.

Ho lâu. Lao nhưc ho đàm.

Dùng các huyết : Đại-trử, Phế-du, Phong-môn, Cao-hoan, Linh-đài, Phong-long, Liệt-khuyết, Thiên-dột, Hiệp-cốc. Châm nhẹ.

Hoặc cứu Tứ-hoa Hoan-môn 10 trảng, Đại-trử, Phong-môn, Phế-du, Khuyết âm-du, Can-du, Phách-hộ, Phụ-phần, Cao hoan, Thần-cương, Y-hy, Tam-liêu du đều 10 trảng và cứu Tiểu-lải 10 trảng.

Ho đàm : Ho đàm nhiều hoặc hơi, nhưng không phát nóng lạnh.

Dùng các huyệt : Phế-du, Đốc-du, Tỳ-du, Phong-long, Trung-uỳên, Khí-hải, Túc-tam-lý. Mỗi ngày châm trị 1 lần hoặc cứu 5, 7, tráng, (nên áp dụng cứu trị kiến hiệu hơn).

Khái thấu khí suyễn (ho kéo đàm) Chỉ khí quảng suyễn khái.

Dùng các huyệt : Chiên-trung, Xích-trạch, Linh-đài, đàm nhiều thêm Phong-long, ho lâu không đàm thêm cứu Quang-nguyên.

Thủ pháp : Trước châm Xích-trạch, Linh-đài, đều 5 phân, xoay và lưu kim 20 phút trong thời gian lưu kim cứu Thiên-tru, Chiên-trung, Quang-nguyên, cứu đồ đa sẽ thôi.

Trị nghiệm : Ông Văn 44 tuổi thầy thuốc nhưn cảm mạo sau làm suyễn sức, dùng thuốc uống vô hiệu.

Hiện chứng : Suyễn sức ho xóc, ng ực đầy khó chịu nằm ngửa ho rọi kiến bị bình phổi.

Trị dùng các huyệt : Xích-trạch, Linh-đài, Phế-du, Nội-quang, Túc-tam-lý, bình hồ bình tả, phối hợp cứu các huyệt : Thiên-đột, Chiên-trung.

Châm cứu trị, sau cảm giác ngực khoan khoái suyễn sức hết không tái phát nữa.

HUY PHƯƠNG : Trị chứng ho suyễn, ban đêm không nằm được thở đàm, thở hơi kéo khó khè.

Cách trị : Dùng Thất-tĩnh-châm dọc theo hai bên xương sống từ đốt thứ nhất đến đốt thứ năm, châm ngang và xuôi.

Dưới thắt lưng cũng châm như vậy, và châm trước ngực chỗ hai bên Khí quảng chỗ xương sườn. Nhưng không nên châm mạnh lắm, chỉ châm cho nổi đỏ không ra máu.

Ban đầu châm mỗi ngày 1 lần, đến 10 lần thì nghỉ, cách 10 ngày châm lại 1 lần, 20 lần là 1 liệu trình. Châm xong không nên ra gió, và kỵ ăn đồ kích thích.

Trị nghiệm : 1.— Cô Thi 26 tuổi, ho, hen suyễn, hơi thở khó khè, khi nhẹ khi nặng bệnh đã 20 năm, hiện chứng ho, hen suyễn đàm kéo khó khè, thở hụt hổng rọi kiến cho vì thần kinh quá căng phát suyễn sức, trị ở Bệnh viện chỉ giảm bớt chút ít không trừ tuyệt gốc, hằng ngày dễ phát cảm mạo, khi đến mùa Thu, Đông lại phát nặng, khi suyễn, nhò đàm đặt trắng, ngực nặng phải khạt nhò hoài, ngủ không nằm thẳng được thường lúc sơ phát gộp lúc có kinh th

làm như cảm mạo, gia đình có thì cha Có bệnh phổi, mẹ bệnh suyễn.

Hiện người mẹ mệt, lưỡi tưa trắng, nhiệt độ chỉ trên 36 : chỗ hông sườn thứ 1 đến sườn thứ 8 có điểm đè đau, động mạch có nơi chuyển động (thuộc khí quản suyễn súc).

Trị pháp : Kích thích Thần kinh hai bên sống lưng từ đốt thứ 1 đến đốt thứ 8, các chỗ khí quản ở cổ, hai bên hông sườn cũng đều châm kích thích (toàn dùng Thất-tinh-châm) trị cả thấy 8 lần, suyễn súc đình chỉ, tiếp tục trị 16 lần chứng suyễn hết hẳn.

2.— Cháu Kim 1 tuổi mẹ cháu cho biết khi mới sanh hẳn được 100 ngày, như cảm hàng làm suyễn, đàm nhiều thở khó khăn, đem đến Bệnh viện Nhi đồng trị 8 tháng thì bệnh khi tăng khi giảm, không thể trị nhẹ hẳn, kiểm tra các bộ phận đầu, cổ, họng, không có bệnh gì, niện lưỡi tưa trắng nhiệt độ đến 37, chỗ bên hông từ sườn thứ 3, 5 đè đau làm suyễn thở.

Trị pháp : Dùng Thất tinh châm, châm kích thích chỗ thần kinh sống lưng từ 1 đến 5 và chỗ sườn, bên hông, chỗ khí quản đều kích thích nhẹ. Trị 3 lần, thì ban đêm hơi giảm bớt, nhưng trong cổ còn có hơi kéo khó khè, trị tiếp đến lần thứ 8, như khi trời lạnh, cho ăn uống không cần thận, nên phát sốt nóng, nhưng không có suyễn mà trong cổ đàm nhiều tiếp trị đến 15 lần các chứng đều hết hẳn.

Trị Ho suyễn, theo mùa. (mùa xuân, mùa thu hay phát).

Dùng biệt huyết Thấu-ma.

Cách trị, để bình như ngồi ngửa, ấn khoảng giữa hai huyệt, Kiên-trinh và Khúc-viên, hơi xé xuống 1 tý (độ 2 phân), châm từ 3, 5 phân tùy ốm béo, mũi kim xiên vào huyết Đại-chùy xoay vận kim đầy vào đến 2 tất rươi hay 3 tất, bình hồ bình tả (xoay tời trước đầy vào 3 lần, rút ra, xoay 9 lần (tam nhập cửu xuất), lưu kim 30 phút, cách 1 ngày châm trị 1 lần. Bình nặng châm trị 5 lần rất nhẹ, bình nhẹ trị 3 lần hết ngay.

Chú ý : Châm huyết Thấu-ma hướng vào huyết Đại-chùy đầy vào đúng giác độ 12 không nên châm sâu vào ngực gặp phản ứng nguy hiểm, nên cẩn thận trọng.

Trị nghiệm : Ông Phở, Nông dân, bị bệnh suyễn súc đã trên 20 năm, mỗi năm cứ đến tiết xuân, thu cảm hàng, thì phát bệnh, khi lên cơn không nằm được, ăn uống càng kém sút, thở hơi hụt, trìn

Sai há miệng rất khổ sở dùng các phương trị không nhẹ, sau đã dùng phương này.

Trước châm Trung-phủ 1 tất, Liệt-khuyết 1 tất rươi, Thiên-đột châm xuyên xuống 1 tất rươi, bình bỏ bình tả lưu kim 30 phút.

Châm rồi thì cơn suyễn giảm bớt, nhưng trị tiếp luôn 3 lần nữa vẫn chưa cải thiện thêm.

Trị lần thứ 4 dùng biệt huyết Thấu-ma, châm đúng theo phương thức trên lưu kim 15 phút. Châm rồi cơn suyễn hạ ngay.

Cách 1 ngày châm trị 1 lần, trị tiếp 3 lần hết suyễn súc, bệnh hoàn toàn bình phục hẳn không tái phát.

Trị Ho suyễn cảm mạo phong hàn thì phát, đàm kéo khô khè.

Trị pháp dùng các huyết : Thiên-đột, Chiên-trung, Khi-bãi, Túc-lam lý, phối hợp các huyết Thân-trụ, Linh-đài, Phế-du.

Dùng ngai trực tiếp cứu hoặc cách gừng, bệnh nhẹ cứu đến da đỏ, như nổi phỏng dùng cao dán cho lành sau cứu trị lại.

Trị-nghiệm có người bệnh trên 20 năm dùng phương này trị hết hẳn.

Những phương đã trị nghiệm :

Trị bệnh ho đày đọa 20 năm, đêm không ngủ được.

Ông Kim 65 tuổi, mỗi đêm nằm tức phát ho không ngủ được, bệnh thời tim hơi khó chịu, khi ho thì chỗ ở tim đau, làm đau đầu. Bệnh đã 20 năm dùng đủ phương kể cả Châm cứu trị đều không công hiệu.

Trị pháp : Châm huyết Trung-nguyên tả có kết quả. Trong khi châm xoay tả thì chỗ ở tim khỏe, xoay kim tả xong thì dễ chịu, ít ho. Kết quả đêm ấy nằm yên, ngủ được, đến nửa đêm hơi ho chút ít, ngày sau hết không ho nữa.

Trị lý : Trị bệnh này công hiệu là vì nhận thấy bệnh đã lâu mà từ trước các thầy trị đã dùng nhiều huyết về tạng phổi (phế kinh) trị không công hiệu, nên dùng Vị huyết (Trung-nguyên tại bờ phận ở Vị) áp dụng trị Vị nhận xét Vị thổ sanh Phế kim, mà Vị vì nhiệt nên tả Vị mà phổi hết ho, vì thế bệnh lâu năm trị được công hiệu.

Bổ Phế Thận trị hết chứng Ho làm vài tiểu.

Cô Vinh 49 tuổi đã mất kinh 5 tháng bệnh ho, khi ho thì, nước

tiêu tự ý giải ra, nhỏ đàm hơi mặn.

Trị pháp : (Nhận xét đàm mặn thuộc Thận). Trị châm huyết Thái-uyên, huyết Thái-khê bổ.

Kết quả : Châm trị rồi ho giảm và hết giải tiêu, ngày thứ 3 kinh thông bình hết hẳn.

Trị bệnh buổi mai ho suyễn, sắc mặt trắng mét.

Cô Lý 26 tuổi bị cảm hàng ho, cứ buổi mai phát ho, khi suyễn, sắc mặt trắng bạc, ọc mửa ra đàm trắng, khi cơn ho, thì cổ ngứa, tim nặng, ợ hơi.

Trị pháp : Châm Kinh-cự, Thiên-lich đều tả. Kết quả khi trị tả Kinh-cự xong, cổ hết ngứa, ngực bớt nặng, rồi tả Thiên-lich sau, hết suyễn sức, ho nhẹ giảm 90%.

Trị bệnh này dùng huyết Phế và Đại trường kinh phối hợp nên rất công hiệu.

Trị ho, tiếng nặng cổ ngứa.

Cô Lệ 22 tuổi ho tiếng nặng, cổ ngứa phát ho, tim nặng, trớ đờ ho nhiều, đến sáng lại càng nặng.

Trị pháp : Châm Kinh-cự, Xích-trạch tả, cổ hết ngứa.

Tiếp trị lần thứ 2 bệnh nhẹ hẳn.

Trị bệnh ho, dưới rún đau.

Cô Bích 18 tuổi bị bệnh ho đã 4 tháng, dưới rún đau, miệng đắng, nhỏ đàm lợn cợn,

Trị pháp : Châm Khí hải, Tam âm giao.

Cửu Đại chùy, Phong-môn, Phế du, Thận-du, Mạng môn, Chiên trung, Quang-nguyên, Túc-tam-lý. Bệnh hết hẳn.

Trị bệnh ho vai đau, đêm không nằm một bên được.

Bà Kim 57 tuổi ho, chỗ ngực đau đến nách vai, hơi thở ra cũng đau, đêm không nằm nghiêng qua bên trái được, sợ lạnh, ai cũng cho là bị bệnh phổi nặng.

Trị pháp : Châm Nội-quang, Xích-trạch tả.

Kết quả : Ho hết, hông vai cũng bớt đau, đêm nằm nghiêng được. Trị tiếp lần thứ hai ho dứt hẳn, tinh thần khoẻ lại như thường.

Trị ho lâu. đêm chỉ ngồi không nằm được.

Ông Truyền 54 tuổi ho đã 7 năm nay người yếu, đêm chỉ ngồi không nằm được.

Trị pháp : Châm Thái-uyển bờ, Nội-quang bờ. Cứu Đại-chùy, Phong-môn, Phế-du, Thận-du. Mạng-môn, Chiên-trung, Khí-hải, Túc-tam-lý, Linh-dài, Chí-dương, Phách-hộ đều 3 tráng.

Kết quả : Đêm ấy nằm được ho lần lần giảm. Trị tiếp 1 lần nữa hết hẳn.

Trị bệnh ho, nơi ngực như có nổi cục (bi khối).

Ông Thế 60 tuổi bệnh ho suyễn, ngực lưng đau, khó nhò đàm, khi ho, thì chỗ ngực như có vướng cục gì. lấy tay sờ thì chạy, có phát nóng lạnh, người uể oải, lưng lạnh.

Trị pháp : Châm Nội-quang tả 2 bờ 2 lần.

Cứu Đại-chùy, Phong-môn, Phế du, Chiên-trung, Chương-môn, Thượng, Trung, Hạ-uyên đều 3 tráng. Khí-hải, Túc-tam-lý, Tam-âm giao đều 3 tráng.

Kết quả : Lưng hết lạnh, đàm dễ nhò, ho ngực bớt đau.

Trị lần thứ 2. Cứu y như trên thêm Thận-du, Phong-long 3 tráng.

Tiếp trị lần thứ 3 cũng như trên kết quả chỗ ngực hết nổi cục nữa.

Tiếp trị luôn 5 lần nữa các chứng đều giảm, ho cũng giảm về sau hết hẳn, bình phục như thường.

Bỏ thận trị bệnh ho. nhò đàm mạn.

1.— Cô Đặng 23 tuổi nhơn sản hậu gặp lạnh làm ho đã 6 tháng. khi hết, khi ho, không dứt, cơn ho thì mửa đàm mạn, tăng sáng lại ho nhiều, ho đến lưng đau, đầu xoay chóng mặt.

Trị pháp : Châm Thái-uyển bờ, Phong-long tả. Cứu Mạng-môn, Thận du, Phế-du, Phong-môn, Túc-tam-lý. Kết quả ho giảm

Trị lần thứ hai : Châm Phục-lưu bờ, Kinh-cự tả. Cứu Phế-du, Phong-môn, Nhũ-cẩn, Du phủ, Hoắc trung, Linh khưu, Thần-phong, Âm-cốc, Túc-tam-lý đều 1 tráng.

Kết quả bệnh hết hẳn.

2.— Ông Dương 50 tuổi cũng ho nhò đàm mạn.

Trị pháp : Châm Phục-lưu, Phi-dương bồ. Cứu Thận-du, mạng-môn đều 1 trảng. Kết quả hết ho và đàm hết mặn.

Trị bệnh ho khan tiếng.

Bệnh nhưn Văn Tống 24 tuổi cảm mạo phong hàng mấy hôm ho làm khao mất tiếng.

Trị pháp : Châm Phong-phủ tả, Thái uyên bồ, Hiệp-cốc tả. Cứu Đại-chùy, Phong-môn, Phế-du đều 3 trảng. Kết quả : Bệnh hết hẳn.

Trị bệnh ngực đau lâu làm ho khan.

Cháu Siu chỗ ngực đau đã 7, 8 tháng không giảm sau phát ho khan, rồi kiến phổi không bệnh, đó là do hệ thần kinh làm đau.

Trị pháp : Châm Nội-quang, Thái-uyên đều tả, Cứu Thiên-đột thêm các huyết giữa ngực và hai bên (tức ba hàng huyết ở giữa ngực đến ngang vú, xem đồ hình trước) và ba huyết Kỳ-môn, Chương-môn, Nhũ-cẩn mỗi huyết đều 1 trảng.

Kết quả : Châm trị sau hết ho, ngày sau đàm dễ nhổ, ăn uống được và hết hẳn.

Trị bệnh già ho khan, phát hạp. (ra mồ hôi)

Bà La 66 tuổi bệnh ho khan ngày đêm không dứt, không nằm được, chỗ tim đầy, cổ ngứa phát ho, ra mồ hôi.

Trị pháp ; Châm huyết Kinh-cự tả, tiếp châm Thiên-lich tả.

Kết quả : Đêm ngủ hết mồ hôi (chỉ hạp), ho dễ nhổ đàm.

Sau án bệnh dùng các huyết ở tạng bệnh như Tâm, Can, Tỳ, Phế, Thận mỗi tạng dùng huyết châm trị kết quả hết ho.

Trị bệnh ho. lâu cổ ngứa chảy nước mũi.

Cô Điều bệnh ho lâu cổ ngứa, tiếng khan, ho thường phát han đêm và hay chảy nước mũi.

Trị pháp : Châm Thái-uyên bồ, Cứu Phong-môn, Phế-du đều 3 trảng.

Kết quả đêm ấy ho giảm, mũi hết chảy nước.

Trị lần thứ hai y như trên bệnh hết hẳn.

Ho, mặt thùng bệnh rất nặng.

Anh Sanh 48 tuổi bệnh hạp sau 2 tháng phát ho, khi cơn ho thì chỗ vú đau, đàm nghệt đã 3 ngày không ăn uống được, hiện người ốm như sậy, nằm ngủ mê, sồn tiểu không hay biết, đại tiện lỏng.

người phát sốt, nóng nói xàm, lưỡi tưa vàng thở mệt, đàm ngăn ở ngực khi lâm suyễn, mặt thùng bịnh rất nguy hiểm.

Trị pháp : Cứu từ huyết Thiên-đột đến giữa ngực ba hàng huyết đều cứu 1 trảng. Cứu Khí-hải, Quang-nguyên, Thái-khê, Tam-lý, Tam-âm giao, Thiên-xu, Thần-khuyết, Trung-uyên, Phế-du, Phong-môn, Đại-chùy, Bách-hội, Tý-du, Vị-du, Bách-lao, Côn-lôn, Nội-đỉnh, Công-tôn, Nội-quang đều 3 trảng, sau châm Nội quang, Công-tôn, Phong-long tả 3 lần.

Kết quả : Tinh thần khỏe lại, ngực thông, thở giảm, hết nói xàm, qua 1 giờ sau cho ăn cháo, đêm ấy không ho, ngủ được, tăng sáng hết sốt, ngày sau mặt hết thùng ăn uống được.

Trị bịnh này vì chứng bịnh nặng nên cần cứu trước cho tinh thần khỏe trở lại sau mới châm tả Phong-long và tả Nội-quang, nên bịnh bớt, kết quả nhẹ được.

HO RA MÁU

Trị bịnh ho ra máu.

Cô Châu 30 tuổi ho đàm nhiều có lộn máu, khí suyễn tim nháy, hai tay có phát ần mọt ngứa, bịnh đã 2 tháng.

Trị pháp : Châm Khúc-trì, Tam-âm-giao, Nội-quang đều tả và châm Khúc-truyền tả 3 lần.

Kết quả : Các chứng đều giảm, ho cũng giảm, đàm hết máu, mọt ngứa cũng giảm, tiếp trị lần thứ hai y trên, bịnh hoàn toàn bình phục hẳn.

Trị bịnh ho sau rồi thổ huyết.

Cô Văn 32 tuổi, 6 tháng trước phát sốt rét 10 lần qua tháng sau phát ho, rồi tự nhiên có 1 ngày lại thổ huyết có cả huyết ứ đen, khi thổ bụng dưới đau.

Thủ pháp : Hiện bịnh bình thời thường đau lưng, ngực đầy, chỗ cuối lưng cũng đau, xương vai đau, miệng khát nước, đàm có hột, vì bị thổ huyết nên hai chân yếu, không muốn ăn, mỗi ngày cứ đến 12 giờ trưa tui thổ 1 lần.

Trị pháp : Châm Trung-uyên, Nội-quang, Tam-lý-tả.

Cứu Phế-du, Cánh-du, Can-du, Đờm-du, Tý-du, Thận-du, Chiên-trung, Ký-môn, Chương-môn, Thượng-uyên, Hạ-uyên, Khí-hải, Tam-lý, Tam-âm-giao, Thiên-xu đều 1 trảng.

Kết quả : Ngày ấy không thở, nhưng sáng mai lại thở, nhưng ít hơn.

Trị lần thứ 2 (ngày sau) Châm huyết Xích-trạch hên mặt, tả. Cứu Bách-hội, Nhủ-căn, Trung-uyên, Khí-hải, Phế-du, Cách-du, Can-du đều 3 trảng, Tý-du, Hiệp-cốc, Tam-lý, Tam-âm-giao đều 1 trảng.

Kết quả : Hết thổ huyết, bình nhẹ hẳn.

Trị chứng thổ huyết vì ho lâu.

Cô Điều 46 tuổi ho lâu, nay làm thổ huyết, thêm đau mũi và hai bên mũi đều đỏ.

Trị pháp : Châm Thái-uyên bổ, Cứu Phong-môn, Phế-du 3 trảng.

Kết quả đêm ấy bớt ho hết thổ huyết, ngày sau mũi hết đỏ nhẹ hẳn.

BỆNH SUYỄN.

Trị bệnh Suyễn lâu năm.

Bà Long 68 tuổi bị bệnh Suyễn lâu năm, ho, mỗi buổi sáng mai; ngồi dậy thì ho, khó thở, đi đường hoặc nghe mùi dầu, thuốc thì phát suyễn nặng 1 lúc không dứt được.

Thủ pháp : Châm Thiên-đột tả. Cứu từ : Liêm-tuyền, Nhơn-nghinh, đến Chiên-trung và từ Du-phủ đến Bộ-lang các huyết đều 1 trảng.

Kết quả : Từ Thiên-đột trở xuống hơi khỏe, sáng hôm sau ngồi dậy được, ho giảm, đàm ít dễ nhổ, nghe mùi thuốc không phát nữa, cho rằng bệnh nhẹ 2/3. Trị lần thứ hai y như trên, Bệnh hết hẳn.

Trị bệnh Suyễn sưng ống khí quản (mạng tánh chi khí quản Suyễn

Cô Huỳnh 40 tuổi bệnh Suyễn sức nặng khó thở đêm không nằm được nhờ đàm có hạt, rít, khi ho nghe ở ngực có cục gì lớn bằng trứng gà (bì khối) rất đau đớn khó chịu.

Trị pháp : Châm Thiên-đột tả. Kinh-cự tả, Thiên-lich bổ. Cứu Nhơn-nghinh, Đại-nghinh. Hoa-cái, Tử-cung, Chiên-trung và từ Du-phủ đến Bộ-lang các huyết đều 1 trảng.

Kết quả : Đêm ấy Suyễn bớt nằm được, ho đàm đều giảm phần nửa, chỗ ngực bớt nặng hết đàm.

Trị lần thứ 2 Châm Thiên-đột tả, Thừa-lương tả, Cứu như trước thêm Thượng-uyên, Trung-uyên, Kinh-cự, Thiên-lich, Hiệp-cốc đều 3 trảng.

Kết quả ngày hôm sau đàm dễ nhỏ, trước 12 giờ trưa lại ho lại, nhưng hông bớt đau.

Trị lần thứ ba (chỗ ngực bị khối dề đau (Châm Trung-uyên tả. Khi châm trị thì chỗ đau giảm, tả sau, hết đau và chỗ bị khối ấy hết mất, (lần này chỉ châm trị huyết Trung-uyên).

Trị lần thứ 4 Cách 13 ngày các bệnh giảm nhưng vì bệnh lâu nay nhược nên bị cảm mạo lại phát suyễn ho, răng đau, chỗ ố tim ngực còn khó chịu, nhức đầu xoay xảm, các chứng chưa giảm, nên sau Châm Túc-tam-lý bổ, Bách-hội bổ.

Kết quả răng hết đau, ngực nhẹ, các chứng giảm rồi đêm ấy các chứng hết và ngoài lưng hơi ảm lại (trước lạnh luôn), bệnh nhẹ và bình phục hẳn.

Trị bệnh Suyễn, xóc nghịch, không ăn được.

Anh Vinh 32 tuổi ban đêm ho rất nặng, chỗ ngực phát đầy lên khi Suyễn hơi dưới xóc lên đau nhức, đàm trắng lẫn vàng, không ăn được, đi Bệnh viện rọi kiến cho biết ống khí quảng bên trái và bên phải sưng thủng (màng tánh chỉ khí quảng viêm, chỉ khí quảng hoành trưởng), ngoài ra tim phổi vẫn thường.

Trị pháp : Trước cứu chỗ trước ngực ba hàng huyết đều 3 trảng.

Cứu huyết Đại-chùy, Phong-môn đều 3 trảng, Huyết Cao-hoan dùng được quyền cứu 3 lần.

Kết quả : hết suyễn, ho và chỗ ngực trưởng giảm 1/3, ăn được.

Trị lần thứ 2, cách 2 ngày hiện chứng còn nhức đầu, hơi xóc lên.

Châm Thái uyển bổ, Nội-quang tả, Phong-long, Hiệp-cốc, Thân-tru đều tả Cứu 3 hàng huyết trước ngực mỗi huyết 5 trảng và các huyết Linh-đài, Chí-dương, Phong-trì, Đại-chùy, Phong-môn, Phế-du đều 3 trảng. Huyết Cao-hoan cũng dùng ngại quyền cứu 5 lần.

Kết quả bệnh hoàn toàn hết hẳn ; bình phục như thường.

Trị bệnh khí suyễn:

Anh Cần 35 tuổi nhưn độc sách thâm đàm cả năm phát sanb khí suyễn trong cổ có tiếng khô khè, thở mệt.

Trị pháp : Châm các huyết Thái-uyên, Nội-quang, Đại-chùy bổ Thiên-đột lỗ.

Cứu Phong-môn, Phế-du và trước ngực ba hàng huyết mỗi huyết đều 1 trảng.

Kết quả : Trị xong về nhà khỏe và lần lần hết hẳn.

XII. BỊNH LAO PHỔI

Trị bệnh Lao phổi, ho có đàm lẫn máu, thường phát nóng cơn, (hực nóng), có lúc ho ra máu, thổ huyết, phát mồ hôi trộm.

Trị pháp : Dùng các huyết : Đại-trử, Đại-chùy, Phong-môn, Phế-du, Thái-uyên, Thán-tru, Khúc-trì. (châm trị) và các huyết ; Tứ-hoa-hoạn-môn, Cao-hoan, Bách-lao, Ngũ-tạng-du, Túc-tam-lý, Tam-âm-giao, Khí-hải, Trung-cực, Thái-xung (cứu trị).

Thủ thuật : Châm 7 huyết trên và cứu Tứ-hoa-hoạn-môn, Cao-hoan, Ngũ-tạng-du là chính ; các huyết khác tùy chứng gia giảm cứu trị.

Trị nghiệm : 1) Em Lý-thị... 18 tuổi bị bệnh lao phổi hiện chứng trạng, ho, thổ huyết, ra mồ hôi trộm bệnh đã 7 tháng, gần hai tháng sau đây, bất luận không có kinh nguyệt, ăn uống càng ngày càng kém, hình thể gầy ốm, mỗi buổi mai, hơi hực sốt, nửa đêm thường ra mồ hôi trộm, rọi kiến là bệnh lao phổi dùng các thứ Âu-độc chỉ hơi bớt sơ nhưng không dứt được.

Trị pháp : Lần thứ 1) Châm 7 huyết trên và cứu các huyết chính, ngày sau cho biết ban đêm bớt ra mồ hôi trộm, không còn thổ huyết, ho cũng giảm, nhưng còn thổ mệt, không muốn ăn.

Trị lần thứ 2 Cứu Ngũ tạng du, châm Vị-du, Túc-tam-lý, Tam-âm-giao, Tứ-hoa-hoạn-môn. Châm cứu y như vậy trong 13 lần.

Kết quả : Ăn được, tinh thần khoan-khoái.

Trị lần thứ 14 Châm cứu Khí-hải, Trung-cực, Phế-du, Thái-xung, cứu huyết Bách-hội.

Trị lần thứ 15 Châm Túc-tam-lý, Ngũ-tạng-du, Đại-chùy, Khí-hải, Trung-cực. Cứu Huyết Cao-hoan.

Kết quả : Thân thể khỏe lại, bình hết, bình phục hẳn.

11) **Cổ Châu** bệnh lao phổi, ho, mồ hôi trộm, nóng cơ, thân
ấm bệnh gần 1 năm.

Trị pháp : Châm Ngũ-tạng-du, Đại-chùy, Gian-sử, Khi-hải, Trung-
cực, Trung-uyển, Tam-âm-giao.

Cứu Cao-hoan, Từ-hoa-hoan-môn.

Dùng các huyết này châm cứu thay đổi, sau chỉ cứu không
trong thời gian 2 tháng, bệnh phục và khỏe hẳn.

Phụ chú : Trị bệnh Lao phổi theo Đông-y cần Tư âm bổ phế,
cường tràng, kiện tỳ làm chủ. Châm cứu trị bệnh này là làm cho
huyết mạch lưu thông bộ tuần hoàn khỏe và các sự dinh dưỡng
được tinh tấn, kháng lực cường thịnh, tiêu hóa hấp thu đều mạnh.
Vì thế nên cần châm cứu thời gian lâu trong 1, 2 liệu trình.

Những huyết trên đây theo cổ thuyết trị Ngũ lao thất thương
Hư tổn thanh tạng lao nhiệt khái thiếu là yếu huyết.

Những huyết chủ yếu trị bệnh Lao phổi.

Đại chùy : Chỉ thanh-tạng trị cốt chứng lao nhiệt (mồ hôi trộm,
bực nóng).

Phong môn : Giải nóng trị ho.

Phế-du : Giải ngũ tạng nhiệt, chỉ huyết trị cốt chứng lao nhiệt
(bực nóng trong xương).

Đào-Đạo, Thần-trụ, Cao-hoan : Trị Hư tổn, ngũ lao thất thương
(các chứng lao).

Thái-uyên : Chủ trị ho, phiền muộn không ngủ, đầy trướng,
suyễn súc, đau lưng, đau tim đau phổi.

Khúc-trì : Giải nhiệt, trị đau ngực, đau hông.

Cao-hoan, Từ-hoa, Hoan-môn, Bách-lao : Trị bộ phận hô hấp
mạng tánh, thần kinh suy nhược.

Ngũ-tạng-du : Giải các tạng phủ nóng, ngoài ra các du huyết
khác còn làm cho kiện Tỳ, mạnh bộ tiêu-hóa, nên tùy dùng trị.

Vậy nên khi ứng dụng trị liệu thì cần áp dụng như sau :

Như ho, dùng các huyết : Cao-hoan, Phế-du, Phong-môn, Đại-
chùy, Thái-uyên, Túc-tam-lý, Tam-âm-giao.

Ngực đau dùng các huyết : Thái-uyên, Nội-đỉnh, A-thi-huyết.

Lạt huyết dùng các huyết : Phế-du, Cách-du, Xích-trạch, Túc-tam-lý

Bách-lao, Trung-uyển, Phong-long, Ngư-lễ.

Phát sốt dùng các huyết : Đại-chùy, Khúc-trì, Phong-môn, Thân-tru, Tam-âm-giao.

Mồ hôi trộm dùng các huyết : Đại-chùy, Hậu-kê, Âm-ky, Phục-lưu.

Dạ dày, ruột bị trở ngại dùng các huyết : Trung-uyển, Khí-hủi, Quang-nguyên, Vị-du, Túc-tam-lý.

Ngoài ra các huyết : Đại-chùy, Thân-tru, Tử-hoa-hoạn-môn, Cao-hoan là các huyết mà các bậc Danh-y xưa gọi là huyết trị bịnh lao phổi rất hay, nên phối hợp ứng dụng trị liệu rất đại kiến hiệu.

Huyết-phương : « Phương pháp này đã áp dụng trị nhẹ nhiều bịnh lao phổi ở, Bệnh-viện Bài-lao Trung-hoa ».

Dùng các huyết chủ trị : Kiên-trung-du, Khí-hộ, Du-phủ, Khổ-phòng và hợp với các huyết trước ngực.

Cần làm cho tăng cường sự tiêu-hóa dùng các huyết :

Can-du, Đổm-du, Tỳ-du, Vị-du, Tam-tiêu-du, Thận-du, Khí-hải-du, Tam-âm-giao, Thần-môn, Thông-lý, Địa-cơ.

Cần chỉ thanh hạng dùng các huyết : Hiệp-cốc, Ngư-lễ, Nội-quang.

Ngoài ra nên phối hợp với các huyết sau đây có tác dụng làm cường tráng : Cao-hoan, Thủ, Túc-tam-lý, Khúc-trì.

Trị nghiệm : Trị bịnh Lao phổi nên tùy theo chứng trạng mà áp dụng phối hợp và thay đổi các huyết sau đây : Khúc-trì, Túc-tam-lý, Hoàn-khiêu, Tam-âm-giao, Địa-cơ, Điều-khẩn, Đại-lăng, Thần-môn, Nội-quang, Ngoại-quang, Cồn-lôn, Phong-thị, Ủy-dương, Đại-chùy, Đại-trử, Cao-hoan, Kiên-trinh, Bình-phong, Phế-du, Vị-du, Tam-tiêu-du, Cách-du, Can-du, Hành-gian, Thái-xung, Lao-cung, Quang-nguyên, Thiên-xu, như nghet mũi cũng dùng huyết Nghinh hương (không dùng thường).

Cách trị : Tuy áp dụng luân phiên các huyết trên chằm cừu trị cứ 2 tuần là 1 liệu trình ; mỗi ngày dùng từ 3, 4, hay 5 huyết, trong thời gian 20, 30, phút. Sau cứ mỗi liệu trình nghỉ 3 ngày rồi trị lại vài liệu trình nữa và cần rọi kiến xem kết quả thể nào để trị tiếp đến khi thật lành hẳn, và cần bồi dưỡng cho nhiều để không tái phát trở lại.

Sau đây giới thiệu vài phương trị công hiệu :

Trị bệnh Lao phổi kèm di tinh.

Cậu Hà-văn-Tây 27 tuổi bệnh ho, rọi kiến thấy phổi bên mặt phía trên có điểm nám, hiện chứng trạng thường phát ho, cổ ngứa như có đàm, ngoài lưng vai đau, trời lạnh thì lưng và trước sườn, đau kèm chứng di-tinh đã 15 ngày, Bệnh phổi nám đã trên 1 năm; dùng đủ các thứ thuốc không công hiệu, nhiệt độ thường 35°, 9, đại tiện 2 ngày mới đi 1 lần.

Trị pháp : Châm Thái-uyên, Phục-lưu bổ 4 lần, Nội-quang tả 2 lần (dùng 1 huyết) Cứu Đại-chùy, Phong-môn, Phế-du, Cao-loan, Linh-đài, Chi-dương, Chiên-trung, Nhũ-căn, Kỳ-môn, đều 2 tráng. Thận-du, Khí-hải, Quang-nguyên đều 5 tráng. Mạn-môn 3 tráng.

Kết quả không phản ứng gì.

Trị lần thứ 2 cách 1 ngày, trị như trước thêm Phế-dương 1 huyết bổ 4 lần. Kết quả Lưng ngực bớt đau.

Trị lần thứ 4. Châm Nội-quang, Tam-âm-giao, Phục-lưu đều dùng 1 huyết bổ 4 lần, Cứu như trước. Kết quả, ngày sau miệng khô.

Trị lần thứ 5. Châm Thái-uyên, Tam-âm-giao, Phục-lưu (2 huyết bổ 4 lần.

Huyết Nội-quan trái tả 1 lần, Cứu như trước.

Kết quả : Miệng hết khô hai bên sườn và chỗ ở tim đau, mất ngột, không thông.

Trị lần thứ 6. Châm như trước thêm Thái-xung 1 huyết tả 1 lần. Cứu như trước thêm Bách-hội, Thượng-tinh, Ngoại-nginh hương 3 tráng.

Trị lần thứ 7. Châm Nội-quang, Tam-lý 1 huyết tả 2 lần Trung-uyển bổ 3 lần tả 1 lần. Cứu Chiên-trung, Nhũ-căn, Kỳ-môn, Chương-môn, Thượng-uyển, Hạ-uyển, Thiên-xu, Khí-hải, Đại-chùy, Phong-môn, Phế-du, Tỳ-du, Thận-du, Tam-lý đều 3 tráng. Kết quả đêm ấy di tinh 1 lần.

Trị lần thứ 8. Châm Quang-nguyên, Tam-âm-giao, Phục-lưu 1 huyết bổ 4 lần. Ngày hôm sau dùng tỏi và xạ-hương sát ngoài sườn lưng 1 lần, (sát tỏi sẽ có phương sau) đương lúc sát tỏi thì miệng hơi ra hơi tỏi, ngày sau chỗ sát tỏi nổi phồng lên bình nhẹ.

Sau đi rọi kiến lại thấy chỗ phổi lành uhiều chỉ còn 1 tý hơi mờ, như thế là đã có kết quả.

Trị bệnh Lao-phổi, bụng trương không ăn được.

Cô Ngọc 20 tuổi bệnh ho, đi rọi kiến phổi bên trái chỗ sườn 1, 2, 3, có 1 điểm đen, phổi bên mặt chỗ sườn 1, 2 cũng có chút ít, hiện chứng đau đầu, bụng trương, miệng, hơi, có lúc hoa mắt, đói không muốn ăn, miễn cưỡng ăn thì đình trệ không yên, kinh nguyệt thì nửa tháng lại có hành kinh 1 lần, người khỏe mạnh, mặt đỏ như không có bệnh hoạn gì.

Trị pháp: Châm Thái-uỷên, Thiên-lich, bổ 4 lần, Nội-quang, Phong-phủ tả 3 lần (đều dùng 1 huyết bên mặt).

Cứu Đại-chùy, Phong môn, Phế-du, Trung-phủ, Vần-môn, Khí-hộ, Trung-uỷên đều 3 tráng.

Kết quả: Ăn được vài chén cơm, nhưng chỗ ngực lại đau, đi chạy càng đau nhiều.

Trị lần thứ 2: Cách 1 ngày Châm trị như trước thêm Thiên-đột tả 3 lần.

Kết quả: Đi không nghe đau ngực nữa.

Trị lần thứ 3: Châm Thái-uỷên-Thiên-lich cũng dùng 1 huyết bổ 3, tả 1, Đại-lăng, Thiên-đột, Phong-long (1 huyết) tả 1 lần. Cứu như trước.

Kết quả: Đi lâu nhận thấy còn hơi xông lên ngực đau, ngày sau thì miệng bớt hơi, sườn ít đau.

Trị lần thứ 4. Châm Nội-quang, Hiệp-cốc, Phong-long đều bên mặt tả 3 lần, Đại-lăng Thái-xung bên trái tả 3 lần. Cứu Phong-môn, Phế-du, Cao-hoan (dùng Ngại-quỷên cứu 4 lần).

Kết quả: Miệng bớt hơi, đầu hết đau.

Trị lần thứ 5 Châm Nội-quang-Thái-xung (hữu-huyết) tả 3 lần, Túc-lâm-khấp (tả huyết) tả 3 lần. Cứu trước ngực 3 hàng huyết.

Kết quả không có phản ứng gì.

Trị lần thứ 6. Châm như lần thứ 4. Cứu như lần thứ 1. Kết quả có kinh sắc đen nhưng bụng trương lưng đau lại nặng.

Trị lần thứ 7. Hiện bệnh như khi làm lưng thì đau lưng, kinh vẫn còn, Châm Đại-chùy, Tam-âm-giao đều 1 huyết, bổ 2 tả 3 lần. Nội-quan bên mặt tả 3 lần. **Kết quả:** Lưng bớt đau.

Trị lần thứ 8. Như trên thêm huyết Thái-uyên bổ 4 lần.

Bây giờ đi rọi kiến thấy hai bên phổi nơi sườn 1 còn 1 điểm lơ mờ, không rõ, chỗ sườn 2, 3, hết hẳn, người khỏe và làm lung được.

Trị lần thứ 9. Châm Thái-uyên bổ 4 lần, Đại-lăng tả 3 lần (bên mặt). Đại-chùy bổ 2 tả 2. Cứu như lần thứ 1, Kết quả lưng giảm, nhưng còn khi suyễn và miệng còn hơi chút ỉt.

Trị lần thứ 10, 11. Châm Đại-lăng, Thiên-đột, Chí-cẩu, Hiệp-cốc (bên mặt) tả 3 lần. Kết quả : miệng bớt hơi, Ngực bớt đau, nhưng khi ngủ chân lại tê, đi đường hơi mệt.

Trị lần thứ 12, Châm Phong-phủ tả 2 lần, Nội-quang tả 3 lần, Ung-song, Ốc-ế (dùng 2 huyết), tả 2 lần, Thái-uyên bổ tả 2 lần.

Trị lần thứ 13, Châm Phục-lưu (2 huyết) bổ 4 lần Thái-uyên bổ tả 1, Phong-phủ, Khí-hộ đều tả 1 lần.

Trị lần thứ 14, Châm Thái-uyên bổ 4 lần, Khí-hộ (bên trái) bổ 2 tả 1 lần. Bây giờ đi rọi kiến lại thấy chỗ sườn thứ hai còn 1 tý lơ mờ, còn các nơi đều tốt cả, trắng lại như thường.

Phụ chú : Bệnh Lao phổi trạng thái bệnh không giống nhau, nên phương pháp trị liệu cũng không dùng nhưt luật được. Trong khi làm sán trị bệnh nhận thấy phần nhiều bệnh đều hư nhược, duy bệnh nhưn này vì còn thanh xuân, chưa chững, người khỏe, miệng hơi trong nóng là thuộc loại lao phổi, trị dùng bổ thì ngực đầy trướng đau, nên trị lần thứ 3 dùng tả nhiều thì nóng bớt mà hạch lao cũng giảm (ấy là vì người khỏe mạnh nên phải dùng tả pháp để giải nhiệt khử độc).

Vậy đối với các bệnh khác, cần xem trạng thái bệnh thể Hư Thiệt mà áp dụng thủ pháp không nên câu nệ theo cách trị bệnh này vì phần nhiều bệnh Lao phổi không nên quá tả (không có lợi).

Phụ phương dùng tời sát trị bệnh Lao phổi.

Phương này ở Trung-hoa trong dân chúng áp dụng trị có hiện quả, xin giới thiệu để nghiên cứu áp dụng trị bệnh nám phổi.

Ở Trung-hoa trong dân chúng thường dùng tời đâm nhuyễn hòa với cháo ăn trị bệnh nám phổi, nên áp dụng phương dùng tời để trị bệnh nám phổi, Lao phổi theo phương thức sau đây :

Phương thức. Tời đâm nhuyễn đắp vào bộ phận sau lưng, trị bệnh Lao phổi so với ăn cháo tời nhưt định công hiệu hơn.

Dùng 1 cân 4 lượng tỏi đâm nhuyễn, Xạ hương 1 phân. Bão bình nhơn nằm sấp, bắt đầu từ huyết Đại-chùy, (đốt thứ nhứt sống lưng) đến huyết Trường-cường (đốt xương cùng) 21 đốt xương, giữa sống lưng và hai hén. Trước lấy tỏi về thành 1 giầy tròn, trong lót 5 ly Xạ-hương đắp lên từ đốt thứ 1 đến đốt thứ 21, đắp tất cả tỏi ấy cao độ 2 phân dài như hình 1 con rắn, trên dùng giấy bóng đắp bao lại cho khỏi tiết hơi ra, để đó trong hai tiếng đồng hồ, mới lấy ra lau sạch, bây giờ điều dưỡng trong 3 tháng, bệnh nhẹ chỉ trị 1 lần, bệnh nặng 3 tháng sau trị 1 lần nữa, ắt công hiệu ngay.

Đơn cử trị bệnh dưới đây.

Anh Tín 21 tuổi bị bệnh phổi 2 năm, ho, sắc mặt mét xanh, tinh thần lao quỵện, ăn uống không biết ngon, chưa có vợ.

Chiếu theo phương pháp trên đây trong uống thuốc bổ dưỡng, kết quả khi sát tỏi đến nửa giờ, trong miệng mũi đều có mùi tỏi thúi, ngày sau các chỗ sát tỏi đều có nổi lên mụn trong bóng hơi đau không nằm được, chảy nước, (lấy bông gòn thấm nước này, ấy là chất độc ra, không nên cho chảy lan các nơi). Qua ngày sau thì lành hẳn.

Chỉ trị 1 lần mà sắc mặt lần lần hồng hào trở lại, tinh thần khỏe, ăn nhiều và làm lung như thường. Vậy phương này phối hợp với châm cứu trị bệnh Lao phổi nhứt định có nhiều kết quả.

Phụ trị bệnh Hen Suyễn nặng của Bác sĩ LE COZE (dăng trong Tạp chí Châm cứu Thế giới số 33).

Bà R... 47 tuổi bị bệnh Hen suyễn đã 20 năm, rất khổ sở, dùng đủ các thứ thuốc Âu-đức tối tân trị suyễn cũng chỉ trấn áp cơn chút ít, vẫn phát mãi không dứt, cho là bệnh nan y.

Sau tời (lời của Docteur LE COZE) nói với bệnh nhơn, khoa Châm cứu rất thần diệu có thể trị được, không đến nỗi tuyệt vọng, bệnh nhơn bằng lòng đến nhờ tời trị, tời cho biết rất cần nhẫn nại trị nhiều lần mới có thể có kết quả, bệnh nhơn tin tưởng đồng ý theo trị.

Hiện bệnh chứng: Bệnh nhơn nói hơi hụt hổng, giọng không thanh, nhờ chồng cho biết. Bệnh từ khi mới phát sau khi sanh (sân hậu) cứ suyễn mãi bắc đầu trị, vẫn cầm chừng vô hiệu trong thời gian 10 năm tuy cảm thấy khổ sở vẫn còn hy vọng trị được nhưng

rồi không có kết quả gì cả, đến nay đã 20 năm, kể cả dùng đủ các thứ thuốc tối tân nhất cũng chỉ dứt cơn I tý rồi lại phát, thật đành tuyệt vọng.

Bây giờ kiểm tra bệnh thì hiện chứng trạng sau đây :

Phổi : Tuy bình thường nhưng thuộc chứng sưng màng phổi (Phế mạc viêm), ngoài lưng chỗ bộ phận phổi có điểm đè đau.

Tim : So với người thường thì tim hơi lớn 1 ít.

Gan : Đối với bình thường thì lớn hơn 3 ngón tay, (đề quan huyết Chương-môn thấy nổi ở tay).

Huyết áp : Bình thường.

Mũi : Vì thường hay chảy nước mũi nên bị sưng, thuộc mạng tảo lý viêm.

Kinh nguyệt : Không điều, mà mỗi lần hành kinh bất kỳ trước, sau hay trong khi có kinh bịnh phát càng nặng hơn.

Bệnh này sau khi kiểm bệnh thì có thể đoán là bệnh do Gan biến sanh (vì hiện tượng Gan lớn) ngoài ra không có hiện tượng gì cả.

Chiếu theo sách của Bác-sĩ Dr. De La FUJE, tôi định phương thức trị liệu sau đây :

Trị suyễn : Dùng kim vàng châm Phế-du, kim bạc châm Trung-phủ, Hoặc-trung, Du-phủ.

Trị Tim dùng kim bạc châm : Thiếu-hải, Thông-lý, Thào-môn.

Trị Gan dùng kim bạc châm Hanh-gian, Thái-xung, Trung-dò-Chương-môn.

Trị mũi dùng kim bạc châm Nghinh-hương, Kim vàng châm Hiệp-cốc, Hòa-liêu.

Trị chân (vì bệnh nhơn cho biết 2 chân cảm giác nặng nề khó chịu) dùng kim bạc châm Thương-khưu, Khưu-hư.

Định phương thức trị liệu nhận thấy nhiều huyết quá, như vậy nghĩ vì bệnh quá lâu, 20 năm, nếu không dùng toàn bộ trị liệu thì sợ khó thành công, nên quyết định áp dụng phương thức ấy thì trị.

Bây giờ bắt đầu trị, áp dụng đúng như trên, châm trị xong cho uống thêm thuốc Cholidonium 4CH Antimonium Tartarium 4CH, chỉ uống 1 lần thôi.

Trị lần thứ 5 cũng trị như lần thứ 1 (áp dụng huyết từ từ thay đổi dùng như thế trong một liệu pháp).

Về sau bệnh nhơn cứ tiếp tục trị, cách 3 ngày 1 lần cả thầy trị 12 lần.

Kết quả : Trị lần thứ 1 và thứ 2 có hiệu quả chút ít.

Lần thứ 3 kết quả nhiều hơn, chứng tý viêm và chân nặng đã hết, chứng chảy nước mũi hết.

Lần thứ 4 sau khi trị thì chiều hôm ấy không phát sốt, sáng sau mới phát 1 lần, nhưng cơn nhẹ hơn và ít hơn.

Lần thứ 5 đến lần thứ 7, so với 4 lần trước bệnh chuyển khá nhiều, kiểm tra lại thì chứng Phế mạc viêm và Tý viêm đã hết, ban đêm không phát cơn nữa, chỉ ban ngày phát vài lần nhưng cơn giảm ít hơn.

Trị đến lần thứ 8 thì bệnh nhơn khỏe khoắn nhiều, các bệnh hữu thấy rất ngạt nhiên vì bảy giờ bà ăn như thường không kiên cử gì nữa cả.

Bắt đầu từ lần thứ 9, 10 thì cách 6 ngày trị lại 1 lần. Bệnh nhơn bảy giờ thấy hơi thở khoan khoái, ngủ yên, cảm giác như người chết đi sống lại, rất sung sướng.

Trị lần thứ 11, bệnh nhơn về nhà tự đi bộ dạo mát, tự nhận đã bao năm nay được đi dạo chơi lần thứ 1.

Trị lần thứ 13 cách 10 ngày, bệnh nhơn cho biết đã hết hẳn, ngày đêm như thường, không còn gì nữa cả, tức đã hoàn toàn bình phục, trị lần này cốt chỉ để đoạn căn.

Cách 3 tháng sau có người bạn của bà lại xin trị bệnh cho biết hiện nay bà đã khỏe mạnh như thường.

Vậy xin giới thiệu 1 phương trị liệu ở Pháp, Bác-sĩ COZE đã trị 1 bệnh sốt 20 năm kết quả hoàn toàn bằng châm thuật (chỉ dùng 1 lần thuốc khi bắt đầu trị lần thứ 1), thật rất hiệu nghiệm.

Theo phương pháp này dùng kim vàng châm hồ kim bạc châm tả công hiệu, chúng ta nên nghiên cứu tham khảo (xem bài nói về cách châm trị Bồ Tả của các Châm-sư hiện nay ở trước).

XIII. BỆNH DẠ-DÀY và RUỘT

Bệnh Dạ dày co thắt.

Dùng các huyệt : Tam-liêu-du, Vị-du, Trung-uyển, Khúc-trì, Nội-quang, Túc-tam-lý, Can-du, Công-tôn.

Thủ thuật : Châm kích thích mạnh. Bệnh nhẹ châm trị 1 lần, bệnh nặng châm trị 3 lần hết, trong nên cho uống thuốc kiện tỳ. Bệnh Vị, trường giả thông (Dạ dày, ruột đau thắt).

Dùng các huyệt : Châm Nội-quang, Thượng-liêu ; lưu kim 15, 20 phút, Cứu Trung-uyển. Nếu cách vài giờ sau đau lại, nên xem như Dạ dày lở thì dùng phương sau trị (phương trị Dạ dày lở). Cứu Chứng Tâm Vị thống (các chứng đau chỗ ổ tim và đau Dạ dày).

Dùng các huyệt : Trung-uyển, Nội-quang, Công-tôn.

Châm 1 tất xoay vận tả pháp, lưu kim 30 phút.

Cách nhứt châm trị 1 lần, châm trị 5 lần là 1 liệu trình,

Trị nghiệm : Dùng phương này đã trị gần 500 người châm 3 lần đến 5 lần hết hẳn, không quá 1 liệu trình.

Đau dạ-dày, tay chân lạnh.

Dùng các huyệt : Trung-uyển, Nội-quang, Lương-khưu.

Thủ pháp : Châm Trung-uyển 2 tắc, Nội-quang, 5 phân, Lương-khưu, 5, 6, phân bình bổ bình tả lưu kim 1 giờ, cho tay chân ấm lại.

Tâm khẩu thống (Đau chỗ gần ổ tim ngực).

Dùng huyệt : Cứu-vỹ (nằm giữa đo dưới Xương ức 1 tắc),

Châm 3 phân rồi bảo bệnh nhân ho, thừa lúc khi hít vào xoay kim vào 1 tắc 5 phân đến 2 tắc, bình bổ bình tả lưu kim 1 giờ.

Châm trị 1 lần hay 2 lần hết hẳn (bệnh đau cả năm không nhẹ dùng phương pháp này cũng công hiệu).

Bệnh Dạ dày lở :

Phương thứ nhứt : Dùng các huyệt : Đại-trữ, Cách-du, Cứu-vỹ, Quang-nguyên, Khí-hải, Xích-trạch, Nội-quang, Đại-lăng, Chương-môn, Thượng-uyển, Cự-khuyết, Túc-tam-lý.

Thủ pháp : Châm Đại-trữ, Cách-du hướng mũi kim ra ngoài, 5 8 phân (trước tác thuật) lưu kim. Châm huyệt Cứu-vỹ xoay xuống 8 phân hay 1 tất đề trấp 3, 4, lần. Châm Quang-nguyên, Khí-hải

đều 8 phân hay 1 tấc bổ pháp. Châm trị 4 lần chứng trạng sẽ giảm, nếu ngực không được khoan khoái dùng các huyết : Xích-trạch, Nội-quang, Đại-lãng bổ pháp lưu kim 30 phút. Cách như châm trị 1 lần, Sau khi châm thì cứu thêm Thượng-uyển, Cự-Khuyết.

Phương thứ 2 : Dùng các huyết : Nội-quang, Chiếu-hải, Công-tôn, Tỳ-du, Vị-du, Túc-tam-lý, Kiên-lĩnh, Thân-mạch, Trung-uyển, Thiên-ứng (chỗ đau).

Thủ pháp : Châm Nội-quang 5 phân, Túc-tam-lý 1 tấc rưỡi, Chiếu hải, Công-tôn, Tỳ-du, 5 phân, Kiên-lĩnh 1 tấc, Thân-mạch 5 phân, Trung-uyển, Hạ-uyển đều 1 tấc, bình bổ bình tả.

Mỗi ngày luân phiên dùng huyết thay đổi châm trị 1 lần.

Phương thứ 3 : Dùng các huyết : Nội-quang, Công-tôn, Thượng-tinh, Bách-hội Trung-uyển, Túc-tam-lý.

Thủ pháp : Châm Bách-hội ra sau 2 phân, Nội-quang 5, 6, phân, Trung-uyển 2 tấc, Túc-tam lý 3 tấc (trục châm tả pháp), đàn ông dùng ngón tay cái xoay tới trước là tả, hướng ra sau là bổ, đàn bà trái lại), lưu kim 3, 4 giờ. Ban đầu mỗi ngày châm trị 1 lần, liên tiếp 3 lần. Sau cách nhưt châm trị 1 lần. Trị 5, 6, lần.

Sau khi châm trị 2, 3, lần thì hết ợ chua, hết mửa.

Tất cả châm trị từ 3 lần đến 11 lần bình hết ngay.

Trị nghiệm :

1) Anh Phụng 44 tuổi đau dạ dày đã 13 năm, chứng trạng hay ợ chua, đau bụng mỗi khi ăn xong lại mửa (phiên vị) rồi kiến là chứng dạ dày lở, trị dùng phương pháp này trong 11 lần bình phục hẳn.

2) Ông Lưu 50 tuổi đau dạ dày 25 năm, chứng trạng ợ chua, bụng đau, ăn rồi hay mửa, Dùng phương này thêm huyết Thiên-xu châm trị 18 lần bình hết hẳn nhưng sau vì trời lạnh lại tái phát lại, châm trị lại mấy lần nữa bình phục như thường và sau tuyệt hẳn.

Phương thứ 4. Dạ dày lở làm chỗ ổ tim trường đau, đại tiện khi táo khi không.

Dùng các huyết : Trung-uyển, Túc-tam-lý, Thái-hách, Đại-đồ.

Thủ pháp : Châm bình bổ bình tả lưu kim 1 giờ sau cứu thêm 10 phút.

Cách 1 ngày châm trị 1 lần.

Trị nghiệm :

1) Anh Tôn 30 tuổi. Chỗ Ổ tìm đau nhói, bụng trống càng đau nhiều, ăn chút ít gì thì bứt đau, thường hay đau lưng, năm trước có bệnh Dạ dày ra máu. Đại tiện khi táo khi lỏng, ăn nhiều thì làm đầy trướng, bình thường thì tim xót, có khi mất ngủ. Bệnh viện rọi kiến chứng nhận bệnh dạ dày lở ; trị thời gian lâu không nhẹ, sau dùng châm cứu trị, áp dụng phương này, dùng các huyết Túc-tam-lý, Trung-uyển, Tam-âm-giao châm thêm ngải cứu. Trị cả thầy châm 3 lần, Cứu 9 lần hết đau và nhẹ hẳn.

2) Anh Trí 32 tuổi bị bệnh đau dạ dày, thường khi phát đau thì mửa, ăn rồi thì làm đầy trướng, đau dẫn đến sau lưng rọi kiến chứng nhận dạ dày lở dùng đủ thứ thuốc không công hiệu, sau áp dụng phương này dùng các huyết : Trung-uyển, Túc-tam-lý, Thái-bạch, Đại-đồ, Châm trị thêm cứu.

Cả thầy trị 3 lần hết đau bình phục như thường.

3) Anh Lý 35 tuổi bệnh đau Dạ dày đã 2 năm, chỗ dạ dày phát nóng xót khó chịu, thường mửa nước chua có khi mửa ra máu, ăn cơm no thì đầy trướng, dùng đủ các phương vô hiệu. Sau dùng châm cứu trị, áp dụng phương này dùng các huyết : Túc-tam-lý, Trung-uyển, Thái-bạch, Đại-đồ. Châm cứu trị cả thầy 4 lần bệnh toàn đủ.

Phương thứ 5 : Dạ dày lở lâu, chỗ Vị-uyển đau ; mửa nước chua, ăn đồ ăn vào mửa ra (Phiên vị) đại tiện bí.

Dùng các huyết : Thượng-uyển, Trung-uyển, Thừa-mãn, Lương-môn, Khí-hải, Thiên-xu, Nội-quang, Túc-tam-lý, Tam-âm-giao, Thượng-cự-hu, Tỳ-du.

Phối hợp các huyết : Hạ-uyển, Đại-hoàn, Thận-du, Đại-trường-du, Hiệp-cốc, Hành-giang, Quang-nguyên, Chiêu-hải, Thái-bạch.

Thủ pháp : Châm bình bổ bình tả, các huyết ở bụng và lưng châm nhẹ, và cứu 15, 20 phút. Các huyết ở tay chân châm mạnh không cứu.

Trị nghiệm : Ông Lân 50 tuổi, đau dạ dày lở mấy năm, mửa nước chua ăn vào mửa ra ngay, đau khó chịu, có lúc đau ngắt, 6, 7 ngày không ăn được, bình như vậy đã 3 tháng.

Trị pháp : Châm các huyết : Thương-uyển, Trung-uyển, Thừa-mãn, Lương-môn, Khí-hải, Thiên-xu, Chương-môn, Túc-tam-lý, Thương-cự-hiêu, Tam-Am-giao, Tý du, Vi-du làm chủ và phối hợp các huyết Thận-du, Đại-trường-du, Hạ-viển, Đại-hoàn, Hiệp-cốc ; Nhi-gian, Hành-gian, Quang-nguyên, Châm thêm cứu.

Cách 1 ngày châm cứu 1 lần, tất cả Trị 10 lần bệnh nhẹ hẳn.

Dạ-dày đau nổi cục (bì khối).

Chỗ Vị-uyển phát đau nhức ; làm oẹ mửa nước chua, ngực đầy tâm phiền, lưng có chỗ đau nhói như dùi đâm.

Dùng các huyết : Trung-uyển, Dương-lăng-luyệt, Quang-nguyên

Các huyết phối hợp : Cự-khuyết, Thiên-xu, Khí-hải, Cao-hoang, Đại-trường-du, Kiện-lý, Tất Dương-quang.

Thư pháp : Châm Dương-lăng luyệt 1 tấc, Trung-uyển 2 tấc, Quang-nguyên 2 tấc, Tim phiền châm Cự-khuyết 5 phân, mửa châm Thiên-Xu, khí-hải 2 tấc. Chỗ bụng đau châm Cao-hoang 5 phân, Đại-trường-du 5 phân, Kiện-lý 1 tấc, Túc-Dương-quang 5 phân, các huyết đều châm xoay bình bồ bình tả, lưu kim 1-2 giờ. Mỗi ngày châm trị 1 lần.

Trị nghiệm : Một bệnh nhưn chỗ giữa dạ dày nổi lên 1 cục (bì khối) đau, thân hình tiểu tụy, uống thuốc không nhẹ, tôi ấn chỗ ấy thấy như có cục gì, vì vậy uống thuốc không lan nổi.

Áp dụng châm cứu trị bì khối : Trên dưới khối ấy châm thêm cứu 7 tráng và hai bên khối cũng châm cứu như vậy, sau châm cứu giữa chỗ khối ấy, tiếp cứu huyết Trung-uyển 7 tráng.

Kết quả bệnh hết hẳn (tôi định áp dụng phương pháp trên nếu chưa hết).

Trường vị viêm (đau Dạ dày và ruột).

Đau Dạ dày và ruột làm trên thổ dưới tả.

Dùng huyết : Kỳ-tam-huyết (huyết mới) phối hợp các huyết : Thân-mạch, Kim-tân, Ngọc-dịch, Túc-tam-lý, Nội-quang, Hiệp-cốc, Trường-cường, Dũng-tuyền, (ấn huyết Tam-kỳ-huyết, bảo bình nhưn nắm giữa 2 chân dưới thẳng, ấn huyết Dũng-tuyền đo ra sau 2 tấc 5 phân là vị trí huyết đàn ông châm bên trái trước, đàn bà châm bên mặt trước).

Thủ pháp : Châm Kỳ-tam-huyết thẳng từ 1 tấc 5 phân, châm

vào 5 phân nghiền 1 u, xoay kim 3 lần châm vào 5 phân nữa, xoay kim 3 lần, châm vào 5 phân nữa. Như nữa nhiều châm Thân-mạch 3 phân, Kim-tân, Ngọc-dịch châm ra máu, rồi châm Túc-tam-lý, Nội-quang 6 phân, Hiệp-cốc 8 phân.

lã nhiều ; Châm Trường-cường 1 tấc (mũi trở lên) Dũng-tuyền 5 phân (xoay kim rút ra không lưu kim), ngoài ra các huyệt khác lưu kim 10 phút, như có thoát giang (lòi trè), châm trị xong rồi dùng vị thuốc bắc : Ngũ-Bội-Tử tán nhỏ, rửa giang mủ, rồi thoa thuốc trên vào ấn tại giang-môn, lấy tay ấn vào, ắt thấm vào ngay.

Cấp tánh Thổ tả đau bụng chuyển gân.

Dùng các huyệt : Kim-tân, Ngọc-dịch, Trung-uyên, Thiên-xu, Thừa-sơn.

Thủ pháp : Châm Kim-tân, Ngọc-dịch ra máu rồi châm Trung-uyên 1 tấc 5 phân. Thiên-xu 1 tấc, Thừa-sơn 5 phân, Châm nhẹ xoay kim lưu kim, rồi dùng ngón đề trên cán kim đốt làm ôn châm đến khi hết đau bụng mới thôi, Châm xong lấy kim cứu huyệt Trung-uyên Thiên-xu, Thừa-sơn.

Cấp tánh Vị-viêm làm tâm phiền, mửa, đau bụng ỉa chảy.

Dùng các huyệt : Khúc-trạch, Ủy-trung, Thập-tuyền, Đại-tu-tuyền, phối hợp các huyệt Trung-uyên, Nội-quang, Thủ-tam-lý, Thiên-xu. (ấn huyệt Đại-tu-tuyền ngay chính giữa trên lưỡi).

Thủ pháp : Châm các huyệt Ủy-trung, Thập-tuyền, huyệt Đại-tu-tuyền châm ra máu. Rồi châm Trung-uyên 1 tấc, Nội-quang 5 phân, Thiên-xu, Túc-tam-lý đều 1 tấc bình hồ bình tả lưu kim 15 phút hoặc đến khi hết đau bụng mới rút kim, hoặc trước châm Trung-uyên, sau châm Túc-tam-lý như đau chưa dứt châm luôn Nội-quang lưu kim 30 phút. Hoặc cứu Trung-uyên, và Túc-tam-lý cũng công hiệu.

ĐAU DẠ DÀY KINH NIÊN

Trị đau Dạ-dày mạn tánh.

Trị bệnh này thường dùng các huyệt sau đây rất kiến hiệu : Nội-quang, Túc-tam-lý, Trung-uyên, Âm-dò, Kiện-lý (đàn bà chữa cấm châm) Hạ-uyên (đàn bà chữa cũng cấm châm cứu), Vị-du.

Như thuộc mạng tánh Vị bệnh, thì bảo bệnh như nằm ngửa, ấn huyệt Nội-quang châm đúng vị trí, xoay vận 2, 3 phút cho tê, sau

châm Túc-tam-lý cũng xoay vận cho tẻ, nếu thủ thuật đúng thì hết đau ngay. Sau nghỉ 1 chập rồi châm Vị-du, Trung-nguyên, Hạ-nguyên, Âm-đồ, Kiện-lý, cũng xoay vận cho tẻ toàn thân, để kim 1 lý sau cứu các huyết ấy 3,5, tráng làm cho ngại lực vào Vị bộ cảm giác nóng, thì bệnh hết hẳn.

Trị bệnh Dạ dày co thắt đau hoặc hay mửa.

Anh Thành 39 tuổi đau Dạ dày co thắt không muốn ăn, hay mửa lại thêm bệnh phong thấp làm đau khớp xương vai trái, thờ hay ăn uống gì cũng đau, nằm lại càng đau hung, phải ngủ ngồi, ngày đêm rất khổ sở. Trị dùng thuốc Tây tim 8 ngày không hiệu quả.

Trị pháp : Châm Nội-quang (2 huyết) và Thủ tam-lý, Khúc-tri, Kiên-ngung bên trái sau cứu Cửu-vỹ 3 tráng, châm Thượng-nguyên, Trung-nguyên, tả hữu Kỳ-môn. Rồi châm 2 huyết Túc-tam-lý gia cứu 3 tráng.

Kết quả : Trị xong bớt đau.

Trị lần thứ 2 trị như trên. Kết quả chỗ vai tay hết đau.

Trị lần thứ 3 Châm Nội-quang (2 huyết) Thượng-nguyên, Trung-nguyên, tả hữu Kỳ-môn, Cứu tả hữu Túc-tam-lý 3 tráng.

Kết quả bệnh hết hẳn, hoàn toàn bình phục.

Đau bụng làm thổ tả không dứt.

Dùng các huyết :

Nhơn-trung, Trung-nguyên, Hạ-nguyên, Thủy-phần, Thiên-xu, Khí-hải ; Nội-quang, Hành-gian, Thập-luyên, Túc-tam-lý, Thái-khê.

Thủ pháp : Trước châm Thập-luyên và Túc-tam-lý ra máu, sau châm huyết Nhơn-trung 3 phân, Trung-nguyên, Hạ-nguyên 2 tấc, Thủy-phần và Thiên-xu, 1 tấc, Khí-hải 5 phân, Nội-quang 5 phân, Dương-lăng-luyên 1 tấc, Hành-gian, Thái-khê 5 phân, Túc-tam lý 1 tấc.

Huyết Trung-nguyên dùng tả pháp, Túc-tam-lý vận niệm đề trấp, ngoài ra các huyết khác bình bổ bình tả, trừ Trung-nguyên, Dương-lăng-luyên đều lưu kim 30 phút, các huyết kia 10 phút.

Dùng phương pháp này châm trị 1 lần nhẹ hẳn.

Trị nghiệm : Anh Vương 30 tuổi bị chứng Cấp tánh trường viêm đau bụng thổ tả không dứt làm vọt bể, khuyết nghịch, mất mạch, dùng phương này trị 1 lần hết đau, thổ tả chỉ.

Vị thần kinh quon năng bệnh.

Đau bụng dè thì bót, cơn phát lâu mau không nhứt định.

Trị pháp : Trước châm huyết Trung-uyên 5 phân Túc-tam-lý 1 tấc, kích thích mạnh, lưu kim 15 phút hoặc đến khi hết đau rút kim.

Phương này trị Can khi thống do thất tình biến phát.

Hoặc dùng cứu các huyết ; Can-du, Tỳ du, Trung-uyên, Túc-tam-lý đều 5 trảng. Tùy chỗ đau và tùy bộ phận áp dụng huyết phối hợp.

Mạng tánh Vị thống (đau bụng kinh niên).

Đau Dạ dày mười năm, đầu đau, hông đau, đầu gối đau nhức.

Bà Dương 55 tuổi đau Dạ dày đã mười năm mỗi ngày đau trên mười lần, hai bên lưng cũng đau, hai bên Thái dương nhức, bốn năm ngày đau một lần, khi đau uống nước lạnh 4,5 chén, kéo dài một hai ngày mới hết, đầu gối đau luôn chân mỗi ngày đau một lần, ho thì mửa nước chua, người vàng sắc mặt thâm đen.

Trị pháp : Châm Thái-khê, Thương-uyên, Thiên-đột tả.

Kết quả : Châm Thái-khê xong bụng bót đau, tả Trung-uyên tẻ rần đến hông lần lần đau giảm, tả Thiên-đột thì chỗ Vị quản đau hết, chân hết đau, mặt lần lần tươi nhuận lại.

Trị tiếp 3 lần nữa bình phục.

Dạ-dày đau, phát mửa không ăn được, thường sôi ruột.

Bệnh như Ông Sanh 59 tuổi thường đau tại Vị-uyên làm mửa, không thiết gì đến ăn uống ; hay sôi ruột tay chân yếu vô lực.

Trị pháp : Châm Trung-uyên tả, châm Ân-bạch ra máu.

Trước châm Ân-bạch ra máu sau châm Trung-uyên xong bệnh hết hẳn.

Đau Dạ dày lâu, khi hết khi đau không dứt.

Bệnh như Anh Nguyễn 34 tuổi đau Dạ dày rất lâu, cứ đau hết rồi lại đau, lần này phát đau đến hơn hai tháng, uống thuốc bắc và đi tị ở Bệnh-viện cũng không bót lại thêm chứng mửa khan và đau bên hông trái, đại tiện ba ngày không đi cầu, không ăn uống thường hay ra mồ hôi trộm, lại thêm phát khi lạnh khi nóng không chừng.

Trị pháp : Châm Trung-uyên. Nội-quang. Chương-môn đều tả.

Cửu : Chiên-trung, Nhủ-căn, Khí-hải, Tam-lý, Tam-âm-Giao, Nội-đỉnh, Công-tôn đều 3 trảng Hiệp-cốc, Cự-khuyết, Thượng-uyên, Nội-quang, Âm-đồ, Thông-cốc đều 1 trảng.

Kết quả : Châm xong thì trong bụng khoan khoái, bên hông trái đau dần qua bên hông mặt, bụng đau giảm, oẹ khan.

Trị lần thứ hai. Châm Nội-quang, Hiệp-cốc tả. Cửu Chiên-trung 3 trảng. Trung, Thượng, Hạ-uyên, Khí-hải, Túc-tam-lý, Tam-âm-giao, Nhủ-căn Nội-đỉnh đều 3 trảng.

Kết quả : Hết đau, mồ hôi trộm cũng hết, các chứng nhứt đầu, oẹ khang và đau bụng đều dứt hẳn.

Đau Dạ-dày lâu năm vì nhiều nước chua.

Bệnh như Anh An 32 tuổi bệnh đau Dạ dày đã lâu, mửa nước chua, ho thì mửa, bên hông và sau lưng đau, sắc mặt mét khô tái, tay chân vô lực.

Trị pháp : Châm Trung-uyên bờ, Nội-quang, Tam-lý, Công-tôn tả (nằm châm để tránh phản ứng).

Cửu : Tỳ-du, Phế-du, Vị-du, Thận-du, Đại-trường-du, Phong-môn, Chiên-trung, Chương môn, Khí-hải đều 3 trảng.

Kết quả : ho mửa đều giảm, hơi khỏe.

Trị lần thứ 2. Cách 1 ngày 1 lần, trị như trước, kết quả hông lưng đau đều giảm, tay chân hơi khỏe lại.

Trị lần thứ 3. Bảy giờ khi ho còn đau chỗ Dạ dày và hai bên hông.

Châm Khí-hải bờ, Nội-quang, Kiện-lý, Phong-long tả. Cửu như trước.

Kết quả : Hông bên trái bớt nhưng lại sang qua hông bên mặt khó chịu.

Trị lần thứ 4 : Cũng y như trước.

Kết quả : Dạ dày bớt đau, bớt đầy. ăn uống được. nhưng chỗ tâm khẩu còn hơi khó chịu.

Trị lần thứ 5. Châm Thượng-uyên tả, Kỳ-môn bờ, Nội-quang bờ, Thái-uyên, Tam-lý đều bờ. Cửu y như trước.

Kết quả : bệnh giảm nhiều.

Trị lần thứ 6. (vì đêm ấy chỗ Trung-uyên còn đau sáng lại mửa nước chua có đàm nhiều).

Châm Túc-lam-lý, Trung-uyên bồ, Nội-quang bồ.

Cứu như lần thứ 1. Kết quả : Các chứng đều giảm hết nhiều.

Tri lần thứ 7. Châm Trung-uyên bồ, Chương-môn tả, Nội-quang bồ, Công-lôn, Phong-long tả. Cứu Thiên-xu, Khí-hải, Cách-du, Tỳ-du, Vị-du đều 3 trảng.

Kết quả : Ho nhỏ đàm nhiều, mửa nước chua cũng nhiều.

Tri lần thứ 8 : Châm Thái-uên, Thái-bạch bồ, Nội-quang bồ, Phong-long tả. Cứu như lần trước.

Kết quả : Da dầy hết dần, mửa nước chua cũng hết. Bây giờ rồi kiến thấy phổi hơi nám, lắt đầu chuyển qua trị Phổi. (Da dầy kết quả).

Đau dạ dày nhiều nước chua.

Bệnh như Ông Thanh-Bình 54 tuổi bệnh đau dạ dày mửa nước chua, bụng đau từ huyết Trung-uyên đến Khí-hải, có nổi 1 cục đau.

Tri liệu : Châm Trung-uyên bồ, Khí-hải bồ, Nội-quang tả. Cứu Tỳ-du, Vị-du, Nhũ-cẩn, Thận-du, Chương-môn, Chiên-trung, Thương Hạ-uyên, Âm-đồ, Thông-lý đều 3 trảng.

Kết quả : Hết mửa nước chua, Dạ dày giảm nhẹ ngay.

Đau Dạ dày bụng đói không muốn ăn, ho mửa nước trong.

Bệnh như Dương văn Thi 32 tuổi, bệnh bụng biết đói mà không muốn ăn, mỗi lần ho thì mửa nước trong, cứ sau 12 giờ trưa thì phát cơn rét trước lạnh, sau nóng.

Tri pháp : Châm Thương-uyên bồ, Tam-âm-giao tả, Ủy-trung tả.

Kết quả : Bụng đói muốn ăn, ho hết nhỏ nước trong, ngày ấy nóng lạnh lại nhiều hơn.

Qua ngày sau trị 1 lần nữa y như trên bệnh hết hẳn.

Bệnh ăn vào đồ ăn không tiêu.

Cháu Tư 2 tuổi phát sốt, ăn vào không tiêu, ý ạch ở bụng hoài, ban đêm bất uống nước nhiều.

Tri pháp : Châm Hiệp-cốc, Thiếu thương, Thương-dương ra máu.

Cứu các huyết : Thương-uyên, Trung-uyên, Hạ-uyên, Khí-hải, Quang-nguyên, đều 3 trảng, Túc-lam-lý 3 trảng.

Kết quả : Ăn tiêu, hết phát sốt, hết nhức đầu.

Dạ dày lở, mồm rồi muốn lở lại.

Bệnh như Lữ-thị-Hoa, sáu năm về trước, Dạ dày bị lở đã 4

Bệnh-viện mở rồi, nay lại đau giữa ngực, tức muốn phát trở lại, chỗ huyết Trung-uyên đau không nằm thẳng được, mặt vàng, người mệt, đại tiện thường táo, phần đen có lộn máu, tiểu tiện vàng thường phát sốt, Dạ dày quá yếu, ăn cháo cũng không được nhiều, lại thêm sanh bạch đới.

Trị pháp : Châm Trung-uyên 2 tấc hồ. Nội-quang, hồ. Cứu Tam-lý ; Nội-dinh đều 3 trảng, Thượng-uyên, U-môn, Thông-cốc, Âm-đồ đều 1 trảng.

Kết quả chỗ dạ dày đau giảm, ăn cháo được hai chén, bạch đới giảm.

Trị lần thứ 2 y như trên. Kết quả hết hẳn.

Mô TỬ cung, sau phát đau Dạ dày, đau xoay xâm.

Cô Trinh 44 tuổi năm trước đau Tử-cung, phải mổ và kẹp luôn buồng trứng. Sau phát đau Dạ dày và đau xoay xâm.

Trị liệu : Châm Trung-uyên, Ủy-trung, đều hồ.

Cứu Bách-hội, Thần-dinh, Phong trì, Đại-chùy, Phong-môn, Phế-du, Mạng-môn, Tam-lý, Chiên-trung, Trung-uyên, Chương-môn, Khí-hải, Quang-nguyên đều 3 trảng.

Kết quả : Chứng đau Dạ dày và đau xoay xâm giảm 1/3.

Trị lần thứ hai cũng trị y như trên. Các chứng hết hẳn.

Trị chứng Phiền-vị : ăn vào mửa đồ ăn ra.

Anh Ngô-văn... 40 tuổi bị bệnh ăn không hạ xuống, ăn nhiều thì mửa đồ ăn ra, chỗ ngực đầy đau, ban đêm ưa đè (đè thì êm, ít đau)

Trị pháp : Châm Trung-uyên hồ, Nội-quang tả, Tam-lý tả.

Cứu Chiên-trung, Thượng-uyên, Hạ-uyên, Kỳ-môn, Chương-môn, Khí-hải, Thiên-xu, Cách-du, Tỳ-du, Thận-du 3 trảng.

Kết quả ăn không mửa nữa, bụng bớt đau.

Trị lần thứ 2 y như trên, bệnh hết hẳn.

Trị bệnh đau bụng lái máy năm.

Cháu Trương 12 tuổi thường đau bụng tại chỗ Vị uyển, có trùng lái nhoi, đau như vậy đã mấy năm, ngày nào cũng đau âm ỷ không dứt, có khi mửa ra lái (tức đau bụng lái).

Trị pháp : Châm Trung-uyên, công 3 lần.

Kết quả : Khi châm kim vào thì đau bớt ngay, đề kim, xoay hướng lên tim công 1 lần, thì đau chạy qua bên trái dưới chỗ vú,

xoay kim qua trái, xoay công 1 lần nữa, thì đau chạy qua bên mặt, tiếp xoay kim bên mặt công 1 lần nữa. Hết đau, từ đây về sau lại dứt hẳn.

MỮA RA MÁU

Vị xuất huyết (Mửa ra máu) phát sốt.

Bệnh nhân Anh Hữu 36 tuổi, 3 ngày trước có mửa ra máu, phát nóng, nhiệt độ 39, miệng khô uống thuốc vào lại mửa ra, ngày sau làm tim hồi hộp, không muốn ăn.

Trị pháp : Châm Tam-lý tả (trị tim hồi hộp). Châm tiếp Xích-trạch, Thái-xung, Phong-long, tả Cửu Cách-du, Tỳ du, Can-du, Thận-du, Chương-môn, Chiên-trung, Tam-âm-giao đều 3 tráng.

Kết quả sau khi châm tả các huyết thì hết nóng sốt, mửa ra máu cũng dứt, ăn cháo được.

Ngày thứ hai y theo trước Châm cứu trị 1 lần nữa, bệnh nhẹ hẳn không tái phát.

Trị bệnh Thở huyết buổi mai (Vị xuất huyết)

Anh Lưu-văn-Minh 23 tuổi, mỗi buổi mai lại thở ra huyết 1 búng, uống đồ lạnh thì cầm, lưng đau.

Trị pháp : Châm Trung-uyên, Nội-quang, Nội-dinh đều tả 3 lần.

Kết quả : Lưng hết đau và hết thở huyết nữa.

Trị chứng thở huyết buổi chiều.

Cháu Long 13 tuổi mỗi ngày sau 12 giờ trưa đến 7 giờ tối thường có phát thở huyết một ít, đã 3 tháng, llo cũng thở máu tươi, thở ra miệng hơi mặn, chỗ tim khó chịu, tai điếc.

Trị pháp : Châm Túc-tam-lý tả, Cửu Chiên-trung, Chương-môn, Khi-hải, Thận-du đều 3 tráng.

Kết quả hết thở huyết, tai bớt điếc.

Trị lần thứ hai y như trên. Bệnh hoàn toàn nhẹ hẳn.

I.— Phụ trị nghiệm các bệnh Dạ-dầy của các vị Châm-cứu sư Nhật-bôn.

1) Mạng-tánh Vị Viêm, Châm-sư Đại-Điền-Văn giới thiệu trị 2 bệnh :

— Một bệnh nhân 55 tuổi người yếu, bị bệnh đau Dạ-dầy 1 năm lúc mới phát sau lần lần phát rất nặng, các Bác-sĩ trị nhận là bệnh đau Dạ-dầy nhiều nước chua, nhưng trị mãi 2, 3, năm nay không công hiệu.

Bệnh nơn rất yếu chỉ nằm gần hai năm nay, hiện chứng nhiệt độ thường, người hơi thũng, sắc mặt mét, thiếu máu, bụng đầy, bên rún phía trái có hơi sưng, đè đau, chỗ dạ dày có trạng thái lớn, sau lưng chỗ huyết Thận-du, Kinh-môn, Mạnh-du đè đau.

Trị pháp : Dùng các huyết : Thận-du, Kinh-môn, Tam-tiểu-du, Thử-liệu, Tỳ-du, Can-du, Cách-du, Tâm-du, Thân-tru, Thiên-liệu, Khúc-trì, Tam-lý, Dương-lăng-tuyền, Thái-khê, Tam-âm-giao, Tả Lâm-khấp, đều cứu 3 tráng.

Cứu sau chỗ bụng đầy hơi bở, đè ít đau. Sau cứu Chiên-trung Đại-trường-du, Hữu-Thiếu-hải, Tả Kỳ-môn, Đại-cự, Đại-bào, Chương-môn, Mạnh-du.

Bắt đầu trị từ ngày 29-3 đến 10-11, tự đi được đến trị hết bệnh, về sau trong thời gian 3 năm người rất khỏe mạnh, không tái phát.

2.— Một bà Nữ giáo-viên 40 tuổi bị bệnh đau Dạ-dày gần 10 năm, ăn ít, thường hay đi cầu, hiện chứng người thiếu bồi dưỡng, hình ốm gầy, dưới rún bên trái gần huyết Đại-cự đè đau, Dạ dày hơi trụt xuống, chỗ lưng vai đè đau.

Trị pháp : Cứu Trung-uyên Thủy-phần, Đại-cự, Khí-hải, Thân-tru, Tâm-du, Cách-du, Tỳ-du, Thận-du, Kinh-môn, Thử-liệu, Tả Dương-trì, Khúc-trì, Tam-lý, Thái-khê đều 5 tráng. Tiếp tục trị 3 tháng bệnh hết và khỏe mạnh.

II.— Bệnh Dạ dày lở. (Vị Hội-dương).

Châm-cứu sư Trung-thiên-Liễu giới thiệu trị 2 bệnh :

1.— Trị bệnh thứ nhất dùng các huyết Trung-uyên, Cự-khuyết, Tả Bất-dung, Bào-mạnh, Thận-du, Yêu-du, Tả Vị-thương, Tả Can-du, Thân-tru, Tả Tâm-du, Tả Ngoại-quan, Dương-lăng-tuyền, dùng ngải nhỡ cứu 5 tráng.

Châm kích thích nhẹ các huyết: Tả Tâm-du, Tả Vị-thương, Bào-mạnh, Bách-hội.

Trị lần thứ nhất ngày 28-7, lần thứ 3 ngày 3-9, lần thứ 4 ngày 21-9, lần thứ 5 ngày 28-11. Bệnh hết hẳn.

2.— Trị bệnh thứ hai dùng các huyết : Cự-khuyết, Trung-uyên, Hữu Lương-môn, Hữu Đại-cự, Hữu Trach-Tiền, Hoàn-khiêu, Thận-du, Vị-du, Hữu Vị-thương, Thân-tru, Hữu Tâm-du, Khúc-trì, Dương-lăng-tuyền, Hữu Đại-cự, đều cứu 5 tráng.

Bệnh nơn sợ châm nên chỉ dùng cứu trị lần thứ nhất ngày 19-5, lần thứ hai ngày 25-5, lần thứ ba ngày 30-6, lần thứ tư ngày 9-7.

Kết quả : bệnh hoàn toàn hết hẳn.

III.— Bệnh Dạ dày trụt.

Châm-cửu-sư Đại-diễn-Văn giới thiệu trị 4 bệnh :

1 — Bà X... 49 tuổi bị bệnh Dạ dày trụt dưới rún 2 ngón tay, lấy tay đè cộm tay, ấn nhẹ cũng đau, đè nặng lại càng đau dữ, tại huyết Thủy-phần và phía bên mặt huyết Đại-cự đè đau, ngoài lưng và vai cũng đau.

Trị pháp : Dùng các huyết Trung-uyển, Thủy-phần, Hữu Đại-cự, Thận-du, Kinh-môn, Thử-liêu, Tý-du, Cách-du, Tâm-du, Phế-du, Thận-tru, Khúc-tri, Tả Dương-tri, Dương-lăng-tuyền, Thái-khê đều cứu 5 tráng.

Vì có thêm bệnh Dạ dày nhiều nước chua nên gia thêm cứu Túc-tam-lý.

Cứu trị xong qua 2 ngày ăn được, người khỏe, không nhưc đầu như trước.

Trị lần thứ 2 cứu Đại-cự, Cách-du, Tâm-du, Phế-du, Khí-hải, Huột-nhục-môn, Can-du, Đốc-du, Túc-tam-lý.

Về sau cứ cách 2 tuần cứu trị 1 lần, trị trong ba tháng bệnh hết hẳn.

2 — Anh Giáo-viên 36 tuổi bệnh Dạ dày trụt dưới rún 3 ngón tay, đè mạnh các huyết Trung-uyển, Thủy-phần, Huột-nhục-môn, Kinh-môn đều đau, ở sau lưng chỗ các huyết Tý-du, Tam-liêu-du, cũng đè đau, chứng Dạ dày trụt nặng.

Trị pháp : Cứu các huyết : trên và thêm Tả Dương-tri, Khúc-tri, Túc-tam-lý, Dương-lăng-tuyền, Thái-khê đều 5 tráng.

Liên tiếp cứu trị trong thời gian 6 tháng, bệnh hoàn toàn bình phục, một năm sau người khỏe mạnh mập mạp.

3.— Cậu học sinh bị bệnh Phổi và Dạ dày trụt.

Trị pháp dùng các huyết Trung-uyển, Manh-du, Thủy-phần, Khí-hải, Thận-du, Chương-môn, Đại-trường-du, Thử-liêu, Tý-du, Can-du, Cách-du, Tâm-du, Thận-tru, Thiệu-liêu, Tả Dương-lăng-tuyền, Thái-khê đều cứu 5 tráng.

Sau cứu thêm Chương-môn, Huột-nhục-môn, Đại-cự, Chúc-tân.

Bệnh này trị trong thời gian 1 năm thấy kết quả, trị tiếp đến 18 tháng bệnh hoàn toàn hết hẳn.

4.— Một cô Nông dân 32 tuổi bị bệnh Phổi và chứng Dạ dày trụt.

Trị pháp, Cứu các huyết Trung-uyển, Cự-khuyết, Khí-hải, Thủy-phần, Thận-tru, Phong-môn, Tâm-du, Cách-du, Chí-dương, Can-du,

Tỳ-du, Thận-du, Kinh-môn, Thử-liêu, Khúc-trì, Tả Dương-trì, Túc-tam-lý, Thái-khê, đều 3 trảng, tuần sau lên 5 trảng.

Trị liên tục trong thời gian 1 năm bịnh hoàn toàn bịnh phục, hết hẳn.

IV.— Bịnh Dạ dày yếu. Ăn ít, Dạ dày đầy, ợ hơi, hoặc chua, nhức đầu xoay xảm tiện bí, thiếu dinh dưỡng, người yếu:

Châm cứu sư Đại-diễn-Văn giới thiệu trị 2 bịnh :

1.— Anh Giáo-viên 32 tuổi Dạ dày yếu thêm muốn phát chứng Dạ dày trụt.

Trị pháp : Dùng các huyết Trung-uyên, Cự-khuyết, Thân-tru, Phong-môn, Can-du, Tỳ-du, Thận-du, Kinh-môn, Thử-liêu, Tả Dương-trì, Túc-tam-lý, Thái-khê, đều cứu 5 trảng.

Sau thêm các huyết Thần-môn, Đại-cự, Khí-hải, Thủy-phần, Tâm-du.

Trị liên tục trong thời gian 2 năm bịnh hết, người khỏe mạnh mập mạp.

2.— Cậu học sinh 25 tuổi vì hay đau chỗ dạ dày nên sau làm Dạ dày yếu, người suy nhược.

Trị pháp : Cứu các huyết Trung-uyên, Thủy-phần, Đại-cự, Manh-du, Khí-hải, Thân-tru, Thiên-liêu, Cao-hoan, chỗ dưới đốt xương sống thứ 8, 1 huyết, Can-du, Tỳ-du, Tam-liên-du, Kinh-môn, Thận-du, Thử-liêu, Tả Dương-trì, Khúc-trì, Túc-tam-lý, Thái-khê đều 5 trảng. Sau cứu thêm Huyệt-nhục môn và Lương-môn.

Cứu trị thời gian nửa năm, khôi phục trảng kiện như thường.

V.— Bịnh Dạ dày nhiều nước chua.

Châm cứu-sư Đại-diễn-Văn giới thiệu trị 2 bịnh :

1.— Một bà 40 tuổi bịnh Dạ dày nhiều nước chua.

Trị pháp : Cứu các huyết Thân-tru, Thiên-tôn, Cách-du, Can-du, Tỳ-du, Thận-du, Thử-liêu, Cự-khuyết, Trung-uyên, Lương-môn, Khúc-trì, Túc-tam-lý, Dương-lăng-tuyền, Thái-khê. Trong thời gian cứu trị làm đau răng, nhức đầu cứu thêm Khuyết-âm-du, Hữu Kỳ-môn (hết đau đầu). Sau lại thêm chỗ vai đau cứu thêm tả Lương-môn, tả Kỳ-môn (2, 3 ngày hết đau).

Cứu trị trong thời gian hơn 1 tháng hết hẳn.

2.— Cô giáo 34 tuổi bị bịnh Dạ dày nhiều nước chua,

Trị pháp : Cứu các huyết : Trung-uyên, Thương-uyên, Khí-hải, Thận-du, Thử-liêu, Tam-liên-du, Tỳ-du, Tâm-du, Thân-tru, Thiên-

niêu, Tả Dương-tri, Khúc-tri, Hữu Thiếu-hải, Tam-lý, Tam-âm-giao
Thái-khê đều 3 trắng.

Tiếp tục cứu trị trong 3 tháng, hung hết đau, bình hết, ăn ngon,
người lên cân, khôi phục rất khỏe mạnh.

XIV.— CHỨNG NÁT CỤC (ÁCH-NGHỊCH)

Trị bệnh Nát cục dùng các huyết sau đây :

Nội-quang, Dương-lão.

Thủ pháp : Trước châm huyết Dương-lão 3-5 phân xoay rút
kim sau châm Nội-quang 5 phân đến 1 tấc, bình bỏ bình tả lưu kim
20 phút. Hơi thông rút kim.

Hoặc dùng phương pháp sau đây :

Dùng các huyết : Nội-quang, Cửu-vỹ, Túc-tam-lý, Cách-du.

Thủ pháp : Châm Nội-quang, lưu kim 5-10 phút. Cửu Cửu-vỹ 5
trắng, như chưa nhẹ thêm châm huyết Túc-tam-lý lưu kim 15-20
phút, hay châm Cách-du lưu kim 15-20 phút tất công hiệu.

Trị chứng Nát cục liên tục

Dùng các huyết : Âm-độ, Trung-uyên.

Thủ pháp : Châm Trung-uyên 5 phân, Âm-độ 3 phân bình bỏ bình
tả, lưu kim 1,2 giờ Châm luôn tiếp 1-3 lần, (nổi ngày châm trị 1 lần)

Bệnh Nát cục lâu ngày áp dụng phương này đều kết quả hoàn
toàn.

Chứng cử phát Nát cả dây không dứt dùng các huyết : Nội-quang,
châm 1 tấc, Huyết Thiên-đột châm 5-8 phân (huyết Nội-quang lưu
kim 30 phút, huyết Thiên-đột khi có cảm giác tê thì rút kim).

Trị nghiệm : Cô Lương bị chứng Nát cục hoại cả dây không
dứt, uống các thứ thuốc không công hiệu.

Châm trị dùng các huyết này tiếp trị 2 lần chứng giảm, liên tục
trị 6 lần bình hết hẳn. (mỗi ngày châm trị 1 lần).

Trị chứng Nát cục lâu lâu phát một lần.

Dùng các huyết : Thượng-uyên, Trung-uyên, Hạ-uyên, Túc-tam-lý.

Thủ pháp : Trước châm Thượng, Trung, Hạ-uyên đều 1 tấc rút
Túc-tam-lý 1 tấc rút bình bỏ bình tả lưu kim 30 phút đến 1 giờ từ
từ rút kim.

Trị một lần công hiệu ngay.

XV.— CHỨNG TẢ NƯỚC

Trị bệnh đi cầu ra nước, chỗ Vị-uyển (cuốn dạ dày) đau.

Trương-thị-Hoa 10 tuổi ỉa chảy (loàn nước), ăn vật gì có dầu thì mửa, chỗ Vị-uyển đau uống thuốc không công hiệu, bệnh đã trên tháng nay.

Trị pháp : Cứu Đại-chùy, Phong-môn, Phế-du, Đại-trường-du, Vị-du, Tỳ-du, Trung-uyển, Chiên-trung, Chương-môn, Khí-hải, Thiên-xu, Thủy-phần, Túc-tam-lý đều 3 tráng.

Kết quả : Hết tả nước, ho giảm, chỗ Vị-uyển còn đau nhưng ăn vào không mửa nữa.

Trị lần thứ 2 như trên, chỗ Vị-uyển hết đau, bệnh hết hẳn.

Trị chứng tả nước, đầu xoay xảm, tim đập mạnh, tay chân yếu.

Anh Châu 39 tuổi bệnh tả nước, đầu xoay xảm, tay chân yếu bụng đau, miệng lạt không biết mùi.

Trị pháp : Châm Hiệp-cốc, tả 3 lần, Túc-tam-lý bỏ 3 tả 1 lần, Cứu Thủy-phần 5 tráng, Trung-uyển, Chương-môn, Thiên-xu, Khí-hải, Tam-âm-giao, Phế-du, Phóng-môn, 3 tráng, Thần-khuyết, Âm-giao, 1 tráng

Kết quả : Hết tả nước, đầu hết xoay xảm, miệng hết lạt.

Trị chứng bệnh Ngũ canh tả (quen lạnh nửa đêm bắt đi cầu).

Chứng này thuộc Thận Tỳ hư làm phúc tả.

Dùng các huyết : Bách hội, Chiếu-hải, Mạng-môn, Thận-du, Tam-âm-giao, Túc-tam-lý. Phối hợp các huyết : Thiên-xu, Thủy-đạo-Quang-nguyên, Quy-lai, Đại-trường-du, Tỳ du, Trung-liêu, Thử-liêu (các huyết này tùy lựa dùng) gia-giảm, như Tâm hư đêm không ngủ được thêm Thần-môn, Nội-quang.

Thủ pháp : Châm huyết Chiếu-hải, đầu kim xiên trở lên huyết Khưu-hư 3-5 phân. Huyết Tam-âm-giao 5-8 phân. Túc-tam-lý 8-1 tấc bỏ pháp lần lần xoay kim, cảm giác tê hoặc hơi nóng, lưu kim 30 phút đến 1 giờ, rút kim, rồi cứu các huyết : Bách-hội, Thận-du, đến đỏ da.

Mỗi lần châm trị trừ các huyết Chiếu-hải, Túc-tam-lý, Tam-âm-giao đều châm gia cứu, còn các huyết khác chỉ cứu không châm.

Trị nghiệm : Cô Liên 42 tuổi, lưng mỗi bụng đau, hai bên hông và bụng dưới, sau buổi trưa thường phát đầy trướng, lưng phát lạnh, 2 chân trở xuống lạnh ngắt, tiếp đến nửa đêm từ 12 giờ đến 2 giờ khuya, lại bắt đi cầu 1 lần, đêm nào cũng vậy, rất khổ não, bệnh đã hơn 1 năm, dùng đủ các thứ thuốc Đông, Tây đều vô hiệu.

Hỏi căn bệnh thì thường Vị yếu, ăn uống không liên, kinh nguyệt hay sai kỳ, bệnh thuộc mạng tánh, thần khí bất túc, Mạng môn hỏa hư, bệnh tại Tý, Thận, áp dụng châm cứu trị.

Dùng theo phương pháp trên châm cứu trị cả thấy 5 lần, chứng tả hết, và các chứng đều tiêu mất không còn nữa, bệnh hoàn toàn bình phục.

Phương pháp này là Ôn bổ Thận, Mạng-môn và điều lý Tý Vị, dùng Cứu nhiều hơn Châm là Bồ hư Ôn hàng và lại tả lâu thương Âm phần, nên dùng huyệt Mạng-môn, Thận-du, Tam-âm-giao làm chủ và các huyết Tý-du, Túc-tam-lý phối hợp với các huyết ở hạ tiêu điều hợp lại, và dùng huyết Bách-hội để làm hưng khởi Dương-khí, nên Âm Dương được điều hòa, bệnh khỏi phục lại hẳn.

XVI.— HOÁT LOẠN THỎ TẢ

Tỷ Thỏ tả kiêm phát ban đỏ.

Bệnh như Thi-Tri : bệnh chỗ vùng Dạ dày (Thượng-uyển) đau, bụng dưới đau, lưng đau, sáng sớm Tim cũng đau kịch, toàn thân phát ban đỏ và ngứa, kinh nguyệt đến 40 ngày mới có chút ít, ăn một chén cơm vào thì làm tả rồi tiếp nữa, mỗi ngày tả 3 lần.

Trị pháp : Châm Túc-tam-lý, Tam-âm-giao tả 2 bỏ 2 lần, Nội-quang, Khúc-tri tả 3 lần, Cứu Đại-chùy, Phong-môn, Tý-du, Vị-du, Thận-du, Tam-tiểu-du, Mạng-môn, Trung-uyển, Thượng-uyển, Thủy-phần, Thần-khuyết, Thiên-xu, Khí-hải, đều 3 tráng.

Kết quả : Tả, ngứa và hồng ban hết, qua ngày sau lại phát có kinh (tính ngày thì đúng 33 ngày) ăn được nhiều.

Trị lần thứ 2 : Châm Hành-gian tả 2 lần, Túc-tam-lý tả 2 bỏ 2 lần, Nội-dinh-tả 3 lần. Cứu Bách-hội, Phong-tri, Thượng-tinh, Kỳ-

môn, Thượng-uyên, Trung-uyên, Hạ-uyên, Thần-khuyết, Khí-hải đều 3 trảng.

Kết quả : Các bịnh hoàn toàn hết hẳn.

Trị bịnh Thở tả nặng.

Anh Thanh 32 tuổi, thỉnh linh sau buổi trưa phát Thở tả rất nặng, bắt đầu tim phiền táo, tay chân lạnh, phát tê, sau lại phát mưa rồi tả toàn là nước, ngày sau tại giang môn không nhiếp lại được, cứ chảy nước hoài, miệng cũng chảy nước giải, toàn thân lạnh, hai bắp chân đau như vộp bẻ, bất tỉnh như sự, (chứng này trên chảy giải dưới chảy nước các Y sĩ đều cho là chứng bất trị, chứng chết).

Hiện bịnh như sắc mặt mét bạc chân, thở hơi mệt, tay chân lạnh như nước đá, miệng chảy nước giải, dưới giang môn, cứ chảy nước ra, đầu ngón tay héo, mạch hết, chỉ tim còn đập, nhưng rất yếu, người mất trí giác.

Trị pháp : Cứu Bách-hội, Đại-chùy, Phong-môn, Phế-du, Vị-du, Thận-du, Mạng-môn, Chiên-trung, Nội-quang, Khúc-tri, Chương-môn, Thượng-uyên, Trung-uyên, Thủy-phân, Thần-khuyết, Thiên-xu, Túc-tam-lý, Tam-âm-giao, Thái-xung, Thủ-lúc Bắc-phong, Khí-hải, Quang-nguyên tất cả đều 3 trảng.

Kết-quả : Khi cứu các huyết trước bịnh như hơi thở ra, sau cứu đến Khí-hải, Quang-nguyên, bịnh như cảm giác đau nhưng vẫn chưa tỉnh, mà miệng đã hết chảy giải, dưới đất cũng bớt chảy nước.

Cách 20 phút trị tiếp lần thứ 2. Cứu 2 huyết Khí-hải, Quang-nguyên, lần lần bớt đau, hết tả nước, chân cũng bớt đau.

Cách 1 giờ trị lần thứ 3, tay chân bây giờ hơi ấm lại nhưng vẫn còn mê. Cứu y như trước.

Kết quả : Hết mưa và tả có hơi phần, nhưng chỉ nhắm mắt nằm đó, tay chân bớt lạnh.

Ngày hôm sau trị lần thứ 4 : Cứu như trước thêm Âm-lăng-tuyền, Thái-bạch, Tuyết-cốt đều 2 trảng, Trung-uyên, Khí-hải, Quang-nguyên, Thần-khuyết, Túc-tam-lý, Nội-dinh 3 trảng, (và dùng dầu nóng xoa bóp). Trong cho uống thuốc.

Kết quả : Hết mưa, tả cũng dứt hẳn, ăn uống được lần lần (cho uống nước cháo lần lần tập cho ăn chút ít). 3 ngày sau khỏe lại và đi đứng bình phục như thường.

Dùng Ngại quyền cứu trị chứng Thở-tả.

Bệnh như Anh Thanh 54 tuổi sau buổi trưa bụng hơi đầy, chiều phát tả ra nước và phân 5 lần sắc như nước gạo, người ốm hai mắt lồm vào, làm mưa, ăn uống không được, miệng khát nước, tay lạnh, uống nước vào liền mưa ra ngay, lưỡi tưa trắng, mạch nhẩy 80, chứng giống như Hoát-loan Thở tả.

Trị pháp: Trước cứu Túc-tam-lý 5 trảng. Hiệp-cốc, 1 trảng. Tam-âm-giao 4 trảng, Khí-hải, Trung-uyên 3 trảng. Thủy-phần 7 trảng, rồi dùng Ngại quyền cứu thêm huyết Trung-uyên 5 lần.

Kết quả: Cứu xong tim bớt nhẩy, cho uống nước không mưa ra nữa, qua hôm sau ngũ ngon được cả ngày rồi bệnh nhẹ hẳn, khôi phục lại bình thường, làm lụng được.

XVII.— BỆNH KIẾT-LÝ

Trị chứng Kiết-Lý (cấm khẩu lý)

Ông Thịnh 64 tuổi cảm mạo 4, 5 ngày sau vì đi đường, khát nước, uống vào lại mưa ra rồi làm tả luôn, sau cứ 1 ngày bắt đi kiết mấy lần bặc rặn, phân có đỏ trắng vàng lẫn lộn, không ăn uống gì được (cấm khẩu lý) cứ bắt uống nước hoai, đau bụng, lưỡi tưa, mặt đỏ.

Trị pháp: Châm Tiểu-hải, Trường-cường tả 3 lần. Cứu Thượng-uyên, Hạ-uyên 1 trảng, Trung-uyên, Thủy-phần, Thần-khuyết, Thiên-xu, Khí-hải, Quang-nguyên. Tam-âm-giao đều 3 trảng, Túc-tam-lý 3 trảng, Chương-môn, Đại trường du, Bát-liêu, Trường-cường Âm-giao, Thái-xung, Dương-lăng đều 1 trảng.

Kết quả: Bụng đầy giảm bớt đi cầu rặn, sáng mai ăn cháo được nhưng bắt đi cầu, phân vàng.

Trị lần thứ 2: Châm Trung-uyên, Túc-tam-lý bỏ 4 lần, Cứu Thủy-phần, Khí-hải, Thiên-xu 3 trảng, Thượng-uyên, Hạ-uyên, Thông-cốc, Âm-dò 1 trảng, Thần-khuyết 2 trảng.

Kết quả: Bắc đầu ăn được, sáng đi cầu phân tốt.

Trị lần thứ 3, Châm Tiểu-hải tả huyết, Trường-cường, tả 3 lần.

Cứu như trên. **Kết quả:** đi cầu không rặn nữa hết khát nước và nhẹ hẳn.

Trị bệnh Kiết Ly đau bụng nhứt đầu.

Cô Thanh 37 tuổi đi cầu đàm mủ sắc trắng đỏ, làm rặn, đau bụng nhứt đầu, tim nóng, khát không muốn uống nước.

Trị pháp : Châm Khúc-trị, Hiệp-cổc, Tiểu-hải, tả 3 lần.

Cứu Trung-uyên, Thủy-phần, Thiên-xu, Âm-giao, Túc-tam-lý đều 3 tráng. Kết quả bệnh nhẹ hết hẳn.

Trị bệnh Hồng-Bạch-Lý ngày đi trên dưới 20 lần.

Ông Dương 62 tuổi, bị bệnh Kiết đàm mủ có lẫn máu (hồng bạch lý), đi bực rặn, ngày đi trên dưới 20 lần, ăn vào thì tại Dạ dày đầy trướng, phát ho, bệnh trên 1 tháng.

Trị pháp : Châm Trung-uyên bỏ 3 lần, Túc-tam-lý, tả 1 lần bỏ 2 lần, Khúc-trị tả 3 lần. Cứu Chương-môn, Thủy-phần, Thiên-xu, Khí-hải, Quang-nguyên, Tam âm-giao đều 3 tráng.

Kết quả : Đi cầu giảm còn 9, 10 lần, bụng bớt đầy ho giảm.

Ngày sau trị lần thứ 2. Châm Túc-tam-lý, Công-lôn bỏ 4 lần, Nội-quang tả 2 bỏ 2 lần. Cứu như trên.

Kết quả bệnh nhẹ, hết đi cầu, ho giảm.

Trị bệnh có thai làm kiết lý.

Có Linh 26 tuổi bệnh Kiết-lý máu mủ (hồng bạch lý) đi cầu bực rặn. mỗi lần đi đều đau bụng, ngày đi 4, 5 lần, đêm 7, 8 lần bệnh đã hơn tuần nhứt.

Trị pháp : Châm Khúc-trị, tả 3 lần, Khí-hải tả 2 bỏ 1 lần, Trường-cường. Bật-liêu châm. Cứu Trung-uyên, Thủy-phần, Thiên-xu, Âm-giao, Túc-tam-lý 3 tráng. Kết quả không phản ứng.

Ngày sau trị lần thứ 2 : Châm Khúc-trị bỏ 2 tả 2, Túc-tam-lý bỏ 2 tả 2, Âm-giao bỏ 4 lần. Cứu các huyết như trên.

Kết quả : Bệnh nhẹ, nhưng qua 9 ngày lại đi cầu ra mủ hắc rặn.

Trị lần thứ 3. Châm cứu y như lần thứ 2, Bệnh giảm 1/3

Tiếp trị 2 lần nữa y như trên bệnh hoàn toàn hết hẳn.

Trị bệnh Kiết-Lý không muốn ăn uống.

Bệnh như Anh Sâm 32 tuổi bị bệnh Xích-Lý bực rặn (lý cấp hậu trọng), không muốn ăn uống, lại thêm chân từ mắt cá bèn mặt trở xuống, gân cốt đau nhứt, bệnh đã 10 ngày.

Trị pháp : Châm huyết Khưu-hư bên mặt bỏ 3 lần, Túc-tam-khấp chân mặt tả 3 lần, Tam-âm-giao, Tiểu-hải, Âm-lăng-luyện bỏ

3 lần.

Cửu Trung-uyển, Thủy-phần, Thận-khuyết, Thiên-xu, Khí-hải, Thận-du, Mạng-môn, Trường-cường đều 3 trảng,

Kết quả : Bệnh giảm chân bớt đau, (tức đã giảm 1/2).

Trị lần thứ 2 (ngày hôm sau) châm cứu y như trước.

Kết quả : Bệnh hoàn toàn hết hẳn.

XVIII.— BỆNH ĐAU VÙNG NGỰC, HÔNG

Trị bệnh ngực đau, ho khan.

Cháu Tam 14 tuổi đau tại giữa ngực 7, 8 ngày không hết, thường ho khan, rồi kiến không bình gì cho là vì thần kinh phát đau.

Trị pháp ; Châm Nội-quang, Thái-uyên đều tả 2 lần.

Cửu Thiên-đột, ba hàng huyết trước ngực, và Kỳ-môn, Chương môn, Nhũ-căn đều 1 trảng.

Kết quả : Châm cứu trị xong hết đau, ngày sau ho để nhờ đàm ăn uống khỏe và về sau hết hẳn.

Trị bệnh ngực sườn bên mặt đau có nổi cục.

Cô Trần 24 tuổi bên hông mặt và giữa ngực nó nổi 1 cục như hươu đau nhức như dao cắt, cả ngày không hết, nằm bên trái thì bên trái cũng đau, bệnh đã 3 ngày, hai ngày trước đau ít, nay lại nặng.

Trị pháp : Châm Chương-môn tả 4 lần, công 1 lần Thượng-uyển tả 4 lần công 2 lần. Cửu Trung-uyển, Chương-môn, Thận-khuyết, Cửu-vỹ đều 1 trảng. Chiên-trung, Khí-hải 3 trảng.

Kết quả : Châm xong cảm nhận có hơi chạy, trong 40 phút thì hết đau từ ấy sau hết hẳn. Chứng này cũng do bệnh Gan phát sưng nổi lên, Trị bệnh này chỉ châm cứu 1 lần mà khối ấy lặn lần tan hết.

Trị bệnh ngực đau, lưng tức.

Bà Lưu 50 tuổi trước chỗ giữa ngực đau dẫn ra cả sau lưng làm tức, bệnh đã 6 tháng, nay lại ra mồ hôi, hơi xoay xẩm, khi phát đau thì không ăn uống được ,

Trị pháp : Châm Thừa-tương, Nội-quang, Trung-uyển đều tả 3 lần.

Cửu Chiên-trung, Cửu-vỹ, Cửu-khuyết, Thương-uyển, Hạ-uyển, Thần-khuyết đều 1 trảng, Túc-tam-lý, Tam-âm-giao 3 trảng, Khi-hải 5 trảng.

Kết quả : Các chứng đều giảm.

Trị lần thứ 2 Châm Phục-lưu bổ 4 lần, Nội-quang tã 3 lần, Cửu như trên, thêm Đại-chùy, Phong-môn, Phế-du đều 3 trảng.

Kết quả : Bệnh hết hẳn.

Trị bệnh đau giữa lòng ngực.

Cô Anh 20 tuổi, nửa năm trước chỗ giữa lòng ngực đau, có lúc dẫn đến bụng đau, bây giờ trở lại,

Trị pháp : Châm Trung-uyển tã 4 lần, công 1 lần, Cửu Thương-uyển, Thần-khuyết, Khi-hải, Chương-môn. 1 trảng, Nội-quang, Túc-tam-lý, Hạ-uyển, đều 3 trảng.

Kết quả : Châm lưu kim 3 phút, trên rún đau tã 1 lần bớt, tiếp tã 1 lần nữa hơi giảm, tã tiếp 2 lần nữa đến rút kim lên 1 phần rồi lay động ấn công châm 1 lần thì hết đau, sau cứu, bệnh hết hẳn.

Đau sườn ngực, vùng huyết Chương-môn.

Cô Hoa 40 tuổi sườn bên trái chỗ huyết Chương-môn đau, nằm rất khó chịu, tay mặt vì xách đồ nặng bị thương nên trong cùi chỗ đau.

Trị pháp : Châm-Hành-gian tã 4 lần, Xích-trạch tã 4 lần.

Kết quả : Hết đau. Bệnh này đau tại vùng Gan nên dùng huyết Hành-gian tã công hiệu ngay. Dùng huyết Xích-trạch là vì chỗ ấy đau nên áp dụng trị cũng công hiệu.

Sườn ngực đau vì Ngoại-thương hay vì Gan, Mật sưng.

Bệnh này thường có phát nóng lạnh hoặc đầy đau làm ợ mửa hoặc ợ chua, bệnh nặng thở, ho, nói lớn tiếng cũng xốc lên đau.

Trị pháp : Dùng các huyết : Thực-độc, Dương-lăng-tuyền, Kỳ-môn và các huyết phụ Can-du. Chương-môn, Trước châm sau cứu, tất có công hiệu, (bệnh Gan, Mật sẽ có mục sau).

Bệnh sưng mạng sườn (Hung mạc viêm)

Do các bệnh Lao phổi, Thận tạng viêm, cúm mao v. v, dẫn phát hoặc đau 1 bên, nằm càng đau, ho cũng đau, thở cũng đau, có khi vài ngày đau 1 lần hay kéo dài mấy tháng, có bệnh thành mạn tính cũng do các bệnh Lao phổi phát sanh, nếu sưng làm mũi ắt khó trị.

Dùng các huyết chủ trị, Đại-trữ, Phong-môn, Phế-du, Khuyết-âm-du, Tâm-du, Cách-du, Phách-hội, Cao-hoan, Thần-đường, Thiển-hĩ, Túc-tam-lý, Tam-âm-giao, Chi-cẩu, Dương-lãng ; Thái-xung ; Chương-môn, Kỳ-môn. Tùy chứng châm cứu trị rất công hiệu.

Các chứng gọi là Khí-hung, Thủy-hung cũng đều dùng phương pháp này trị cả.

XIX.— BỆNH ĐAU VÙNG BỤNG

Phúc mịch viêm (đau màng bụng cấp tính).

Dùng các huyết trị làm tiêu viêm chỉ thống :

Cách-du, Tiểu-trường-du, Tam-âm-giao, Hành-gian, Âm-liêm và phối hợp các huyết : Can-du, Đởm-du, Tỳ du, Tam-liêu-du, Thận-du, Khí hĩ-du, Đại-trường-du tùy chứng châm cứu trị công hiệu.

Bệnh về mạng lách cũng dùng các huyết này trị, nhưng cần trị lâu mới có kết quả.

Trị bệnh bụng đau dẫn đến hông lưng đều đau.

Bệnh như Anh Sứ 25 tuổi 1 năm trước chỗ cuốn Dạ dày đau, lần lần dẫn xuống đến vùng huyết Chương-môn, dẫn đau đến lưng, bụng dưới cũng đau, hông bên mặt đau, hiện sắc mặt mét.

Trị pháp : Châm Trung-uyển, Chương-môn, Nội-quang, Thái-xung tả. Cứu Bách-hội, Đại-chùy, Phế-du, Tỳ-du, Vị-du, Can-du, Thận-du, Chiên-trung.

Kết quả : bệnh hết hẳn.

Trị bệnh bụng lạnh đau :

Ông Dương văn Hưng 71 tuổi, bụng căm như bị lạnh đau, hơi tay nóng xoa hoặc đè thì bớt.

Trị pháp : Châm Trung-uyển, Tam-lý bõ, Cứu Thận-du, Mạng-môn, Thương-uyển, Hạ-uyển, Chương-môn, Kỳ-môn, đều 3 tráng Ủy-trung 1 tráng.

Kết quả : Bệnh hết lạnh hết đau

Đau bụng phía dưới rún dẫn ra sau lưng :

Bệnh như Anh Tài 35 tuổi phía dưới rún đau như dùi đâm liên tiếp 4, 5 ngày, mỗi ngày đau 1, 2 lần, khi bớt thì bên lưng phía

mặt lại đau, ngực như đầy, ăn không tiêu miệng thường chảy nước dãi.

Trị pháp : Châm Nội-quang, Túc-lâm-khấp, Khí-hải, Khúc-trì, Hoàn-khiêu, Thái-xung đều châm bên mặt, tả, Cứu tại phía bên lưng chỗ đau (dùng ngải quyển, cứu 3 lần).

Kết quả : Dưới rún bớt đau, vùng lưng ngực cũng giảm 2/3 hết chảy nước dãi.

Trị lần thứ 2 (cách ngày sau). Các chứng kia nay giảm lại làm nhưc đầu chân vắn, Châm Nội-quang, Khí-hải, Trung-uyển, Tam-âm-giao, Thừa-sơn cả 2 huyết, tả, châm Trường-cường ra máu.

Cứu Hoàn-khiêu, Thận-du, Bách-hội, Thái-dương, Đại-trường-du, Tiểu-trường-du, Bàn-quang-du, Chiên-trung, Thương-uyển, Hạ-uyển, Chương-môn đều 3 tráng.

Kết quả : Bệnh hoàn toàn bình phục hẳn.

Trị bệnh bụng dưới đau và đầu xoay xâm (bệnh đã lâu).

Cô Thanh 42 tuổi ban đầu phát nóng lạnh, 2 bên bụng dưới khó chịu, phát 2 lần, làm chỗ rún đau, hiện bụng dưới đau, ăn uống ít và kèm chứng nhưc đầu xoay xâm kinh niên, bây giờ phía bên Túc-cung đau nặng đã trên 10 ngày.

Trị pháp : Châm Khí-hải, Túc-cung bên trái đều tả.

Cứu Thận-du, Túc-tam-lý, Tam-âm-giao, Bách-hội, Chiên-trung, Thần-đỉnh, Chương-môn, Phong-trì, Tiền-đỉnh, Thương-tinh đều 3 tráng, Mệnh-môn 1 tráng.

Kết quả : bụng dưới bớt đau, đầu giảm bớt, buổi mai ăn được 1 chén cơm.

Trị lần thứ 2 ngày hôm sau. Hiện chứng tay chân tê, đầu xoay xâm, các chứng cũ vẫn còn (xem lại bệnh này vì người to béo quá nên có thể phát chứng Trúng phong).

Trị pháp : Châm Phong-phủ, Thái-xung, Khúc-trì đều tả.

Cứu Bách-hội, Phong-trì, Phong-môn, Phế-du, Tam-lý, Phong-thị, Tuyệt-cốt, Thần-đỉnh, đều 3 tráng. Tam-âm-giao 3 tráng, E-phong, Thương-tinh, Thái-dương, Đại-chùy đều 1 tráng.

Kết quả : Đầu xoay xâm tay tê hết, chỗ bụng trên rún giảm bớt, ăn được.

Trị lần thứ 3 (hiện chỗ bụng còn đau) Châm Quang-nguyên tã, Cứu Khí-hải, Túc-tam-lý, Phong-thị, Âm-thị đều 3 trảng, Trung-uyển Thần-khuyết đều 1 trảng.

Kết quả : Các chứng hết hẳn, bình phục,

Trị bệnh bụng dưới thường đau bên trái qua mặt.

Bệnh nhưn, Anh Hòa 28 tuổi bụng dưới đau khi bên trái khi bên phải, tim phiền nhiệt, ăn no thì chỗ ngực nặng đau, toàn thân các khớp xương đều tê rần bên trái thường đau, bệnh đã trên 1 năm đi Bệnh-viện xem cho là bị Mai-độc. có Thầy cho là bộ phận tiêu hóa bệnh.

Trị pháp : Châm Túc-tam-lý, Công-tôn tã, Khi-hải hõ, Cứu Chiên-trung, Trung-uyển, Thiên-xu, Thần-khuyết, Kỳ-môn, Chương-môn, Thận-du, Màng-môn, Đại-trường-du, Tiểu-trường-du, đều 3 trảng.

Kết quả : Bệnh hết hẳn.

Trị bệnh bụng trướng, đầu xoay xảm :

Cô Thanh 46 tuổi bụng lớn, từ trên đến bụng dưới đều đầy trướng, trong tim làm bức rức phiền táo, đầu xoay xảm.

Trị pháp : Cứu Chiên-trung, Trung-uyển, Chương-môn, Kỳ-môn Tam-lý, Tam-âm-giao, Nội-quang, Can-du, Đởm-du, đều 3 trảng, Màng-môn 1 trảng.

Kết quả : Bụng dưới bớt đau.

Trị lần thứ hai, Châm Hạ-uyển, Thiên-xu, tã, Khúc-trì hõ, Cứu Kỳ-môn, Chương-môn, Trung-uyển, 3 trảng, Thần-khuyết 3 trảng.

Kết quả : Bệnh hết hẳn.

Trị bệnh bụng trướng cứng tay chân nóng :

Cháu Thị Quế 16 tuổi bệnh bụng trướng cứng, ngực bế tắc không thông, không ăn được, bàn tay bàn chân nóng.

Trị pháp : Cứu Trung-uyển, Chiên-trung, Chương-môn 3 trảng, Khi-hải, Quang-nguyên, Túc-tam-lý, Tam-âm-giao 3 trảng, Nội-quang Phế-du, Đại-chùy, Phong-môn, Thần-khuyết đều 1 trảng.

Kết quả : Ăn uống được, lòng bàn tay bàn chân bớt nóng, chỗ ngực giảm.

Trị lần thứ 2 Trị y như trên không phản ứng.

Trị lần thứ 3 Châm Trung-uyển, Túc-tam-lý, Nội-quang, tã.

Kết quả : đi tiểu nhiều đại tiện được thông đi nhiều, bụng hơi giảm.

Trị lần thứ 4 y như trước : kết quả giảm thêm.

Trị lần thứ 5 như trên thêm Tam-lý bồ 2. Cứu Chiên-trung, Thiên-xu, Khí-hải, Tam-âm-giao, Chương-môn, Thận-du, 3 tráng.

Kết quả : bụng trường giảm nhiều ngũ yên, sau hết hẳn.

Trị bệnh trưởng (Cổ trưởng) Lá lách sưng đói không muốn ăn

Bệnh như Anh Hội 42 tuổi bụng lớn (cổ trưởng) bên hông trái có nổi cục cứng như sưng Lá lách, đói không muốn ăn, vì ăn rồi thì trường lên ; lại hay thích uống nước lạnh không thích đồ nóng, đi thì mệt, sắc mặt mét vàng, mắt hơi mờ, nước tiểu vàng, bệnh đã 3 tháng.

Trị pháp : Châm Nội-quang, Tam-lý tả phá.

Cứu Thượng-uyển, Trung-uyển, Hạ-uyển Thủy-phần, Thần-khuyết, Thiên-xu, Khí-hải, Quang-nguyên, Túc-tam-lý, Tam-âm-giao, Tuyệt-cốt, Mạng-môn, Dương-quang, Tý-du, Vị-du, Thận-du đều 3 tráng.

Kết quả : Ăn được, miệng biết mùi.

Trị lần thứ hai. Châm Chương-môn, Thiên-xu, Nội-quang, Tam-lý. Cứu như trước. Kết quả Tinh thần khỏe khoắn, nhưng sau 12 giờ trưa lại nổi trường lên nặng.

Trị lần thứ 3 cách 1 ngày. Châm Trung-uyển bổ, Tam-lý, Nội-quang đều tả, để nằm lưu kim 1/2 giờ mới rút kim. Cứu như trên thêm Cách-du, Âm-lăng-tuyền, Thái-bạch, Phong-long đều 3 tráng.

Kết quả : Bụng trường giảm nhiều.

Trị lần thứ 4. Trị như trước châm thêm huyết Kỳ-môn, tả.

Kết quả : Ăn được ; ngủ ngon giấc ; đi được chút ít.

Trị lần thứ 5. Châm Trung-uyển tả, Tam-lý, Nội-quang, bổ.

Kết quả : Bụng trường giảm tinh thần khỏe.

Trị lần thứ 6. Châm Quang-nguyên, Thái-bạch, bổ, Âm-lăng, Hành-gian tả, Cứu như lần thứ 1.

Kết quả : Ăn uống gia tăng, tinh thần khỏe thêm.

Trị lần thứ 7. Trị như trên, kết quả bụng bớt nhiều, nhưng quá 3 ngày sau miệng khô đắng.

Trị lần thứ 8 và 9. Châm Trung-uyển, bổ, Khí-hải tả, Thiên-xu bổ, Nội-quang tả.

Kết quả : Bụng bớt trướng và nóng giảm, ăn ngon, miệng hết khô.

Trị lần thứ 10. Trị như trên ; kết quả bụng trướng giảm nhiều, chỉ còn chỗ rún bên trái, nhưng trưa lại phát sốt đến nửa đêm mới hết, và sau buổi trưa thì 2 chân lại phát thũng.

Trị lần thứ 11. Châm Quang-nguyên bổ, Khúc-trì tả, Nội-quang, Hàm-cốc tả.

Kết quả : Chân bớt sưng nóng sốt giảm, đi cầu trước ra nước sau phần đen.

Trị lần thứ 12. Châm Trung-uyển bổ. Khúc-trì tả, Chương-môn Thiên-xu tả. Cứu Hạ-uyển, Thủy-phần, Thần-khuyết, Thiên-xu, Khí-hải, Tỳ-du, Mạng-môn, Tam-lý, Tam-âm-giao đều 3 trấu.

Kết quả : Các bệnh đều giảm nhẹ, đại tiện như thường, rún bên trái còn cứng.

Trị lần thứ 13. Châm Thông-lý bên trái bổ, Nội-quang tả, Chương-môn, Thiên-xu, bổ Khí-hải, Túc-tam-lý bổ, Thái-xung-tả (kết quả chỗ nổi ở rún phát đau).

Trị lần thứ 14. Trị như lần thứ 3.

Kết quả : Châm trị rồi thì chỗ đau giảm, 2 chân và lưng hơi thũng.

Trị lần thứ 15, Trị y như trước.

Từ đây bệnh nhơn không lại trị nữa (hoặc bận việc làm ăn mà bệnh đã giảm bớt nên không lại trị nữa.)

(Bệnh này chưa thấy rõ, nhưng nhận xét chắc bệnh đã hết.)

Các bệnh về Cổ trướng (Phúc-thúy) xem mục bệnh Thận sau.

Trị bệnh Hoành-Cách-mô co thắt.

Chứng này khi ho thì phía trên ngực phồng lên, phía dưới thóp vào, thở ra thì phồng lên làm cho khó thở, ho như đám vít khó chịu, bệnh thở mệt, nguy hiểm, bệnh này có khi phát đau 1 bên do Thận-kinh viêm hay Tịch-tủy viêm, nhưng phần nhiều do Hoành-cách-mô bị bệnh dẫn phát.

Dòng các huyết chủ trị : Vị-du, Tam-tiên-du, Bất dung, Kỳ-môn, Nhựt-nguyệt, Cựu-vỹ tùy châm cứu trị.

Nếu Hoành-cách-mô co rút làm mất cực, tức do bộ phận tiêu hóa bị bệnh như Dạ dày, Lá-lách, Tuy-tạng, Gan, Mật, hoặc do bộ phận hô hấp bị bệnh, như vi Phổi thủng, Ho gà, Hung mạc viêm.

Người lớn tuổi bị bệnh là do nội tạng bệnh, trẻ con lịm là do thần kinh cảm xúc, như thính-môn bị bế thì có lúc khỏi học lại được nhưng nếu bệnh nặng diễn tri lâu ngày làm cho tinh thần mệt mỏi, phải cần trị.

Dùng các huyết chủ trị : Chương-môn, Kỳ-môn, Cách-du, Khí-xá, Khí-hộ, Khổng-tối, Phong-tri, Thái-khê, Phong-phủ, tùy châm cứu trị.

Nếu Hoành-cách mô bị co thắt làm cho ngực nổi to lên, bụng dạ trên trương, khó thở, tay chân lạnh, chứng nặng làm ngất xỉu.

Dùng các huyết chủ trị : Can-du, Đởm-du, Tỳ-du, U-môn, Bất-dung, Nhựt-nguyệt, Kỳ-môn, tùy châm cứu trị.

XX.— BỆNH GAN, MẬT, LÁ LÁCH

Bệnh Gan lớn cứng.

Chứng trạng hông bên mặt có khối cứng, bụng trương dạ dưới đau, đại tiện bí táo, ăn không ngon, mạch tả quan huyền, hữu lực.

Trị pháp : Dùng các huyết : Thượng-uyên, Trung-uyên, Hạ-uyên, Thái-xung, Khí-hải, Hành-gian, Can-du, Kỳ-môn.

Thủ thuật : Châm 3 huyết Uyên đều 1 tấc 5 phân, Khí-hải 2 tấc, Thái-xung 1 tấc, Hành-gian 8 phân, Can-du 5 phân, Huyết Kỳ-môn, châm đầu kim xoay ra sau 1 tấc, bình bổ bình tả, lưu kim 1 giờ đến 2 giờ, sau rút kim mỗi huyết cứu 5-7 tráng.

Mỗi ngày hay cách nhựt châm ; Cứu trị 1 lần.

Cấm kỵ đồ ăn sanh lạnh và kích thích.

Trị nghiệm : 1.— Cô Trần 32 tuổi, ngày 24/9 đến chẩn trị, cho biết bệnh trước đau Dạ dày trệt, Gan lớn, trị đã 2 năm không công hiệu. Hiện chứng trạng : Bụng trương, Bụng dưới đau, đại tiện bí, Gan lớn lấn sườn 3 ngón tay.

Trị pháp : Dùng các huyết : Thượng-uyên, Trung-uyên, Hạ-uyên, Hành-gian, Thái-xung, Kỳ-môn, bình bổ bình tả.

Ngày 28/9 trị lần thứ 2 cũng dùng y các huyết ấy thêm Cự-

khuyết, Khí-hải, Đại-đôn cũng áp dụng thủ thuật bình bổ bình tả pháp.

Ngày 28/9 trị lần thứ 3, hiện bệnh bụng dưới bớt đau, ăn uống được, Châm trị dùng các huyết trên thêm Can-du,

Ngày 30/9 trị lần thứ 4 cũng dùng y như trước, và tiếp tục trị 23 lần cả thấy, kết quả : Gan nhỏ lại, ăn uống như thường, đi rọi kiến xem thì Gan đã bình phục, bệnh hoàn toàn hết hẳn.

2.— Cô Thương 34 tuổi ngày 25-9 đến châm trị, hiện chứng trạng, chỗ vùng tim trướng đau, bụng và Gan sưng cứng, đại tiện bí, ăn uống giảm ít, mặt mắt tay chân phát vàng, Gan lớn đến rún đè đau.

Trị pháp : Dùng các huyết : Thương-uyên, Trung-uyên, Hạ-uyên, Kỳ-môn, Hành-gian, Thái-xung châm bình bổ bình tả.

Ngày 27-9 trị lần thứ 2 cũng áp dụng huyết trị như trước thêm Cự-khuyết, Khí-hải, Đại-đôn.

Ngày 29-9 trị lần thứ 3 chỗ ở tim bớt đau, bụng sườn còn hơi sưng cứng, trị như lần thứ 2.

Ngày 1-10 trị lần thứ 4 như trên thêm các huyết : Can-du, Chí dương, Công-tôn đều châm 5 phân, Lệ-đoài 3 phân bình bổ bình tả. Tiếp tục châm trị như thế trước sau cả thấy 15 lần, chứng Huỳnh-đản hết, Gan nhỏ lại còn lối 3 ngón tay.

Sau tiếp trị đến 30 lần, Gan nhỏ lại còn bằng ngón tay.

Tiếp trị trước sau cả thấy 40 lần Gan hoàn toàn bình phục như thường. (Thời gian trị hai huyết Đại-đôn, Hành-gian thay đổi xử dụng).

Trị bệnh Gan thủng lớn bệnh mới phát (Can-ngạnh-hóa sơ kỳ).

Khi Gan mới phát bệnh thường sườn bên mặt có chỗ đè đau, bụng hơi trướng, phát sốt, ăn uống không ngon, đại tiện táo bón.

Trị liệu : dùng các huyết : Thận-du, Đại-trường-du, Bàng-quang-du, Tỳ du, Vị-du, Bác-liêu, Kỳ-môn, Cự-khuyết, Túc-tam-lý.

Thủ pháp : Châm nhẹ các huyết Thận-du, Tỳ-du, đều 4 phân Bác-liêu 2 phân, Túc-tam-lý 1 tấc 2 phân, bình bổ bình tả lưu kim 20-30 phút.

Cách 1 ngày châm trị 1 lần, và cần tịnh dưỡng tinh thần, cấm ăn đồ sanh lãnh.

Bệnh thuộc mạng tách là vì ban đầu Trường Vị bị sung huyết, như Gan cứng làm cho cơ năng bài tiết hấp thụ yếu, nên ăn không biết ngon, làm ác tâm ẩu thổ, bụng trướng đại tiện táo.

Châm cứu trị bệnh này bất kỳ Hư Thiệt đều dùng các huyết :

Ba huyết Uyển (Thượng, Trung, Hạ) Khí-hải, Can-du, Tỳ-du, Kỳ-môn, Túc-lam-lý làm chủ và tùy chứng trạng thêm các huyết phụ :
Như : Tiểu-tiện ít thêm Quang-nguyên, Âm-lăng-tuyền.

Tim suy nhược thêm Thần-môn, Nội-quang, Tam-âm-giao.

Thổ huyết hay Nục huyết thêm Xích-trạch, Nội quang. Hiệp-cốc.

Phù thũng thêm Thận-du, Đại-trường-du, Quang-nguyên, Túc-lam-lý, Tam-âm-giao, Bắc-liêu, Ngoại-quang, Âm-lăng và cứu các huyết : Thủy-phần, Thận-khuyết.

Châm cứu trị bệnh này cốt làm cho khí huyết điều hòa, thông kinh lạc làm cho Gan tạng gia tăng huyết để khôi phục cơ năng sinh lý của Gan và làm cho cơ năng Bài-tiết của Thận mạnh, thành nhuận Tỳ, tức là mục đích dưỡng Can; kiện Tỳ, lợi tiểu tiện làm yếu.

Trị bệnh Gan thũng, bụng trướng, đầu xoay xảm.

Cô Chơn 30 tuổi nhưn ầu sâu quá độ thành chứng Càn-huyết lao bệnh đã 3 năm, hiện nay phát Cổ-trướng đầu uểng xoay xảm, ngực đầy cứng, toàn thân suy nhược, trong tim nóng, lòng bàn tay nóng, ớn lạnh, tiểu tiện ít, đại tiện táo bón, kinh nguyệt không đều, có bạch đới, nhiệt độ 38, rọi kiến thuộc bệnh Gan sưng và bụng nước.

Trị pháp : Châm Quang-nguyên bổ 4 lần, Phục-lưu 2 huyết bổ 4 lần, Trung-uyển, bổ 2 tả 2, Âm-lăng (2 huyết) bổ 2 tả 1; Hành-gian 2 huyết tả 3; Nội-quang 1 huyết tả 3 lần.

Cứu Thần-khuyết, Chiên-trung, Chương-môn, Thủy-phần, Thiên-xu, Cách-du, Can-du, Đởm-du, Tỳ-du, Vị-du, Tam-tiểu-du, Túc-lam-lý, Tam-âm-giao, Thái-xung 3-5 trảng.

Kết quả : Trị xong phát ợ hơi, các chứng ; đau ngực, tim, lòng bàn tay nóng đều giảm.

Trị lần thứ 2 như trên. Bệnh nhưn về nhà sau bệnh bớt nhiều. Nhưng vài hôm sau, vì phải giặt quần áo nhiều, quá lao lực và phải

dầm nước, rồi lại gây gỗ với anh em trong nhà, nên hôm sau phát sụng và chân đều sưng, ăn uống lần lần ít, bệnh trở lại trầm trọng, đến trị 1 lần nữa không kiến hiệu (Châm trị không kết quả nữa).

Án lý: Vây bệnh này trị 2 lần công hiệu, nếu biết điều dưỡngắt lần lần bệnh nhẹ được.

Trị bệnh Gan sưng và Mật có hiện tượng bị bệnh.

Anh Dương 36 tuổi, 2 tháng trước bệnh, đến Bệnh-viện trị cho biết bị Gan sưng, trị tại đây 4 tháng ruồi không kiến hiệu, xin về nhà điều dưỡng, nhưng Gan đầy bệnh lại trầm trọng chỗ vùng gan đau, nói chuyện càng đau nhiều, chỗ ngực cũng đau, thân không thẳng ngay ra được, trên bụng cũng có chỗ đè đau, hai bên Thái-dương cắn, miệng đắng khát nước luôn, nhưng không uống được, vì uống nước vào thì mửa ra đến nước xanh (nước mật), tiểu tiện thì vàng (vì Gan sưng đau nên nước tiểu vàng); khi Gan bớt đau thì nước tiểu hơi trắng, mặt đen khô nứt, người mệt mỏi không nằm ngồi được, lưỡi tưa vàng, đại tiện bí, hay ngủ.

Trị pháp: Châm Túc-lâm-khấp (2 huyệt) tả 3 lần, Thái-xung, Nội-quang, Kỳ-môn, (bên phải) tả 2 lần, Hành-gian tả 3 lần, thích Khiếu-âm Đại đôn, Lệ-đoài ra máu.

Kết quả: Khi châm ra máu các Tĩnh huyết thì bệnh như tỉnh táo, khi châm tả các huyết rồi, khát nước cho uống, lần này uống vào không mửa nữa, miệng bớt đắng, ngày hôm sau chỗ bụng bớt đau, tinh thần sảng khoái, lưỡi hết tưa vàng.

Trị lần thứ 2 (hiện chỗ vùng Gan còn đau, đại tiện 2, 3, ngày không đi cầu.

Châm Thượng-uyển, Nội-quang tả 3 lần. Túc-lâm-khấp, Thái-xung, Kỳ-môn bên phải tả 2 lần.

Kết quả: Đại tiện thông, ngực bớt đau, tinh thần khỏe đi đường được, ăn uống không mửa nữa.

Trị lần thứ 3, 4, trị như trên; Tinh thần khỏe nhiều.

Trị lần thứ 5. Châm Kỳ-môn bên phải, Chương môn phải, tả 3 lần, Nhựt-nguyệt phải, Khử-hư, Hành-gian 2 huyệt, Túc-tam-lý phải đều tả 2 lần.

Kết quả: chỗ vùng Gan bớt, vùng ngực cũng bớt đau bớt đầy.

Trị lần thứ 6. Hiện bệnh còn xoay xảm, chân yếu, và chỗ bụng còn đầy (do tả 2 ngày nhiều quá). Châm trị Thượng-uyển tả 2 lần, bổ 2 lần Khúc-tri bổ 4 lần, Nội-quang, Tam-lý bình châm không tả.

Kết quả : vùng Gan như cảm giác nhỏ bớt, chỗ vùng Mật hơi khó chịu không muốn ăn.

Trị lần thứ 7 như trên ; thêm châm Đại-đôn, Khiếu-âm ra máu.

Kết quả : hôm sau ăn được.

Trị lần thứ 8. Cách 5 ngày nhơn vì mấy ngày ấy làm việc hơi mệt, lại nằm dưới chỗ ẩm thấp phát lạnh, ho, khi ho chỗ tim đau, cổ ngứa. Châm trị cũng như trên.

Kết quả : sáng hôm ấy giảm, nhưng trưa hôm ấy phát sốt nên đổi lại nặng.

Trị lần thứ 9 Châm Nội-quang tả 2 lần bổ 2 lần, Kỳ-môn tả 1 bổ 1, Thương-khưu 2 huyết đều tả 3 lần, Khí-hải bổ 4 lần.

Kết quả : ăn nhiều, ngực bớt.

Trị lần thứ 10. Trị như trên bệnh hoàn toàn bình phục hẳn.

Trị bệnh Gan làm Huỳnh đản (Vàng da)

Bệnh này mặt vàng, da vàng, nước tiểu cũng vàng nhưng ít, thường tỉnh thần mê mết, vùng ngực sườn dè đau, xót xa không biết đói, ăn khó tiêu chứng này có 2 chứng : Dương-huỳnh, sắc vàng có phát sốt, miệng khát tiện bí. Âm-huỳnh sắc đậm mà hơi màu khôi, có phát lạnh, làm Tiết-lả. (Tả chảy).

Trị pháp : Dương-huỳnh dùng châm trị, Âm-huỳnh dùng cứu trị nhiều hơn châm.

Trị pháp : Điều dùng các huyết : Trung-uyển, Nội-quang, Dũm-du (châm) Như phát sốt tiện bí thêm Lao-cung, Dương-cương. Âm-lăng-tuyền, Can-du (châm), như có hơi màu khôi thêm Tỳ-du, Kiện-lý, Chí-dương. Công-tôn trước châm sau cứu.

Trị bệnh Gan thành hắc đản. (Da thâm đen)

Em Thái học sinh đệ tam trường Pétrus-ký, bị bệnh da nổi đen từng đám cùng cả mặt, môi, lưng, bụng tay chân như vết mực.

Bệnh này trước kia là chứng Huỳnh-đản (đau Gan làm vàng da) dùng Ấu được trị lần lần da hết vàng nhưng phát ra đốm đen, từng về từng đám Ấu được không công hiệu nữa, Bác sĩ nhà trường cho rằng không có thuốc gì trị được nữa (theo lời em nói lại), người bơi lội tuy, bắc đầu đi châm cứu trị các nơi cũng không công hiệu sau đến xin chữa trị.

Trị pháp : Dùng các huyệt ; Nhâm-trung, Thừa-tương, Xích-trạch, Khúc-tri, Nội-quang, Kỳ-môn, Chương-môn. Đại-trử, Phong-môn, Phế-du, Can-du, Tỳ-du, Vị-du, Dũm-du, Bàng-quang-du, Đại-trường du, Tiểu-trường-du, Thận-du, Huyết-hải, Khúc-tuyền, Túc tam-lý, Tam-âm-giao, Đại-đôn, Hành gian, Khiếu-âm.

Tất cả các huyệt thay đổi châm trị kích thích nhẹ lưu kim 20 đến 40 phút. Ban đầu 5, 7 huyệt, sau lần lần đến 9, 10 huyệt.

Tiếp tục châm trị, ban đầu liên tiếp trị bằng ngày sau cách 1 ngày trị 1 lần, Trong cho uống thuốc Đông-y, « Giải-độc thanh-can, » uống cả thấy 11 thang trị trong thời gian 2 tháng.

Kết quả : các vùng mặt, ngực tay chân lần lần mất hết vết đen và da trở lại tươi nhuận, bệnh giảm 8, 9, /10

Sau vì bận việc học hành không đến trị nữa, nhưng về sau có người do em giới thiệu đến trị bệnh, hỏi thăm thì bệnh em đã hoàn toàn hết hẳn.

Trị bệnh túi Mật sưng.

Cháu Lê 18 tuổi chỗ ổ tim khoản sườn thứ 8,9, có điểm đè đau, vùng Thượng uyển bên mặt sưng lớn, như có hơi xông lên cổ khó chịu, đầu xoay xẩm, trông mắt đỏ, chỗ vùng mày mắt có nổi mụn đỏ đau, đại tiện mấy ngày mới đi 1 lần, các Y sư đều cho là bệnh sưng túi mật hay bệnh mật sạn, nhưng dùng thuốc trị không công hiệu.

Trị pháp : Châm Kỳ-môn, Nhựt-nguyệt bên mặt, Túc-lâm-khấp Thái-xung, Nội-quang đều châm lưu kim, Thích huyệt, Dũm-du và Khiếu-âm ra máu. (vì người yếu nên không tả nhiều mà chỉ lưu kim ngoài dùng thuốc xoa bóp chỗ đau.

Kết quả : bớt nhiều.

Trị lần thứ 2 Châm Nội-quang, Kỳ-môn, Nhựt-nguyệt, U-môn, Chương-môn, đều lưu kim. Khưu-hư, Thái-xung-dùng 1 huyệt tả 1 lần, Khiếu-âm châm ra máu.

Kết quả : hết đau, sưng cũng xẹp dần.

Trị lần thứ 3, (chỗ ngực Cự-khuyết còn đau).

Châm Nội-quang, 2 huyệt, Công-tôn, Thượng-uyển, Kỳ-môn, Nội-đỉnh, đều lưu kim châm Đại-đôn ra máu,

Kết quả : Hết đau, hết sưng các chứng nhẹ hẳn.

Trị bệnh đàn bà chữa, sưng túi mật.

Cô Thục 27 tuổi chữa 8 tháng chỗ dưới vú bên mặt phát nóng

nổi hạch đau sưng, đê nhức, hăng ngứa hay mủ, buổi mai mủ ra nước trắng (mật).

Trị pháp : Châm huyết Nhựt-nguyệt bên mặt lưu kim (như người tuề chất hư nên không tã mà lưu kim), châm Khiếu-âm ra máu.

Kết quả : Châm trị xong chỗ nổi hạch hết đau, rồi dùng thuốc xoa chỗ ấy lần lần hết nóng,

Tiếp tục trị 3 lần nữa y như trên bệnh hoàn toàn nhẹ hẳn.

XXI.— BỆNH THẬN VÀ BÀNG-QUANG

Bệnh Thận có sạn.

Bệnh này phát vì nguyên nhân bị bệnh Phong-thấp, hoặc vì ăn thịt uống rượu quá độ, đàn ông từ 36 tuổi trở lên thường hay mắc phải vì nước tiểu ra không hết lâu đóng kết ở bộ phận Thận cứng như sạn, sau chuyển qua niệu đạo, Bàng-quang.

Chứng trạng. phát đau tại bộ phận tạng Thận, dẫn đến Bọng-đái, Niệu-đạo, hòn đái, làm tiểu ít, tiểu ra máu, làm bế tắc niệu đạo nên có khi làm bí tiểu tiện, đồng thời làm mửa, bụng trướng đầy, tay chân lạnh, châu thân ra mồ hôi, rọi kiến Thận có sạn.

Trị pháp : Cần làm thông tiểu tiện dùng các huyết : Tam-tiểu-du, Thận-du, Khí-hải, Mạng-môn, Chí-thất, Đại-trường-du, Tiểu-trường-du, Quang-nguyên-du, Tam-âm-giao, Âm-lăng-tuyền, Thái-khê, tùy áp dụng châm cứu trị.

Niệu độc (tiểu có chất đản-bạch).

Bệnh này phần nhiều do Thận tạng viêm, mạng tánh làm cho niệu đạo bế tắc hoặc Thận bị trở ngại.

Chứng trạng đột nhiên nhức đầu, hay đau thường khó chịu, toàn thân có khi co dục, thở khó khăn. có khi làm ợ mửa, Áp huyết tăng cao, cấp tánh phát co dục rồi hết, phần phức không chùng. Mạng tánh bệnh thể diễn tiến như bệnh Não, làm mất ngủ nhức đầu, xoay xam, ký ức giảm, nước tiểu có chất đản-bạch, tinh thần khó chịu.

Trị bệnh này cần làm cho Thận kinh trung khu điều hòa lại.

Dùng các huyết : Thiên-xu, Tả phúc-kiết, Mạng-môn, Thận-du, Khí-hải-du, Đại-trường du, Tiểu-trường-du, Túc-tam-lý, Tam-âm-

giao, Đại-đôn, Lệ-đoài, Dũng-tuyền, Tam-gian, Nhị-gian, Thiếu-phủ, Lao-cung, Ngự-lễ, kích thích mạnh rồi rút kim.

Hoặc cứu các huyết Nhị-gian, Tam-gian, Dũng-tuyền (dùng hoàn ngải nhỏ cứu 10 trảng và tùy chứng trảng cứu những huyết phối hợp trị).

Trị bệnh Thận lao

Bệnh như Lê Khuê 36 tuổi đi tiểu nước đen có lợn cợn như máu bầm, đến Bệnh-viện rọi kiến và thử nước tiểu thì thấy trong nước tiểu có vi trùng lao, cho là chứng Thận lao nhưng trị 5 tháng không công hiệu, lại thêm tiểu ra máu và đau buốt rất khổ sở,

Trị pháp : Châm Trung-cực, Âm-lăng-Tuyền, Tam-âm-giao tả 3 lần, Thái-khê bổ 2, tả 2, Cứu Thận-du, Mạn-môn, Bàng-quang-du, Trường-cường 3 trảng. Kết quả ngày sau tiểu tiện hết ra máu, bệnh lần lần hết hẳn.

Trị bệnh Bàng-quang ma tê (co thắt).

Tiểu tiện thất cấm Buồng trường đau, đầu xoay xẩm.

Cô Hoa 19 tuổi đi tiểu cả ngày đi hoài không dứt, đầu xoay xẩm, bụng dưới đau, ăn ít tiêu, đại tiện 2,3 ngày đi 1 lần.

Trị pháp : Châm Thái-uyên bên phải bổ 4 lần, Khí-hải, Tam-âm-giao 2 huyết bổ 3 lần, Chương-môn (phải), tả 2 bổ 2 lần.

Cứu Chiên-trung, Chương-môn, Kỳ-môn; Quang-nguyên, Trung-cực đều 3 trảng.

Kết quả : Các chứng giảm nhiều, ăn uống được.

Trị lần thứ 2 cách 1 ngày. Châm Thái-uyên, Tam-âm-giao bổ 4 lần, Nội-quang bổ 2 lần. Cứu như trên thêm Trung-uyên, Khí-hải 3 trảng.

Kết quả : Các chứng hết và bệnh phục hẳn.

Trị bệnh Thận viêm làm phù thũng.

Bệnh như Võ Minh 36 tuổi 10 năm trước chân thường hay sưng, lâu lâu phát 1 lần, nay lại sưng to đã 8 tháng không xẹp, đến Bệnh-viện thử nước tiểu cho biết bệnh tạng Thận sưng.

Hiện bệnh toàn thân phù thũng lấy tay nhận thì thũng xuống, trước ngực đầy trương, chân cứng, đại tiện có máu đỏ, tiểu tiện ít, mỗi tuần nhứt lại có di tinh 1 lần, thũng hết, nhưng sau 3 ngày phát thũng trở lại, người sắc vàng.

Trị pháp : Châm Phục-lưu, Phi-dương, Âm-lăng-tuyền, Thái-xung (trái) bỗ 4 lần, Cứu Thận-du, Mạng-môn, Tý-du, Vị-du, 3 tráng.

Kết quả : Chân bên trái vận động được (châm bên trái nên bên trái có công hiệu), nhưng miệng còn khát nước, uống nước lạnh, bụng trướng, đại tiện có lộn máu.

Trị lần thứ 2 cách 2 ngày, Châm Phục-lưu, Phi-dương, Túc-tam-lý, Công-lôn đều bên trái bỗ 4 lần, Cứu như trước thêm Trung-uuyền, Chiên-trung 3 tráng, Kỳ-môn, Chương-môn 3 tráng, Khí-hải, Quang-nguyên, dùng ngải quỳ cứu 3 lần.

Kết quả : Miệng bớt khát nước, bụng trướng giảm 1/2.

Trị lần thứ 3 cách 3 ngày, trị như trên,

Kết quả : Chân xẹp 2/3, đại tiện hết ra máu.

Trị lần thứ 4 cách 4 ngày, cũng trị như trên.

Kết quả : Bụng trướng giảm thêm 1/2, hết khát nước.

Trị lần thứ 5 cũng trị như trên. Lần này kết quả di tinh sau không phát thũng nữa, toàn thân tiêu hết, ăn uống khá.

Trị lần thứ 6 Châm Thái-uuyền, Phục-lưu, Nội-quang, Tam-âm-giao đều bỗ 4 lần, Cứu y như lần thứ 2.

Kết quả : Kiến hiệu, các chứng hoạn toàn tiêu, thân thể khỏe khoắn, bình phục như thường.

Trị bệnh Thận tạng sưng hai năm, mặt phù thũng.

Bệnh như Hà Giao 20 tuổi bị bệnh Thận 2 năm, (mỗi năm khi đến mùa Đông thì phát làm bần huyết, mặt khô đen, đi đường thì thở mệt, lại thêm chứng nặng tai, nổi hạch ở cổ, nay đến mùa Đông cũng phát lại, mặt sưng phù.

Trị pháp : Châm Phục-lưu, Khúc-tuyền, Phi-dương, Nhơn-trung, bỗ 4 lần, Cứu Thận-du, Mạng-môn, Dương-quang 10 tráng.

Kết quả : Má hết sưng thũng, Thận hết sưng.

Tiếp trị 2 lần nữa y như trên bệnh hoàn toàn bình phục.

Trị nghiệm : Trị bệnh Thận phát phù thũng, Châm bỗ các huyết Quang-nguyên, Phục-lưu, Phi-dương. Cứu Thận-du, Mạng-môn rất hay, nếu có khiêm phát chứng gì thì phối hợp huyết trị đều công hiệu.

THŨNG TRƯỞNG

Trị chứng Thủy-thũng.

Chứng này ban đầu mắt phù rồi dần cả mặt, tay chân, ngực,

bụng đều đầy làm khí suyền, tiểu ít, đại sừng lớn, có bệnh trước phát bụng rồi ra đến tay chân, đầu mặt.

Trị bệnh này nên phân biệt cấp tánh và mạng tánh.

Cấp tánh trị nên dùng châm trị nhiều hơn.

Mạng tánh nên cần cứu trị nhiều hơn.

Trị pháp : Dùng các huyết Trung-uyên (châm) Thủy-phần (cứu) như mặt phù thêm huyết Nhơn-trung, tay phù thêm Thiên-lịch, chân phù thêm Túc-lâm-khấp. Tam-âm-giao.

Như thế chất người suy nhược, bệnh khi thủng khi xẹp, dùng các huyết trên trước châm sau cứu gia thêm Tam-tiểu-du, Vị-du, Túc-tam-lý đều cứu ắt công hiệu ngay.

Trị bệnh Cổ trướng.

Bệnh này hoặc chỉ trướng bụng to, (Khí cở), chỉ trướng ở bụng mà tay chân nhỏ, hay teo khô, bệnh nặng thì bụng nổi gân xanh,

Bệnh này mới phát người còn khỏe thì có thể châm cứu trị có kết quả, nếu đau lâu người yếu đuối trị khó kết quả.

Trị pháp : Dùng các huyết : Trung-uyên, Thủy-phần, Khí-hải, Thiên-xu, Túc-tam-lý, Tỳ-du, trước châm sau cứu (huyết Thủy-phần chỉ cứu).

Như tiểu tiện không thông thêm Tam-âm-giao, Âm-lăng-tuyền.

Đại tiện tả nước thêm Đại-trường-du, Nội-đỉnh trước châm sau cứu.

Ăn uống không tiêu thêm Nội-quang, Vị-du (châm, cứu).

Tiền bí thêm Phong-long, Thừa-sơn.

Ngực đầy thêm Chương-môn, Cấn-du (châm).

Trị bệnh Thấp-thũng.

Bệnh toàn thân thũng, đầu xoay xảm.

Bệnh như Lê Bôi 25 tuổi toàn thân phát thũng, 2 chân đều sưng, đầu xoay xảm chân vằn bệnh đã 3 ngày (bệnh này vì bị thấp khí), thường sau buổi trưa lại Thũng nặng hơn.

Trị pháp : Châm Túc-tam-lý bên trái, Công-tôn 2 huyết, Tam-âm-giao 2 huyết đều bổ 4 lạng. Cứu Vị-du, Tỳ-du, 5 trảng, Thận-du bổ 3 trảng, Mạng-môn bổ 1 trảng.

~ Kết quả ; Châm trị sau ra mồ hôi nhiều, đi tiểu mồ hôi lại càng ra dầm dề. Ngày hôm sau toàn thân và chân hết thũng, đầu cũng giảm rồi lặn lần bình phục.

Trị bệnh toàn thân đều Thũng, Tim hồi hộp.

Bệnh nhân Trần Huỳnh 72 tuổi, Thũng toàn thân trừ đầu không phát, tim nhảy mạnh hồi hộp, miệng đắng, ho thì phát tức, mửa ra nước miếng như bột trắng, ban đêm không nằm ngủ được.

Trị pháp : Châm Phục-lưu bổ 4 lần, Đại-lăng, Trung-uyên bổ 3 lần Cửu Khí-hải, Quang-nguyên, Trung-uyên, Bách-lao đều bổ 3 trắng, Phong-môn, Phế-du đều 3 trắng.

Kết quả : Châm xong thấy dễ chịu, ngày sau toàn thân thũng xẹp 9/10 nằm ngủ yên được, ho, thở và miệng đắng đều giảm.

Cách 3 ngày trị lần thứ 2 Châm Đại-lăng, Trung-uyên đều bổ 3 lần, cứu như trước.

Kết quả : Sau bệnh hoàn toàn hết hẳn.

XXII.— BỆNH VỀ TIỂU TIỆN

Trị bệnh Bàng-quang đầy mà tiểu tiện không thông.

Dùng các huyết : Đàn ông, con trai ; Khí-hải, Thủy-đạo.

Đàn bà con gái : Trung-cực, Thủy-đạo.

Thủ pháp : Châm 1 tất đến 1 tất 5 phân, xoay vận kim cho cảm giác tê đến âm đạo mới thôi, lưu kim 30 phút.

Châm trị đái thông ngay.

Trị bệnh đi tiểu cứ rĩ ra hoài không dứt.

Thủ huyết : Dùng huyết Đại-đôn nam tử, nữ hữu.

Châm thẳng vào 1 phân, xoay kim đầy vào ngón chân cái hướng về trước, lưu kim 30 phút.

Phương pháp này đã trị 3 người công hiệu.

Trị bệnh Đái đêm.

Trẻ con hay đái đêm là do tạp ăn uống, hoặc vì có sên lỏi ở ruột. Người lớn ban ngày hay ban đêm bắc đi đái hoài thuộc chứng Di niệu cũng dùng phương này trị.

Dùng các huyết chủ trị : Thận-du, Khí-hải-du, Đở-lương-du, Bàng-quang-du, Bát-liêu, Trường-cường, Hội-dương, Quang-nguyên, Túc-tam-lý Tam-âm-giao, Quang-nguyên-du, Đại đôn, Màng-môn. Thụ châm cứu trị.

Trị bệnh già hay đi tiểu đêm.

Bà Xa 62 tuổi ban đêm cứ bắt đi tiểu hoài, ngày cũng đi tiểu

nhiều lần.

Trị pháp : Dùng các huyệt : Quang-nguyên, Trung-cực, Khí-hải, Túc-tam-lý, Phục-lưu, Thái-khê.

Trị lần thứ 1. Châm Khí-hải, Quang-nguyên, Phục-lưu, lưu kim 30 phút.

Trị lần thứ hai. Châm Khí-hải, 1 tấc, Trung-cực 1 tấc 5 phân, Thái-khê 5 phân, (thủ thuật đề trấp) lưu kim 30 phút.

Trị lần thứ 3. Châm Khí-hải, Túc-tam-lý 1 tấc rưỡi, cũng lưu kim 30 phút. Cứ hai ngày châm trị 1 lần cả thấy 3 lần bệnh nhẹ hẳn.

Trị bệnh tiểu tiện đái từng giọt bụng dưới đau.

Trị bệnh này châm các huyệt : Khúc-cốt, Quang-nguyên, Trung-cực 1 tấc, Thủy-đạo 1 tấc 5 phân, bình bổ bình tả lưu kim 1 giờ. Trong lúc lưu kim xoay vận 1 lần cho cảm giác tê đến âm đạo.

Cách 1 ngày châm trị 1 lần.

Trị nghiệm : Bà Tôn 59 tuổi nhưn việc nhà làm quá lao nhọc cảm nhiễm phục lưu làm tiểu tiện gắt, bụng dưới đầy đau đến âm đạo rất khổ sở.

Dùng phương pháp trên châm trị 1 lần tiểu bớt gắt, trị lần thứ 2 bớt đau bụng, tiếp trị lần thứ 3 bệnh hết hẳn.

Trị bệnh niều bế. (bí tiểu tiện).

Bệnh bụng dưới không đau nhưng đi tiểu rặng nước tiểu không ra.

Dùng các huyệt : Khí-hải, Quang-nguyên, Dương-lăng, Túc-tam-lý.

Thủ pháp : Châm các huyệt 5-6 phân, đề trấp, bình bổ bình tả pháp, lưu kim (Khí-hải, Quang-nguyên lưu 3-5 phút) Dương-lăng, Túc-tam-lý 5-6 phút), Châm trị trong thời gian 30 phút hay 1 giờ ắt tiểu tiện thông ngay.

Chú-ý nếu bệnh này mà bụng dưới đầy đau không đi tiểu được là bí tiểu tiện thì châm Huyệt Khúc-cốt (châm thẳng vào 1 phân, xoay vận kim, bảo bệnh nhưn ho 3 tiếng thì tiểu tiện thông ngay. Tiểu thông rồi rút kim ra. Phương này trị tiểu tiện thỉnh lnh bị bế tắt, nếu có kiêm chứng gì thì tùy chứng gia thêm huyệt thì trị,

Trị bệnh bí tiểu tiện.

Chứng Bàng quang đầy tức mà không đi tiểu được.

1.— Cô Lý 39 tuổi, vì sanh đẻ nhiều nên xin cột bụng trứng

khỏi sanh (trị ở Bệnh-viện), sau về nhà lại biến chứng đi tiểu gắt, ngày sau bụng trướng lên, tiểu tiện chỉ rặn từng giọt đã 8 ngày, vì bị quá làm đau lưng, đầu xoay xẩm, rất khổ sở không chịu nổi.

Trị pháp: Châm Tam-âm-giao, Khúc-cốt, Âm-lăng-tuyền. kích thích trung độ, lưu kim 15 phút, sau rút kim, trong 15 phút sau đãi được, về sau tiểu tiện thông luôn như thường.

2.— Cô Dương 33 tuổi có thai 2 tháng, sau phát chứng tim hồi hộp, thường làm mệt hay thở dốc, không nằm được đi Bệnh-viện kiểm tra chứng nhận vì tim lớn phía dưới, nên tim đập có tiếng động, phổi bị ép nên thở mệt, bắt đầu trị, nhưng sau lại phát chứng đi tiểu khó khăn, cứ bắt rặn hoài làm thai trụt, phải nhờ cô Đờ tìm cách đem thai ra, nhưng rồi lại phát tiểu tiện bí, đặt ống cho đi tiểu, bệnh đã 4 ngày. Sau nhờ châm cứu trị.

Trị pháp: Châm Tam-âm-giao, Khúc-cốt kích thích trung độ đến tê rần tới bộ sinh-dục, lưu kim 15 phút, rút kim.

Kết quả: tiểu thông ngay, từ đó hết hẳn.

Trị bệnh lậu (Lâm bệnh).

Bệnh như Lê Cang 28 tuổi, năm trước như vì nhà bị cháy, nằm dưới đất, hơi xông lên làm bệnh, uống thuốc trừ thấp khí, sau sanh chứng đi tiểu không có chứng (vô độ) đến thành lậu, đi tiểu đau, nước tiểu đục như sữa, sáng dậy lại càng nhiều.

Trị pháp: Châm Quang-nguyên hồ 3 tả 1 lần, Tam-âm-giao 2 huyết bờ 2 tả 2. Cứu Thận-du, Màng-môn, Bàng-quang-du 3 tráng, Bát-liêu 1 tráng.

Kết quả: Châm trị sau đó chứng mủ hết mà bụng dưới đau hơi xốc lên nhưng sáng đi tiểu hết đau, ngày sau thì âm đạo rất như lửa nóng.

Trị lần thứ 2. (Cách 1 ngày) Châm Tam-âm-giao, Khúc-tuyền (bên mặt), tả 3 lần. Kết quả Âm đạo bớt nóng rát, nhưng lại đi tiểu ra mủ.

Trị lần thứ 3 Châm Trung-cực, hồ 2 tả 2, Tam-âm-giao tả 3 lần. Cứu như lần thứ I. Kết quả đau giảm 1/2.

Trị lần thứ 4. Trị như trên, Kết quả tiểu bớt mủ.

Trị lần thứ 5. Trị như trên, Kết quả tiểu hết đau.

Trị lần thứ 6. Châm Trung-cực bờ 2, tả 2 lần, Âm-lăng-tuyền tả 3 lần. Địa-cơ bên mặt) tả 3 lần, Đại-lăng tả 1 lần.

Kết quả : đi tiểu hết chắt mủ nhưng sắc còn đục trắng.

Trị lần thứ 7. Trị như trên.

Từ ấy không lại trị nữa.

Bệnh này lúc trị lần đầu cũng dứt, nhưng độc còn không ra hết, nên ngày sau làm cho âm đạo nóng rát, sau phải trở lại trị lại đến bảy giờ mủ hết còn đục đó là độc đã tiêu dần rồi, trị lần thứ 7 không lại trị nữa, tin chắc bệnh đã hết hẳn.

XXIII.— BỆNH DI, MỘNG TINH

Di mộng tinh. Bệnh này do bộ sinh dục không được kiện toàn, thường do mộng giao hoặc có khi không mộng, vậy bệnh này nên phân ra 2 loại sau đây :

Về sinh lý Di tinh, thường thanh niên nam nữ, chưa kết hôn, tính dục phát kỳ, nên tâm tư hay mơ tưởng hoặc sau khi kết hôn lại đi vắng, tình dịch tích nhiều nên khi ngủ, tâm, can vướng nằm mộng phát sanh tinh tự tiết, hoặc 1 tháng 1, 2 lần tinh xuất sau người không thay đổi gì, ấy là sinh lý tự nhiên không phải bệnh.

Về bệnh lý phần nhiều do thủ dâm, phòng sự quá độ, làm suy nhược bệnh ở tích tủy bị thương, lâu thành nặng bất kỳ vì tư tưởng không toại nguyện hay vì nguyên nhân nào dẫn phát cứ mỗi tuần nhứt 1, 2 lần, hay mỗi ngày 1 lần sau khi tinh xuất, người mệt mỏi, đầu xoay xảm mắt hoa, đau lưng mỏi gối tay chân bải hoải (ấy chứng nặng).

Nhưng chứng này thanh niên cũng hay thường mắt phải, có khi vì độc dâm thư xem phim dâm sự, làm tâm động cũng phát làm ảnh hưởng nhiều đến sức khỏe.

Trị bệnh này châm cứu cũng rất hiệu nghiệm.

Kinh nghiệm áp dụng phương thuật dưới đây bệnh nhẹ trị trong 3 hay 5 lần bệnh nặng cũng đến 20 lần là nhiều, có thể làm cho cơ năng sinh dục khôi phục lại hết bệnh, nhưng khi trị cũng cần xem bệnh nặng nhẹ để định phương thuật.

Trị pháp : Dùng các huyệt Thận-du, Chí-thất, Khí-hải, Trung-cực, Tam-âm-giao, Âm-lăng-tuyền, Quang-nguyên (Bệnh nặng nên trọng cứu trị).

Thủ thuật : Trước châm Tam-âm-giao, Âm-lăng-tuyền, tiếp châm Khí-hải, Quang-nguyên, Trung-cực rồi châm Thận-du, Chí-thất.

Huyệt Tam-âm-giao châm cảm giác tê đến bộ sinh-dục. Các huyệt Khi-hải, Quang-nguyên, Trung-cực châm cảm giác tê đến sinh-dục khi (âm đạo), huyệt Thận-du, Chí-thất châm nhẹ mau nhưng cũng tê đến trong bụng.

Nếu bệnh nhọn nhảu nại cảm nhận tê như vậy thì châm trị kết quả ngay.

Nếu bệnh nhọn không chịu nổi sự kích thích tê thì trước châm Tam-âm-giao, Thận-du, Quang-nguyên sau mới châm các huyệt khác hoặc có thể châm sau thêm cứu Quang-nguyên, Chí-thất mỗi huyệt 6, 7 trái.

Cách 1 ngày trị 1 lần, tiếp tục trị, bệnh nặng thì ngày nào cũng trị, nặng lắm cũng chỉ 20 lần kiến hiệu ngay.

Trị bệnh Mộng Di tinh theo kinh nghiệm là vì Thần kinh suy nhược Trị nên cần làm cho cơ năng điều chỉnh lại theo phương thức sau đây :

Dùng các huyệt chủ yếu :

Túc-tam-lý, Tam-âm-giao, Hiệp-cốc, Nội-quang, Thần-môn.

Tùy bệnh tình phối hợp các huyệt như sau :

Mất ngủ : Châm Thần-môn, Tam-âm-giao, Tâm-du, Thông-lý, Đại-lăng, Hiệp-cốc.

2) Hay nằm mộng ; Châm Ân-bạch, Lệ-đoài, Thiếu-thương, Nội-quang, Đại-đôn.

3) Mất ngủ mộng nhiều Cứu Đại-chùy, Thân-tru, Tâm-du, Hồn-môn.

4) Nhức đầu phía trước Châm Đầu-duy, Thượng-linh, Ấn-đường Thái-dương, Liệt-khuyết, Chiếu-hải.

5) Nhức đầu phía sau Châm Phong-trì, Hiệp-cốc, Khiếu-âm, Uý-trung.

6) Nhức 1 bên đầu Châm Tư-trúc-không, Hiệp-cốc, Hành-gian.

7) Tim hồi hộp sợ sệt Châm Nội-quang, Thần-môn, Tam-âm-giao, Khi-hải.

8) Đầu xoay xẩm, hay quên, mất trí nhớ. Châm Bách-hội, Từ-thần-thông, Thượng-linh, Đầu-lâm-khấp, Phong-long, Hành-gian, Giải-khe, Âm-đô,

9) Ăn không tiêu Châm Thượng-uyển, Trung-uyển, Hạ-uyển.

10) Phúc tả (Tả chày) Châm Hiệp-cốc, Khi-hải, Quang-nguyên, Túc-tam-lý.

11) Tiệm bí Châm Chí-cẩn, Thiên-xu, Dương-lăng-tuyền, Bát-liên.

12) Di tinh tảo tiết, Châm Quang-nguyên, Trung-cực, Khúc-cốt, Tam-âm-giao, Cứu Chí-thất, Bát-liên.

13) Dương nuy Châm Trung-cực, Quang-nguyên, Cứu Mạng-môn.

Những phương thức trên đây nếu bệnh thế không đồng thì tùy áp dụng không nên câu nệ.

Trị nghiệm Bệnh Đêm mộng Di tinh.

Bệnh nhân Hà Quang 28 tuổi vì Thận suy đêm hay nằm mộng di tinh một tháng 2, 3 lần, ban ngày thức dậy thường đau lưng.

Trị pháp : Châm Phục-lưu, Tam-âm-giao bõ 4 lần, Trung-cực bõ 1 lần. Cứu Thận-du, Tinh-cung, Mạng-môn, Khí-hải, Quang-nguyên bõ 5 trảng.

Kết quả : Đêm ấy bộ phận sinh dục nóng, làm Di tinh nhưng sáng dậy bớt đau lưng, 3 ngày sau hết đau.

Trị lần thứ 2 Châm Thái-uyên, Tam-âm-giao bõ 4 lần Trung-cực bõ 1 lần, Hiệp-cốt tả 2 lần. Cứu như trước thêm Đại-bích, Hội-âm, đều 3 trảng, sau cứu Bách-hội 5 trảng.

Kết quả : Châm cứu trị xong ngày sau ít đau lưng.

Trị lần thứ 3 trị như trên, lưng hết đau.

Trị lần thứ 4 đến lần thứ 7 đều trị y như trên.

Kết quả : Bệnh hết nhưng hai chân phát sưng.

Trị lần thứ 8 Châm Phục-lưu, Thái-uyên, Thừa-sơn, bõ 4 lần.

Kết quả : Chân hết sưng.

Trị lần thứ 9 trị như trên, Tinh thần phấn khởi ăn ngon.

Trị lần thứ 10 Châm Thái-uyên, Phục-lưu, Tam-âm-giao bõ 4 lần. Trung-cực bõ 1 lần, Hiệp-cốt, tả 2 lần, Cứu như lần thứ 2.

Kết quả : Lưng hết đau, Di tinh không còn nữa, hoàn toàn bình phục.

Trị bệnh Di tinh, buổi mai thức dậy tinh tự chảy ra.

Bệnh nhân Lê Nguyễn 43 tuổi, mỗi buổi mai thức dậy tinh tự chảy ra làm lưng mỏi, đầu xoay xăm, uống thuốc rất nhiều không công hiệu.

Trị pháp : Cứu Thận-du, 20 trảng, Tinh-cung 15 trảng, Khí-hải 10 trảng, Quang-nguyên 10 trảng (bõ).

Kết quả : trị lần đầu ngày sau dậy không xuất tinh.

Ngày thứ 2 ban đêm tỉnh lại tự xuất. Trị y trên,

Trị lần thứ 3 trị như trên, sáng vẫn còn chút ít.

Trị lần thứ 4 y như trên.

Kết quả : trị 4 lần bệnh hết hẳn.

Trị lý : Trị bệnh Di tinh theo hai bệnh trên đây, có khi bỏ thì hết đức, có khi bỏ lại làm huột tinh, ấy là vì nhơn cơ năng bị bệnh không đều. Bệnh thứ 3, trị bổ Thận nên đêm lại bộ phận sinh đức nóng mà làm xuất tinh, ấy là vì kích thích bộ phận sinh đức quá.

Trị bệnh thứ nhất lại tã Phế (huyệt Thái-uyên) và tã Hiệp-cổc, sau cứu Bách-hội làm cho tinh không xuống được nên cổ được Thận và vậy bệnh hết hẳn.

Trị bệnh Di tinh lâu năm không đức.

Bệnh nhơn Võ Quang 49 tuổi bị bệnh di tinh đã mấy năm, mỗi tháng di tinh 2, 3, lần, đại tiện mỗi ngày 3, 4 lần, dùng đủ thuốc không có hiệu.

Trị pháp : Châm bổ Kh-Lhĩ, Quang-nguyên 4 lần,

Cứu Hội-âm, Thận-du. Đại-hích 3 trảng, Tinh-cung 10 trảng, Bách-hội 7 trảng.

Kết quả : Đương đêm ấy di tinh 1 lần.

Trị lần thứ 2 ngày sau : Châm Thái-uyên, Ngoại-quang, Tam-lý Tam-âm-giao bổ 4 lần, Cứu Bắc-liên, Hội-âm, Trương-cương, Khúc-cốt, Đại-hích, Bách-hội đều 3 trảng.

Kết quả : chiều hôm ấy lại di tinh 1 lần (các phương thức này chưa chịu).

Trị lần thứ 3 (Cách 1 ngày) Châm Phục-lưu, Thận-môn, bên trái bổ 4 lần Trung-cực, Tam-âm-giao bên trái bổ 1 lần, Nhơn-trung lưu kim, Cứu Tâm-du, Nội-quang đều 3 trảng, Bách-hội 5 trảng.

Kết quả : Đêm ấy ngủ được nhiều.

Tiếp trị lần thứ 4, 5, đều y như trên.

Trị lần thứ 6 Châm thêm huyệt Phi-dương bổ 4 lần.

Trị lần thứ 7 Châm Phục-lưu, Phi-dương, Thận-môn, Quang-nguyên bổ 4 lần Nhơn-trung lưu kim, cứu như trước.

Trị tiếp 6 lần nữa y như vậy.

Kết quả : Tinh thần khỏe khoắn trong 60 ngày không có di tinh tiếp dùng thuốc bổ bồi dưỡng, đại tiện đi bình thường 1 lần, bệnh phục hẳn.

Trị lý : Chứng này cũng trị bỏ thì di tinh, nên trị san cải lại thêm Thận-môn. Nhơn-trung là làm cho tim vượng thì ngũ yên, sau lần trị thêm Phi-dương. Quang-nguyên bỏ không di tinh nữa, và bỏ lâu làm cho tinh nang và cơ năng Đại-trường mạnh lên thì chứng di-tinh giảm mà đại tiện được bình thường hết bệnh.

Trị bệnh mỗi đêm đều có Di huyệt tinh không dứt, đầu xoay xảm.

Bệnh nhơn Lê Tân 24 tuổi bị bệnh Di huyệt tinh đã 1 năm (mỗi đêm đều có di tinh), tay chân phát nóng, đổ mồ hôi trộm, đầu xoay mắt hoa, chân yếu, đi đường muốn té, chổ ở tim đau, nước tiểu vàng, đại tiện táo, ăn uống như thường nhưng người mét xanh, tinh thần bạc nhược.

Trị pháp : Cứu Tinh-cung, Thận-du, Khí-hải, Quang-nguyên-Đại-hích, Phục-lưu bỏ 5 trảng, Túc-tam-lý, Tam-âm-giao, Công-tôn đều 3 trảng.

Kết quả : đêm ấy không di tinh.

Trị lần thứ 2 cách 1 ngày Châm Quang-nguyên, Đại-hích bỏ 4 lần, Trung-uyển bỏ 1 lần. Cứu Chiên-trung, Thượng-uyển, Hạ-uyển Chương-môn đều 3 trảng Khí-hải bỏ 3 trảng, Thận-du, bỏ 5 trảng, Tinh-cung bỏ 9 trảng, Đại-hích bỏ 3 trảng.

Kết quả : khi châm trong 5 phút tim bớt đập, bỏ Quang-nguyên thì hết, sau khi rút kim và cứu rồi thì thấy dễ chịu, tinh lực chỉ,

Trị lần thứ 3 cách 3 ngày (Tinh chỉ lại bụng đau nhiều, làm nóng). Châm Nội-quang trái bỏ 3 lần, Túc-tam-lý-trái tả 3 lần, Tả Trung-uyển, 2 lần, không lưu kim. Cứu các huyệt như trên.

Kết quả : dạ dày hết đau, từ sáng đến chiều không muốn ăn nhưng không đói, nếu ăn nhiều thì muốn mửa, bụng đầy, đêm không ngủ.

Kết quả : Đêm ấy và đêm sau lại di tinh 1 lần.

Trị lần thứ 4. Vì nhận thấy người yếu không thể châm trị nhiều nên chỉ châm bỏ Quang-nguyên 4 lần.

Trị lần thứ 5 cách 3 ngày, Hiện đại tiện bí, đau hông, trưa lạnh.

Châm tả huyệt Trung-uyển 5 lần (tả mạnh nên vụng châm), ấn móng tay tại huyệt Nhơn-trung và Thiếu-thương thì bình phục (trị vụng châm).

Kết quả : trưa hết lạnh, không di tinh nữa, hết ra mồ hôi, đầu hết xoay xảm.

Trị lần thứ 6 Châm bỏ Nội-quang 3 lần, Công-tôn tả 3 lần (bỏ tả xong rút kim không lưu kim). Cứu Trung-uyển, Chương-môn (vì

hồng đơn), Túc-tam-lý. (lúc cứu bụng ngực đầy đều giảm nhẹ, thì thôi cứu), sau chỗ Dạ dày hết đau hẳn.

Trị lần thứ 7 cách 10 ngày. Từ trị lần thứ 1 đến nay di tinh có 1 lần, Cừu Chiên-trung, Thương-uyển, Trung-uyển, Hạ-uyển, Chương môn đều 3 trắng Thận-du, Khí-hải, hồ 5 trắng Túc-tam-lý hồ 9 trắng.

Tự hậu bệnh-di tinh hết hẳn, bệnh Dạ dày sau dùng thuốc thêm cũng dứt, bình phục.

Trị lý : Trị bệnh này vì di tinh nặng mà lại thêm đau Dạ dày nên mấy lần đầu trị có lần bị vụng châm là dạ dày bị kích thích mạnh nên xung tâm kinh.

Vậy theo cách trị mấy bệnh trên đây không giống nhau, nên khi trị bệnh này cần đổi chứng và tùy theo chất bệnh nhưn mà áp dụng mới được công hiệu.

XXIV.— CHỨNG DƯƠNG NUY (Liệt dương)

Trị chứng Dương nuy thường dùng các huyết sau đây :

Bách-hội, Cách-du, Thận-du, Mạn-môn, Dương quang, Quang-nguyên, Trung-cực, mỗi ngày cứu trị 1 lần.

Hoặc dùng những huyết chủ yếu : Thận-du, Quang-nguyên, Khí-hải, Tam-âm-giao, Âm-lăng-tuyền.

Và những huyết phụ Trung-cực, Nhiên-cốc, Âm-cốc, Chiếu-hải.

Trước châm Tam-âm-giao, Âm-lăng-tuyền, tiếp châm Quang-nguyên, Khí-hải gia cứu Quang-nguyên, Khí-hải nhiều trắng ắt công hiệu.

Hoặc dùng phương sau đây :

Châm Quang-nguyên 2 tấ hỏ pháp, Trung-cực 2 tấ, Khí-hải 1 tấ rưới, Thương-liêu, Trung-liêu, Thử-liêu đều 5 phân lưu kim 30 phút đến 1 giờ, cách nhật trị 1 lần. Châm trị tiếp 6 lần ắt công hiệu.

Phương thuật dưới đây cũng trị nghiệm hai người bị bệnh Dương nuy : Anh Lợi 45 tuổi, và Anh Vương 32 tuổi bị bệnh Dương nuy đều dùng trị 3,4, lần nhẹ hẳn.

Châm các huyết : Công-tôn, Lây-cẩu, Thận-du, Chi-thất, Tam-âm-giao, Trung-cực, lưu kim 30, 40 phút.

Trị bệnh Dương-nuy, tiểu tiện vô độ.

Bị bệnh nhưn Lê Tuyên 32 tuổi bị Thận suy hẳn huyết tay chân vô lực, đầu xoay xảm, ra mồ hôi trộm tim hồi hộp, ăn không tiêu,

bình dương-vật bất khởi, tiểu tiện ngày đi 7, 8, lần, đờm 2, 3, lần, sắc mặt đỏ.

(Trị pháp : Châm Phục-lưu 2 huyệt, Túc-tam-lý, Thái-uyên, đều bỏ 4 lần, Nội-quang bỏ 3 lần. Cứu Khí-bài, Quang-uyên, Thận-du, Màng-môn, đều bỏ 3 tráng.

Kết quả : Đờm ấy bớt hết đi tiểu, mặt bớt đỏ. .

Trị lần thứ 2 : Châm Phục-lưu 2 huyệt, Túc-tam-lý, Tam-âm-giao, Thái-uyên đều bỏ 4 lần.

Kết quả : Đờm ấy dương vật hơi nóng hơi khởi lên, không ra mồ hôi, mặt hết đỏ, tinh thần khỏe khoắn, về sau bình phục,

Trị bệnh đàn ông tinh trùng bị bệnh (Nam tánh thọ thai bất năng)

Đàn ông bị bệnh này vì xạ tinh cung bế, hoặc vì bệnh Lậu sau phát sanh, vì phòng sự quá độ, hay vì thủ dâm, thần kinh suy nhược sau có khi cũng phát (giao cấu không xạ tinh) hoặc xuất tinh dịch mà không có tinh trùng (cần kiểm tra tinh dịch để biết tinh trùng). Hoặc vì bệnh Lậu làm Tất-hoàn-viêm phát bệnh, Tất hoàn không sanh tinh trùng hoặc ống dẫn tinh bị bệnh sau bế tắc nên tinh trùng không ra (chỉ liết ra chất tinh dịch không tinh trùng) hoặc vì tinh trùng không tốt, hay xạ tinh cung bị co rút.

Trị bệnh này cũng dùng các huyệt như trị bệnh Di tinh và cần kiểm tra tinh trùng thì mới kết quả.

Dùng các huyệt : Quang-nguyên, Đại-hích, Trung-cực, Thiên-xu, Khúc-cổ, Túc-tam lý, Phong-tri, Thiên-tru, Đại-trử, Kiên-ngoại-du, Đại-chùy, Thận-tru, Bắc-liêu, Màng-môn, Tam-âm-giao. Tùy chứng châm cứu trị.

XXV.— BỆNH VỀ TINH HỆ (Hòn dái sưng, Xán khí)

Bệnh hòn dái sưng lớn đau nhức, khi mới phát cấp tánh, cũng có phát nhức dần, phát sốt, thường hay đau 1 bên (rất ít hai bên), sau lâu thành mạn tánh, làm bệnh xán khí.

Thủ huyệt : Dùng các huyệt : Túc-tam-lý, Hiệp-cổc, Khúc-tuyền, Tam-âm-giao, Trung-đồ, Đại-bào.

Mỗi ngày châm trị kích thích mạnh 1 lần, châm trị nhiều lần ắt tiêu. Hoặc dùng phương sau đây ; Các huyệt chủ yếu : Đại-dôn, Hinh-gian, Quang nguyên, Khí-xung, Độc-âm, Tam-âm-giao, những huyệt phụ : Quy-lai, Thận-du, Địa-cơ, Trung-cực.

Thủ pháp : 1) Trước châm Tam-âm-giao, Âm-đăng-ô-ên, tiếp châm Quang-nguyên, Khí-xung và cứu tại chỗ bụng đau kịch (thiên-ứng), 2, 3, trắng.

2) Cứu huyết Đại-dôn và Độc-âm 3, 4, trắng như chưa hết đau thì tại chỗ đau (thiên-ứng) lấy trục kinh đo 1 vòng rồi gấp làm 3 để tại rún và ngay dưới rún làm thành hình 3 góc đều nhau, cứu tại hai bên hình ba góc ấy 2, 3, trắng hết đau.

3) Cứu Đại-dôn, Hành-giao 3, 4, trắng (đau bên trái cứu bên mặt, đau bên mặt cứu bên trái).

Theo 3 phương pháp này thay đổi trị rất công hiệu.

Trị bệnh sưng đái làm Xán khí.

Bệnh như Văn Nguyên 28 tuổi, hai hòn đái đều sưng, bụng dưới trương lên làm Xán khí.

Trị pháp : Châm Khúc-tuyền, tả 3 lần, kết quả bụng trương giảm.

Trị lần thứ 2 cách 4 ngày. Châm Khúc-tuyền hữu 2 tả 2 lần.

Kết quả : Bụng giảm đau nhưng chỗ hạch đái còn.

Trị lần thứ 3 cách 3 ngày. Châm như trên thêm Tam-âm-giao hữu 2 tả 2 lần.

Kết quả : bụng hết đau chỗ hạch nhỏ lại.

Trị lần thứ 4. Châm trị như trên, chỗ hạch lại nổi đau nhưng sờ thì không đau, ấy là châm lực làm kích thích chỗ hạch ấy.

Trị lần thứ 5. Châm Khúc-tuyền Thái-khê hữu 3 tả 1 lần. Cứu Thận-du, Trường-cường, Hội-âm 3 trắng, Mang-môn 1 trắng.

Kết quả : Chỗ hạch tiêu nhỏ lại.

Trị lần thứ 6 y như trên, và tiếp trị lần thứ 7, Bệnh hết hẳn.

— **Trị bệnh sưng đái thuộc cấp tánh.**

Bệnh như Nguyễn Còn 30 tuổi, bệnh đái sưng lớn, đồ phù thũng, khi đau chạy từ lưng xuống đái, bụng dưới đau dữ, từ rún đến đái rặn đau, tim hồi hộp, bệnh đã 6, 7 ngày, ban đêm đau không ngủ được.

● **Trị pháp :** Cứu Bách-hội, Đại-chùy, Thận du, Mang-môn, Phế-du, Chiên-trung, Trung-uyên, Chương-môn, Kỳ môn, Túc-tam-ly, Tam-âm-giao, Đại-dôn, Độc-âm, Thái khê đều 3 trắng.

Kết quả : Cứu xong bệnh giảm bớt, nhưng khát nước, uống nước mía bị lạnh lại đau, từ dưới đái xóc lên đờ càng đau.

Trị lần thứ 2. Châm Khúc-tuyền, Thái-khê tả 4 lần. Cứu Khí-hải, Quang-nguyên 3 trắng. Kết quả bệnh giảm 1/3, ngủ được.

Trị lần thứ 3 như trên. Bụng dưới phát đầy đau,

Trị lần thứ 4. Châm Khí-hải, Thái-khê bên trái bỏ 4 lần, Chương môn, Kỳ-môn, 2 huyết, Ủy-trung, bên trái, Khúc-tuyền bên phải tả lần.

Kết quả : bụng dưới hết đau. đầu hết xoay xẩm, đem lại phát giữa cả mình.

Lần thứ 5 hiện dái còn sưng đau dẫn đến bụng, lưng cũng đau không đứng thẳng được. Châm Khí-hải, Thái-khê, bỏ 4 lần, Khúc-tuyền, Ủy-trung, Chương-môn, Kỳ-môn tả 3 lần. Cứu như trị lần đầu.

Kết quả : Hết ngứa, dái đến trưa lại nóng ran.

Trị lần thứ 6. Châm trị như trên, dái nhỏ lại và nóng giảm bớt lưng bụng bớt đau.

Trị lần thứ 7 cũng châm cứu trị như trên.

Kết quả : ngày hôm sau hết hẳn, bình phục.

— Trị bệnh sưng dái thuộc mạng tánh.

Bệnh như Lê Hậu 25 tuổi dái bên trái lớn, bên mặt nhỏ, động đến thì trệ xuống, đau ran đến lưng, Đầu thường xoay xẩm đi tiền đau, có lộn chấy trắng (Bạch-trọc) bệnh đã 2, 3 năm.

Trị pháp : Châm Khúc-tuyền bên trái tả 3 lần, Trung-cực tả 2 bỏ 2 lần.

Cứu Thận-du bỏ 5 tráng, Mạng-môn Bỏ 3 tráng, Tiểu-trường-du bỏ 3 tráng, Trường-cường 3 tráng, Bác-liêu đều 1 tráng.

Kết quả : Tiểu-liện hết đau, lưng giảm, dái trệ cũng bớt, đầu không xoay xẩm. Trị tiếp lần thứ Hai như trên.

Kết quả ; Dái hết sưng bệnh nhẹ hoàn toàn.

Bệnh này lâu mà chỉ trị 2 lần kết quả mỹ mãn.

Trị bệnh Thiên-trụy (Dái trệ).

Bệnh như Trần-văn-Chi 65 tuổi, Dái bên mặt sưng đỏ như cái trứng gà, lòng thông xuống 3 tấc làm đau nhức, đứng thì hơi chạy xuống, nằm thì hơi chạy lên.

Trị pháp : Châm Khúc-tuyền, Thái-khê bên mặt bỏ 4 lần, Khí-hải bỏ 2 tả 2. Khí-xung mặt tả 3 lần. Cứu Chương-môn, Kỳ-môn, Quang-nguyên, Tam-giác-huyết, Thận-du, Mạng-môn, Tiểu-trường-du, Đại-đôn, Đại-chúy, Phế-du, Khí-xung (châm gia cứu) đều 3 tráng.

Kết quả : Dái bớt sưng, đứng không chạy xuống nữa.

Trị lần thứ 2. Châm cứu trị như trên, Dái nhỏ lại và hết đau.

Cách 3 ngày sau trị thêm 1 lần nữa cũng y như trên.

Kết quả : lằn lằn dái teo lại và hết hẳn, bình phục.

XXVI.— PHONG THẤP, BỊNH PHONG TÊ-HẤP

Bệnh nhứt Thần kinh khớp xương.

Đau khớp xương đầu gối, khớp xương cùi chỏ, cườm tay, đan như bị châm bị đốt, đau cả trên dưới, nếu nặng lắm chỗ cơ nhục co rút, da thịt rần đau, nhẹ cũng đau kịch.

Thủ huyết : Nhức tại đầu gối dùng các huyết : Tất-nhân, Ủy-trung, Âm-lăng, Tam-âm-giao, Côn-lôn.

Mỗi ngày châm kích thích trung độ, cũng dùng ngải cứu hoặc tại các huyết chỗ đau dùng phương pháp châm lưu kim.

Nhức cùi chỏ : Dùng các huyết : Dương-trì, Dương-cốc, Dương-kê, Hiệp-cốc, Trung-chủ, Ngoại-quang.

Mỗi ngày hay cách nhứt châm trị.

Phụ phương : Hoặc dùng những huyết : Hoàn-khiêu, Ủy-trung, Phong-thị, Dương-lăng, Âm-lăng, Tất-nhân, Xích-trạch, Khúc-trì, Kiên-ngung, Cự-cốt, Côn-lôn, Giải-kê, Thân-mạch, Chiếu-hải, Trung-phong.

Đau khớp xương đùi châm các huyết : Ủy-trung, Âm-lăng, Dương-lăng, Tất-nhân.

— Đau Khớp-xương vai. Châm các huyết : Kiên-ngung, Khúc-trì, Cự-cốt.

— Đau khớp cùi chỏ. Châm các huyết : Khúc-trì, Xích-trạch, Hiệp-cốc.

— Như đau nhức các khớp xương các chỗ khác thì tùy dùng các huyết phụ cận mà châm trị.

— **Bệnh Phong-thấp đau khớp xương không nhứt định.**

Dùng các huyết : Phong-trì, Hiệp-cốc, Côn-lôn, phối hợp các huyết : Khúc-trì, Thủ-lam-lý, Dương-lăng, Phong-thị, Khưu-hư, Thái-xung.

Thủ pháp : Châm Phong-trì 1 tấc (xiên vào) Hiệp-cốc, Côn-lôn 1 tấc, Khúc-trì 1 tấc 5 phân, Thủ-lam-lý 5-7 phân, Trung-chủ 3-5 phân, Túc-lam-lý, Dương-lăng 1 tấc, Phong-thị 5-8 phân, Khưu-hư,

Thái-xung 3 phân, bình bồ bình tả pháp, lưu kim 1-2 giờ.

Hoặc châm xong gia cứu mỗi huyết 5 phút.

Các huyết tùy linh hoạt xử dụng mỗi ngày hay cách nhưt châm trị.

Bệnh Phong trạo cổ (Lạc chẩm). Trật gối.

Ngủ dậy đầu trật nghèo 1 bên đau không lay động được.

Trị pháp: Ấn huyết Tân-thức (biệt-huyết), dưới huyết Phong-tri, dưới mý tóc 1 tắc rưới, phối hợp với huyết Huyền-chung.

Thủ pháp: Trước châm huyết Huyền-chung từ 1 tắc đến 1 tắc rưới châm trở xuống xoay vận kim 2 lần bình bồ bình tả, lưu kim, sau châm huyết Tân-thức 8 phân, châm xiên ra ngoài lưu kim 30 phút.

Châm trị vài ngày hết, phương này đã áp dụng trị 2 người có công hiệu).

Trị bệnh Phong-trật gối. Cổ vai sưng nhức không xoay-vận được.

Dùng các huyết: Phong-tri, Kiên-linh, Phong-phủ, Đại-chùy, Ấ-phong.

Thủ pháp: Châm Phong-tri 8 phân, Kiên-linh 6 phân, Phong-phủ 4 phân, Ấ-phong 6 phân, Đại-chùy 4 phân, Kích-thích mạnh xoay vận lưu kim 30-40 phút, mỗi ngày châm trị 1 lần (đã trị 9 người châm 2 lần hết hẳn).

Bệnh Cổ thẳng cứng xoay động đau nhức.

Thủ huyết: Phong-tri, Tuyết-cốt, Thiên-tru, Kiên-trung-du, Liệt-khuyết, Châm Phong-tri 8 phân, Tuyết-cốt 1 tắc xoay vận lưu kim 30-60 phút. Hoặc châm bên đau huyết Thiên-tru, Kiên-trung-du, và Liệt-khuyết 3-5 phân xoay vận cho cảm giác tê thì hết đau. Nếu chưa bình phục ngày sau trị 1 lần nữa hết công hiệu ngay.

Trị nghiệm: Cô Mã 29 tuổi bị bệnh Phong trật gối, uống thuốc gì cũng không hiệu sau áp dụng châm trị dùng Phong-tri và Tuyết-cốt châm trị 3 lần bệnh hết hẳn, áp dụng trị 10 người nửa cũng hết hẳn.

2 — Cô Tú 25 tuổi, ngũ dầy đột nhiên cảm giác Cổ cứng đơ không xoay được. Dùng châm trị áp dụng các huyết: Thiên-tru, Kiên-trung-du, Liệt-khuyết châm 2 lần hết hẳn.

Chú ý: Các phương thức trị bệnh Phong trật gối trên đây đều dùng 1 huyết bên bệnh ở tay, chân hoặc ở lưng đều kích thích mạnh.

Lậu-Kiên-phong (Phong nhức khớp xương vai).

Vai tê, khớp xương vai đau nhức không vận động được.

Trị pháp : Dùng các huyệt: Kiên-ngung, Kiên-liên, Kiên-trinh, Cự-cốt, Thiên-tôn, Tý-nhu, Khúc-tri, Hiệp-cốc.

Dùng pháp Ôn châm : Châm kim rồi để ngai lên cán kim đốt cho Ôn độ theo kim vào làm cho chỗ đau, cảm giác có nhiệt độ thấm nhập vào thì mới có kết quả.

Trị nghiệm : Đã trị nghiệm có bệnh đau 8-9 tháng, có bệnh đến 20 năm cả thấy 24 người thì 10 nhẹ hẳn, 14 người giảm nhiều ấy là vì bệnh lâu mau và tùy thời gian trị nhiều ít nên kết quả không đồng. Vây phương này đã áp dụng trị kết quả 90/00.

Bệnh Vai Nách, cùi chỏ đau nhức.

Thủ huyệt : Dùng các huyệt : Kiên-ngung, Khúc-tri, Hiệp-cốc.

Thủ pháp : Trục châm huyệt Kiên-ngung, Khúc-tri đều 1 tấc, Hiệp-cốc 7, 8, phân. Tùy chứng trạng áp dụng bổ tả (hư bổ, thiết tả) không dùng bình bổ bình tả. Chỉ châm xoay vận kim từ 10 đến 20 phút rút kim, bệnh nhẹ châm trị 1 lần, bệnh nặng mỗi ngày châm trị 1 lần.

Bệnh Vai, cánh tay đau, khó vận động.

Dùng các huyệt : Kiên-trinh, Thiên-tôn, Kiên-ngoại-du.

Thủ pháp : huyệt Kiên-trinh (ngay lằn chỉ nách phía trên 1 tấc) châm vào 8 phân, xiên lên trên 1 tấc 7 phân là huyệt Thiên-tôn châm thẳng vào 8 phân, (ngay chỗ xương kiên-giáp-cốt), Cứu huyệt Kiên-ngoại-du (huyệt Đào-đạo đo ra 3 tấc), cứu đến đỏ da. Hai huyệt kia lưu kim 20 đến 60 phút.

Trị bệnh Vai, mắt đau, cảm lạnh.

Bệnh như Lê-Quang bên vai, mắt đau tê lạnh, mắt mờ.

Trị pháp : Châm Kiên-ngung tả 3, công 3 lần bỏ 1 lần, Thủ-tam-tý bỏ 4 lần. Kết quả vai hết đau, mắt sáng, tinh thần khỏe khoắn như thường.

Trị bệnh Vai đau, tay không đưa lên được.

Bệnh như Hà-Sơn 65 tuổi vai đau tay không đưa lên được.

Trị pháp : Châm Kiên-ngung, Kiên-lĩnh bỏ 4 lần, Khúc-tri, Ngoại-quang tả 3 lần, Cứu Kiên-ngung, Kiên-lĩnh (châm rồi lấy kim cứu 3 tráng).

Kết quả : Vai đau giảm tay đưa lên cao được.

Trị lần thứ 2 trị như trước. Đau giờ vai hết đau, lại chạy đến cùi chỏ đau, ngón tay tê.

Trị lần thứ 3 Châm Khúc-trì, bõ 4 lần, Hiệp-cốc, Ngoại-quang tả 3 lần.

Kết quả bệnh hết hẳn.

Trị lý : Châm trị vai hết đau mà chạy xuống cùi chỏ ấy là độ bệnh, chạy xuống, không cần trị nữa cũng hết bệnh.

Trị bệnh từ vai đến cùi chỏ đau, tay không cử động được.

Bệnh nhưn Tị Tư 45 tuổi, đau từ vai đến cùi chỏ, làm tay không cử động được, chiều lại đau nhiều, đêm càng nặng, dùng đủ thứ thuốc không công hiệu bệnh đã trên 8 tháng.

Trị pháp : Châm Kiên-ngung tả 3, công 3 lần, Khúc-trì tả 3 lần.

Cứu : Thủ-ngũ-lý, Nhu-hội, Xích-trạch, Khúc-trạch, Thủ-tam-lý, Khúc-trì đều 3 trắng.

Kết quả : Chiều giảm nhiều bớt đau, vai cũng như thường, nhưng đau ran ra hai bên, tay trái cử động được.

Trị lần thứ 2. Châm Ngoại-quang, Tiều-hải, tả 4 lần. Cứu như trước thêm Thiên-lôn, Kiên-lĩnh, Trung-cử, Nội-quang, Ngoại-quang và chỏ đau đều 3 trắng.

Kết quả : hết đau tay cử động được.

Trị lần thứ 3 Châm tả chỏ đau (thiên-ứng) 3 lần. Tay trái đưa lên được.

Trị lần thứ 4 cũng châm tả chỏ đau 3 lần.

Kết quả : tay đưa cao lên được, bệnh hết hẳn.

Trị bệnh các khớp xương sưng, từ vai đến nách đau.

Bệnh nhưn Thị Giao 40 tuổi, 8 tháng trước các khớp xương ngón tay đau lần lần các chỗ ấy lại sưng lên, tay trái chỏ nách sưng đau, chán hai khớp xương đau, gối cũng đau, từ cổ đến nách dục khó chịu bụng dưới cũng đau, đói không muốn ăn.

Trị pháp : Châm Khúc-trì, Xích-trạch, Kiên-lĩnh, Tam-âm-giao, Khí-hải tả 3 lần. Cứu Bách-hội, Phong-trì, Phong-môn, Phê-du, Đại-trử, Kiên-ngung, Hiệp-cốc, Thủ tam-lý, Trung-uyêu, Chiên-trung, Hoàn-khiêu, Phong-thị, Âm-lãng, Dương-lãng, Túc-tam-lý đều 3 trắng, Thủ-thấp-tiết, Thủ-hắc-phong đều 1 trắng. Thần-khuyết 3 trắng, trong cho uống thuốc.

Kết quả : Tay từ cổ vai đến nách giảm, cổ xoay được dễ dàng (trước đầu không xoay được).

Trị lần thứ 2 trị y như trước, châm thêm huyết Hiệp-cốc tay trái tả 4 lần. **Kết quả** : Các chứng đau bụng, đau đầu gối đều giảm.

Trị lần thứ 3 Châm Đại-chùy, Phong-môn, Ấ-phong, Khúc-trì, Hiệp-cốc, Ngoại-quang đều tả 4 lần.

Kết quả : Các chứng đều hết bệnh nhẹ hẳn.

Trị bệnh toàn Thân các khớp xương đau, sợ gió, đại tiện bí.

Bệnh như Trần Phát 50 tuổi, toàn Thân nặng nề, các khớp xương đều đau, cổ đau, đầu xoay xẩm sợ gió, miệng đắng ưa uống nước lạnh, mặt mét vàng, đại tiện 6, 7, ngày không đi, nhiệt độ 39, mạch nhảy 108, lưỡi tưa.

Trị pháp : Cứu Bách-hội, Phong-trì, Thượng-linh, Thần-dinh, Tam-lý, Tam-âm-giao tả 3 trảng, Thái-dương, Nhĩ-tiền tả 1 trảng. Khí hải, Quang-nguyên bổ 3 trảng, trong uống thuốc.

Kết quả : Đầu xoay, sợ gió, các khớp đau đều giảm, nhiệt độ còn 37, ngày sau đại tiện thông, tinh thần khỏe khoắn.

Trị bệnh Vai đau dẫn đến ó nách.

Bệnh như Lê-Tĩnh : 43 tuổi Vai lên trái dẫn xuống đến nách đau nhức, như mùa hạ tìm thuốc ngứa dịch, sau bị nhiễm Phong hàn phát đau.

Trị pháp : Châm Kiên-ngung bổ 4 lần (để năm châm) Ngoại-quang, Hậu-khê tả 3 lần. Cứu Thiên-tôn, Bình-phong, Kiên-liêu, Đại-chùy, Phong-môn, Phế-du đều 3 trảng.

Kết quả : Chỗ ó nách bớt đau.

Sau 7 ngày trị lại (hiện phía bên vai đau) Châm Thái-uỷên, Đại-lăng tả 3 lần, Cứu chỗ đau (thiên ứng) 3 trảng, Đại-chùy, Phong-môn, Phế-du 3 trảng.

Kết quả : Vai hết đau.

Trị lần thứ 3 (tiếp hôm sau) Châm Đại-chùy, Nội-quang, Lao-cung tả 3 lần. Bệnh hoàn toàn bình phục.

Trị bệnh tay chân các khớp xương đều nhức.

Bệnh như Văn-Hương 40 tuổi tay chân khớp cùi chỏ, dần gối đều đau nhức rất khó chịu (cấp tính Quang-liệt-viêm).

Trị pháp : Châm Phong-phủ, Khúc-trì, Âm-lăng, Dương-lăng, Xích-trạch tả 4 lần. Cứu Trửu-tiên, Kiên-ngung, Thủ-tam-lý, Hiệp-cốc, Hoàn-khiêu, Phong-thi, Túc-tam-lý, Tuyệt-cốt, đều 3 trảng, Thủ-bác-phong, Thái-xung, Ủy-trung đều 1 trảng.

Kết quả : Bệnh hết hẳn.

Trị bệnh tay chân tê, các khớp xương nổi lên đau :

Bệnh như Võ-Thân 57 tuổi bị chứng Dương-nuy đã 3 năm. Năm ngoái tay chân phát tê đơ, dưới đầu gối đau buốt khó chịu, các khớp xương tay chân có lúc nổi lên đau nhức, có đi trị đủ các Châm-cứu y-sư các nơi đều không công hiệu, hỏi xem thì bệnh như chỉ các chỗ đã châm trị, như gần đây thì các vị đã dùng các huyết : Phong-phủ, Đại-chùy, Khúc-trì, Dương-lăng ; Thừa-sơn, Ủy-trung, Hiệp-cốc, Tam-âm-giao, Túc-lâm-khấp, Thái-bạch, Dũng-tuyền. Trị cả thấy đến 39 lần, có kiến hiệu nhưng rất ít, sau không biến đổi thêm bớt gì, tiếp dùng đủ thứ thuốc trị gần 2 tháng cũng chưa công hiệu. Năm tháng gần đây thì phát bên mặt nhẹ, bên trái nặng, cho rằng hết phương trị.

Xét vì bệnh Dương-nuy, Thận bại, có thể dễ bị chứng Trúng-phong, sức yếu khó tránh được.

Trị pháp : Châm Túc-tam-lý, Tuyết-cốt tả 2 bờ 2 lần, Thái-xung tả 2, Khúc-trì tả 3 lần. Kết quả Chân gối bớt đau, ống chân hơi nặng, ngón tay tê đơ, còn đau thì bớt.

Trị lần thứ 2 (cách 1 ngày). Châm Thái-xung, Tuyết-cốt, Túc-tam-lý bờ 3 lần, Khúc-trì tả 3 lần.

Kết quả : Bây giờ chân lại đau lưng, ngón tay cũng tê cứng, chân có lúc lại tê đơ.

Trị lần thứ 3 Châm trị như trước, thêm Dũng-tuyền bờ 3 lần, trong uống thuốc Khu-phong.

Kết quả : Uống thuốc ngày hôm sau bụng đau, đi cầu 2 lần hết đau, nhưng các khớp xương lại đau hung, chân lại co rút.

Trị lần thứ 4 (Hiện tay chân tê cứng đau, bắp chuối chân sưng, bên trái nặng bên mặt nhẹ). Châm Thừa-sơn, Thái-xung, Tam-âm-giao, Khúc-trì, các huyết bên mặt bờ 2 lần, bên trái tả 2 lần.

Châm trị sau ngày ấy dễ chịu, tay chân hơi bớt, (lần này châm trị theo cách trị bệnh Bại Nan-hoán) châm bờ bên mạnh, tả bên bình có hiệu quả) trị như thế để làm cho hai bên được thăng bằng.

Trị lần thứ 5. Trị như trước thêm bờ Phục-lưu 4 lần.

Kết quả : Công hiệu các chứng đều giảm (huyết Phục-lưu trị các chứng hư nhược, điều chỉnh Thận tạng rất hay).

Trị lần thứ 6 : Châm Phục-lưu, Tam-âm-giao bờ 4 lần, Khúc-trì Thừa-sơn, Thái-xung bờ bên mặt 2 tả bên trái 2 lần.

Kết quả : ngày ấy chân lại tê, ngón chân hơi sưng (do bỏ Phục-lưu phản ứng).

Trị lần thứ 7. Châm Thủy-tuyền, Côn-lôn, Thái-xung, Dũng-tuyền Tam-âm-giao tả 3 lần. Kết quả : các chứng lại đau lại, (vậy chứng hủ tả nhiều phản ứng) Tiếp châm bỏ lại Phục-lưu, các chứng giảm. (Lần này áp dụng tả nhiều, sai).

Trị lần thứ 8. Châm Thủy-tuyền, Phục-lưu, Tam-lý, Tam-âm-giao Côn-lôn, Thái-xung bỏ 4 lần, rút kim huyết Côn-lôn ra máu đen.

Kết quả : lần này công hiệu bình giảm, nhưng qua ngày sau bình lại trở lại và dục kinh (ấy là vì bỏ nhiều nên phản ứng).

Trị lần thứ 9 Châm Phục-lưu, Côn-lôn, Tam-âm-giao bỏ 4 lần, Phong-thị tả 3 lần. Kết quả tay chân bớt te bớt đau.

Trị lần thứ 10 dùng các huyết như trên nhưng bỏ 1 lần.

Kết quả : bình giảm nhiều, 7/10.

Trị lần thứ 11 cũng như trên. Bình lần lần hết hẳn.

Trị lý : Trị bình này rút kinh nghiệm nhiều :

1) Trị bình Nan-hoán bỏ hèn mạnh tả hèn bình công hiệu.

2) Thê chất hư dùng bỏ Phục-lưu rất hay vì trị lần thứ 7 quá tả nên phản ứng bình trở lại. chứng minh hư nên bỏ không nên tả nhiều, vì thế trị các lần sau dùng bỏ kiến hiệu nhẹ 7/10, và chỉ tả huyết Phong-thị (tả 1!) để làm cho độc thoát ra nên bình hoàn toàn nhẹ hẳn.

Trị bình tay chân tê, đầu xoay xảm.

Bệnh nhân Lê-Nguyên 42 tuổi hai tay tê cứng (tay mặt từ cùi chỏ đến ngón tay, tay trái từ nách đến ngón tay đều tê, hai đầu gối trở xuống cũng tê, đầu lại xoay xảm bình hơn 1 tháng.

Trị pháp : Châm Khúc-trì, Hiệp-cốc, tả 4 lần, Nội-quang tả 3 lần Thái-bạch bỏ 4 lần.

Kết quả ; Đầu hết xoay xảm hai tay từ Nội-quang đến ngón bớt tê.

Trị lần thứ 2 Châm trị y như trên. Chân tê giảm, tay bớt 1/2.

Trị lần thứ 3 y như trên.

Kết quả : các chứng tê lần lần hết hẳn.

Trị bình đau xương gân Phong-tháp.

Bệnh nhân Trần-Nhâm 23 tuổi bình đau 5 tháng chân mặt bại tê mỗi đêm chân mặt từ đùi (chỗ Hoàn-khiêu) đến mắt cá nổi gân lên đau 5. 6 lần, khi đau như muốn rút gân chịu không nổi, mỗi lần đau

phải đè hóp 2 giờ đồng hồ mới dịn, có khi cả đêm không dám động dậy vì cử động là đau kịch không duc, đau đến toát mồ hôi lạnh, tim đập mạnh. Chân trái vì bị chèn mặt đè lên nên cũng co cúp thành như bị thương luôn cả 2 chân. Người càng ngày ốm, mặt mắt xanh. Thuốc gì cũng không công hiệu, các thầy Đông-y nhận cho rằng chứng bại ất chết.

Trị pháp : Châm Thượng-Dương-lăng-lýền công 10 lần, bổ 2, tả 3 lần, Lây-cẩu tả 3 lần, Hoàn-khiêu tả 3 công 3 lần.

Kết quả : ban đầu lấy tay đè chỗ gần trên huyết Dương-lăng dưới đầu gối nên đặt là Thượng-dương-lăng. thì chỗ ấy đau giảm, nên châm ngay tại huyết này áp dụng thủ thuật công, bổ, tả trị thì bớt đau ngay, định châm thêm huyết Lây-cẩu, nhưng vì chân không lay động được nên phải châm huyết Lây-cẩu chân mạnh (áp dụng Can Đôn kinh hợp trị) tả 3 lần kết quả đau giảm đến 3/4 (trước đau đến 2 giờ nay đau còn 1/2 giờ). Qua ngày sau giảm nhiều còn đau 2 lần nhưng đau cũng ít, chân tự động được không đau, sắc mặt bớt mét.

Trị lần thứ 2 ngày thứ 3. (hiện bệnh chỗ đầu gối và lưng đau, nhưng đau ít). Châm Trường-cường tả 3 lần, công 3 lần, Lây-cẩu tả 3 công 1, bổ 3 công lại 1 lần nữa. Thượng dương-lăng bổ 3 công 3 tả 3 lần.

Kết quả : Trong khi châm trị tả Trường-cường thì tại bàn tọa và lưng hết đau, và vì chân không lật lại được nên vẫn châm huyết Lây-cẩu bên mạnh, châm tả thì gần bớt đau, tiếp châm Thượng-dương-lăng. tả, công mấy lần thì hết đau hẳn.

Ngày sau châm trị lần thứ 3 (hiện chỗ đầu gối còn đau, còn tê, nên châm Ngoại-tất-nhãn tả 3, công 3 lần hết đau.

Trị lần thứ 4 hiện còn đau từ gần đầu gối đến mắt cá chân.

Châm Côn-lôn tả 3 công 3, tiếp châm Ủy-trung tả 1 lần. hết đau.

Trị lần thứ 5 vì hai chân còn tréo chưa mở rộng ra được.

Châm Thượng-dương-lăng bổ 4 lần, Lây-cẩu bổ 4 lần.

Trong khi châm trị các huyết này mỗi động tác bổ đều có hiệu quả. từ bổ 1 lần Thượng-dương-lăng thì cảm giác tê rần từ trên xuống đến mắt cá, tiếp xoay bổ từng chập thì chân lặn lần lần duỗi ra được, chỉ còn chỗ mắt cá cườm chân còn co, tiếp châm huyết Lây-cẩu thì trong khi thủ thuật bổ từng hồi, thì các gân mềm dịu hoạt động, luôn 3 lần như vậy, chân lặn lần mở ra được.

Sau này bắt đầu cho ăn đồ bổ gân để làm cho gân khôi phục lại, 2 tháng sau cho biết bệnh như cũ chông gậy đi được.

Phụ chú : Trị bệnh này rất thần diệu, thủ thuật Châm y rất điều luyện, mỗi động tác châm thuật đều làm cho bệnh thể dần dần giảm thiểu, như vậy mới chuyển nguy thành an được,

Trị bệnh tay chân co rút ; đầu xoay xảm.

Bệnh nhưn Thị-Châu 47 tuổi 2 tay co rút đã mấy tháng, hai chân từ đầu gối đến mắt cá tê, đầu xoay chán vắn, có lúc phát lạnh, hơi nghịch xông lên ngực, kinh nguyệt đã mất 5 tháng.

Trị pháp : Cứu Bách-hội, Phong-tri, Đại-chùy, Phong-môn, Phế-du, Khúc-tri, Thủ-tam-lý, Hiệp-cốc, Nội-quang, Ngoại-quang, Thủ-hắc-phong, Thận-du, Mang-môn, Trường-cường, Hoàn-khiên, Trung-uỷên, Chiên-trung, Chương-môn, Khí-hải, Túc-tam-lý, Âm-lăng, Dương-lăng, Tuyết-cốt, Tam-âm-giao đều 3 tráng.

Kết quả : Các chứng bớt, tay chân giảm nhiều.

Trị lần thứ 2: cứu y như trên kết quả tê giảm nhiều, hết lạnh, hết chán vắn, nhưng mắt đau.

Tiếp trị lần thứ 3, 4, 5 đều cũng y như trên, mắt hết đau.

Trị lần thứ 6 cũng như trước thêm bổ Khí-hải, Quang-nguyên, Thận-du. Kết quả các bệnh đều giảm.

Sau tiếp tục trị 4 lần nữa cũng đều y như trước, bệnh hết hẳn.

Trị bệnh đau khớp xương (Phong thấp), đứng, không đi được.

Bệnh nhưn Hà-Vân 55 tuổi vì công việc làm phải dầm dưới nước lâu ngày thọ phong thấp làm đau nhức khớp xương, không đi được, mấy năm nay cứ 3,4 năm phát một lần ; nhưng lần này phát bệnh 5 ngày, tay chân tê, hai đầu gối đau chỉ đứng được, mà không nhấc đi được, cũng không chàn hẳn ra được, lúc ngồi không đứng dậy nổi, bên đầu gối mặt bị thương, lại thêm có khi phát ho làm bụng đau.

Đã đi trị nhiều, các thầy đã châm các huyết Dương-lăng-tuyền, Ủy-trung, Khúc-tri, châm thêm cứu cũng có và cũng có cứu các huyết : Phong-thị, Âm-thị, nhưng đều không công hiệu.

Trị pháp : Châm Thái-bạch, Túc-tam-lý, Phong-long, đều bổ 4 lần.

Kết quả : Ngồi đứng dậy được, đứng thì đi được, tay chân hết tê, ho cũng bớt. Trị lần thứ hai. Vì còn khó khăn chưa đi vững được, trị tiếp y như trên bệnh hết hẳn.

Trị lý : Bệnh này vì nhận thấy trước các thầy đã có dùng những huyết chủ yếu trị 8 lần không kiến hiệu, sau đến tôi nhận thấy bệnh nhưn chân không chân hẳn ra được chỉ thẳng đơ là do Tý hư nên áp dụng Nguyên Lạc, 2 huyết phối hợp trị châm bổ 4 lần công hiệu ngay vậy dùng Nguyên, Lạc huyết áp dụng thì trị bá phát bá trúng rất thần diệu.

Bệnh đau nhức về bộ phận cánh tay.

Trị bệnh cuồn tay sưng nhức :

Dùng các huyết : Châm Hiệp-cốc (bổ thuận chiều kinh) Dương khê, Thiệu-lich (tả nghịch chiều kinh), Liệt-khuyết kích thích mạnh lưu kim.

Châm trị 7, 8, lần hết đau hết sưng, sau châm xoay kim qua tả, qua hữu 15 lần bệnh hết hẳn.

Áp dụng phương pháp này trị các bệnh, châm trị 2 lần các chứng giảm sau trị thêm 5 lần nữa cộng cả thấy 16 lần bệnh hết hẳn.

Đã trị 8 người có 5 người được hoàn toàn còn 3 người đau gần 1 năm giảm 80%.

Các chứng ngón tay cái sưng nhức dùng phương này trị cũng hiệu quả.

Trị bệnh cánh tay trên đau không đưa lên được.

Một tay hay cả hai tay, đau không đưa lên được, vận động khó khăn.

Thủ huyết : Điều-sơn (biệt huyết, phía trong Huyệt Điều-khâu 5 phân) Khúc-trị, Hoàn-khiêu. Kiên-ngung.

Thủ pháp : Châm Điều-sơn 2, 3 tắt ngay tới trước huyết Thừa-sơn, (dưới 1 tý), Các huyết Khúc-trị, Kiên-ngung, Hoàn-khiêu đều châm vào 1 tắc rưỡi, bình bổ bình tả. (Huyệt Điều-sơn lưu kim 5 phút). Khi châm huyết Điều-sơn vào rồi bảo bệnh nhưn cử động cánh tay xem, như hoạt động được, thì không dùng các huyết kia. Nếu chưa hoặc bệnh lâu thì phối hợp các huyết ấy.

Trị nghiệm: Huyệt Điều-sơn trị bệnh Phong-thấp phát tê rất hay, chứng Hàng tê cũng công hiệu.

Bệnh nhưn Cô Trương 42 tuổi bị bệnh cánh tay không đưa lên được, khi đưa lên thì chỗ nách co rút lại bệnh đã 1 năm, Châm trị dùng huyết Điều-sơn theo phương pháp trên bảo đưa tay lên được ngay, rất hay.

Phụ chú : Các bệnh về Phong thấp làm vai tay tê nhức như tay không đưa lên được, tay đau không xoay chuyển được, vai tay đau.

Châm cứu trị nên dùng các huyết chủ yếu : Kiên-ngung, Khúc-tri, Hiệp-cốc, Kiên-trinh, Thiên-tôn, Kiên-ngoại-du, tùy châm hay cứu.

Phương dùng huyết Điều-sơn phối hợp với Hoàn-khiêu, Khúc-tri, ấy là pháp trên dưới tương ứng điều chỉnh cơ năng, tức là pháp phối hợp dùng huyết trị, nên trị có hiệu quả.

Bệnh cánh tay đau nhức :

Bệnh đau cả ngón tay, cườm tay, cùi chỏ, chổ vai đều làm cho khớp xương khó cử động.

Dùng các huyết : Kiên-ngung, Khúc-tri, Hiệp-cốc.

Châm Kiên-ngung, Khúc-tri 1 tấc, Hiệp-cốc, 7, 8 phân, hư bỏ thiết tả. Hoặc bình hồ bình tả lưu kim 20 phút.

Châm trị 1 lần bệnh nhẹ, nếu chưa nhẹ trị tiếp cứ 1 ngày châm 1 lần ắt công hiệu.

Phương trị nghiệm :

Bệnh cùi chỏ sưng đau 10 năm :

Bệnh nhưn Cô Trinh 35 tuổi cùi chỏ tay mặt sưng đau đã 10 năm ; mỗi năm cứ đến mùa hạ thì phát đau nhức đêm không ngủ được.

Trị pháp : Châm Khúc-tri, Thủ-tam-lý, tả 3 lần, Hiệp-cốc hồ 4 lần.

Kết quả : Chổ cùi chỏ lại đau nhức (do hồ Hiệp-cốc nên độc bệnh tự lại thêm nặng).

Trị lần thứ 2 : Châm thêm Khúc-tri, Túc-tam-lý, Xích-trạch hồ 3 lần, Hiệp-cốc tả 3 lần.

Kết quả : Cùi chỏ bớt đau, đêm ấy ngủ được.

Trị tiếp 1 lần nữa y như trên. Bệnh hết hẳn.

Trị lý : Trị lần đầu phản ứng vì quá hồ, sau tả Hiệp-cốc, công hiệu ngay. Áp dụng phương này trị khớp xương sưng đau đều kết quả.

Trị tay tê, lòng bàn tay ngứa không cầm được.

Bệnh nhưn Trần-thị-A 48 tuổi, tay trái tê không đưa lên được cũng không cầm được, lòng bàn tay ngứa gãi trầy da, tay mặt tê nhẹ hơn vì năng vận động nhưng cũng không cầm được, đêm bàn tay thường nóng nên cứ chà xát 2 bàn tay thì thấy rần ra ngoài bàn

tay và ngón tay, lại thêm chân trái cũng tê 4, 5 tháng. Đứng miệt cườn, yếu ớt.

Trị pháp : Châm Hiệp-cốc, bờ 4 lần, tả 1 lần, công 3 lần, bên mặt bờ 4 lần. Khúc-tri bên trái tả 3, bên mặt bờ 3, Kiên ngung trái tả 3 công 5, bên mặt bờ 3, tiếp châm các Tĩnh huyết tay trái ra máu, cứu Thủ-bác-phong tay trái.

Kết quả : Mỗi lần châm trị thì mỗi động tác trị đều thấy bình lẫn lẫn giảm, sau châm ra máu các Tĩnh huyết, bình hết ngay.

Bệnh này chỉ trị 1 lần mà hoàn toàn bình phục.

Trị bệnh vì vận động cườn tay sưng đau.

Cô Dương 38 tuổi, vì mài dao quá nhiều nên cườn tay sưng đau.

Trị pháp : Châm Ngoại-quang (chỗ đau), tả 3 công 10 lần, Thiên-lich tả 3, công 5 lần. Kết quả hết đau, lẫn lẫn hết sưng.

Trị bệnh hai tay sưng, gập lạnh càng đau, ngón tay đơ không co được.

Bệnh như Lê-Ẩn 56 tuổi, hai bàn tay sưng, khi trời lạnh thì đau, các ngón tay đơ không co được, bệnh đã 2 tháng.

Trị pháp : Châm Ngoại-quang, Trung-chủ, Nội-quang đều bờ 3 lần tả 1 lần.

Cứu Thủ-bác-phong, Thập-liết.

Kết quả : Hết sưng, tay hoạt động được.

Trị lần thứ 2 y như trên. Kết quả gập lạnh ít đau, ngón tay hoạt động được. Trị tiếp 2 lần nữa như trước, bình phục hẳn.

Trị bệnh tay tê, ngón tay cứng không co được, bệnh đã 20 năm.

Bà Lâm 56 tuổi, bệnh tay tê, cứng, ngón tay cứng đơ, không co được : sợ lạnh, ho, bệnh đã 20 năm.

Trị pháp : Châm Hiệp-cốc, Đại-lăng, Ngoại-quang đều 2 huyết huyệt 1 lần.

Cứu Thủ-bác-phong, Thập-liết, Ngủ-hồ đều 3 tráng.

Kết quả : Tay mặt bớt tê, ít sợ lạnh, bớt ho.

Trị lần thứ 2 y như trước. Ngón tay cử động được.

Trị lần thứ 3 như trước, kết quả, tay mặt khá hơn, cử động được.

Trị lần thứ 4 cũng như trước, kết quả cử động được cả hai tay.

Trị lần thứ 5 như trên, kết quả hai tay nắm vững được.

Trị tiếp lần thứ 6 và thứ 7 bình phục hẳn.

Trị bệnh tay tê, ngón tay cứng lại miệng hôi.

Bệnh nhưn Châu-văn-Hà 52 tuổi hai tay tê cứng không cầm nắm được, lại thêm phát nóng, miệng hôi, mặt cũng đỏ.

Trị pháp: Châm Hiệp-cốc tả 3 lần, Thủ Tĩnh-huyệt châm ra máu. Cứu Thủ-bác-phong, Hiệp-cốc.

Kết quả: Trước cứu Bác-phong, Hiệp-cốc, sau châm các Tĩnh huyệt ramau, tay cử động được, sau châm lại Hiệp-cốc, Tay cầm được.

Trị bệnh các đốt ngón tay đau không ngay ra được.

Bệnh Nhưn Cô Lục 45 tuổi, hai tay các đốt ngón tay đều đau nhức ngay ra càng đau dữ nên co luôn, chỗ rách khi vận động không linh hoạt, bệnh đã hơn 1 tháng.

Trị pháp: Châm Nội-quang, Hiệp-cốc, bờ 2, tả 2. Cứu Thủ-bác-phong, Thập-liết, Ngoại-quang, Thủ-tam-lý đều 3 tráng.

Kết quả: giảm nhiều, ngón tay co vào được 8/10.

Trị lần thứ 2 y như trước. Kết quả hết đau tay mặt bớt nhiều hơn, tay trái còn.

Trị lần thứ 3. Châm Lao-cung bờ 3, tả 3 lần, cứu như trước thêm Hiệp-cốc 3 tráng. Kết quả bớt nhiều nhưng ngón giữa tay mặt chưa co vào mạnh được.

Trị lần thứ 4. Châm Lao-cung bờ 4 lần, Cứu như trước thêm Hiệp-cốc. Bệnh hết hẳn bình phục.

Trị bệnh tay và bàn tay đau, đầu xoay xảm.

Bệnh nhưn Thị-Điều 45 tuổi tay trái đau, 4 ngón tay đan, trong lòng bàn tay ngón út đau, dè thì bớt, đầu xoay xảm, có lúc làm tim đập khó chịu.

Trị pháp: Châm Trung-chủ, Ngoại-quang, Phục-lưu bờ 4 lần, Thái-xung tả 1 lần. Cứu Bách-hội, Phong-trì, Thượng-linh, Thần-đỉnh, Thái-dương, Thủ-bác-phong, đều 3 tráng.

Kết quả: Ngón tay duỗi ra hết đan, đầu hết xoay xảm.

Trị tiếp lần thứ 2 y như trước, Bệnh hết hẳn.

Bệnh tay đau sưng đỏ:

Bệnh nhưn Cô Dương 37 tuổi, tay mặt đau đến cườm tay, sưng đỏ đỏ, đau kịch không dám dè, hễ lạnh thì đau xoay xảm.

Trị pháp: Châm Thủ Tĩnh-huyệt ra máu, Hiệp-cốc, tả 5 lần, Lao-cung tả 3 công 4 lần.

Kết quả: Khi châm Tĩnh-huyệt ra máu xong châm Hiệp-cốc thì tay cảm giác đau, lấy tay đè vuốt đến Hiệp-cốc da tay nhẵn lại, hết nóng hết đau, lòng bàn tay còn đau, nên châm Lao-cung thì hết đau, lần lần co ngón tay được, lấy tay đè chỗ đau đến hai bên chỗ lỗ kim châm thì hết đau ngay, đầu xoay xăm cũng hết.

Cẩn bệnh: Bệnh này vì độc tại lòng bàn tay không tiết ra được, nên làm cho mu bàn tay sưng lên vì không có chỗ tiết độc, nên châm các Tĩnh-huyệt cho độc ra theo máu, độc ra rồi nên đè không ra nữa, vì tại lòng bàn tay là chỗ độc tụ lại đó nên châm huyệt Lao-cung và Hiệp-cốc làm cho độc có chỗ tan ra cho hết vì thế nên bệnh hoàn toàn hết ngay.

Bệnh hai bàn tay tê đau, các ngón tay không co được.

Bệnh như Lê-Sửu 48 tuổi sau khi cảm mạo nhẹ rồi hai bàn tay, các ngón tê đau không co được.

Trị pháp: Châm Hiệp-cốc, Trung-chữ, Dương-trì, Xoay vận 2 lần rồi lưu kim 10 phút.

Kết quả: Châm xong tay bên mặt giảm bớt 8/10, co vào ít đau, chỉ còn tay trái đau.

Trị lần thứ 2 y như trước, Tay mặt hết hẳn tay trái hơi giảm.

Trị lần thứ 3; cũng y như trước, bệnh hết hẳn cầm nắm như thường.

Bệnh bộ phận ở chân

Trị bệnh hai chân sưng, toàn thân đau nhức.

Anh Minh 26 tuổi như cảm hàng thấp làm sưng chân, uống thuốc Đông Y có vị Phụ-tử Cần-cương và ăn thịt bò lại càng sưng nhức phát ngứa thêm giái sưng lớn, bây giờ hai chân sưng ngứa, đầu xoay xăm, hơi xốc lên làm ho, thở mệt toàn thân và xương sống cũng đau.

Trị pháp: Châm Tam-âm-giao, Thái-xung, Thương-khưu, Nội-đỉnh tả, chân Ấn-bạch, Lệ-đoài ra máu.

Kết quả: Đầu hết xoay, ho thở đều giảm.

Trị lần thứ hai (cách hai ngày) Châm trị như trên thêm Phục-lưu bồ; (rút kim ra chảy nước vàng).

Kết quả: Chân mặt hết sưng, chân trái như thường.

Trị lần thứ 3 cách 1 ngày. Hiện chứng chỗ Trung-uyên hơi trương, chân động lại đau. Châm trị như trước thêm châm các ngón chân trái ra máu. Cứu Trung-uyên, Chương-môn, Đái-mạch, Thận-du, Mạn-môn, Túc-tam-lý đều 3 trảng,

Kết quả : Chỗ Trung-uyên hết đầy, chân hết sưng, bệnh nhẹ hẳn.

Bệnh chân sưng đã 3 năm, bụng trương đau.

Cô Chơn 37 tuổi bệnh sưng chân đã 3 năm nay. gần đây lại phát bụng trương đầy đau, mặt, mắt đều vàng, móng tay trắng bạch.

Trị pháp : Châm Trung-uyên, Nội-dinh, Khí-hải hồ, Túc-tam-lý, hồ. Cứu Đại-chùy, Tý-du, Vị-du, Thận-du, Chương-môn, Chiên-trung, Thương-uyên, Hạ-uyên, Thủy-phần, Thiên-xu, Túc-tam-lý, Tam-âm-giao, Nội-dinh, đều 3 trảng.

Kết quả : Bụng hết đầy trương, móng tay đỏ hồng hào lại, chân bớt đau.

Trị lần thứ 2 y như trên. Chân xẹp.

Trị lần thứ 3 cũng như trên. Kết quả hai chân xẹp hết nhưng chiều lại sưng lại, mặt mắt vàng.

Trị tiếp lần thứ 4 cũng y như trước.

Kết quả : Hai chân xẹp hẳn hết sưng nữa, có kinh, sau bình phục.

Bệnh hai ống chân sưng nhức.

Anh Diên 34 tuổi bệnh hai ống chân sưng cứng nhức đau đã 8 tháng, da mặt phát vàng.

Trị pháp : Châm Túc-tam-lý, Tam-âm-giao hồ.

Cứu Chiên-trung, Trung-uyên, U-môn, Thông-cốc, Chương-môn, Phong-thị, Âm-thị, Âm-lăng, Dương-lăng, Tuyết-cốt, Khưu-hư, Thái-xung, Túc-lâm-khấp, Thương-khưu đều 3 trảng.

Kết quả : Chân hết sưng.

Trị 1 lần nữa y như trên. Hết tê hết sưng bệnh hoàn toàn bình phục hẳn.

Bệnh hai chân sưng, chỗ ổ tim đầy trương.

Anh Hữu 39 tuổi bệnh hai chân sưng, chỗ ổ tim phát đầy trương đau.

Trị pháp : Châm Trung-uyên, Nội-quang tả, Túc-tam-lý hồ.

Cứu Đại-chùy, Phong-môn, Phế-du, Vị-du, Thận-du, Chiên-

trung, Chương-môn, Khi-hải, Tam-âm-giao, Âm-lãng, Công-tôn, Thái-hạch 3 trảng.

Kết quả : Chân hết sưng, ngực hết đầy trướng.

Trị lần thứ 2 cũng trị như trên, Kết quả tất cả các chứng đều hoàn toàn hết hẳn.

Bệnh hai chân sưng, sau buổi trưa nặng hơn.

Cô Ngọc 27 tuổi bệnh hai chân từ đầu gối trở xuống đều sưng, sau buổi trưa lại phát nặng hơn.

Trị pháp : Châm Thái-xung, Tam-âm-giao tả. Kết quả chân mặt giảm. Trị tiếp lần thứ 2 bệnh hết hẳn.

Bệnh Chân yếu, toàn thân vô lực đứng thì lưng đảo theo, té.

Cô Phát 38 tuổi, dương đào đất, thỉnh linh chân yếu nhũn duỗi thẳng đơ không co lại được, đứng dậy thì lưng chân đều yếu xiêu toàn thân vô lực, không thể ngồi được bệnh đã 2 ngày.

Trị pháp : Cứu Mạng-môn, Thận-du, Trường-cường Đại-chùy, Phong-môn, Phế-du, Hoàn-khiên, Âm-lãng-tuyền, Dương-laung-tuyền Túc-tam-lý, Tuyết-cốt đều 3 trảng.

Kết quả : Cứu trị xong, chân mạnh lại co duỗi được cong lưng ngồi dậy không đảo té nữa.

Trị bệnh chân yếu bụng đau.

Anh Cúc 32 tuổi hai chân yếu vô lực, bụng đau, đêm không ngủ yên được, không muốn ăn.

Trị pháp : Châm Túc-tam-lý tả 3 lần. Cứu Khi-hải 3 trảng, Trung uẩn, Thiên-xu, Thần-khuyết đều 1 trảng.

Kết quả : Bụng hết đau, ngủ yên, chân hơi mạnh.

Trị lần thứ 2. Châm Túc-tam-lý tả 3 lần.

Bệnh nhẹ hẳn đi được như thường.

Bệnh hai chân thẳng đơ không co được, đầu xoay, bụng trướng.

Ba Trương 52 tuổi bệnh hai chân tự nhiên thẳng đơ không co lại được, đầu xoay xấp, như não tủy di động, bụng trướng, mặt mét, có lúc mắt bên trái nhức khó chịu, buổi mai dậy, miệng khô, đi đái nhiều thì đầu bứt xoay xấp.

Trị pháp : Châm Phong-phủ, Phong-tri, Ủy-trung, Toán-trúc tả 3 lần. Châm Chí-âm ra máu, Cứu Bách-hội, Tiều-đánh, Thượng-tinh, Thần-dinh, Thái-dương đều 3 trảng.

Kết quả : Hai chân co được, miệng hết khô.

Trị lần thứ 2 y như trên. Kết quả chân đuối như thường, bụng trương giảm, nhưng đầu còn xoay xẩm nhiều.

Trị lần thứ 3, cũng y như trên, Bệnh hoàn toàn nhẹ hẳn không trị nữa.

Bệnh hai chân đau nhức, ho lại đau nhiều, bệnh đã lâu.

Ông Hoàng 50 tuổi, hai chân uau nhức đã mấy năm, khi phát ho thì lại dợc đau rất khổ sở.

Trị pháp : Châm Ủy-trung tả 3 lần, công 2 lần, Túc-tam-lý tả 3 lần.

Kết quả : Trong khi châm trị vừa kích thích châm thì bệnh giảm hẳn, châm trị xong bệnh hết hẳn.

(Khi ấn huyết Ủy-trung bên trái lấy móng tay rạch thấy ỨNG HIỆU, liền châm tả 1 lần, đau giảm, ho không dẫn đau nữa, tả tiếp 2 lần nữa bớt nhiều, tiếp công 3 lần hết hẳn, tiếp ấn bên chân mặt cũng thấy ỨNG HIỆU liền châm tiếp cũng như chân bên trái, hết hẳn, tiếp châm Túc-tam-lý, bệnh phục như thường.

Bệnh hai chân thường phát đau như dùi đâm đã 6 năm.

Cô Tư 49 tuổi hết kinh nguyệt đã 6 năm đồng thời phát sanh hai chân đau nhức như bị đâm khó chịu, buổi chiều thì đau nặng hơn, có lúc làm tay tê, hiện sắc mặt mết vàng.

Trị pháp : Châm Phong-phủ tả 3 lần, Tam-âm-giao hữu 1 lần, Khúc-tri hữu 3 tả 1. Cứu Bách-hội, Đại-chửu, Phong-môn, Phế-du, Cánh-du, Can-du, Tỳ du, Thận-du, Phong thị, Túc-tam-lý, Âm-lăng, Dương-lăng đều 3 tráng.

Kết quả : Đêm ấy, đau giảm nhiều.

Trị lần thứ 2 y như trước bệnh giảm gần 8/9 phần 10.

Trị thêm lần thứ 3, bệnh hết hẳn.

Bệnh chân mặt và xương bàn tọa đau nhức.

Cô Quốc 23 tuổi, trước thường có bệnh hay đau lưng, sau lại phát bên chân mặt đau từ ống chân đến gót chân, đến nay lại phát đau từ xương bàn tọa trở xuống, dán thuốc cao không kết quả, bệnh đã gần nửa tháng.

Trị pháp : Châm Phong-phủ, Khúc-tri, Hoàn-khiêu, Côn-lôn, đều tả. Cứu phong-thị, Dương-lăng, Túc-tam-lý, Tuyệt-cốt 3 tráng.

Kết quả : các bệnh đều giảm.

Trị lần thứ hai y như trước bệnh hoàn toàn hết hẳn.

Bệnh hai chân đau không nhứt định chỗ nào.

Anh Bình 20 tuổi hai chân đau không nhứt định chỗ nào, bệnh đã 1 năm nay từ đầu gối trở xuống đến chỗ bắp chân tê cứng.

Trị pháp : Châm Phong-thị, Dương-lăng tả, Cứu Âm-lăng, Khúc-tuyền, Túc-tam-lý, Tuyết-cốt, Tam-âm-giao, Hoàn-khiêu, Thái-xung, Túc-bác-phong, Cồn-lôn đều 1 trảng.

Kết quả : Ngày ấy bệnh giảm, nhưng sang hôm sau lại đau lại.

Trị lần thứ 2, hiện bệnh bây giờ hơi ho, tay và chân mặt đều đau nhức. Châm Khúc-trì, Dương-lăng-tuyền bên mặt, tả. Cứu Túc-tam-lý, Âm-thị, Túc-bác-phong, Thái-xung, Cồn-lôn đều 1 trảng. Phong-thị 3 trảng.

Kết quả : Châm Khúc-trì sau lại thấy sưng đau, châm Âm-lăng-tuyền chỗ huyết ấy cũng hơi sưng đau, nhưng qua ngày sau thì chân mặt hết đau (châm trị bên mặt nên bên mặt hết đau).

Trị lần thứ 3 cách 8 ngày hiện chứng chân trái hơi đau tay mặt còn đau Châm Âm-lăng-tuyền bên trái, Kiên-ngung, Khúc-trì bên mặt đều tả.

Kết quả : chân bớt, tay hết đau.

Trị lần thứ 4 cách 15 ngày (hai chân đều hơi còn đau) Châm Phong-phủ, Thái-xung tả, cứu Phong-thị, Âm-lăng, Dương-lăng, Hoàn-khiêu, Túc-tam-lý, Tuyết-cốt đều 3 trảng.

Kết quả : hai chân hết hẳn, bình phục.

Bệnh bên trong đùi nổi hạch sưng đau :

Anh Minh 24 tuổi phía bên trong đùi bên mặt nổi lên 1 hạch lớn sưng đau, đứng thẳng hay ho cũng đau.

Trị pháp : Châm Khúc-trì, Thái-xung tả (bên mặt)

Kết quả : chỗ hạch ấy lần lần nhỏ lại.

Trị lần thứ 2 Châm Khúc-tuyền, Khúc-trì, Tam-âm-giao, Âm-lăng-tuyền tả. Kết quả hạch ấy lần lần nhỏ lại nhiều.

Trị lần thứ 3. Châm Âm-bào, Dương-lăng, Tam-âm-giao tả. Cứu Khúc-tuyền, Âm-lăng, Thái-xung đều 3 trảng.

Kết quả : Bệnh hết hẳn.

Bệnh đau đầu gối và mu bàn chân.

Cậu Đức 15 tuổi từ đầu gối đến mu bàn chân đau nhức khó chịu.

Trị pháp : Châm Lương-Tất-nhân bên mặt, Khúc-tuyền bên mặt,

Khửu-hư tả.

Kết quả châm trị rồi từ trên mắt cá chân nhẹ hẳn.

Trị lần thứ hai y như trên. Bình phục.

Trị bệnh hai chân khi gặp thời tiết mưa gió thì đau nhức, gân thịt dục khó chịu.

Anh Viên 35 tuổi hai đầu gối khi gặp tiết trời mưa gió thì rần đau, gân thịt dục khó chịu, khi khát khi không.

Trị pháp : Châm Phong-phủ, Dương-lăng, Khúc-trị tả, cứu Hoàn khiêu, Phong-thị, Túc-tam-lý, Âm-lăng, Tuyết-cốt, Tam-âm-giao 3 tráng.

Ủy-trung, Côn-lôn, Thái xung 1 tráng.

Kết quả : Bệnh hết hẳn.

Bệnh khớp xương đầu gối (bánh chè) nhức, bệnh đã 6, 7 năm.

Bà Hà 62 tuổi chỗ khớp xương đầu gối bên mặt đau nhức, vận động lại càng đau nhưng ngồi thì không đau, bệnh đã 6, 7, năm.

Trị pháp : Châm Xích-trạch, Hiệp-cốc, Dương-lăng tả 3 lần, cứu Hiệp-cốc, Dương-lăng, Ủy-trung, Túc-nhân, Túc-tam-lý, Phong-thị đều 3 tráng.

Kết quả : ngay chân ra không đau nữa duy thông chân xuống còn đau.

Trị lần thứ 2 Châm như trước không cứu. Kết quả đầu gối lại sưng.

Trị lần thứ 3 Châm cứu y như lần thứ 1.

Kết quả : bây giờ thông chân xuống không đau nữa.

Trị tiếp 1 lần nữa cả châm cứu. Bệnh hoàn toàn hết hẳn.

Bệnh khớp xương chân tê cứng ngồi lâu sưng đỏ đứng khó khăn.

Anh Quí 30 tuổi trước 2 chân tê cứng sau phát mấy khớp xương đều cứng đơ ngồi lâu sưng, không vận động được, đi đứng vô lực.

Trị pháp : Châm Phục-lưu, Túc-tam-lý bổ, Tuyết-cốt tả, Cứu Hoàn khiêu, Phong thị, Dương-lăng, Côn-lôn, Túc-bác-phong, Thái-xung, Tam-âm-giao 3 tráng.

Kết quả : Bớt sưng hết đau.

Trị lần thứ 2 sau 7 ngày, trị như trên kết quả bai chân bớt tê.

Trị lần thứ 3 cũng trị như trên, kết quả chỗ khớp mắt cá sưng xẹp, tê cũng giảm nhiều.

Trị lần thứ 4 như trên (2 huyết Thái-xung đều tả). Lần này đau

giảm nhiều ngón chân cái co hết đau (trước nhức lắm), đi được.

Trị lần thứ 5, cũng như trước, kết quả chỗ mắt cá xẹp hẳn.

Trị lần thứ 6 Châm Phục-lưu hồ, Thái-bạch 2 huyết tả.

Kết quả trên dưới đều xẹp hết sưng, tê cũng hết nhẹ hẳn.

Bệnh đầu gối chỗ khớp xương co đau không ngay ra được.

1) Bà Hoa 54 tuổi, mùa đông trời lạnh thì chỗ đầu gối bên trái, khớp xương đau nhức co vào dưới ngay ra không được.

Trị pháp : Châm Ủy-trung, Khúc-tuyền, Âm-lăng hồ, Khúc-tri tả.

Kết quả : ngày sau đầu gối bớt đau nhưng chỗ ấy hơi ngứa, rồi lần dưới ra được.

Chú-y : Áp dụng phương này trị các chứng đầu gối nhức đau vì Huyết thấp trệ rất công hiệu.

2) Bà Hải 48 tuổi cũng bệnh chứng trạng như trên,

Trị pháp : Châm Khúc-tuyền, Âm-lăng-tuyền, Tâm-âm-giao bờ Khúc-tri tả.

Kết quả : các bệnh đau nhức đều hết hẳn.

Theo kinh nghiệm thì phương này có thể dùng Dương-lăng-tuyền thế Khúc-tri cũng công hiệu. (Đối với bệnh Dương-mai lưu độc thì phương này không có kết quả).

Bệnh toàn thân xương đau, phát mồ hôi trộm.

Anh Tuyên 48 tuổi có lúc toàn thân đau nhức, khi đau phát ra mồ hôi, đau ít thì mồ hôi ít, miệng lại khát nước, nhưng không muốn uống, ngày hay ra mồ hôi tối lại có mồ hôi trộm, mỗi khi đau nhiều thì tim lại nhói như ngừng đập.

Trị pháp : Châm Thận-môn trái, bờ. Dùng ngải quyền cứu Phục-lưu hồ 3 lần, Con-lôn 1 lần.

Kết quả : Các chứng đều giảm.

Trị lần thứ 2 cách 3 ngày châm cứu như trước. Bệnh hết hẳn.

Trị bệnh sưng đầu gối chỗ khớp xương đau hơn vì bệnh lao.

Anh Thân 25 tuổi hai đầu gối sưng to nhức, tay chân ốm gầy (người ta gọi là đau đầu voi). Tay bên trái cũng đau có lúc nhức, đau xony xẩm, có lúc đau bụng, lại có ho nhỏ đàm trắng, tay chân như dầm dưới nước lâu ngày, đã trị ở Bệnh-viện bài lao nhận bệnh và rồi kiến cho là bệnh Lao phổi.

Trị pháp : Châm Xích-trạch, Lương-Tất-nhân Âm-thị bờ, Khúc-tri, Đại-dỗ, Dương-lăng-tuyền tả.

Cửu Hoàn-khiên, Phong-thi, Âm-lãng, Khúc-tuyền, Bách-hội, Phong-tri, Đại-chùy, Phong-môn, Phế-du, Vị-du, Tỳ-du, Thận-du, Túc-tam-lý, Tam-âm-giao đều 3-tráng.

Kết quả : Ngày sau nhỏ đàm rất nhiều (đã ảnh hưởng đến phổi nên đàm lỏng dễ nhỏ).

Trị lần thứ 2 cách 1 ngày. Châm Khúc-tri, Dương-lãng, Tuyệt-cốt bồ, Xích-trạch tả, Khưu-hư, Nhiên-cốc bồ.

Kết quả : Châm xong các chỗ đau đều bớt, nhưng chỉ chỗ Thân-mạch đau.

Trị lần thứ 3 cách 1 ngày. Trị v như trên trừ huyết Khưu-hư, Nhiên-cốc, thêm huyết Thân-mạch.

Kết quả : Đêm ấy chân gối ben mặt lại đau phải dùng dầu nóng bóp mới dễ chịu, nhưng ăn uống được nên 1 tuần sau sắc mặt hồng hào trở lại, chân hơi nở nang. duy chỗ đầu gối co vào còn đau quá vẫn phải dùng dầu nóng bóp.

Trị lần thứ 4 (cách 7 ngày). Châm Khúc-tri, Dương-lãng, Thân-mạch.

Cửu như lần thứ 1. Kết quả đau nhức giảm nhiều. Nhưng gặp tiết trời lạnh nên 5 ngày sau chỗ đầu gối lại sưng, nhức, đêm ấy không ngủ được.

Lần thứ 5 không châm trị (vì trời mưa gió).

Trị lần thứ 6 Châm Khúc-tri, Dương-lãng, Khúc-tuyền, Thái-xung, Phong-phủ và chỗ đau cửu như trước.

Kết quả : Đêm ấy ngủ yên và hơi nhức.

Trị lần thứ 7 (lần thứ 5 vì gặp trời dương âm u vẫn vũ mưa gió, nên không châm trị, chỉ dùng dầu nóng bóp), lần này châm cửu cũng như trước, nhưng huyết Khúc-tuyền cải châm bên mặt.

Kết quả : Đầu gối xẹp hẳn và hơi di động được.

Trị lần thứ 8 : Châm cửu như trước trừ huyết Khúc-tuyền.

Kết quả : Bảy giờ ngồi trên giường thông chân xuống được (trước kia không di động được) bệnh giảm nhiều.

Trị lần thứ 9 (hiện chứng chân mặt khớp xương còn đau, chân trái co vào còn đau. Châm Nhiên-cốc, Thái-xung, Dương-lãng, Khúc-tri, Phong-phủ.

Kết quả : Bớt sưng bớt đau, bệnh giảm.

Tiếp trị đến lần thứ 12, thì các khớp xương hết sưng, hết đau.

Trị đến lần thứ 15 thì tự cử động được.

Trị tiếp 2 lần nữa (đến thứ 17), thì nhờ người dìu đỡ được, và lần lần tập đi được. Về sau không trị nữa chỉ bồi dưỡng ăn uống đồ bổ mà bệnh hết hẳn.

Bệnh này đến lúc trị gần khá vì gia đình quá ở xa lại quá bận việc làm ăn cũng gặp lúc trời ấm áp dễ chịu nên không sợ trở lại về nhà bồi dưỡng có thể lành bệnh được.

Trị bệnh toàn thân khớp xương tay chân sưng cứng đau nhức, bệnh thể nguy cấp.

Bà Minh 43 tuổi, năm trước lúc ban đầu phát đau ở vai, sau cả thân phát tê, chỗ nào cũng lạnh ngất đau nhức, khớp xương các đốt ngón tay, cùi chỏ, đầu gối đều sưng to, cổ cứng, tay chân cử động được, mình thũng, lưỡi tê đơ, hậu tê, uống nước không hạ, mặt mất thần sắc, chứng nguy cấp không thể trị được, nhưng vì quá yếu cầu nên cố ráng trị.

Trị pháp : Châm Phong-phủ, Kiên-tĩnh, Cứu Bách-hội, Phong-tri, Đại-chùy, Phong-môn, Phế-du, Tâm-du, Cao-du, Đởm-du, Thận-du, Mạn-môn, Khúc-viên, Bình phong, Kiên-ngung, Khúc-tri Hiệp-cốc, Ngoại-quang, Chiên-trung, Khí-hải, đều 3 trấu, Cao hoan 15 trấu.

Kết quả : Cứu hai huyệt Cao-hoan từ 8 đến 15 trấu, thì huyệt trái còn tê, mà toàn thân giảm vài ba phần, hầu tê cũng giảm.

Trị lần thứ hai như trước.

Trị lần 3 cũng trị như trước. Khi châm Kiên-tĩnh thì huyệt mặt phát sưng, Cứu Bách-hội, đầu cũng nổi lên sưng, khi cứu đến Khúc-tri thì tê cả tay nhưng hết sưng, đầu cũng bớt.

Trị tiếp 2 lần nữa, cũng như vậy chân hết tê, co được, bớt sưng

Trị tiếp 2 lần nữa (đến lần thứ 7), cũng y như trước thêm cứu các đốt ngón tay.

Trị luôn 3 lần nữa, bây giờ chân hơi hoạt động được.

Trị đến lần thứ 13, 14. Tay chân xẹp hết không còn đau nhức nữa.

Trị luôn 5 lần nữa (đến lần thứ 19) cũng trị y như trước cả.

Kết quả : Tay mặt vận động được như thường, sắc mặt hồng hào, tươi nhuận lại, về sau tất cả các chứng đều giảm.

Sau cũng cứu luôn mấy lần nữa thì lần lần bệnh hết hẳn hoạt động được như thường.

Trị lý : Bệnh này từ đầu đến sau vẫn dùng cứu trị, vì nhận thấy

toàn thân sưng nhưng người quá suy nhược, sức đề kháng suy yếu nên không thể dùng châm trị, chỉ trực tiếp cứu làm cho khôi phục sức đề kháng lại rồi tiếp tục cứu mãi mà bệnh hết được.

Trị bệnh toàn thân khớp xương đau kèm bệnh Ngoại trị.

Anh Tiên 46 tuổi bị bệnh toàn thân các khớp xương đau nhức, chân trái lại sưng, lưỡi đau, thêm bệnh Trĩ ngoại, mùa hạ thường ngồi dưới dãi ẩm ướt nên lại phát thấp xang.

Trị pháp : Châm Khúc-trị, Dương-lăng-tuyền bổ, Nội-quang tả, Phục lưu bổ. Cứu Bách-hội 5 tráng, Vị-du, 13 tráng, Tuyết-cốt 5 tráng, Thận-du, Phế-du, Tỳ du, Phong-môn, Mạng-môn, Trường-cường, Âm-lăng, Tam-lý, Tam-âm-giao, Thái-xung đều 3 tráng. (bệnh này nếu có diện có thể dẫn thêm diện).

Kết quả : Chân bớt sưng, các khớp xương bớt đau, trĩ cũng bớt.

Trị lần thứ 2 trị y như trên. Kết quả chân xẹp nhiều, các bệnh bớt.

Trị tiếp 2 lần bệnh phục hẳn.

Bệnh bộ phận ở lưng

Trị bệnh đau lưng khum cúi khó khăn.

Thủ huyệt : Dùng các huyệt chủ trị : Thận-du, Đại-trường-du phối hợp các huyệt : Thừa-sơn, Côn-lôn.

Thủ pháp : Châm Thận-du xoay kim vào, Thừa-sơn 1 tấc, Côn-lôn 5 phân, Đại-trường-du 5 phân, bình bổ bình tả lưu kim 30 phút. Cách nhứt châm trị 1 lần.

Trị bệnh đau lưng, vận động càng đau dữ (Thận hư yếu thống).

Thủ huyệt : Thận-du, Chí-thất ; phối hợp Mạng-môn, Ủy-trung.

Thủ pháp : Châm Chí-thất xoay vận kim từ 5 phân đến 1 tấc, châm xong thêm cứu, Ủy-trung châm từ 8 phân đến 1 tấc 5 phân, Mạng-môn 5-8 phân Thận-du châm xoay vào 1/2 tấc lưu kim 30 phút.

Trị nghiệm : 1) Anh Phú 39 tuổi, bệnh đau lưng, đi lâu làm lưng gù thì càng đau dữ dội, không muốn ăn, thường chỗ bộ thận đè đau, (Thận hư). Trị dùng huyệt Thận-du châm bổ, Ủy-trung bình bổ bình tả lưu kim.

Trị lần thứ 2 thêm Mạng-môn châm gia cứu.

Trị đến 14 ngày bệnh hoàn toàn bình phục hẳn.

2) Cô Ngọc 46 tuổi đau lưng kịch liệt, đi xa càng đau hung, bệnh thuộc Phong hàn làm đau lưng.

Trị dùng huyết Chi-thất, châm gia cứu. Huyết Ủy-trung bình bỏ bình tả lưu kim. Trị lần thứ 2 giảm hơi nhiều.

Tiếp trị lần thứ 3 thêm huyết Mạng-môn châm gia cứu.

Trị hai lần nữa bình hết hẳn.

Trị bệnh đau lưng 5 năm, ngồi không đứng dậy thẳng được.

Anh Thọ 33 tuổi bị bệnh đau lưng đã 5 năm nay mỗi năm cứ tiết trời lạnh thì đau, nay thêm cảm Thấp khí càng đau nặng, ngồi không thể đứng dậy thẳng lưng được.

Trị pháp: Châm Ủy-trung tả, Cứu Thận-du, Mạng-môn, Dương-quang, Tích-trung.

Kết quả: Lưng đứng thẳng được, còn hơi đau.

Trị tiếp 3 lần nữa y như trước bệnh hết hẳn.

Trị bệnh vì khum lưng làm việc lâu nên đau nhức.

Cô Lý 47 tuổi chỗ khớp xương lưng thứ 7, cổ cong lưng làm việc quá lâu nên không chuyển động được, thành đau kịch, bệnh đã hơn tuần lễ.

Trị pháp: Châm Thương-liêu, Hạ-liêu, Thử-liêu, Trung-liêu tả, Trường-cường châm gia cứu 3 tráng, Quang-nguyên-du, Tiểu-trường-du, Bàng-quang-du đều cứu 3 tráng,

Kết quả: Châm cứu xong giảm nhẹ, ngày sau chuyển động không đau.

Trị lần thứ 2: Tất cả các huyết trước đều cứu, thêm cứu Khi-hải, Quang-nguyên, 3 tráng, Thiên-xu, Thần-khuyết, Thủy-đạo 1 tráng.

Kết quả: Lưng hết đau, còn hơi khó chịu.

Trị tiếp 1 lần nữa bệnh hết hẳn.

Trị bệnh vì làm lụng, bị thương làm đau lưng dẫn đến đùi (bên mặt).

Anh Chí 36 tuổi vì chỉ ngồi làm việc quá phát đau lưng, dẫn đến đùi phía bên mặt đau nhức lâu không hết.

Trị pháp: Châm Ủy-trung tả, Cứu Thận-du, Mạng-môn, Hoàn-khiêu, Trường-cường đều 3 tráng.

Kết quả: Hết đau.

Trị lần thứ 2 (cách 12 ngày, vì hơi đau lại). Châm: Ủy-trung bỏ, cứu như trước.

Trị lần thứ 3 cách 2 ngày, Châm như trước thêm Châm Phục-lưu bỏ.

Kết quả : Hết hẳn.

Trị bệnh Thần kinh vai lưng đau.

Anh Nhơn năm trước đau bên vai trái dẫn đến san cổ, đến nay chạy đau đến cả lưng, có khi lên đến đầu nảo, phát ho.

Trị pháp : Châm Huyệt-khê tả. Cứu Đại-chùy, Phong-môn, Phế-du, Thận-du, đều 3 trảng, Mang-môn 1 trảng.

Kết quả : Ban đầu chỗ vai sưng, Châm rồi chạy đến vai sưng, trước ngực như có vật gì chạy khó chịu, nhưng qua ngày hôm sau lưng hết đau.

Trị lần thứ 2 Châm Trung-chủ, Côn-lôn. Cứu Đại-chùy, Phong-môn, Phế-du, Thận-du, Mang-môn đều 3 trảng.

Kết quả : Lúc trị cò đau, nhưng qua ngày sau các chứng hết hẳn, hết ho.

Trị bệnh đau lưng không nghiêng qua được và tê.

Bà hàng 50 tuổi đau lưng nằm ngồi không xoay được, chân bên trái tê đi đường vẫn đau nhức.

Trị pháp : Lấy ngón tay ấn mạnh tại huyệt Hoàn-khiêu bệnh như cảm thấy đau giảm, liền Châm tại đó, xoay vận kim tức thì bệnh như cảm thấy chạy rần đến chân hết tê hết đau.

Đêm ấy nằm chuyển xoay lưng được, sáng dậy hết đau hết tê luôn. (Bệnh này chân tê vì lưng đau, nên chỉ áp dụng 1 huyệt Hoàn-khiêu mà có kết quả).

Trị bệnh vì đi nhiều làm 2 chân sưng nhức (đã 10 ngày).

Anh Quốc 48 tuổi vì phải đi, chạy, làm công việc trong thời gian 26 ngày, nên hai chân chỗ mắt cá sưng nhức (cả trong ngoài đều sưng) bệnh đã 10 ngày.

Trị pháp : Bệnh này đau ngay chỗ huyệt Thân-mạch, lại vì đi nhiều làm gân bị thương nên áp dụng huyệt Thái-xung (thuộc gân) làm chủ.

Châm huyệt Thái-xung, Thân-mạch tả, rút kim ra chảy máu bầm đen. Cứu Tam-âm-giao, Túc-l-cốt, Thái-khê, Túc-bác-phong đều 1 trảng.

Kết quả : Chân mặt xẹp trước, rồi chân trái lặn lặn giảm.

Trị tiếp lần thứ 2. Trị như trên thêm Châm các Tĩnh huyệt ở chân ra máu. Bệnh hết hẳn.

Trị bệnh đầu gối đau đi không được.

Có Chân 24 tuổi, hai chân đau cứng từ lâu gối trở xuống tê đơ, chân đỡ lên thì đầu gối đau nhức.

Trị pháp : Châm Ủy-trung tả, Tuyệt-cốt hõ, Cứu Thận-du, Âm-lăng-tuyền, Dương-lăng-tuyền, Túc-tam-lý, Tam-âm-giao đều 3 tráng, Mạn-môn 1 tráng.

Kết quả : Chân đỡ lên được, đầu gối hết đơ, tê giảm mà phát ngứa, qua đêm sau phát nóng lạnh, dưới hông đầy đau.

Trị lần thứ 2 Châm Phong-phủ, Ủy-trung, Thái-xung, Côn-lôn, Tuyệt-cốt tả, cứu như trên thêm Túc-bác-phong.

Kết quả : Hông hết đau, còn ngứa, chân tê, đêm lại mặt nóng.

Trị lần thứ 3 Châm Phong-phủ tả, Thái-xung hõ, Cứu Dũng-tuyền, Túc-bác-phong, Thái-khê, Côn-lôn đều 3 tráng.

Kết quả : Đêm mặt hết nóng, tê giảm đi đứng tự nhiên, bệnh hết hẳn.

HẠT-TẮT-PHONG

Trị bệnh đầu gối sưng (chứng Hạt-tắt-phong).

Có Trinh 2 năm trước bị bệnh đầu gối 1 tháng rồi hết, qua năm sau đầu gối bên mặt đau, lần sưng lớn tức chứng Hạt-tắt-phong, ngày nhẹ đêm nặng, đầu gối đau dè càng đau dữ, khi đau thì tìm hồi hộp ; chân cong lại không được.

Trị pháp : Châm các huyết Lưỡng-tất-nhãn, Khúc-tuyền, Dương-lăng-tuyền, Âm-thị, Túc-tam-lý, Ủy-trung hõ, Phong-phủ, Tuyệt-cốt, Thái-xung tả, dùng điện dẫn trên các huyết.

Cứu Hoàn-khiêu 5 tráng, Phong-thị, Thận-du, Mạn-môn và các huyết châm trên đều 3 tráng.

Kết quả : Khi dẫn điện trên kim từ huyết Túc-tam-lý đến Tất-nhãn, đều không cảm giác gì (đây là chỗ tụ các độc bịnh), nhưng trên đầu gối dè không đau và duỗi ra được, sau lại cũng hết đau, 3 ngày sau lặn lần xẹp.

Trị tiếp lần thứ 2 cũng trị y như trên.

Kết quả : Hết sưng và xẹp hẳn, bình phục.

Trị bệnh đầu gối sưng, bắp thịt rút, toàn thân phát ngứa.

Bà Thành 58 tuổi bệnh hai khớp xương đầu gối đau nhức, cơ bắp chân co rút đau, toàn thân phát ngứa.

Trị pháp : Châm Thừa-sơn hõ, Nội-quang tả, Cứu Lưỡng-tất-

ahần, Túc-tam-lý, Khúc-tuyền, Âm-lãng-tuyền, Dương-lãng, Tuyết-cốt, Côn-lôn đều 3 trảng.

Kết quả : Khi Châm 2 huyết thì vụng châm, nhưng sau cứu trị thì tim yên và đầu gối hết đau, ngày sau chân mặt giảm, chân trái còn đau.

Trị lần thứ 2 cách 2 ngày trị như lần trước.

Kết quả : Chân trái cũng bớt.

Trị lần thứ 3 (hiện bệnh chân bớt đau nhưng tay mặt và vai đến cùi chỏ rần đau, tim hồi hộp) Cứu Ngoại-quang, Giải-khê, Khúc-tri, Kiên-ngung đều 3 trảng.

Kết quả : Tay hết đau, tim hết hồi hộp, nhưng toàn thân lại phát ngứa,

Trị lần thứ 4 Châm Ngoại-quang, Khúc-tri, cứu như trên.

Kết quả : ngứa giảm. Tiếp trị lần nữa như trên, thân hết ngứa và các chứng đều hết hẳn.

Trị bệnh khớp cùi chỏ sưng to làm mủ.

Cậu Đực 17 tuổi khớp cùi chỏ tay trái sưng đỏ lớn, có chỗ muốn ra mủ, chứng này vì trước cảm nhiệt phát sanh, bệnh đã 3 tháng.

Trị pháp : Châm Khúc-tri, Thiên-linh, Xích-trạch bổ, Hiệp-cốc, Đại-lãng, Uyển-cốt tả.

Kết quả : Khi châm cảm tê cứng, hơi dục, chỗ miệng ghẻ tự nhiên chảy nước vàng (nhỏ kim làm cho chảy mủ), ngày sau cùi chỏ hơi xẹp.

Trị lần thứ 2 y như trước, tiếp trị lần thứ 3, sưng giảm xẹp nhiều, nước vàng bớt chảy, nhưng trong xương còn đau,

Trị tiếp lần thứ 4 cũng như trước, hoàn toàn bình phục.

Lậu thương.

Vì vận động, lao lực quá sức làm thương gân cốt gọi là Lậu-thương làm đau các gân cốt, khớp xương, như ngón tay, nách, cùi chỏ, đầu mắt cá, cườm tay.

Trị pháp : Tùy bộ phận mà áp dụng huyết.

Cườm tay đau trặc châm : Dương-tri, Dương-khê, Hiệp-cốc.

Cùi chỏ đau trặc Châm Khúc-tri, Khúc-trạch, Tiều-bãi,

Đầu gối đau trặc châm Độc-lý, Thương-khưu, Dương-lãng-tuyền.

Mắt cá chân đau trặc Châm Thương-khưu, Giải-khê, Khưu-bư.

Như đề đau thì tại cuộc bộ A-thị-huyết châm, uốn sưng thũng

thì châm thêm cứu.

Trị bệnh tay chân tê (ma mộc).

Ông Thành 57 tuổi tay chân tê bên mặt nặng hơn, muốn làm bại bán thân, chân muốn sưng.

Trị pháp : Châm Phục-lưu, Tam-âm-giao, Khúc-tri, Thừa-sơn, Thái-xung bên mặt châm bổ, bên trái tả.

Kết quả : bên trái còn tê, bên mặt hết. Trị tiếp mấy lần nữa hết hẳn.

Trị bệnh này theo cách trị bệnh bán thân, bổ bên mặt tả bên trái có kết quả.

Phong-thấp tê.

Các chứng Phong thấp tê, tay chân hoạt động hơi khó khăn.

Thủ huyệt : Kiên-ngung, Khúc-tri, Hiệp-cốc, Hoàn-khiêu, Dương-lăng, Túc-tam-lý, Yếu-dương-quang, Tuyết-cốt, Ngoại-quang.

Cách gia giảm : Hàng thủ gia Quang-nguyên, Khí-hải, Tam-âm-giao, Túc-lâm-khấp, châm rồi thêm cứu,

Phong nhiều thêm Phong-thị, Cách-du, Đại-trử, nếu tim bời hộp thêm Thần-môn, Đại-lăng.

Thủ pháp : Kiên-ngung, Khúc-tri 1 tất 2 phân. Hiệp-cốc, 1 tất Hoàn-khiêu 2 tất 5 phân, Dương-lăng, Túc-tam-lý 1 tất, Yếu-dương-quang, Tuyết-cốt, Ngoại-quang 5 phân. Quang-nguyên, Khí-hải, 1 tất Tam-âm-giao, Túc-lâm-khấp 5 phân, Thần-môn, 3 phân, Đại-lăng 5 phân, Phong-thị 5 phân, Cách-du xiên ra ngoài, Đại-trử 5 phân.

Đều dùng bình bồ, bình tả pháp lưu kim 1 giờ. Cách 1 ngày trị 1 lần.

Trị chứng Tê, ngoài các huyệt : Ngoại-quang, Hiệp-cốc. Khúc-tri Phong-thị, Dương-lăng, Túc-tam-lý nên tùy bộ phận đau huyệt phối hợp.

TRỊ NGHIỆM :

Trị chứng Phong-thấp, cánh tay đau nhức.

Anh Nguyễn 30 tuổi mấy tháng trước vì đi biển làm nghề đánh cá quá lao lực lại bị lạnh làm đau cánh tay trái từ cùi chỏ trở ra đến ngón tay, vận động cơ duỗi đều đau, có khi đưa ra không cơ lại được hoặc cơ vào không đưa ra được.

Trị pháp : Châm Hiệp-cốc, Nhị-gian, Tam-gian. Dương-tri, Kinh-cự. Cứu các huyệt Khúc-tri, Thủ-tam-lý, Kiên-ngung.

Kết quả : Châm cứu xong hơi bớt, dễ chịu.

Trị tiếp 2 lần nữa y như trên bệnh hết hẳn.

Trị chứng Phong-thấp, lưng, chân đau nhức.

Bà Lâm 58 tuổi người tinh thần mệt mỏi, chân yếu vô lực. chỗ eo lưng thường đau ban đêm thường cảm nhận đau từ hông bên mặt chạy xuống đến chân, dùng thuốc không công hiệu.

Trị pháp : Chứng này thuộc chứng hư khiếm Phong thấp bệnh.

Châm Phong-trì, cứu Khúc-trì, Thận-du, Khí-hải, Quang-nguyên, Dương-lăng-tuyền, châm Âm-lăng-tuyền, Tam-âm-giao, Cưu Túc-tam-lý. Trong cho uống Thận-khí-hoàn.

Kết quả : Bớt dễ chịu. Sau trị tiếp 5 lần nữa y như trên, bệnh hết hẳn.

Trị chứng Phong-thấp đau chỗ xương bàn tọa.

Ông Sanh 50 tuổi mấy năm trước thường đau chỗ xương bàn tọa lên đến lưng, nên cả lưng chân đều đau tê nhức luôn, vì thường uống rượu nên thân thể gầy ốm, năm nay phát đau mỗi đêm ngủ dậy chỗ lưng càng đau kịch, rón gối dậy không nổi, lúc đau thì nằm lại hơi hộp khó chịu. Dùng đủ thuốc Đông, Tây trị Phong-thấp đều vô hiệu, đi rọi kiến không thấy trạng thái gì, sau lại đại tiện ra máu, thử nước tiểu thì không có hiện tượng gì, huyết áp cũng thường, sau đi trị Ngoại khoa cũng không có kết quả,

Nhờ người giới thiệu đi châm cứu trị.

Trị pháp : Châm các huyết : Ủy-trung, Thương-liêu, Thận-du, Mang-môn, kích thích nhẹ châm xong gia cứu mỗi huyết 3 tráng (trừ huyết Ủy-trung).

Đến trị lần thứ 2 cho biết tối lại ngủ sáng dậy bớt đau nhiều.

Trị y như trước. Từ ấy về sau không thấy lại trị nữa, cách mấy tháng gặp người bạn cho biết đã hết hẳn ngay từ ngay hôm sau nên không trị nữa.

Trị chứng Phong-thấp làm các khớp xương đau (Lịch-tiết-phong, Quang-tiết thống)

1) Ông Giáo-học 65 tuổi, bệnh chỗ khớp cùi chỏ đau nhức, ban đêm ngủ quên nghiêng qua đụng nhức chịu không nổi, tay không đưa cao lên được nên đánh răng cũng đau, bệnh đã 12 năm dùng đủ thuốc vô hiệu, gần đây lại phát thêm chỗ bàn tọa bên mặt đau, gối không được.

Trị pháp : Tay, châm Khúc-trị, Thũ-tam-lý (châm nhẹ kích thích 2 phút không lưu kim.

Chân, Châm Hoàn-khiên, Phong-thị, Dương-Lăng-tuyền kích thích 2 phút lưu kim 30 phút rút kim.

Trị tiếp châm cứu 4 lần, bệnh giảm 8/0 sau trị tiếp 2 lần nữa hoàn toàn hết hẳn không tái phát,

2.— Anh Phương 36 tuổi khớp xương cườm tay đau dùng Hồng hoa-du bóp hơi bớt nay lại đau nhức cườm tay mặt, tuần sau lại đau chỗ đầu gối và chỗ mắt cá chân mặt. Dùng Âu dược không công hiệu, sau đi Đông-y nhận là chứng Phong-thấp Lịch tiết phong nhưng uống thuốc cũng không kết quả, bây giờ đến châm cứu trị.

Trị pháp ; Dùng các huyết Kiên-ngung, Khúc-trị, Thũ-tam-lý, Hiệp-cốc, Nội-quang, Chi-cấu, Hoàn-khiên, Phong-thị, Dương-lăng-tuyền, Túc-tam-lý, Côn-lôn đều dùng trị cả 2 tay 2 chân, châm sau mỗi huyết đều gia cứu.

Kết quả : đau giảm nhưng chỗ mắt cá chân còn đau, trị tiếp 2 lần nữa y như trên, bệnh hết hẳn. đến nay 2 năm không tái phát.

3.— Ông Long 40 tuổi thường hay uống rượu bệnh Phong thấp đau khớp xương phía trong mắt cá chân và trên cườm chân, có lúc lại sưng đỏ nóng nhức khó chịu không cử động được.

Trị pháp : Châm Túc-tam-lý, Tam-âm-giao, Côn-lôn, Thái-khê, Trung-phong, Thương-khưu, Khưu-hư, Chiếu-hải, Thân-mạch, áp dụng trước tác thuật bệnh như cầm giác tê cả, lưu kim ít phút rồi trực tiếp cứu 2 tráng.

Kết quả : bớt nhức. Sau y như trên trị tiếp mỗi tuần trị 3 lần, trị cả thầy 5 lần bệnh hết hẳn, mấy tháng sau không tái phát.

4.— Ông Thu làm thợ vì vận động cánh tay mặt mãi và cũng vì quá uống rượu, nên phát bệnh đau khớp xương chỗ cườm tay có lúc phát sưng đau nhức.

Trị pháp : Châm Khúc-trị, Thũ-tam-lý, Ngoại-quang, Chi-cấu, Uvên-cốt, Hiệp-cốc, Trung-chữ, kích-thích, lưu kim ít, rồi trực tiếp cứu 1 tráng.

Trị tiếp 3 lần hết hẳn. khuyên đừng uống rượu, nhưng cách 2 tháng sau vì lại uống rượu nên đau trở lại, nên trị, cũng dùng huyết trị như trước, mấy lần nữa mới hết.

Kinh nghiệm trị các chứng Phong-thấp trên đây đều châm dùng thủ thuật trước tác và lưu kim (tiên tả) sau cứu (hậu bổ) đều có công hiệu mỹ mǎng.

PHONG THẤP KHƯỚC KHÍ.

Chứng Phong-thấp Khưốc-khí thường do hàng thấp hay Nội-thương thấp nhiệt phát sanh, chứng trạng thường làm cho chân tê yếu, sưng phù, cơ nhục đau. đầu gối sưng hoặc phản xạ yếu, chứng nặng làm tim hồi hộp, ngực đầy, có khi phát nóng lạnh. Chứng trạng thường phân ra ba loại sau đây :

Cần tánh khưốc-khí : chân vô lực yếu, tê, khớp đầu gối co dục đau, có khi sưng, hoặc hình thể khô tiêu, người suy nhược có thể nguy đến tánh mạng.

Thấp tánh khưốc-khí : chứng phát sưng phù, làm như bị thũng đại tiện bí, như thũng xẹp thì cơ nhục ốm teo.

Xung tâm khưốc khí : chứng này rất nguy hiểm, cũng phát như các chứng cần tánh. thấp tánh khưốc-khí nhưng làm tim đập mạnh, thở mệt bụng trướng, ác tâm ầu thổ, ăn uống không được, đại tiện bí. tiểu ít có khi nặng xung tâm nguy đến tánh mạng ngay.

Trị chứng này cũng phân ra cách trị khác nhau :

Cần tánh khưốc-khí : dùng các huyệt : Dương-lăng-tuyền, Âm-lăng-tuyền, Túc-tam-lý, Dương-phò, Huyền-chung, Côn-lôn, Thái-khé, Dũng-tuyền.

Thấp tánh khưốc-khí : dùng các huyệt : Phong-thị, Dương-lăng-tuyền, Túc-tam-lý, Dương-phò, Huyền-chung, Tam-âm-giao, Thừa-sơn (nếu nóng nhiều không nên cứu).

Xung tâm khưốc khí : Cứu các huyệt Phong-thị, Túc-tam-lý, Huyền-chung, Thừa-sơn.

Vậy áp dụng những huyệt trên, tùy theo bệnh trạng mà dùng châm gia cứu, tùy cơ ứng biến.

Những phương trị nghiệm sau đây :

Anh Thái 48 tuổi làm nghề đánh cá bị bệnh chổ ống chân, cườm chân đau đến đầu ngón chân cái đã hơn 1 năm, cứ mỗi tháng đau 3, 4, lần không nóng không sưng, nhưng khi đau không cử động được đã dùng thuốc Tây tìm trị, nhưng chỉ đỡ không hết. sau nhờ châm cứu trị, tôi cho biết phải nhấn nạt trị 5, 6, lần mới kiến hiệu.

Trị pháp : Trước châm Dương-lăng-tuyền, Tam-âm-giao, Thái-

khê, Thương-khư, Trung phong, Đại-đô, Côn-lôn, Hành-gian, Thiên-ưng huyết. Cứu Dương-lăng-tuyền, Thương-khư, Thiên-ưng.

Kết quả : hết đau. Trị tiếp 3 lần nữa hoàn toàn hết hẳn, sau đã mấy tháng không tái phát.

Ông Đoan 54 tuổi hai khớp đầu gối đau nhức, không co duỗi được, trời mưa gió lại càng đau nặng đã trên tháng dùng đủ thuốc không công hiệu.

Hiện chứng trạng ăn uống như thường chỗ đau không sưng nhưng lấy tay đè thì đau khó chịu.

Trị pháp : Châm Dương-lăng-tuyền, Âm-lăng-tuyền, Tất-nhãn, Khúc-tuyền, Ủy-trung. Tất-quang và cứu Huyệt-danh, Tất-nhãn, Thiên-ưng.

Kết quả : hôm sau cò duỗi được. đau ít.

Trị lần thứ 2 Cũng trị như trước thêm cứu Dương-lăng, Âm-lăng, Khúc-tuyền 5 trảng, trị tiếp cả thấy 4 lần kết quả hết hẳn, không tái phát.

XXVII.— BỊNH NGOÀI DA. (BÌ PHU BỊNH)

Ngoài da rọ rạy như kiến bò.

Châm các huyết : Khúc-tri, Thần-môn, Hiệp-cốc, Tam-âm-giao.

Phong độc chặn-khỏi.

Toàn thân nổi đỏ từng vệt, có cục phát ngứa, phát nóng có khi sưng phù hoặc lặn rồi phát lại.

Dùng các huyết : Can-du, Cách-du, Đại-trường-du, Kiên-ngung, Khúc-tri, Huyết-hải, Tam-âm-giao.

Hoặc dùng các huyết : Khúc-tri, Dũng-tuyền, Khúc-trạch, Hiệp-cốc, Ủy-trung, Hoàn-khiêu, Huyết-hải, Cách-du, Chí-âm.

Thấp chân.

Ngoài da nổi như Hoa phấn, nổi cục, hoặc chảy nước, hay có mụn ngứa, đêm không ngủ được, có khi phát từng cuộc bộ như : Đầu, mặt, tay, chân.

Dùng các huyết : Ủy-trung, Hiệp-cốc, Ngoại-quang, Huyết-hải, Cách-du, Tam-âm-giao.

Cách 2,3 ngày châm trị 1 lần.

Phân ra cuộc bộ như sau : Như ở chân dùng các huyết : Ủy-trung, Khúc-tri, Huyết-hải, cứu chỗ bệnh.

Như ở tay ; Châm các huyết : Đại-chùy, Trung-chữ, Hiệp-cốc, cứu chỗ bệnh.

Dưới ống chân châm Ngoại-khư, Tam-âm-giao, Giải-kê.

Bộ phận trên châm Phế-du, Khúc-trì, Chi-cấu, Đại-lăng, Hiệp-cốc.

Phong chẩn : Châm Khúc-trì, Huyết-hải, Ủy-trung, Phế-du.

Bên thân sanh ghẻ châm Khúc-trì, Hiệp-cốc, Tam-lý, Tuyết-cốt, Kiên-ngung, Khúc-trạch, Ủy-trung, Hoàn-khiêu, Huyết-hải, Dũng-tuyền.

GHỀ NGỬA :

Dùng các huyết chủ yếu : Châm các huyết : Khúc-trì, Chi-cấu, Đại-lăng, hiệp-cốc, Hậu-kê, Dương-kê, Dương-cốc, Ủy-trung, Tam-lý, Dương-phò, Côn-lôn, Hành-gian, Cách-du.

Hoặc châm các huyết : Khúc-trì, Huyết-hải, Hiệp-cốc, Tam-lý, Ủy-trung, Hành-gian, Hậu-kê, Phế-du. Cứu các huyết : Khúc-trì, Cách-du, Lao-cung, Đại-lăng.

Thần kinh tánh bì phụ bệnh.

Toàn thân phát ngứa bắt gãi đến chảy máu mới đã ngứa, thường người lớn tuổi hay phát chứng này, có khi mùa đông phát, mùa hạ hết hay ngược lại, có khi phát như ghẻ ngứa, thấp chân.

Dùng các huyết : Đại-chùy, Hiệp-cốc, Khúc-trì, Hoàn-khiêu, Túc-tam-lý, Tam-âm-giao, Huyết-hải, Ủy-trung, Can-du. Cứu Huyết-hải, Cách-du, Khúc-trì.

Phong-đơn. (Da nổi phong ngứa như phát Đơn, Phung).

Cả mình nổi có cục phát ngứa như Đơn, Phung.

Anh Văn 34 tuổi, ban đêm phát ngứa cùng mình da nóng, tay gãi luôn, cả mình đỏ rần.

Trị pháp : Châm Khúc-trì, Đại-chùy, Phong-phủ tả.

Kết quả : Khi châm thấy dễ chịu, chưa rút kim ra, người khó chịu xin nằm (phản ứng vụng châm) giải vụng châm, các huyết đương châm xoay bỏ lại rút kim, tỉnh lại thì hết ngứa hết nóng, da lần lần bớt đỏ, đêm ấy về nhà lòng bàn tay phát nóng.

Trị tiếp 1 lần nữa y như trên. Bệnh không phản ứng nữa, sau hết hẳn.

Bệnh toàn thân phát nổi cục ngứa, chân sưng phù.

Cháu Khương 12 tuổi toàn thân nổi cục đỏ, nơi bụng cũng có, chân sưng phù nề như Thủy thũng, phát ngứa gãi, trên mặt sanh ghẻ.

Trị pháp : Châm Khúc-tri, Đại-chùy, Hiệp-cốc, Tam-âm-giao, Huyết-hải tả.

Kết quả : Khi châm làm vụng châm ra mồ hôi đầm dề, giải rồi bệnh lần lần giảm, chân bớt sưng, mặt hết ngứa.

Trị lý : Bệnh này độc nhiều nên khi châm tả, độc phát ra làm vụng châm đổ mồ hôi đầm dề, giải dùng thuốc thổi mũi cho nháy mũi liên thính, thì bệnh tiêu trừ hết hẳn. Còn bệnh trên vì độc công lên nên cũng phản ứng vụng châm, nhưng hai bệnh đều kết quả hết bệnh. Vậy đây cũng là kinh-nghiệm nên nghiên cứu trong khi lâm sàng trị bệnh.

Trị bệnh ghê ngứa, độc phát nổi hạch ở nách.

Cháu Dương 12 tuổi phát ghê ngứa gãi trầy cả, phía bên nách bên mặt lại nổi hạch sưng nhức, tay không đưa lên được,

Trị pháp : Châm Khúc-tri, Lao-cung tả.

Kết quả : ngày sau hạch xẹp, tay đưa lên được, ghê lần lần hết.

Trị toàn thân phát ghê ngứa nhức nhối khó chịu:

Cô Dần 36 tuổi thân phát ghê ngứa nhức nhối khó chịu.

Trị pháp : Châm Khúc-tri, Lao-cung tả. Kết-quả giảm ít.

Trị lần thứ 2 như trên không thay đổi.

Trị lần thứ 3 như trên thêm Tam-âm-giao, Liệt-khuyết tả.

Kết quả : bệnh nhẹ hết hẳn.

Bệnh hai tay phát ghê ngứa đã 7 tháng, thêm phía sườn đau.

Ông Thanh 61 tuổi hai tay phát ghê ngứa đã 7 tháng không hết thêm phía sườn trái lại đau.

Trị pháp : Châm Khúc-tri, Nội-quang, Tam-âm-giao tả. Cứu Kỳ-môn, Chương-môn và chỗ đau 3 tráng.

Kết quả : ghê bớt ngứa, chỗ sườn hết đau.

Trị lần thứ 2 như trên bệnh hoàn toàn hết hẳn.

Bệnh đầu gối phát ghê chảy nước vàng.

Anh Phước 22 tuổi chỗ đầu gối phát ngứa, sưng chảy nước vàng dùng đủ thuốc không công hiệu.

Trị pháp : Châm Khúc-tri, Đại-lăng, Tam-âm-giao, Khúc-tuyền tả.

Kết quả : giảm phân nửa.

Trị lần thứ 2 y như trên. Bớt ngứa, ít nước vàng.

Tiếp trị lần thứ 3 cũng như trên, kết quả hết hẳn.

Bệnh đầu sanh ghê gần 20 năm không hết,

Anh Bách 37 tuổi đầu phía trước trắng, và sau đầu sanh ghê gần 20 năm có khi phát nóng, công lên đầu làm xoay xâm tinh thần mệt.

Trị pháp : Châm Phong-phủ, Khúc-trì, Tam-âm-giao, Đại-lăng, Khúc-tuyền, Hiệp-cốc tả.

Kết quả : ghê khô bớt.

Trị tiếp lần thứ 2, 3, như trên bệnh giảm nhiều.

Trị luôn đến lần thứ 10 bệnh mới hoàn toàn hết hẳn.

Trị bệnh Thấp-chấn (Thế-giới Châm cứu Y-học-tập chỉ số 2.)

Ông R người Pháp 40 tuổi phục-vụ ở Bệnh-viện Pháp, bệnh thấp xang ngứa gãi hoài, trên da nổi mụn đỏ, vì làm việc trong Bệnh-viện quá nóng nực lại càng ngứa gãi luôn.

Trị pháp : Châm Xích-trạch, Liệt-khuyết (2 huyết), Uỷ-trung, Quang-xung lưu kim 15 phút mới lấy.

Kết quả : Châm xong bệnh nhưn dễ chịu, tự nhận như có hơi gió thổi chỗ cách tay lạnh, sau về nhà phát ngứa trở lại nhưng ít hơn, qua 3 hôm sau bệnh trở lại ngứa như cũ.

Trị lần thứ 2. Trị như trên, bệnh nhưn cũng cảm nhận như lần trước nhưng đến Bệnh-viện làm việc nửa giờ không phát nữa, về nhà tối ngủ yên không ngứa, qua 3 ngày sau đi làm việc như thường da trở nên hồng hào hết ngứa.

Ngày thứ 4 đến Bệnh-viện làm việc trong 4 giờ tự nhiên lại phát rất khó chịu, rồi bứt ngứa gãi đến chảy nước.

Bảy giờ lập tức dùng các huyết như trước châm trị. Khi châm trong 5 phút thì bệnh nhưn cảm nhận dễ chịu, lần lần hết hẳn, và từ ấy về sau không hề tái phát nữa.

XXVIII BỆNH VỀ NGŨ QUANG MẮT, TAI, MŨI, MIỆNG

A.—BỆNH MẮT.

Bệnh mắt có mây thấy không rõ.

Anh Sâm 37 tuổi, năm trước mắt bên trái không thấy rõ, năm nay sang luôn qua mắt bên mặt, hai mắt đều có mây dày không thấy.

Trị pháp : Châm Ngư-yêu tả, thích Thái-dương, Nhĩ-tiêu, Chi-âm tả máu. Cứu Dương-bạch. Đại-tiêu cốt-không, Lâm-khấp.

Kết quả : Châm cứu xong bệnh nhưn hơi thấy.

Trị lần thứ 2 Cách ngày sau trị như trước, Kết quả thấy chữ to trên tờ báo (HÒA BÌNH).

Trị lần thứ 3 Châm Thượng-tinh, Toán-trúc, Tinh-minh tả, thích Chi-âm, Nhĩ-tiêu ra máu. Cứu như trước.

Kết quả thấy khá, có thể thấy vật trong nhà, nhưng nếu chói ánh sáng lắm thì không thấy.

Trị lần thứ 4 như trên.

Trị lần thứ 5 Châm Thượng-tinh, Toán-trúc, Phong-phủ, Hiệp-cốc Quang-minh tả. cứu như trên.

Kết quả khi rút kim huyết Quang-minh ra máu bầm đen, ngày sau thấy rõ hơn, xem báo gần được.

Trị lần thứ 6. Châm Ngự-yêu, Thượng-tinh, Phong-phủ, Toán-trúc, Hiệp-cốc, Quang-minh tả, cứu như trước.

Kết quả : Thấy khá hơn.

Trị lần thứ 7 y như trên.

Qua 5 ngày sau đến trị lại cho biết đã thấy rõ nhiều, thấy ánh sáng cũng được, xem gần thấy được chữ nhưng gần lắm (1 tấc) không thấy rõ.

Trị lần thứ 8 như trên.

Kết quả nhiều hơn có thể thấy người ở xa, nhận biết được.

Trị lần thứ 9 như trên. Kết quả hôm sau tự đi lại trị bệnh không cần người dẫn như những lần trước nữa.

Trị lần thứ 10. Kết quả hoàn toàn bình phục như cũ.

Bệnh Mất có mây trắng, 20 năm không thấy rõ người đối diện.

Ông Phước 54 tuổi hai mắt đều có mây trắng dày 20 năm nay, đối diện người ngồi trước mặt cũng không nhận rõ, trời lạnh hay chảy nước mắt.

Trị pháp : Châm Ngự-yêu, Toán-trúc, Tinh-minh tả.

Kết quả sau khi châm trị về nhà thấy được chỉ tay.

Bệnh hai mắt không thấy rõ, không dám bước đi 1 bước.

Có Trương 45 tuổi hai mắt bị mây che không thấy đường, 1 bước không đi được rất khổ sở.

Trị pháp : Châm Ngự-yêu, Toán-trúc tả, thích Nhĩ-tiêu, Chi-âm ra máu. Cứu Đại-tiêu cốt-không 7 trắng.

Kết quả 2 mắt hơi thấy ánh sáng. thấy người.

Trị lần thứ 2 trị như trên. Kết quả thấy đường tự đi lại trị.

Trị lần thứ 3 cũng trị như trên.

Kết quả Thấy rõ và đi làm lung được.

Bệnh mắt bên mặt không thấy, mắt trái mới kéo mây mờ.

Cô Dương 44 tuổi mắt bên mặt không thấy rõ đã 1 năm, mắt bên trái bây giờ đau kéo mây không thấy rõ, dùng đủ các thứ thuốc vô hiệu.

Trị pháp : Châm Toán-trúc, Ngự-yêu, Đồng-tử-liêu tả. Cứu Dương-bạch, Ế-phong, Lâm-khấp.

Kết quả ; Trị xong thấy ánh sáng.

Trị lần thứ 2 Châm cứu như trên ; châm xong chảy nước mắt hơi nóng, thấy được vật, thấy được người.

Trị lần thứ 3 trị như trên,

Kết quả : mắt bên mặt nay thấy được người, mắt bên trái thấy rõ hơn.

Bệnh mắt sưng nhức, trông đen hư.

Cô Tiên 38 tuổi mắt bên mặt sưng đau nhức đã 24 ngày, gần đây trông đen như bị phá, nhức đến cả miệng cả răng.

Trị pháp : Châm Tinh-minh, Ngự-yêu, Toán-trúc, Hiệp-cốc, Túc-tam-lý, Khưu-hư (dùng 1 buyet) tả, thích Tư-trúc-không, Nhi-tiêu, Lệ-đoài, Ấn-bạch ra máu.

Kết quả : Không phản ứng gì.

Trị lần thứ 2 như trên cũng chưa có kết quả gì.

Trị lần thứ 3 Châm trị như trên thêm Trung-xung, Quang-xung, Thiếu-xung, Thiếu-trạch, Đại-đôn, Chí-âm, Khiếu-âm đều ra máu.

Kết quả : Mắt hết đau nhức, răng miệng cũng hết ; nhưng lại phát lạnh.

Trị lần thứ 4 Y như trên. Kết quả, hết phát lạnh, trông đen như thâu nhỏ lại.

Trị tiếp 3 lần 5, 6, 7, đều trị như trên.

Kết quả : Trông đen thâu vào không lồi ra ngoài nữa, mắt hết sưng.

Trị lần thứ 8, 9, cũng trị như trên,

Kết quả : Trông mắt trở lại bình thường, cũng hết sưng, chỉ còn hơi đỏ.

Trị lần thứ 10 Châm Hiệp-cốc, Thái-dương, Đồng-tử-liêu, Tinh-minh, Phong-tri tả, thích Tư-trúc-không, Thương-dương ra máu.

Trị lần thứ 11, 12, 13, như trên.

Kết quả : Hết sưng hết trướng.

Trị lần thứ 14. Châm Thái-dương, Hiệp-cốc, Xích-trạch, Ngư-yêu thích Tư-trúc-không, Thương-dương, Thiếu-thương ra máu.

Kết quả : hết sưng nhưng trong trông lâu lâu lại đau, trông trắng còn đỏ.

Trị lần thứ 15 Châm Thượng-tinh, Thái-dương, Hiệp-cốc, Đồng tử-liên. Tinh-minh tả, châm Tư-trúc-không ra máu.

Kết quả : hết đau nhức.

Trị lần thứ 16 như trên thêm Khưu-hư, Thái-xung, Xích-trạch tả,

Trị lần thứ 17 cũng như trên,

Kết quả : Hết sưng thũng, bình phục hẳn nhưng vì trông đen hư bề nên phải chịu tật.

Bệnh mắt sưng nhám không mở được.

Cháu Minh 10 tuổi hai mắt sưng nhám không mở được, trông mắt có gân máu, mắt bên trái nặng hơn, bệnh đã 1 tháng dùng đủ thuốc đều vô hiệu.

Trị pháp: Châm Tinh-minh, Toán-trúc, Ngư-yêu, Thượng-tinh, Hiệp-cốc tả; thích Tư-trúc-không, Nhi-tiêu, Ân-bạch, Lệ-đoài ra máu.

Kết quả : giảm nhẹ hơn, mở mắt được

Trị lần thứ 2 Trị như trên hết nhức.

Trị lần thứ 3, 4, cũng trị như trên. Kết quả trông mắt bớt gân máu, mắt hơi thấy được,

Trị lần thứ 5 như trên.

Kết quả, Gân máu tan nhiều, hai mắt hết nhức, ngày sau thấy rõ hơn.

Trị lần thứ 6 cũng trị như trên, mắt mở được to.

Trị lần thứ 7 cũng trị như trên.

Kết quả : Mắt mở thấy ánh sáng, mắt bên trái chưa thấy rõ.

Trị lần thứ 8, 9, cũng như trên mắt nhẹ nhiều, mắt bên mặt thấy rõ hơn nhưng bên trái chưa thấy rõ lắm.

Trị lần thứ 10, 11 cũng y như trên, không dùng Ân-bạch, Lệ-đoài.

Kết quả bệnh hết hẳn.

Bệnh hai má sưng nhức và đau đầu.

Cô Cúc 32 tuổi hai mắt sưng đỏ nhức không dám mở, trông trắng nổi lên làm nó nhức, lại nhức đầu, ban đêm đau khóc cả đêm không ngủ được.

Trị pháp : Châm Ngư-yêu, Toán-trúc, Tinh-minh tả.

Kết quả : hết sưng hết nhức mở mắt được, chỉ còn gân máu. Ngày hôm sau lần lần hết hẳn.

Bệnh nhức đầu mắt có mây. Đầu phong hoán nhân.

Cô Ngọc 46 tuổi trước thường đau đầu hai bên Thái-dương đã 7, 8 năm mắt bên mặt không thấy rõ, 3 năm nay sang qua mắt bên trái đau, khi nhức đầu nặng thì phát đau mắt, đau nhẹ thì phát nhức.

Trị pháp : Châm Ngự-yêu tả. Toán-trúc, Tinh-minh bồ, cứu Đại tiều cốt-không, Dương-bạch, Phong-tri, Lâm-khấp 3 trảng.

Kết quả : Sau 2 ngày mắt lần lần rõ, đầu mắt hết đau.

Trị lần thứ 2, trị như trên.

Kết quả Mây trắng tan dần, hơi thấy rõ hơn trước.

Trị lần thứ 3 y như trước thêm cứu Hiệp-cốc, Mây bớt, nhưng phát ngứa.

Trị lần thứ 4, trị như lần thứ 1 gia thêm Phong-tri (bên trái) châm tả.

Kết quả Châm xong hết ngứa, ngày sau gân máu cũng bớt.

Trị lần thứ 5 cũng như lần thứ 1, kết quả mây tan nhiều.

Trị lần thứ 6 cũng như lần thứ 1 nhưng các huyết chỉ cứu 1 trảng.

Kết quả hoàn toàn bình phục, đau đầu cũng hết luôn.

Bệnh mắt kéo mây đã 20 năm, không thấy rõ.

Cô Hội 44 tuổi cứ mỗi đêm phát đau bụng cảm giác hơi nóng xông lên đầu. hai bên Thái-dương nặng đau khó chịu, vì vậy mắt lại kéo mây không thấy, chảy nước mắt, bệnh trên 20 năm.

Trị pháp : Châm Ngự-yêu, Toán-trúc, Tinh-minh tả. Cứu Dương-bạch, Lâm-khấp, Phong-tri, Ấp-phong, Ngự-yêu, Toán-trúc 1 trảng.

Kết quả : Châm xong đầu khoan khoái hết đau, mắt cũng hơi rõ.

Trị lần thứ 2. Mắt bên mặt nặng. Châm Đồng-tử-liêu, cứu như trước.

Kết quả Châm xong đầu khoan khoái, mắt thấy rõ.

Mắt bị thương phát kéo mây không thấy rõ.

Ông Thiên 56 tuổi mắt bên trái bị thương sanh mây trắng, sưng nhức không thấy rõ.

Trị pháp : Châm Ngự-yêu, Toán-trúc tả.

Kết quả mắt sáng tự nhiên hết mây bệnh hết hẳn.

Mắt ngó như có điểm đen không thấy rõ.

Bà Sanh 68 tuổi mắt ngó trước mặt như có điểm đen không thấy

Trị pháp : Châm Ngưu-yêu, Toán-trúc tả.

Kết quả : ngó thấy rõ xỏ kim mấy được.

Trị lần thứ 2 Châm Tinh-minh.

Kết quả : Thấy rõ hết điểm đen, bình phục hẳn.

Trị Mát Quáng gà. Ban đêm không thấy rõ.

Anh Nhiên 42 tuổi, mắt ban đêm không thấy rõ, bệnh đã 2 tháng lại có bệnh đau chỗ ở tim hơn 1 năm.

Trị pháp : Châm Nội-quang, Thượng-uyên, Túc-tam-lý, Tinh-minh.

Kết quả : mắt tỏ ban đêm thấy, tim hết đau.

Trị lần thứ 2 Y như trên, bệnh hết hẳn.

Trẻ con bệnh mắt vàng, đêm không thấy rõ.

Cháu Hoa 5 tuổi, da mặt vàng, mắt trông trắng vàng, nước tiểu đỏ, đại tiện táo, mặt và tay chân thũng, mắt không thấy rõ bệnh đã 6 tháng. (Bệnh này là bệnh đau Gan phát vàng thũng, và đau mắt).

Trị pháp : Châm Chí-Am. Ấn-bạch ra máu. Cứu Chí-dương, Thận-du, Hổm-du, Tý-du, Thái-khê, Tam-âm-giao đều 1 trảng.

Kết quả : Mắt xẹp. hết sốt, ấn được.

Trị lần thứ 2 cách 3 ngày châm như trên. Cứu thêm Phục-lưu 3 trảng.

Kết quả Chân hết thũng.

Trị lần thứ 3 Châm Thiếu-thương, Hiệp-cốc ra máu. Cứu Phế-du Phong-môn, Chí-dương, Can-du, Tý-du, Thận-du, Quang-minh đều 1 trảng, Đại-tiểu-cốt-không 2 trảng.

Kết quả : Thũng xẹp.

Trị lần thứ 4 Trị như trên. Kết quả đêm thấy rõ, bệnh hết hẳn.

Bệnh già mắt mờ.

1) Ông Xuân 59 tuổi, mắt bên trái gần đây cứ sau 12 giờ trưa mờ thấy không rõ.

Trị pháp : Châm Phục-lưu, Phi-dương, Tinh-minh bổ, Toán-trúc tả. Cứu Can-du, Thận-du 3 trảng, Mệnh-môn 1 trảng.

Kết quả Mắt hết hoa, ban đêm giảm nhiều.

Trị lần thứ 2 như trên. Bệnh hoàn toàn bình phục.

2) Bà Lý 80 tuổi mắt hoa, đầu xoay xảm, có lúc đi muốn té.

Trị pháp : Châm Bách-hội tả, Túc-tam-lý bổ.

Kết quả Mắt thấy rõ, đầu hết xoay xảm.

Mắt có mọng không thấy rõ.

Cô Anh 36 tuổi bình hai mắt đỏ kéo máy, mắt bên trái sưng, chỗ con ngươi có 1 cái mụt mọng như hạt bắp trắng, không thấy rõ.

Trị pháp : Châm Tinh-tinh, Thái-xung, Hiệp-cốc tả, Tư-trúc-không, Nhi-tiêu ra máu ; kết quả mọng tiêu, mắt bên trái thấy rõ.

Trị lần thứ 2 như trên trừ Thái-xung.

Kết quả bệnh hết không trị nữa.

Bệnh khốc mắt lở loét.

1) Anh Phát 36 tuổi mắt bên mắt khốc trong lở chảy mủ, mỗi ngày đều chảy nước mắt, dùng đủ thuốc không công hiệu.

Trị pháp : Châm Tinh-minh, Hiệp-cốc tả.

Kết quả mủ bớt và cũng giảm sưng nhức.

Trị lần thứ 2 Hết mủ hết sưng nhức, còn chảy nước mắt.

Trị tiếp 3 lần nữa bình phục hẳn.

2) Cháu Phú 9 tuổi 2 mắt khốc đỏ lở loét đã 15 ngày (bệnh trước sau phát đi phát lại nhiều lần)

Trị pháp : Châm Tinh-minh, Thái-hạch tả, cứu Đồng-tử-liêu 1 trảng.

Kết quả hết lở. Tiếp trị 1 lần nữa hết hẳn.

3.— **Mý mắt dưới sưng lở có mủ.**

Anh Tài 27 tuổi mắt bên mắt mý dưới sưng đỏ phía ngoài có điểm đen.

Trị pháp : Châm Tinh-minh, Hiệp-cốc, Tam-ly, Đại-bào tả, Ân-bạch, Lệ-đoài ra máu. **Kết quả** mắt hết sưng nhức, lần lần hết hẳn.

4.— **Mý mắt trên lở loét.**

Cháu Lập 11 tuổi mý mắt trên như sanh ghê sưng chảy nước mắt, buổi mai nhức không nháy mắt được.

Trị pháp : Châm Tinh-minh tả.

Kết quả : châm vào cảm giác tê đến mắt, liền hết nhức, mắt nháy được ngày hôm sau bệnh hết hẳn.

Mắt hay chảy nước mắt sống.

Ông Tân 63 tuổi hai mắt sáng đến trưa hay chảy nước mắt sống buổi chiều lạnh hết, dùng nước nóng rửa không dùng nước lạnh được, nhỏ thuốc lạnh thì càng nặng hơn.

Trị pháp : Châm Thái-xung, Phong-trì, Tinh-minh tả.

Kết quả ngày sau giảm. Bệnh này dùng các huyết khác không công hiệu mà áp dụng các huyết này trị 3 lần hết hẳn.

Bệnh trông mắt lồi ra ngoài (mắt lộ).

Ông Tin 56 tuổi mắt bên trái trông mắt sưng nổi cao lộ ra ngoài mà không nhắm lại được, thấy vật gì cũng lòa, hai bên thái-dương nhức, đầu xoay xâm chân bên trái tê đau, Huyết áp đo lên 15. (Bệnh đau mắt kim Áp huyết cao).

Trị pháp : Châm Phong-phủ, Phong-tri, Toán-trúc, Ngự-yêu, Thượng-tinh, Hiệp-cốc tả. Cứu Bách-hội, Tiễn-dãnh, Thần-dinh, Nhĩ-tiêu, Ấ-phong, Thái-dương đều 1 trảng.

Kết quả : Đầu hết xoay xâm, nhưng đầu cổ lại phát ngứa, chảy nước mắt nhưng mắt lại tỏ hơn, ngày sau đầu khô bớt đau nhiều.

Trị lần thứ 2 như trước, mắt bớt sưng.

Trị lần thứ 3 cũng trị như trên.

Kết quả Từ đầu và nửa thân người đến đầu gối phía bên trái đều phát ngứa. (Trị 2 lần này bệnh lại phát như thế là vì bị cảm nhiễm âm thấp nhiều, nên muốn phát bệnh Bán-biên Não-xuất-huyết đó là do Động-mạch Não căn).

Trị lần thứ 4 cũng trị y như trước. Kết quả đầu giảm nhẹ.

Trị lần thứ 5 cũng y như trước. Kết quả sau hết ngứa, mắt trở lại bình thường.

Trị lần thứ 6 Châm Xích-trạch, Thái-xung, Phong-phủ, Phong-tri, Tinh-minh bên trái tả, thích Tư-trúc-không, Nhĩ-tiêu ra máu.

Kết quả : Các chứng giảm.

Trị lần thứ 7 (hiện bán thân và đầu phát ngứa). Châm trị như trên thêm Phục-lưu bổ.

Kết quả : các chứng ngứa bớt nhiều (do châm huyệt Phục-lưu công hiệu).

Trị lần thứ 8 (hiện đầu còn xoay xâm, chảy nước mắt sống, chân tê.) Châm Tinh-minh, Toán-trúc, Ngự-yêu, Phong-phủ, Phong-tri, Thái-xung, Quang-minh tả, thích Tư-trúc-không, Nhĩ-tiêu ra máu.

Cứu Bách-hội, Tiễn-dãnh, Thượng-tinh, Thần-dinh đều 3 trảng, Thái-dương 1 trảng. Kết quả : Chân hết tê trông mắt gần đỏ nay chuyển đen.

Trị lần thứ 9 Trị như trên.

Kết quả mắt lồi ra đã thâu vào, mày trên thấy rõ (trước vì trông lộ cao đội mày lên, nay hết) bán thân phát ngứa giảm.

Trị lần thứ 10, 11, 12, cũng y như trên.

Kết quả Các chứng giảm bớt ngứa, mắt trong nhưng chưa xẹp bằng phần.

Trị lần thứ 14. Châm Phong-trị, Tinh-minh, Toán-trúc, Ngư-yêu, Thái-xung, Quang-minh, Địa-ngũ-hội tả,

Kết quả : Mắt xẹp vào hết,

Trị lần thứ 15, 16 cũng trị như trên.

Kết quả bệnh giảm đến 2/3.

Trị lần thứ 17 Châm Phong-phủ, Phong-trị, Hành-gian, Quang-minh, Tinh-minh, Ngư-yêu, Toán-trúc, Hiệp-cốc. Cứu Bách-hội, Thượng-tinh, Thần-đỉnh, Ấp-phong đều 3 trảng, Thái-dương 1 trảng.

Kết quả mắt hết đau.

Trị lần thứ 18 Châm Xích-trạch, Thượng-tinh, Địa-ngũ-hội, Phong-phủ, Hiệp-cốc tả, cứu như trên.

Kết quả. Mắt xẹp và bình phục hẳn.

Mắt lộ trông lại như cũ mắt.

Cháu Trinh 15 tuổi mắt bên trái đỏ bầm sưng nhức không mở được, trông đen đã lộ (lồi cao lên) nhức cả nửa bên mặt, phát lạnh.

Trị pháp : Châm Ngư-yêu, Hiệp-cốc, Quang-minh, Phong-trị, Nội-quang, Tư-trúc-không. Chích-âm, Khiếu-âm, Đại-đôn, Nhi-tiêu ra máu.

Trị lần thứ 2 cũng trị như trên.

Kết quả Bớt lạnh, mắt dễ chịu bên mặt đau giảm,

Trị lần thứ 4, 5, 6, đều y như trên.

Kết quả. Các chứng giảm, hết chảy nước mắt, bớt đỏ.

Trị lần thứ 7, 8, cũng như trên.

Kết quả : Tròng đen xẹp hết lộ ra ngoài, mắt hết nổi gân đỏ.

Trị tiếp 1 lần nữa bệnh hoàn toàn bình phục.

Bệnh mắt không thấy rõ vì Não bị thương.

Cháu Huỳnh 14 tuổi mắt không thấy bệnh đã 4 tháng, cháu vì trên lần té xuống rồi hôn mê, Não bộ bị thương, sau trị hết rồi thì hai mắt lại không thấy, dùng đủ các thứ thuốc Đông Tây không công hiệu.

Trị pháp : Châm các huyệt Toán-trúc, Tinh-minh, Tư-trúc-không, Đồng-tử-liêu, Quang-minh, Thận-du, Can-du.

Lần thứ 2 Châm Tinh-minh, Đồng-tử-liêu, Tư-trúc-không, Thái-dương, Thừa-khấp, Tử-bạch, Can-du (gia cứu Can-du).

Cách mỗi ngày châm trị 1 lần, hai phương này thay đổi trị liên tiếp 20 lần, trong uống thêm thuốc Kê-can Da-minh-sa tán, mắt lần

lần thấy rõ bệnh phục hồi

Bệnh mắt mờ trên, dưới sưng lở loét có vảy lâu không nhẹ
tục gọi là chứng Huyền-phong (mắt bết)

Trị pháp : Châm Toán-trắc, Tinh-minh, Từ-bạch, Đồng-tử-liêu.

Cửu Đại-liêu cốt-không, và châm mỹ mắt ra máu.

Dùng phương thuật này liên tiếp trị, dầu bệnh lâu năm cũng
còn hiệu.

Mắt Cận thị.

Dùng phương pháp trị sau đây :

1. — Ngọc-châm, Đầu-duy.
2. — Tinh-minh, Thượng-tinh.
3. — Ngọc-châm, Thượng-tinh.
4. — Thiên-tru, Thái-dương.
5. — Khúc-sai, Phong-tri.
6. — Đồng-tử-liêu, Bách-hội.

Các huyết trên đây thay đổi châm trị ngày 1 lần hoặc 2 ngày 1
lần. 1 tuần nhứt hoặc 2 tuần làm 1 liệu trình. Bệnh nhẹ khỏi phục lại
được, nhưng nếu bệnh nặng lắm cũng khó công hiệu.

Áp dụng phương này đã trị nhẹ được 2 người (bệnh nhẹ) thời
gian châm trị 2 tuần nhứt mà hạ được độ kiến (Cận thị dùng kiến
3 độ sau khi trị trong 2 tuần thữ mắt lại có kết quả thay kiến 2 độ
rưỡi).

B. — BỆNH TAI.

Thính quán bế tắc.

Bệnh này vì Thính quán bế thường phát sanh trong tai có tiếng
kêu, nghe không rõ, kiểm tra thấy màng trống hãm vào trong, nếu
không trị thì ảnh hưởng đến Thính giác làm tai điếc.

Trị pháp : Dùng các huyết : Phong-tri, Huyền-ly, Nghinh-hương
Thính-cung, Khúc-tri, châm trị.

Màng trống tai bị thương.

Chứng này do các chứng Thính quán bế tắc, chứng sưng mũi,
sưng yết hầu dẫn phát ; làm tai ù nghe không rõ, chứng phát cấp
tanh thường nóng cao độ trong tai rỉ ra nước, trên màng trống có
thủy bào, bệnh lâu ngày thấy chứng giảm nhưng làm cho màng trống
có lỗ chảy mủ, nếu có phát nóng sốt nhiệt độ cao ắt thành bại chứng.

Trẻ con thường phát bệnh nặng làm toàn thân kinh dục.

Chứng này nếu lâu không hết thành Nhĩ-lậu, thính lực giảm dần thậm chí làm cho tai nhức, cả nhức đầu xoay xảm.

Trị pháp. Dùng các huyết : Phong-tri, Nhĩ-tiêu, Thính-cung, Ấ-phong, Thiên-dung, Thính-hội, Kiên-trung, Ngoại-du, Giáp-xa, Hiệp-cốc, Khúc-tri Túc-tam-lý, tùy châm cứu trị.

Trị bệnh đau tai dùng các huyết tổng trị.

— Bệnh nặng làm tai điếc : Châm nhẹ huyết Thận-du, châm kích thích mạnh Ấ-phong, Nhĩ-môn.

Không nghe được tiếng nhỏ. Châm các huyết : Thính-cung, Nhĩ-môn, Thính-hội, Phong-tri, Ấ-phong, Hiệp-khê.

— Tai sưng nhức : Châm các huyết : Ấ-phong, Túc-lâm-khấp, Dương-lăng-luyền.

— Sưng đỏ đau nhức châm các huyết : Thính-hội, Hiệp-cốc, Giáp-xa.

— Trong tai chảy mủ, nước vàng, châm các huyết : Hiệp-cốc, Lâm-khấp, Nhĩ-môn.

— Tai điếc thường dùng các huyết : Nhĩ-môn, Ấ-phong, Trung-chữ- Ngoại-quang, Túc-lâm-khấp, Hoặc châm Ngoại-quang, Thính-hội, Thính-cung, Nhĩ-môn, và thích huyết Thương-dương ra máu.

— Tai ù lưng bưng vì bệnh hư châm các huyết : Túc-tam-lý, Hiệp-cốc, cứu Tý-du, Thận-du, Túc-tam-lý.

Bệnh nhiệt làm tai ù châm các huyết Nhĩ-môn, Dịch-môn, Túc-lâm-khấp. Hậu-khê, Dương-cốc, Đại-lăng, Kim-môn.

— Thận kinh tạnh làm tai ù châm các huyết : Thính-hội, Thính-cung, Ấ-phong rồi châm Dịch-môn, Phong-tri, nếu chưa nghe rõ tiếng xa, cứu thêm Tâm-du 5 tráng.

Trị nghiệm bệnh tai lở 1 năm không hết.

Cô Lôi 40 tuổi bệnh tai bên mặt lở làm điếc đã hơn 1 năm, tai bên trái chảy mủ sưng nhức, điếc, đêm không ngủ được.

Trị pháp : Châm Thính-hội tả pháp xoay lưu kim.

Kết quả đêm ấy tai trái không nhức, ngủ được.

Trị lần thứ 2 châm Thính-hội tả, Thính-cung tả lưu kim.

Kết quả tai trái hết nhức và nghe rõ (tai mặt vì hư nên không trị).

Già tai hay ù, lưng bưng.

Ông Thành 64 tuổi già, nên tai hay lưng bưng đã hơn 1 năm, thường đến tiết Thu, Đông. bệnh lại càng nặng, thường cứ nghe như tiếng Phi cơ bên tai luôn.

Trị pháp : Châm Thỉnh-hội 2 huyết tả.

Kết quả : tai trái hơi bớt, tai mặt còn nặng. Nhưng vì đêm không ngủ được nên vẫn còn trở lại.

Trị lần thứ 2 châm Thỉnh-cung bổ, Ế-phong tả. Cứu Nhĩ-môn, Giác-tôn, Thận-du 3 trắng.

Kết quả trị xong tai bớt lưng bùng ngay.

Bệnh này vì thể hư sức già nên dùng bổ nhiều mới kết quả, nhưng cần phải bổ Thận, nên cứu bổ Thận-du công hiệu ngay.

C.— CÂM ĐIẾT.

Trị bệnh Câm Điết.

Thủ pháp trị liệu : Lần thứ nhất châm mạnh các huyết : Thỉnh-cung, Thỉnh-hội, Nhĩ-môn, Ế-phong, Phong-phủ. Thiếu-thương.

Lần thứ 2 châm Phong-tri, Á-môn, Thủy-cầu, Thừa-tương, Đại-chùy, Sau hết châm Kim-tân, Ngọc-dịch ra máu.

Lần thứ 3 Trước khi châm Kim-tân, Ngọc-dịch ra máu, để nửa giờ sau châm Á-môn, xoay kim trong 2 giờ rút kim.

Dùng đủ 3 phương thuật này tuần tự trước sau ắt có công hiệu.

Kinh nghiệm trị bệnh Câm Điết.

(Cách trị của Châm-sư Bão-Đình-Lưu Trung-hoa.)

Trong 3 năm dùng châm cứu trị bệnh Câm Điết có hiệu nghiệm.

Ban đầu dùng các huyết : Á-môn, Ế-phong, Thỉnh-cung, Bách-hội, Thiển-dung, Giác-tôn, Nghinh-hương, Liêm-tuyền, Nội-quang, Quang-xung, Tiều-hải, Túc-tam-ly (Trừ huyết Á-môn châm sâu còn các huyết kia châm cạn xem phương pháp Trị liệu sau).

Áp dụng phương pháp trên đây trị bệnh Câm Điết đầu tiên đã giúp cho những người câm có hiệu quả sơ bộ 25, 26, o/o bệnh hoàn toàn nói năng được.

Sau tiếp tục đi sâu vào nghề trị bệnh Câm điết, nhận định trị câm trước nên trị Điết mới dùng, vậy huyết Ế-phong là chủ huyết trị bệnh này. sau xem phía sau tai nhận định có chỗ hơi lõm gần huyết Ế-phong, ấn lấy 1 huyết mục-dịch cốt yếu trị Điết, tư giải là huyết Y-thông, dùng huyết này áp dụng trị rất công hiệu.

Từ khi ứng dụng huyết Y-thông đến sau trị tổng cộng trên 1000 bệnh kết quả được trên 58o/o tức được tăng hiệu nghiệm gấp hai lần.

Năm nay số tổng kê từ tháng 8 đến tháng 9 trị bệnh Câm Điết cả thấy 317 bệnh hơn, có 8 bệnh hoàn toàn hết hẳn, tức có thể nói năng đối đáp như người thường, nhiều bệnh nói được 1/2, có bệnh

Khi châm phải gia tăng sự luyện tập nói, thì kết quả trong 130 người, chiếm tổng số 410/o, những người này sau khi châm trị cho đến Bình-viên Quang-khoa rọi điện xem cho biết châm trị làm cho khiếu chất của Thính quán biến đổi rất nhiều.

Những bệnh như đến trị nguyên nhân không nhất định :

Có bệnh vì sốt cao độ sau thành Câm Diết.

Có bệnh ngộ chàm cứu phạm huyết Á-môn thành câm.

Có bệnh phát ban trái sau di độc làm Câm Diết v.v...

Thề chất bệnh như cũng không đồng : có trai, có gái, có trẻ em 3 tuổi, có người lớn trên 40 tuổi.

Thời gian trị nhẹ có khi mau chỉ 3, 4 lần khôi phục được thính lực, và tùy theo người dạy nói thì đến 8, 9 lần nói năng được hoàn toàn, có người có thể nói chuyện, đàm thoại được.

Thời gian trị lâu nhất thì đến 2 tháng có kết quả, hoặc đến 3 tháng thính lực mới tăng lần lần học 1 tiếng, 2 tiếng, 3 tiếng rồi cả câu sau cùng lần lần dạy nói được.

Kinh nghiệm khi lâm sàng trị bệnh thì trẻ em từ 3 đến 10 tuổi cần trị lâu, vì bệnh như còn nhỏ sợ châm đau, không thể cùng hợp tác với Y-sanh. Bệnh từ 10 tuổi đến 30 tuổi trị dễ hơn vì có thể đề lưu kim và dạy học nói.

Vậy xin giới thiệu phương pháp và thủ thuật cùng những chứng bệnh sau đây để dễ tham khảo :

TRỊ NGHIỆM.

1) Anh Vương-văn-Hồ 19 tuổi lúc mới sanh 7, 8, tháng như bị bệnh sốt cao độ sau thành câm điết.

Trị pháp : Lần thứ 1. Khi châm phía sau đầu, bệnh như xoay lại, trước không nghe, sau hỏi nghe, bây giờ ai ai cũng vui lúc về nhà đọc đường dạy tập nói 1, 2 tiếng. Rồi tối hôm ấy lại dạy tập nói bập bẹ : Áo, Thuốc, v.v... từng tiếng một.

Trị lần thứ 2 (ngày sau) tiếp châm trị rồi như lúc ấy dạy tập nói từng tiếng : Tay, cây viết. v.v... nói được ai nấy đều mừng.

Sau tiếp tục châm trị và dạy tập nói trong 10 lần bệnh hoàn toàn nói được như người thường.

2) Cô Huỳnh 19 tuổi đến châm trị 3 lần sau nhận biết hơi nghe được, sau khi châm xong bảo người cha dạy tập nói, tiếp tục châm trị trong 10 lần về nhà sau cho biết có kết quả nói năng được.

Anh Lý 24 tuổi đến trị thời gian 50 ngày thỉnh âm mới được, tiếp tục trị thời gian 2 tháng rưỡi mới nói được, về nhà tập nói mãi, sau cho biết có kết quả.

4) Cô Lê 24 tuổi đã có chồng, lúc 4 tuổi vì bệnh phát sốt cao độ sau thành cam, đến châm trị trong thời gian 50 ngày mới khôi phục được thính lực và cũng luôn luôn mỗi ngày đều dạy nói, châm trị thời gian 2 tháng rưỡi mới nói năng rõ được, và về sau lần lần nói được như người thường.

5) Anh Trương 26 tuổi quân nhân, vì bị ngoại thương ở Thái-dương phát không nói được, đến Bệnh-viện kiểm tra xem cho là bệnh Não, không trị được, đến châm trị nhưng anh thấy châm sợ đau không dám cho trị, sấp châm kim anh run rẩy toát mồ hôi, hôn mê không thể trị được, về nhà khuyên dỗ mãi mới bằng lòng cho châm trị.

Bệnh này mới châm trị 1 lần là nói được ngay 1, 2 tiếng, tiếp trị 2 lần nữa khôi phục hẳn, tiếp trị đến lần thứ 8 bệnh phục lại như thường.

Thống kê các bệnh trong thời gian 2 năm trị nghiệm, thì trong quá trình châm trị có bệnh không hoàn toàn nói được, nhưng về nhà tiếp tục dạy nói thì vẫn có kết quả như trường hợp 1 bệnh như Phụ nữ 28 tuổi trong lúc châm trị không nói năng gì được, nhưng về nhà dạy cho học nói mãi rồi lần lần cũng nói được hoàn toàn.

Phương thức trị liệu :

Lúc ban đầu châm trị dùng các huyết :

Á-môn, Ấ-phong, Thính-cung, Bách-hội, Thiên-dung, Giác-tôn, Nghinh-hương, Liêm-tuyền. Nội-quang, Quang-xung, Tiểu-hải, Túc-tam-lý.

Huyết Á-môn châm sâu, các huyết khác châm cạn.

Mỗi lần châm trị nên dùng chừng 10 huyết, vì sợ bệnh như sợ đau, các huyết Y-thông, Ấ-phong, Thính-cung, Bách-hội, Liêm-tuyền, Túc-tam-lý nên thay đổi châm trị mà huyết Á-môn và Y-thông hai huyết làm chủ thì lần nào cũng dùng cả:

Mỗi lần chỉ châm 3, 4, kim để ít đau đớn và cần khuyên bệnh như nên ứn nhiệm theo trị thì mới có kết quả.

Ấn huyết : Huyết Á-môn ngay sau đầu, giữa cổ trên 5 phân, dưới Phong-phủ 1 tấc tại xương cổ thứ 1 và thứ 2, ngay giữa cổ Đệ tam Châm-cốt thận kinh và thận kinh Não-tủy có nhiều hạch tiếp thần kinh bảo trợ Tích-tủy vào Não.

Châm, không nên châm trực tiếp ngay vào các bạch thần kinh và Tích-tủy, nếu không thận trọng phạm vào tức khắc xỉu ngay, phải chú ý. Chúng tôi châm huyết này, từ 15 tuổi trở lên châm sâu 1 tấc hoặc 1 tấc 2 phân, tùy người ốm béo, mà bình thường chỉ châm sâu vào lối 5 phân rồi lần lần đẩy sâu thêm vào, khi nào đầu kim đã đến thâm độ hơi cứng thì đình ngay, Châm-y cầm kim thận trọng hơi đẩy vào sâu 1 tý nữa phân đến 1 phân là cùng bình như cảm giác tay chân tê hết, tức thời rút kim ra (không nên lưu kim).

Huyết Y-thông án ngay trái tai ra phía sau 1 tấc hoặc 1 tấc 2 chỗ có lỗm, nơi ấy có Nhĩ đại-thần-kinh, châm xiên vào trái tai (tả châm giác độ 15-20) châm 1 tấc đến 1 tấc 2, tùy lớn nhỏ ốm béo mà định, châm đúng vị-trí (ngay tuyến vú) thì bình như cảm giác như có nước trong tai chảy ra, có khi có cảm giác có tiếng động trong tai, đầu kim đẩy xê qua 1 tý, bình như tùy thời cảm giác tê đến mặt, thì rút kim ra cũng không lưu kim, ngoài ra các huyết Thỉnh-cung, Ấp-phong, Bách-hội, Liêm-tuyền, Túc-tam-lý, v.v. đều nên châm cạn.

Phụ chú : Phương pháp trị liệu này được giới thiệu tỷ mỹ, nhưng cần chú trọng áp dụng kinh nghiệm mới mong thấu đạt được kết quả. Nhất là 2 huyết Ấp-môn và Y-thông, vì huyết Ấp-môn ngay Hành-tủy cấm châm sâu mà phương thuật này châm đến 1 tấc, nên cần thận trọng.

D. — BỆNH MŨI (Tỷ bệnh).

Chảy máu cam (Tỷ xuất huyết)

Trị pháp : Châm các huyết : Hiệp-cốc, Thương-tinh, Thần-đỉnh lưu kim 5 phút, xoay vận 2, 3 lần ắt máu hết chảy.

Hoặc châm Hiệp-cốc, Thiếu-thương.

Châm Hiệp-cốc đến hết chảy máu mới lấy kim (lưu kim lâu) huyết Thiếu-thương nên châm nhẹ.

Hoặc dùng phương pháp sau đây :

Như ra máu cam 1 lỗ, hay 2 lỗ, hoặc chảy nhiều làm Não bần huyết nhức đầu, xoay xẩm, tai ù, sắc mặt xanh mét.

Dùng các huyết : Phong-trì, Kiên-trung-du, Thương-tinh, Hiệp-cốc, Túc-tam-lý, Thái-xung. (Các huyết ở tay ở chân châm mạnh, như chưa cầm máu dùng ngay cứu trị.

Bệnh Não lậu (Tỷ uyên)

Trị pháp : Dùng các huyết : Phong-trì, Kiên-trung-du, Thương-tinh, Nghinh-hương, Thủ-tam-lý, Hiệp-cốc.

Cách nhứt châm trị kích thích trung độ và dùng ngay cứu các huyết Thương-tinh, Cách-du 5, 7, trảng.

Cấp tánh, Mạn tánh tỳ viêm.

Trị pháp dùng các huyết ; Phong-trị, Thiên-tru, Thương-tinh, Nghinh-hương, Hiệp-cốc, Châm kích-thích trung độ, thêm cứu Thương-tinh.

Như lâu không hết, cứu các huyết Bách-hội, Thông-thiên, Thương-tinh, Phong-môn.

Phụ trị nghiệm :

Trị bệnh mũi không biết mùi hôi.

Theo Y-khoa ngày nay định chứng mũi không biết mùi hôi do các bệnh Não, Tịch-lũy, Thần-kinh suy nhược, hoặc bệnh Tinh thần.

Theo các sách xưa thì ; Bách-chứng có câu ; Thông-thiên trị tỳ nội vô văn chi khở. (Huyết Thông-thiên trị bệnh mũi không biết mùi).

Ngọc long ca : Bất văn hương xú tòng hà trị, Nghinh-hương nhị huyết khả kham công. (Mũi không biết mùi dùng 2 huyết Nghinh-hương).

Y-học cương mục : Tỳ bất văn hương xú thũ Nghinh-hương, Thương-tinh, Hiệp-cốc, cứu Phong-phủ, Bách-lao, Tiền-cốc (mũi không biết mùi dùng các huyết).

Tham khảo các sách xưa tôi trị 1 bệnh như sau đây :

Một bệnh nhưn mũi không biết mùi hôi đã hơn 1 năm rồi, lỗ mũi nghẹt thở ít thông suốt, ban đầu ít biết mùi sau càng ngày càng nặng.

Trị pháp : dùng các huyết : Châm Nghinh-hương, Liệt-khuyết, Hiệp-cốc, cứu Thương-tinh, Bách-lao, Đại-chùy, Phong-phủ, Phế-du.

Trước sau châm cứu trị 9 lần, Xúc giác lần lần biết mùi, tiếp tục trị 31 lần tất cả, các chứng đều mất. hoàn toàn bình phục, mũi như người thường, rất công hiệu.

Trị bệnh mũi thở hơi nóng, đau khó chịu.

Bà Cúc 52 tuổi thường mũi thở ra hơi nóng, trong mũi khô, nóng đau đã 8 ngày. miệng khát mà không muốn uống nước.

Trị pháp : Châm Hiệp-cốc bên mặt, Đại-lăng 2 huyết, Nghinh-hương 2 huyết, tả pháp.

Kết quả : bệnh hết hẳn.

Bệnh phía trong mũi mọc mụn nhỏ.

Cháu Thanh 16 tuổi trong lỗ mũi phát sanh mụn nhỏ.

Trị pháp : Châm Nghinh-hương, Hiệp-cốc, Thượng-tĩnh tả pháp.

Kết quả : nhẹ hẳn hết bệnh.

TRỊ NGHIỆM CÁC BỆNH TỶ VIÊM.

Trị bệnh mũi thường các Danh-y hay dùng 2 huyết Thượng-tĩnh và Túc-tam-lý.

Sách Châm cứu Đại-Thành : Trị bệnh mũi như ; Mũi chảy nước, thường hay nhảy mũi, dùng những huyết ; Liệt-khuyết, Thận-đỉnh, Phế-du, Thái-uyên, Tam-lý, mũi không biết mùi dùng huyết Nghinh-hương.

Các chứng bệnh mũi như Mũi ngứa như trùng bò, mũi chảy nước, chảy máu cam. Sách Tân-châm-cứu học dạy châm huyết Tam-lý và Nghinh-hương làm cho lỗ mũi thông.

Thủ pháp ; Châm huyết Nghinh-hương gần cánh mũi thì cảm giác đau xót, châm độ 2, 3, phân lần lần đẩy vào làm cho bệnh như cảm hơi tê, lưu kim 5, 10 phút mới rút kim.

Châm huyết Túc-tam-lý từ 5 đến 8 phân bệnh như tê rần chạy đến cả lưng chân, châm và lưu kim cùng với huyết Nghinh-hương.

Áp dụng trị liệu phương thức này xin ghi rõ vào đây những kết quả để tham khảo.

Trong số bệnh như đến trị bệnh có trai, gái, già, trẻ từ 3 tuổi đến 50 tuổi đủ các bệnh nào là : Mũi ngứa, mũi nghẹt, thường chảy nước mũi, hay thường nhảy mũi.

Có 3 bệnh do Hen Suyễn phát sanh, có 1 bệnh như trong mũi có thịt dư, có bệnh thuộc mạng tánh Tỷ viêm. Bệnh phát có người đã 10 năm có người mới phát, có người 5, 7 tháng. Phần nhiều đã dùng đủ thuốc Đông, Tây không hiệu nghiệm.

Trong thời gian châm trị gần đây 26 bệnh như. Ban đầu ngày nào cũng châm trị, sau quyết định nên cách 1 ngày châm trị 1 lần, và châm trị trong 6 lần là 1 liệu trình.

Trong khi trị thì đa số bệnh như mới trị lần thứ 1 mũi nghẹt thông ngay, bớt nhảy mũi, mũi chảy nước cũng giảm, trị trong 4, 6, lần có người hết hẳn, nhưng sau nghỉ châm mấy ngày lại trở lại ; tiếp tục châm trị lại bệnh mới hoàn toàn hết, nhưng cũng có một số ít bệnh như sau châm trị lại không công hiệu.

Đơn cử những bệnh sau đây :

1.— Anh Vương 18 tuổi thường nghẹt mũi, mũi ngứa, chảy mũi chảy nước mũi hơn 1 năm, kiểm tra bệnh chứng : màng mũi trắng, trong nước mũi có lợn hồng bạch huyết cầu, 68o/o đã trị ở các nơi không kết quả.

Bắt đầu trị, lần thứ 1 châm huyết Túc-tam-lý và huyết Nghinh-hương kết quả còn nghẹt mũi nhưng chứng chảy mũi đã đình chỉ, sau cứ mỗi ngày hoặc cách 1 ngày châm trị 1 lần cả thấy 8 lần, về sau gặp tiết trời lạnh thì nghẹt mũi còn chút ít mà không chảy nước cũng không chảy mũi nữa.

2.— Em Tích 12 tuổi vì nghẹt mũi, chảy mũi nên chảy nước mũi rất nhiều ; mỗi ngày phải dùng 4, 5, cái khăn tay hỷ mũi, nước mũi có khi màu lại vàng, bệnh hơn 1 năm, kiểm tra bệnh chứng thì màng mũi tím bầm trong nước mũi có 9o/o hồng bạch huyết cầu.

Trị pháp : Châm Túc-tam-lý và Nghinh-hương, ngày sau lại trị cho biết sau khi châm trị về nhà các chứng trạng hoàn toàn hết, qua ngày thứ 2 cũng không thấy phát rồi cứ cách 1 ngày trị 1 lần cả thấy 4 lần bệnh hoàn toàn kiến hiệu, gặp thời tiết thay đổi không tái phát.

3.— Cô Phan 35 tuổi, mũi nghẹt, chảy mũi cả dây mỗi ngày trên 100 cái, nước mũi chảy dần dụa. Châm trị huyết Túc-tam-lý và Nghinh-hương. trị 2 lần, chứng chảy mũi hôm ấy chỉ còn 19 cái, về sau cách 1 ngày châm trị 1 lần, trị đến lần thứ 5 nghỉ 5 ngày thì lại phát lại cũng mỗi ngày chảy mũi 100 cái. Bắt đầu châm trị lại liên tiếp đến 9 lần, thì bình tình nhẹ hẳn mũi thông không chảy mũi, hết chảy nước, nhưng sau nghỉ 9 ngày bệnh phát lại 1 lần về sau cứ tiếp tục cách 1 ngày châm trị 1 lần trong thời gian trị 5 lần nữa các chứng mới hết hẳn.

4.— Cô Ngô 43 tuổi, chảy mũi nước rất nhiều, chảy mũi nhưng không nghẹt, ngày nào cũng phát, bệnh đã 5 năm trị cũng nhiều không có hiệu, nay kiểm tra thuộc Mạng tánh sung huyết, trong nước mũi có 5/00 hồng bạch huyết cầu. Châm trị Túc-tam-lý và

Nghinh hương, ngày hôm ấy không có kết quả, ngày hôm sau thì nước mắt mũi chảy ít, cách ngày châm trị 1 lần đến 3 lần có hiệu quả, sáng sớm còn chảy mũi chút ít, nghĩ 1 lần tiếp tục trị lại mấy lần bệnh nhưn cho biết hết hẳn.

5). Anh Thi 42 tuổi thường chảy mũi nước, và hay nhảy mũi bệnh đã hơn 10 năm, gần đây lại chảy mũi nước rất nhiều trong mũi ngứa, ở cổ Hầu nghe cũng ngứa thường phát phong chẩn. Châm trị 4 lần cổ hầu hết ngứa, nhảy mũi và chảy mũi nước bớt còn ít, Châm trị đến lần thứ 7, bệnh nhưn cho biết chỉ bớt 3/4 không phát nặng nữa, nhưng sau lại không trị nữa, bệnh này mới bớt được phần nữa.

6). Cháu LƯU 15 tuổi nghẹt mũi, ngứa, nhảy mũi, chảy mũi nước hơn nửa năm nay, đến Bệnh viện điều trị kiểm tra cho là Chứng Tỷ-giáp nở lớn. Châm trị 3 lần thì bệnh nhưn cho biết giảm được phần nữa nghĩ mấy hôm, tiếp tục lại trị mấy lần nữa không thấy tiến bộ hơn, như thế là bệnh này lại không kết quả được hoàn toàn.

Vậy xem những bệnh trị tiêu chuẩn trên đây chỉ áp dụng 2 huyết Túc-tam-lý và Nghinh hương trị bệnh Tỷ viêm nhận thấy có kết quả khả quan, nhưng vì liệu trình trị bệnh hoặc do bệnh nhưn không theo trị tiếp hay vì quá nghĩ lâu rồi mới trị lại nên kết quả có bệnh không được hoàn toàn xin giới thiệu đề nghiên cứu.

Đ.— BỊNH MIỆNG, LƯỠI, RĂNG.

Răng đau nhức. Thủ huyết : Duyệt huyết chính : Hiệp-cốc, và huyết phụ : Hạ-quang, Giáp-xa.

Thủ-pháp : Châm huyết Hiệp-cốc 1 tấc (châm mạnh) mũi kim tr ở lên xoay mạnh cho phản ứng tê rần lên đầu rồi lần lần rút kim lên gần đến lần da hường mũi kim trở xuống đâm vào làm cho cảm giác tê đến đầu ngón tay. Mỗi ngày châm trị 1 lần. trị 2, 3 lần ắt hết.

Nếu răng trên nhức châm thêm huyết Hạ-quang bên đau 8 phân. Răng dưới nhức châm thêm huyết Giáp-xa bên đau 8 phân.

Phong-hỏa nha thống (Răng nhức nhai đồ không ăn được).
Thủ-huyết : Duyệt những huyết chính : Hiệp-cốc, Hạ-quang, Giáp-xa. Huyết phụ : Trung-uyên, Túc-tam-lý.

Thủ pháp : Châm huyết Hiệp-cốc 8 phân như răng trên đau châm huyết Hạ-quang bên đau 8 phân, Răng dưới đau châm huyết Giáp-xa bên đau 8 phân (tất cả dùng tả pháp).

Huyết Trung-uyên và Túc-tam-lý đều châm 1 tấc (Trung-uyên châm trở xuống). tất cả dùng bình bồ bình tả lưu kim 30 phút.

Mỗi ngày châm trị 1 lần đến hết hẳn (nhớ khi hết rồi không nên ăn đồ quá nóng hay quá lạnh).

Trị nghiệm :

Phương này đã trị 11 người bị chứng Phong hỏa nha thống chỉ châm trị 1 lần công hiệu ngay, không tái phát. (nhiều lắm cũng chỉ 2 lần). Bệnh này dùng 2 huyết Túc-tam-lý và Trung-uyên là trị gốc lần ngọn nên càng công hiệu.

Răng nhức không hả miệng ra được

Thủ huyết : Dùng huyết chính : Ấ-phong, Liệt-khuyết. Huyết phụ : Giáp-xa, Hạ-quang.

Thủ pháp : Châm huyết Ấ-phong 1 tấc, huyết Liệt-khuyết mũi kim trở lên châm 3 phân rưỡi, Giáp-xa Hạ-quang 3 phân đến 5 phân châm kích thích mạnh và lưu kim 30 phút.

Trị nghiệm : Cô Hầu 34 tuổi bị bệnh răng đau nhức không hả miệng ra được, ăn uống khó khăn, dùng phương pháp này châm trị 2 lần hết hẳn.

Kinh nghiệm : Trị bệnh nhức răng bất kỳ bệnh thể nào đều dùng huyết Hiệp-cốc làm chủ sau tùy chứng thêm bớt.

Như : Răng trên nhức gia thêm Giáp-xa, Hạ-quang, Nhơn-trung*

Răng dưới nhức gia Giáp-xa, Nhơn-nginh, Thừa-tương, Túc-tam-lý.

Phong nhiệt thêm Xích-trạch, Nội-quang, Túc-tam-lý, Nội-dinh.

Hư hỏa gia Khúc-trạch, Nội-quang, Thần-môn, Khúc-tuyền, Tam-âm-giao.

Răng sâu ăn nát cả áp dụng phương này, hết nhiều rồi nên nhổ trừ căn, nếu khó nhổ thì phương này cũng làm cho hết đau nhức rất công hiệu.

Trị bệnh răng lệu (phát làm mủ nước răng)

Cháu Chi 14 tuổi 3 tháng trước bên miệng phía mặt chỗ gốc chân răng sưng phát chảy mủ đau đến sau tai, tay đề chảy mủ, bên má cũng sưng lở có mủ lộn mẩn bầm đen, phía trong má sưng cứng, ấy là chứng nha lậu, dùng đủ thuốc không công hiệu.

Trị pháp : Châm Ấc-phong, Hiệp-cốc, Khúc-trì phía trái tả pháp ngoài dán thuốc cao.

Kết quả bớt nhiều, chỗ sưng phát ngứa hơi nhức.

Trị lần thứ 2 Châm như trên thêm Hạ-quang tả pháp, không phản ứng.

Trị lần thứ 3 Châm Ấc-phong, Hiệp-cốc, Giáp-xa; đều bên trái tả.

Kết quả Chỗ cứng tan ra sưng to lên, phía trong hơi bớt (độc, xuất ra).

Trị lần thứ 4 Trị như lần thứ 3 thêm Khúc-trì, Hạ-quang tả.

Trị lần thứ 5 như trên. **Kết quả :** Chỗ sưng nổi lên 1 cục, không đau, nhưng đề chỗ sưng thì đau đến màng tang và sau đầu.

Trị lần thứ 6 Châm Phong-trì, Ấc-phong, Hiệp-cốc, Liệt-khuyết Địa-thương.

Kết quả Ra mủ lẫn máu, sau đầu hết nhức, má hơi xẹp.

Trị lần thứ 7 trị như trên ; kết quả Khóe miệng ra mủ, nhưng phía ngoài lại sưng ; má nhức.

Trị lần thứ 8 Châm Quyển-liệu, Ấc-phong, Giáp-xa, Hạ-quang, Địa-thương, Hiệp-cốc tả.

Kết quả : Má hết đau, chỗ răng sưng lồi ra 2 lỗ chảy nước vàng,

Trị lần thứ 9 Châm Hiệp-cốc, Khúc-trì bổ, Hạ-quang, Ấc-phong tả.

Kết quả : Đêm ấy chỗ răng có 2 lỗ chảy ra mủ.

Trị lần thứ 10, 11, 12 ; trị đều như trên. **Kết quả** chỗ tai nơi huyết Ấc-phong ra mủ và cục cứng.

Trị lần thứ 13. Cũng trị như trên.

Kết quả đề chỗ Ấc-phong thì chỗ Địa-thương ra mủ chỗ răng lại nhức.

Trị lần thứ 14 trị như trên thêm Giáp-xa, bên đau đều tả. (hết đau nhức).

Trị lần thứ 15 trị như trên, chỗ Hạ-quang nổi lên 1 cục, khóe miệng bên trái cũng nổi lên cứng.

Trị lần 16, 17, đều châm Khúc-tri, Ấ-phong, Hạ-quang, Hiệp-cốc Tam-âm-giao bên trái tả.

Trị lần thứ 18 cũng như trên kết quả mũ ra nhiều.

Trị lần thứ 19 Châm Ấ-phong, Thiên-tĩnh, Phong-tri, tả, cứu Bách-lao 5 trảng.

Kết quả : Hết sưng.

Trị lần thứ 20 Châm Hiệp-cốc, Hạ-quang, Ấ-phong và chỗ đau đều tả.

Trị lần thứ 21 Châm Khúc-tri, Ấ-phong, Thiên-tĩnh tả.

Kết quả bên tai hết sưng, hết mũ, chỗ bên miệng có mụn đã xẹp.

Trị lần thứ 22 như trên. Kết quả ghê kéo miệng, còn 1 lỗ lớn. Tiếp trị luôn như trên đến lần thứ 34 hiện chỗ lỗ má lồi ra các xương răng như bề từng miếng lộ ra ngoài không dám đụng.

Châm Phong-tri. Ấ-phong, Hiệp-cốc, Liệt-khuyết, Uyển-cốt, Chi-chánh bên trái tả.

Trị lần thứ 35 như trên.

Kết quả ; Các xương răng đều rụng còn lại 1 lỗ không đau nhức phía trong cũng xẹp, bệnh thể giảm nhiều, lần lần chỗ ấy hết sưng và bằng phẳng như thường.

Tiếp tục 1 tuần nhứt nữa thì chỗ lỗ ấy hết hẳn.

Trị bệnh Nướu răng lở đau nhức luôn cả mặt.

Anh Hương 48 tuổi 2 hàm răng trên dưới đều đau nhức, nướu răng lở, miệng há không ngậm được, mắt bên trái nó tròng, mắt mặt đỏ, mí mắt kéo xuống không thấy dả 7 ngày.

Trị pháp : Châm Ngự-yêu tả, Tinh-minh, Thái-xung đều tả.

Kết quả : Châm Thái-xung công hiệu, châm bên trái hết nhức, châm bên mặt thì bên mặt hết nhức, Huyệt Ngự-yêu châm tả xong mắt mở được mà nó nhức cũng tiêu xẹp bớt.

Trị hai lần nữa Mắt ngó thấy được răng cũng hết nhức.

Trị bệnh chân răng sưng nhức không ăn được

Cô Vương 30 tuổi chân răng bên trái đau sưng nhức, chỗ hàm

bên trái sưng có hạch bình đã 4 ngày, nhức quá không ngậm miệng lại được, ăn vào hay ho đều nhức khó chịu.

Trị pháp : Châm Hạ-quang, Hiệp-cốc, Giáp-xa, đều tả

Kết quả châm Hạ quang tả xong bình giảm chỗ sưng xẹp, châm Hiệp-cốc tả rồi đến vai đến chân răng, làm hết đau, hàm cử động được, sau châm Giáp-xa bên chân răng nhức tả xong chỗ sưng xẹp hết đau. Sau các chứng lần lần hết hẳn.

Trị răng đau nhức luôn cả tai và màng tang (thái-dương).

Cô LƯU 49 tuổi Răng trên dưới bên trái đều nhức còn lên đến cả trong tai và hai bên thái-dương, bình đã 10 ngày rất đau khổ đêm không ngủ được.

Trị pháp : Châm Hiệp-cốc, Hạ-quang, tả pháp.

Kết quả trong khi vận dụng thủ thuật lần lần các chứng hết hẳn.

Trị bệnh "miệng lưỡi lở, cuốn họng sưng."

Anh Trung 24 tuổi miệng sanh ghẻ và cả lưỡi cũng lở, cuốn họng sưng đau chảy nước giải nói năng khó khăn, nhức không ăn được bình đã 5, 6 ngày dùng đủ các thứ thuốc không công hiệu.

Trị pháp : Châm Hiệp-cốc (2 huyết) Thừa-tương, Đại-lăng; Tam ý (1 huyết) tả pháp. Thich Ân-bạch, Lệ-đoài ra máu.

Kết quả : Đêm ấy lại nhức nhiều.

Trị lần thứ 2 ngày sau Châm Hiệp-cốc, Đại-lăng; Lao-cung (đều 2 huyết) Thần-môn bên trái, Chiếu-hải bên mặt, Thiên-đột tả pháp.

Thích ; Trung-xung, Thiếu-xung, Quang-xung, Thiếu-trạch, Thiếu-thương, Thương-dương, Lệ-đoài đều ra máu, cứu Tâm-du, Mang-môn 1 trảng

Kết quả : Đêm ấy hết đau.

Trị lần thứ 3 Châm Chiếu-hải, Tam-âm-giao, Hiệp-cốc, Nội-quang, Phong-long. Cứu Tâm-du, Tỳ-du. Thận-du đều 1 trảng.

Kết quả : Bớt nhiều, ăn được ; ít đau.

Trị lần thứ 4 Như trên kết quả bệnh bớt phân nữa.

Chú-ý bệnh này trị 2 lần sau có công hiệu là vì bỏ Tam-âm-giao và Chiếu-hải.

Trị lần thứ 5 Châm Tam-âm-giao bổ ; Hiệp-cốc Phong-lạc tả.

Kết quả bệnh hết hẳn bình phục.

Trị bệnh đầu lưỡi lạnh mấy năm.

Bà Vọng 50 tuổi có chứng bệnh lạ, đầu lưỡi cảm giác lạnh đã mấy năm không có thuốc gì trị được.

Trị pháp : Châm Thần-môn, Tam-âm-giao, Hiệp-cốc bổ.

Kết quả Ngày ấy bớt lạnh.

Trị lần 2, 3, Trị y như trên.

Kết quả trị 3 lần hết lạnh.

Trị lý : Theo sách xưa tâm khai khiếu tr thiết (tìm khai thông khiếu nơi lưỡi), về cơ thể học thì lưỡi thuộc nhánh thần-kinh mặt cho nên kích thích Nhiều-cốt Thần kinh và Xích cốt thần-kinh 2 huyết Thần-môn và Hiệp-cốc trị bệnh này công hiệu.

Trị bệnh Trùng thiết (hai lưỡi)

Anh Mác 25 tuổi bình dưới lưỡi bên trái chỗ huyết Kim-tân. nổi lồi ra 1 cục như cái lưỡi lớn bằng ngón tay dài 1 tấc, Đông y gọi là chứng Trùng-thiết.

Trị pháp : Châm Thừa-tương, Hiệp-cốc, Thần-môn (trái) tả pháp, châm Kim-tân (chỗ mũ) ra máu.

Kết quả cục thịt ấy nhỏ lại.

Trị lần thứ 2 Châm Thừa-tương; Hiệp-cốc (trái) tả pháp.

Kết quả nhỏ lại nhiều.

Trị lần thứ 3 Châm Hiệp-cốc, Thần-môn; tả pháp. Châm Kim-tân ra máu.

Kết quả bệnh hoàn toàn hết hẳn.

Bệnh Khẩu xang hay Nga khẩu xang.

Trẻ con thường hay phát sốt, lưỡi tưa trắng, có mụt hay nhều.

Tùy tuổi tác dùng các huyết sau đây châm trị :

Hoàn-cốt, Phong-tri, Thiên-tru, Kiên-lĩnh, Đại-chùy, Thân - tru Giáp-xa, Địa-thương, Hiệp-cốc, Thủ-tam-lý.

Như nhều nước giải không thì dùng các huyết : Hiệp-cốc, Khúc-tri, Giáp-xa.

Trị bệnh sưng chân răng.

1) Anh Thanh niên công nhân chân răng bên trên đau dùng thuốc nóng và xức dầu cả không công hiệu đã 3 tuần.

Trị pháp : Châm các huyết : Giáp-xa, Thiên-dung, Hạ-quang, Thái-dương, Hiệp-cốc. Châm trị 2 lần không công hiệu. Sau dùng đơn huyết Hiệp-cốc bên mặt (đau bên trái dùng huyết bên mặt) châm lưu kim nửa giờ mới rút kim.

Kết quả không đau nhức nữa.

2) Cậu Thiếu-niên răng đau nhức khó chịu, ban đêm càng đau không ngủ được, dùng thuốc xức cũng chỉ hết chốc lát lại đau.

Trị pháp : Châm huyết Hành-gian (1 chập hết đau, rút kim ra) sau lại nhức lại. Cậu không cho châm trị nữa, nhưng đồ mài châm lại huyết Hành-gian, để cho cậu ngủ lưu kim luôn không lấy động, đến sáng tỉnh dậy mới lấy kim, từ ấy về sau không đau nhức nữa.

3) Một người Đàn bà đau răng công lên đầu đau 1 bên rất khổ sở, nằm ôm 1 bên đầu ; ngày phát 2 lần.

Trị pháp : Châm các huyết : Thái-dương, Đầu-duy, Ấp-phong, Khúc-mấn, Phong-tri. Kết quả các chứng hết hẳn không tái phát.

4) Bệnh chân răng sưng làm mù : Cô Thơ-ký bệnh thường 2, 3, tháng hay phát sốt lại cả đau răng, dùng Âu dược trị hết sốt nhưng răng lại đau, lâu lâu làm mù ; lần này đau nhức không hết ; đã dùng thuốc 3 ngày rồi vô hiệu.

Trị pháp : Châm Thái-dương, Đầu-duy, Thiên-dung.

Kết quả : Răng hết đau, hết sưng, mù cũng hết.

XXIX BỆNH CỎ HẦU CUỐN HỌNG, HẠCH, BÚU

Trị bệnh cỏ hầu nhức chân răng chảy mủ.

Cô Lâm 26 tuổi cỏ hầu sưng nhức 3 ngày không ăn được, chân răng dưới bên trái sưng cứng 5 ngày, bây giờ chảy mủ toàn thân phát lạnh, xoay xảm, tìm thuốc ngừa độc thì bệnh lại càng nặng nhiệt độ trên 37, 5.

Trị pháp : Châm bên trái huyết Giáp-xa ; xiên đến Địa-thương.

Châm các huyết Nội-đinh, Chiếu-hải, Hiệp-cốc đều 2 huyết tả pháp, thích Thiếu-thương ra máu.

Kết quả : cổ hầu giảm nhưng đêm lại đau nặng; ngày sau chỗ rún đau. Trị lần thứ 2 Châm Thượng-uyên Hiệp-cốc 1 huyết bổ, Giáp-xa cũng xiên đến Địa-thương.

Kết quả : Răng hết nhức cổ hầu hết, bình phục hẳn.

Trị bệnh cổ hầu nhức miệng khô.

Cô Thanh 24 tuổi bệnh đau cổ hầu, miệng mũi khô khó chịu.

Trị pháp : Châm Hiệp-cốc 2 huyết tả, Liệt-khuyết 1 huyết tả, Chiếu hải 1 huyết bổ.

Kết quả cổ hầu hết nhức, miệng mũi hết khô.

Trị bệnh Biên đào tuyến viêm (2 bên cổ sưng)

Anh Lâm 48 tuổi vì uống rượu sau độc công lên làm cổ hầu sưng lở ăn uống nói năng khó khăn, ho nhổ ra đàm. rọi kiến chỗ cổ hầu hai bên tuyến cổ lở, sắc vàng có mủ.

Trị pháp : Châm Phong-phủ, Thiên-đột, Hiệp-cốc đều tả.

Kết quả : Cổ hầu bớt nhức, nước miếng chảy ít mủ vàng.

Trị lần thứ 2 : Trị như trên.

Kết quả giảm nhiều ăn cơm được.

Trị lần thứ 3 Châm Chiếu-hải 1 huyết bổ, Hiệp-cốc trái tả. Thiên-đột tả. **Kết quả** các chứng giảm và sau hết hẳn.

Trị bệnh mai bạch khí. (Nghẹn hột me)

Trông cổ như có vật gì chặn lại khạt không ra nuốt không xuống, tục gọi là nghẹn hột me.

Trị pháp Dùng các huyết : Thiên-đột, Liệt-khuyết, Chiếu-hải.

Châm Thiên-đột đầu kim trở xuống sâu 1 tấc. Liệt-khuyết châm 8 phân Chiếu-hải 4 phân bình bổ bình tả lưu kim 30 phút.

Trị nghiệm : Cháu Chi 18 tuổi bị bệnh trong cổ như vướn vật gì nuốt không xuống, nhổ không ra, ngực đầy hơi không đưa xuống được. Dùng Phương pháp này trị trong 4 lần bệnh hết hẳn.

Trị bệnh cổ hầu cổ nổi bướu không ăn được

Anh Tôn 34 tuổi lúc bệnh mới sơ phát do ăn làm uất hơi, rồi cổ bên trái nổi lên 1 cục hạch, to bằng trứng gà đã 6 tháng, cứng như đá, hiện hình tình không ăn được đã 8 ngày, miệng khát muốn uống nhưng uống nước không xuống, đêm lại nhức không ngủ được, ngày bớt nhức, lưng bụng, đau đại tiện 13 ngày không thông, ho đỏ mồm hơi nhỏ đàm vàng, miệng chảy nước giải, đầu não xoay xảm jím đập hồi hộp, lúc tim nhẩy thì tại nơi phía trên rún thấy có sạn thoi thóp, tiểu tiện 1 ngày đi 1, 2, lần mặt hơi màu khói đen, người gầy, tinh thần mệt mỏi.

Trị pháp : Cứu Đại-chùy, 1 trảng, Phế-du, Cách-du, Tỳ-du, Vị-du, Đởm-du, Thận-du, Nội-quang, Kỳ-môn, Chương-môn, Khi-hải

Quang-nguyên, Túc-tam-lý, Tam-âm-giao, Thái-xung, Túc-lâm-khấp, Công-tôn, Trung-uyên, đều 3 trảng.

Thượng-uyên, Hạ-uyên, các huyết giữa ngực và hai bên đều 1 trảng, U-môn, Âm-dò, Thông-cốc, Thiên-đột, Nội-dinh đều 1 trảng.

Kết quả ; Đêm ấy ngủ yên, tinh-thần khỏe, nói năng hơi thông, nuốt nước được, lưng bớt đau.

Trị lần thứ hai (ngày sau) Châm Thiên-đột, Nội-dinh 2 huyết tả, Túc-tam-lý bờ, Trung-uyên dùng ngải quyền cứu bờ 3 lần.

Kết quả : Nhờ cứu Trung-uyên nên thấu phát nóng, nhưng ăn cơm còn cảm thấy nghẹn cứng không xuống, nuốt mãi mới hạ được ăn được 1 chén cơm chỗ tim bớt nhẩy, và các chứng đều giảm bớt.

Trị lần thứ 3 (Nhơn vì trời mưa gió quá không trị, nhưng bệnh nhơn ở xa yêu cầu xin trị nên phải trị.)

Trước cứu Thiên-tinh, Phong-trì, Ấp-phong Chiên-trung Nhủ-cẩn, Tỳ-du, Vị-du, Chương-môn, Khi-hải, Túc-tam-lý, đều 3 trảng Thượng-Trung-Hạ-uyên, Âm-lăng-truyền, Tam-âm-giao đều 1 trảng.

Kết quả : Ho bớt đầu xoay xảm giảm.

Trị lần thứ 4 Châm cứu như trên, cứu thêm Đại-trử, Phong-môn, Phế-du Khuyết-âm-du, Tâm-du, Thận-du, Chiên-trung đều 3 trảng.

Kết quả : Đầu xây xảm giảm nhiều, bụng hết đau, họ bớt mặt tươi nhuận chỗ hạch hơi nhỏ.

Bệnh nhơn vì ở xa nên về quê làm ăn không trị nữa.

Trị bịnh này vì chứng nặng nên cấp cứu bịnh nguy cấp trước cho khỏe hẳn mới trị chứng hạch sau, nay bịnh nhưn khỏe bịnh phục vì chỗ hạch ấy cũng bớt nhiều nên không lại trị nữa.

BỮU-CỔ

Chứng Anh lỵ, Anh khí

Trị chứng bứu cổ thường dùng các huyết : Hiệp-cổc, Khúc-tri, Thủ-lâm-lý, Thiên-đột, Liêm-tuyền, Thiếu-thương và Trạch-tiền (trước huyết Xích-trạch 1 tấc), hoặc cứu tại đầu ngón tay giữa (co ngón tay giữa lại cứu) 3,5, tráng, Huyết Chi-chánh cả 2 tay và cứu tại bứu 3, 5 tráng.

Hoặc châm nơi đầu cục bứu (dùng kim nhỏ) sâu 1 phân, xoay rút kim ra như chất phấn trắng là Phấn lỵ, ra chất mũ nước là Khi-lỵ, nếu ra máu nhiều không dứt tức là can lỵ, phần nhiều dùng thuốc uống trong hay đắp ngoài cũng có công hiệu (nhớ nếu huyết can lỵ phá ra máu không dứt rất nguy hiểm).

Trị nghiệm ; Cô Hương 26 tuổi cổ nổi bứu 8 tháng to bằng trứng gà.

Trị pháp : Châm các huyết : Thiên-đột, Khúc-tri, Kiên-tĩnh, Trạch tiền, Thiếu-thương, châm lỵ kim 10 phút. Sau kích-thích tại cục bứu 3 phút liên tục trị trong thời gian 2 tháng (Cách 1 ngày trị 1 lần, trong uống thuốc Anh-lỵ hoàn, cục bứu lần lần nhỏ teo lại giữa cổ 1 mụn nhỏ cứng như hạt bắp.

XXX.— BỊNH NỔI HẠCH, ĐÀM HẠCH

Trị lâm ba kiết hạch (hạch ở cổ, ở nách).

1) Cô Hoa 26 tuổi hai bên dưới tai (lâm ba tuyến) kết hạch làm cổ lớn nặng, trong lỗ chảy mũ không lành và bên mặt cũng nổi cục trên 10 cục, vú bên trái lên đến cổ có rất nhiều lỗ chảy nước vàng, người phát sốt có lúc tim đập mệt, xoay xảm lồi tâm ; từ hai năm khi mới nổi những hạch này thì tắc kinh, dưới rún đau âm ỷ, người mỗi mệt muốn ngủ hoài, miệng khô, nước miếng hôi. Các Bác sĩ cho là lâm ba kiết hạch, nhưng vì nghèo không đủ sức dùng thuốc trị, nhờ châm cứu trị.

Trị pháp : Châm Khúc tri. 2 tấc, Tam-âm giao, Huyết Hải (đều

bên mặt) bỏ, Cứu Khi-hải, Đôm-du đều 10 trảng, Can-du, Cách-du, Ty du, Khi-hải-du đều 7 trảng.

Kết quả : Rún hết đau.

Trị lần thứ 2 Châm Khúc-tri, Tam-âm-giao Kiên-tĩnh như trên. Cứu Khi hải; Thiên tĩnh, Ế-phong và các huyết trườ.

Kết quả : Miệng hết khô nhưng lâu lâu còn phát sốt.

Trị lần thứ 3 Châm Khúc tri, Tam-âm-giao như trên, thêm Nội quang, Túc-lâm-khấp tả. Cứu Chiên-trung, Phong-tri, Ế-phong, Đôm-du, Cách-du, Can-du đều 3 trảng.

Kết quả : Vú bên trái có 1 lỗ chảy ra máu ứ 1 chén.

Trị lần thứ 4 trị như trên. Kết quả : Các mụn hết mủ chỉ chảy nước vàng, người hơi khỏe, các chỗ hạch bớt nóng.

Trị lần thứ 5 trị như trên. Kết quả : bây giờ ăn biết ngon.

Trị lần thứ 6 cũng như trên, không có phản ứng gì.

Trị lần thứ 7 Châm Khúc-tri, Tam-âm-giao Kiên-tĩnh bỏ. Cứu Chiên-trung Thiên-tĩnh, 3 trảng, Phong-tri, Ế-phong 1 trảng, Đôm-du, Cách-du, Can-du đều 3 trảng.

Kết quả : Bây giờ có kinh sắc thường nhưng rất nhiều, các mụn hạch hơi nhỏ, sắc mặt tươi nhuận.

Trị lần thứ 8 như trên. Kết quả : Các mụn ở vú bên mặt phát đỏ muốn phá.

Trị lần thứ 9 Châm cứu cũng y như trên trừ huyết Kiên-tĩnh.

Kết quả các mụn nhỏ hết mủ, các mụn lớn còn.

Trị lần thứ 10 như lần thứ 7. Kết quả, người hoạt động được.

Trị lần thứ 11 cũng như lần thứ 7.

Kết quả : Nách bên trái phát đau như muốn vỡ mủ.

Trị lần thứ 12 như lần thứ 7.

Kết quả : Quả nhiên chỗ nách phá 1 lỗ ra máu mủ, dưới vú có 1 lỗ lủng ra mủ nước vàng, bớt đau, nhưng vú bên mặt lại đau cứng không đưa tay lên được.

Trị lần thứ 13 như lần thứ 7.

Kết quả : Vú bên mặt cũng phá ra 1 lỗ chảy máu mủ, tay nhẹ bớt.

Trị lần thứ 14 cũng như trên.

Kết quả : Nách bên trái ra máu mủ nhiều bên mặt ít, người tươi nhuận miệng hết hơi.

Trị lần thứ 15 : cũng như trên, bây giờ chảy mủ nhiều.

Trị lần thứ 16 Vì trời nắng người khó chịu. Châm Nội-quang, Khúc-tri bên mặt tả, Tam-âm-giao mặt bồ, cứu như trước.

Kết quả : Nách bên mặt ra máu ứ, bên trái ra mủ.

Trị lần thứ 17 như lần thứ 16 trừ huyết Nội-quang, Không phản ứng.

Trị lần thứ 18 : Châm Khúc-tri, bên trái tả, Kiên-tĩnh, Tam-âm-giao mặt bồ.

Kết quả : Nách bên trái nhẹ.

Trị lần thứ 19 Châm Khúc-tri, Tam-âm-giao, Kiên-tĩnh trái tả.

Kết quả : Hết đau và giảm cơn sốt.

Trị lần thứ 20 Châm-Khúc-tri, Tam-âm-giao, Ấ-phong bồ cứu Bách-lao 7 trảng. Kết quả: hai bên hạch đều giảm bớt.

Trị lần thứ 21 như trên.

Kết quả : Sau-2 ngày ghẻ dưới nách bớt mủ và ra máu bầm, bớt sưng đau.

Trị lần thứ 22 như trên. Bày giờ dưới nách trái hết sưng, mụt vú bên mặt nhỏ bớt, ít đau nhức, ít chảy mủ.

Trị lần thứ 23 như trên không phản ứng.

Trị lần thứ 24 như trên trừ huyết Ấ-phong, nhưng châm thêm chỗ đau.

Kết quả : Nách trái chảy mủ nhiều và lại có kinh (đúng tháng) 2 ngày rưỡi hết kinh

Trị lần thứ 25 Châm Khúc-tri, Tam-âm-giao (dùng 1 huyết) tả, chỗ đau tả. Cứu Thiên-tĩnh Ấ-phong, Phong-tri 5 trảng.

Kết quả : 2 bên ra máu giảm ít.

Tiếp trị luôn như trên đây 6 lần nữa các mụt hạch hết, bình nhẹ hẳn.

2) Có nổi hạch to bằng hột me.

Cô Phan 17 tuổi phía cổ bên trái 3 tháng trước nổi hạch sưng phát sốt, hạch to bằng hột me.

Trị pháp : Châm Ấ-phong, Phong-tri, Khúc-tri, Thiên-tĩnh, Khưu-hư, (đều bên mặt) tả. Cứu Bách-lao 15 trảng, Trữu-tiêu 9 trảng.

Kết quả : Hết sưng đau.

Trị lần thứ 2 trị như trên.

Kết quả : Hạch trên lần lần nhỏ lại.

Tiếp trị như trên cả thấy 8 lần Hạch tiêu hết.

3) Bệnh Lâm ba kiết hạch cả nhũ nam. (ung thư vú)

Cô Thương 22 tuổi vì bệnh thiếu máu phát chỗ nách có nổi mụn hạch (lâm ba hạch) phía trên gần đến vai, dùng Âu dược và mổ sau vú bên mặt nổi hạch cũng lớn muốn vỡ, đi mổ lành miệng nhưng đến nay lại sờ thấy cứng đau, chỗ đầu vú có cục hạch trị mãi không hết.

Trị pháp : Châm Tam-âm-giao, Nội-quang bổ, Nhũ-căn bên mặt tả.

Kết quả : Mụn dưới vú nổi lên muốn phá, các chỗ mổ cũ đau.

Ngày sau có kinh cách 1 ngày trị lần thứ 2 như trên.

Trị lần thứ 3 Châm như trước thêm Ấc-phong bên mặt tả (không phản ứng).

Trị lần thứ 4, thứ 5. Châm Túc-tam-lý, Tam-âm-giao 1 huyết bổ. Kiên-tĩnh mặt hồ, ngoài dán thuốc cao.

Kết quả: đau nhiều, 3 ngày sau lại đau dữ dội rồi phá chảy mủ.

Trị lần thứ 6 Châm Nhũ-căn mặt tả, Kiên-tĩnh, Xích-trách, Tam lý mặt tả. Kết quả giảm đau chảy mủ nhiều.

Trị lần thứ 7 Châm như trên. Kết quả bớt nhiều nhưng tại bên trái lại đau.

Trị lần thứ 8 Châm như trên thêm Thỉnh-hội, Ấc-phong trái, tả.

Kết quả : Tai bớt đau ghê đầu vú miệng nhỏ lại.

Trị lần thứ 9 Châm trị như lần thứ 6 không phản ứng.

Trị lần thứ 10 Châm Kiên-tĩnh, Xích-trách Tam-lý, Ấc-phong mặt hồ.

Kết quả : các mụn ghẻ đều bớt nhiều.

Tiếp trị đến lần thứ 11 và 12 cũng như trên các mụn ghẻ lành hẳn.

4) Trị bệnh kiết hạch và tay chân lở 6 năm.

Cháu Trinh 12 tuổi 6 năm trước bị té nhằm bên vú bị thương sanh ghẻ sau chỗ cổ nổi hạch, chân trái và chỗ hở khẩu tay trái sanh ghẻ lớn chảy mủ lâu năm không hết người gầy ốm.

Trị pháp : Châm Khúc-tri Tam-âm-giao Túc-tam-lý hồ.

Kết quả : Châm trị xong chỗ hạch cổ bớt đau.

Trị lần thứ 2 như trên ; Kết-quả mũi chảy ít, mọt hạch xẹp nhỏ.

Trị lần thứ 3 cũng như trên. Kết quả hết sưng ghẻ tay chàm nhỏ lại và khô bớt nhiều.

Tiếp trị 3 lần nữa y như trước bệnh hết hẳn, bình phục.
(về ghẻ đọc xem mục sau).

XXXI BỆNH PHONG MÉO MIỆNG

Trúng Phong sau làm méo miệng hoặc bệnh hậu phát méo miệng tục gọi là Phong méo miệng.

Trị pháp : Châm huyết Giáp-xa (mé bên trái châm bên mặt và trái lại lấy vải keo băng dán lại, lưu kim luôn 2 ngày mới lấy ra.

Trị nghiệm : Cô X ; 20 bị méo miệng 7 năm đã dùng đủ các phương trị vô hiệu, châm các huyết Giáp-xa, Địa-thương, Hiệp-cốc cũng không kết quả. Sau cải dùng phương pháp này châm trị 2 lần miệng trở lại bình thường.

Huyết Nghinh-hương trị bệnh Phong méo miệng.

Cách trị : Dùng kim dài châm huyết Nghinh-hương phía bên méo, xoay vắn 1, 2, phân. Rồi dùng giấy vò quấn trên đầu cán kim (không nên để sát da mắt), lấy nhíp cầm kim, sau dùng alcohol đốt tại cán kim, để nguội mới nhổ kim ra, chỗ kim nổi phồng lên, nếu chưa nhẹ thì 10 ngày sau châm trị 1 lần nữa.

Trị nghiệm : Áp-dụng phương pháp này đã trị nhẹ nhiều người kết quả 90o/o. Đơn cử 1 bệnh như sau đây :

Ông Vương 52 tuổi méo miệng bên trái dùng đủ cách trị không kết quả, sau dùng phương này, lúc đốt kim thì trên mặt có cảm giác lạ, rút kim ra thì miệng lần lần chuyển chính lại. Sau 10 ngày trị 1 lần nữa hoàn toàn hết méo.

Bệnh Phong méo miệng có khi cơ dục tê dại.

Thủ huyết : Liệt khuyệt, A-thị-huyệt ; các huyết phối hợp : Địa-thương, Giáp-xa, Nhơn-trung, Thừa-tương, Đồng-tử liêu.

Thủ pháp : A-thị-huyệt tại bên miệng không méo, phía trong khóc miệng chỗ tĩnh mạch.

Trước châm phía bên bịnh huyết Liệt khuyết đầu kim xoay trở lên, châm 8 phân đến 1 tấc, rồi châm phía bên bịnh các huyết : Địa-thương, Giáp-xa, châm 8 phân.

Sau châm Nhơn-trung, Thừa-tương, Đồng-tử liệu 8 phân bịnh bờ bịnh tả xoay kim rồi lấy ra, cách nhứt châm trị 1 lần.

Trị nghiệm : (nhớ khi trị cấm uống rượu).

Phương này trị nhẹ nhiều người, bịnh nhẹ châm trị 1 lần kiến hiệu, bịnh nặng nhiều lần cũng 5 lần kiến hiệu.

Đơn cũ các bịnh sau đây :

Anh Di 35 tuổi bịnh Phong méo miệng đã 7 tháng, mắt méo bên mặt miệng chảy nước giải ; mắt bên trái không nhắm lại được nói khó khăn trị dùng các huyết : Giáp-xa, Hạ-quang, Hiệp-cốc, Đồng-tử liệu và châm đường tĩnh mạch phía trong miệng ra máu, lưu kim 5 phút.

Lần thứ 2 châm cả 2 bên. Trị lần thứ 3 châm xong nói rõ, hết chảy dãi. Sau cả 2 bên thay đổi dùng huyết châm trị đến 7 lần, mặt miệng hoàn toàn khôi phục hẳn.

2) Anh Thương 22 tuổi hiện chứng phong méo miệng, nói năng khó khăn bịnh đã 7 năm.

Trị pháp : dùng các huyết trị như trên, châm trị cả thảy 28 lần, bịnh hoàn toàn hết hẳn.

Trị Khẩu nhân hoa tà các phương : (Miệng méo mắt xéch).—
Những huyết chính : Nhơn-trung, Giáp-xa, Hiệp-cốc, Hạ-quang. **Phối hợp :** Phong-tri Ất-phong, Nhĩ-môn, Đầu-duy.

Như cảm giác tê thêm Tử-bạch, Nghinh-hương và châm ra máu đường gân xanh (tĩnh mạch) bên khóe miệng.

Thủ pháp : Châm phía bên bịnh (hoạn trái) Địa thương, Giáp xa 1 tấc châm 2 đầu kim đối nhau, lâu lâu xoay vận dầy kim.

Sau châm Nhơn-trung 8 phân Hạ-quang, Hiệp-cốc 1 tấc, châm nhẹ lâu lâu xoay kim, như bên bịnh cảm giác tê, châm Nghinh-hương 5 phân, Tử-bạch 3 phân. Còn các huyết Nhĩ-môn châm 5 phân, Ất-phong 3 phân, Đầu duy châm xiên ra sau 8 phân, Phong-tri 1 tấc.

Mỗi lần châm các huyết chủ yếu đều dùng các huyết phối hợp tùy thay đổi châm lưu kim trong 1 giờ.

Ngoài ra xem bên trong khóe miệng có gân xanh châm ra máu.

Phương này bình nhẹ châm trị 5 lần kiến hiệu, bình nặng trị 10 lần thành công.

Bình miệng méo 1 bên, không ngậm miệng lại được, phía méo mát hiệp lại.

Dùng các huyết : Giáp-xa, Địa-thương, Thủy-cẩu, Hòa-liêu, Tử bạch, Huyết phối hợp, Liệt khuyết.

Thủ pháp : Méo bên trái châm bên phải, méo bên phải châm bên trái. Châm Huyết Giáp-xa châm ngang đầy kim vào gần huyết Địa-thương. Châm huyết Thủy-cẩu cũng châm xiên ngang đến huyết Hòa-liêu.

Huyết Tử bạch châm luôn 2 huyết 2 phân

Huyết Liệt khuyết châm xoay trở lên 8 phân lưu kim 40 phút.

Trong khi lưu kim cứu huyết Liệt-khuyết 3 tráng rồi rút kim.

Trị nghiệm : Phương pháp này đã trị 90 người, những bệnh quá lâu không kết quả.

Chứng Nào bệnh sau phát sanh Phong méo miệng không dùng phương này, khó trị hết được (Nhớ khi trị rồi nên dùng khăn bao phía bên bình lại để giữ yên tĩnh và tránh gió).

Hoặc dùng phương sau đây

Thủ huyết : 2 huyết Địa-thương Giáp-xa phối hợp với các huyết : Phong tri, Nhơn-trung, Nghinh-hương, Gian-sử.

Thủ pháp : Trước châm huyết Địa-thương bên bình đầy kim xiên đến huyết Giáp-xa, chêm mạnh không lưu kim, rồi châm bên không bình huyết Địa-thương, Giáp-xa, Phong-tri, Gian-sử và 2 huyết Nghinh hương, huyết Nhơn-trung xoay vận kim rồi lưu kim 15, 20 phút.

Mắt không nhắm lại được thì châm Thái dương bên bình ra máu và châm Dương bạch, Thừa khấp xoay vận kim 1, 2 phút không lưu kim.

Nếu nhưc đầu trừ châm 2 huyết Phong-tri rồi thì châm 2 huyết Liệt-khuyết và Đầu-duy lưu kim như trên.

Châm tất cả rồi cứu phía bên bình các huyết Địa-thương, Giáp-xa, Gian-sử.

Cứ mỗi ngày châm cứu trị 1 lần liên tiếp trong 3 ngày, rồi sau cách 1, 2, 3 ngày trị 1 lần. Phương pháp này trị bình nhẹ 3, 4 lần Bình nặng 6, 7 lần kiến hiệu.

XXX CẢM MẠO.

Trị chứng cảm mạo, thương phong.

Trị chứng này cần phát hạng (cho ra mồ hôi, tùy chứng châm trị).

Thủ huyết : Phong-trị, Phế-du, Thân-trụ, Ngoại-quang làm chủ.

Tùy chứng thêm các huyết sau đây

Nghệt mũi châm thêm Thượng-tinh, Hiệp-cốc, Cồ đau châm thêm Dịch-môn Ngự tế. Họ đau ống khi quẳng châm thêm Thái-uyên, Xích-trạch. Ngoài ra thường hay sợ dễ bị cảm mạo thì dùng ngải cứu các huyết :

Phong-môn, Phế-du, Túc-tam-lý, tiếp tục cứu 1 tháng thì sau này không phát (Dự phòng cảm mạo).

Trị bệnh cảm mạo như nơn vì thần kinh hệ biến đổi nên châm làm điều chỉnh thần kinh và kích thích huyết dịch.

1. Châm các huyết : Phong-trị, Phong-phủ, Đại-chùy, Đồng-tử-liệu, Khúc-trị, Túc-tam-lý, Chi-cầu, Nội-dinh.

2. Châm các huyết : Liệt-khuyết, Hiệp-cốc, Ủ trung, Phong-trị, Nội dinh, Đại chùy, Túc-tam-lý.

3. Có phát ho châm các huyết : Hiệp-cốc, Liệt-khuyết, Phong-trị, Ủ trung Đại chùy và tùy hiện chứng dùng huyết châm trị như :

Nhức đầu châm Phong-trị, Đầu-lâm-khấp, Toán-trúc, Đầu-duy.

Đau mình châm các huyết : Khúc-trị, Ngoại-quang, Dương-lãng, còn-lôn. Chảy máu cam : châm thêm Hiệp-cốc. Nghệt mũi châm thêm Nghinh-hương.

Ho : Châm thêm Thái-uyên. Ợe mửa châm thêm Trung-uyên, Túc-tam-lý.

Tiền bí hoặc ỉa châm thêm Thiên xu.

Nổi xàm mê man châm Gian-sử, Nội-dinh.

Lưng phản trương châm Đại-chùy, Thân tru, Chi-dương.

Giải nóng châm các huyết : Đại-chùy, Thân-tru, Khúc-trị, Hiệp-cốc, Tam-lý và Nội-dinh.

Bị chủ : Phương pháp này áp dụng trị Lưu hành tãch cảm mạo, nên tùy chứng châm trị rất có kết quả.

Trị Cảm mạo ho, nhức đầu, đau lưng, Mất ngủ.

Anh Tiết 36 tuổi cảm ho, nhức đầu, mửa nước chua, có đàm, đau lưng, đêm bức rứt không ngủ được.

Trị pháp : Châm : Phục-lưu, Phi-dương bồ,, Ủy-trung, Kinh-cự, tả.

Cứu Đại-chùy, Phong-môn, Phế-du, Tỳ du, Vị du, Thận-du, Phong-long 5 tràng.

Kết quả : Các chứng đều giảm, ho cũng hết.

Trị cảm mạo mắt sưng đau, tiện bí tay chân vô lực.

Anh Bình 25 tuổi vì cảm mạo làm mắt sưng đau, tay chân yếu, miệng khô muốn uống nước nóng, mũi chảy nước có lẫn máu, muốn mửa, đại tiện 3 ngày không thông, không ăn, nước tiểu vàng, lưỡi tưa trắng, bệnh đã 3 ngày.

Trị pháp : Cứu Bách-hội, Phong-trì, Ấp phong, Đại chùy, Phong-môn, Phế-du, Thận-du, Màng-môn, Chiên-trung, Khí-hải, Thương-uyên, Trung-uyên, Hạ-uyên, Chương-môn, Túc-tam-lý. Tam-âm-giao đều 3 tràng.

Sau châm Bách-hội, Nhĩ-tiêu, Thái-dương ra máu.

Kết quả (trước cứu,) khi cứu xong bắc đi đại tiện, đầu càng nhức. Sau châm các huyết ra máu, bệnh giảm ngay và nhẹ liền.

Bệnh này sau khi trị xong đại tiện thông nên bệnh nhẹ ngay.

Trị cảm mạo đầu xoay xảm mũi nghẹt.

Anh Mạc 22 tuổi vì cảm mạo làm xoay xảm mũi nghẹt cứng.

Trị pháp : Châm Hiệp-cốc, Nghinh-hương tả. Cứu Đại-chùy, Thông thiên, Đầu-lâm-khấp đều 1 tràng. Phế-du, Phong-môn 3 tràng. Bách-hội, Thương-tinh 1 tràng.

Kết quả : Châm cứu xong bệnh hết xoay xảm mũi hết nghẹt.

Trị tiếp lần thứ 2. Bệnh phục hẳn.

Trị cảm mạo đau mình đau lưng, lòng bàn tay nóng.

Cô Thương 26 tuổi, cảm mạo đầu xoay xảm, toàn thân đau, miệng khô, mắt đỏ, oẹ mửa nước trong, lưng đau, kinh nguyệt 50 ngày không có, không muốn ăn uống, lòng bàn tay nóng, nhiệt độ 36,0.

Trị pháp : Châm Hiệp-cốc, Đại-lăng, Tam-lý tả. Cứu-Bach-hội, Phong-tri, Thái-dương, Đại-chùy, Phong-môn, Thận-du, Trường-cường 3 trảng.

Kết quả : Lòng bàn tay nóng giảm, hết mữa, đầu lưng miệng đều giảm.

Trị lần thứ 2, vi nhận thấy nơi hông đau, tim hồi hộp, Châm Nội-quang, Hiệp-cốc, Thái-xung tả. Cứu như trước.

Kết quả Bệnh hết hẳn.

Trị Cầm mao đầu xoay xắm phát sốt, ho, tứ chi tê lạnh

Thị Bình 23 tuổi cầm mao ho, đàm trắng, đầu xoay, miệng lạt, ra mồ hôi nhiều, lâu lâu tim nóng, nhiệt độ 39, tiểu vàng nóng.

Trị pháp : Châm Hiệp-cốc, Hậu-khê, Hạ-quang, Nội-quang, Dũng-tuyền-tả, Cứu-Đại-chùy 1 trảng, Phong-môn, Phế-du đều 3 trảng.

Kết quả : Châm xong các chứng giảm, hết sốt ; hết mồ hôi, Bệnh phục.

Cầm mao dùng huyết chủ trị và đề phòng.

Vì làm việc hoặc lao lực quá độ do thân thể yếu nên dễ bị cầm mao, tức Thương phong, phát nhưc đầu, nghet mũi, hay chảy nước mũi, ố hàng, phát sốt, ho.

Dùng huyết chủ trị : Châm Đại-chùy, Hiệp-cốc, Phong-môn, như ho thêm Phế-du, nhưc đầu thêm Thái-dương, đau cổ thêm Thiếu-thương, nghet mũi thêm Nghinh-hương.

Thân yếu đuối thường dễ bị cầm nên thường cứu các huyết Đại-chùy, Phong-môn ; Phế-du đều 3 trảng đề phòng khỏi bị cầm mao hoặc dùng phương dự phòng trên.

XXXIII BỆNH BAN TRÁI VÀ THƯƠNG-HÀN PHÁT BAN THỦY-ĐẬU. (Trái rạ)

Châm trị miễn dịch Ma chần. (Ban sởi)

Theo tài liệu các bệnh viện Nhi-đồng Trung-hoa châm trị trẻ đề đề phòng bệnh Ban sởi Ma chần sau đây :

Thủ huyết : Đại-trĩ, Phong-môn, Phế-du.

Thủ pháp : Châm mỗi huyết 2, 3 phút không lưu kim, ban

đầu châm 1 lần. Sau ít hôm châm 1 lần nữa, nếu cách 16, 20 ngày chưa phát bệnh thì châm thêm 1 lần thứ 3 (đều châm như trước).

Trị nghiệm : Lần thứ 1 châm cho 251 em theo dõi 109 em thì có 88 em phát bệnh (các em này chỉ châm 1 lần).

Lần thứ 2 châm cho 54 em châm 2 lần (cách 5 ngày sau phát bệnh' 38 em.

Lần thứ 3 châm 19 em (châm 3 lần) có 7 em phát bệnh.

Vậy đến mùa phát Ban chần, nên châm ngừa trước thì sau phát bệnh nhẹ, trung bình nhiệt độ lên 39, bệnh phát trong 7 ngày đến 9 thì hết, bệnh nặng cũng chỉ 10 ngày bình phục, ngoài ra có mấy phần trăm được miễn dịch hẳn.

Ngoài ra tại 1 Y-viện khác theo báo cáo của Viện này về châm miễn dịch Ban chần thì châm như sau :

Dùng các huyết : Hiệp-cốc Túc-tam-lý. Đối với trẻ em suy nhược thì cứu Phong-môn, Thân-trụ, Linh-đài.

Cũng có phương dùng các huyết : Bách-hội, Dương-kê, Hiệp-cốc, hoặc Phong-phủ, Phong-môn; Đại-chùy.

Tất cả đều ghi châm cứu trị miễn dịch đề phòng Ban chần.

Về thời gian thì châm 2 lần có hiệu quả hơn 1 lần. Theo báo cáo châm 2 lần thì trong 54 em, phát bệnh 38 em tức miễn dịch được 60o/o, đồng thời phát bệnh thì bệnh giảm nhẹ như thế rất hiệu nghiệm.

Vậy các phương trên đây dùng huyết và thời gian châm trị nên nghiên cứu thêm để có thể phổ biến phương thức Dự phòng miễn dịch Ban chần trong quảng-đại quần chúng.

Trị bệnh trẻ con phát Ban chần, nóng sốt mắt nhắm.

Cháu Đoan 1 tuổi phát sốt 2 ngày toàn thân, mắt nổi ban, mắt nhắm, miệng chảy máu.

Trị pháp : Châm Thủ-tĩnh-huyệt và Hiệp-cốc ra máu. Châm Khúc-tri, Tam-âm-giao. Kết quả Chần bớt, mắt mở, miệng hết chảy máu.

Trị lần thứ 2 châm Thủ-tĩnh-huyệt, Khiếu-âm ra máu, châm Nội-quang, Khúc-tri, đều tả và cho uống thêm thuốc trị Ban chần, Bệnh hết hẳn.

Trị trẻ em phát Ban chần đầu mặt như ghê chảy nước vàng.

Trị pháp : Châm Hiệp-cốc, Thiếu-thương, Thương-dương ra máu, Khúc-trì, Nội-quang. Kết quả : Chần giảm bớt.

Trị lần thứ 2 Châm Khúc-trì, Tam-âm-giao; Đại-chùy, và thích Hiệp-cốc, Thiếu-thương, Thương-dương ra máu.

Kết quả chần và nước vàng giảm.

Trị lần thứ 3 như trên, chần lặn không tái phát.

Trị tiếp lần thứ 4 cũng như trên. Nước vàng hết, chần tiêu.

• **Trị trẻ con phát Hồng ban (Ban đỏ).**

Cháu Phú 3 tuổi toàn thân phát sốt nổi Hồng ban, bụng đau trên đầu nổi như ghê lớn.

Trị pháp : Châm Ủy-trung, Khúc-trì, tả, Hiệp-cốc, Thủ-tĩnh-huyệt ra máu Cứu Bách-hội 3 trảng.

Kết quả : Châm Rồi về nhà ban tiêu, sốt giảm, các phong xang cũng bớt, bụng hết đau.

Trị lần thứ 2, Ban còn ít, miệng nóng.

Châm như trước thêm Nội-quang tả, và cho uống thêm thuốc Ban bình hết hẳn.

Trị người lớn phát ban và nhức đầu.

Thị Phương 47 tuổi, bệnh phát, nhức đầu, toàn thân phát Ban đỏ, có nổi mụn ngứa, trước phát bên trái sau phát luôn bên mặt.

Trị pháp : Châm Khúc-trì, bên trái, Phong-phủ, Hiệp-cốc bên trái đều tả, châm Tam-âm-giao bờ,

Cứu Bách-hội, Phong-trì, Phong-môn, Đại-chùy, Phế-du, Trung-uyên, Khí hải đều 3 trảng, Thái-dương, Ấp-phong, Thượng-tĩnh, Nhĩ-tiêu đều 1 trảng.

Kết quả : Bệnh hết hẳn.

Trị bệnh Ban chần phát ho, sốt, đêm không ngủ được.

Cháu An 3 tuổi bệnh phát Ban chần, ho, sau buổi trưa làm sốt-đêm không ngủ được.

Trị pháp : Châm Hiệp-cốc, Thiếu-hương, Trung-xung ra máu.

Cứu : Đại chùy, Phong-môn, Phế-du, Trung-uyên, Tam-lý đều 1 trảng.

Kết quả bệnh hết hẳn.

Trị Ban chán phát sốt làm oẹ mửa.

Cháu Hoàng mới sanh 6 tháng phát chán đầy mình, sốt nóng oẹ mửa, không bú được, nhiệt độ 38, ngày ỉa 3, 4 lần.

Trị pháp : Châm Hiệp-cốc, Thiếu-thương, Thương-dương, Trung-xung ra máu cho uống thuốc. Kết quả hết ỉa mửa chỉ còn 1 ngày 1 lần, nhiệt độ hạ còn 36/5., ra mồ hôi.

Trị lần thứ 2 trị như trên, Kết quả đêm lại ra mồ hôi, ngày sau nhiệt độ còn 36.

Trị lần thứ 3 Châm Hiệp-cốc ra máu Cứu Khí-hải, Trung-uỳên, Tam-lý.

Kết quả : Bệnh hết hẳn.

Trị Ban chán phát sưng phổi, miệng mũi lở.

Cháu Cửu 3 tuổi phát Chán sốt nóng cao độ đến 41, ngực, mặt, mũi nóng quá, ho không ra tiếng, đêm không ngủ được, ỉa khóc hoài, miệng mũi lở, tiện táo, đái vàng ; 2 ngày không ăn uống, trị huốc tây cho là bệnh sưng phổi nặng, uống thuốc không công hiệu không trị được.

Trị pháp : Châm Thủ-tĩnh huyết, Ấn-hạch, Lệ-đoài, Thiếu-thương ra máu và châm Xích-trạch, Nội-quang trong cho uống thuốc Đông-y. Kết-quả đêm lại ỉa ra 1 con lã dài, dạ dày mở, cho ăn được nữa chén cháo, nhiệt độ xuống 39.

Trị lần thứ 2 trị như trước. Kết quả miệng mũi ghẻ hơi nhuận bớt, đêm ngủ được nhiệt độ xuống còn 37.

Trị lần thứ 3 cũng trị như trên. bệnh hết hẳn bình phục.

Trị Chán hậu sưng phổi, lưỡi vàng có đốm đen.

Cháu Tư 1 tuổi. bệnh Ban chán phát rồi sau nóng không dứt, làm sưng phổi, đến 14 ngày, lưỡi vàng, giữa lưỡi đen, khô, thêm ho khan, mũi, miệng cứng khô, hay ọc sữa dùng Âu được không hiệu.

Trị pháp : Châm Hiệp-cốc, Thủ-tĩnh huyết, Lệ-đoài đều ra máu, trong uống thuốc giải ban.

Kết quả : Ngày sau nóng giảm; nhưng đêm lại còn nóng, giữa lưỡi hết đen, tươi nhuận, nhiệt độ xuống dưới 39,

Trị lần thứ 2 như trước thêm Nội-quang, Nội-dinh tả.

Kết quả ; Nóng giảm, nhưng đêm lại nóng đến khuya mới bớt, đầu còn nóng, lưỡi bớt vàng, tươi nhuận, đại tiện thông, nhiệt độ còn 38.

Trị lần thứ 3 trị như trước. Kết quả Nóng giảm, đến nửa đêm còn hầm hầm, nhiệt độ dưới 38.

Trị lần thứ 4. Châm Hiệp-cốc, Thiếu-thương, Thương-dương Trung-xung, ra máu. Cứu Đại-chùy, Phong-môn, Phế-du, Trung-uyên, Khi-hải, Tam-lý, đều 1 trảng. Kết quả : Nhiệt độ hạ còn 38.

Trị lần thứ 5. Cứu Trung-uyên, Thần-khuyết, Thiên-xu 1 trảng, Thủy-phần 3 trảng. Không thay đổi.

Trị lần thứ 6 Châm Hiệp-cốc, Thiếu-thương, Thương-dương ra máu.

Cứu Đại-chùy, Phong-môn, Phế-du, Tâm-du 1 trảng. (Nhiệt độ còn 37). Trị lần thứ 7 Châm trị như trước thêm Trung-xung ra máu, trong cho uống thuốc như trên.

Kết quả Bệnh hoàn toàn bình phục hẳn.

Trị bệnh Chấn hậu, sưng phổi, miệng lở tay sưng

Cháu Sanh 1 tuổi, chần phát sau rồi vẫn còn nóng, Tây y cho là sưng phổi uống thuốc ho hơi giảm, nhưng miệng lở, cánh tay sưng, tinh-thần mê-mệt, lưỡi tưa vàng.

Trị pháp : Châm Hiệp-cốc, Thủ-tĩnh-huyệt ra máu, trong uống thuốc.

Kết quả : Hai giờ sau, đại tiện thông, miệng hết nóng.

Trị lần thứ 2, trị như trên, miệng nhuận lại bớt lở, đêm ngủ yên, ăn được, lưỡi bớt vàng, còn cắn trắng.

Trị lần thứ 3 Châm Hiệp-cốc, Thiếu-thương, Thương-dương ra máu. Cứu Đại-chùy, Phong-môn, Phế-du 1 trảng, trong cho uống thuốc. Kết quả : tay sưng xẹp, miệng nhuận hết nóng.

Trị lần thứ 4 Châm Hiệp-cốc Thủ-tĩnh-huyệt ra máu, cũng uống thuốc như trên. Kết quả ngủ yên được, bình giảm nhiều.

Trị Chấn hậu ; chảy máu cam, phát đau bụng.

Cháu Quân 3 tuổi phát Chần sau rồi chảy máu cam, phát đau bụng, ban đêm ỉa 3 lần.

Trị pháp : Châm Hiệp-cốc Thiếu-thương, Thương-dương ra máu.
Cứu Phế-du Cách-du đều 1 trảng. Kết quả : Bệnh hết hẳn.

Trị Chấn hậu cơn nóng, phát kiết không ăn được.

Cháu Trương 2 tuổi phát chần sau 5 ngày còn nóng đi cầu ra máu, hai má đỏ, miệng khô, lưỡi tưa vàng mỗi đêm uống nước 1 chén mà không ăn.

Trị pháp : Châm Hiệp-cốc, Thiếu-thương, Thương-dương Trung-xung, Thiếu-xung ra máu.

Kết quả : Bệnh hết hẳn.

Trị Chấn hậu đau bụng.

Cháu Liên 5 tuổi chần phát rồi sau đau bụng dữ dội đã 3, 4, ngày.

Trị pháp : Cứu Trung-uyên, Chương-môn, Thủy-phần Thiên-xu Khí-hải, Tam-lý, Tam-âm-giao đều 3 trảng, Thần-khuyết, Âm-giao, Cống-tôn Nội-quang đều 1 trảng.

Kết quả : Bệnh hết hẳn

BAN CHẤN THƯƠNG HÀNG.

Chứng này là Thương-hàng phát ban (cũng gọi là ban bạch)

Chứng phân từng thời kỳ từ 10 đến 14 ngày, phân làm 4 kỳ.

Thời kỳ thứ 1. Đột nhiên phát sốt phát lạnh, nhức đầu đau lưng, ác tâm oẹ mửa lưỡi tưa, ho, thời kỳ này kéo dài 4, 5 ngày..

Thời kỳ thứ 2. Lưỡi khô thờ mệt, mất ngủ, nói xàm trong thời kỳ này khoản trong 5 ngày phát Ban bệnh cần thâm nhập vào huyết dịch.

Thời kỳ thứ 3. Thời kỳ này phần nhiều bệnh đã quá 8, 9 ngày, bệnh thể đã nặng, như nhiệt độ thỉnh linh hạ xuống, diều nhiều ngày đêm nói xàm, hôn mê, mất đồng tử tán, không nhận rõ được người, tai điếc, lưỡi tưa, người vô lực.

Thời kỳ thứ 4. Bệnh như cảm giác hơi thanh tịnh, đồ mồ hôi, bệnh nặng đi tả ra nước, toàn thân bớt như hơi khô lại, từ ấy về sau người ngày càng vô lực, nhiệt độ trở lại bình thường, hay muốn ngủ, như biết cách điều dưỡng thì khỏe lại.

Đối với bệnh này thường dùng được vật huyết thanh, trên đầu

đắp nước đá lạnh trong 1 tiếng đồng hồ, rồi nghỉ nửa giờ lại đắp lại cho ăn trứng gà sữa trái cây.

Vậy cần Châm cứu phối hợp, để làm tăng sức đề kháng cơ thể và giảm thể bệnh.

Thời kỳ thứ 1. Dùng các huyệt : Khúc-trị, Túc-tam-lý, Tam-gian, Trung-uyên, Dương-lăng-tuyền.

Thời kỳ thứ 2 Dùng các huyệt : Gian-sử; Đầu-duy, Phong-trị, Tam-Âm-giao, Thủ-tam-lý, Thận-du, Tỳ-du.

Thời kỳ thứ 3 dùng các huyệt : Chi-cấu, Quang-nguyên, Phục-lưu, Thỉnh-cung, Nhi-môn, Cao-hoan, Linh-đài. về sau cách 3, 4, ngày Châm cứu trị 1 lần dùng các huyệt : Khúc-trị; Liệt-khuyết, Túc-tam-lý, Dương-quang Tam-âm-giao, Vị-du, Cách-du, Thận-du.

(Phương này xin ghi vào đây để nghiên cứu, về bệnh Thương hàn xin coi mục Thương-hàn bệnh sách Châm cứu Thực hành).

BỆNH THỦY ĐẬU (TRÁI RẠ).

Trị bệnh phát trái rạ (thủy đậu).

Cháu Túc 16 tuổi phát bệnh trái rạ hơn tháng, cả đầu mặt tay chân đầy mụn, có nốt nhỏ, có nốt lớn trong bóng, chân bên trái nổi 1 cục hạch bằng 3, 4, phân tây, phát nóng sốt, chân sưng, miệng khát, phát ngứa, đại tiện 4, 5, ngày đi 1 lần, nhiệt độ 37.

Trị pháp : Châm Khúc-trị, Ấc-phong, Hiệp-cốc, Phong-phủ, tả, Nội-quang 1 huyệt, Phục lưu, Bđ.

Kết quả : Chân hết đau, Khoan khoai được.

Trị lần thứ 2 (Cách 1 ngày) Châm Khúc-trị, Lao-cung, Tam-âm-giao, Hiệp cốc tả.

Kết quả : Chân nhẹ hẳn, trái xuống.

Trị lần thứ 3 : Châm Khúc-trị, Hiệp-cốc, Nội-quang, Phong-trị, Ấc-phong tả. Cứu-Tiểu-hải, Trửu-tiêu 5 tráng.

Kết quả : chồ nổi hạch bớt nhiều, trái xuống nhưng còn ngứa.

Trị lần thứ 4 Trị như trên. Trái rạ đã xuống hết.

Trị lần thứ 5 Châm Khúc-trị, Hiệp-cốc, Ấc-phong, trên Mụn hạch 1 huyệt, tả. Kết quả : Hạch nhỏ lại bớt.

Trị lần thứ 6, 7, 8. Châm Khúc-tri, Hiệp-cốc, Nội-quang, Ế-phong và trên mụt hạch, tả và châm Thiếu-thương, Thương-dương, Trung-xung, Thiếu-xung ra máu. Kết quả : Hạch nhỏ lại nhiều.

Trị lần thứ 9 Châm Khúc-tri, Hiệp-cốc, Nội-quang, Ế-phong, Phong-tri tả, và cũng thích Lệ-đoài, Ân-bạch, Trung-xung, Thiếu-xung đều ra máu.

Kết quả : Mụt hạch teo nhỏ và bình trái hoàn toàn hết hẳn.

XXXIV BỊNH SỐT RÉT

Bệnh Sốt Rét (Ngược tật).

Kinh nghiệm trị các bệnh sốt rét kiến hiệu đến hơn 80o/o đều áp dụng các huyết và phương thức sau đây :

I. Thủ huyết : Đại-chùy, Phong-tri, Bách-hội, Thái-dương, Hiệp-cốc, Khúc-tri, Thận-du, Hậu-khê, Nội-quang, Ngoại-quang.

Châm trị trước cơn phát 1, 2, giờ, lưu kim 15 phút.

Trị nghiệm : Dùng phương thức này trị 6 người sốt rét đều hết hẳn.

Đơn cử bệnh như sau đây :

Có Chử 24 tuổi mỗi ngày 4 giờ chiều phát cơn trước lạnh sau nóng, đầu nhức ra mồ hôi, đến 8 giờ tối mới dứt hết cơn sốt.

Qua ngày sau thì còn ớn lạnh nhưng làm việc được.

Kiểm tra tạng phủ không bị thương, chỉ sưng lá lách nhẹ, lớn hơn bình thường độ 1 ngón tay, thử máu có vi trùng sốt rét (giản nhợt ngược nguyên trùng Plasmodium vivax).

Bắt đầu áp dụng châm trị trước cứ 2 giờ. Châm các huyết và lưu kim 15 phút, Nội ngày ấy không phát cơn, liên tiếp châm trị 5 ngày làm 1 liệu trình. Lần sau thử máu lại không còn vi trùng sốt rét nữa, và bình tiết hẳn.

Phương thức này trị 6 người như vậy, có 3 người châm trị 1 lần hết cơn, 2 người châm trị 2 lần tiết, 1 người châm trị 1 lần không còn vi trùng sốt rét.

2) Thủ huyết, Đại-chùy, Đào-dao (2 huyết chủ yếu), phối hợp các huyết Nội-quang, Gian-sử, Liệt-khuyết, Chương-môn, Phục-lưu, Thái-khê, Hậu-khê. Các huyết thay đổi châm cứu, hoặc châm rồi sau gia cứu, hay châm huyết này cứu huyết khác.

Mỗi ngày dùng 3 hay 5 huyết hoặc châm hoặc cứu. Trong khi châm nên chú ý, châm cho bình hơn tề, rần như luồng điện chạy (dùng kích thích trung độ) và sau lưu kim 3, 4 phút mới rút kim. Trong khi cứu cũng chú ý đến lúc da hồng đỏ mới dừng độ.

Nhưng khi châm trị phải trị trước 1, 2 giờ mới có công hiệu, nhờ trong lúc lên cơn châm trị không kết quả.

3) Phương pháp sau đây áp dụng cách đo lấy huyết như sau :

Dùng sợi giây đo từ giữa lằn chỉ khuỷu cườm tay nam tả, nữ hữu, kéo lên đến chót đầu ngón tay giữa làm 1 đoạn để đo sau đầu từ chỗ mày tóc cổ xuống xương sống, chỗ đốt thứ 3, 4, tức chỗ huyết Thân-tru (trên huyết Thân-tru) ấy là huyết Kỳ-huyết, dùng kim lớn châm tại đó rồi lấy tay ép từ huyết Đại-chùy xuống, và từ huyết Mạng-môn lên cho ra máu (ép lên xuống độ 7 lần rồi ép ra máu) dùng bông thấm alcool tiêu độc chùi máu.

Phương thức này trị rất là kiến hiệu, nhưng nhờ nên trị trước cơn 1 hay 2 giờ mới kiến hiệu, châm trị 1 lần bình hết ngay.

Đã trị được 22 người bị Ấc tánh ngược trùng (*Plasmodium falciparum*) Giang ngược trùng (*Plasmodium Vivax*) và Tam nhiệt ngược trùng (*Plasmodium maliriae*) chỉ châm trị 1 lần, 2 lần, có bình đến 3 lần là tiết hẳn.

Chú ý : Nếu bệnh chưa dứt cơn đó là vì châm trị quá sớm hay quá muộn, hoặc thủ pháp không đúng nên không kết quả.

4) Phương thức sau đây : Dùng hai huyết Đại-chùy và Đào-đạo.

Chỉ dùng hai huyết này trị bệnh, đã châm trị 4 người, chỉ châm trị 1 lần hết hẳn, 6 người châm trị 2 lần kết quả và sau 3 người gia thêm cứu 3 lần kiến hiệu.

Có người bệnh cả tháng dư cũng chỉ châm trị 3 lần trừ căn ngay, không cần uống thuốc. Thật ra 2 huyết này trị Sốt Rét rất hiệu nghiệm, nhưng cũng nên chú ý châm trước cơn 1 giờ hay 2 giờ.

Thủ pháp : Châm huyết Đại-chùy 4 phân, cứu 15 đến 20 phút.

Châm huyết Đào-đạo 4 phân, cứu từ 10 đến 20 phút.

Khi châm 2 huyết này thì bệnh hơn cảm giác tê rần đến suốt lưng mới mau kiến hiệu (2 huyết này cũng có thể châm trị trong lúc lên cơn hay sau cơn nhưng hiệu quả kém hơn châm trị trước cơn).

5) Trong 40 năm trị bệnh châm cứu, trị bệnh sốt rét có vị Lão y sư dùng thủ pháp dưới đây rất đơn giản và kết quả thần tốc, xin giới thiệu sau đây :

Thủ pháp : Thời gian trị bệnh cũng trước cơn 2 giờ, bảo bệnh nhơn ngồi ngay ngắn, trước án huyết Đào-đạo, ngón tay trái đè tại huyết tay mặt cầm kim châm vào 3 phân, lưu kim không lấy động. Rồi án huyết Thân-trụ cũng y như vậy châm vào 3 phân.

Hỏi bệnh nhơn có cảm giác nơi ngón tay giữa lạnh hay tê nóng không, nếu chưa có cảm giác gì thì đẩy kim vào nữa phân nữa thì bệnh nhơn cảm giác tê nơi 10 đầu ngón tay, đó là đúng mức độ, lưu kim đến khi tay hết cảm giác mới rút kim, lấy tay ấn tại huyết thì cơn rét tiết ngay.

Nếu áp dụng đúng thủ thuật bệnh nhơn cảm giác như trên, nhưng lần thứ nhất chưa hết cơn, thì châm trị lại 1 lần nữa sâu hơn 1 tý ắt kiến hiệu. Đối với người héo mạp cơ thể châm sâu đến 6 hay 8 phân nhưng không nên quá sâu lắm.

Kinh nghiệm.

Trị 6 bệnh Sốt Rét có kết quả mỹ mǎng xin phổ biến sau đây :

1. Bà Hà 68 tuổi bị bệnh sốt rét mỗi ngày đến 5 giờ chiều phát cơn tay chân và toàn thân lạnh run, sắc mặt mét xanh, thở hào hển, cơn lạnh kéo dài 3 giờ rồi qua nóng sốt, ngấn hớn, đến ra mồ hôi thì hết cơn, rồi không muốn ăn uống gì, tinh thần mê mết, tay chân vô lực.

Châm trị : Vì thấy bệnh nhơn quá già và cho biết cơn phát lạnh run như thế, mà người yếu, nên trước châm huyết Túc-tam-lý (châm trước cử 2 giờ) bệnh nhơn cảm giác không ớn lạnh, Châm tiếp các huyết Hiệp-cốc, Ngoại-quang, Gian-sử, khi châm không biết tê, chỉ cảm giác đau. Qua ngày sau cho biết, cơn sau phát rất nhẹ, chỉ phát sơ qua. Ngày hôm sau cũng trị trước cơn 2 giờ, trị y như trước.

Kết quả : cơn giảm nhiều, duy không muốn ăn uống.

Trị lần thứ 3 Dùng các huyết : Châm Hiệp-cốc, Trung-chữ, Ngoại-quang, Túc-tam-lý, Thái-khê. (Bây giờ châm bệnh nhơn cảm giác tê rần và đau). Tiếp trị như thế 2 lần nữa bệnh hết hẳn tuyệt không phát sốt rét nữa và bình phục.

2. Ông Phùng 53 tuổi bệnh giãng nhựt ngược, cơn phát lúc 2 giờ chiều ban đầu hơi dún xương sống rồi phát ớn lạnh đến 3 giờ (lúc ớn lạnh muốn ra nắng ngồi), lạnh xong thì phát nóng sốt một chập, ra mồ hôi mới hết cơn, tay chân vô lực, tim phiền táo; miệng khô khát nước, ăn ít, nhưng ngày sru không phát cơn thì làm việc được, chỉ ngày phát cơn không làm lụng gì được cả.

Bắt đầu châm trị, đến ngày lên cơn trước cứ 2 giờ châm các huyết :

Công-tôn, Túc-tam-lý, Ủy-trung, Hiệp-cốc, Dương-trì, Khúc-trì.
Châm trị 1 lần bệnh tuyết hẳn, đến sau không phát nữa.

3. Ông Mồ 50 tuổi bệnh sốt rét lên cơn đã nhiều lần, mỗi ngày đến 2 giờ chiều phát, có ngày lại phát lúc 12 giờ trưa, cơn phát trước cũng lạnh run trong 1 giờ rồi đến nóng đến 3 giờ ra mồ hôi châu thân ước dầm mới hết sau đó không ăn gì được, người mệt.

Bắt đầu trị châm lưỡng túc tam lý (cảm giác tê rần) rồi châm Dương châm huyết Hiệp-cốc, vừa châm vào bên trái tức thì bệnh như cảm thấy đầu xoay xảm (đó là phát hiện vừng châm), tức thời rút kim ra liền, bệnh như còn cảm giác nhưc đầu, bảo bệnh như nằm yên nghĩ 1 chập, người xuất mồ hôi, miệng khát, cho uống 1 chung trà để hết mồ hôi mới ra về.

Hôm sau cho biết từ ngày ấy không có phát cơn và tuyết luôn, lại ăn biết ngon, mạnh khỏe như thường.

4. Anh Quý 34 tuổi Giang nhựt ngược, sốt rét phát cơn từ 9 giờ mà trước ớn lạnh đến 3 giờ rồi phát sốt, đầu nặng, miệng khát, kéo dài đến chiều tối ra mồ hôi rồi hết, lại chuyển đến cơn sau. Đã dùng thuốc không công hiệu, bệnh kéo dài hơn 1 tháng, ăn ít, lá lách sưng Bắt đầu châm trị trước lên cơn châm các huyết: Đại chùy, Hiệp-cốc Ủy-trung, Dương-trì, Trung-chữ, Dương-lăng-tuyền, Công-tôn; Nội-đình. Châm các huyết này bệnh như đều cảm giác tê, chỉ tại huyết. Đại chùy đau. Châm trị xong đến 9 giờ không phát cơn sau luyệt hẳn. Bệnh này đã phát hơn tháng thể mà châm trị có 1 lần bệnh dứt khó tái phát nữa.

5. Cô Trương 31 tuổi sốt rét giãng nhựt ngược khi lên cơn phát trước lạnh sau nóng, nóng lạnh như nhau, đến 6 giờ, đến khi xuất mồ hờ mới hết cơn, trong lúc làm cứ lại còn phát ọc khan, bệnh đã phát 3, 4, lần rồi cứ đến 4 giờ chiều thì phát, sau cơn phát rồi cũng không muốn ăn.

Trước cơn 1 giờ dùng châm trị các huyết : Khúc-tri, Túc-tam-ly, Công-tôn, Nội-dinh. Chỉ trị 1 lần hết hẳn.

6) Có 1 là 34 tuổi sốt rét ngày nào cũng lên cơn, cơn phát trước lạnh sau nóng, cứ ớn lạnh xương sống thì phát cũ, đầu nặng lưng đần, kéo dài đến 3 4 tiếng đồng hồ mờ hơi ra mới dứt cơn, mỗi ngày cứ đến 10 giờ mai thì lên cơn, Bệnh đã 3 ngày

Bắt đầu 9 giờ mai châm trị dùng các huyết : Ủy-trung, Kim-môn, Đại-chùy, Khúc-tri, khi châm đều cảm giác tê rần. Châm trị 1 lần bệnh dứt hẳn không tái phát.

SỐT RÉT KHIÊM BỊNH.

Trị bệnh sốt rét mình đau tiểu gắt.

Cậu Hưng 25 tuổi bệnh sốt rét, cơn phát trước lạnh rất lâu sau phát nóng ít, nhưng toàn thân đau nhức, chỗ ở tim đau, ăn không tiêu, mắt vàng, tiểu tiện gắt đau.

Trị pháp : Nhon vì trời mưa không nên châm cứu, sợ phạm khí lạnh xâm nhập vào, nhưng bệnh nhon yêu cầu nhờ trị.

Dùng Ngại-quyện châm cứu Thượng-uyên 10 phút, châm xong hết rét, nhưng sợ đến cơn phát, nên tiếp cứu Đại-chùy, Gian-sử Hậu-kê, Nội-quang 3 tráng.

Kết quả : ngày sau bệnh vẫn lên cơn.

Trị lần thứ 2 : Châm Hậu-kê, Nội-quang, Công-tôn, Cứu-Thượng-uyên, Trung-uyên, Hạ-uyên, Chiên-trùng, Thần-tàng, Thiên-xu, Túc-tam-ly. Đều 1 tráng.

Kết quả : không phát cơn nữa.

Trị lần thứ 3 (hiện chỗ bụng huyết Trung-uyên có cục bán, tiểu gắt. Dùng Ngại-quyện ngay tại cục bán nguyệt Trung-uyên.

Châm Thái-bạch, Phong-long. Cứu Chiên-trung, Tỳ-du, Vi-du, Chương-môn, Thiên-xu, Túc-tam-ly đều 3 tráng. Thần-khuyết, Khí-hải, Tam-âm giao, Nội-quang, Công-tôn đều 1 tráng.

Kết quả Tim bớt đau, toàn thân xương cốt bớt ghu, sắc mặt tươi nhuận, ngực bớt đầy.

Trị lần thứ 4 cũng trị như trước, cứu thêm Bàng-quang-du 3 tráng

Kết quả : tiểu bớt gắt, tinh thần khoan khoái.

Trị lần thứ 5 Trị như lần thứ 3, Dùng ngại quyện châm cứu, Trung-uyên.

Kết quả : Cục bán hết, tiểu tiện thường; người khỏe; ăn ngon; mặt tươi nhuận bình phục.

Trị bệnh sốt rét khiêm đầu nhứt xoay xảm.

Anh Vinh 44 tuổi khi lên cơn rét, tay chân đều nóng xung lên nảo, làm nảo thần kinh đau kịch; xoay xảm hoa mắt tối tăm, trước nóng ít sau lạnh kéo dài, đại tiện 3 ngày không đi, lưỡi tưa, tiểu vàng nhiệt độ lên 40.

Trị pháp : Châm Đại-chùy; Nội-quang, Hậu-khê; Hiệp-cốc, Bách-hội, tư-trúc-không; và thích Nhĩ-tiểu ra máu.

Kết quả : Bớt sốt, đầu hết xoay xảm, đại-tiên thông, hết rét, nhiệt độ xuống 39.

Trị lần thứ 2 Dương lúc cơn hực nóng xông lên đầu làm chóng mặt tay chân hực nóng.

Châm Phong-phủ, Phoung-tri, Đại lãg, Hiệp-cốc. Cứu Bách-hội, tiền đánh, Thượng-linh, Tinh-hội, Đại-chùy, Phong-môn, Phế-du, đều 3 tráng Thái-dương, Nhĩ-tiểu 1 tráng.

Kết quả bệnh hết hẳn không lại trị nữa.

Trị bệnh sốt rét làm thủng ọe mửa nước đắng.

Anh Hoa 40 tuổi bịnh sốt rét cách nhứt đã lâu, cơn phát trước lạnh sau nóng, xoay xảm ác tâm mửa nước vàng (có đờm trấp) mặt vàng, làm thủng (thủng mắt) móng tay trắng, chân yếu vô lực.

Trị pháp : Cứu Đại-chùy, Đào-đạo, Phong-môn, Phế-du, Nội-quang, Hậu-khê, Trung-uyên, Túc-tam-lý; Hạ-uyên (vì người mê mệt quá nên trước phải cứu).

Trị lần thứ 2 : Châm Tam-lý. Ngoại-quang, Công-tôn, Nội-quang, Đại-chùy và cứu như trước.

Kết quả : Hết mửa nước vàng, hết sốt rét.

Trị lần thứ 3 trị như trên thêm châm Hiệp-cốc

Kết quả mặt bớt thủng, bớt mệt, bớt xoay xảm và chân vững.

Trị lần thứ 4 trị như lần thứ 2.

Kết quả : Hết xoay xảm, tinh thần khỏe, hết thủng mặt.

Tiếp trị 2 lần nữa bịnh hoàn toàn bình phục hẳn.

Trị bệnh rét đây đưa phát đi phát lại nhiều lần thử máu có vẻ trùng sốt rét.

Anh Cao 25 tuổi 4 tháng trước phát sốt rét cách uớt, phát 4, 5 lần dùng thuốc trị dứt, rồi cách nửa tháng sau lại phát mấy lần, dùng thuốc cũng dứt, cách 1 tháng sau vẫn phát lại cứ trước lạnh 1, 2 giờ, sau nóng 1, 2 giờ, mủ máu có vi trùng sốt rét.

Trị pháp : Châm Hậu-khê, Nội-quang. Cứu Đại-Chùy, Phong-môn, Phế-du 3 trảng.

Kết quả ngày sau giảm nóng lạnh 1/2 giờ.

Trị lần thứ 2 cách 1 ngày. Châm Hậu-khê, Gian-sử, Cứu Đại-chùy, Phong-môn, Phế-du, Đào-đạo, Vi-du, Mang-môn đều 3 trảng.

Kết quả : bệnh hết hẳn và thử máu không còn vi trùng sốt rét nữa.

XXXV HẮC NHIỆT BINH.

Bệnh sốt rét thường sau phát lá lách sưng to, bệnh cứ diễn tiến mãi đến 2, 3, năm làm huyết dịch bị tổn hại, dinh dưỡng bị tiêu hao bệnh nhưn bạch huyết cầu đại giảm, nếu không trị sớm có thể chết.

Trị sớm có thể nhẹ được 95/0.

Châm cứu trị cần làm cho tăng cường sức đề kháng.

Dùng các huyết chủ trị : Khúc-trị, Túc-tam-lý, Cực-tuyền, Hành-gian, Phế-du, Tỳ-du, Thiên-xu, Đại-chùy, Nội-quang, Loe-cung, Nội-dinh tùy châm cứu trị. (Bệnh này do vi trùng hấp huyết trùng, bệnh dễ truyền nhiễm, vậy nên đề phòng).

Trị bệnh Hắc nhiệt bệnh, lá lách sưng lớn, tâm tạng, bệnh phúc thủy

Anh Dân 23 tuổi năm trước hông bên trái phát sanh 1 cục bứu đi mờ, nhưng về sau không lành miệng, cứ chảy mủ, nước vàng, đến nay tại bên rún phát lên 1 cục lớn lần lần to lên (tức lá lách sưng).

Bụng và chân đều phát thũng, bên sườn trái dưới xương sườn dẫn đến dưới rún 2 tất dè có 1 khối độ 3 tất, thường khi đứng dậy thì chỗ lá lách sưng cứng trị xuống, bụng đau, lại thêm phát ho, khi ho thì chỗ ở tim đau làm như khí suyễn, tim đập, mặt hơi lờn rac mặt mét hấp chân phù thũng, khi nằm bên trái thì mặt bên phải sưng, khi nằm bên phải thì bên trái sưng, ban đêm ho nhiều không ngủ được, ăn cơm không tiêu, 2, 3, chén đã phát ách, chỗ lỗ mủ còn chảy mủ, bệnh đã hơn 3 tháng.

Trị pháp : Châm Trung-uyên, Thiên-xu bên trái, chương-môn bên trái. Dùng ngải quyền trực tiếp cứu Cưu-vỹ, Cưu-khuyết, Chiên-trung, Thượng-uyên, Hạ-uyên, Âm-dò, Thông-cốc, Thiên-xu, Khí-hải Tam-ly, Tam-âm-giao; Nội-dinh, Thán-du, Mạng-môn, Tuyết-cốt đều 3 trảng.

Kết quả : Châm cứu xong bụng hết đau, khi đứng lá lách không trệ nữa, ho bớt đau chỗ ổ tim, ăn được, dễ tiêu.

Trị lần thứ 2 (cách 1 ngày trị 1 lần) Châm Thượng-uyên, Nội-quang trái; Chương-môn; Thông-cốc 2 huyết, Túc-tam-ly trái. Cứu như trên.

Kết quả : Các bệnh giảm nhẹ, ăn được nhiều duy còn ho như trước.

Trị lần thứ 3. Châm cứu như trước.

Kết quả : Chán hết thũng, bụng giảm ăn nhiều, vẫn còn ho, đàm khó nhổ rít, nằm thì nghẹt ở cuốn họng, không ngủ yên được.

Trị lần thứ 4. Châm các huyết : Trung-uyên, Chương-môn, Thiên-xu, Phong lòng bên trái, tả, cứu như trước.

Kết quả : Ho giảm, đàm lỏng, nằm ít vươn cổ, lá lách bên trái đã nhỏ lại 2, 3, tắt.

Trị lần thứ 5 Châm Trung-uyên, Chương-môn 2 huyết, Thiên-xu, Kinh-cự, Công-tôn đều bên trái. Cứu như trước.

Kết quả : Ho giảm đàm dễ nhổ hết vươn.

Trị lần thứ 6 : Trị như trên.

Kết quả : Rọi kiến thử xem : Lá lách teo nhỏ, không có cục như trước các chứng đều giảm nhiều.

Trị lần thứ 7. Châm Trung-uyên, Chương-môn, Thiên-xu Công-tôn, Nội-dinh đều bên trái. Cứu như trước.

Kết quả : Các chứng đều hết, người khỏe mạnh bình phục hoàn toàn.

Trị Hắc nhiệt bñh tỳ thũng tim đau.

Anh Thân 24 tuổi. Bên hong trái chỗ lá lách sưng to 5 tắt chạy ngang đến Vi-uyên, chỗ ổ tim có lúc đầy khó chịu, có khi đến ngất xỉu thường cảm thấy hơi nóng xông lên đầu làm xoay xảm tai có mủ, không còn trí nhớ gì cả, bình thường đi đường hoặc

nói nhiều thì tức ngắt người muốn tẻ, phải ngồi nghỉ 5 phút mới tỉnh lại được, nếu ca hát ngâm nga ít câu thì tự nhiên mất tiếng. Ngồi xe cũng bắt nòn mửa người mất, thường đổ chân tẻ.

Trị pháp : Châm Nội-quang, Cống-tôn, Chương-môn tả pháp. Cứu Tỳ-du, Vị-du, Cách-du, Phế-du, Tam-lý, Dũng-truyền đều 3 trảng.

Kết quả : Khi châm tả các huyết nhiệt khi công lên đầu não. lưu kim hơi giảm, trị xong sau 3 người phát ngứa (độc phát ra ngoài), chỗ ở tim bớt ngứa, lá lách nhỏ lại, sắc mặt nhuận, bớt mệt, còn nóng.

Trị lần thứ 2 (sau 12 ngày). Châm cứu trị như trước thêm Túc-tam-lý và thích Châm Khiếu-âm, Ân-bạch Đại-dôn đều ra máu.

Kết quả : Tinh thần khỏe, đi xe không xoay xảo nữa.

Trị lần thứ 5 cách 8 ngày hiện bệnh đầu mặt tai đều cảm giác nóng mắt nhắm lại 1 con, tai lùng bùng).

Châm Bách-hội, Nhi-tiểu, Thiếu-thương, Hiệp-cốc, Chi-âm, Ân-bạch, Khiếu-âm, Thái-dương ra máu, Toán-trúc, Ngự-yêu Thỉnh-hội, Tam-lý, Âm-lăng-tuyền, Đại-chùy đều dùng tả pháp.

Kết quả : chân ra máu ở đầu và các huyết xong thì đầu nhẹ nhàn, châm trị xong thì đầu mặt hết nóng, mắt mở, bệnh giảm.

Về sau bệnh nhẹ hoàn toàn không trị nữa.

XXXVI BỆNH ĐÁI ĐƯỜNG.

Bệnh này cũng gọi là bệnh tiêu khát. Trị bệnh này nên bảo bệnh nhân cử ăn các chất đường.

Châm cứu trị dùng các huyết : Tỳ-du, Thân-du, Quang-nguyên, Cách-du, Quang-nguyên-du, Bàng-quang-du, Trung-tử-du, Bát-liêu, Túc-tam-lý, Tam-âm-giao, Thủy-tuyền, Thừa-phò, Âm-ky.

Tùy chứng trạng áp dụng châm cứu trị.

Hoặc dùng phương sau đây : tùy dùng ít huyết thay đổi châm trị : Trung-uyên, Tam-tiểu-du, Vị-du, Thái-uyên, Liệt-khuyết, Thần-môn, Nội-quang, Thân-du, Phế-du, Quang-nguyên, Bát-liêu, Túc-tam-lý, Thừa-phò, Tam-âm-giao.

Hoặc cứu các huyết : Quang-nguyên, Khí-hải, Túc-tam-lý, Yêu-du.

Trị bệnh đái đường nên phân Tam-tiêu : Thượng-tiêu, Trung-tiêu,

Hạ tiêu (theo sách xưa gọi là tam-tiêu bệnh).

Gần đây Một bệnh viện ở Trung-hoa chăm cứu trị bệnh này kết quả 80o/o, phân tam-tiêu như sau :

1. Thượng tiêu : Bệnh phế kinh thiết hỏa, thượng-tiêu nhiệt; Tâm nhiệt xung khắc phế kim.

Chứng trạng : Lưỡi đỏ, cổ nóng, Khát nước uống ngày đêm vô độ.

Dùng các huyết trị : Hành-gian, Dũng-tuyền, (châm 3 phân) Thiếu-thương châm 1 phân bỏ pháp, và lưu kim 1 giờ; Cứu nửa giờ.

2. Trung tiêu : Tỳ-kinh thiết hỏa, hoặc dương phục xông lên vị.

Chứng trạng : Cơ thể thê táo. miệng khô muốn uống nước, đại tiện táo, nước tiểu như nước cam có chất đường.

Dùng các huyết trị : Trung-uuyền, Tam-lý, Phục-lư châm 2 phân bỏ pháp và lưu kim 1 giờ; Cứu nửa giờ.

3. Hạ tiêu : Thận âm hư hoặc thủy phục tam-tiêu :

Chứng trạng : Phiên táo muốn uống nước, tai hơi lũng bưng, tiểu tiện khó hoặc nước tiểu đặc như keo.

Dùng các huyết trị : Quang-nguyên, Hành-gian, Dũng-tuyền, châm 3 phân lưu kim 1 giờ; cứu nửa giờ.

Lâm sản trị bệnh kinh nghiêm châm cứu trị trong 3 ngày thì bớt khát nước, 10 ngày thì nước tiểu hết chất đường.

Đơn cử hai bệnh sau đây :

1. Anh Lâm 37 tuổi, 2. 3, tháng gần đây thường lưỡi khô, khát nước cổ nóng uống nước 2, 3. lần thì bớt nhưng khát trở lại hoài.

Trị pháp : Châm các huyết : Hành-gian; Dũng-tuyền 3 phân, Thiếu-hương 1 phân, lưu kim 1 giờ, cứu nửa giờ.

Châm trị 2 lần bớt khát nước, lưỡi không táo. tiếp châm cứu trị 2 lần nữa, bệnh giảm nhiều. Rồi từ ấy cứ tiếp tục trị trong 3 tháng, bệnh hoàn toàn bình phục.

2. Ông Đoan 61 tuổi. mấy năm gần đây thường làm phiền khát bắc uống nước hoài không đã khát, tiểu tiện gắt; đi hoài.

Trị pháp : Dùng các huyết : Dũng-tuyền, Hành-gian, Quang-nguyên châm 3 phân lưu kim 1 giờ, cứu nửa giờ, trị 1 lần ngày sau bệnh giảm khát nước, còn uống ít.

Viếp trị đến lần thứ 15; bệnh khôi phục bình thường, tiểu tiện như thường.

Phụ chú : Bệnh tiêu khát, đái đường theo Tài-liệu các sách xưa thì bệnh này không thể dùng châm cứu trị (Thiên-kim phương : Phâm Tiêu khát bình kinh Bách nhựt vĩ thương bất đắc cứu thích), tức là bệnh tiêu khát trên 108 ngày không nên trị bằng châm cứu.

Gần đây theo Y-sư Trần-cư-lâm thì trị bệnh đái đường không thể dùng châm cứu trị. Nhưng theo các sách của Thừa-đạm-Am, Trần-tồn-Nhơn, Tân-châm cứu học đều có ghi những phương trị liệu. (Tất cả các phương ghi vào đây là những phương kinh nghiệm).

Trị Bệnh Tam tiêu bệnh.

Trung tiêu bệnh, ăn nhiều mau đói, ngày ăn 5, 6, lần, ăn rồi vẫn đói thân hình gầy ốm, tim lói khó chịu.

Trị pháp : Dùng các huyết : Vị-du : Tỳ-du; như tim nhảy hồi hộp thêm Thần-môn, Tim bức rức khó chịu thêm Tâm-du.

Thủ pháp : Châm bình bổ bình tả các huyết : Vị-du Tỳ-du 1 tấc, Thần-môn 3 phân lưu kim 1 giờ, châm rồi cứu trị 1 lần.

Trị nghiệm : Phương này đã trị 37 bệnh nhơn đều nhẹ hẳn.

Phương này là trị Trung tiêu bệnh. trường vị táo nhiệt; khi huyết hư nên công hiệu.

Áp dụng phương này phối hợp với các huyết Túc-tam-lý; Tam-âm-giao để hạ nhiệt, phá nhiệt kết.

Phối hợp Tam-âm-giao, Nội-quang để trị vị đầy trù khí trệ.

Phối hợp Thượng-tinh. Bách-hội để tan nhiệt ở thượng tiêu đồng thời dùng Tam-âm-giao để điều chỉnh cơ năng bài tiết.

Vậy tùy phối hợp các huyết mà xử dụng.

Phương này dùng Tỳ Vị du huyết là để làm tăng cường sức đề kháng nên đối với các bệnh hư nhiệt ăn vào đói liền cơ thể hư tổn rất công hiệu; gia thêm Thần môn để trấn tĩnh an thần trừ hồi hộp, và gia Tâm du là để thanh Tâm nhiệt.

Vậy trị bệnh Trung-tiêu cần thanh hư nhiệt; trừ táo kết, dưỡng âm bổ thận, tùy chứng áp dụng thì bệnh ắt bình phục.

XXXVI TẬP BỊNH

MỒ HÔI TRỘM.

Trị bịnh mồ hôi trộm ban đêm.

Anh Tài 21 tuổi ban đêm thường ra mồ hôi nhiều ướt cả áo khó ngủ phát nóng lạnh xoay xâm tay chân bải hoãi vô lực.

Trị pháp : Châm Phục-lưu bồ, Hiệp-cốc tả Thái-bạch bồ. Cứu Thương-uyên, Chương-môn, Phong-môn, Phế-du, Đại-chùy, Âm-ky đều 3 trảng.

Kết quả : đêm ấy bớt nhiều, ngày sau các chứng xoay xâm hết, tay chân bớt bải hoãi.

Trị tiếp lần thứ 2 bịnh hết hẳn bịnh phục.

2. Anh Lập 20 tuổi ban đêm hay ra mồ hôi lạnh ?

Trị pháp : Châm Phục-lưu, Thần-môn bồ.

Kết quả hết ra mồ hôi.

THÂN LẠNH

Trị bịnh thân lạnh gần lửa không biết nóng.

Cô Lâm 38 tuổi, cháu thân lạnh như tắm nước đá; tay chân tê, gần lửa không biết nóng, tay hơ lên lửa không biết, miệng hà hơi cũng lạnh, nhưc đầu hay nhỏ nước bọt, đàm hơi mẩn, không ngồi dậy nổi, mắt bèn mặt, trên con ngươi có 1 mut bằng hạt đậu, không thấy rõ, đầu thường nặng triệu xuống, tim khó chịu, hay sợ gió, bịnh đã lâu không tiền chạy thuốc, chứng trạng rất nguy.

Ấn-bịnh : Bịnh này thuộc Tủy không bịnh, biến thành mất tri giác, và ôn độ có thể cùng mất.

Trị pháp : Châm Thái-dương, Bách-hội, Nhi-tiêu ra máu, Cứu Bách-hội, Phong trì, Tiễn-dảnh, Đại-chùy, Phong-môn, Phế-du, Kiện-ngung, Khúc-trì, Hiệp-cốc, Chiên-trung, Trung-uyên, Chương-môn, Khí-hải, Tam-lý, Tam-âm-Giao đều 3 trảng.

Kết quả : Hết sợ gió, Gần lửa biết nóng, ngón tay tê thành cứng, tinh-thần khỏe, ngồi dậy được, nhưng ngày sau tim đập mạnh, đầu khó chịu.

Trị lần thứ 2. Châm Kiên-lý, Nội-quang, Nội-đinh. Cứu như trên.

Kết quả : Đêm ấy mắt bèn mặt trướng lên lấy tay dè, chảy ra như 1 cục thịt, sau mắt ấy lại hơi ngó thấy và đầu bớt nhưc, hết sợ gió, đàm hết mẩn, tay chân ấm lại và có huyết sắc (có máu) gần

lửa biết nóng, lại có hắc hơi (trước không có), bịnh giảm được phần nữa.

Trị lần thứ 3 : Hiện chứng đầu cổ nóng, chỗ da dày đầy trướng.
Châm Thái-xung, Nội-dinh, Phong-phủ.

Kết quả : Cổ hết nóng, ngực hết đầy, bây giờ vận động được không đến trị nữa. Mấy tháng sau lại cho biết bịnh hết hẳn.

XXXVIII ĐẠI TIỆN VÀ THOÁT GIANG

Bịnh thoát giang 2 năm, đi cầu ra máu.

Anh Doãn 25 tuổi bị bịnh mỗi lần đi cầu đều ra máu trước. sau rặn ra phân thì lòi trê gần 4 tấc (thoát-giang), đi cầu xong không thâu vào, phải lấy tay ấn lâu mới vào được, có lúc lại làm phản vị muốn mửa, ngồi dưới đất thì thấy xoay xâm tim đập. (Trước kia do bịnh đi cầu ra máu 2 năm).

Trị pháp : Châm Trung-uyên, Khúc-tri bồ, Thái-xung tả, Trường-cường thích ra máu. Cứu Bách-hội, Chiên-trung, Thương-uyên. Kiện-lý; Hạ-uyên, Thủy-phần, Thông-cốc, Mang-môn, Thận-du, Âm-đò, Thần-khuyết, âm-giao, Đại-trường-du, Tiểu-trường-du, Nội-quang, Tam-lý, Thái-kê, Tam-Ấm giao đều 1 trảng.

Kết quả ngày sau đi cầu ra máu ít, thoát giang giảm nhẹ chỉ còn 6 phân và ấn vào dễ.

Trị lần thứ 2; Trị như trên Bịnh nhẹ hẳn, từ đó về sau lại mạp mạp bịnh phục vô sự.

Làm nặng thành thoát-giang (lòi trê).

Ông Văn 51 tuổi khi làm việc gì nặng thì thoát giang, bụng dưới đau. lại kiem ho có đàm nhớt.

Trị pháp : Châm-Khúc-tri, Túc-tam-lý, Kinh-cự tả.

Kết quả : Hết lòi trê, ho giảm nhẹ.

Đại tiện táo bí.

Cô Lương, 28 tuổi thường đại-tiện 6, 7, ngày không đi.

Trị pháp : Châm Manh-du tả, thích Trường-cường, Thương, Trung, Thử, Hạ liêu (bác-liêu).

Kết quả : Nội ngày ấy đi cầu phần hết táo.

Đại tiện bón 3 năm, Ngày đi 5 lần ?

Ông Minh 29 tuổi 3 năm trước đi cầu ra máu đã hết. nay đại tiện táo bón đi ít, mỗi ngày phải đi 5 lần; mỗi lần rặn phì hơi, phần táo.

Trị pháp : Châm Phục-lưu, Phi-dương, Thái-bạch, Phong-long, Cưu Thận-du, Mạng-môn, Tỳ-du, Đại-trường-du, Bách-liêu, Trường-cường, Tam- Tam-lý, Tam-âm-giao đều 3 trảng.

Kết quả không phản ứng.

Trị lần thứ 2 Châm Quang-nguyên, bổ, Khí-hải tả.

Kết quả : Ngày sau đại tiện giảm bớt 1 lần.

Trị lần thứ 3 Trị như trên Thêm cưu Thận-du, Mạng-môn, 3 trảng.

Kết quả : Đi cầu giảm 2, 3, lần.

Trị lần thứ 4 trị như trên. Kết quả hết hẳn

Đại tiện ra máu.

Cậu Gian 23 tuổi đại tiện bị táo, 2 ngày đi 1 lần, táo bón ra máu như nước làm xoay xâm hải hoài vô lực không muốn ăn.

Trị pháp : Châm Chi-Cẩu, Phong-long, Thái-bạch tả.

Kết quả : Đi cầu máu giảm, ăn được, xoay xâm và tay chân bớt.

Xề sau bệnh nhẹ hẳn hoàn toàn.

Trị bệnh đại tiện ra huyết.

Ông Hiền 62 tuổi bị bệnh đi cầu ra máu, hơn 80 ngày chưa hết, máu sắc đỏ, thường có khi ra máu phân hoặc lộn với phân. Vì huyết-ra nhiều nên người tinh thần mệt mỏi, (đã dùng đủ thuốc Đông-Tây không công hiệu).

Trị pháp : Trị lần thứ 1 Châm Đại-chùy, Khúc-trì. Cưu Tỳ-du, Mạng-môn, Thận-du, Đại-trường-du, Trường, Chi-thất.

Trị lần thứ 2 Châm Đại-chùy, Khúc-trì, Huyết-hải, Cưu Mạng môn, Thận-du, Trường-cường, Thừa-sơn.

Kết quả Đại tiện đã đi thường hết máu nên không trị nữa.

Nhưng qua ngày thứ 4 nhơn ăn đồ cay nóng đi ra máu lại.

Trị pháp : Châm Tam-âm-giao, Huyết-hải, Côn-lôn, Thừa-sơn.

Ngày thứ 5 còn đi ra máu chút ít. (Châm Âm) lũng-tuyền, Hành-gian, Huyết-hải Túc-tam-lý. Cưu Mạng-môn, Thận-du.

Ngày thứ 6 còn đi ra máu chút ít lại ngực hơi khó chịu. Châm-

Hiệp-cốc, Nội Quang, Túc-tam-lý, Thái-xung, Cồn-lòn, Thừa-sơn, Cửu Trường-cường.

Kết quả bệnh hết hẳn về sau không tái phát.

Bệnh Đại tiện thường táo, đi cầu không thông, bụng đầy :

Trị pháp : Dùng các huyết : Chương-môn, Chiếu-hải, Thái-bạch, phối hợp với các huyết : Trung-uyên, Lương-môn, Thương-uyên, Khí-hải, Nội-quang, Tam-âm-giao.

Thủ pháp : Trước châm Chương-môn 8 phân đến 1 tấc, Chiếu-hải 5 phân, Thái-bạch 3 phân, lưu 10 đến 20 phút. Trung-uyên 1, 2 tấc, Lương-môn, Thương-uyên, Khí-hải 1 tấc ? Nội-quang 5 ph. Tam-âm-giao, 5-8 ph. bệnh hồ bình tả, châm rồi cứu. Mỗi ngày trị 1 lần, nếu bệnh nóng quá không nên thêm cứu.

Trị nghiệm : Bà Lưu 64 tuổi thường quen tánh táo bón, chỗ da dầy đầy đau, hai bên hông đau, ăn không ngon, dùng đủ thuốc không công hiệu, dùng phương này châm cứu trị 3 lần bệnh hết hẳn.

Bệnh Đại tiện ra máu, lòi trê.

Chứng tiện huyết lòi trê, sắc mét, bần huyết, mê mệt ăn uống không biết ngon.

Trị pháp : Dùng các huyết : Trường-cường Hội-dương.

Châm huyết Trường-cường 1 tấc (xiên trở lên). Hội-dương 8 phân xoay kim đến tê rần mới rút kim.

Mỗi tuần châm trị 2, 3, lần, nếu bệnh nặng trị 1, 2, tuần hết hẳn.

Trị nghiệm : Phương pháp này đã trị 21 người bệnh tiện huyết lòi trê đều kết quả 100o/o. Đơn cử bệnh sau đây :

Anh Cao 27 tuổi bệnh đại tiện ra máu, thoát gian đã 3 tháng, mỗi lần đi cầu giang môn lòi ra 2 tấc, nhứt đầu, mỗi ngày đi 1, 2 lần làm mê mệt đuối sức, không thiết đến ăn. Hiện người ốm yếu, thiếu huyết nhiều, dùng phương này trị trong 2 tuần mỗi tuần 3 lần.

Tuần thứ nhứt thoát giang bớt, đi cầu giảm, qua tuần thứ 2 hết ra máu, bệnh hết hẳn.

Trị bệnh thoát giang (lòi trê).

Trị pháp : Châm huyết Bách-hội (xiên ra sau dọc theo da đầu 1 tấc Trường-cường xiên trở lên 1 tấc, lưu kim 20 đến 40 phút 2 ngày châm trị 1 lần.

Chứng nặng bình thời cũng không thấu vào dùng các huyết :
Khí-hải, Trường-cường, Bách-hội, Thừa-sơn.

Thủ pháp : Bảo bình nhơn nằm ngửa trước châm huyết khí-hải 1 tấc, xoay đẩy vào rút lên bình bỏ bình tả, không lưu kim, rút kim rồi gia cứu đến đỏ da. Sau để nằm sắp lại châm Trường-cường 5 phân, Bách-hội xiên ra sau 5 phân. Thừa-sơn châm thẳng vào 1 tấc, lưu kim 20 phút. Cách 1 ngày châm trị 1 lần trị tiếp 10 lần công hiệu.

Chú-ý : Hai phương này là dùng Trường-cường để thấu ép giang-môn, Bách-hội thẳng dương bổ khí, phối hợp với Thừa-sơn, Khí-hải để đạt đến trực trường nên rất công hiệu.

XXXIX BỊNH TRỊ.

Theo kim giám ngoại khoa có ghi 24 thứ trị là theo hình giáng mut trị mà đặt tên, hoặc nhơn lánh chất mà gọi là : **Máu-tri, Mạch-tri, Trường-tri, Tửu-tri, Sắc-tri, Khí-tri, Huyết-tri, Phiên-hoa tri, Liên-tu-tri** v.v. Hiện theo Khoa học thì chỉ phân các loại : **Nội-tri, và Ngoại-tri, Cồn-hiệp-tri, Lậu-mạch-lươn.**

Nội-tri : Nội-tri sanh phía trong giang-môn và Trực trường, phía ngoài giang-môn không thấy, hạch trị nhiều ít không chừng, ngoài có bọc nên mut trị có thể di động.

Nội trị thời kỳ thứ I có hơi làm ra máu, nặng nhẹ nhiều ít không nhưt định nhẹ thì thường sau khi đại tiện ra máu hoặc ra có từng giọt, nặng thì máu ra nhiều, hoặc như băng huyết có vôi rất nguy hiểm. Thời kỳ thứ 2 thì trực trường sưng đại tiện rồi có niêm dịch theo ra, xung quanh giang môn có mut đỏ, hoặc sanh u huyết ở lĩnh mạch và động mạch, Thời kỳ thứ 3 hạch trị hơi ần ra ngoài, có thể hạch trị lồi ra, ban đầu có thể thụt vào, lâu ngày có niêm mạc giản nên lồi ra không thụt vào, phải lấy tay ấn mới vào, phần nhiều lồi ra chỗ giang môn nặng, sưng đau khó chịu, lần lần có thể phát mủ, phát sốt hay bị phẩn rồi trị hạch phá vỡ thành mạch lươn chảy ra máu mủ.

Ngoại-tri : ban đầu tại gian môn hơi trị nặng, ngứa khó chịu, đại tiện khó khăn hoặc bị táo, chỗ gian môn lồi ra như nấm vú, như hột đào, hoặc hình tròn như trứng chim, sưng cứng đau, trên dưới đều có thể di động, trong có máu ứ, lâu hóa mủ đến thành lậu mạch lươn. Ngoại-tri hạch nhiều ít không chừng, da bọc ngoài

thường sắc hơi xanh, đứng đi thì lồi ra, lấy tay đè vào thì thụt vào lại, bệnh có cảm giác đau, có khi phát sốt mà không ra máu.

Ngoại trĩ thời kỳ phát đau không kịch liệt lắm, nhưng đi đứng khó chịu, đó là thời kỳ phát viêm chứng, có khi 1 vài tuần lại hết đau thành ngoại trĩ không đau.

Cón hiệp trĩ : tức Nội ngoại trĩ đều phát cả trong lẫn ngoài.

Lậu mạch lươn : Chứng này do hạch trĩ lậu biến thành, có lỗ sâu to ngoài vào trong, hoặc thông vào trực trường, thường có máu mủ chảy ra khi ra khi hết, lỗ mạch nhiều ít không chừng, ít thì 1 hạch phá nhiều thì 3, 4 nút, cũng có nội ngoại phân ra :

Nội lậu. Miệng ở trong không thông ra ngoài, hoặc 1 miệng hay 2 miệng, thông với xi-đạo, bàng-quang, tử-cung, âm-đạo.

Ngoại lậu : Miệng phía ngoài, bên trong không có nên không thông với trực trường, ngoại thì tại giang môn bị phá chỗ lồi chỗ lõm, hoặc có khúc lại, có khi chỉ có 1 ống, có khi phân ra 2, 3. nếu miệng trong gian môn bị phá cũng có khi 1 lỗ hoặc 2, 3 lỗ.

Nếu ống mạch lươn bị bít lại thì không chảy máu mủ không đau, như miệng lỗ thì sau khi đi đại tiện chảy vào ống lậu làm đau nhức khó chịu.

Nội ngoại lậu : Thì miệng ngoài khi đi đại tiện lồi ra chảy máu như thế không phải do giang môn (vậy nên phân biệt khi trực-trường bàng-quang sưng thì máu hay niêm dịch tự giang môn chảy ra).

Trĩ mạch lươn là xem các ống mạch ấy mà trị.

Nhưng bệnh trĩ cũng nên phân biệt với thoát giang (lòi trê), vì khi giang môn bị phá do đại tiện táo bón cũng có ra máu, vì trực trường bị trĩ xuống cũng có khi làm cho giang môn lồi ra, nhưng nên phân biệt giang môn thoát ra thì không có nút trĩ, còn chứng ra máu hoặc do cơ ruột bị thương hay các bệnh trường-phong-hạ huyết thì đại trường cũng ra máu (không nên nhận định sai lầm mà trị sai).

Trĩ bệnh Trĩ về phương pháp châm cứu cũng có thể trị, theo các phương pháp sau đây :

Châm liệu : Dùng các huyết : Nhị-bạch, Trường-cường, Thừa-sơn, Đại-trường-du, Kỳ-móng, Thiên-ứng huyết.

Cứu liệu : Dùng vị thuốc Phụ-Tử tán nhỏ làm thành miếng dày 2, 3 phân đè trên nút trĩ cứu (tức cứu cách phụ-tử), Cứ cách 2, 3 ngày cứu 1 lần, cứu 5, 6 lần, cứu đến nóng dừng để đau nhức lắm, làm cho nút trĩ hồng hoạt lại mới hết.

Nếu toàn thân suy nhược nên cứu thêm Tỳ-du, Thận-du, Quang-nguyên Thứ-liệu. Mun hạch trĩ lồi ra ngoài (ngoại trĩ) Cứu Bách-hội và Khổng-lối, Hoắc-châm Kỳ-môn, Nhị-bạch, Thừa-sơn, Trường-cường, cứu Bách-hội Kỳ-môn, Thừa-sơn, Thận-du, Mạn-môn.

Chúng tôi chỉ giới thiệu 1 phương pháp trị liệu về châm cứu, ngoài ra hiện nay đã có phương pháp Ngoại khoa tim thuốc làm rụng trĩ rất hay không làm cho bệnh như đau đớn khổ sở, như dùng Khô trĩ-tán (tuy trị rụng trĩ nhưng vẫn làm cho bệnh như đau đớn khổ sở và có khi cũng không được kết quả mỹ mãn).

XXXX BỊNH DƯƠNG MAI.

Phụ nữ bị độc Dương-mai toàn thân ngứa, Nhức đầu :

Cô Tu 38 tuổi bị nhiễm dương mai độc, chỗ âm hộ phát gẻ, toàn thân ngứa, đầu xây xâm, miệng hôi, đêm khô cổ, đại tiện đau, kinh ít mà không đều.

Trị pháp : Dùng gai quỳ cứu Khúc-trạch 40 phút.

Kết quả : Âm-hộ bớt ngứa, toàn thân bớt ngứa nhưng lại miệng khô quá (vì cứu hỏa nóng quá; nếu dùng đơn châm chắc không phản ứng).

Trị lần thứ 2 dùng gai quỳ cứu Khúc-tri. Châm tam-âm-giao, Khúc-trạch, La-cung, Ủy-trùng tả (rút kim huyết Khúc-trạch ra máu đen).

Kết quả : Cứu Khúc-tri xung quanh phát tê, 2 tay bớt ngứa, các chứng lần lần hết hẳn.

Trị lý : Các chứng ngứa đều thuộc Tâm dùng huyết Khúc-trạch kinh Tâm-bào-lạc gai quỳ cứu để giải mai độc nên ngày hôm sau âm hộ và toàn thân bớt ngứa; nhưng vì cứu quá nóng nên mới sanh khô cổ, và sau châm lại Khúc-trạch lấy máu độc ra, lại châm tả các huyết giải độc và cứu Khúc-tri nên các chứng hết.

Bị độc Dương mai làm Âm hộ sưng làm độc.

Cô Trinh 25 tuổi bị chồng truyền độc dương mai làm Âm-hộ mọc mụn xung quanh làm độc nặng ra nước vàng, ngứa nhức khó chịu; trong âm hộ sưng chỗ tử cung đau, mỗi ngày dùng thuốc rửa âm-hộ thì tiểu tiện đau rất.

Trị pháp : Châm Khúc-tri, Huyết-hải, Tam-âm-giao, Lao-cung tả.
Kết quả : bớt ngứa.

Trị lần thứ 2 dùng ngải quyện cứu Trung-Cực, Châm Khúc-tri, Lao-cung, Tam-âm-giao tả.

Kết quả : xung quanh âm-hộ bớt ngứa bớt mụn; tiêu hết đau, lần lần sau hết hẳn. (Nên nhớ ngải quyện dùng cứu trị mai độc đây có chết thuốc giải mai độc trộn với ngải dùng trị).

Bệnh dương mai độc phát ghê lòng bàn tay lở.

Bà Thanh 50 tuổi bị độc dương mai phát ghê âm-hộ ngứa, lòng bàn tay mặt lở mấy tháng, cả lưng bàn tay cũng ngứa, cách 4, 5 ngày làm náo xáy xầm. dùng đủ thuốc vô hiệu.

Trị pháp : Châm Khúc-tri, Lao-cung, Tam-âm-giao, 1 huyết tả.

Kết quả : náo vừng giảm, lòng bàn tay bớt ghê.

Trị lần thứ 2, trị như trên.

Kết quả : Ghê tay hết, chỉ còn ngứa, lột da gần lành.

Trị lần thứ 3 dùng ngải quyện cứu Khúc-tri, Châm Tam-âm-giao, Đại-chung tả. **Kết quả :** bệnh hoàn toàn hết hẳn.

Bị độc dương mai, dương vật lở.

Anh Châu 39 tuổi vì chơi bời 2 lần bị nhiễm độc dương mai phát bệnh toàn thân và tay chân đều phát ghê, cổ, miệng, mũi đều lở, dương vật lở gần 1 phân tây, chảy nước vàng rất khổ sở.

Trị pháp : Châm Khúc-tri, Lao-cung, Tam-âm-giao (dùng 1 huyết bên trái) tả.

Kết quả : Qua 15 ngày sau cho biết chỗ dương vật hết lở, hết chảy nước vàng, các mụn ghê cũng bớt, nhưng tim cảm thấy nóng.

Trị lần thứ 2 : Châm Khúc-tri, Hiệp-cốc, Tam-âm-giao, Đại-lăng, Đại-chung, (cũng dùng 1 huyết bên trái) tả, cứu Thận-du, Can-du, Phế-du đều 3 tráng.

Kết quả : Qua 2 tuần sau lại cho biết ghê độc đã giảm bớt, hai bên miệng mũi hết nhiều.

Trị lần thứ 3 Châm Ủy-trung ra máu đen, châm tả các huyết : Khúc-tri, Hiệp-cốc, Tam-âm-giao, Dương-lăng-tuyền (toàn bên trái).

Kết quả : về sau bệnh hết hẳn.

Bị mai độc nổi hạch ở hán, phát sốt nặng.

Anh Van 21 tuổi bị bệnh dương-mai, cứ đến mùa xuân thì phát ghẻ độc đã 7, 8 năm, nay các chỗ ngón tay ngón chân đều nổi ghẻ làm cho ngón tay không co lại được, hán bên mặt nổi lên 3 cái hạch, lớn như hạt me, ghẻ phát ngứa, đêm càng ngứa dữ, nước dãi đỏ hồng, thân sốt nặng, người đi hạ nan.

Trị pháp : Châm Khúc-tri, Lao-cung tả (xoay kim tả mỗi huyệt 6, 7 lần trong 4. 5 phút).

Kết quả : Bớt ngứa và chỗ hạch bớt đau, hết đi hạ nan, đêm ấy bớt ngứa, các chỗ chỉ tay hơi bớt, hết sốt, hạch chỗ hán cũng nhỏ bớt 1/2 (Bệnh như còn thanh niên khỏe mạnh nên tả nhiều có kết quả, nếu bệnh như lớn tuổi sức yếu không nên tả nhiều có hại).

Trị lần thứ 2 Châm Khúc-tri, Lao-cung tả (lần này xoay tả ít hơn).

Kết quả : Ngày sau hạch tiêu, ghẻ giảm.

Trị lần thứ 3 Châm tả Khúc-tri, Lao-cung, Đại-chung.

Kết quả : Đêm ấy ngủ yên, nước tiểu trắng, ghẻ và hạch bớt nhiều.

Trị lần thứ 4 Châm tả Khúc-tri, Đại-chung.

Kết quả : Sau mấy ngày bệnh lành hẳn.

Bị Dương mai độc 20 năm làm đau tim, cốt nhục cùng đau tê.

Cô An 45 tuổi 20 năm trước bị chồng truyền độc dương-mai thâm nhập làm âm hộ lở 2 lần. gần đây độc lại tăng làm âm hộ sanh ghẻ lở ngứa như trùng bò; 2 bên hán ngứa gãi chà rịn nước mới đã ngứa đầu vú ra nước độc, tại ổ tim nóng, trời u ám bệnh càng nặng, tim đập mạnh có lúc làm nghe tắc, phát ho, ăn ít tiêu, lại miệng khô, cảm giác khi tim nhảy thì hơi độc nóng xung lên đầu, làm nữa bên đầu nặng, mặt mắt phù đau 1 bên, mắt chảy ghèn quón, ghèn ra đầu thì ngứa, người chỉ nằm ngồi không vận động được, khi có kinh dứt rồi thì âm hộ ngứa, kinh nguyệt đen ít, tay chân tê. Có sanh mấy đứa con đều bị sưng phồng chết.

Trị pháp : Châm Khúc-tri, Nội-quang, Tam-âm-giao, tả. Trong uống thuốc đông-y giải độc dương mai.

Kết quả : Sau 14 ngày lại cho biết khi trị xong về nhà độc công tâm nóng sốt, ho, cổ nóng, bớt chảy nước mắt và ăn được.

Trị lần thứ 2 Châm Trung-cực, Lao-cung, Khúc-tri, Tam-âm-giao tả, thích Trung-xung, Thiếu-xung, Thiếu-thương ra máu.

Kết quả : Châm xong miệng bớt nóng, đêm ấy âm hộ ít nóng.

bạch trọc ít, ngày sau độc công lên đầu làm đau 1 bên đầu (nhưng không xuất mồ hôi như trước).

Trị lần thứ 3 cách 3 ngày Châm Lao-cung, Khúc-trì, Tam-âm-giao, Trung-cực tả rồi dùng ngải quyện cứu Trung cực, 30 phút (nhờ cứu nhiệt lục vào bụng nên tim hết đập mạnh).

• Kết quả • Âm-hộ bớt ngứa, tim hết nóng.

Trị lần thứ 4 cách 4 ngày. Dùng ngải quyện pha thuốc trị mai độc cứu Khúc-trạch 20 phút. Kết quả tim nhẹ, âm hộ ghẻ bớt nhiều.

Trị lần thứ 5 cách 4 ngày Châm Lao-cung, Khúc-trì, Tam-âm-giao, Trung-cực tả và cũng dùng ngải quyện cứu Trung cực mấy phút.

Kết quả : Tháng này có kinh nhưng ra ít sau 3 ngày hết (trước kinh ra nhiều 5, 6 ngày mới dứt) vậy trước có kinh như làm hằng nay đã khôi phục nhờ cứu trung-cực có kết quả).

Trị lần thứ 6 cách 4 ngày. Dùng ngải quyện pha thuốc cứu huyết Khúc-tuyền 40 Phút.

Kết quả Âm hộ phát ngứa, toàn thân ngứa, miệng bớt khát, nhiệt độc xung lên đầu nhưng nhẹ hơn.

Trị lần thứ 7 cách 3 ngày. Dùng ngải quyện cứu Khúc-trì, Huyết-hải, châm Ủy-trung ra máu.

Kết quả : về nhà xuất hăng nhiều, ghẻ bớt, nhiệt độc xông lên đầu bớt, ngũ được, hết chảy nước mắt.

Trị lần thứ 8 cách 4 ngày (hiện bệnh còn 2 bên âm-hộ ngứa, đỏ khô) Châm Đại-lăng, Chiếu-hải bổ, Khúc-trì, Tam-âm-giao, Tuyệt-cốt tả.

Kết quả : Âm-hộ ghẻ bớt, ngực bớt ngứa, lần này độc cũng công lên đầu nhưng nhẹ hơn).

Trị lần thứ 9 cách 3 ngày. Hiện tim khó chịu, mặt suyền độc công lên đầu mặt. Châm Nội-quang, Tam-âm-giao bổ, Kết quả : bớt ho, bớt mệt.

Trị lần thứ 10 cách 3 ngày. Châm trị như trên. Kết quả : hết ngứa.

Trị lần thứ 11 (hiện còn ngực nóng, các chứng giảm bớt).

Dùng ngải quyện cứu Trung-uỷên châm Nội-quang, Tam-âm-giao tả, thích Quang-xung, Thiếu-xung, Thái-dương, Tư-trúc không ra máu.

Kết quả : Cứu Thương-nguyên cảm giác dễ chịu ngay lập tức, cơn đau và ghê hết, ngực cũng hết nữa.

Trị chứng này sau khi châm trị lần thứ 7, ra mồ hôi nhiều, đây là độc bình xuất nên các lần sau đều lần lần bớt.

Sau tiếp tục thay đổi trị đến cả thấy 24 lần các bệnh đều lần lần tiêu giảm và độc ra hết, làm việc khỏe như thường.

Bệnh dương mai độc phát dương vật sưng làm ghê, tiểu tiện đau, gắt.

Ông Lâm 54 tuổi năm trước bị nhiễm độc dương-mai phát chỗ bụng dưới sanh ghê sau thâm nhập vào trong, nay dương vật phát sưng, sanh ghê, đầu âm hành sưng to, đi tiểu buốt đau.

Trị pháp : Châm Khúc-tuyền 2 huyết tả xoay kim 5 phút.

Kết quả : Bớt nhức.

Trị lần thứ 2, như trên thêm Thái-xung tả và lưu kim.

Kết quả : Âm-hành bớt sưng giảm phân nữa, nhưng lại sưng chầu.

Trị lần thứ 3, như lần thứ nhất.

Trị lần thứ 4 như lần thứ 1 thêm huyết Phục-lưu bồ.

Kết quả : Mút ở Âm-hành hết sưng, chân xẹp, vì bồ Phục-lưu nên có công hiệu).

Trị lần thứ 5, 6, 7, như trên lưu kim 3 giờ. Lần này lưu kim lâu rất hiệu nghiệm, bớt nhiều).

Trị lần thứ 8 Châm Phục-lưu bồ, Khúc-tuyền, Trung-cực tả.

Kết quả : Bụng dưới có 1 lỗ phát ra mủ (nội độc xuất) hết thũng, ghê âm hành bớt.

Trị lần thứ 9, 10. Châm Phục-lưu, Tam-âm-giao bồ, Khúc-tri, Trường-cường tả. Kết quả : tiểu tiện khi đi bớt đau, nhưng dục thì buốt.

Trị lần thứ 11. Châm Phục-lưu, Tam-âm-giao, Trung-cực bồ, Khúc-tri tả.

Kết quả : Khi châm bên trái thì âm hành bên trái bớt, châm qua bên mặt thì bên mặt xẹp, tiểu tiện bớt đau nhiều.

Trị tiếp đến lần thứ 14 cũng y như trên.

Kết quả : Hết ghê và âm hành lành miệng bình phục.

Phụ nữ bị độc dương mai làm âm hộ sưng phồng lở, chân run dục.

Cô Anh 20 tuổi bị nhiễm độc dương-mai làm âm hộ phồng lở sưng nhức, chảy mủ, vì đau quá nên chân mặt phát run dục hoài, kinh 2 tháng không có.

Trị pháp : Châm Trung-cực, Khúc-trì, Lao-cung, Tam-âm-giao tả.

Kết quả : Khi châm chân mặt bớt dục run, ghẻ hết đau, bớt sưng.

Trị lần thứ 2. Châm trị như trên. **Kết quả :** Bớt sưng, ít chảy mủ, nhưng trong âm hộ còn đau.

Trị lần thứ 3. Châm Trung-cực, Tam-âm-giao, Khúc-trì, Lao-cung, Hành-gián tả.

Kết quả : Về sau bịnh lần lần hết hẳn bình phục.

Bệnh dương mai độc làm Âm-hộ phồng ghẻ nhức khó chịu.

Cô Tân 28 tuổi vì bị chồng có độc dương mai truyền sang làm 2 bên âm hộ sưng ghẻ, nhức ngứa khó chịu, đã 3 tháng, mặt mét vàng, ho, kinh sắc đen.

Trị pháp : Châm Khúc-trì, Lao-cung, Khúc-tuyền, Tam-âm-giao tả.

Kết quả : Ghẻ hết nhức, mặt bớt mét.

Trị lần thứ 2 Như trên. **Kết quả :** Ho bớt, Ghẻ bớt.

Trị lần thứ 3 cũng như trên.

Kết quả : ngày sau hết ngứa, ghẻ hết.

Trị lần thứ 4 như trên : nhưng thời gian tả lâu hơn.

Kết quả : sau chỗ vết nổi lên 1 vết đỏ (độc bài tiết ra). Ghẻ âm-hộ bớt nhiều.

Trị lần thứ 5 Châm Nội-quang 2 huyết tả. Cứu, Trung-uỳên Hạ-uỳên, Chiên-trung. Chương-môn Túc-tam-lý đều 3 trảng.

Kết quả : Ngày sau giảm nhiều, âm hộ hết, ăn ngon bình phục hẳn.

Bệnh Mai độc phát tay chân và dái làm ghẻ độc.

Anh Lâm 31 tuổi bị độc dương mai làm tay chân và dái (chỗ

thân bộ) phát ghẻ độc, sưng nhức, nóng, chảy nước vàng phát nóng lạnh, tim nóng miệng khát nước.

Trị pháp : Châm Khúc-trị, Đại-lăng, Khúc-uyển, Tam-âm giao tả.

Kết quả : Các chứng hơi giảm.

Trị lần thứ 2 như trên.

Kết quả : Ghẻ bớt ít chảy mủ và nước vàng, bớt nóng lạnh.

Trị lần thứ 3; Trị như trên. Các mụn ghẻ bớt nhiều.

Trị lần thứ 4, 5, Cũng trị như trên thêm Thái-xung, Xích-trạch tả, (vì tay chân phát ra mụn nhỏ chảy nước vàng, nên châm thêm các huyết này, tay chân bớt ngay).

Trị lần thứ 6. Cũng trị như lần thứ 1 thêm Thái-xung tả.

Kết quả : Tay chân ghẻ đều bớt nhiều, tay hết đau.

Trị lần thứ 7, 8 trị như trên. Kết quả Chân cũng bớt nhiều.

Trị lần thứ 9 Trị như trên (Tay chân lại ra mủ ngứa toàn thân cũng ngứa).

Trị lần thứ 10 cũng như trên, phản ứng toàn thân ngứa phát sốt.

Trị lần thứ 11, 12 như trên. Kết quả ghẻ bớt khô miệng.

Trị lần thứ 13 Cũng như trên. Giảm bớt nhiều.

Trị lần thứ 14, 15, cũng như trên kết quả chân bớt nhiều.

Trị lần thứ 16, 17, 18, cũng như trên. Kết quả châu thân hết ngứa, nhưng dưới đầu gối còn sưng thũng.

Trị tiếp 10 lần nữa cũng như trên bệnh mới hoàn toàn bình phục. Bệnh Dương mai độc đã thâm nhập sau chàm trị đều phát ban châu, nên tiếp tục trị mãi đến hết độc thì mới lành hết hẳn được.

Dương mai dư độc phát chân sanh ghẻ lưng đau.

Anh Minh 26 tuổi bệnh dương mai dư độc này 2 chân sanh ghẻ, ngứa, đau lưng, mất ngủ.

Trị pháp : Châm Thần-môn, Phục-lưu bồ, Khúc-trị, Tam-âm-giao, Nội-quang tả.

Kết quả : ngủ được, Bớt ngứa.

Trị lần thứ 2 trị như trên thêm Hiệp-cốc tả.

Kết quả : Các bệnh đều nhẹ hẳn không trị nữa.

Bệnh Dương mai làm độc sưng Quy đầu.

Ông Sơn bị dương mai làm quy đầu sưng, chỗ lở tiểu có nốt mọt hạch lần lần 1 năm phát lớn làm lở tiểu hể tắc, đi tiểu rất khó khăn, uống thuốc không công hiệu.

Trị pháp. Châm Trung-cực, Tam-âm-giao Thái-xung.

Kết quả : Mọt hạch ở quy đầu nhỏ lại, đi tiểu hớt đau.

Trị tiếp lần thứ 2 bệnh hoàn toàn hết hẳn.

A.— XXXXI GHẼ LỖ NGOẠI KHOA GHẼ ĐỘC NGOẠI THƯƠNG.

Trị bệnh đầu gối sanh ghẻ sưng nhức :

Anh Phước 22 tuổi đầu gối nóng sưng đỏ ngứa chảy nước vàng dùng thuốc không công hiệu.

Trị pháp : Châm Khúc-trị, Đại-lăng, Khúc-tuyền, Tam-âm-giao tả pháp.

Kết quả : Chân giảm bớt sưng, bớt nhức.

Trị lần thứ 2 Y như trên. Kết quả : bớt nhiều, nước vàng cũng bớt.

Trị tiếp lần thứ 3. Đầu gối xẹp hết hẳn.

Trị bệnh sau cổ có ghẻ nhức đầu.

Anh Trạch 37 tuổi phía sau cổ và mặt có ghẻ bệnh dầy dứa 20 năm không nhẹ, có khi phát sốt làm nhức đầu xoay xảm, thần trí mê-mệt.

Trị pháp : Châm Phong-phủ, Khúc-trị, Tam-âm-giao, Đại-lăng, Khúc-tuyền, Hiếp-cốc tả pháp.

Kết quả : Ghẻ khô, đầu bớt xoay xảm.

Trị lần thứ 2. Y như trên, Kết quả : Tinh thần khỏe bớt nóng.

Trị lần thứ 3 Cũng trị như trên, Kết quả ghẻ trên mặt hết.

Trị lần thứ 4 Cũng trị như trên.

Kết quả : Ghẻ bớt nhiều, đầu bớt xoay xảm.

Tiếp trị luôn đến lần thứ 8, 9, 10 đều cũng y như trước, bệnh hoàn toàn bình phục.

Bệnh mu bàn tay sưng nhức.

Cô Hoa 31 tuổi mu bàn tay mặt ban đêm tự nhiên sưng nhức.

Trị pháp : Châm Trung-chữ. Kết quả Hết sưng, hết hẳn.

Bệnh lòng bàn tay có ghê kèm bệnh ho.

Ông-Chương 61 tuổi trong lòng bàn tay đều sanh ghê.

Trị pháp : Châm Lao-cung, Đại-lăng, Khúc-trì, Hiệp-cốc tả.

Kết quả : Ghê hết, do giảm.

Bệnh cùi chỏ sanh ghê ngứa, tay không hoạt động được.

Cô Thanh 37 tuổi phía trong cùi chỏ tay mặt trên dưới đều phát ghê, 7, 8, mụn, lở nổi cao lên, ngứa rọ rạy như trùng bò, mủ Đông vảy ; ghê sưng đỏ, tay không hoạt động được.

Trị pháp : Châm Khúc-trì, Tam-âm-giao tả, thích Thiếu-xung Thiếu-trạch, ra máu, ngoài dán thuốc cao.

Kết quả : bớt nhức, tay hoạt động duỗi xuống được (trước chỉ co).

Trị lần thứ 2. Trị như trên. **Kết quả :** Mủ giảm nhiều.

Trị lần thứ 3 Châm Khúc-trì, Lao-cung.

Kết quả : sưng bớt nữa, nhức giảm, ghê lớn tím miệng; ghê nhỏ bớt mủ.

Trị lần thứ 4. Trị như trên. **Kết quả :** Bớt nhức tay vận động tự nhiên.

Trị lần thứ 5 Trị như trên. **Kết quả :** Ghê khô bớt nhức.

Trị tiếp 2 lần nữa bệnh hết hẳn.

Trị nách sanh ghê.

Anh Quý 26 tuổi nách bên trái phát mụn ghê như nấm vú bệnh đã 7, 8 ngày.

Trị pháp : Châm Khúc-trì, Kiên-tĩnh, Túc-lâm-khấp, Thái-xung Đại-lăng. **Kết quả :** Ghê nhỏ lại.

Trị lần thứ 2 Trị như trên bệnh hết hẳn.

Chân sanh ghê lở.

Bà Châu 50 tuổi Chân bên trái chỗ gối bên trong phát ghê đã phá mủ ; sưng nhức.

Trị pháp : Châm Tam-âm-giao, Khúc-trì, Nội-quang, Phục-thố (gân mụn ghê). **Kết quả :** Châm trị xong tối ra huyết độc nhiều, hết sưng, ngày sau ghê bớt.

Trị tiếp 1 lần nữa y như trên. Bệnh hết hẳn.

Bệnh Ông chân sanh ghê.

Cô Anh 49 tuổi hai ông chân sanh ghê, ban đầu nổi lên 60,

đét ngựa chảy nước vàng, lần lờo sanh nhiều mụn, tay phát ngứa, tau bung.

Trị pháp : Châm Thái-xung, Tam-âm-giao, Khúc-tuyền bên cái.

Khúc-tri Lao-cung bên hất đều tả.

Kết quả : Hết nhức bớt ngứa.

Trị lần thứ 2 Trị như trên. **Kết quả :** Tay hết ngứa, hết đau bụng, ghẻ hết sưng, hết nhức, tóe miệng gần lành.

Trị lần thứ 3 cũng trị như trên. **Bệnh hoàn toàn bình phục.**

Chân phát thấp xang, không để chân xuống được.

Cháu Hoa 11 tuổi. Ống chân bên trái sưng, mấy ngón chân nổi mụn ghẻ trong bóng, không để chân xuống đất được, phía sau mắt cá sưng nhức, từ huyết Lê-đoài sưng đỏ.

Trị pháp : Châm Khưu-hư, Khúc-truyền, Phong-long, Thích-ần-bạch, Lê-đoài ra máu.

Kết quả : Đem ấy ngứa ít.

Trị lần thứ 2, thứ 3 Trị y như trên thêm Huyệt Cồn-lòn.

Kết quả : Sau các chỗ ghẻ khô, duy chỗ Huyệt Hiệp-kê sưng.

Trị lần thứ 4 Châm Thái-xung, Nội-đỉnh, Túc-lâm-khấp, cứu Túc-bách-phong. **Kết quả :** Ngày sau các ngón chân ngứa, còn cái mụn ghẻ chỗ mắt cá hơi khô bớt nhiều.

Trị lần thứ 5 Châm Huyết-hải, Nội-đỉnh, Túc-lâm-khấp.

Kết quả : Ngày sau các chỗ gót và gần huyết Dũng-tuyền, Thác bạch, lại có nổi mụn (thương bào).

Trị lần thứ 6 Châm Huyết-hải, Phong-long, Thương-khưu. Cứu Túc-bách-phong, Thái-kê, Công-tôn.

Kết quả : Bệnh hoàn toàn bình phục.

Ngón chân gót chân sanh Thấp xang.

Anh Thâm 25 tuổi 2 chân các ngón và gót chân sanh ghẻ chảy nước.

Trị pháp : Châm huyết Huyết-hải. **Kết quả** ngày sau hết ngứa ghẻ khô.

Mắt cá chân sanh ghẻ chảy mủ không lành.

Anh Quang 48 tuổi mắt cá chân mặt phía trong phát ghẻ nhất lở dùng ầu-dược không hết nay lại chảy mủ.

Trị pháp : Châm Tam-âm-giao, Thái-khê, Khúc-tri, Đại-lăng.
Kết quả : Chảy mủ ít.

Trị lần thứ 2 như trên. Kết quả hết nước vàng.

Trị tiếp 2 lần nữa và dùng cao dán ngoài, bệnh hết hẳn.

(3) Nhiễm độc Dương-mai phát ghê :

Anh Nguyễn 48 tuổi, lúc nhỏ bị độc giang mai, nay phát chứng lâu chưa nhẹ. Thêm phía dưới mũi, Tai, đều sanh ghê, 2 gót chân đau nhức, đầu xoay xảm.

Trị pháp : Châm Tam-âm-giao, Phục-lưu bồ, Đại-lăng, Khúc-tri tả.

Cửu Bách-hội, Phong-tri, Thượng-tinh, Thần-dinh, Ấn-đường, Thái-dương, Thận-du, Tỉnh-cung, Mạng-môn, đều 3 tráng.

Kết quả : Hai chân bớt nhức, Đầu xoay xảm giảm nhẹ ?

Trị lần thứ 2 (hiện bệnh phía bên vú trái và vai lưng tê đau).

Trị như trên trừ Đại-lăng, Thêm Nội-quang tả.

Kết quả ghê bớt vai lưng bớt đau.

Trị lần thứ 3 trị như trên thêm Nhọn-trung tả.

Kết quả : Các chứng hoàn toàn hết hẳn.

Bệnh nhũ ung, vú sưng nhức.

Cô Thanh 17 tuổi vú bên trái sưng trên 10 ngày, bây giờ đau nhức như dùi đâm, chảy mủ.

Trị pháp : Châm Kiên-tĩnh, Du-phủ, Ủy-trung, Tam-ly, Đại-lăng đều tả.

Kết quả : Vú sưng giảm.

Trị lần thứ 2 Trị như trên. Kết quả hết nhức hết mủ nhẹ hẳn.

Rún làm ghê.

Anh Tiên 28 tuổi trong rún sưng đỏ nổi cao lên, nhức nhối, chảy mủ bệnh đã 16 ngày.

Trị pháp : Châm Nội-quang, Manh-du, Khúc-tri, Tam-âm-giao Âm-giao, tả.

Kết quả : Hết nhức hết mủ nhẹ hẳn còn nước vàng.

Trị lần thứ 2 Trị y như trên bệnh hết hẳn.

Tuyển vú sưng.

Thị Doan vì con bú làm vú phát nóng sưng cứng, sữa ra ít.

Trị pháp : Dùng gai quện cứu các chỗ vú-sưng cứng làm chỗ sưng mềm, sữa chảy, bệnh hết ngay.

Phương pháp này đã trị nhiều người công hiệu.

Bộ phận sanh dục phát mụn ngứa.

Anh Bình 35 tuổi bộ phận sanh dục phát mụn ngứa, bệnh đã hơn 1 năm.

Trị pháp : Châm Tam-âm-giao, Khúc-tuyen tả.

Kết quả : Hết ngứa. Tiếp trị lần thứ 2, bệnh hết hẳn.

Bộ phận sanh dục ngứa chảy nước.

Anh Chánh 48 tuổi bộ phận sanh dục và tại giang môn sưng ngứa chảy nước.

Trị pháp : Châm Đại-lăng, Khúc-tri, Tam-âm-giao tả.

Kết quả : chỗ giang môn hết ngứa hết nước vàng.

Trị lần thứ 2 trị như trên. Các chứng giảm nhiều. Tiếp trị 1 lần nữa bệnh hết hẳn.

Đàn bà bộ phận sanh dục ngứa.

Cô Thịnh 48 tuổi bộ phận sanh dục và giang môn ngứa sưng

Trị pháp : Châm Đại-lăng, Khúc-tri, Tam-âm-giao tả.

Kết quả : Chỗ giang môn; hết ngứa.

Trị lần thứ 2 Châm Khúc-tri, Tam-âm-giao, Trung-cực, Đại-lăng tả.

Tiếp trị luôn 1 lần nữa như trên bệnh hết hẳn.

Đàn bà bộ phận sanh dục và hán sanh mụn ngứa.

Cô Lương 41 tuổi vì chồng có bệnh dương mai, nên truyền cho cô ta làm bộ phận sanh dục và hán sanh ghẻ ngứa.

Trị pháp : Châm Khúc-tri, Lao-cung ; Tam-âm-giao tả.

Trị tiếp kết quả sau 14 ngày bệnh hết hẳn.

Bệnh trĩ mổ rồi sau làm nhức chảy nước vàng.

Anh Châu 45 tuổi bệnh trĩ lớn phải mổ, bây giờ lại nhức, chảy nước vàng không ngồi đứng được.

Trị pháp : Châm Tam-âm-giao, Phục-lưu, Khúc-truyền bồ.

Kết quả : Hết nhức đi đứng hành động được (bệnh như vì yếu nên chậm tả sợ sanh vụng châm phải châm bồ).

Trị lần thứ 2 cũng như trên.

Kết quả : bây giờ ngồi được (trước không ngồi được), vận động dễ, nước vàng bớt.

Tiếp trị lần thứ 3 cũng như trên bệnh hoàn toàn bình phục.

B GHẺ ĐỘC

Bệnh khớp cùi chỏ hóa mũ làm độc.

Cò Lang 14 tuổi bệnh chỏ cùi chỏ tay trái lở đã 1 năm, đầu khớp cùi chỏ có 2 lỗ chảy mũ, cùi chỏ sưng to từng, từ đó đến đầu ngón tay thẳng đơ cứng, 6, 7, tháng không vận động gì được, lòng bàn tay sưng to.

Trị pháp : Châm Khúc-tri, Xích-trạch, Hiệp-cốc, Tam-âm-giao, phía bên đau hồ, chỏ gھے dùng cao dán.

Kết quả : Mũ ra rất nhiều.

Trị lần thứ 2 cách 2 ngày trị 1 lần. Trị như trên.

Kết quả : Cùi chỏ phát ngứa đau, bàn tay cánh tay ngứa.

Trị lần thứ 3 cũng như trên. Khi châm các huyết tê rần đến cùi chỏ làm mũ chảy ra rất nhiều.

Kết quả : cùi chỏ hơi mềm bớt sưng.

Trị lần thứ 4 cũng trị như trên.

Kết quả : Khi châm huyết Xích-trạch vào tê đến ngón tay trở, tay động dầy được và bớt đau bớt ngứa.

Trị lần thứ 5 trị như trên. **Kết quả :** về nhà tay sưng bớt ngứa.

Trị lần thứ 6 trị như trên. **Kết quả :** tay đưa cao ngang vai được, bớt đau bớt ngứa.

Trị lần thứ 7 Châm Tiểu-hải, Thiếu-hải, Nội-quang, Khúc-tri Bồ

Trị lần thứ 8 như trên Thêm Khúc-trạch, Thiên-tĩnh bồ.

Kết quả : tay đề xuống không đau nữa.

Trị lần thứ 9 cũng trị như trên; (**kết quả** bàn tay xẹp khô mặt).

Trị lần thứ 10, 11. Trị như trên **Kết quả** tay xẹp hết sưng.

Trị lần thứ 12 trị như trên.

Kết quả : Tay co lại được, xoay trở được, co ngón út và ngón trỏ được.

Tiếp trị như thế đến lần thứ 16. Châm Trung-chữ, Nội-quang, Ngoại-quang, Thiên-tĩnh, Khúc-tri, Tiều-hải.

Kết quả : Tay đưa cao lên đầu được và co được, ngày ấy lại đi cầu 7, 8. lần, phát sốt ra mồ hôi (ấy là độc tích bài xuất ra được).

Trị lần thứ 17 trị như trên.

Kết quả : Các ghê đều xẹp hết, cùi chỏ hết đau, ăn uống khỏe, đại tiện như thường.

Về sau trị tiếp như thế 8 lần nữa, các chứng đều hết hẳn.

Bệnh khớp xương cùi chỏ sưng và chân phát độc.

Cò Quỳnh 22 tuổi khớp cùi chỏ tay mặt sưng, nhức không đưa lên được tay co không dũi ra được, chân bên trái lại phát 2 mụn độc, chảy mủ đã nửa năm nay, đi đường thì mệt, phát ho đêm thường khó cổ, đại tiểu tiện gắt.

Trị pháp : Châm Khúc-tri, Tam-âm-giao, Lao-cung, Hiệp-cốc, bõ. Trong uống thuốc giải độc ngoài dán thuốc cao.

Kết quả : Tay đưa ra sau đầu được.

Trị lần thứ 2 như trên. Kết quả : Đi mệt hết ho, tay mặt cử động được ghê bớt mủ, trắng nhuận.

Trị lần thứ 3 như trên. Kết quả còi hết khô, chẹn mắt đi được (trước không bước được thẳng, chỉ nhót chân không chấm đất), bớt nhức.

Trị lần thứ 4 cũng trị như trên.

Kết quả : Tay, cùi chỏ hết đau, chân ghê xẹp.

Trị lần thứ 5. Châm Khúc-tri, Tam-âm-giao, Lao-cung, Uyển-cốt.

Kết quả : Hoạt động mạnh được ghê hết mủ, làm da non.

Trị lần thứ 6 trị như trên. Kết quả ghê tay cùi chỏ hết, chân gần lành.

Trị lần thứ 7 Trị như trên. Kết quả : Bệnh hết hẳn.

Tay phát hạch chảy nước vàng không hết.

Bà Khôn 58 tuổi 20 năm trước, tay chân hay nổi hạch, chỗ bên dít nổi hạch cỡ gần 2, 3, tấc, đắp thuốc cứ chảy mủ luôn không hết, đến nay dưới cùi chỏ tay mặt còn 1 mụn, cánh tay còn 1 mụn, nơi ngực cũng có.

Trị pháp : Châm Tam-âm-giao, Khúc-tri, trên mụt hạch dùng ngải quỳen cứu 3 phút, dán Thái-ất-cai.

Kết quả : Bớt sưng, nước vàng ít.

Trị lần thứ 2 Cách 1 ngày trị 1 lần. Trị y như trên.

Kết quả : Mụt hạch củi chỗ hơi nhỏ, nước vàng bớt nhưng lại đau nhiều.

Trị lần thứ 3 như trên Thêm Nội-quang.

Kết quả : Đau nhức nhiều, ít nước vàng nhưng rồi ra máu bầm mới bớt nhức, Các mụt hạch nhỏ bớt đau.

Trị lần thứ 4 : Trị như trên.

Trị lần thứ 5 Châm Khúc-tri, Côn-lôn, Chiếu-hải.

Kết quả : Củi chỗ co thì lại nhức, chân lại đau.

Trị lần thứ 6 Châm Khúc-tri, Tam âm-giao, Thủ-tam-lý, Phong-thị.

Kết quả : Tay chân bớt đau; miệng ghẻ bằng mặt, lại hết chảy nước.

Về sau liên tiếp châm bổ Khúc-tri và Tam-âm-giao mấy lần nữa.

Các hạch ghẻ đều tiêu hết, bình phục hẳn.

Ngực phát ghẻ độc chảy nước không lành miệng.

Ông Vinh 50 tuổi nơi ngực chỗ huyết Hoa-cải nổi ghẻ phá 1 lỗ chảy nước vàng, ban đầu lành miệng nhưng sau cũng phát lại dán thuốc mãi không lành.

Trị pháp : Châm Khúc-tri, và Thái-uyên bên trái bổ pháp.

Kết quả : Hôm sau tại miệng ghẻ có 1 cục mũ lớn.

Trị lần thứ 2 trị như trên. (Sau anh này không lại trị nữa).

Chứng này không lại trị nữa, nhưng cũng có thể bớt được, tuy vậy nơi ngực không có thịt nhiều, cũng khó lành hẳn, thường chảy nước vàng ít mũ đó là trạng thái (bẩn huyết) cần châm trị làm cho tăng sức đề kháng diệt trùng dùng 2 huyết Khúc-tri, Thái-uyên có công hiệu.

Trên bàn chân sanh ghẻ độc.

Bà Xương 45 tuổi trên bàn chân mặt sanh ghẻ độc, nhức, có nhiều mụt chảy nước vàng, đã 3 năm dùng đủ thuốc không công hiệu, có chỗ thâm đen.

Trị pháp : Châm các huyết : Giải-kê, Khưu-hư, Thái-xung, Túc-lâm-khấp, Chí-âm, Chiêu-hải, Tam-âm-giao.

Châm trị 1 ngày nghỉ 1 ngày trong thời gian hơn 1 tháng (15 lần châm trị). Bệnh hoàn toàn hết hẳn, các chỗ thâm đen cũng trắng lại, không còn sẹo và thâm nữa, nhưng còn hơi tê (chưa biết đau khi véo ngứa).

Tiếp trị châm bổ Tam-âm-giao và Thái-xung, 3 lần bình hết hẳn.

Phụ chú : Các bệnh hạch và ghẻ độc trên đây dùng thuốc không hết mà vẫn nhờ Châm cứu trợ giúp nên có kết quả, có bệnh lúc châm trị có khi phát đau nhức dữ, nhưng rồi sau cùng hết, vậy đừng nên ngộ nhận không công hiệu mà không trị, cứ tiếp tục châm trị mãi (xem cách trị các bệnh trên), cho đến khi độc phát ra hết thì hoàn toàn bình phục ngay.

C. BỆNH NGOẠI THƯƠNG

Bệnh lưng bị thương đau đã 2 năm.

Anh Tư 35 tuổi 1 năm trước nhơn làm lao động bị thương ở lưng đau nhức phía bên trái, dưới dái hay ra mồ hôi ướt khó chịu.

Trị pháp : Châm Phức-lưu, Phi-dương bổ, Ủy-trung tả. Cứu Thận-du, Tinh-cung 5 tráng. Mạng-môn 3 tráng.

Kết quả : Lưng hết đau, Dái hết ra mồ hôi.

Lưng bị cúp xương sống đau nhức.

Anh Lân 42 tuổi năm trước nhơn xách nước làm cúp xương sống lưng cả ngày đau nhức, khó đi đứng, đến nay chưa hết.

Trị pháp : Châm Ủy-trung tả. Tê thấu đến lưng.

Trị lần thứ 2 Châm Hoàn-khiêu, Ủy-trung tả, chỗ huyết Ủy-trung có nổi gân châm ra máu.

Kết quả Châm Hoàn-khiêu tê rần đến lưng 4, 5 tắc rồi lần lần hết đau. Sau hết hẳn.

Lưng sưng nhức vì quá vận động.

Anh Hòa 33 tuổi vì làm lao động cố rún quá sức bị cúp xương sống chỗ lưng bị sưng nhức.

Trị pháp : Châm Đại-chủy, Hậu-kê, Ngoại-quang bổ,

Kết quả : lưng bớt đau nhức 8/10, nhưng sau trở lại.

Trị lần thứ 2 trị như trên. Bệnh hết hẳn.

Cong lưng lấy đồ quá sức làm lưng đau nhức.

Anh Thương 48 tuổi hơn cong lưng lấy đồ vận động quá sức làm chỗ Màng-môn đau cứng.

Trị pháp : Châm Nhôn-trung, Màng-môn tả, Cứu Màng-môn, Thận-du 3 trái.

Kết quả : hôm sau chỗ ấy lại đau dữ.

Trị lần thứ 2. Cũng trị như trên, thêm cứu Bác-liêu, Hoàn-khiêu, Trường-cường đều 3 trái.

Kết quả : bệnh hoàn toàn hết hẳn.

Bị đánh ở ngực hông bị thương.

Ông Vinh 60 tuổi bị người đánh chỗ hông, ngực 20 ngày làm đau nhức.

Trị pháp : Châm Khúc-tri, Nội-quang, Thái-uyên, Hậu-khê.

Kết quả : giảm nhẹ.

Trị lần thứ 2 trị như trên. Bệnh hết hẳn.

Bụng bị thương ứ huyết.

Cô Anh 20 tuổi năm trước bị đá nhằm bụng dưới làm cho bên bụng đau, ăn vào không xuống, trong có uồi 1 cục lớn (ứ huyết).

Trị pháp : Châm Trung-cực, Khúc-tuyền; Tử-cung tả, Khúc-tri hữu.

Kết quả : Bớt đau nhức, ngày sau đi cầu ra 1 cục máu bằng đầu ngón tay. **Trị lần thứ 2 trị như trên. Bệnh hết hẳn.**

Tay bị thương ngón tay không vận động được.

Ông Thanh 50 tuổi, Quay xe tay mất, đau đến trong nách hơn tháng sau m ấy ngón tay thẳng cứng không co được.

Trị pháp : Châm Ngoại-quang, Nội-quang, Hiệp-cốc, Khúc-tri tả.

Kết quả : Ngón tay hoạt động được nhưng nách còn đau.

Trị lần thứ 2 Châm Nội-quang, Ngoại-quang hữu, Khúc-tri, Hiệp-cốc, tả.

Kết quả : Bớt nhức, **Trị tiếp 1 lần nữa** bệnh phục hẳn.

Tay cánh tay sưng nhức.

Anh Hoa 30 tuổi năm trước tay trái vì dùng lực vận động quá mạnh bị trặc làm sưng nhức.

Trị pháp : Châm các huyệt Hiệp-cốc, Ngoại-quang, Tứ-độc, Khúc-trì, Trĩu-tiểu tả.

Kết quả : Trước châm các huyệt Hiệp-cốc Ngoại-quang, Tứ-độc sau châm Khúc-trì, châm vào đau quá chịu không nổi gần khóc, nhưng xoay tả tiếp 2 lần chỗ sưng bớt nhức.

Trị lần thứ 2 trị như trên. **Kết quả :** bớt nhức sưng giảm nhiều.

Trị lần thứ 3 trị như trên. Bệnh hết hẳn.

Bị thương cườm tay sưng cứng.

Cô Thanh 45 tuổi tay mặt bị thương chỗ cườm tay sưng cứng 2 tháng không vận-động được.

Trị pháp : Châm Hiệp-cốc, Ngoại-quang, Thái-uyên Đại-lăng, Dương-cốc, tả. **Kết quả :** Cườm tay vận chuyển được.

Trị tiếp lần thứ 2 y như trên bệnh hết hẳn.

Nách bị trặc, tay không đưa lên được.

Bà Tô 53 tuổi chỗ nách bị trặc đau nhức, tay không đưa lên được, không cầm nắm được.

Trị pháp : Châm Nội-quang, Ngoại-quang, Khúc-trì, Túc-lâm-khấp, Đại-chùy, xoay vận kim tả pháp.

Kết quả : Nách hết đau nhức, tay hơi cử động được.

Trị lần thứ 2 trị như trên.

Kết quả : tay hoàn toàn đưa lên cao được và cầm nắm được như thường.

Hai cánh tay bị thương co lại không đưa lên được.

Bà Khuôn 58 tuổi hai cánh tay năm ngoái bị thương đau nhức co lại không đưa lên được, tim hồi hộp đập mạnh, nửa đêm mê mệt.

Trị pháp : Châm Kiên-ngung tả, Túc-tam-lý hữu.

Kết quả : Châm 2 huyệt Kiên-ngung xong tả xong tay đưa lên được.

Sau Châm hữu huyệt Túc-tam-lý, Tim hết hồi hộp.

Trị tiếp 1 lần nữa bịnh hoàn toàn bịnh phục.

Ngón tay giữa bị thương sưng lở.

Cháu Nguyễn 14 tuổi ngón tay giữa tay trái bị đánh sưng nhức phát làm mủ.

Trị pháp : Châm Ngoại quang, Đại-lăng, Khúc-tri tả.

Kết quả : bớt đau, đầu ngón tay ra mủ.

Trị lần thứ 2 Châm Hiệp-cốc tả, dán thuốc cao bạc độc.

Kết quả ; Ngày sau hết nhức. Trị tiếp 1 lần nữa như trên hết hẳn.

Tay bị đánh khớp cườm tay sưng nhức.

Bà Hán 54 tuổi tay trái bị đánh chỗ khớp cườm tay sưng nhức 3 ngày.

Trị pháp : Châm Nội-quang, Hiệp-cốc, Khúc-tri tả.

Kết quả bớt nhức.

Trị lần thứ 2 Châm Nội-quang hữu, Đại-lăng, Hiệp-cốc, Khúc-tri tả.

Kết quả : Không phản ứng, (vì bị thương nặng tả ít nên không kết quả).

Trị lần thứ 3 Châm Xích-trạch, hữu, Đại-lăng, Nội-quang, Hiệp-cốc tả.

Kết quả : hết hẳn.

Chân đầu gối phía trong sưng nhức.

Cô Thanh 23 tuổi bị đánh phía trong đầu gối chân trái bị hươu sưng nhức.

Trị pháp : Châm Khúc-tuyền tả. Kết quả hết sưng hết nhức.

Đầu gối té trặc sưng nhức.

Cháu Sinh 14 tuổi phía trong đầu gối bị té trặc sưng nhức.

Trị pháp : Châm Thái-xung, Tam-âm-giao tả.

Kết quả : bớt nhức.

Trị lần thứ 2 như trên ; bịnh hết hẳn.

Bịnh đánh chân sưng nhức làm đầu xoay xam.

Anh Hán 22 tuổi chân bị đánh sưng nhức, mỗi lần đau công lên đầu làm xoay xam.

Trị pháp : Châm Dương-lăng, Tam-âm-giao, Tuyệt-cốt hữu, Âm-thị, Túc Tam-lý tả. Cứu Phong-thị, Dương-lăng, Âm-thị Tuyệt-cốt, Khưu-hư, Thái-xung, Cồn-lôn, Phục-lưu, Phục-thổ đều 5 trắn.

Kết quả : Hết sưng nhức.

Trị lần thứ 2 Châm Phục-lưu hồ Thái-xung tả.

Kết quả : bớt nhức nhiều.

Trị lần thứ 3, 4, trị như trên. Kết quả : Hết sưng.

Trị lần thứ 5 như trên thêm châm hồ Khúc-tuyền.

Trị lần thứ 6 như trên thêm châm hồ Tam-âm-giao.

Kết quả : Bệnh hết hoàn toàn.

Mắt cá chân bầm sưng nhức không vận động được.

Anh Trương 35 tuổi chỗ mắt cá chân trái bị đánh bầm, đau nhức không vận động được.

Trị pháp : Châm Khuru-hư, Túc-lâm-khấp tả.

Kết quả : Bớt đau.

Trị lần thứ 2 (phía trong mắt cá còn đau) Châm như trên thêm Thủy-tuyền bờ.

Trị lần thứ 3 (hiện chỗ Giải-kê sưng lớn trong nóng).

Châm Thái-kê, Chiếu-hải, Khuru-hư tả.

Trị lần thứ 4, 5 trị như trên. Kết quả : Chấn mặt hết sưng, bệnh giảm.

Trị lần thứ 6. Trị như lần 3. Kết quả : 2 chân đều bớt nhức.

Trị lần thứ 7, (hiện chỗ huyết Thủy-tuyền có nổi hạch).

Trị như lần thứ 3 thêm bờ huyết Thủy-tuyền. Bệnh hết hẳn.

Ngón chân cái bị đập sưng nhức.

Cô Trinh 41 tuổi ngón chân cái chân trái bị đập phát sưng nhức.

Trị pháp : Châm Thái-bạch, Thái-xung tả, Khuru-hư bờ.

Kết quả : hết ngay.

Ngón chân bị đập sau phát sốt nóng làm đau nhức đã 45 ngày.

Trị pháp : Châm Hàm-cốc bờ. Nội-dinh tả. Cứu chỗ đau (dùng Ngại-quyện cứu). Kết quả : hết hẳn.

Bàn chân bị đập nhức không đi chân xuống được.

Trị pháp : Châm Khuru-hư bờ, Thái-xung, Túc-tam-lý tả. Cứu chỗ nhức, (dùng ngại quyện cứu). Kết quả : hết sưng.

Trị lần thứ 2. Trị như trên. Bệnh hết hẳn.

Mắt cá ngoài bị đập (chỗ huyết Khuru-hư). Phát sốt.

Anh Kim 28 tuổi mất cá ngoài bị đập sưng đỏ, toàn thân phát sốt, phát lạnh đau nhức kịch.

Trị pháp : Châm Khưu-hư, Túc-lâm-khấp, Thái-xung tả.

Kết quả : hết sưng hết nóng.

Trị lần thứ 2. Trị như trên. Bệnh hết hẳn.

Bị té nhằm chỗ Hội-âm bị thương sưng đau.

Anh Văn 34 tuổi hai tháng trước trên cao té xuống cần tại chỗ Hội-âm ; tiểu ra máu, đi Bệnh viện trị cầm máu, sau tiểu tiện tự rĩ ra, có lúc phát sốt nổi trướng lên đau, chỗ Hội-âm và đại cũng sưng lớn.

Trị pháp : Châm Trường-cường, Trung-cực tả. Cứu Hội-âm 9 trảng, Tam-âm-giao, Khúc-luyền, Thủy-đạo, Quy-lai, Bàng-quang-du, Tiểu-trường-du, Bắc-liêu đều 3 trảng. Không phản ứng.

Trị lần thứ 2. Châm Quang-nguyên, Cứu Hội-âm, Trung-cực, Thủy-đạo, Quy-lai, Khúc-cốt, Thái-xung 3 trảng.

Kết quả : Nước tiểu bớt và đi tiểu thông. Nhưng qua ngày sau lại sưng, đi tiểu đau, ngày nhẹ đêm nặng.

Trị lần thứ 3 Châm Quang-nguyên, Trung-cực, Thúc-cốt, Thái-xung, tả. Cứu như trên thêm Thái-khê; Tam-âm-giao 4 trảng.

Kết quả : Đi tiểu thông nhưng có lúc lại đau.

Trị lần thứ 4 Châm Quang-nguyên, Tam-âm-giao bỏ.

Kết quả : Đi tiểu đau bớt.

Trị lần thứ 5 Trị như trên. Cứu thêm Thận-du, Màng-môn, Thái-khê, Cồn-lôn 3 trảng. Khí-hải 4 trảng.

Kết quả: Đi tiểu hết sưng đau, các chỗ đau xung quanh bụng hết.

Trị lần thứ 6 Cũng trị như trên. Kết quả bụng dưới hết đau.

Trị lần thứ 7 Châm Quang-nguyên, Tam-âm-giao bỏ Khúc-tri tả. Cứu Trường-cường, Khí-hải đều 3 trảng.

Kết quả : Tiểu thông, Các chứng hết hẳn.

Bị mảnh bom làm bị thương ba sườn mó rồi vẫn còn nhức.
không lành miệng.

Ông Nhạc Thầy Hiền ở Trảng-Bàng 72 tuổi, bị mảnh bom vẫn nhằm chỗ xương sườn đi Bệnh-viện mổ mủ mảnh ra, cắt hết 3 sườn, cắt mổ hai lần, nhưng vẫn còn nhức, chỗ mổ sâu vào không lành miệng, phía trong các xương sườn còn nhức chảy nước vàng, Bệnh-

viện định mổ lần thứ 3, thời gian trị tại Bệnh-viện hơn tháng (hiện chờ dưỡng sức đề mổ) lại, sau nhờ người giới thiệu châm cứu trị.

Trị pháp : Châm nhẹ các huyệt : Chiên-trung, Nhũ-cẩn, Thiên-trì, Thực-độc, Bộ-lang, Linh-khưu, Hung-hương, (chỗ bị thương mổ) lưu kim 10 phút.

Châm trị đến lần thứ 5 hết nhức bớt nước vàng (trong khi châm trị, không dùng thuốc uống trong không tim thuốc, chỉ rửa Éther và dihistreptomycine pha nước rửa ngoài).

Trị tiếp đến lần thứ 9 miệng nhỏ lại và bớt nước vàng làm da non. Đến lần thứ 11 lành hẳn, Bệnh-viện chứng nhận không cần mổ nữa, mà suture bên trong cũng lành, cho ra Bệnh-viện.

Bệnh này chỉ châm trị trong thời gian 11 lần bình phục hoàn toàn.

D.— BỊ RẮN ĐỘC CÁN.

Chân bị Rắn độc cắn sưng nhức không vận động được.

Anh Hoa 38 tuổi chân trái bị rắn cắn sau làm sưng nhức đã 40 ngày bảy giờ không vận động được.

Trị pháp : Châm Túc-tam-lý, Tam-âm-giao bồ, Thái-xung, Nội-đỉnh tả.

Kết quả : hết sưng, sau tự lại chỗ mất cá phía ngoài nhức, Trị lần thứ 3 Châm Côn-lôn, Thái-kê, Thái-xung tả.

Kết quả : hết hẳn.

Trị lý : Châm làm cho độc giải diệt trùng, trên hồ dưới tả cho nên sau độc tự lại chỗ mất cá, sau tả lại, diệt hết trùng hết bệnh.

Ngón tay bị rắn cắn làm độc.

Anh Sơn 49 tuổi vì bị rắn độc cắn ngón tay út tay trái, đã 4 ngày nhức không ngủ được, độc chạy lên đầu, chỗ Thái-dương như bị dùi đâm, bên nách trái nổi hạch đau.

Trị pháp : Châm Trung-chữ, Ngoại-quang, Đại-lăng tả, Trung-xung ra máu.

Kết quả : Giảm nhẹ bớt 1/2.

Trị lần thứ 2 Châm Thái-dương bên trái, Phong-trì, Đại-lăng, Trung-chữ.

Kết quả : bệnh hết hẳn.

CHƯƠNG IV

PHỤ NHƠN KHOA

I KINH NGUYỆT.

Kinh nguyệt bệnh : Kinh thống. (có kinh đau bụng).

Châm cứu trị bệnh này cần làm cho thần kinh được vượng để cho sự tiết kinh thông suốt, làm giảm cơn đau :

Trị pháp : I.— Khi phát đau châm các huyệt : Nội-dinh, Tam-âm-giao, (trước tác thuật), như hết đau châm thêm các huyệt : Túc tam-lý, Âm-lăng-tuyền, Thận-du, Quang-nguyên:

Đau lâu năm cũng trị hết, bệnh nhẹ châm trị 1. 2 lần bệnh nặng trị 5, 6, lần hết hẳn; người già nên trị nhiều lần, ngoài ra cũng cần phối hợp các huyệt : Thân-tru, Khí-hải-du, Đại-trường-du, Thử-liêu, Thử-liêu tham dụng.

2.— Hoặc châm các huyệt : Thử-liêu, Trung-liêu (trước tác thuật), Đại-hoành, Quy-lai; Khí-xung, kích thích mạnh, Huyết-hải, Túc tam-lý, Tam-âm-giao (trước tác thuật).

3.— Trước khi có kinh đau bụng dùng các huyệt : Địa-cơ, Khí-hải, Trung-cự, Huyết-hải, Túc tam-lý, Tam-âm-giao.

4.— Sau khi có kinh đau bụng dùng các huyệt : Khí-hải, Quang nguyên, Túc tam-lý, Tam-âm-giao, Công-tôn, Thái-xung.

Suy nhược kinh ít không đau thai dùng các huyệt : Trung-cự, Quy-lai, Quang-nguyên, Huyết-hải, Địa-cơ.

Hoặc dùng phương pháp cứu trị thì dùng các huyệt : Thân-tru, cứu 7 tráng, Yếu-nhân, Trung-liêu 10 tráng, Huyết-hải 8 tráng.

Hoặc cứu : Nội-dinh, Tam-âm-giao, Khí-hải, Quang-nguyên, Thận-du.

Huyết phương : Trị thống kinh.

Trước khi có kinh đau bụng hay trong khi hành kinh đau bụng, nhức đầu, mề mết, tay chân hải hoải, bình nặng làm ác tâm ầu-thở đến khi hết kinh bình mới lần lần giảm khỏe lại.

Trị pháp : Cứu các huyết : Quang-nguyên, Trung-cực, Đại-cự, Thủy-đạo, Huyết-hải, Tam-âm-giao, nếu không cứu dùng châm trị thì áp dụng châm kích thích trung độ và lưu kim.

Kinh nghiệm trị chứng này cứ trước khi có kinh 4, 5 ngày cách nhựt châm trị 4, 5, lần sau khi hết kinh cũng châm trị 4, 5, lần nữa.

Qua tháng sau cũng y như trước châm trị 4, 5, lần, đến tháng thứ 3 nếu hết đau nhưng cũng châm trị thêm 3, 4, lần nữa thì về sau bình mới bình thường, điều hòa được.

Những phương đã trị nghiệm :

Đến kinh kỳ đau bụng :

1.— Cháu Văn 18 tuổi đến khi có kinh phát đau bụng phía bên trái gần rún, như có hơi chạy, khi đau khom lưng không ngay được mặt mết xanh, không muốn ăn uống, thậm chí cứ nằm trên giường ôm bụng. Khi kinh ra 3 ngày, mới hết đau, dây dưa 7, 8, ngày mới dứt.

Trị pháp : Dùng ngải quỳ cứu Khí-hải, Liệt-khuyết tay mặt 3 lần, cứu Trung-cực, Quang-nguyên, Tĩ-cung 3 trảng.

Kết quả : Hai lần kinh sau đau ít, lưng không khom nữa, ăn được, kinh huyết sắc đỏ, nhiều, mặt tươi nhuận.

Trị lần thứ 2 trị như trên. Kết quả giảm bớt đau.

Trị lần thứ 3 cũng như trên. Kết quả các chứng đều hết.

2.— Cô Thục 27 tuổi khi có kinh đau bụng phía bên rún.

Trị pháp : Dùng ngải quỳ cứu Huyết Khi-hải.

Kết quả khi cứu trong bụng cảm giác có tiếng hơi chạy, hết đau.

Trị lần thứ 2 (ngày hôm sau đau lại) Châm Khí-hải, Nội-quang Tam-âm-giao bờ. Kết quả bình hết hẳn.

3.— Cô Tịnh 37 tuổi mỗi lần có kinh bụng dưới đau nặng như tử-cung trệ xuống, trương lên, lúc đau thì bụng lạnh, sờ sờ hơi lợm, ền vào lại nữa.

Trị pháp : Châm Khí-hải bờ Tam-âm-giao bên mặt bờ. Cứu Thận-du, Phục-lưu, Quang-nguyên, 3 trảng, Mạng-môn, Trung-cực, Âm-ky 1 trảng.

Kết quả : Bụng hết đau, hết mồ hôi, ăn được, tử cung hết trương.

4.— Cô Anh 38 tuổi mỗi lần có kinh bụng dưới đau cả ngày không ăn uống được, bệnh đã gần 10 năm, dùng đủ các thứ thuốc vô hiệu.

Trị pháp : Dùng ngải quỳ cứu Khí-hải 3 lần bệnh giảm.

Đến khi có kinh lần thứ 2 (tháng sau) bụng ít đau trị 1 lần nữa về sau hết hẳn.

Trước khi có kinh đau bụng không dứt.

Cô Ngọc 18 tuổi trước khi có kinh phát đau bụng dưới trương, tử-cung cũng đau, ho, đại tiện táo, tiểu vàng, làm xoay xảm.

Trị pháp : Châm Khí-hải, Tử-cung, Trung-cực, Tam-âm-giao.

Kết quả : ngày ấy hết đau, kinh hết (lúc trị là lúc có kinh đã 2 ngày, như vậy là 3 ngày dứt kinh, tháng trước 4, 5 ngày mới dứt), ngày sau bụng còn đau nhưng nhẹ hơn.

Trị lần thứ 2 châm Túc-tam-lý, Thái-uyên (dùng huyết này về chỗ phổi hơi đau làm ho) Tam-âm-giao, Nội-quang. Cứu Khí-hải, Tử-cung, Trung-cực, Khúc-tuyền đều 3 tráng.

Kết quả : Ngày ấy hết đau, bệnh hết hẳn.

Có kinh quá kỳ bụng trương đau.

Cô Nguyệt 18 tuổi có kinh (49 ngày 1 lần, kinh hậu kỳ) kinh nguyệt sắc lợt, khi hành kinh bụng trương đau.

Trị pháp : Châm Khúc-truyền, xoay bờ, tả 3 lần.

Trị lần thứ 2 Châm Phục-lưu, Tam-âm-giao bờ.

Trị lần thứ 3 Châm Túc-tam-lý bờ.

Kết quả : Sau kinh đúng kỳ 28 ngày, hết đau bụng.

Có kinh rất ít lại trước kỳ.

Cô An 20 tuổi có kinh trụt 25 ngày, kinh nguyệt rất ít.

Trị pháp : Châm Tam-âm-giao bờ, Ủy-trung tả, Khúc-truyền bờ, cứu Thận-du, Mạng-môn, Quang-nguyên, Khí-hải đều 5 tráng, Tử-cung 3 tráng.

Kết quả : Tháng sau kinh nguyệt ra nhiều có máu bầm và đúng kỳ.

KINH BẾ TẮC.

Phàm có kinh sau tự nhiên không có mà không phải chữa, đó là kinh bế, có khi kèm cả chứng đau lưng, nhức đầu, ăn nóng

không tiêu, tiêu bí, cũng có người phát chảy máu cam, khạc ra máu, ọc ra máu, đó là trắc kinh.

Trị pháp : Dùng các huyết. Mang-môn, Thận-du, Đại-trường-du, Trường-cường, Hiệp-cốc, Tam-âm-giao, Địa-cơ, Huyết-hải, Từ-mãng, Đại-hích, Quang-nguyên, Trung-cự, Khúc-cốt, Quy-lai. Còn-lớn.

Trị bệnh này đến khi kinh có lại thường điều hòa rồi, cần nên dùng ít huyết bổ dưỡng để khỏi tái phát.

Bệnh tắc kinh 5 tháng, tiểu tiện đi luôn.

Cô Vinh 49 tuổi mất kinh đã 5 tháng, phát ho, lưng bụng đau, ra mồ hôi lạnh đầu đau đầu hai bên thái-dương, cứ bắc đi tiểu hoài.

Trị pháp : Châm Thái-khê bổ, Nội-quang tả. Cứu Đại-chùy, Phong-môn, Phế-du, Chiên-trung, Trung-uyên, Chương-môn, Thận-du, Mang-môn 3 tráng. Kết quả : Sau 3 ngày có kinh, ho, lưng, bụng, đều giảm, tiểu cũng hết.

Kinh bế, Đình kinh, Trắc-kinh.

Trị bệnh này cần làm cho tử cung buồng trứng vững mạnh lại.

Trị pháp : Dùng các huyết chủ yếu : Tam-âm-giao, Huyết-hải, Âm-lăng-tuyền Trung-cự, Quang-nguyên; Nội-dinh, Khí-hải; Hiệp-cốc.

Người thể chất mạnh kinh bế châm các huyết ; Cách-du, Khí, hải, Nội-dinh, Địa-cơ, Huyết-hải, Trung-cự, Hành-gian, Khúc-tuyền-Túc-tam-ly, Hiệp-cốc, Khúc-cốt, Tam-âm-giao.

Người thể chất hư kinh bế Cứu các huyết : Tam-âm-giao, Quy-lai, Quang-nguyên, Mang-môn, Thận-du, Khúc-cốt, Can-du, Trường-cường.

Phụ chú : Trị bệnh tắc kinh phải tùy thể chất, bệnh chứng mà áp dụng phối hợp các huyết trị, không thể đặc 1 nguyên tắc nào-nhất định, vì bệnh chứng khác nhau, nên cần phân biệt trị mới có kết quả.

Kinh bế 1 năm toàn thân tê đơ.

Cô Phùng 19 tuổi, mất kinh 1 năm toàn thân tê đơ, bên trái càng nặng, có lúc trong nách dục đau, cổ phía trái cứng, khi ngồi dậy thì hơi xóc làm tê, sợ gió, nằm không dậy nổi, mặt mét xanh, Đại tiện táo.

Trị pháp : Cứu Bách-hội, Phong-trì, Đại-chùy, Phong-môn, Phế-du, Kiền-ngung, Khúc-trì, Nội-quang, Ngoại-quang, Thủ-tam-ly;

Thủ-bác-phong, Hoàn-khiêu, Phong-thị, Dương-lăng-tuyền, Âm-lăng-tuyền, Túc-tam-lý, Tam-âm-giao, Thái-xung, Túc-bác-phong. Cứu xong châm Phong-phủ, Phong-trì ra máu.

Kết quả : Cứu Bách-hội, Phong-trì, thì hết ngứa, cứu Khúc-trì tay trái chân trái hết co, cứu Thủ-bác-phong đầu ngón tay tê, Túc-bác-phong, thì chân tê, nội đêm ấy có kinh sắc thường, các chứng kinh dục, đầu cổ cứng đều giảm.

Trị lần thứ 2 Trị y như trước.

Kết quả : Tay chân cử động được, hết sợ gió.

Trị lần thứ 3 cứu Kiên-ngung, Đại-chùy, Phong-môn, Châm Phong-phủ, Phong-trì.

Kết quả : khi cứu Kiên-ngung tê đến đầu ngón tay, 2 huyết Phong-môn, Đại-chùy thì ngứa nhiều, sau châm các huyết thì tay chân cử động mạnh được, Về sau bình phục hẳn.

Kinh bế, Chân yếu, xương sườn lồi, người suy nhược.

Cháu Trinh 18 tuổi Mất kinh 2 tháng, lưng đau, xương sườn dưới vú bầy lộ ra, chỗ ồ tim ngực đau, hai chân lạnh yếu không đứng được, chỗ da dày cũng dày, đại tiện 4 ngày không đi, nước tiểu vàng.

Trị pháp : Châm Nội-quang, Kỳ-môn, Chương-môn, tả, Túc-tam-lý, Công-tôn bồ. Cứu Đại-chùy, Phong-môn, Phế-du, Can-du, Tỳ-du, Vị-du, Thận-du, Mạng-môn, Chiên-trung. Cự-khuyết, Trung-uyên, Khí-hải, đều 3 trấu.

Kết quả : Đi cầu được, chân trái đứng được.

Trị lần thứ 2. Cách 1 ngày. Trị như trên.

Trị lần thứ 3. Châm Thái-khe bồ, Thương-uyên, Nội-quang tả. Cứu như trên. Kết quả ngày hôm sau có kinh, chân co duỗi được, về sau bình phục hẳn.

Bệnh huyết Khô kinh bế.

Thị Quân 39 bị bệnh phôi nặng, huyết khô mất kinh đã 3 tháng tay chân nóng, mỗi ngày sau 2 giờ chiều tim phiền nhiệt, đêm không yên chỉ ngủ được 1 vài giờ, đầu xây xẩm mắt hoa, ho nhỏ bọt, ăn không tiêu, hoặc no hơi, tim hồi hộp, nói hơi mệt, dùng đủ thuốc Đông Tây cho là chứng Cản huyết lao rọi phôi thì là vì chứng lao phôi.

Trị pháp : Vì sợ vụng châm nên trước cứu bồ Túc-tam-lý, Nội-

quang. Thái-khê 3 trảng sau châm bồ Phục-lưu, Tam-âm-giao, Tam-lý, Nội-quang. Kết quả ngày sau ăn được.

Trị lần thứ 2 ; Châm Tam-lý, Tam-âm-giao bồ, cứu như trước, thêm Phục-lưu, Phi-dương, Châm-bồ Đại-chủy, Phế-du, Phong-môn châm tả.

Kết quả . Tinh thần sản khoái, ăn tăng, vai bớt đau.

Trị lần thứ 3. Trị như trước, không phản ứng duy chỗ Trung-uyên đau.

Trị lần thứ 4 trị như trên bồ Phục-lưu, Tam-âm-giao, Tam-lý, Trung-uyên, tả Nội-quang.

Kết quả : Đêm ấy bớt ho, ngày sau trưa lại chứng triệu nhiệt giảm, sắc mặt tươi nhuận ; tinh thần khỏe, ngủ thêm 3 giờ.

Trị lần thứ 5 trị như trên. Bớt ho nhiều và khỏe nhiều.

Trị lần thứ 6 : Châm Đại-lăng tả, Phục-lưu, Tam-âm-giao, Tam-lý bồ và cứu như trên.

Trị lần thứ 7 trị như trước nhưng thế Đại-lăng dùng Chiếu-hải.

Kết quả : Các chứng hết hẳn.

Trị bệnh này : Trị Phế bệnh thì đối với kinh Phế-trực tiếp trị, nhưng nên bồ Thận-thủy và tả Tâm-hỏa, bệnh mới yên.

Kết quả : Sau 3 ngày có kinh, ho, bụng, lưng đều giảm, tiểu cũng hết.

Tắc kinh 2 tháng đau bụng sưng, chân.

Có Trinh 30 tuổi; mất kinh hai tháng, bụng đau, sưng chân, mặt vàng, móng tay móng chân trắng bạc.

Trị pháp : Châm Đại-dò, Phong-long, Tam-lý; Ngoại-quang bồ, Cứu Đại-chủy, Phong-môn, Phế-du, Cách-du, Tỳ-du, Vị-du. Mang-môn, Tam-âm-giao đều 3 trảng.

Kết quả : Ngày sau kinh thông, các chứng đều giảm, móng tay móng chân hết trắng.

Tắc kinh 6 tháng, phát ban chân dày mình.

Có Trần 20 tuổi mất kinh đã 6 tháng cả người phát ban chân-

Trị pháp : Châm Khúc-trì, Tam-âm-giao tả.

Kết quả : Ban chân phát ngứa (độc phát ra ngoài).

Trị lần thứ 2 cách 2 ngày Châm-Khúc-tri, Tam-âm-giao, Khúc-nguyên, Lao-cung tả.

Kết quả : Ngày sau có kinh, ban lần lần lặn và hết ngứa, sau hoàn toàn bình phục.

Tác kinh làm thần kinh suy nhược, đầu xoay xảm.

Cô Thung 46 tuổi, hút a phiến, người suy yếu, sau bỏ hút, chứng càng nặng, 3, 4 tháng không có kinh, thân thể tẻ mòi, có lúc co dục, tim đập, đầu xoay bờ, răng đau, bụng dưới đầy trướng, tiểu tiện đi hoài, mỗi buổi sáng đi cầu 3, 4 lần, tinh thần suy nhược, mặt sắc thâm.

Trị pháp : Châm Nội-quang, Tam-lý, Tam-âm-giao bờ. Cứu Bách-hội, Phế-du, Thận-du, Thái-khê, Côn-lôn, Tam-âm-giao 3 trảng bờ. Quang-nguyên, Khi-hải bờ 7 trảng, Tam-lý bờ 5 trảng. Phong-môn, Chiên-trung, Trung-nguyên, Chương-môn 3 trảng, Mạn-môn 1 trảng.

Trị lần thứ 2 Cách Hai ngày Châm Thần-môn, Tam-lý, Tam-âm-giao, Phục-lưu bờ. **Kết quả :** Đêm ấy làm bức rức khó chịu nhưng tim bớt đập **Trị lần thứ 3** Châm Thần-môn, Phục-lưu, Tam-lý, Trung-cực, bờ, Cứu Thận-du, bờ 9 trảng, Mạn-môn, Âm-lăng, bờ 3 trảng.

Kết quả : Mặt trở lại trắng nhuận, tim bớt đập.

Trị lần thứ 4 Châm Phục-lưu, Ủy-trung, Tam-lý, Thái-nguyên bờ. Cứu Thần-môn, Nội-quang, Tam-âm-giao bờ 3 trảng, Mạn-môn bờ 5 trảng, Thận-du, Quang-nguyên bờ 5 trảng, Khi-hải bờ 7 trảng.

Kết quả : Châm cứu xong, về nhà có kinh.

Về sau trị bờ gần 10 lần nữa tinh thần khỏe lại, sắc mặt tươi đỏ, làm lụng được, người lần lần khỏe mạnh.

Trị bệnh này chỉ dùng châm cứu trị mà bồi dưỡng được bệnh hư nhược có kết quả.

Có kinh, tim Âu được làm tác kinh.

Cô Trương 41 tuổi trước khi có kinh bị bệnh tiết tả (ỉa nước) đến lúc hành kinh luôn, tim thuốc cầm ỉa làm kinh tắc luôn, sau cứ mỗi tháng 20 ngày thì có kinh, có rất ít, nay hơn 1 tháng không có kinh, người mệt mệ, đầu xoay xảm ra mồ hôi.

Trị pháp : Châm Khúc-tri, Tam-âm-giao. Cứu Khi-hải, Quang-nguyên, Thận-du, Giao-tín bờ 3 trảng.

Trị lần thứ 2 trị như trên thêm châm Khi-hải bổ, Thái-xung tả.
Trị lần thứ 3 Châm Thái-khê, Tam-âm-giao bổ, Thủy-đạo. Quy-lai tả.

Cửu Thận-du, Tam-lý, Khi-hải, Quang-nguyên đều 3 trảng, Mang-môn 1 trảng.

Trị lần thứ 4 Châm Khúc-tuyền, Tam-âm-giao Khi-hải bổ.

Trị lần thứ 5 Châm Khúc-tri, Tam-âm-giao, Khúc-tuyền, Thái-xung; bổ.

Kết quả phát hành kinh.

Kinh không điều làm lậu hạ không dứt.

Trị người lớn tuổi có kinh làm lậu hạ không dứt, lưng bụng đầy trường, mất ngủ.

Bà Đức 52 tuổi, lúc 50 tuổi hết kinh, nay lại phản phát có kinh ra nhiều, không dứt, đêm không ngủ được, bụng dưới và lưng đầy, tim hồi hộp, không thiết gì ăn uống.

Trị pháp : Cửu Đại-chùy, Phong-môn, Chiên-trung, Kỳ-môn, Chương-môn, Trung-uyên, Thần-khuyết, Thiên-xu, Túc-lâm-lý, Tam-âm-giao, Khi-hải, Quang-nguyên, Thái-xung, Túc-lâm-khấp đều 3 trảng.

Kết quả : Đêm ấy ngủ được 3 giờ, tim bớt hồi hộp, bụng bớt đau, sáng mai ăn được.

Trị lần thứ 2 ngày hôm sau. Trước cửu như trên sau châm Tam-âm-giao, Nội-quang bổ.

Kết quả : Kinh giảm ít còn 1/2, ngủ được, ăn thêm, ngực, lưng, bụng đều hết đầy.

Trị lần thứ 3 : Cách 1 ngày, trước cửu Khi-hải, Quang-nguyên-Trung-cực, Tử-cung, Thận-du 5 trảng, Mang-môn 3 trảng.

Châm Tam-âm-giao, Nội-quang bổ.

Kết quả : Trị xong bụng bớt đau (giảm nhiều), tim khỏe, kinh còn ít.

Trị lần thứ 4 : Cửu như trên, Châm thêm Khi-hải bổ.

Kết quả : Bệnh hết hẳn bình phục.

Trị lý : Bệnh này không phải kinh bệnh, vì khi 50 tuổi hết kinh rồi, đó là vì Tử cung bị bệnh, thể chất suy yếu, nên trị lần đầu chỉ dùng toàn cửu cho cơ thể mạnh lại sau mới thêm châm trị đề chỉ huyết lậu hạ, nên bệnh hoàn toàn bình phục.

Kinh nguyệt nhiều lâu 7, 8 ngày không dứt.

Có Anh 28 tuổi mỗi tháng có kinh 7, 8 ngày không dứt, sau 12 giờ trưa, tay chân phát sưng, đầu chân vẩn mết, tháng này có kinh đương 4 ngày bứt đầu châm cứu trị.

Trị pháp : Châm Túc-tam-lý, Tam-âm-giao bổ, ngải quyền cứu Khí-hải Cứu Trung-uyên, Quang-nguyên, Thái-khê, Thận-du, Mang-môn 3 tráng.

Kết quả : Kinh dứt (kinh dứt lại bớt 2 ngày).

Trị lần thứ 2 Châm Tam-lý, Nội-quang, Tam-âm-giao bổ.

Trị lần thứ 3 trị như trên trừ huyết Túc-tam-lý.

Kết quả : về sau kinh đều hòa và người mập mập.

II BỆNH BĂNG HUYẾT, TỬ CUNG XUẤT HUYẾT.

Kinh nguyệt quá nhiều, kinh ra nhiều quá 3, 4 ngày chưa dứt, kéo dài lâu làm nhức đầu xoay xẩm, ăn không tiêu tiểu tiện bí, tim đập không yên, nặng nữa thành băng huyết, phần nhiều do buồng trứng và tử-cung bị bệnh.

Trị pháp : Dùng các huyết : Khí-hải, Đại-đôn, Âm-cốc, Quang-nguyên, Thái-xung, Nhiên-cốc, Tam-âm-giao, Trung-cực, Đại-đò.

Tùy chứng áp dụng châm cứu trị

Hoặc dùng những phương pháp sau đây :

Dùng các huyết : Quang-nguyên, Trung-cực, Khúc-cốt, Thử-liêu, Trung-liêu, Hạ-liêu, Yếu-du.

Dùng tời, ngải, xạ, cứu mỗi huyết 3, 5 tráng, khi nóng thì thay tời.

Trước cứu các huyết ở bụng, tiếp cứu các huyết ở đi (Thử, Trung, Hạ-liêu và Yếu-du) các huyết cứu 1 lượt. Ban đầu cứu 3 tráng nếu không có phản ứng gì mới cứu 5 tráng.

Cách 1, 2, hay 3 ngày cứu 1 lần, đến khi bệnh giảm, hoặc khi cứu hết ra máu thì giảm số tráng hay đình chỉ cứu trị.

Phương này trị bệnh tử cung bị thương làm băng lậu, tử cung bệnh, đại tiện hoặc bí hoặc tiết tả, có lúc làm ác tâm ầu thổ (tức Tử cung xuất huyết, băng lậu).

Hoặc dùng những phương pháp sau đây :

Châm liệu : 1.— Dùng các huyết Khí-hải, Đại-đôn, Quang-

nguyên, Thái-xung, Nhiên-cốc Tam-âm-giao, Trung-cực, Đại-đò, Khúc-trạch, Cực-tuyền, Ủy-trung.

2.— Trước châm Ân-bạch, Nội-đỉnh, Tam-âm-giao, tiếp cứu Đại-đò số trắng, như bình lâu thêm châm cứu : Quang-nguyên, Trung-cực, Thân-du, Thông-lý, Thái-xung, Khí-hải.

3.— Châm các huyết : Tam-âm-giao, Hành-gian, Túc-tam-lý.

4.— Châm các huyết Thử-liêu, Trung-cực, Hạ-liêu (trước tác thuật). Tam-âm-giao (đơn thích thuật) 5 phân, Hành-gian (đơn thích thuật) 2 phân.

5.— Kinh kéo dài không dứt. Châm các huyết : Thái-xung, Trung-cực, Âm-cốc, Khí-hải. Tam-âm-giao.

Cứu khiếu : Cứu các huyết : Quang-nguyên, Bách-hội, Khí-hải, Thân-du Mạng-môn, Đại-đò.

2.— Cứu Quang-nguyên, Trung-cực, Khúc-cốt, Ân-bạch, Tam-âm-giao.

Phường này dùng ngai viên nhỏ cách tôi cứu, Trước khi cứu dùng xạ-hương chút ít để trên tôi rồi để ngai lên đốt từ 3,5 trắng, Mỗi ngày 1 lần, hoặc cách 1 ngày 1 lần, liên tiếp cứu 10 lần làm 1 liệu trình, cứu đến hết bệnh.

Trị nghiệm :

Băng huyết 2 ngày không dứt, xoay xảm muốn té.

Có Châu 25 tuổi, thỉnh linh đau ở Tử-cung làm băng ra huyết nhiều 2 ngày không cầm, xoay xảm tối tâm đi muốn té, mặt đỏ tim đập, loát mồ hôi lạnh.

Trị pháp : Dùng ngai-quyện cứu Khí-hải, Trung-cực, Rồi cứu Đại-đôn 7 trắng và các huyết : Bách-hội, Cách-du, Chương-môn, Chiên-trung, Can-du, Tỳ-du, Thân-du, Nội-quang đều 1 trắng.

Kết quả : Cứu xong huyết bớt ra, bớt xoay xảm rồi cầm hết luôn, nhưng lại phát ho, khi ho thì máu ra chút ít (đã 2 lần). Nhưng rồi lần lần mặt hết đỏ, tinh thần khỏe khoắn; ngày sau hết hẳn

Bệnh kinh bế 4 tháng thỉnh linh làm băng.

Có Quế 34 tuổi 6 tháng trước có làm băng 1 lần uống thuốc cầm, sau tắc kinh luôn 4 tháng thỉnh linh tử cung ra máu, hai ngày đều ra huyết khối, mỗi ngày rất nhiều, ra 3, 4 lần làm xoay xảm muốn té, bệnh đã 4 ngày.

Trị pháp : Châm Ân-bạch-Đại-đôn, ra máu. Cứu Bách-hội, Phế-

du, Tâm-du, Cách-du. Quang-nguyên đều 3 trắng, Thận-du, Trung-uyên, Thần-khuyết Âm-giao, Khí-hải, Tử-cung, Trung-cực, Âm-liêm Tam-lý, Huyết-hải, Âm-lăng-tuyền, Tam-âm-giao, Thái-xung đều 1 trắng.

Kết quả : Ngày ấy còn ra 2 lần.

Trị lần thứ 2 trị như trước, Châm thêm Trung-cực (châm thêm huyết này vì chỗ ồ tim nổi lên bĩ khối đau). Cứu thêm các huyết : Chiên-trung, Trung-đỉnh, Cưu-vỹ, Nhũ-căn, Kỳ-môn, Chương-môn; Thần-khuyết đều 3 trắng.

Kết quả : Đem lại ra 2 lần nhưng ít hơn, ngày sau cũng ra 2 lần, nhưng tinh thần khỏe.

Trị lần thứ 3 dùng ngải quỳ cứu Khí-hải, Khúc-tri rồi châm cứu như lần thứ 1 nhưng trước cứu sau châm.

Kết quả . Đem ấy ra 1 lần huyết bầm.

Trị lần thứ 4 hiện chứng còn xoay xâm, bụng dưới đau, ngực đầy, đi đại tiện bực rặn.

Dùng ngải quỳ cứu Khí-hải, Trung-uyên, cứu Thủy-đạo, Quy-lai, Tam-âm-giao 3 trắng, Thủy-phần, Thần-khuyết, Tử-cung, Thái-xung đều 1 trắng. Kết quả : huyết ra ít.

Trị lần thứ 5. Hiện phát kiết ngày đêm 7, 8 lần, ăn không tiêu chỗ ồ tim đầy, huyết còn ra ít, mà sắc đỏ, dợt.

Châm Khúc-tri, Trung-uyên, Trung-cực, Cứu Thủy-phần, Thiên-xu, Khí-hải, Tam-lý, Tam-âm-giao, Thận-du bỏ 3 trắng, Thần-khuyết, Âm-giao, Thái-xung, Mạng-môn bỏ 1 trắng.

Kết quả : Các chứng giảm, đi kiết còn 4 lần.

Trị lần thứ 6 Châm Khí-hải, Khúc-tuyền, Đái-mạch. Cứu Gian-sử, Thận-du, Chương-môn, Trung-uyên đều 3 trắng, Thần-khuyết, Thái-xung 1 trắng.

Kết quả : Ra huyết khối 1 cục và ra huyết đỏ 2 lần, ngày sau không ra nhưng ngày thứ 3 lại ra màu lợt, chứng đi kiết hết.

Trị lần thứ 7. Vì ra máu cục nên chỗ cuốn Dạ dày đầy daun

Châm Trung-uyên, Nội-quang; Trung-cực, Cứu Bách-hội, Chiếu-trung, Thượng-uyên, Hạ-uyên, Chương-môn 3 trắng. Khí-hải, Quang-nguyên, Tam-âm-giao, Đái-mạch 4 trắng.

Kết quả : sau khi châm cứu dạ dày hết đau mà lại ra máu nhiều toàn màu đen có ứ huyết.

Trị lần thứ 8 (hiện ra máu nhiều đau bụng). Dùng ngải quỳ cứu huyết Trung-uyên 5 lần. Kết quả : bình như cũ cảm giác chỗ dạ dày đau, ngày sau ra 1 cục máu ứ lớn. Rồi bắc đầu lại ra máu 3 lần liên tiếp (loại như có kinh) bây giờ lại xoay xảm mắt tối không thấy rõ, nhưng sau hết đau bụng và chỗ dạ dày cũng hết đau.

Trị lần thứ 9 Trị theo phương pháp lần thứ 1. Kết quả : ra máu ít.

Trị lần thứ 10 hai bên hông có hơi khó chịu. Trị cũng như lần thứ 1 Thêm châm huyết Chương-môn lưu kim.

Kết quả : bình hết hẳn sau bình phục như thường.

Bệnh có kinh liên trì không dứt.

Cô Anh 28 tuổi mỗi khi có kinh đều quá 7 ngày chưa hết, sau buổi trưa thì phát chân sưng, kỳ này quá 4 ngày chưa hết lại làm đau tim.

Trị pháp : Dùng ngải quỳ cứu Khí-hải, Túc-tam-ly Tam-âm-giao. 4 lần dùng ngải viên cứu Trung-uyên, Quang-nguyên, Thái-khê, Thận-du, Mang-môn đều 1 trảng.

Kết quả : Ngày hôm sau hết kinh, tim hết đau. Về sau kinh điều.

Bệnh băng huyết, xoay xảm té.

1.— Cô Trinh 34 tuổi bệnh băng huyết. ra nhiều làm xoay xảm té, mắt hoa không đứng được, trị châm cứu 5 lần bệnh giảm, nhưng gần đây lại ra máu ứ, lưng đau, bụng đầy đau, đại tiện trệ đau.

Trị pháp : Dùng Ngải quỳ cứu Khí-hải, 3 lần. Huyết-hải, Đái-mạch 2 lần ngải viên cứu Gian-sử, Tử-cung, Thận-du, Chương-môn, Trung-uyên, 3 trảng, Trung-cực bỏ 3 trảng. Thái-xung, Thần-khuyết tả 1 trảng.

Kết quả : Về nhà ra máu ứ 1 cục ngày sau hết đau lưng và bệnh hết hẳn.

Bệnh băng huyết làm phù thũng.

2.— Cô Châu 45 tuổi 8 tháng trước làm băng huyết, tay chân đầu mặt phù thũng, người hư nhược.

Trị pháp : Dùng ngải quỳ cứu Khí-hải 4 lần, ngải viên cứu Bách-hội Cách-du, Thận-du 3 trảng, Túc-du, Mang-môn 1 trảng, Chương-môn, Huyết-hải, Tam-âm-giao 3 trảng, Trung-uyên 1 trảng; Đại-don 7 trảng.

Kết quả : Trị sau huyết bớt ra và ngày sau lưng bớt đau, thùng xẹp.

Trị lần thứ 2 Dùng ngải quỳện cứu Trung-cực 3 lần. Ngải viên cứu các huyết như trên.

Kết quả : Tay chân mặt đều hết phù thùng, ăn được, tinh thần sảng khoái bụng dưới cũng hết đau, băng cũng hết bình phục hẳn.

III BỊNH TỬ CUNG. BUỒNG TRÚNG.

Sưng màng tử cung, nguyên nhân vì vi trùng lậu, hoặc vì sanh đẻ nhiều vì khi có kinh không gìn giữ, phòng dục quá độ, tử cung lỡ bị nhiễm trùng, chứng này cổ thời kỳ cấp tánh và thời kỳ mạn tánh.

Thời kỳ mạn tánh (mạn tánh tử cung mạc viêm).

Châm trị : Châm các huyết ; Thượng, Thử, Trung, Hạ-liều (trước tác thuật, 3, 5 phân, Kỳ-môn, Huyết-hải, Tam-lý, Tam-âm-giao, 5 phân, Trung-chủ, Quy-lai, Khí-xung, Châm cạn đơn thích thuật:

Hoặc châm các huyết : Thận-du, Tiểu-trường-du, Quang-nguyên Trung-cực, Tam-âm-giao, Thương-khưu, Châm nhẹ.

Cứu trị : Cứu các huyết : Thử-Trung, Hạ-liều 8 tráng, Trung-chủ Tam-âm-giao, Dương-cốc 5 tráng. Cách nhứt cứu 1 lần.

Thời kỳ cấp tánh (cấp tánh tử cung nội mạc viêm).

Châm trị : Châm các huyết. Đái mạch, Thử, Trung, Hạ-liều, Khí-hải, Quang-nguyên, Trung-cực, Chi-cầu, Tam-lý, Tam-âm-giao, Kỳ-môn.

Hoặc châm các huyết : Trung-liều, Tam-âm-giao, Huyết-hải, Thái-xung, Kích-thích trung độ, như có làm đầy trường, châm các huyết : Trung-uyên, Túc-tam-lý, Nội-quang. Có nóng lạnh gia châm Khúc-tri, Ủy-trung. Tất cả đều liên tục châm trị nhiều lần.

Cứu trị : Cứu các huyết : Trung-cực, Quang-nguyên, Đại-dô, Tam-lý, Tam-âm-giao.

Tử cung co thắt đau bụng (tiểu phúc xán thống).

Trị pháp : Dùng các huyết : Túc-tam-lý, Tam-âm-giao, Dũng-tuyền, Trung-cực, Nội-dinh, Đốc-âm, Thừa-sơn.

Phối-hợp các huyết : Âm-lăng-tuyền, Quang-nguyên, Khúc-cốt.

Thủ thuật : Trước châm Túc-tam-lý, tiếp châm Tam-âm-giao, Nội-dinh, rồi châm Túc-sơn, Trung-cực, châm trị cho hết đau.

Như bệnh như sợ đau thì cứu các huyết : Túc-tam-lý, Dũng-tuyền, Đốc-âm, Trung-cực.

Sưng buồng trứng.

Cấp tánh làm lâu bệnh, cầm mào, phát sốt, bụng dưới đau 1 bên, đứng thẳng càng đau kịch, có thể làm sưng thũng, nếu trị không lành thành mạng tánh, đau 1 bên bụng dưới, lúc có kinh, giao-cấu hay đi đường, đi tiểu đều đau, đau dẫn đến chân, không phát sốt, kinh kỳ vẫn thường. Bệnh này cần chú ý an dưỡng.

Châm cứu trị cần làm tăng cường sức khỏe, tiêu viêm trấn thông.

Dùng các huyết : Bàng-quang-du, Trung-lữ-du, Thượng, Thử, Trung-hạ-liêu, Khúc-cốt, Hoành-cốt, Túc-tam-lý, Thượng-cự-hư, Hạ-cự-hư, Lâu-cốc, Tam-âm-giao.

Chứng cấp tánh : chỗ đau và xung quanh các huyết gần chỗ đau châm cứu.

Mạng tánh : chỗ đau cấm châm sâu, nên dùng gai quỳ hay gai viên cứu.

Hoặc dùng phương pháp sau đây .

Cấp tánh : châm các huyết : Trung-chủ, Đại-mách, Khúc-cốt, Trung-cực, Bác-liêu, Tam-âm-giao phối hợp các huyết : Tử-liêu, Trung-cực, Đại-hích, Khúc-tuyền, Thận-du, Tam-âm-giao. Châm lưu kim.

Mạng tánh : Châm các huyết : Thượng, Thử, Trung, Hạ-liêu, (trước tác thuật) Khúc-cốt, Hoành-cốt, Quy-lai, Tam-âm-giao, châm lưu kim, hoặc châm gia cứu. Hay cứu các huyết : Thử, Trung, Hạ-liêu, Hoành-cốt, Tam-âm-giao đều 7 tráng.

Bệnh Tử cung lõm đem ra máu nhiều, dạ dưới đau.

Cô Châu 32 tuổi 9 tháng trước đi tiểu thường đau buốt; tối nằm nghĩ tử cung lại ra máu, sáng băng nịt lại thì bụng dưới đau, đi tiểu thì đau, nước tiểu có lợn chất trắng. Khám Tử cung bị lõm.

Trị pháp : Châm Phục-lưu, Ủy-trung, bổ Trung-cực tả.

Cứu Quang-nguyên, Khí-hải, Thận-du, 3 tráng, Phong-môn 1 tráng.

Kết quả : Bụng bớt đau, đem ra máu giảm phân nửa, bớt đi tiểu, ăn biết ngon.

Tri lần thứ 2 cách 3 ngày hiện bịnh chỗ âm-đạo phát ngứa đi tiểu đau. Châm Phục-lưu, Ủy-trung bồ, Trung-cực tả.

Kết quả : Ban đêm hết ra máu, bịnh phục.

Bịnh âm đạo sưng.

Âm đạo sưng đỏ, ngứa đê đau, có bạch đại hạ, thường sanh thấp chân, người suy nhược.

Tri pháp : dùng các huyết : Mang-môn, Bạch-hoàn-cu, Tam-âm-giao, Trung-liêu, Trường-cường, Trung-cực, Khúc-cốt, Âm-liêm, Đái-mạch, Đai-hích, Địa-cơ, Quy-lai, Yếu-du. Dùng ngải quỳện cứu trị.

Âm hộ lở.

Âm hộ ngứa lây lở làm mất ngủ, phiền táo bị nhiễm trùng độc.

Dùng các huyết châm cứu trị :

Đại-trường-du, Thương-Thử, Hạ-liêu, Trường-cường, Quang-nguyên, Trung-cực, Khúc-cốt, Tỳ-quang, Âm-liêm, Khi-xung và cứu Hội-âm.

Bịnh Tử cung sưng âm đạo lở.

Cô Quân 23 tuổi đến tháng mùa hạ thì tử cung sưng đau, 2 bên âm-môn có mụn lở, rỉa ra máu bầm, đi tiểu đau buốt, trước khi có kinh 6, 7 ngày thì tử cung đau, đến khi hết kinh 6, 7 ngày mới hết đau. Khi đau thì tay tê móng ngón tay đen, Mất hoa, lưng ngực đầy.

Hiện đương có kinh 2 ngày sắc trước lợt sau bầm.

Tri pháp : Châm Khúc-tuyền, xoay kim bờ tả đều 3 lần.

Kết quả : Sau khi châm trị dạ con phát nóng, qua hôm sau hết kinh (giảm 3 ngày), ngày thứ 3 âm môn hết ngứa, rỉa ra máu hồng không đen.

Tri lần thứ 2 Bảy giờ bụng dưới còn đau tử cung lạnh.

Châm Trung-cực xoay kim bờ tả 2 lần.

Kết quả : Bụng hết đau, tử cung hết lạnh, hết sưng (sau khi châm trị hết lạnh). về sau hết hẳn bịnh phục.

Bịnh tử cung lạnh.

Sau khi mổ tử cung, trong tử cung lạnh, chân yếu, lưng mỏi đau, và miệng hơi thúi.

Cô Đức 31 tuổi, vì bịnh tử cung có một độc đi Bệnh-viện mổ, và vì có nhiễm độc dương mai nên tìm Âu-dược 914, tuyệt độc, nay phát sanh tử cung lạnh, hơi trị xuống đầy đau, lưng đau; mất hoa,

chân yếu, miệng hơi, bạch đới rất nhiều, đại tiện táo, tiểu vàng, lòng bàn chân nóng, miệng khô cổ đau.

Trị pháp : Châm-tam-lý, Tam-âm-giao, Trung-cực. Cứu Thận-du 5 trảng, Mạn-môn, 3 trảng, Khí-hải, Quang-nguyên 7 trảng, Tử-cung, Tam-lý 3 trảng (đều cứu hồ).

Kết quả : Chân hết yếu, lòng bàn chân hết nóng, tử cung hết lạnh, bớt đau nhiều.

Trị lần thứ 2 Trị như trên.

Kết quả : Tử cung hết đau hết lạnh, lưng bớt nhức, đại tiện thông về sau hết hẳn không trị nữa.

Âm hộ sưng đau.

Dùng các huyết chủ yếu : Tam-âm-giao, Trung-cực, Địa-cơ, Quy-lai, Khúc-cốt, Trường-cường, Yêu-du.

Phối hợp các huyết : Mạn-môn, Chi-thất, Bạch-hoàn-du, Âm-liêm.

Nên châm trị, nhưng huyết Yêu-du châm rồi gia cứu.

Hoặc châm Đái-mạch, Tam-âm-giao, Trung-cực, Quy-lai, Khúc-cốt, Trường-cường, Yêu-du, Mạn-môn, Quang-nguyên (cũng mỗi lần châm gia cứu Yêu-du).

Hoặc cứu các huyết : Ân-bạch, Trung-cực, Mạn-môn, Thận-du, Khí-hải, Quang-nguyên, Tam-âm-giao.

Bệnh tử cung ra ngoài (tục gọi tật kín).

Chứng nhẹ tử cung trệ xuống, làm đau trắng, nặng tại dạ con, âm hộ, nhưng còn ở trong (tức sa tử cung) chứng nặng tử cung sa xuống gần âm hộ và lòi ra ngoài nhưng cũng vẫn còn trong âm đạo, nếu bị liệt hẳn thì mới lòi ra ngoài âm đạo.

Châm liệu : 1.— Châm các huyết : Trung-uyên, Khí-hải, Huyết-hải, Hội-âm, Thân-mạch, Tam-âm-giao.

2.— Châm Đại-trường-du, Tiểu-trường-du, Tử-liêu, Bách-hội, Trung-cực, Tam-âm-giao, Huyết-hải.

Cứu liệu : Cứu các huyết : Trung-uyên, Khí-hải, Hội-âm đều 10 trảng như mỗi ngày cứu 1 lần, liên tiếp cứu nhiều ngày ắt có hiệu.

Hoặc dùng những phương sau đây

Tử cung trệ phía trước.

Châm cứu các huyệt : Tam-tiên-du, Thận-du, Túc-tam-lý, Hội-âm, Âm-bào, Huyết-hải, Thán-mạch.

Tử cung trẻ 1 bên hay phía sau.

Châm các huyệt : Gian-sử, Âm-cốc, Huyết-hải, Tam-âm-giao. Khúc-cổ, Thượng-liêu, gia cứu các huyệt : Gian-sử, Huyết-hải, Thượng-liêu.

Tử cung co hẹp lại.

Châm Thượng-liêu, Trung-liêu, Hạ-liêu, Trung-cực, Huyết-hải, Âm-liêm, Nhiên-cốc, Chiếu-hải, Cứu Thử-liêu, Trung, Hạ-liêu, Âm-liêm.

Trị bệnh tử cung sa (hạ trụ).

Tử cung trị xuống đầy đau làm bụng dưới đau, tiểu tiện gắt

Cô Nhược 21 tuổi, tử cung bị trị xuống đầy nặng, bụng dưới đau (dè đau), tiểu tiện đi hoài, mỗi lần tiểu ít, tay chân yếu, bạch-đái nhiều, kinh không đều.

Trị pháp : Châm Thái-uyên, Trung-cực, Tam-âm-giao bờ, Hiệp, cốc tả. Cứu Khi-hải, Đái-mạch (ngại quỵện cứu 2 lần).

Kết quả : Ngày sau không phản ứng gì.

Trị lần thứ 2 cũng trị như trên.

Kết quả : 2 ngày sau tử cung hết trị nặng nữa, đi tiểu thông; bình phục hẳn.

Bệnh âm hạch to cứng.

Cô Bích 32 tuổi bị bệnh âm hạch to cứng trị nặng tại âm hộ ; không đau, không ngứa, nhưng bạch-đái nhiều.

Trị pháp : Châm Trung-cực, Thái-xung, Khúc-tỷên xoay kim, bờ tả 2 lần ?

Cứu Chiếu-hải, Đại-đó 3 trắng, hai bên rún thẳng xuống cứu 14 trắng.

Kết quả : Trị nặng giảm bớt, Bạch-đái ít.

Trị lần thứ 2 Trị như trên kết quả : ngón tay ngón chân phát-ngứa nổi mụn bọc có nước vàng.

Trị lần thứ 3 cách 3 ngày, Châm Khúc-tri, Tam-âm-giao tả, Thái-xung bờ. Cứu Bàng-quang-du 3 trắng, Bào-liêu 1 trắng.

Kết quả : Âm hạch nhỏ teo lại còn 1/5 bớt cứng.

Tiếp trị như trên 3 lần nữa. Kết quả teo lại còn 1/2.

Trị tiếp 4 lần nữa. Như trên, không phản ứng gì.

Trị lần thứ 11 Châm Khúc-cốt, Hoành-cốt xoay bỏ tả, Khúc-tuyền tả. Cứu Bách-liêu, Bàng-quang-du, Tử-cung, Hội-âm. Trên chót chỗ lông âm-hộ 3 trảng.

Trị lần thứ 12 trị như trên. Kết quả : hơi teo lại 1 tý.

Tiếp tiếp 4 lần nữa không công hiệu.

Trị lần thứ 17. Châm Khúc-cốt bỏ, Hiệp-cốt, Khúc-tuyền tả, cứu như lần thứ 11. Kết quả : âm hạch hơi teo lại 1 tý nữa.

Trị lần thứ 18, trị như trên.

Kết quả : Khi châm huyết Hoành-cốt thì cảm giác đau đến Thủy phần và xung quanh bụng.

Trị lần thứ 19 Châm Khúc-tuyền, Tam-âm-giao bỏ, Hoành-cốt tả.

Kết quả : Âm hạch lại teo nhỏ lại 1 tý nữa.

Trị lần thứ 20 Trị như trên. Lần này thì tại âm hạch cảm nhận đau rần lên đến rún và dưới đau đến Hội-âm.

Trị lần thứ 21. Cũng trị như trên.

Kết quả : Âm hạch cũng đau nhưng rồi lại teo nhỏ lại dần đến chỉ còn 20/o đi đứng dễ dàng không trở ngại nữa.

Sau này không đến trị nữa (bệnh đã hoàn toàn bình phục).

Bệnh Bọng đái lớn làm trệ xuống âm hạch lòi ra ngoài âm hộ.

Cô Lưu 37 tuổi bệnh bọng đái trệ xuống âm hạch lòi ra ngoài Âm-hộ lớn bằng trứng gà, chảy nước, bệnh đã 6 tháng, nhưng ban đêm ngủ thì thâu vào, khi dậy thì lòi ra, nguyên nhân vì trước bị bệnh tả chảy, sau suy yếu nên dẫn phát chứng này, thêm khát nước và tim đập mạnh.

Trị pháp : Châm Khúc-tuyền, Chiếu-hải, Tam-âm-giao bỏ Khúc-cốt tả. Cứu Bách-hội, Đại-đôn 3 trảng.

Kết quả : bớt ra nước và bớt trệ xuống.

Trị lần thứ 2 Châm trị như trên, Cứu Bách-hội, Đại-đôn, 3 trảng Quan-nguyên bỏ 7 trảng. Đầu ngón chân cái, Đầu ngón chân út 5 trảng, Nữ tắc 7 trảng.

Kết quả : Châm cứu xong âm hạch teo nhỏ lại 3/5 chỗ teo có lông chỉ, nhưng ngày sau đi xa cũng trệ xuống như cũ.

Trị lần thứ 3 Dùng ngải xuyên châm Khí-hải 3 lần và châm

Các huyết Tam-âm-giao, Khúc-tuyền, Thái-khê bồ. Cứu như trên.

Kết quả : Trị xong thấy đã teo nhỏ lại, lấy tay ấn vào, bảo nằm yên không đi đứng thì không trệ xuống nữa, nhưng ngày sau làm lưng cũng trệ xuống.

Bệnh này vì bệnh nhờn cả ngày, làm lao động không nghỉ được, nên dầu đã teo lại mà vẫn còn lòi ra là vì thiếu bồi dưỡng.

Trị lần thứ 4. Châm Thái-nguyên, Khúc-tuyền, Khi-hải, Quang-nguyên, Túc-tam-lý, Tam-âm-giao bồ, Cứu như trước trừ Đại-dộn, Khi-hải, Quang-nguyên.

Kết quả : Ngày sau bụng dưới đau quá không ngồi được, nằm ngủ đêm ấy thâu vào, đến nửa đêm hết đau, nhưng phát ho, phát sốt.

Trị lần thứ 5 Châm Khi-hải, Trung-cực, Khúc-tuyền, Tam-âm-giao bồ, Hiệp-cốc tả. Cứu Bách-hội 5 trảng.

Kết quả : Ngày ấy hết đau bụng nhưng ngày sau dưới rún cảm thấy đầy rồi phát đau bụng nhưng ngày sau dưới rún cảm thấy đầy rồi phát đau bụng 1 giờ mới hết, ngồi thì chỗ ấy teo vào hết phán nữa (trước không thâu vào).

Trị lần thứ 6 Châm Phục-lưu, Phi-dương bồ.

Kết quả : Bây giờ ngồi thì teo hẳn vào hết, nhưng vì phải làm lao động đi chạy lâu lại ra, nhưng nhỏ hơn (trước hễ đi chạy ra liền bây giờ lâu mới ra).

Bệnh này hoàn toàn hết hẳn nhưng vì nghèo phải làm lao động nhiều đi chạy mãi, nên kết quả không được như ý, vậy nếu bệnh nhờn có điều kiện tịnh dưỡng thì nhất định bệnh không trở lại.

IV BẠCH ĐÁI HẠ

Trị chứng xích bạch đới hạ.

Áp dụng những phương phức sau đây.

1.— Châm các huyết : Thử, Trung, Hạ-liều (trước tác thuật), Yêu-du, Đái-mạch, Ngũ-xu, Bào-mạch, (thi niệm thuật), Nhiên-cốc.

Châm xong cứu : Thử-Trung, Hạ-liều 7-10 trảng, Lây-cầu, Bào-manh, 5, 7 trảng.

2.— Châm các huyết : Trung-cực, Quang-nguyên, Tam-âm-giao, Âm-lăng, Thận-du, Túc-tam-lý; Thượng, Thử, Trung, Hạ-liều.

Châm xong cứu Trung-cực, Quang-nguyên 5, 7 trảng.

3.— Cứu Ân-bạch, Đái-mạch, Khí-hải, Tam-âm-giao (trị bạch đái).

Hoặc châm cứu các huyết : Đái-mạch, Trung-cực, Quy-lai, Tam-âm-giao, Chương-môn. (Trị xích-dái).

4.— Châm các huyết : Quang-nguyên; Trung-cực, Thận-du, Tam-âm-giao, Âm-lăng-tuyền, Bát-liêu, Khí-hải, Quy-lai.

Châm xong cứu Trung-cực, Quang-nguyên 5, tráng.

Trị bệnh Bạch-dái lâu người tiêu khô.

Có Chương 26 tuổi bị bệnh bạch đái sắc vàng, ngồi lâu càng ra nhiều, người khô gầy, tinh thần mê mệt.

Trị pháp : Châm Tam-âm-giao, Hiệp-cốc huyệt.

Trị tiếp 2 lần. Kết quả : bệnh hết hẳn, người lần lần béo mập lại.

Bệnh bạch đái nhiều, phát ho, mắt kinh, đầu xoay xảm.

Có Hoa 28 tuổi kinh 8 tháng không thông, thường xoay xảm lòng bàn tay nóng; chỗ dạ dày đau, ho, đàm chất mặn, bệnh đã nửa tháng.

Trị pháp : Châm Phục-lưu, Thái-uyên, Tam-âm-giao bờ, Nội-quang tả, cứu Bách-hội, Đại-chùy, Phong-môn, Phế-du, Thận-du, Mạng-môn, Túc-tam-lý, Chiên-trung, Thượng, Trung, Hạ-uyên-Chương-môn, Khí-hải, Quang-nguyên đều 3 tráng.

Kết quả : Các chứng đều giảm hết về sau bình phục hẳn.

Bệnh bạch đái nhiều, Tim hồi hộp, Âm hộ đau.

Có Tư 22 tuổi bệnh bạch đái nhiều sắc vàng, âm đạo ngứa lở, đầu xây xảm, Tim hồi hộp, đại-tiên ra máu.

Trị pháp : Châm Khúc-trì, Tam-âm-giao, Nội-quang, Trung-cực, xoay bờ.

Kết quả : Bệnh giảm nhiều.

Trị lần thứ 2 trị như trước.

Không lai trị nữa chắc bệnh đã hết hẳn.

V BỆNH VÚ

Nhũ tuyến sưng.

Chứng này không nhất định, có bệnh làm nóng lạnh, vú nổi

những hạch đàm cứng, hoặc hết nóng lạnh da đỏ, sưng nóng, không tiêu dễ phát sanh mủ.

Châm cứu trị bệnh này cần làm tiêu viêm, trấn thống (trước khi phá mủ hay sau khi phá mủ).

Dùng những huyết : Ung-song, Thiên-trì, Thiên-kê, Nhủ-căn, Bộ-lang, Can-du, Đởm-du, Cực-tuyền, Thiên-tuyền, Cao-hoang, Thần-đường, Kiên-tĩnh, Chiên-trung Đại-lăng, Thiếu-trạch Ủy-trung, Túc-tam-lý.

Huyết phương :

Bệnh sơ khởi chưa làm mủ cần trị cho hết sưng nhức, Châm kích thích mạnh các huyết : Ung-song, Nhủ-căn, Kiên-tĩnh, Khúc-trạch, Thương-cự-hư, Thái-xung.

Hoặc 1.— Châm Kiên-tĩnh 4 phân thi niệm thuật trong 2, 3 phút rút kim, mỗi ngày châm trị 1 lần (bệnh sơ phát).

2.— Châm Nhủ-căn, Kiên-tĩnh Khúc-trạch, Thái-xung, Thương-cự-hư, Ung-song, Kích thích mạnh và châm Thiên-trì, Túc-tam-lý, Bộ-tang, Ủy-trung.

3.— Châm Hiệp-cốc, Nội-quang đều 3 phân. Cứu Thiếu-trạch 1 trảng, Tiếp châm Nhủ-căn 3, 4, phân, rồi châm Kiên-tĩnh 5 phân, tiếp cứu Chiên-trung 3 trảng.

Trị bệnh tuyến vú sưng đỏ sữa không thông.

Cô Thu 30 tuổi vú bên mặt sưng đỏ, nhức sữa không thông, bệnh đã 7 ngày, nhức đầu, phát nóng lạnh, nhiệt độ 37/5.

Trị pháp : Châm Kiên-tĩnh, Tam-lý, Xích-trạch, Ủy-trung tả và dùng gai quỳ cứu chỗ sưng nhức.

Kết quả : Châm cứu xong sữa thông, các chứng giảm.

Trị tiếp 1 lần nữa bệnh hết hẳn.

Bệnh vú sưng nhức.

1.— Cô Trần 29 tuổi vú bên mặt sưng đỏ nhức đã 10 ngày.

Trị pháp : Châm Kiên-tĩnh, Du-phủ, Tam-lý, Ủy-trung tả.

Kết quả : Châm xong phát xoay xâm (vùng châm) trị vùng châm hết xong chỗ vú sưng cảm giác tê lần lần nhức giảm, ngày sau hết hẳn.

2.— Cô Thân 18 tuổi vú bên mặt sưng đỏ nhức 4 ngày.

Trị pháp : Châm Kiên-tĩnh, Du-phủ, Tam-lý, Ủy-trung; Đại-lăng tả.

Kết quả : Bệnh giảm bớt.

Trị lần thứ 2 trị như trên, thêm dùng ngải quỳ cứu chỗ sưng

Kết quả : Bớt đau nhiều nhưng chưa tiêu hẳn.

Trị lần thứ 3. Dùng ngải quỳ cứu chỗ sưng.

Kết quả : Bệnh hết hẳn (dùng ngải quỳ cứu chỗ sưng là làm cho sữa thông thì hết sưng nhức).

Bệnh nhũ nam (Ung thư vú).

Cô Hoa 34 tuổi vú bên mặt phát ung thư lỗ đã 6 năm, nay cứ chảy nước không dứt. Trong nỗi cứng.

Trị pháp : Châm Kiên-tĩnh, Thái-uyên, Khúc-trì, Tam-âm-giao bổ 3 tả 1.

Kết quả : Chỗ cứng bớt.

Trị lần thứ 2 Trị như trên, Kết quả nhức hơi giảm, chỗ cứng, hơi bớt, ít chảy nước, hơi khô mặt.

Trị lần thứ 3 cũng trị như trên. Bệnh giảm 2/3.

Trị tiếp 4 lần nữa như trước, chỗ sưng hết, miệng ghẻ khô.

Trị lần thứ 8 cũng trị như trên, các chỗ cứng lần lần tiêu. Tiếp thêm đến lần thứ 12 các chỗ sưng cứng mới thật tiêu hết và bình phục hẳn.

Trị lý : Bệnh phát lỗ lâu năm nên dùng châm trị bổ nhiều tả ít có công hiệu, vậy trị pháp châm bổ rất hay.

Sữa ít; Sữa nhiều.

Sữa quá ít; không đủ cho con bú, hoặc chỉ ra từng giọt, lại thêm có phát nóng lạnh, bần huyết.

Trị pháp : Châm các huyết : Thiếu-trạch, Cực-tuyền.

Cứu : Chiên-trung, Nhũ-cẩn.

Sữa quá nhiều; đầy nặng triệu vú làm trương lên, hoặc phải làm đau Thần kinh vú, thường sữa cứ chảy tràn ra, làm tổn thất tinh thần.

Dùng các huyết : Nhũ-cẩn, Kiên-trung-du, Phụ-phần, Phách-hộ
Trung-phủ : Can-du, Tâm-du, Thiếu-hải, Thông-lý. Tùy châm cứu rì.

VI THAI TIỀN.

Thai tiền phát thủy thũng.

Chứng này thường phát ở chân, ngoài âm hộ, thành bụng, có khi cả toàn thân đều phát thủy thũng, có khi thử nước tiểu có lẫn bạch.

Bệnh này khi trị nên hạn chế ăn chất mặn, và thịt, nên dùng sữa ăn rau đậu thanh đạm.

Châm cứu trị dùng các huyệt : Thủ-tam-lý, Túc-tam-lý, Tý-du, Vị-du, Huyền-chung và cứu Khí-hải, Giao-tín, Tam-âm-giao, Âm-lăng-tuyền, Quang-nguyên.

Thai tiền làm ấu thổ, chứng Ác trở.

a) Châm các huyệt : Túc-tam-lý, Nội-quang, Gian-sử, Tam-âm-giao, Xích-trạch, Đại-lăng, Đởm-du.

Nếu các thai chưa quá 5 tháng dùng các huyệt : Trung-uyên, U-môn, Kiện-lý, cứu Trung-uyên, Thiên-đột.

Hoặc thường dùng huyệt Túc-tam-lý phối hợp Trung-uyên, Nội-quang, Tam-âm-giao kích thích nhẹ. Hoặc chỉ châm mấy huyệt trên 1, 2 lần chưa kiến hiệu thì 5, 6 lần cũng kết quả.

b) Châm các huyệt : Thiên-trụ, Phong-trì, 3, 5 phân (đơn thích thuật), Chiên-trung 2 phân, Bất-dung, Trung-chủ, Thừa-mãn, Đái-mạch, Ngoại-lăng (đơn thích) Can-du, Tý-du, (trước tác) Thủ-tam-lý Túc-tam-lý châm 5 phân (đơn thích thuật).

Trị bệnh chữa làm ác trở.

Cô Xuân có thai 2 tháng làm ác trở, ăn vào mửa liền, mửa hết đồ ăn, làm xoay xảm tối tăm mảy mặt, sau buổi trưa lại phát ớn lạnh, uống thuốc vô hiệu, diễn trị cả tháng, hình thể tiêu tụy, tay chân vô lực.

Trị pháp : Châm tả huyệt Nội-quang, Đại-chùy, Thiên-đột, Trung-uyên.

Kết quả : bớt mửa, trưa bớt ớn lạnh.

Trị lần thứ 2 ngày sau châm tả huyệt Nội-quang, Thiên-đột, Cưu-vỹ, Trung-uyên.

Sau trị tiếp 2 lần nữa bệnh hết hẳn.

Từ giản chứng.

Có thai làm kinh, bệnh sơ phát nhức đầu, ác tâm, chổ ở tim hơi

ngheén mắt hoa, huyết áp hơi tăng, đột nhiên nghiêng răng cắn lưỡi, đực tay chân hoặc nắm lại, mắt xanh tím, mạch cổ trướng lên, miệng phèo bọt miếng, cơn phát 1 vài phút lẫn lẫn tỉnh lại, chứng này cứ diễn tiến hoài, nước tiểu ít, nhiều đản bạch, áp huyết đo cao.

Khi hết cơn, tiểu nhiều đản bạch ít, áp huyết hạ.

Chứng này nên phân biệt không phải như các chứng Điên giản.

Phương diện trị liệu là đề phòng bệnh phát và làm cho giảm cơn.

Trị pháp : Châm các huyết : Túc-tam-lý, Đại-lăng, Nội-quang, Dương-lăng tuyên, Thái-dương, Kiên-ngoại-du.

Khi cơn đương phát cần trấn tĩnh gấp dùng huyết :

Thiên-tru, Phong-tri, Phong-phủ, Thủy-cẩu, Thần-môn, Nội-quang, Bách-Hội.

Thai động hư thai.

Có thai bị ra huyết bất kỳ vì nguyên nhơn gì, nếu không cầm được bình nhơn mặt mét xanh, tay chân khuyết lạnh, mạch yếu, hờ mệt, xuất hăng, tim đập, hư thoát chứng, sợ nguy hại cả mẹ lẫn con, vì nếu thai không chết thì mẹ ắt mạng vong.

Như ra máu nhiều ắt phải hạ thai, cần cấp tốc làm cho thai ra mới cứu được mẹ.

Châm cứu trị là làm cho huyết quảng co hẹp lại và làm cho xúc động sản lực. Dùng các huyết :

Tam-âm-giao, Chi-cẩu, Âm-lăng-tuyên, Đại đò; Thái-xung; Côn; lôn; tùy châm cứu trị.

Đẻ non; Tiểu sản

Có thai hoặc vì tử cung bị liệt, sản phụ có thể suy nhược, kinh mạch Hội-âm bị liệt, dễ làm cho thai hạ, đến rớt không hay, có khi đi cầu đi tiểu thai cũng ra, sản phụ nhơn tử cung thành linh hư thoát làm xầm té, làm tử cung ra máu thai trệ không cầm giữ được đến lưu sản.

Trị pháp : Như bị xúc động quá. Châm Túc-tam-lý, hoặc Hành-gian đề cho giải bớt.

Nếu chứng nặng tử cung bị liệt nguy hiểm sản phụ xầm té. Châm huyết Nhơn-trung, Nội-quang kích thích mạnh.

Như thai trệ ra huyết nhiều dùng các huyết : Trung-cực, Tam-âm-giao Chiếu-hải, Châm nhẹ.

Có 1 người chữa mới 3 tháng rưỡi làm lưu sản (để non) huyết lưu ra từng miếng và ra mãi đã 4 ngày nhưng thai vẫn không ra.

Dùng huyết Ân-hạch 2 huyết, Cứu mấy phút, 3 giờ sau liền hạ thai mà huyết hết ra nữa.

Ngừa tiêu sản.

Sợ quen dạ để non cứu các huyết.

Mang-môn, Thận-du, Quang-nguyên-du, Khí-hải, Thủy-đạo, Túc-tam-lý, Tam-âm-giao. Mỗi ngày hay cách nhật cứu 1 lần đề ngừa khỏi lưu sản.

Trị bệnh có thai miệng mọc mụn lưỡi đau.

Cô Hương 29 tuổi có thai 8, 9, tháng, tháng trước phát ho, lưỡi đau rát, tháng sau miệng đau lưỡi có mụn, sau buổi trưa nóng làm chảy nước giải, cổ khô, đại tiện trì nặng.

Trị pháp : Châm Hiệp-cốc, Nội-quang tả, Thủ tỉnh huyết ra máu.

Kết quả : Hết nóng lưỡi cổ hết và đại tiện không trì nặng nữa, thai không hề hưởng gì.

Có Thai té làm thai bị thương.

Cô Nhâm 34 tuổi chữa 4 tháng, vì bị vấp té làm thương tổn thai làm bụng dưới đau, lưng đau, tim hồi hộp.

Trị pháp : Châm Tam-âm-giao bổ, Hiệp-cốc-tả, Cứu Túc-tam-lý bổ 7 trảng Khí-hải, Nội-quang, Quang-nguyên bổ 4 trảng, Thận-du 3 trảng, Mang-môn 1 trảng.

Kết quả : Bụng lưng bớt đau, tim bớt hồi hộp.

Trị lần thứ 2 Trị như trên. Bệnh hoàn toàn bình phục.

Có thai bị sưng tử cung, sợ tiêu sản.

Cô Thanh 29 tuổi, mất kinh 4 tháng, kiểm tra là đã thụ thai nhưng bị bịnh sưng tử cung, bịnh nhưn cho biết đã tiêu sản 3 lần nay sợ sảy thai.

Trị pháp : Châm Nội-quang, Tam-âm-giao bổ.

Trị lần thứ 2 và hai lần sau nữa thêm châm bổ Túc-tam-lý và Ngoại-quang.

Trị lần thứ 5, 6. Châm Thần-môn, Phục-lưu, Tam-âm-giao, Hiệp-cốc tả Tiếp trị lần thứ 7, 8, 9, trị như trên thêm Khí-hải, Túc-tam-lý đều bổ.

Kết quả : Ngũ yên, ăn khỏe, Tinh thần vượng.

Trị lần thứ 10, 11, 12 Châm Phục-lưu Thần-môn Tam-âm-giao, Tử-cung bồ, Trung-cực tả, Cửu Thận-du, Mạng-môn, Băng-quang-du đều 3 trảng.

Từ đấy mạnh khỏe luôn không sợ sẩy thai nữa.

Phụ-chú : Hai huyết Hiệp-cốc và Tam-âm-giao các sách có nói đối với đàn bà chữa cấm-châm, thế mà hai bệnh trên đây lại dùng trị an thai có công hiệu lại không làm hại thai (Bổ Tam-âm-giao, tả Hiệp cốc an thai). Như vậy cũng nên thận trọng, vì người khỏe mạnh nên áp dụng chắc không quan hệ, nếu gặp người yếu đuối, bầm thọt thai không được mạnh, nếu áp dụng trị tả quá ắt có thể truy thai.

Và lại tôi (lời của Châm sư Trần-tồn-Nhơn) có áp dụng trị ty dưng châm cứu trị 2 người vẫn có chữa mà không quan hệ gì cả, châm 2, 3 lần, thai không hề huống gì cả.

Có 1 lần trị cho một người đàn bà vì có nhiều con quá muốn ai không có thai nữa (ty dưng) cứu Huyết Thạch-môn 5 trảng. Kết quả : kinh mất 2 tháng sợ có thai, bệnh như yêu cầu châm trị để hạ thai, tôi áp dụng châm bồ Hiệp-cốc, tả Tam-âm-giao 2, 3 lần, vẫn y nhiên thai lớn và sanh dễ như thường. (Tả Tam-âm-giao bồ Hiệp-cốc hạ thai)

Nhưng lại có 1 lần trị bệnh 1 phụ nữ có thai 7 tháng, tôi cũng dùng huyết Hiệp-cốc tả 1 huyết thể mà làm thai động đau bụng ctrường hợp này nếu áp dụng thêm huyết Tam-âm-giao ắt thai hạ (ngay).

Vậy theo kinh nghiệm trên đây nếu có thai trên 5 tháng không nên áp dụng can 2 huyết này, hoặc người yếu cũng nên thận trọng là hơn.

(Trường hợp trên đây của Châm sư Trần-tồn-nhơn, chính tôi trong thời gian lâm sản trị bệnh cũng gặp trường hợp tương tự, xin ghi vào đây để tiện tham khảo và chú ý. Vậy đối với Đàn bà có thai khi trị nên thận trọng hai huyết Hiệp-cốc, Tam-âm-giao).

Không đậu thai.

Có kinh đau bụng 10 năm không có thai.

Có Kinh 35 tuổi mỗi lần có kinh đều đau bụng, có chồng 10 năm nay không có chữa lần nào.

Trị pháp : Dùng ngải quyện cứu Huyết Khí-hải 40 phút.

Kết quả : hết đau bụng và tháng sau có chữa.

Có chồng 15 năm không đậu thai.

Cô Anh 38 tuổi có chồng 15 năm không có chửa nay lại phát bịnh tử cung có mut ngứa.

Trị pháp : Châm Khúc-tri, Tam-âm-giao, Trung-cực, Nội-quang tả.

Kết quả : Tử cung hết ngứa.

Trị lần thứ 2 cũng trị như trên. **Kết quả :** hoàn toàn bịnh phục.

Về sau lại bắt đầu mất kinh đậu thai sau sanh con gái.

VII. SẢN HẬU.

Sản hậu, phát ho, ỉa chảy, hực nóng.

Dùng các huyết : Thiên-xu, Túc-tam-lý, Thận-du.

Như có mửa thêm Trung-uyên, Thương-uyên.

Cách nhựt châm trị 1 lần, châm nhẹ lưu kim trong 15 hay 20 phút.

Hoặc dùng thêm cứu càn hay, (Huyết Thiên-xu đối với người yếu đuối thì không nên châm, mà cần cứu nhiều).

Sản hậu cảm thương hàn, phát nóng sốt.

Dùng các huyết: Châm Đại-trường-du, Tiểu-trường-du, Thương-liêu, Trung-thứ, Hạ-liêu, Trung-cực, Quang-nguyên, Thủ-tam-lý, Túc-tam-lý, Hiệp-cốc, Tam-âm-giao, Huyết-hải, Đại-dò, Ân-bạch, Quy-lai.

Hoặc cứu Quang-nguyên, Trung-cực, Đại-dò, Túc-tam-lý, Tam-âm-giao.

Trị bịnh sản hậu ra huyết nhiều, xoay xảm, mặt thủng.

Cô Vinh 35 tuổi sanh đã hơn tháng thỉnh linh tử cung ra huyết làm cho xoay xảm, mặt hoa, mặt thủng.

Trị pháp : Cứu Bạch-hội, Thương-tinh, Phong-tri, Phế-du, Cách-du, Can-du, Thận-du, Chiên-trung, Nội-quang, Trung-uyên, Khi-hải, Trung-cực, Chương-môn, Túc-tam-lý, Tam-âm-giao đều 3 tráng, Đại-dôn, 5 tráng, Ấp-phong, Nhi-tiêu 1 tráng.

Kết quả Huyết bớt ra (vì sản hậu người suy nhược nên cứu không châm).

Trị lần thứ 2 Châm Nội-quang, Phục-lưu, Tam-âm-giao bổ.

Kết quả : Xoay xấp giảm, ra huyết còn ít.

Trị lần thứ 3 trị như trên. Bình phục hẳn.

Bệnh sản hậu bị lạnh làm xoay xấp, ngực đau, chân sưng.

Cô Lan 35 tuổi, 5, 6, năm về trước sau khi sanh bị lạnh làm đầu xoay xấp; mặt sưng, đau lưng, nay gặp cảm lạnh lại phát tại ngực nặng như bị đá đè, hai chân sưng thũng.

Trị pháp : Châm Nội-quang, Hiệp-cốc, tả, Túc-tam-lý bờ.

Trước cứu Đại-chùy, Bách-hội, Phong-trì, Phong-môn, Phế-du, Khuyết-âm-du, Cách-du, Thận-du, Vị-du, Màng-môn, Chiên-trung, Thương-uyên, Hạ-uyên, Chương-môn, Kỳ-môn, Khí-hải, Tam-lý, Thái-xung đều 3 trảng.

Kết quả : Đầu bớt xoay xấp, ngực nhẹ, chân xẹp 1/2.

Trị lần thứ 2 Trị như trên. Kết quả các chứng nhẹ, chân xẹp hết.

Trị lần thứ 3 Trị như trên bình phục hẳn.

Bệnh sản-hậu tử cung sưng, mắt hoa, đêm nóng.

Cô Thương 31 tuổi lúc 17 tuổi sanh con đầu lòng, vì nằm ngời chỗ ẩm thấp phát bệnh, sau hề gặp lạnh thì phát bệnh, Bảy giờ tử-cung sưng nhức đã 15 ngày, ban đêm phát nóng sốt, lòng bàn tay nóng, ngón tay tê, vận động thì mắt hoa, bụng đau từ chập bắc đi cầu, có khi ra máu rọi kiến thì dạ dày bị lõ không ăn được, thường có bạch-đái nhiều, nhiệt độ 38,5, chân mặt nóng chân trái lạnh.

Trị pháp : Trước cứu Đại-chùy, Phong-môn, Phế-du, Cách-du, Tỳ-du, Thận-du, Can-du, Chiên-trung, Trung-uyên, Chương-môn, Khí-hải, Túc-tam lý, Tam-âm-giao đều 3 trảng.

Châm Trung-uyên, Nội-quang, Thái-xung.

Kết quả : Các chứng Bạch-đái, đau bụng, Tử-cung bớt đau, ăn được không đầy tức như trước.

Trị lần thứ 2 ngày sau (hiện bệnh chỗ xương di đau, đầu ngón tay và ngón chân đều tê cứng).

Châm Phong-phủ, Dương-lăng tả. Cứu như trên thêm Bách-hội, Tiên-danh, Thương-tinh, Thái-dương đều 3 trảng.

Kết quả : Lòng bàn tay bớt nóng, Bạch-đái ít, chân bớt đau.

Trị lần thứ 3. Hiện bệnh này 2 bên hông đau, miệng có hơi ra nóng, môi khô, hàm răng trên nhai đau, cổ hầu như muốn

Đại tiện 4 ngày không đi.

Châm Thái-khê, Trung-uyên bồ, Thái-xung, Phong-phủ tả. Cứu như trên.

Kết quả : Đại tiện thông, 2 bên ngực và hàm răng bớt đau, cổ hơi thông.

Trị lần thứ 4 Châm Phục-lưu, Tam-âm-giao, Túc-tam-lý bồ, Phong-phủ, Thái-xung-tả.

Kết quả : Bạch-đái ít, tử cung bớt đau, họng cũng giảm nhiều.

Trị lần thứ 5 trị như trên, Kết quả chân hết đau, bạch đái ít.

Trị lần thứ 6 cũng trị như trên.

Kết quả: Ăn biết ngon không còn đau dạ dày nữa, về sau bình phục hẳn.

Bệnh Sản-hậu vì giao cấu làm bụng đau, toàn thân đều đau.

Cô Hoa 31 tuổi Sản hậu làm rét uống thuốc nhiều lại vì mới sanh 40 ngày, giao hoan quá sớm làm bụng đầy, lần lần chân gối đau, đến nay từ rún đến Vị-uyên 2 bên đều đau, Lá lách sưng lớn, ngực đau cong khúm xuống không ngay được, cứ đến 3 giờ chiều lại đau đầu, Đại tiện 1 ngày đi 2, 3 lần, lại thêm phát ho, ợ hơi.

Trị pháp : Châm Trung-uyên, Chương-môn Tam-âm-giao đều 3 trảng, Thượng, Hạ-uyên, Thái-xung đều 1 trảng, Khi-hải, Thủy-phần bồ 3 trảng.

Kết quả : Ngực bớt đau, thân ngay ra được, ho và ợ hơi bớt.

Trị lần thứ 2 cách 1 ngày. Châm Nội-quang, Kinh-cự, tả, Ấn-dương châm ra máu. Cứu như trước thêm Phong-môn, Phong-tri, Phế-du.

Kết quả : Sắc mặt hồng hào, tinh thần khỏe, duy còn đau bụng và đi cầu.

Trị lần thứ 3 ngày hôm sáu.

Châm Nội-quang, Trung-uyên, Chương-môn tả. Cứu Thủy-phần, Thần-khuyết, Thiên-xu, Khi-hải, Quang-nguyên, Túc-tam-lý, Tam-âm-giao đều 3 trảng. Phong-môn, Phế-du, Kỳ-môn, Thái-xung, Túc-lâm-khấp 2 trảng.

Kết quả : Các chứng giảm, họng hết đau.

Trị lần thứ 4 (Hiện bệnh còn khi ăn cơm vào bụng lại đầy đau

tại huyết Chương-môn, và hay sôi ruột mà khi sôi ruột thì phải đi cầu tả ra nước).

Cũng trị như trên. Kết quả : Châm cứu xong bệnh giảm 1/2.

Trị lần thứ 5 cách tuần nhật. Châm Chương-môn, Khi-hải, Nội-quang tả.

Cứu như lần thứ 3.

Kết quả : Tuần sau lại cho biết bệnh đã thuyên giảm nhiều và về sau bình phục hẳn.

Sản-hậu bụng dưới và lưng đều đau.

Cô Thỉnh 37 tuổi sanh mới đầy tháng, giao cấu phạm phòng nặng làm bụng dưới và lưng đều đau; đi đường lại càng đau kịch, bệnh đã 40 ngày.

Trị pháp : Châm Khi-hải, Trung-cực, Tam-âm-giao. Cứu Thận-du, Mang-môn, Bàng-quang-du đều 3 tráng.

Kết quả : Bệnh giảm nhưng 3 ngày sau lại phát lại.

Trị lần thứ 2. Trị như trước thêm Châm Chương-môn, Hành-gian.

Kết quả : Bệnh hết hẳn.

Sản-hậu phát ho.

Cô My 23 tuổi sanh rồi ngộ hàng phát ho, nay đến nửa năm khi hết khi bệnh, ho khạc đàm trắng mùi mặn, tăng sáng lại ho nhiều, khi ho nhiều thì lưng đau, đầu xoay xảm.

Trị pháp : Châm Thái-uyên, Xoay kim hồ tả, Phong-long tả. Cứu Mang-môn, Thận-du, Phế-du, Phong-môn, Tam-lý.

Kết quả : Ho giảm bớt.

Trị lần thứ 2 (Vì đàm mặn nên định bệnh thuộc Thận. Châm Phục-lưu bổ. Kinh-cự tả. Cứu Phế-du, Phong-môn, Nhũ-cẩn, Du-phủ, Hoắc-trung, Linh-khưu, Thần-phong, Âm-cốc, Túc-tam-lý đều 1 tráng.

Kết quả : Bệnh hết hẳn (Áp dụng phương pháp này về sau trị các bệnh như thế đều công hiệu).

Sưng tĩnh mạch :

Đàn bà sau khi sanh hoặc khi có thai có khi vì sự biến thể của máu phát từ nơi hán xuống chân, tĩnh mạch nổi lên có cục, ban đầu do thành ống mạch biến sanh từng bộ phận sau các tổ

chức xung quanh chỗ ấy phát sưng lâu thành hình huyết khối. Chứng này lúc phát cũng có phát sốt cao (trên 40), có lúc làm ớn lạnh, chân sưng phù, sau nóng không còn cao độ nữa mà chân sưng càng lớn, thân thể trầm trọng, làm tim suy nhược, phổi bị ứ huyết; thân cũng thương tổn, làm sưng Bàng-quang, Thận-vu. Bệnh này nếu để biến sanh bại huyết hóa mủ thì ắt nguy hiểm, khó trị lành.

Trị pháp : Cần an tĩnh lặng gia sự dinh dưỡng, uống thuốc lợi tiểu tiện Châm cứu trị dùng các huyết :

Mang-môn, Dương-quang, Đại-trường-du, Bát-liêu, Âm-liêm, Khúc-tuyền, Phục-thổ, Huyết-hải (châm nhẹ). Chỗ sưng phù nhớ cấm cứu.

TIỂU-NHI KHOA

1. BỆNH CAM-TÍCH.

Em Trương 4 tuổi, bụng nổi gân xanh, đau bụng, miệng thèm muốn ăn hoài, nhưng ăn ít tiêu, thường phát sốt, da đỏ hồng, ưa nằm gió, trên trán có nổi ghẻ, dưới tay có hạch, hay khát nước, đêm không ngủ yên, tay chân yếu, đi đại tiện hay rặn, phần sắc đen, bệnh đã 4 tháng, dùng đủ thuốc Đông Tây đều không công hiệu.

Trị pháp : Châm Hiệp-cốc, Thiếu-thương, Thương-dương, Trung-xung ra máu Cứu Thần-khuyết, Thiên-xu, Thông-cốc, Âm đô, Thủy-phần, Nội-dinh, Công-tôn, Khí-hải Âm-giao đều 1 tráng, Trung uyển, Chương-môn, Tỳ-du, Vị-du đều 3 tráng, Thận-du, Túc-tam-lý, Tam-âm-giao bờ 3 tráng.

Kết quả : Bớt sốt nóng, hết nằm gió.

Trị lần thứ 2 cách 1 ngày : Châm Khúc-trì, Tam-âm-giao tả Hiệp-cốc, Thiếu-thương, Thương-dương ra máu. Cứu như trước.

Kết quả : Tinh thần hơi khoan khoái, miệng hết thèm ăn bậy.

Trị lần thứ 3 cách 4 ngày. Châm Khúc-trì, Tam-âm-giao bên, trái tả, Cứu như trước.

Kết quả : Bụng bớt đau, đi cầu phần sắc vàng.

Trị lần thứ 4 Châm Trung-uyển, Khúc-trì, Tam-âm-giao bờ. Cứu như trên. **Kết quả :** Ăn uống khá.

Trị lần thứ 5. Châm Khúc-trì bên trái, Túc-tam-lý bên trái bờ cứu như trước.

Kết quả : Sau bụng hơi xẹp lặn, gân xanh lặn lặn lặn, bệnh từ từ hết hẳn bình phục.

Bệnh Cam tích, bụng cứng không biết no, đói.

Cháu Chi 3 tuổi, tháng trước phát sốt nóng làm ỉa, nay ban đêm

lại miệng khát, bụng cứng, người ốm, thường sau 12 giờ trưa thì chân sưng, Mỗi đêm từ 4, 5 lần, sáng dậy cũng đi 4 lần, không biết đói, đôi, hình phát ngày nhẹ đêm nặng, bình khi thảng chửi giã, nhiệt thấy thuốc cho là khó trị.

Trị pháp : Châm các huyết Tử-tung (châm vào thì lông gốc ngón trỏ và út tay trái có ra máu, còn các ngón tay khác chỉ ra nước trong trắng) Cửu Thủy-phần, Thần-khuyết, Thiên-xu, Túc-tam-lý, Tam-âm-giao bỏ 3 trảng Trung-uyên, Âm-giao, Phế-du, Phong-môn, Đại-chùy, Tỳ-du, Vị-du đều 1 trảng.

Kết quả : Đi cầu bớt, Biết đói, phần tốt, tinh thần vượng lại, vui cười, sắc mặt hồng hào trở lại.

Trị lần thứ 2 : Cách 1 ngày Trị như trước, (châm các huyết Tử-tung có ra máu hơn trước, tinh thần vượng lại khá).

Trị lần thứ 3 Trị cũng như trước nhưng huyết Thận-du cứu bỏ 3 trảng, Mạng-môn bỏ 1 trảng.

Kết quả : Đi cầu giảm chỉ còn 2 lần,

Trị lần thứ 4 Cũng trị như trước, huyết Vị-du cứu bỏ 3 trảng, (bây giờ Châm Tử-tung thì ra máu hơn các lần trước).

Kết quả : Nóng giảm, hết chảy nước mũi, bớt khát nước, ngày sau đi cầu có nước, bụng bớt cứng.

Trị lần thứ 5 : Châm Tử-tung, Cửu Thượng-uyên, Trung-uyên, Hạ-uyên, Thủy-phần, Thiên-xu, Thần-khuyết, Âm-giao, Thận-du, Túc-tam-lý bỏ 3 trảng.

Kết quả : Sau khi châm thì mưa ra đồ ăn, lần lần bụng bớt cứng nhiều.

Sau 15 ngày lại cho biết bệnh đã hết hẳn. Bây giờ châm các huyết Tử-tung đều ra máu.

Kết quả : Về sau bệnh hoàn toàn bình phục.

Bệnh Cam tích, bụng trướng, thân phù thũng, thường nóng cơn
Cháu Học 2 tuổi bụng cổ trướng, trong có tích nước, mỗi ngày đều có phát nóng cơn, toàn thân người phù thũng.

Trị pháp : Châm Tử-tung huyết (ngón tay trỏ và ngón út tay trái ra nước trắng, ngón giữa tay mặt ra nửa nước nửa máu).

Cửu; Thượng, Trung, Hạ-uyên, Thiên-xu, Khí-hải, Quang-nguyên đều bỏ 3 trảng Thần-khuyết, Âm-giao bỏ 1 trảng, Tỳ-du, Vị-du, 3 trảng, Thận-du, Mạng-môn, Đại-chùy, Tam-lý, Tam-âm-giao, Công-tôn đều 1 trảng.

Kết quả : Về sau lần lần bụng xẹp, thũng xẹp, bình hết hẳn.

Bệnh Cam tích bụng trưởng, người gầy ốm.

Cháu Hon 2 tuổi bị đồ ăn làm tích, phát ja mữa, sau lần lần bụng trưởng to, tay chân gầy yếu, không muốn ăn uống, chỉ ngón trỏ lên đến bộ quang đi cầu ngày 2, 3 lần hơi thúi, khát nước muốn uống hoài.

Trị pháp : Châm đầu ngón tay giữa ra máu. Cứu Trung-uyên, Thủy-phần, Thần-khuyết; Âm-giao, Thiên-xu, Thận-du, Túc-tam-lý Tỳ-du, Vị-du, Chương-môn, Công-tôn, đều 2 trảng, Tam-âm-giao, Mang-môn đều 1 trảng.

Kết quả : Bụng trưởng giảm, ăn được.

Trị lần thứ 2 Cứu trị như trên.

Kết quả : Bớt khát nước; Đại tiện hơi có phần sệt, ít thúi, bụng giảm.

Trị lần thứ 3. Cũng cứu như trên. **Kết quả :** Hết đi cầu, bụng giảm nhiều.

Trị lần thứ 4 Cũng cứu trị như trên.

Kết quả : Lần này đi cầu ra toàn máu đen, nước rất hơi thúi, sắc mặt hơi trắng mét (ấy là chất độc trong Dạ dày ra và bệnh đã giảm nhiều nhưng nguyên khí còn yếu, chưa khôi phục).

Trị lần thứ 5. Cho uống thuốc Đông-y bồi dưỡng tinh thần khỏe lại hết đi cầu.

Trị lần thứ 6 Châm Tử-tung huyết (tay mặt 1 ngón có máu, tay trái hai ngón có máu). Cứu như lần thứ 1 và uống thuốc bồi dưỡng thêm.

Kết quả : Đêm ấy ngủ được nhưng lại còn đi cầu toàn sắc đen, ngày sau vẫn còn đi vài lần nữa, rồi lần lần mới hết, tinh thần khỏe trở lại, chơi giỡn như bình thường, bình phục hẳn.

Bệnh Cam tích mặt vàng, người gầy ốm, nổi gân xanh.

Cháu A 5 tuổi 3 năm nay nước da vàng gầy ốm, bụng nóng, mặt nổi gân máu và vết xanh, tay chân lạnh, lòng bàn tay nóng, ăn không tiêu, nhiệt độ 39,5.

Trị pháp : Châm Nội-quang, thích Ấn-hạch, Lệ-đoài ra máu, Cứu Trung-uyên, Thủy-phần, Chương-môn, Thần-khuyết, Thiên-xu, Khí-hải, Cách-du, Tỳ-du, Vị-du, Thận-du, Mang-môn, Tam-âm-giao đều 3 trảng.

Kết quả : Ngày sau đi cầu 5 lần, đêm 2 lần ra nước vàng, tay bớt nóng, nhiệt độ xuống 38,5.

Trị lần thứ 2. Châm Nội-quang. Cứu như trên.

Kết quả : Bụng bớt cứng, nhiệt độ xuống 35,6.

Trị lần thứ 3. Cứu như trên.

Kết quả : Từ đây về sau các chứng đều giảm và bình phục hẳn.

Bệnh bụng to cứng, thân thũng, người yếu nhũn.

Cháu Liêm 3 tuổi 3 tháng trước ỉa nước, thân thũng, dùng đủ thuốc trị không nhẹ, nay bụng to cứng, lưng đau, cả người yếu nhũn, đại tiện mỗi ngày đi 2 lần rất hơi thúi.

Trị pháp : Cứu Trung-uỷên, Thủy-phần, Thiên-xu, Khi-hải, Túc-tam-lý, Tam-âm-giao, Tỳ-du, Vị-du, Đại-trường-du, Thần-du đều 3 tráng, Thần-khuyết, Âm-đồ, Âm-giao, Thái-xung, Công-tôn 1 tráng.

Kết quả : Ngày sau 12 giờ trưa đi cầu 2 lần, ban đêm 4 lần, ngày sau cũng đi 3, 4 lần, đêm cũng 4 lần toàn nước vàng, bụng xẹp nhỏ, thũng xẹp.

Trị lần thứ 2 : Vì đi cầu nhiều nên tay chân lạnh. Cứu Trung-uỷên, Thủy-phần, Thiên-xu, Thần-khuyết, Âm-giao, Khi-hải, Quang-nguyên, Túc-tam-lý, Tam-âm-giao hồ 4 tráng.

Kết quả : Hết đi cầu tay chân hết lạnh, sắc diện tinh thần khỏe khoắn, bình phục hẳn.

Bệnh Cam tích bụng to cứng hình thê óm như sậy.

Cháu Mùi 2 tuổi bụng to trương cứng, ngày ỉa 4 lần, phần trắng có nước, có lúc phần ra toàn đồ ăn, miệng khát nước uống hoài, lòng bàn tay trắng bạc chần, người như cây sậy.

Trị pháp : Cứu Trung-uỷên, Thủy-phần, Thiên-xu, Khi-hải, Tam-lý, Tam-âm-giao, Thần-khuyết đều hồ 3 tráng, Tỳ-du, Vị-du, Đại-trường-du 3 tráng, Âm-giao, Thái-xung, Công-tôn 1 tráng, trong uống thuốc Cam-tích.

Kết quả : Hết ỉa nước, phần sắc vàng, chỉ đi 3 cầu lần, bớt khát nước.

(Trước châm Tử-tung huyết, các ngón út, trỏ, ngón giữa tay trái ra nước trắng, còn các ngón khác ra máu).

Trị lần thứ 2. Cách 2 ngày. Cứu trị như trên.

Kết quả : Các bệnh giảm nhiều, lòng bàn tay hồng hào trở lại.

Trị lần thứ 3 Châm Tứ-tung-huyết (các ngón đều có máu chỉ ngón áp út tay trái còn nước trắng), cứu như trước thêm Phong-môn,

Kết quả : Bụng trương xẹp.

Trị lần thứ 4. Hiện bệnh bụng còn to, làm kiết, mũi ngứa hay lấy tay cào; miệng khát nước.

Châm Khúc-trị, Nội-quang. Cứu như lần thứ 3.

Kết quả : Chứng kiết giảm, hết khát nước, mắt hết mết.

Trị lần thứ 5 Châm Khúc-trị, Hiệp-cốc, Nội-quang. Cứu Bách-hội, Phong-môn, Phế-du và các huyết như trên.

Kết quả : 10 ngày sau gia đình cho biết bệnh hoàn toàn bình phục hẳn.

Bệnh Lưỡi tưa trắng, bụng sôi thường ỉa đêm.

Cháu Tu 1 tuổi, lúc mới sanh lưỡi thường có cấn trắng (Đẹn), sau làm bụng hay sôi, rồi phát ỉa, ngày 1, 2 lần, đêm 4, lần, mặt vàng, đem cho người trị Đẹn lẽ Tứ-tung huyết, hai tay đều phát sung, 4, 5 ngày chưa hết.

Trị pháp : Cứu Phế-du, Phong-môn, Tâm-du, Tỳ-du, Vị-du, Thận-du, Trung-uyên, Thần-khuyết, Khi-hải, Công-tôn đều 1 trảng. Thiên-xu, Túc-tam-lý, Tam-âm-giao đều 3 trảng.

Kết quả : Trị sau 6 giờ, đi cầu sắc vàng và từ đó về sau đều như vậy.

Trị lần thứ 2 Trị như trên.

Kết quả : Ngày sau còn đi cầu 1 lần có phần trắng trắng, ngày thứ 3 hết, lưỡi hết tưa và ăn được.

Trị lần thứ 3 Cứu Đại-chùy, Phong-môn, Phế-du, Chiên-trung, Tâm-du, Thần-khuyết đều 1 trảng, Khi-hải, Túc-tam-lý, Tam-âm-giao bỏ 3 trảng.

Kết quả : Hết đi cầu, sắc mặt tươi nhuận và chơi giỡn.

Trị lần thứ 4, 5. Cũng trị như trên. Kết quả: đi cầu hết hơi thúi

Trị lần thứ 6 Trị như lần thứ 3 Thêm huyết : Nội-quang, Trung-uyên, Chương-môn, đều cứu 3 trảng.

Kết quả : Bệnh nhẹ hẳn; miệng hết tưa.

(Bệnh này trị lần thứ 2 đi cầu xổ ra chất trắng lợn cợn 2 lần đó là đẹn độc, ra được nên chứng Đẹn ở lưỡi hết hẳn).

II— TÍCH THỰC, TRÚNG THỰC.

Trẻ con bị tích đồ ăn.

Trẻ con vì quá phàm ăn, trẻ con bú sữa bò không tốt, hoặc sữa mẹ không tốt, sanh bệnh làm tinh thần không an, mặt xanh xao, đau bụng, hay khóc, sau khi đi cầu được mới yên, phần thường sắc xanh hoặc vàng có cợn, hoặc sắc trắng rất hôi thúi, chứng nặng làm tả toàn nước, ọe mửa, phát sốt bụng đờ đau, nói xàm có khi cũng phát kinh dục.

Châm cứu trị bệnh này cần làm cho bộ phận tiêu hóa mạnh.

Trị pháp : Dùng các huyệt . Tam-tiều-du, Vị-du, Đại-trường-du, Thiên-tru, Khí-hải, Thiên-xu, Tam-âm-giao, Phong-tri, Đại-chùy, Thủ-tam-lý, Hiệp-cốc. Châm cạn 1, 2 phân; nếu cứu thì dùng trước tác cứu.

Nếu trường hợp sưng ruột làm Kiết-ly.

Dùng các huyệt : Châm Tam-âm-giao, Thiên-xu, Hiệp-cốc trị 3 ngày ắt nhẹ và nên cứu Đại-trường-du, Thiên-xu, Túc-tam-lý mỗi ngày 3 lần, mỗi lần 3 phút, vài ngày ắt khỏi phục.

Tiểu nhi cấp tánh tiêu hóa bất lương.

Trẻ con bộ phận tiêu hóa yếu ăn lâu tiêu làm Trúng thực, Thương-thực. Trị bệnh này cần làm cho cơ năng Trường-vị mạnh để giúp bộ phận tiêu hóa.

Châm pháp : 1.— Châm các huyệt : Thân-tru, Can-du, Cách-du, Đởm-du, Tỳ-du, Thượng, Trung, Hạ-uyển, Thượng-khưu, Manh-du, Thiên-xu, Phong-tri, Kiên-tĩnh, Kiên-trung-du, Đại-chùy và các huyệt chín tay, chân châm nhẹ.

2.— Hoặc châm Tam-tiều-du, Thiên-tru, Khí-hải, Phong-tri, Đại-chùy, Thủ-tam-lý, Hiệp-cốc châm nhẹ.

Cứu pháp : Cứu Thân-tru 3 tráng, Tam-tiều-du 3 tráng.

Hoặc cứu Can-du bên trái 1 huyệt. Tỳ-du bên mặt 1 huyệt (trị con trai). Cứu Can-du bên mặt, Tỳ-du bên trái (trị con gái).

Trẻ con bệnh về Tỳ-vị nên dùng phương cứu này rất hay.

III— CẤP - MẠNG KINH

Trẻ con Kinh phong, Kinh giản, Cấp, Mạng kinh.

Trẻ con hoặc vì Thương-thực, Trúng-thực, ăn không tiêu, kiết-ly, Tiệt bí Cầm sốt nặng thường phát sanh Cấp-giản.

Chứng nặng cắn răng, nghiêng răng, tay chân ngay cứng, hoặc co dục, thờ dốc, 1 chập lại tỉnh, rồi lại phát trở lại.

Trị pháp : Dùng các huyết lùy châm cứu trị :

Thiếu-thương, Hiệp-cốc, Khúc-tri, Nhơn-trung, Đại-chùy, Dũng-tuyền, Trung-uyên, Ủy-trung, Bách-hội, Ấn-đường, Thừa-sơn, Vị-du, Thận-du.

Trẻ con 5, 6, tuổi châm 2, 3 phân, nhỏ lắm không nên châm.

Cấp cứu châm Thập-tuyền rất công hiệu.

Chứng Kinh giản, trẻ con nên phân ra 2 chứng Cấp-kinh, Mạng-kinh.

Cấp-kinh : Châm cứu đối với bệnh này cần làm cho trấn tĩnh cơ năng Thần kinh để đình chỉ sự co dục.

Dùng những pháp sau đây :

1.— Khi cơn dương phát châm các huyết :

Thiếu-thương ra máu, Hiệp-cốc, Nhơn-trung, Khúc-tri, Dũng-tuyền, Đại-chùy, Bách-hội, Ủy-trung.

Nếu chưa kết quả châm thêm Trung-uyên trước tác thuật, châm 1, 2 lần, mỗi lần 1, 2 phút, ngoài ra các huyết sau đây nên châm sâu :

Mang-môn, Phong-phủ, Thương-dương, Trung-chữ, Quang-xung, Thiếu-xung, Thiếu-trạch. Ấn-đường, Ấn-bạch, Thừa-sơn.

2.— Châm Thiếu-thương ra máu, Bách-hội, Nhơn-trung, Đại-chùy, Chí-dương, Mang-môn, Phong-phủ, Ủy-trung, Khúc-tri.

Nếu chưa kiến hiệu châm thêm Trung-uyên như trên.

Mạng kinh : Dùng những phương pháp sau đây :

1.— Châm các huyết : Bách-hội, Tiễn-đãnh, Thương-tinh, Thán-tru, Phong-tri, Hiệp-cốc, ngoài ra các huyết chính ở bụng, lưng, chân nên châm nhẹ.

2.— Cứu Thiên-tru, Phong-tri, Thán-tru, Phế-du, Hiệp-cốc, Túc-tam-ly.

3.— Cứu Xích-trạch 4 trảng.

4.— Cứu Đại-chùy, Thiên-xu, Quang-nguyên 10 trảng.

5.— Cứu Gian-sử, Hiệp-cốc, Thái-xung.

6.— Cứu Tý-du, Tam-âm-giao, Quang-nguyên, Khi-hải, Trung-nguyên.

7.— Cứu Thiên-xu, Quang-nguyên, Bách-hội, Thần-khuyết.

Chứng Dạ kinh (phát kinh dục ban đêm).

Trẻ con hoặc vì tiêu hóa không tốt, thể chất suy yếu, thần kinh dễ bị kích thích, hoặc vì bệnh mũi, cổ họng, cũng dễ phát chứng này.

Thường trẻ con từ 3 tuổi đến 6 tuổi thường phát.

Chứng trạng 1 giờ hay 2, 3 giờ, tự nhiên dục mình khóc la cá 5, 10 phút có khi lâu hơn, bình mới hết, hoặc 1 đêm phát 1 lần, hay 2, 3 đêm 1 lần, hoặc 10 ngày 1 lần bệnh cứ diễn tiến hoài.

Trị bệnh này nên cứu huyết Bách-hội (trước tác cứu) từ 3, 7 phút, tùy thêm các huyết như trị bệnh cấp mạng kinh trên áp dụng trị.

Trị bệnh Dạ-kinh trẻ con.

Cháu A 6 tuổi bị bệnh ban đêm thường ngủ hay dục tay chân, miệng méo, tinh thần hôn loạn bất tỉnh. Anh em không ai dám nằm ngủ chung, khi cơn phát cha mẹ thức dậy ôm 1 chập mới tỉnh lại, ban đầu 1, 2 tuần phát 1 lần; sau này 1 tuần phát 3, 4 lần, gần đây liên tiếp phát luôn 3 đêm.

Trị pháp : Châm Thần-môn, Nội-quang, châm nhẹ và mau, châm Đại-chùy châm nhẹ lấy kim, gia cứu 3 trảng.

Trị lần thứ 2 (cha mẹ cho biết đêm ấy cũng phát nhưng nhẹ hơn). Châm Thần-môn, Đại-lăng, châm nhẹ và mau, châm Địa-thương bên mặt châm nhẹ và rút kim 15 phút. Huyết Đại-chùy, châm gia cứu 3 trảng.

Trị lần thứ 3 (cha mẹ cho biết đêm ấy không có phát, miệng hết méo, nhưng ngủ trắng trọc cả đêm). Tôi nhận vì cứu Đại-chùy, nhiều nên ảnh hưởng, Châm lại Thần-môn, Địa-thương, Túc-tam-lý châm nhẹ (3 huyết này không cốt trị chứng kinh giãn nữa mà cốt làm trấn tĩnh thần-kinh).

Trị lần thứ 4 (cha cho biết đêm ấy cũng không phát mà ngủ yên (nhận định chứng Giãn đã hết hẳn), hỏi còn cần trị nữa hay thôi, tôi cho biết bệnh này nên trị tiếp thêm 10 lần nữa cho điều

hòa thân kinh mới có thể dứt hẳn được. vì thế nên cứ theo trị luôn 10 hôm nữa (cũng áp dụng những huyết trị lần thứ 3).

Kết quả : Từ ấy về sau bình phục hoàn toàn, không tái phát.

Trị bệnh trẻ con dứt kinh lạ khóc.

Cháu Long mới sanh 6 tháng, thỉnh thoảng tay chân co dục lạ khóc.

Trị pháp : Châm Khúc-Tri, Thái-xung.

Châm trị xong toàn thân phát ban đỏ hết dục, hết lạ khóc.

Trẻ con nóng sốt kinh dục.

Cháu Nam 2 tuổi, nóng sốt, kinh dục dùng Âu-đọc trị không công hiệu, miệng lở, nổi mụn trắng, hôn mê, mắt nhắm, nhiệt độ 37,5, mạch nhẩy 108.

Trị pháp : Châm Hiệp-cốc, Thủ Tĩnh-huyết, Ân-bạch, Lệ-doài, Đại-đôn ra máu và châm Khúc-tri, Nội-quang, Thái-xung, Dương-lăng-tuyền.

Kết quả : Bớt co dục, nhiệt độ còn 37.

Trị lần thứ 2 (hiện mắt còn nhắm). Châm Hiệp-cốc, Ân-bạch, Lệ-doài ra máu, Nội-quang, Khúc-tri.

Kết quả : Châm xong mở mắt, qua ngày sau miệng hết mụn, bình phục hẳn

Trị nghiệm.

Trị chứng trẻ con Mạn kinh.

Cháu Thị Cao 1 tuổi phát là mùa trên 1 tháng, nay phát sốt cao độ, đầu cứ lắc hoai, tay chân có khi co dục, miệng há lớn, mắt trợn, miệng hơi thui, 3 ngày không đi cầu, có khi thân lại lạnh, đêm khóc không yên, xem chỉ tay đã lên đến bộ Quang, lại hay phát nữa, đi Bệnh-viện trị, chứng nhận là chứng Mạn-kinh Não-mạc viêm trị lâu không bớt cho là chứng bất khả trị. Xin về nhờ Châm cứu trị.

Trị pháp : Châm Đại-chùy, Phong-phủ, Phong-tri, Hiệp-cốc, Thủ-tĩnh huyết, Ân-bạch, Lệ-doài.

Kết quả : Giảm cơn sốt, đêm nằm yên tay chân bớt điều động.

Trị lần thứ 2 (liên tiếp trị mỗi ngày). Châm Bách-hội, Phong-phủ, Phong-tri, Đại-chùy, Phong-môn, Thân-trụ, Mạn-môn, Trương-cường, Nhon-trung, Ấn-đương, Thái-xung, Túc-lâm-khấp và châm ra máu Thập-tuyền.

Dùng gai quện cứu Khí-hải, Quang-nguyên.

Kết quả Tay chân hết điều động, hết sốt, ngủ yên, các chứng ho miệng lưỡi cũng giảm, còn nghiêng răng.

Trị lần thứ 3 Châm cứu trị như trên. Đêm ấy đại tiện thông (đã 4 ngày) tinh thần khỏe.

Trị lần thứ 4 Châm Đại-chùy, Phong-phủ, Phong-tri, Đại-đôn, Phong-môn.

Dùng gai quện cứu Khí-hải, Quang-nguyên, Trung-uyên.

Kết quả : Đêm ấy ho, mưa, suốt đêm không nằm yên được, sáng ngày mệt, gia đình sợ mời Đông-y trị, vì thấy lạnh thầy ấy dùng thang Lý trung gia giảm cho uống 1 thang không kiến hiệu, đem lại Châm trị.

Trị lần thứ 5 : Dùng Gai quện cứu Khí-hải, Quang-nguyên, Trung-uyên, Chương-môn.

Kết quả : Đêm ấy bớt mưa nhưng nghiêng răng nhiều hơn, chổ Da đầy đầy, sắc mặt mét.

Trị lần thứ 6. Cứu Tý-du, Vị-du bỏ 3 trảng, Đại-chùy 1 trảng, Phong-môn 3 trảng, Khí-hải, Quang-nguyên, Trung-uyên, Chương-môn cứu như trước.

Kết quả: Sắc mặt tươi nhuận lại, tay, đầu bớt lắt, còn mưa 3 lần.

Trị lần thứ 7 Cứu trị như trên.

Kết quả : Hết nghiêng răng, hết ho, mưa 1 lần, tay chân hết điều động.

Trị lần thứ 8 Trị như lần thứ 6. Đầu trở lại lắt và nghiêng răng. (Ấy là vì cứu nóng quá phản ứng).

Trị lần thứ 9. Trị như lần thứ 5.

Kết quả : Tinh thần khỏe lại, nhưng đêm ấy hơi mưa.

Trị lần thứ 10 Cũng trị như lần thứ 5.

Kết quả : Tay chân thật hết điều động, đêm ngủ yên, lại đi cầu ỉa chất trắng như sữa chưa biến, trên chân phát nổi ban đỏ.

Trị lần thứ 11. Trị như trên.

Kết quả : Bệnh hoàn toàn nhẹ hẳn, sau chỉ cho uống thuốc bồi dưỡng.

Trị chứng trẻ con Kinh dịch nguy cấp.

Cháu Anh 28 tháng bình ban đêm phát sốt rất nặng, ra mồ hôi lạnh; qua 12 giờ trưa phát mất trọc thì đầu uống ngược, tay chân co cứng, miệng phèo nước bọt, trước mắt nhắm không mở, nay lại

mỡ không nhấm, trồng mắt bên trái xeo qua 1 bên, đã 4 ngày không đi cầu, thần sắc hôn mê, đưa đi Bệnh-viện tìm thuốc và chẩn đoán là bệnh Não bị liệt không thể trị được, đem về nhờ Châm trị.

Hiện bệnh rất nguy cấp, bệnh liệt n chỉ tay trở đã lên đến Mạn Quan, nhiệt độ 38/3, khó cứu sống, nhưng vì quá khẩn cầu, nên trị cấp cứu.

Trị pháp : Cứu Đại-chùy, Thần-khuyết (ngại quỵen cứu) Châm Nịon-trung lưu kim, Bách-hội, Phong-phủ ra máu, rồi lễ Đại-chùy đến huyết Chi-dương mỗi đốt sống lưng cho ra máu, Châm Thập-tuyền và 11 tỉnh huyết ở tay ra máu, tiếp châm Phong-tri, Trung-uuyền, Khí-hải, Quang-nguyên lưu kim.

Kết quả : Miệng hết phèo bọt, tay bớt dục, mắt điều lại nhưng vẫn hôn mê (chứng này vì Não bị độc rất nặng nên còn mê).

Trị lần thứ 2 Đại tiện 5 ngày không đi, nhiệt độ 38/8. Châm Thiều-thương, Quang-xung, Trung-xung ra máu, Thương-phục-thổ (2 huyết trên chỗ xương Khuyết-bồn có sủng). Ấn-hạch ra máu, Thiên-địa-trấp bên trái (dưới huyết Tuyết-cốt 1 tấc) châm 1 kim trở lên 1 kim trở xuống, Lưu-can-huyết (Dưới lũng chỉ khuỷu nhượng chân 1 tấc, châm dưới lũng da mũi kim hướng trở lên 6 phân).

Kết quả : Khi châm huyết Thiên-địa trấp thì đại tiện ra phân đen, 2 mắt trực thị, vài phút sau hết. Nhưng ngày sau chết.

Ấn trị lý : Trị chứng này ban đầu trị mà vẫn còn hôn mê là vì Não bị nhiễm độc rất nặng, không phương gì cứu được, sau hội với Ông bạn Y-sư Châm cứu Vạn-vân-Trình kinh nghiệm trị bệnh sưng màng não cho biết đã trị nhiều bệnh dùng huyết Thiên-địa-trấp để làm cho bộ phận tuần hoàn mạnh lại thì cứu được. Sau khi áp dụng huyết này châm trị thì đại tiện thông ngay, duy bệnh vì Não bộ bị nhiễm độc quá nặng, nên khi châm phản xạ lên não làm mắt trực thị mà không khỏi phục được, (Não đã bị liệt) nên chết. Vậy xin ghi vào đây để nghiên cứu (lời của Châm sư Trần-tôn-Nhơn).

Trị chứng Mạn kinh, chẩn đoán không nhận rõ được.

Cháu Tú 18 tháng bị bệnh đưa đi Bệnh-viện đã 12 ngày; thử máu nhiều lần không nhận định rõ bệnh, vẫn cho là chứng Mạn-kinh, không trị được, hiện bệnh trạng: tay chân ngay cứng; miệng ngậm bất tỉnh như sư, thở từng hơi một, rất nguy không thể chữa trị được, nhưng vì gia đình yêu cầu cứu giúp may ra phần

nào, vì không lý khoanh tay ngồi nhìn chân chưa chết.

Trị pháp : Châm các huyết ; Nhơn-trung, Trung-nguyên, Khí-hải, Quang-nguyên lưu kim 2 giờ, rồi châm Bách-hội, Phong-phủ, Thái-dương, Xích-trạch, Côn-lôn, Thái-xung, Thập-tuyên, Nội-quang, Khúc-trạch, châm Trung-xung ra máu Ấn-đường châm xoay kim qua mặt qua trái.

Kết quả : Châm trị trong 30 phút, tay chân điều động co lại, miệng há chân vận động, châm xong trông mắt liết, ngày hôm sau hết miệng. Các chỗ tay, Đầu, Cổ đều nổi mụn như phát ban, mồi cứng bột đỏ, nhiệt độ đo 37,8.

Vậy nên nhớ vì lưu kim, đến nửa giờ nên tay chân vận động châm xong há miệng, qua ngày sau liết mắt, ấy nào độc nhiễm bình giảm phát ra ngoài nên nổi mụn như ban).

Trị lần thứ 2 ngày sau.

Châm Nhơn-trung lưu kim Phong-phủ, Á-môn, Thượng-tinh, Xích-trạch Thích-Bách-hội, Ấn-đường, Thái-dương ra máu. Cứu Khí-hải, Quang nguyên (dùng ngai quỳện cứu).

Kết quả : Ngày hôm ấy về nhà đại tiện thông. ngày thứ 2 ngủ được, tay chân điều lại (không cứng như trước), chân nổi lên ban đỏ, phía sau đầu có nổi về đỏ bằng ngón tay, nhiệt độ 37.

Trị lần thứ 3. Châm Nhơn-trung, Phong-phủ, Phong-tri, Thái-xung, Túc-lâm-khấp (Nhơn-trung châm lưu kim). Thích-bách-hội, Ấn-đường, Thái-dương ra máu. Cứu như trước thêm Đại-chùy 3 tráng.

Kết quả : Tinh thần khỏe, hay đòi uống nước, mắt bên trái mờ ngó có thần còn mắt bên phải còn hơi hỷ, trong tai lại có rịn máu, huyết Phong-tri bên mắt nổi 1 cục. Nhưng ngày hôm sau lại tim nhảy mạnh, bụng hơi cứng, chân mặt lại đơ, nhiệt độ cao 38 (đấy là vì cứu Đại-chùy nóng làm phản ứng).

Trị lần thứ 4. Châm Á-môn, Phong-phủ, Tích-trung, Thập-tuyên, Côn-lôn, Bách-hội, Ấn-đường, Nhĩ-tiêu, Thái-dương ra máu. Cứu Đại-chùy, Thần-khuyết, Khí-hải, Quang-nguyên (dùng ngai quỳện cứu).

Kết quả : Bụng bớt cứng, tim ít đập, nhiệt độ hạ 37.

Trị lần thứ 5. Cứu Khí-hải, Quang-nguyên, Trung-cực (cùng dùng ngai quỳện cứu 3 lần).

Kết quả : Chân mặt bớt đơ, hơi phát ho.

Trị lần thứ 6 Trị như trên.

Về sau không lại trị nữa.

Bệnh này chưa rõ thể nào vì sau không cho biết kết quả, nhưng tin chắc bệnh ấy về sau cũng bớt nhiều, vì các chứng nguy hiểm không còn nữa.

Trị chứng Dục kinh nguy cấp.

Cháu Múi mới sanh 9 tháng 10 ngày trước phát bệnh ban đầu thỉnh thoảng phát sốt, cổ cứng đơ, không khóc được, tiểu tiện ít, ngừng lời dờ. mắt lác liên, có khi trực thị, không đi cầu, đến Bác-sĩ chẩn đoán cho rằng ruột bị bế tắc, trị 3 hôm không công hiệu lại thêm phát kinh dục, mắt trợn tráo, đến Bác-sĩ khác cũng không hiểu chứng gì, sau cho uống thuốc làm mửa, trị trong 3 ngày nữa chứng lại càng nguy hiểm hơn, đưa lại Đông-y cho uống thuốc thì không nhỏ thuốc được nữa, sau đến nhờ Châm cứu trị.

Hiện bệnh nhiệt độ 38, đầu cổ ngáy đơ, mắt lơ lác, khờ khạo, rần rần chặc, sắc mặt xanh, chỉ ngón trỏ tím đen lên đến Mạn-guan, nhận là chứng kinh dục Não-mạc-viêm nhưng chứng rất nặng sợ không trị được nữa, nhưng vì cha mẹ khẩn cầu quá nhờ cứu giùm, nên cố tận lực trị giúp.

Trị pháp : Bắt đầu châm Thiếu-thương, Trung-xung Hiệp-cốc (châm vào không la khóc gì cả), nhưng châm rồi hơi mở miệng thấy chót lưỡi, lập tức cho uống thuốc. Kết quả : nhỏ vào được, bây giờ hơi dịu lại, mắt nháy, bớt dục, tiểu được (có kết quả trị được).

Trị lần thứ 2 ngày hôm sau Châm Thiếu-thương, Thủy-cửu, Trung-xung, Thừa-lương (khi châm thì lại lác cổ), cũng tiếp cho uống thuốc.

Kết quả : Trông mắt hết lác liên, cổ xoay được, đi cầu 1 lần.

Trị ngày thứ 3 Châm Thiếu-thương, Trung-xung, Hiệp-cốc, Phong-trì, Phong-phủ, Á-môn, Thiếu-trạch, Thương-dương, Thủy-cửu, Thừa-lương, uống thuốc như trước.

Kết quả : Cần cổ bây giờ dịu như thường, đại tiện như thường (đã thoát được sự nguy hiểm, cha mẹ rất mừng).

Trị lần thứ 4 Châm Thừa-lương, Gian-sử, Đại-chùy (châm biết đau hơi rên cũng chưa khóc) cho uống thuốc như trước.

Kết quả : Tay chân cử động, bông ngời được.

Trị lần thứ 5 Châm Đại-chùy, Á-môn, Phong-trì, Thiếu-thương, Thương-dương, Trung-xung (châm lần này khóc to lên chảy nước mắt nước mũi).

Kết quả : bây giờ đã biết, hơi cười.

Trị lần thứ 6 Châm Thương-dương, Đại-chùy, Gian-sử Quang-xung, Thừa-sơn.

Kết quả : đã bớt nhiều (không cho uống thuốc nữa). bệnh đã gần bình phục.

Trị lần thứ 7 Châm Thiếu-thương, Trung-xung, Đại-chùy, Phong-phủ.

Kết quả : Bệnh hoàn toàn bình phục.

IV— BỆNH PHONG-ĐÒN-GÁNH (PHÁ-THƯƠNG-PHONG) TÉTANOS.

Bệnh Phong-đòn-gánh trẻ con thương vì vết thương, trẻ sơ sanh thương vì khi cắt rún, trùng nhiễm vào, hoặc vì bị trầy, dứ, ghẻ lở, bệnh nhưn thương bị nhiễm từ 3 ngày đến 30 ngày, càng phát sớm thì bệnh càng trầm trọng.

Chứng phát làm kinh dục, cứng quai hàm, rắn cắn chắc, mắt đứng tròng, tay chân co dục. lưng ngực, mặt tái xanh, bụng đầy, không sốt, nhưng nếu sốt thì nhiệt độ cao 39 hay 40, Đại tiểu tiện thường bí.

Châm cứu trị dùng những phương pháp sau đây :

A. Dùng các huyết :

1.— Nếu bệnh nhưn lưng uốn ngược ra phía sau thì dùng các huyết : Đại-chùy, Phế-du, Tâm-du, Can-du.

2.— Nếu cổ và hàm răng cứng dùng các huyết : Phong-tri, Giáp-xa.

3.— Nếu tay chân co dục dùng các huyết : Khúc-tri, Hiệp-cốc, Hoàn-khiêu, Dương-lăng-tuyền.

4.— Nếu nóng lắm châm ra máu các Tĩnh-huyết.

5.— Như chứng mới sơ phát dùng ngải viên nhỏ bằng hạt gạo cứu trên dưới và hai bên rún mỗi huyết 3, 5 trái.

B. Cứu ngay huyết Thần-khuyết (rún, lót muối) nếu chứng trẻ con sơ sanh thêm Bách-hội, Ấn-đường, Thừa-tương, Thiếu-thương.

Nếu chứng Phá thương phong vì ngoại thương thì cứu thêm Thiên-ứng-huyết và châm Địa-thương, Giáp-xa.

C. Dùng Tim-hắt nhúng dầu Mè đốt cháy cứu Bách-hội, Thừa-tương, Ấn-đường, Thiếu-thương và dùng ngải-viên nhỏ cứu

nơi mắt gân xanh phát từ trên rún, cứu 1 trảng, gân xanh ấy rút ngắn lại thì cứu thêm chỗ đầu gân cho đến khi gân xanh ấy tiêu mất. (Quyền trước có ghi phương thức trị liệu bệnh này).

Sau đây là những phương trị nghiệm :

1.— Cháu Bé 4 tuổi bị thương ở chỗ gần xương hán (vì bông em) vết thương hơi sâu, sau bị lấm dơ nhớp phát dục kinh.

Hiện chứng Hàm răng nghiêng chặt, mắt đứng tròn, tay chân co dục, lưng dục uốn ngược, mặt tái xanh, bụng đầy trướng, nhiệt độ 39/4 đại tiện bí, tiểu ít.

Trị pháp : Châm Nhơn-trung, Giáp-xa, Hiệp-cốc, Liệt-khuyết (để khai khiếu), Bách-hội, Phong-phủ, Phong-tri, Ngoại-quang (để khu phong), Hậu-khe (trị lưng uốn cong) Đại-dôn, Hành-gian (bình can).

Kết quả : Hôm sau miệng hơi mở, nhưng bụng còn đầy, đại tiện còn bí, tiểu còn ít, chứng uốn-ván giảm bớt.

Trị lần thứ 2 Trị y như trên thêm châm Chi-cẩu, Phong-long, Trường-cương (thông đại-tiện) Âm-lăng-tuyền (thông tiểu-tiện).

Trị lần thứ 3 và 4 Hiện hàm răng đã mở phần nửa ăn uống hơi được, uốn ván giảm nhiều, đại tiểu tiện thông. Trị y như trên.

Trị từ lần thứ 5 về sau thì cách 2 ngày trị 1 lần dùng các huyệt : Đại-dôn, Hành-gian, Nhơn-trung, Hiệp-cốc, Giáp-xa, Ngoại-quang, Hậu-khe.

Trị đến 9 lần, bệnh hoàn toàn bình phục.

2.— Cháu Tiết 9 tuổi cắt cổ bị dục nơi hàn chân sau xuống ao nước dơ gần đó rửa, về phát bệnh, kinh dục, Đông-y, Tây-y đều nhận là chứng Phá-thương-phong, nhưng dùng thuốc không công hiệu,

Hiện chứng hàm răng nghiêng chặt, mắt đứng tròn không lay chuyển, tay chân co dục, lưng uốn ngược và dục liên tiếp, sắc mặt xanh, bụng trướng, nhiệt độ 39, đại tiện không thông, tiểu tiện ít.

Trị pháp : Châm các huyệt : Đại-chùy, Hậu-khe, Nhơn-trung, Giáp-xa, Hiệp-cốc, Liệt-khuyết, Bách-hội, Phong-phủ, Phong-tri, Ngoại-quang, Đại-dôn, Hành-gian.

Ngoài dùng vị thuốc Thuyền-thối (xát-ve) tán mịn 5 chỉ dùng 1 chén rượu nấu sôi hòa thuốc tán cho uống.

Kết quả hôm sau bệnh nhẹ, ngày thứ 3, rần hơi mở rộng, ăn cơm được, chứng uốn lưng dục, giảm, nhiều, đại tiểu tiện thông, lần đến 8 ngày bệnh hết, bình phục hẳn.

V— CHỨNG TÊ-LIỆT TRẺ CON.

Chứng này trẻ con dưới 5 tuổi dễ phát, lúc mới phát ban đầu phát sốt, oe khan, ọc mửa, sau phát hôn mê, mất ngủ, đồng thời toàn thân hoặc bán thân hơi co rút 1 ngày đến 10 ngày sau hơi giảm nhưng cơ nhục bị tê, thường phân dưới 2 chân tê, vận động khó khăn, cơ nhục teo ốm, toàn thân không toàn vẹn, thành tật.

Thủ huyết. Dùng các huyết : Thân-tru, Thiên-xu, Túc-tam-lý, và dùng thêm các huyết thuộc bộ phân tê.

Bị ở tay dùng Hiệp-cốc, Túc-tam lý, Khúc tri, Thiên-tru.

Bị ở chân dùng các huyết Hoàn-khiêu, Dương-lăng-tuyền, Giải-khê, Thái-khê. Cũng cần phối hợp các huyết : Nội-dinh, Khuru-hư, Tắt-nhân, Phong-thị-Tiết-khuyết.

Trẻ con phát chứng này nếu sau khi sốt mà 1 bên tay chân bị liệt, khoản trong 15 hôm cấp dùng phương này trị ngay. (các chứng thần kinh bị tê liệt cũng dùng được cả).

Trị pháp. Mỗi lần châm 6-9 huyết cách 3 ngày trị 1 lần, phạm trị thời gian 36 lần làm một liệu trình trong vòng 2 tháng, nên kiểm xem bình lại, rồi tiếp tục trị cho đến 1 liệu trình hết công hiệu.

Lúc mới phát nên áp dụng đơn thích thuật (châm lấy kim ra liền) sau lần lần dùng thủ thuật lưu kim.

Ngoài ra cũng nên dùng thêm dầu nóng xoa bóp cho thường để giúp cơ nhục vận động thì mau có kết quả.

Trị nghiệm những bệnh tê liệt sau đây :

Cháu Sanh 4 tuổi bị bệnh tê liệt cổ cứng đơ tay chân không vận động được, tay trái bủn rủn xuôi đã mấy ngày.

Lúc ban đầu mới phát sốt, ngày nhẹ đêm nặng ra mồ hôi nhiều, lần lần phát hiện chứng trạng như trên, sau cả hai chân cũng yếu xuôi, không ngồi được, đem đi Bệnh-viện Nhi-đồng chẩn trị nhận là chứng tê liệt tim thuốc trị không kết quả, đã thành bại.

Bây giờ đến nhờ châm cứu trị.

Bắt đầu trị từ ngày 21/4 đến 20/4 tay chân lần lần vận động, cổ cũng hơi giảm.

Trị đến ngày 26/4 tức trị đến lần thứ 15 thì bên hông trái cũng lần lần nghiêng được và đề ngồi được. Trị đến ngày 23/6 thì đứng được, đến 26/7 lần lần đi dật đi được; trị tiếp đến ngày 27/8 thì tự đi đứng được 2, 3, bước.

Qua năm sau đến trị lại từ ngày tháng giêng đến 20/3 tay trái vận động mạnh, chỉ các ngón tay giữa, áp út và ngón út còn hơi cong.

Kể cả các lần trị từ năm ngoái ngày 20/4 đến năm nay 20/3, cộng cả thấy 66 lần, bệnh lần lần giảm nhiều, hiện gần mạnh.

Tất cả đều dùng các huyết chủ yếu sau đây :

Liệt-khuyết, Hiệp-cốc, Khúc-trì, Thái-khê, phối hợp các huyết Hành-gian Nội-quang, Hoàn-khiêu, Tam-âm-giao, Kiên-ngung, Thái-xung, Giải-khê.

Vậy kinh nghiệm trị bệnh này nên trường kỹ áp dụng châm cứu trị thì có thể có kết quả.

KINH NGHIỆM TRUNG HOA

Gần đây ở Bệnh-viện Trung-hoa trị bệnh liệt trẻ con đã trị 186 em kết quả sau đây :

Chứng Tê-liệt trẻ con từ lúc phát đến di hại thành tật theo sách Đông-y xưa gọi là Ủy-chứng tức là chứng liệt nhược,

Nội-kinh có câu : Phế nhiệt sanh Ủy, Tâm khí nhiệt sanh Mạch Ủy,

Cần khí nhiệt sanh Cân Ủy, Tỳ khí nhiệt sanh nhục Ủy.

Thận khí nhiệt sanh Cốt Ủy. Và câu cốt ủy già sanh ư Đại nhiệt giả (Xương liệt nhược do bệnh nóng sốt dữ dội phát sanh).

Vậy năm tạng bị nhiệt đều sanh 5 chứng Liệt-nhược, tức không vận động được. Ấy là chứng Tê liệt do nhiệt phát sanh.

Châm cứu trị bệnh này thì tùy theo mỗi bệnh án huyết chủ trị, và cứ cách nhứt trị 1 lần, đến 36 lần 1 là liệu-trình.

Trong mỗi liệu trình trị thì cứ 1, 2, tuần nhứt cần quan sát kết quả thế nào mà định áp dụng huyết và từ 6 đến 10 lần phải xem lại

Phương pháp trị liệu : Tùy bộ phận mà dùng huyết và cần phân huyết chủ yếu và huyết phối hợp như sau :

Bộ phận ở tay : Dùng các huyết chủ yếu : Bách-hội, Kiên-ngung, Khúc-trì, Hiệp-cốc, Đại-trử.

Phối huyết : Kiên-linh, Ngoại-quang, Địa-thương.

Bộ phận toàn thân : Dùng các huyết chủ yếu : Khí xung, Uđ môn, Thận-du, Đại-trử, Quang-nguyên.

Phối huyết : Thương-liêu, Túc-tam-lý, Hoàn-khiêu.

Bộ phận ở chân : Dùng các huyết chủ yếu : Khi-xung, Dương-đăng-tuyền, Túc-tam-lý, Quang-minh, Giải-khê.

Phối huyết : Phong-thị, Tam-âm-giao, Phục-lưu, Côn-lôn, Hoàn-khiêu, Huyền-chung..

Thủ pháp : Bàn thích pháp (Châm nhẹ không cần lưu kim. Mỗi lần dùng từ 7 đến 10 huyết là nhiều,

Kết quả trị nghiệm ở Bình-viện như sau :

Trong số 186 trẻ em bị bệnh sau khi châm trị kết quả :

1/. Bệnh hoàn toàn khôi phục, đi đứng cầm nắm như người bình thường 31 Em.

2/. Chỉ khôi phục hành động được mà không được bình thường 132 Em.

3/. Bệnh không kết quả 23 Em.

Tất cả các bệnh này có : 51 em mới phát dưới 1 tháng.

67 em đã phát từ 1 tháng đến 6 tháng.

67 Em phát trên 6 tháng. Có bệnh mới phát 3, 4, ngày, có bệnh đã 2 năm.

Bệnh bị liệt phần dưới nhiều hơn : 162 em liệt 1 chân, 87 em liệt 2 chân.

Thời gian trị bệnh và trị kết quả thì có :

114 em bệnh trên 3 tháng thì kết quả 107 em.

6 em bệnh từ 3 đến 6 tháng kết quả 4 em.

28 em bệnh từ 6 tháng đến 12 tháng kết quả 23 em.

38 em bệnh trên 1 năm kết quả 19 em.

Kinh nghiệm : Trong số 186 em trên đây, về bộ phận dưới bị liệt áp dụng sau đây : Chân vẹo vào trong dùng các huyết Huyền-chung, Côn-lôn, phối hợp trị có kết quả.

Nếu vẹo ra phía ngoài dùng các huyết Tam-âm-giao, Phục-lưu phối hợp có kết quả. Như cơ nhục bị yếu nhũn dùng các huyết : Phong-thị, và Hoàn-khiêu phối hợp có kết quả.

Đơn cử những bệnh sau đây :

Cháu Hoa trai 7 tuổi 4 tháng trước bị bệnh phát nóng sốt sau tay chân đều tê-liệt, lần lần 2 tay hơi vận động được, nhưng không cầm nắm gì được; 2 chân vẫn xuôi liệt chỗ khớp mắt cá.

Dùng phương pháp châm trị như trên đến lần thứ 4 thì 2 tay cầm vật được, đến lần thứ 12 thì 2 chân hoạt động được, đến lần thứ 15 thì 2 tay đã bình thường, 2 chân bắt đầu đi được 20, 30 bước về sau kết quả bình phục hoàn toàn.

2.— Cháu Tài trai 2 năm 8 tháng bị bệnh hai năm trước cũng phát sốt trong 1 ngày phát bệnh chân mặt tê liệt, không vận động đi đứng được đã trị đủ cách kể cả chạy điện cũng không kết quả, sau áp dụng phương pháp trên đây châm trị 10 lần kết quả điều dắt đi được. Tiếp trị đến 28 lần bình phục tự đi chạy được, kết quả hoàn toàn.

3.— Cháu Lữ trai 1 tuổi, lúc mới 5 tháng thành linh phát sốt cao độ 2 ngày ngày sau làm liệt luôn cả 2 chân dùng đủ phương pháp trị vô hiệu, xem bệnh thấy chân mặt tuy liệt nhưng còn vận động, còn chân trái vì 1 năm không vận động được nên cơ nhục đều yếu nhũn.

Áp dụng phương pháp này trị đến 7 lần thì khởi phục được, tiếp đến 22 lần tự chạy được, nhưng chân trái vẫn hơi vẹo 1 bên.

Trị bệnh này cũng kiến hiệu được nhưng vì lâu ngày chân ấy cơ nhục bị yếu nhũn quá nên phải còn tật.

4.— Cháu Đức trai 5 tuổi 3 năm trước, sau khi phát ban sởi thành linh phát nóng sốt cao độ trong 3 ngày làm 2 chân tê liệt không vận động được, cũng đã dùng đủ cách trị nhưng vô hiệu, sau đến trị.

Áp dụng phương pháp trên châm trị đến 10 lần, 2 chân hoạt động được, đến thứ 36 thì dắt đi được, sau lần thứ tư đi được 10 bước, về sau cũng bình phục như thường.

VI BỆNH ĐÓT XƯƠNG SỐNG. (TÍCH-CHỦY).

Chán Hưng 7 tuổi bị bệnh năm trước phát phía sau xương cổ khoản xương thứ 5, 6, lần lần cao lên cổ nổi lên 1 cục như cục bứu lo làm phía trước xương ức nổi cao lên, thân hình như chữ S, phía tai bên mặt dưới cổ cứng nổi lên 1 cục cứng, lấy tay ấn xuống thì đầu thốn đến vú, lâu ngày phá vỡ chảy nước vàng, khi đi thì cũng xóc đầu đến 2 bên vú, đầu cúi xuống, cổ rút lại, không ngửa mặt ngo lên được, sắc mặt xanh đen, đã dùng đủ các thứ thuốc đông tây đều vô hiệu.

Trị pháp : Châm Khúc-trị, Tam-âm-giao, Đại-chủy, Nội-quang. Cứu Đại-chủy, Thân-trụ, Đào đạo, Đại-trử, Phong-môn, Linh-đài, Bộ

lang, Thần-phong, Nhũ-căn, Phong-trị, Ấ-phong, Thiên-đột, Kiên-tĩnh đều 1 trảng, Phế-du 3 trảng Kết quả : Ngực bớt đau.

Trị lần thứ 2 Cách 3 ngày trị như trên.

Kết quả : Hai bên vú hơi đau, Đì không đau nữa.

Trị lần thứ 3 Cách 3 ngày cũng trị như trên.

Kết quả : Gân cổ bớt căng, đầu cử động được, ngược mặt lên được, vận động chạy nhảy không đau ngực nữa.

Trị lần thứ tư : Châm Khúc-trị, Tam-âm-giao, Đại-chùy, Nội-quang. Cứu như trên.

Kết quả : Mút chỗ cổ bớt chảy nước.

Trị lần thứ 5 Trị như lần thứ 4. Kết quả Mặt hồng hào.

Trị lần thứ 6 Cũng trị như trên.

Kết quả : Hạch cổ và sau đầu xóp, bình nhẹ hết tức, nhưng chỗ xương cổ không thê ngay thẳng ra được (Trị bệnh này thời gian ngắn lành bệnh nhưng vì đã có tật nên khó lành hẳn, vậy phải trị thêm thời gian lâu nữa để nghiên cứu áp dụng nhiều phương điều trị tui mới mong cải thiện như người thường được.)

Bệnh Lao xương sống, chân yếu không đi mau được.

Cháu Nhon 5 tuổi năm trước bị té, xương sống bị thương lâu làm chỗ xương thứ 3, 4, 5 nổi cao lên làm cong vẹo ảnh hưởng đến hai chân yếu sụn, không vận động mạnh được, 5 tháng nay không đi được nữa.

Trị pháp : Châm Đại-chùy, Đào-đạo, Thân-tru, Thần-đạo.

Cứu chỗ xương nổi cao lên và các đường gân giữa và 2 bên cách 5, 6, phân. (dùng ngón quỳen cứu và bảo người nhà mỗi ngày cứu các chỗ ấy 1 lần).

Kết quả : đi được ít bước.

Trị lần thứ 2 cách 7 ngày. Cũng trị như, trên sau lần này đi trong nhà được chút ít.

Trị lần thứ 3. Cũng trị như trên. Lần lần đi được nhiều.

Trị lần thứ 4. Cách 10 ngày trị như lần thứ 1.

Kết quả ; Chạy được 30, 40, bước.

Trị lần thứ 5 cách 17 ngày. Cũng trị như trước. Kết quả chạy nơi được.

Trị lần thứ 6 cách 18 ngày. Châm Đại-chùy, Đào-đạo, Thân-tru,

Thần đạo cứu như trước.

Kết quả : Bình chuyển khá nhiều, đi xa được,

Bình này do bị thương nên Thần kinh tích chùy bị trở ngại, trị cứu thông suốt nên đi chạy được như thường và tiếp tục cứu lâu thì chỗ xương sống bình lại khỏi tật.

Bệnh Lao xương sống làm 2 chân bại không đứng được

Cháu Cầm 4 tuổi 7 tháng trước bị té, nay 2 chân bại không hoạt động được, chỗ xương sống nổi cao lên, trước ngực cũng nổi lên, thường nửa đêm chỗ ấy đau nên khóc hoài, tại bên mặt sưng lở, chỗ vú cũng sưng lên bây giờ không ngồi đứng được.

Trị pháp : Châm Đại-chùy tả 4 lần, chỗ giữa đốt sống lưng nổi cao lên châm tả 4 lần, Khúc-trị, Tam-Am-giao bên mặt, Trường-cường tả pháp.

Kết quả : Ban đêm hết khóc, hai chân hơi cử động được, đỡ dậy 1 chân hơi vững.

Trị lần thứ 2 cách 1 ngày trị như trên châm Hậu-kê và cứu huyết Tuyệt-cốt 1 tráng.

Kết quả : Chân trái tự vận động được.

Trị lần thứ 5. Cũng trị như trên thêm cứu chỗ xương sống nổi cao lên và hai bên.

Kết quả : Ăn uống tăng, tinh thần khỏe, cử vận động, đứng mạnh hơn.

Trị lần thứ 6 trị như trên thêm dẫn điện trên kim chân mặt.

Kết quả : Bây giờ ngồi lâu được 10 phút,

Trị lần thứ 7 châm trị như trên không cứu.

Kết quả : Chỗ sống lưng hơi ngứa ra được 1 lý, nhưng dè còn đau.

Trị lần thứ 8, 9. Cũng trị như trên.

Ngày hôm sau vì cảm mạo nên phát sốt mà tay chân lại lạnh (nhưng lúc trước khi phát sốt thì toàn thân không vận động được, nay hoạt động được).

Trị lần thứ 10, Châm như trên và sau mỗi huyết châm rút kim đều dùng ngải quyền cứu 1 lần.

Kết quả : Tinh thần tươi nhuận, đỡ đứng thân ngay được không cong như trước. (những lần trước đỡ đứng dầy đều cong, lưng yếu)

Trị lần thứ 11, 12 trị như trên.

Kết quả : Ngồi lâu được 20 phút.

Trị tiếp thêm y như trước đến lần thứ 17, tinh thần khoẻ nhiều và ngồi lâu được nửa giờ

Bệnh nhơn vì ở xa nên phải về, không ở trị lâu nữa được, bảo người nhà cứ mỗi ngày đều dùng ngai quỳên cứu chỗ đốt xương sống cao lên và cả 2 bên cùng trên dưới.

Về sau thơ cho biết bệnh giảm nhiều, cứ tiếp tục cứu như thế mãi sau chỗ xương sống lồi lên lần lần bớt được.

VII— BỆNH SƯNG PHỔI

Bệnh trẻ con phát sốt làm sùng phổi.

Cháu Quân 18 tháng bệnh ho hơi kéo (khí suyền) khi ho hơi xóc lên, bệnh đã 4 ngày, Tây y chẩn trị cho là chứng sùng phổi, tiêm thuốc nhưng sốt không giảm, nhiệt độ 39. Đại tiện thường đau nước tiểu vàng.

Trị pháp : Châm Phong-phủ, Phong-trị; Đại-chùy, Đại-lăng, Khúc-trì, Nội-quang, Ngoại quang, Thái-uyên, Phong-long, Thái-xung, Túc tam-lý, và châm Hiệp-cốc, Thủ tỉnh huyết ra máu.

Kết quả : Hết sốt nhiệt độ giảm xuống 37, 5, ho giảm.

Trị lần thứ 2 : Châm Hiệp cốc, Thiếu thương, Thương dương ra máu, Châm Nội-quang, Xích-trạch, Khúc-trì.

Kết quả : Hết sốt, bệnh phục.

Sau không lại trị nữa nhưng cho biết bệnh đã hết hẳn và phổi hết sùng.

Bệnh trẻ con phát ban chẩn làm sùng phổi nặng.

Cháu Ky 1 tuổi phát ban chẩn luôn cả sùng phổi, hiện chứng rất nguy, miệng hở, môi khô, mũi phồng lên, mắt nhắm, hôn mê. Nhiệt độ 41, lưỡi đen chứng bệnh ai thấy cũng phải sợ vì đã nguy cấp chỉ trị miễn cưỡng.

Trị pháp : Châm Nhơn-trung lưu kim rồi châm Hiệp-cốc, Thiếu-thương, Thương-dương, Trung-xung ra máu, thối thuốc Thông quan-tán và cho uống thuốc Đông-y giải nhiệt.

Kết quả : Thối thuốc và châm ra máu thì khóc lên được, nháy mũi, đêm ấy vẫn còn nháy mũi và ho, sáng hôm sau đi cầu một lần, nhiệt độ xuống 38/7 bệnh hơi giảm.

Trị lần thứ 2 Châm như trên trừ huyết Trung-xung. Cứu Khúc

hải, Quang-nguyên (ngai quỳên cửu) và châm Thập-tuyên ra máu.

Kết quả : Khi châm không la khóc (ra máu bầm đen) tôi cho và chứng quá nguy sợ khó cứu, nhưng sau khi về nhà bệnh lần lần bớt nhiều, về sau cho biết đã giảm đến 2/3, sau cho uống thuốc bình phục hẳn.

Bệnh trẻ con sưng phổi, tiếng khao, đàm kéo.

Cháu Gian 1 tuổi bệnh phát ban chần trong 2 tuần làm sưng phổi, tiêm thuốc tây không đủ sức nên bệnh trở lại phát trầm trọng, làm ho, tiếng khao, cò hầu kéo đàm, không bú được, nhiệt độ 40.

Trị pháp : Châm Hiệp-cốc, Thiếu-thương, Thương-dương, Trung-xung, Lê đoài ra máu, châm Xích-trạch, Nội-quang, Cửu Phế du, Phong-môn, Trung-uyên, Phong-long 1 trắng, cho uống Linh-đơn

Kết quả : Miệng bớt hơi nóng, bú được, cò hầu bớt kéo đàm, đại tiện đi 3 lần, nhiệt độ xuống 39.

Trị lần thứ 2 trị như trên. Bây giờ la khỏe (trước không khóc) môi hết đỏ, nhiệt độ xuống 38.

Trị lần thứ 3. Châm Hiệp-cốc, Thiếu-thương, Thương-dương ra máu và cũng cho uống Linh-đơn.

Kết quả : Bệnh hết hẳn.

Bệnh trẻ con nóng ho sưng phổi, mặt sưng.

Cháu Thi 5 tuổi bệnh ho đã hơn 1 tháng bây giờ phát sốt nhiệt độ 39,5 hơi suyễn, miệng khát, mũi chảy nước, hai bên mũi đỏ, bụng trướng, mắt sưng, nước tiểu vàng, không muốn ăn, Tây y chẩn đoán là chứng sưng phổi, nhưng dùng thuốc không công hiệu.

Trị pháp : Châm Hiệp-cốc, Thủ tỉnh-huyệt ra máu uống thuốc Linh-đơn.

Kết quả : Bụng hết đầy trướng, mắt xẹp, hai má bớt đỏ, toàn thân lại phát ban chần, đi cầu ra phần trắng, nhiệt độ xuống 38,5.

Trị lần thứ 2 : Châm Hiệp-cốc, Thiếu-thương, Trung-xung ra máu.

Kết quả : Ban chần lần lần hết, 3 ngày sau bình phục hẳn.

Bệnh trẻ con sưng phổi, mũi khô lưỡi lở.

Cháu Sanh 2 tuổi phát ban chần tại ngực cũng đầy và lưng cũng nhiều nhưng chân lạnh không phát, ho suyễn, lưỡi lở, mũi khô môi đỏ, đại tiện phần vàng, nhiệt độ 39.

Trị pháp: châm Hiệp-cốc, Thủ lĩnh huyết ra máu, châm Đại-chúy, Nội quang Đại-lăng. cho uống thuốc Linh-dơn.

Kết quả: Khi suyền nhẹ ho to tiếng (đã thông).

Trị lần thứ 2, 3, châm Hiệp-cốc, Thủ-lĩnh-huyết, Ân bạch, Lê-đoài Khiếu âm ra máu cũng cho uống thuốc trên.

Kết quả: suyền giảm nhẹ nhiều, các chứng lần lần giảm, nhiệt độ 38, 5 và mũi hết khô.

Trị lần thứ 4. Vì phát sốt đại tiên 3 ngày chưa thông, miệng lưỡi khô Châm các huyết Ân-bạch, Lê-đoài, Khiếu-âm, Chí-âm, Đại-đôn đều ra máu và các huyết như trên (lần thứ 1) cũng cho uống thuốc.

Kết quả: Khi châm Túc lĩnh huyết thì mũi chảy nước thông (trước khô tảo ngày hôm sau đi cầu 1 lần phần tảo, lâu sau có nước vàng hơi, nhiệt độ giảm độ 37, 8; các chứng cũng giảm lần.

Trị lần thứ 5 Châm Hiệp-cốc, Thủ lĩnh huyết ra máu; châm Đại-chúy, Đại-lăng, Nội-quang Cứu Tâm-du, P hê-du; và uống thuốc trên

Kết quả: Chân hết lạnh, hết suyền, nhiệt độ xuống 37, 5.

Trị lần thứ 6 Cứu Đài-chúy Phong-môn, Tâm-du, Phế-du Thân-tru Chiên-trung, Trung-uyển, Thầ n-khuyết, Túc-tam-lý-Tam-âm-giáo đều 1 trảng.

Kết quả: Ho giảm, đến 11 giờ trưa phát sốt 1 lần

Trị lần thứ 7 trị như trên.

Kết quả tinh thần khỏe; hết sốt nhiệt độ còn 37. Bình phục hẳn.

VIII BỆNH PHÁT SỐT.

Trẻ con tối phát sốt không muốn ăn uống.

Cháu Vong 3 tuổi ban đêm phát sốt cao độ 40, 5. toàn thân ra mồ hôi lạnh sáng ngày nhiệt độ 39, 2, không muốn ăn uống.

Trị pháp: Châm Hiệp-cốc Thiếu-thương, Thương-dương, Trung-xung ra máu.

Kết quả: Sốt giảm còn 36, 9, hết ra mồ hôi, dạ dày khỏe, ăn được.

Trẻ con phát sốt nóng 3 ngày chưa thôi.

Cháu Minh 3 tuổi phát sốt nhiệt độ trên 40 đã 3 ngày không giảm.

Trị pháp: Châm Thủ lĩnh-huyết, Ân-bạch, Lê-đoài, Khiếu-âm ra máu, Châm Nội-quang, Khúc-tri

Kết quả: Nóng sốt giảm, ngày sau nhiệt độ xuống 36, 5. bệnh nhẹ hẳn,

Trẻ con phát sốt ho, đau bụng.

Cháu Đôn 3 tuổi phát sốt ho, đau bụng nhiệt độ 39, 7.

Trị pháp: Châm Hiệp-cốc, Thủ tỉnh-huyệt, Ân-bạch, Lê-đoài ra máu.

Kết quả: Bệnh hết hẳn.

IX BỊNH-HO

Trẻ con ho kéo dài

Cháu Thi 18 tháng bệnh ho, đàm kéo, mũi chảy nước, cánh mũi quặt.

Trị pháp: Châm Hiệp-cốc, Kinh-cự, Phong-phủ, Cứu Bách-hội, Thương-tinh. Phong-tri; Đại-chùy, Phong-môn Phế-du 3 ngày.

Kết quả: Bệnh nhẹ hết ho.

Trẻ con ho, đêm phát sốt.

Cháu Ngọc phát nóng sốt như lửa, đêm lại nóng dữ, ho khan không dứt nhiệt độ 38, 4.

Trị pháp: Châm Hiệp-cốc Thiếu-thương, Thương-dương Trung-xung ra máu cứu Phong-môn Phế-du, 1 ngày.

Kết quả: Ho sốt giảm ít.

Trị lần thứ 2, Còn ho ít, mũi có máu. Châm Thiếu thương ra máu, cứn như lần trước.

Trị lần thứ 3 Còn ho nhiều, nhỏ đàm lợn máu sợt, mũi hơi nước.

Châm Thủ tỉnh-huyệt, Lê-đoài, Ân-bạch ra máu.

Trị lần thứ 4 (hiện bệnh còn lợi răng trên dưới đều rướm máu miệng hơi. Châm Hiệp-cốc, Thiếu-thương Thương-dương, Trung-xung ra máu.

Kết quả: Các bệnh giảm, sau 4 ngày mẹ cho biết bệnh hết hẳn.

Bệnh ho khan mũi khô, mọc mụn.

Cháu Sanh 1 tuổi ho suyễn, miệng khô, mũi khô nổi mụn, uống thuốc mấy tháng không nhẹ, nay bệnh lại ngày nhẹ đêm nặng, không ăn nhiệt độ 38.

Trị pháp: Châm Hiệp-cốc, Thủ tỉnh-huyệt ra máu, Không kết quả.

Trị lần thứ 2 nhiệt độ còn 38. Châm Hiệp-cốc, Thủ tỉnh-huyệt Ân-bạch. Lê-đoài ra máu, Châm Nội-quang. Khúc-tri Xích-trach.

Kết quả: Các chứng giảm nhưng còn ho, bú được.

Trị lần thứ 3. Hiện còn ho nhiệt độ còn 37, 2.

Cứu Đại-chùy, Phong-môn, Phế-du đều 1 trảng.

Kết quả: Ho giảm (trước sáng thì ho liên tiếp, nay ho chỉ vài lần).

Trị lần thứ 4 Cứu như trên thêm Trung-nguyên, Hạ-nguyên, Khí-hải đều 1 trảng.

Kết quả: Bệnh hết hẳn.

Trẻ con ho mũi miệng ra máu hơi khó chịu.

Cháu Hoa 2 tuổi ho mũi chảy nước mệ ra mẩn hơi thối, ngực đầy đau, Trước 12 giờ trưa phát sốt khó g. ăn, tay chân hơi phù thũng.

Trị pháp: Châm Hiệp-cốc, Thủ lĩnh-huyệt, Ấn bạch, Lê-đoài ra máu, châm Nội-quang, Khúc-trì.

Kết quả: ho hết, tay chân hết thũng, sốt cũng hết, ăn được.

Trẻ con ho ra máu (đám lộn máu), đau bụng nhức đầu.

Cháu Trần 6 tuổi ho đàm có lộn máu sợt, đầu nhức có lúc đau bụng.

Trị pháp: Châm Thiên-đột, Xích-trạch, Kinh-cự, Hiệp-cốc, Cứu Đại-chùy, Phong-môn, Phế-du, Cao-hoan, Cách-du, Đờm-du, Can-Du, Thương, Trung, Hạ-nguyên, Khí-hải, Qung-nguyên, Chiên-trung, Túc-tam-lý đều 3 trảng, Phục-lưu bổ 3 trảng.

Kết quả: Các chứng hết bình phục hẳn.

Trẻ con ho có đàm máu,

Cháu Trinh 12 tuổi ho đàm có lộn máu đỏ tươi.

Trị pháp: Châm Thiếu-thương, Thương-dương, Hiệp-cốc ra máu.

Kết quả: Hết ho, bình phục.

Trẻ con ho làm Ấu thỏ có máu sợt.

Cháu T 5 tuổi ho làm mửa có lộn máu sợt.

Trị pháp: Châm Hiệp-cốc, Thủ lĩnh-huyệt, Ấn-bạch, Lê-đoài ra máu.

Kết quả: hết mửa.

Trị tiếp lần nữa y như trên. Bệnh hết hẳn.

Trẻ con ho sưng đàm nghẹt phát sốt.

Cháu Nhi 1 tuổi phát sốt 4, 5 ngày mũi khô miệng nóng, ho sưng đàm nghẹt khạc không ra, khi ho thì la khóc, lâu lâu vẫn khóc hoát

Trị pháp : Châm Thiếu-thương, Thương-dương, Hiệp-cốc ra máu, Châm Kinh-cư.

Kết quả : Qua 12 giờ trưa sốt giảm các chứng bớt và chơi như thường, bệnh không tái phát nữa rất hay.

Bệnh trẻ con ho gà (Bách nhật khái)

Trị bệnh này dùng phương-pháp sau đây làm cho giảm bớt cơn ho và lần lần kết quả.

Lần thứ nhất châm Thương-Khư, Cứu Phế-du — Lần thứ 2 châm Hiệp-Cốc cứu Cao-Hoang — Lần thứ 3 châm, cứu Khúc-Tri. — Lần thứ 4 cứu khuyệt-Bồn.

Về sau cứu Can du, Tỳ-du, và châm lại Thương Khúc. Khúc-Tri. Hoặc chỉ châm, không cứu, hoặc chỉ cứu không châm.

Thuật pháp : Châm cạn, Kích thích mạnh lấy kim liền.

Cứu pháp : Nên cứu khi trẻ con ngủ, cứu từ 10-15 phút.

X. BỆNH BAN TRÁI TRẺ CON.

Trẻ con bệnh ban trái thường phát sốt chảy nước giải :

Cháu Đoan 1 tuổi phát sốt 2 ngày sau toàn thân phát ban chần, mắt nhắm ; miệng chảy giải.

Trị pháp : Châm-Thủ lĩnh-huyệt, Hiệp-cốc ra máu, Châm-Khúc-tri, Tam-âm-giao, trong cho uống thuốc Tiêu-ban-lán.

Kết quả. Ban chần lặn dần, mắt mở, bớt chảy giải.

Trị lần thứ 2 : Châm Thủ lĩnh-huyệt, Chí-âm ra máu, châm Nội-quang, Khúc-tri, cho uống thuốc trên. Bệnh hết hẳn.

Trẻ con có ban trái phát ở đầu mặt rất nhiều.

Cháu Anh mới sanh 3 tháng, lúc mới 1 tháng đã phát ban sười, phát rất dày; đầu mặt càng nhiều chảy nước vàng 2,3 ngày sau rất nặng các thuốc dùng không công hiệu.

Trị pháp : Châm Hiệp-cốc, Thiếu-thương, Thương-dương, toàn ra máu. Châm Khúc-tri, Nội-quang.

Kết quả ; Bệnh bớt 1 ít.

Trị lần thứ 2. Châm Khúc-tri, Tam-âm-giao, Đại-chùy, Thấp-liệp-cốc, Thiếu-thương, Thương-dương, Trung-uyên ra máu.

Kết quả : Các chứng giảm, nước vàng cũng ít.

Trị lần thứ 3. Trị như trên.

Kết quả : Các chứng giảm nhiều.

Trị lần thứ 4. Trị như trên.

Kết quả : Ban lần lần và hết hẳn.

Trẻ con phát ban đỏ

Cháu Phú 3 tuổi, toàn thân phát sốt, nổi ban đỏ, bụng đau, ngực đau đều nổi ghẻ nổi u bằng trứng gà.

Trị pháp : Châm Ủy-trung, Khúc-tri, Thích Hiệp-cốc, Thủ-tĩnh-huyệt ra máu Cứu Bách-hội.

Kết quả : Về nhà ban đỏ giảm, ghẻ nhỏ lại, bớt đau bụng

Trị lần thứ 2 ban hiện còn chỗ ổ tim nóng.

Trị như trên thêm, châm Nội-quang.

Kết quả : Các chứng giảm, ghẻ xẹp và ban lần lần lặn hết hẳn.

Trẻ con phát ban chần sau mỗi lần lần gầy ốm không ăn lại làm ỉa.

Cháu Phụng 1 tuổi, từ phát ban chần sau làm mất đồ, không ăn, càng ngày gầy ốm đại tiện di hoài ngày mấy lần.

Trị pháp : Cứu Bách-hội, Đại-chùy, Phế-du, Phong-môn, Thận-du, Chiên-trung, Thương-uyên, Trung-uyên, Hạ-uyên, Chương-môn, Khí-hải, Tam-túc-lý, Tam-âm-giao, Thái-bạch, Công-tôn đều 1 trảng.

Kết quả : Bớt đi cầu, dạ dày mở, ăn được.

Trị lần thứ 2 trị như trên.

Kết quả : Đại tiện hết ; đi như thường, sau bình hết hẳn.

XI. BỆNH ỈA MỬA.

Bệnh trẻ con ỉa mửa.

Cháu Tánh 2 tuổi ban đêm hay mửa

Trị pháp : Cứu Đại-chùy, Phong môn, Phế-du, Thương-uyên, Trung-uyên, Hạ-uyên, Túc-tam-lý, Công-tôn, Tam-âm-giao đều 1 trảng.

Kết quả : Bệnh hết hẳn.

Trẻ con đau bụng ho, ăn vào lại mửa ra.

Cháu Trinh 5 tuổi bụng đau đề có cuc, phát mửa, ăn vào ho lại mửa ; bệnh 3 ngày không ăn uống gì được. Từ lúc phát bệnh đến nay đã 7 tháng.

Trị pháp : Cứu Chiên-trung, Trung-uyên, Chương-môn, Hạ-uyên, Thận-khuyết, Thiên-xu, Âm-giao, Khí-hải, Tam-túc-lý, Tam-âm-giao, Đại-chùy, Tỳ-du, Vị-du, Thận-du đều 3 trảng.

Kết quả : Bụng bớt đau và hết mửa, rồi nhẹ hẳn.

Trẻ con mửa không ăn, đầu đau, chân yếu.

Cháu Cương 5 tuổi hay mửa, không muốn ăn, đầu xoay xảm, chân yếu, miệng khát, ra mồ hôi.

Trị pháp : Cứu Bách-hội Phong-trì, Nội-quang, Tam-lý, Tuyết-cốt, Tam-âm-giao đều 3 trảng, Phục-lưu, Trung-uyên, Thần-khuyết, Thiên-xu bổ 3 trảng.

Kết quả : Bệnh hết hẳn bình phục.

Trẻ con đau bụng là phần xanh.

Cháu Lâm 2 tuổi là nước, phần hơi xanh, hay là đau bụng.

Trị pháp : Châm Khúc-trì, Cứu Trung-uyên, Thủy-phần, Thần-khuyết, Thiên-xu Âm-giao, Đại-trường-du, Túc-tam-lý, Khí-hải, Tam-âm-giao đều 3 trảng.

Kết quả : bệnh hết hẳn.

Trẻ con bệnh là nước hơn cữ tháng, ngày đi 5, 6 lần.

Cháu Cầu 1 tuổi là nước cả hơn tháng nay, ngày đi 5, 6 lần.

Trị pháp : Cứu Thủy-phần, Thần-khuyết, Thiên-xu, Túc-tam-lý, Công-tôn, Âm-giao đều 1 trảng.

Kết quả : hết là bình phục.

Trẻ con là nước xối xả.

Cháu Minh 18 tháng là nước xối xả, phần sắc trắng, ngày 5, 6 lần.

Trị pháp : Cứu Trung-uyên, Thủy-phần, Thần-khuyết, Thiên-xu, Âm-giao, Túc-tam-lý, Thận-du, Mạnh môn đều 2 trảng.

Kết quả : giảm còn ít.

Trị lần thứ 2 trị như trên. Bệnh hết hẳn.

Trẻ con là nước, Mất sung

Cháu Sanh 3 tuổi là nước sắc vàng, trắng. 2 mắt sung, buổi mùng càng nặng.

Trị pháp : Châm Tư-trúc-không, Nhĩ-tiền ra máu. Cứu-Thủy-phần, Thiên-xu, Túc-tam-lý, đều 3 trảng, Trung-uyên, Thần khuyết, Âm-giao, đều 1 trảng.

Kết quả : Mất hết sung.

Trị lần thứ 2 Trị như trên thêm Hiệp-cốc, Thiếu-thương, Thương-dương, ra máu.

Kết quả : Bệnh hết hẳn bình phục.

XII. BỆNH KIẾT LY.

Trẻ con bệnh xích lý ngày đi nhiều lần.

Cháu Nhân 1 tuổi bình Xích lý (đi kiết lộn máu đỏ) ngày đêm vô độ.

Trị pháp : Châm Tiểu-hải, và thích các huyết : Hiệp-cốc, Thiếu thương, Thương-dương, Thiếu-trạch ra máu. Cứu Chiên-trung, Thủy phần, Thiên-xu, Túc-tam-lý, Tam-âm-giao, 3 trảng Thần-khuyết, Âm giao, Thái xung, Dương-lăng đều 1 trảng.

Kết quả : Bệnh hết hẳn.

Trẻ con xích-lý khát nước, uống vào phát đi cầu.

Cháu Linh 2 tuổi bình Xích-lý khát nước, uống vào là phát đi cầu.

Trị pháp : Châm Khúc-trì, Tiểu-hải. Cứu Thương-uyên, Trung uyên, Thủy-phần, Thần-khuyết, Thiên-xu, Tam-âm-giao, Quang-Nguyên, Đại-trường-du, Tiểu-trường-du, Trường-cường; Bát-liêu đều 1 trảng.

Kết quả : Bệnh hết hẳn.

Trẻ con hồng bạch lý.

Cháu Sanh 2 tuổi cứ ỉa rặn, phần đỏ trắng (hồng bạch-lý)

Trị pháp : Châm Hiệp-cốc (hơi xiên phía trong gần ngón trỏ) Thiếu-thương Thương-dương, Quang-xung, Thiếu-trạch ra máu châm Nội-quang.

Kết quả : Bệnh giảm bớt.

Trị lần thứ 2 trị như trên. Bệnh hết hẳn.

Trẻ con Kiết Hồng bạch lý, bắt rặn (lý cấp hậu trọng).

Cháu Minh 3 tuổi làm chứng Kiết hồng bạch lý gần 1 tháng, mỗi ngày đi cầu không biết mấy lần. bắt rặn đỏ mặt.

Trị pháp : Châm Khúc-trì, Tiểu-hải, Trường-cường.. Cứu Trung-uyên, Thủy-phần, Thần-khuyết, Thiên-xu, Túc-tam-lý, Tam-âm giao đều 3 trảng.

Kết quả : Đi cầu hết ra trắng đỏ, sắc vàng, rặn cũng bớt (giảm 2/3).

Trị lần thứ 2 châm cứu như trên.

Kết quả : Bệnh giảm nhiều và ngày sau hết hẳn.

Trẻ con làm kiết bạch lý phát nóng sốt.

Cháu Tru 1 tuổi bình ban đầu phát mửa, ỉa nước, sau thành chứng Kiết lý sắc trắng (bạch-lý), ngày đi 2 lần phát sốt 38, 5.

Trị pháp : Châm Thiếu-thương, Thương-dương, Hiệp-cốc ra máu.

Kết quả : Bệnh giảm sốt hạ còn 37, °

Trị lần thứ 2. Cứu Trung-uyên, Thủy-phần, Thần-khuyết, Thiên-xu, Âm-giao, Túc-tam-lý, đều 1 trảng.

Kết quả : Bệnh bớt sau hết hẳn.

Trẻ con Kiết bạch-ly, chảy nước mũi, phát sốt.

Cháu Tánh 2 tuổi bị chứng bạch-ly, mũi thò lò chảy nước mũi, toàn thân sốt cao độ 39, 7.

Trị pháp : Châm Hiệp-cốc, Thủ lĩnh-huyệt ra máu.

Kết quả : Bệnh nhẹ hết chảy mũi, nhiệt độ còn 38.

Trị lần thứ 2 trị như trên. Bệnh hoàn toàn hết hẳn.

XIII. BỆNH ỈA MÁU

Trẻ con bệnh ỉa máu, nóng sốt cao độ, 2 má đỏ

Cháu Thành 3 tuổi bệnh ỉa ra máu (trước ra phần sau ra máu), sốt cao độ (40), 2 má đỏ.

Trị pháp : Châm Hiệp-cốc, Thiếu-thương, Thương-dương, Trung-xung ra máu Cứu Trung-uyên, Thủy-phần, Thiên-xu, Túc-tam-lý, Tam-âm-giao đều 3 trảng Thần-khuyết, Âm-giao 1 trảng.

Kết quả : Bệnh hết sốt, nhiệt độ xuống 37, bình phục.

Trẻ con bệnh ban chấn hãm vào trong làm ỉa máu.

Cháu Phùng 3 tuổi phát ban chấn, nhưng tại ngực phát rồi lặn, dùng Thuốc Tây sau phát ỉa ra máu, một ngày đi 10 lần, tiếng khan phát sốt sắc mặt vàng.

Trị pháp : Châm Tiềm-hải, Thich Hiệp-Cốc, Thiếu-thương, Thương-dương, Trung-xung đều ra máu. Cứu Phế-du, Phong-môn, Trung-uyên, Thủy-phần, Thiên-xu, Âm-giao, Thái-xung, Công-tôn, đều 3 trảng, Thần-khuyết, Tam-âm-giao, Túc-tam-lý, Dương-lăng-tuyền 1 trảng.

Kết quả : Về nhà bệnh lần lần hết hẳn bình phục.

Trẻ con đi cầu phân lộn máu.

Cháu Hai 8 tuổi, bệnh mỗi lần đi cầu phân đều có lộn máu, khi ít đi nhiều, đại tiện 3 ngày 1 lần.

Trị pháp : Châm Thừa-sơn 2 huyệt, Trường-cường đều tả xoay kim 3 lần.

Kết quả : Ngày hôm sau bệnh hết hẳn.

Bệnh thoát giang : (Lòi trê),

Trẻ con ỉa nước lòi trê.

Cháu Vinh 4 tuổi bệnh lòi trê, mỗi lần đi cầu phải ấn vào, ỉa toàn nước ban đêm đi 2 lần, ăn không tiêu.

Trị pháp : Châm Trường-cường ra máu. Cứu Đại-trường-dờ 3 trảng, Trường-cường 10 trảng.

Kết quả : Đêm hết đi cầu, trôn trẻ thâu vào bình phục hẳn.

Trẻ con bệnh lòi trê, khiêm ho.

Cháu Ngọc 2 tuổi bị bệnh lòi trê, lại phát ho đàm vướng không khạc được.

Trị pháp : Châm Phong-long, Hiệp-cốc, thích Thiếu-thương, Thương-dương ra máu. Cứu Bách-hội 7 trảng.

Kết quả : Các chứng nhe hẳn.

Sau 9 ngày phát trở lại. Trị lần thứ 2. Trị như trước.

Kết quả : Bệnh hết hẳn không tái phát nữa.

Bí đại tiện. Trẻ con đại tiện không thông.

Cháu Tám 18 tháng bệnh đại tiện không thông, (mấy ngày không đi cầu)

Trị pháp : Châm Bát-liêu, Trường-cường.

Kết quả : Ngày ấy đi cầu đại tiện thông ngay.

XIV. BỊNH XÁN KHÍ.

Trẻ con khi khóc, dái chạy vào bụng có cục cứng.

Cháu Cầu 1 tuổi khi khóc thì dái chạy vào bụng có nổi cứng, lại kèm phát sốt.

Trị pháp : Cứu Phê-du, Can-du, Thận-du Trung-uyên, Chương môn, Khí-hải, Chiên-trung, Thần-khuyết, Tam-âm giao 3 trảng, Đại đôn 5 trảng, Mạng-môn, Thiên-xu, Thái-xung 1 trảng.

Kết quả : hết khóc, dái không chạy vào, chỗ bụng không còn nổi cứng, nóng giảm.

Bệnh này không phải vì khóc dái chạy vào. mà chính là bệnh đau trong bụng, nên trị hết khóc là hết bệnh.

Trẻ con dái bên trái sưng to, khóc luôn.

Cháu Miên 1 tuổi hờn dái bên trái sưng to cứng, đau khóc luôn, lại đi cầu ra nước giải trắng.

Trị pháp : Cứu Quang-nguyên, và huyết Tam-giác bên mặt, Thận-du, Mạng-môn, Khí-hải đều 3 trảng, Đại-đôn 7 trảng, Thái-khê Chương-môn 2 trảng.

Kết quả : Cứu Xong hết đau, đêm ấy không khóc, ngày sau dái bớt sưng, và cũng bớt đi cầu.

Trị lần thứ 2 trị như trước, Hết đi cầu.

Trị lần thứ 3 trị như trước. Kết quả bình hoàn toàn bình phục.

Trẻ con dái sưng bụng sôi.

Cháu Lương 6 tuổi dái sưng to bụng sôi.

**Trị pháp: Cứu Quang-nguyên, Khí-hải, Kỳ-môn Chương-môn
Bách hội 3 trảng.**

Kết quả: Dái xẹp, bụng bớt sôi.

Trị lần thứ 2, trị như trên.

Kết quả: bình nhẹ hẳn không trị nữa.

Trẻ con bên háng có nổi hạch cứng.

**Cháu Mùi 4 tháng phía bên bộ sinh dục tự nhiên có nổi lên
cục hạch cứng.**

**Trị pháp: Cứu Bách-hội, Chiên-trung, Chương-môn, Khí-hải,
Quang-nguyên, Huyệt Tam-giác bên mặt, Đại-đôn đều 3 trảng, Thần-
khuyết, Độc-âm 1 trảng.**

Kết quả: Về nhà lần lần chỗ ấy nhỏ lại

Trị lần thứ 2 Cũng trị như trên.

Kết quả: Hạch xẹp hết.

Trẻ con Khóc dái sưng to cứng.

**Cháu Lương 18 tháng mới sanh trên tháng thì phát bệnh dái
sưng, khi khóc thì bên bộ sinh dục nổi lên 1 cục cứng dái phát sưng
đỏ to cứng.**

**Trị pháp: Cứu Huyệt Ân-hạch bên trái 3 trảng, Hội-âm,
Cấp-mạch, Khí-xung đều 1 trảng.**

Kết quả: Dái bớt đỏ, giảm 1/3.

**Trị lần thứ 2 Cứu Đại-đôn, Ân-hạch, đều 5 trảng, Thái-bạch,
Công-lôn, Âm-lăng, Khúc-tuyệt Tiểu-trường-du, Hạ-liêu, Chương-
môn, Kỳ-môn, Thái-xung, Trúc-lâm-Khấp đều 1 trảng, Thần-khuyết,
Thiên-xu, Khí-hải, Quang-nguyên bổ 3 trảng.**

Kết quả: Dái hết sưng đỏ.

Trị thêm 1 lần nữa như trên. Bệnh đã khỏi không trị nữa.

XV. BỆNH Ở ĐẦU.

Trẻ con mó ác đầu nổi cao lên hay khóc đêm không bú.

**Cháu Mùi sanh 4 tháng chỗ mó ác nổi cao lên cả phần tóc, nổi
gân ở linh mạch đầu xanh đen, không bú đã 5, 6, ngày nhiệt độ 35,9.)**

Trị pháp: Châm Phong-phủ, Phong-ti, Hiệp-cốc, Nhĩ-liêu.

Cửu Bách-hội, Tiền-đảnh, Tinh-hội; Thương-tinh Thần-dinh, Ấn-đường, Đại-chùy, Thái-xung, Côn-lôn, Dũng-tuyền đều 1 trảng

Kết quả : Đêm ấy bú, chỗ mỗ ác hơi xọp, chảy mũi hết khóc đêm.

Trẻ con thường khóc đêm là do bị bệnh. nên trị bệnh hết thì hết khóc.

Trẻ con mỗ ác lời, thân nóng sốt cao độ.

Cháu Ly 1 tuổi mỗ ác đầu nổi cao lên, nhiệt độ 39, 40 (sốt cao độ).

Trị pháp : Châm Đại-lăng, thích Hiệp-cốc, Thiếu-dương, Thương-dương, Trung-xung ra máu.

Kết quả : Ngày ấy nóng dữ, nhưng hôm sau bớt, nhiệt độ còn 37,6.

Trị lần thứ 2 (hiện khóc dữ như bị đau bụng) Châm trị như trên, thêm cứu Trung-uyên, Khí-hải, Túc-tam-lý đều 1 trảng.

Kết quả : Chỗ mỗ ác xọp.

Trị lần thứ 3 Châm Nội-quang, thích Hiệp-cốc, Lệ-đoài, Đại-đôn, Thiếu-thương, Thương-dương ra máu. Cửu Đại-chùy, Phong-môn, Phế-du 3 trảng.

Kết quả : mỗ ác bằng như thường, hết khóc.

Trẻ con đầu nóng chân lạnh.

Cháu Ngọc 5 tuổi sau 12 giờ trưa chân lạnh đầu nóng, chiều ho nhiều, đồ mồ hôi trộm.

Trị pháp : Cửu Phục-lưu bồ 1 trảng, Dũng-tuyền 1 trảng, Phong-môn, Phế-du đều 5 trảng.

Kết quả : Bệnh hết hẳn bình phục.

XVI. BỆNH LƯỠI, MIỆNG.

Trẻ con lưỡi nổi mụt miệng răng mũi ra máu, phát chẩn.

Cháu Vinh 5 tuổi lưỡi có mọc mụt thâm đen, khươi thì chảy máu, chỗ mụt to như hạt đậu, phá chảy máu, nướu răng và mũi cũng chảy máu, trên mặt và toàn thân phát ban lấm tấm như hạt lúa, cào phá cũng chảy máu, chân trái chỗ huyết Thái-xung và chân mắt chỗ huyết Giải-khê, bên ống chân chỗ huyết Thúc-cốt đều có nổi ghẻ chảy máu, cả ngày đêm khóc. miệng ra máu, thân sốt nóng, từ ngày phát ghẻ đến nay lần lần gầy ốm hiện bệnh làm hôn mê.

Trị pháp : Châm Thủ túc Tinh-huyệt (trừ Dũng-tuyền), Ủy-trung ra máu.

Châm Thừa-tương, Hiệp-cốc, Lao-cung, Tam-âm-giao, Khúc-tuyền tả pháp (xoay kim tả 8 lần)

Kết quả : Miệng, môi, lưỡi, răng các mụt giảm, hết chảy máu, ghẻ ở chân cũng bớt, hơi tỉnh táo lại, sau khi châm trị xong đi tả 1 lần toàn máu đen lẫn máu bầm, ăn được, ngồi dậy được lại phát sốt.

Trị lần thứ 2 Châm Khúc-tuyền, Tam-âm-giao, Lao-cung, Thừa-tương, Hiệp-cốc, Huyết-hải, Giải-khê, Hành-gian (tả 4 lần) Ủy-trung tả 3 lần và cho ra máu, Thủ-túc Tĩnh-huyệt (trừ Dũng-tuyền và Ấn bạch).

Kết quả : Ghẻ chân bớt, tòm miệng, hết sốt, toàn thân ban lặn bớt, trên lưỡi còn vài mụt nước răng hết ra máu.

Trị lần thứ 3 Châm Thừa-tương, Giải-khê tả 4 lần (1 huyết), Hiệp-cốc, Khúc-tri, Tam-âm-giao, Lao-cung 1 huyết, Hành-gian bên tả, tả 3 lần. Chí-âm, Lệ-đoài châm ra máu.

Kết quả : Ban chân lặn, ghẻ ở chân xẹp, đi cầu nhiều, tinh thần khỏe, mụt ở lưỡi vỡ, răng mũi hết ra máu.

Trị lần thứ 4. Châm Lao-cung, Thừa-tương, Hiệp-cốc, Khúc-tri, Tam-âm-giao, Kinh-cốt đều 1 huyết tả 4 lần, Chí-âm, Lệ-đoài châm ra máu.

Kết quả : Chân xẹp hết ghẻ khô; ban chân tiêu mất.

Trị lần thứ 5 Châm Khúc-tri, Lao-cung, Tam-âm-giao 1 huyết tả 4 lần, Chí-âm châm ra máu.

Kết quả : Ghẻ đều hết, ban chân đều tiêu lặn, hai chân xẹp hẳn. hành động đi đứng như thường, bình phục,

Trẻ con miệng nhều nước giải, mặt vàng, tiểu nóng.

Cháu Nghi sinh 8 tháng miệng thường chảy nước giải, mặt mét vàng, nước tiểu nóng.

Trị pháp : Châm Hiệp-cốc, Thiếu-thương, Thương-dương ra máu, Châm Khúc-tri. Cứu Trung-uyên, Thần-khuyết, Thiên-xu, Âm-giao đều 1 trảng.

Kết quả : Hết nhều giải, nước tiểu bớt nóng, mặt tươi nhuận, bình nhệ hẳn.

Trẻ con miệng hay nhều nước giải, lại là nước.

Cháu Trí sinh 8 tháng miệng thường nhều nước giải, là nước ngày 5, 6, lần, nhiệt độ 36,7, đã nửa năm dùng đủ thuốc không công hiệu.

Trị pháp : Châm Hiệp-cốc và phía ngoài đầu ngón giữa

máu, Cứu Trung-uyển Thủy-phần, Thần-khuyết, Thiên-xu, Âm-giao Tam-lý, Đại-trường-du, Thậu-du đều 3 trảng.

Kết quả : Hết nhiều, ỉa cũng cầm, bệnh hết hẳn.

Trẻ con nướu răng ra máu, mũi khô.

Cháu Mão 3 tuổi nướu răng ra máu, mũi khô táo hay ọc khan,

Trị pháp : Châm Thủ Tinh-huyết, Hiệp-cốc, Ân-bạch, Lệ-đoài, Đại-đôn ra máu.

Kết quả : Các chứng hết, mũi hết khô, bệnh hết hẳn.

Trị trẻ con miệng lưỡi sanh mụn (Khẩu xang, Nga khẩu xanh).

Trẻ con thường luồn tưa trắng : phát sốt hay nhều nước giải.

Dùng các huyết chủ trị : Phong-trì, Thiên-tru, Kiên-tĩnh, Đại-chùy, Thân-tru, Giáp-xa, Địa-thương, Thủ tam-lý, Hiệp-cốc, tùy lớn nhỏ áp dụng châm trị, thường nhều nước giải châm Hiệp-cốc, Khúc-trì, Giáp-xa, rất hay,

XVII. BỆNH TAI.

Trẻ con tai chảy nước vàng hơn năm.

Cháu Thương 9 tuổi tai bên mặt chảy nước vàng hơn năm không hết.

Trị pháp : Châm Quang-xung, Khiếu-âm ra máu và châm Khúc-trì.

Kết quả : Bệnh hết.

Trẻ con trong tai lở chảy mủ.

Cháu Bạch sanh 8 tháng trong tai bên mặt lở đã gần nửa tháng chảy mủ.

Trị pháp : Châm Ấc-phong, thích Khiếu-âm ra máu.

Kết quả : Mủ giảm ít.

Trị lần thứ 2 trị như trên. Hết hẳn.

Trẻ con tai sanh ghẻ sưng.

Cháu Linh 2 tai đều sanh ghẻ sưng.

Trị pháp : Châm Đại-chùy, Hiệp-cốc, Thích Quang-xung. Khiếu-âm ra máu.

Kết quả : Tai bên trái bớt,

Trị lần thứ 2 châm trị như trên thêm Thiếu-thương, Thương-dương, Thiếu-trạch ra máu.

Kết quả : 2 tai giảm bớt nhiều. Trị tiếp lần thứ 3 như trên. Hết hẳn.

Trẻ con 2 tai sanh ghẻ chảy nước vàng.

Cháu Lục sanh 8 tháng 2 tai sanh ghẻ chảy nước vàng.

Trị pháp Châm Hiệp-cốc, Ấ-phong, Thích Quang-xung, Khiếu-âm ra máu.

Kết quả : ghẻ khô bớt.

Trị lần thứ 2 trị như trên, ghẻ lành hẳn hết chảy nước vàng.

XH. BỊNH CHÂN.

Trẻ con chân yếu không đứng được.

Cháu Văn 3 tuổi 2 chân yếu không đứng được,

Trị pháp Cừu Thận-du 3 trảng Mạn-môn, Hoàn-khiêu, Dương-lăng, Túc-tam-lý, Tuyết-cốt, Thái-xung đều 1 trảng.

Kết quả : Chân đứng được.

Trị lần thứ 2 trị như trên. Kết quả Bình phục hẳn.

Trẻ con tự nhiên chân trái không đứng được.

Cháu Hoa 4 tuổi tự nhiên chân trái không đứng được, không thấy bệnh trạng gì không rõ nguyên nhân.

Trị pháp : Dùng gai quỳen cừu Bát-liên, Ủy-trung, Hoàn-khiêu. Và cừu Âm-lăng-tuyền, Dương-lăng-tuyền, Côn-lôn, Thái-xung Túc-lâm-khấp đều 1 trảng.

Kết quả : Cừu xong đi chạy như thường.

Trị lý : Bệnh này do Não tủy thần kinh bị trở ngại, tuy chân không có trạng thái gì nhưng chứng này có liên quan đến xương sống, nên cừu huyết Bát-liên rất nhiều làm cho thông Thần kinh tích tủy nên bệnh hết ngay, nếu xem thường không trị thì bệnh này có thể thành tật.

Trẻ con sanh chân vẹo vào không ngay ra được.

Cháu Dần 18 tháng lúc sanh hai chân hơi vẹo vào trong (tục gọi là chân cua) đầu gối xéo ra (khớp đầu gối trật ra) nên không đứng ngay được.

Trị pháp : Cừu Thận-du, Mạn-môn, Trường-cương, Hoàn-khiêu, Âm-lăng-tuyền, Dương-lăng-tuyền, Tam-âm-giao, Túc-tam-lý Thái-xung đều 3 trảng.

Trị tiếp lần thứ 2 không thấy phản ứng gì.

Trị lần thứ 3 cũng trị y như trên.

Kết quả : đứng ngay được rất hay.

Vậy bệnh này nếu không nhẫn nại trị ắt không kết quả.

Trẻ con 2 chân bại không ngồi đứng được.

Cháu Vinh 3 tuổi 2 chân lạnh, yếu vô lực, không ngồi dậy được, nên không đứng được lưng phía bên trái đau.

Trị pháp : Châm Nội-quang, Khúc-trì, Hoàn-khiêu, Thái-xung, Túc-lâm-khấp, Cứu Đại-chùy, Phong-môn, Phế-du, Thận-du, Mang-môn, Kỳ-môn, Hoàn-khiêu, Âm-lăng-tuyền, Dương-lăng-tuyền, Túc-tam-lý, Tuyết-cốt, Tam-âm-giao, Dũng-tuyền đều 3 trảng.

Kết quả : Châm cứu xong tối ngủ cảm giác nóng, lưng hết đau, ngày sau lại chân ấm bớt lạnh.

Trị lần thứ 2 : Châm cứu y như trước.

Kết quả : ngồi dậy được.

Trị lần thứ 3 (hiện bệnh bên huyết Hoàn-khiêu đau dần đến trước) . Châm cứu trị cũng y như trước.

Kết quả : lưng hết đau, chân trái đứng được.

Trị lần thứ 4, 5 trị y như trên, thêm châm huyết Nội-quang

Kết quả : Vịn đề đứng được, nhưng bộ phận dưới hơi tê.

Trị lần thứ 6 (hiện chân tê, và lạnh) . Trị như lần thứ 1

Trị lần thứ 7. Châm trị như trên (nhưng chỉ châm trị 1 bên mắt) .

Kết quả : Các chứng tê giảm phân nửa.

Trị lần thứ 8. Trị như trên.

Kết quả : Chân hơi mạnh, nhưng lưng đau nên chưa đứng được, chân trái đứng thì nóng (trước lạnh)

Trị lần thứ 9 Trị như lần thứ 1 thêm Châm Chương môn, Trường-cường, Đại-chùy; kết quả 2 chân hơi mạnh, lưng vẫn còn đau chưa đứng được

Trị lần thứ 10. Trị như lần thứ 1.

Kết quả : Chân hết lạnh; lưng mông hết đau.

Trị lần thứ 11 Trị như lần thứ 1 thêm cứu Trường-cường 1 trảng, Dương-quang 3 trảng.

Kết quả : Hai chân đứng được.

Trị lần thứ 12 Trị như lần thứ 1 thêm cứu Dương-quang 3 trảng.

Trị lần thứ 13 (hiện bệnh như hơi ho, đau chỗ mông, tay bên trái có mọt mụt. Trị như lần thứ 1 thêm cứu Thúc-cốt, Hoàn-khiêu, Linh-dại đều 3 trảng.

Kết quả : Chân phải hơi mạnh hơn nhưng đi chưa được, lấy tay đỡ đi được vài bước, ho hết đau, mắt cũng hết.

Trị lần 14, 15, 16 đồng trị như trên.

Kết quả : Hai chân đều mạnh, đứng vững và đi được 10 bước về sau tập đi lần lần bình phục đi như thường.

Trẻ con phát sốt đực kinh tim Âu được, phát bệnh xương sống lồi lên chân xụi không đứng được.

Cháu Thoa 18 tháng nhơn bệnh sốt nặng, tay chân co rút tim Âu được bệnh nhẹ nhưng sau đó 10 ngày chỗ xương sống nổi lên, hai chân yếu không đứng được, chân trái từ đầu gối trở xuống không vận động được, hội các thầy thuốc trị, nhận định vì tiêm thuốc chân trái bị thương thần kinh nên phát bệnh.

Trị pháp : Cứu Hoàn-khiêu, Khúc-tuyền, Côn-lôn, Dương-lăng-tuyền, Âm-lăng-tuyền, Túc-tam-lý, Tuyết-cốt, Tam-âm-giao, Thái-xung, Dũng-tuyền, Mạn-môn, Thận-du đều 1 trảng, chiếu điện từ lưng, thận bộ đến chỗ đau.

Kết quả : Ngày sau chân trái co bớt đau, chân hơi yếu.

Trị lần thứ 2 Trị như trên không phản ứng gì.

Trị lần thứ 3 Châm Dương-lăng-tuyền Côn-lôn (2 huyết, hữu bồ, tả tả, trị như bệnh bại bán thân), cứu như trên không chạy điếc.

Kết quả : Chân hơi mạnh, chân trái dễ đứng được.

Trị lần thứ 4 (hiện chỗ lưng đau muốn ngồi phải lấy tay đỡ) Trị lần này như lần thứ 3 thêm dẫn điện. Cứu Thận-du, bồ 3 trảng, Đại-chùy, Phong môn, Phế-du, Mạn-môn, Tam-âm-giao, Túc-tam-lý, Dương-lăng-tuyền, Âm-lăng-tuyền, Côn-lôn, Thái-khê bồ 1 trảng, Hoàn-khiêu, Dũng-tuyền 1 trảng.

Kết quả : Ngón chân trái vận động được (trước là không vận động được).

Trị lần thứ năm trị như trên.

Kết quả khả quan hơn ; mặt tươi nhuận.

Trị lần thứ 6. Châm Đại-chùy, Trường-cương, chỗ xương sống lồi lên, dùng trước tác thuật. Các huyết Dương-lăng, Hoàn-khiêu, Côn-lôn (châm hữu bồ, tả tả), dùng ngải quyện cứu chỗ lưng cong và chỗ đốt sống lưng lồi lên (trên dưới tả hữu đều 1, 2 phân), cứu 9 lần, và cứu các huyết Hoàn-khiêu, Âm-lăng-tuyền, Túc-tam-lý đều 1 trảng

Kết quả chỗ khớp cườn chân vận động được, lưng khoẻ nhiều (trước ngồi phải lấy tay đỡ lưng, nay ngồi vững khỏi đỡ).

Trị lần thứ 7 Châm chỗ các đốt xương sống nổi lên, sau dùng ngải quỳen cứu xung quanh lỗ kim châm 1, vài phân cho nhiệt lực thâm nhập vào, tiếp châm, Ủy-trung, Phong-thị, Âm-thị, Tuyết-cốt, Thái-xung và dùng ngải quỳen cứu chỗ đau (thiên ứng) các huyết trên như lần thứ 6.

Kết quả Chân trái hoạt động mạnh và chân mặt cũng mạnh.

Trị lần thứ 8 Trị như trên.

Về sau không lại trị nữa. (Bệnh này đã chuyển được nhiều, tin chắc lần lần khôi phục được, vì sau 8 lần trị đều tiến bộ, và lại chứng này chỗ xương sống nổi lên là vì Thần kinh bị hức bách quá, mà trị đúng cách cốt làm cho thần kinh hoạt động mạnh lại điều hòa, vì vậy nên tin chắc chắn có công hiệu.

XIX. TẬP BỆNH.

Hay khóc.

Cháu Sanh 1 tuổi ho suyễn, khi ho thì khóc, khóc hoài, miệng nóng lưỡi khô.

Trị pháp : Châm Thiếu-thương, Thương-dương ra máu, châm Hiệp-cốt, Kinh-cự. Cứu Phế-du, Phong-môn, 1 trảng.

Kết quả : Hết khóc, Hết ho.

Trẻ con khóc Rún lồi, bụng cứng.

Cháu Mô 1 tuổi ban đêm thương hay khóc, mỗi lần khóc, Rún lồi lên, bụng cứng.

Trị pháp : Cứu Trung-uyên, Khí-hải, 1 trảng, Phục-lưu, Tam-lý bồ 3 trảng, Côn-lôn 1 trảng.

Kết quả : Hết khóc nhẹ hẳn.

Trẻ con tự nhiên thần kinh tích-tủy té, thân hình phát cong như chữ S

Cháu Mỹ 18 tháng tự nhiên phát chỗ cổ hơi nghiêng qua trái, bụng lại hơi cong vào, lưng co lại như hình chữ S, toàn thân thể yếu vô lực.

Trị pháp : Châm Phong-phủ, Đại-chùy, Trường-cường. Cứu Bách-hội 3 trảng, Phong-trì, 1 trảng, Thân-du, Mang-môn, Hoàn-khiêu dùng ngải quỳen cứu 4 lần, Khí-hải, Quang-nguyên cứu bổ 3 trảng.

Kết quả : Lưng co hơi giảm.

Trị lần thứ 2 Trị như trên.

Kết quả : Bụng lưng ngay lại được nhưng còn hơi lệch bên trái.

Trị lần thứ 3 trị như trên.

Kết quả : Bệnh chuyển ngay lại được và bình phục hẳn.

Trẻ con phát vàng da, không muốn ăn.

Cháu Bi 1 tuổi toàn thân phát vàng da, ăn không hạ nên không muốn ăn.

Trị pháp : Cứu Trung-uyên, Chương-môn, Thiên-xu, Khí-hải, Túc-tam-lý, Tam-âm-giao 3 trảng, Thần-khuyết, Âm-giao đều 1 trảng.

Kết quả : Ăn uống được như thường và thân lần lần hết vàng.

Mẹ cai thuốc phiện, độc nhiễm, cho con bú, nên con phát bệnh thủng, dái sưng.

Cháu Sửu mới sanh 40 ngày nhưn mẹ cai thuốc phiện cho cháu bú, độc nhiễm làm đầy bụng, và dái sưng, toàn thân phù thũng.

Trị pháp : Cứu Bách-hội, Chiên-trung, Phế-du, Khí-hải, Túc-tam-lý, Tam-âm-giao đều 3 trảng, Thừa-lương, Kỳ-môn, Trung-uyên, Đại-chùy, Thận-du, Mạng-môn, Trường-cường, Thiên-xu, Thái-xung, Hội-âm, Hiệp-cốc, Nội-quang 1 trảng.

Kết quả : Bụng xẹp, dái xẹp.

Trị lần thứ 2 trị như trên.

Kết quả : Bệnh hoàn toàn hết hẳn.

Trẻ con tim thuốc Chủng đậu sau phát ghê, mũi ra máu.

Cháu Châu 3 tuổi sau khi tim thuốc Chủng đậu toàn thân phát nổi mụn như ghê (nhỏ) làm đau ngứa, mũi chảy máu.

Trị pháp : Châm Khúc-trị, thích Hiệp-cốc, Thiếu-thương, Thương-dương, Trung-uyên ra máu

Kết quả : Các mụn ghê già đen, hết đau ngứa, hết chảy máu mũi. **Trị lần thứ 2** Trị như trước (trừ huyết Khúc-trị).

Kết quả : Các chứng hết hẳn, bình phục.

XX. GHÊ ĐỘC.

Trẻ con mặt, lưng sanh ghê độc.

Cháu Trà 3 tháng phát ghê độc ở đầu và lưng.

Trị pháp : Châm Khúc-trị, Đại-chùy, Hiệp-cốc, Tam-âm-giao.

Kết quả : Ghê bớt.

Trị lần thứ 2 : Trị như trên. Bệnh hết hẳn.

Trẻ con phát sốt nóng toàn, thân phát ghê.

Cháu Trinh 2 tuổi, mặt phát nóng hực, toàn thân phát sanh ghê độc.

Trị pháp : Châm Hiệp-cốc, Thiếu-thương, Trung-xung, Quang-xung. Thương-dương ra máu.

Kết quả : Hết sốt, ghê bớt,

Trị lần thứ 2 Châm Hiệp-cốc, Khúc-trì, Nội-quang.

Kết quả : Ghê lần lần khô hết hẳn.

Trẻ con miệng sanh ghê dưới hàm nổi hạch.

Trị pháp : Châm Hiệp-cốc, Lệ-đoài, Thủ Tỉnh-huyết ra máu.

Kết quả : Ghê bớt,

Trị lần thứ 2 trị như trên. **Kết quả :** Ghê hết . Hạch hết.

Trẻ con sanh ghê từ Đầu. Cổ. Ngực Lưng. Bụng.

Cháu Hoa 2 tuổi từ đầu cổ, đến ngực bụng nổi ghê rất nhiều, bèn đầu mọc 1 mụn lớn.

Trị pháp : Châm Lao-Gung, Khúc-trì, Hiệp-cốc, Tam-âm-giao, Đại chùy tả 1 lần, Thích thủ Tỉnh-huyết, Chi-âm, Đại-Đôn ra máu.

Kết quả : Ghê bớt.

Trị lần thứ 2 trị như trên.

Kết quả : Các mụn ghê lần lần lặn hết, bình nhẹ

Trẻ con lòng bàn tay lở.

Cháu Tánh mới sanh 7 tháng, 2 tay trong lòng đều lở loét, toàn thân đều nổi mụn ghê nhỏ.

Trị pháp : Châm Lao-cung, Hiệp-cốc, Khúc-trì, Nội-quang, Khúc-tuyền.

Kết quả, Lòng bàn tay bớt, mình cũng bớt ghê.

Trị lần thứ 2. Trị như trước, bình hẳn.

Trẻ con chân sanh ghê.

Cháu Anh 2 tuổi chân trái từ đầu gối xuống chân có ghê chảy nước vàng chân mặt có ít, nơi cánh tay cũng có nổi-mụn.

Trị pháp : Châm Lao-cung, Khúc-trì, Tam-âm-giao, Khúc-tuyền thích Hiệp-cốc, Thiếu-thương, Thương-dương ra máu

Kết quả : Ghê khô bớt chảy nước vàng.

Trị lần thứ 2 Thích Hiệp-cốc, Thiếu-thương, Thương-dương, Trung-xung, Khúc-âm, Chi-âm ra máu.

Kết quả: Bớt phân nữa. Trị tiếp một lần nữa như trên. Ba ngày sau bình hết hẳn.

Trẻ con tay chân sanh ghê ngứa.

Cháu Tâm 2 tuổi tay chân đều phát ghê ngứa dùng thuốc nửa tháng không công hiệu.

Trị pháp: Châm Khúc-tri, Lao-cung, Hiệp-cốc, Khúc-tuyền, Tam-âm-giao.

Kết quả: Ghê khô bớt.

Trị lần thứ 2 Trị như trên thêm Nội-quang, Địa-cơ.

Kết quả: Ghê bớt nhiều ghê nhỏ lặn hết,

Trị lần thứ 3 Châm Khúc-tri, Tam-âm giao, Huyệt-hải, Lao-cung thích các huyệt Thiếu-thương, Thương-dương, Trung-xung, Hiệp-cốc ra máu.

Kết quả: bình hết hẳn.

Trẻ con miệng và bộ sinh dục nổi hạch.

Cháu Thịnh 4 tuổi miệng lở đỏ, nổi mụn, Bộ phận sinh-dục 2 bên hán hám lở, cổ có nổi hạch 2 bên cứng, bình đã trên 1 tháng

Trị pháp: Châm Đại-lăng, Khúc-tri Tam-âm-giao, Khúc-tuyền.

Trị tiếp lần thứ 2, 3, như trên.

Kết quả: Miệng hơi bớt 2 bên hán cũng bớt.

Trị lần thứ 4 trị như trên. **Kết quả:** Ghê ở miệng bớt nhiều.

Trị lần thứ 5, 6, cũng trị như trên. **Kết quả:** Ghê ở miệng hết.

Trị lần thứ 7 trị như trên.

Kết quả: Hai bên hán giảm bớt, hạch 2 bên cổ hơi xẹp.

Trị lần thứ 8 Cũng trị như trên.

Kết quả: Các chứng đều giảm sau hết hẳn.

Trẻ con bị Dương-mai độc di truyền sưng khớp xương.

Cháu Hoài 2 tuổi chỗ cùi chó tay mặt sưng khớp đau nhức, đầu cổ thẳng đơ không vận động được, đi Bình-viện thử máu cho là chứng bị độc dương mai cha mẹ di truyền.

Trị pháp: Châm Hiệp-cốc, Thái-xung, Thiếu-hải, Khúc-trach, Cứu-Đại-chủy, Hoàn-khiêu, Âm-lăng-tuyền, Dương-lăng-tuyền, Túc-tam-lý, Tam-âm-giao, Tuyệt-cốt, Nội-quang, Ngoại-quang, Uyển-cốt, Thiếu-hải đều 1 tráng.

Kết quả: Cổ vận động xoay được.

Trị lần thứ 2 Châm Khúc-trị, Xích-trạch, Thái-xung, Hoàn-khiêu, Trữu-liêu.

Kết quả : Cúi chỗ tay mặt xẹp.

Trị lần thứ 3, trị như trên. Kết quả : ít phản ứng.

Trị lần thứ 4, trị như trên.

Kết quả : Hoạt động được. Hai tay bớt nhiều.

Trị lần thứ 5 cũng trị như trên.

Kết quả : Về sau bình nhẹ, hoạt động như thường.

Bệnh đái đêm (đái dầm).

Trị 30 em bệnh đái đêm kết quả sau đây.

Theo các sách xưa trị bệnh này dùng các huyệt : Khí-hải, Quang-nguyên, Trung-cực, Khúc-cốt, Hiệp-cốc, Tam-âm-giao, Thận-du, Mang-môn.

Trị pháp : Cần dùng huyệt Quang-nguyên là chính, ngoài ra các huyệt khác nên tùy nghi xử dụng phối hợp.

Thủ thuật : Khi châm kim có cảm giác tê rồi thì chuyển xoay kim 1, 2 phút, lưu kim 1 tý mới rút kim, mỗi lần thì trị trong thời gian 15 phút, kinh nghiệm đã trị kết quả : Trị các em đái dầm hoặc mỗi đêm 1 lần, 2, 3 đêm 1 lần, 6, 7, đêm 1 lần hay 1 đêm 2, 3 lần.

Trong khi làm sản trị bệnh có khi chỉ dùng đơn huyệt Quang-nguyên, cũng được hẳn, có khi dùng cả 5, 6 huyệt cũng không có hiệu quả.

Trong số này thì 16 em, trị chỉ dùng 1 huyệt Quang-nguyên mà hoàn toàn hết hẳn, có 2 em sau thêm 2 huyệt Hiệp-cốc, Mang-môn trị nhẹ. Còn các em khác có em trị dùng nhiều huyệt mà không kiến hiệu.)

Vậy trị bệnh này cốt là thủ pháp thì thuật, không phải tại dùng huyệt nhiều ít (thủ thuật châm cảm giác tê rần đến Bàng-quang rất công hiệu.

Thời gian trị bệnh thì cũng chỉ trong khoảng 5 lần trị là công hiệu, Có em lâu lắm cũng chỉ đến 8, 9 lần là cùng, không tái phát nữa.

PHỤ CHÚ : Những chứng bệnh thông thường của Trẻ em cũng có nhiều bệnh trị như người lớn. Những Ấn trị liệu trong các bệnh trước có kèm nhiều Y-án trị cho trẻ em vậy xin kiểm tra các mục trị liệu ấy.

CỨU TRỊ BỆNH UNG THƯ. (CANCER)

Bệnh Ung-thư hiện nay chưa có thuốc trị, nhưng lúc ban đầu mới phát hiện (thời kỳ thứ nhứt (nếu biết trị sớm, có thể có kết quả. vì đến khi phát hiện chứng trạng nặng cũng khó cứu được mạng sống.

Đối với Châm cứu trị bệnh Ung-thư có thể làm cho hết đau nhức, và lại về Cứu thuật theo Khoa học đã chứng nhận có tác dụng làm tăng Bạch-huyết-cầu diệt trùng nên trị bệnh Ung-thư dùng cứu trị có tác dụng tiêu viêm chỉ thống, diệt trùng nên có thể nhiều hiệu quả, vậy khi mới phát hiện thời kỳ thứ nhứt nếu biết trị ngay ắt có thể chữa trị được tận gốc.

Sau đây là những phương nghiên cứu trị liệu của Châm-sư Trần-Cư-Lâm phổ biến đề khi gặp bệnh nên áp dụng thực nghiệm.

1. — Trị bệnh Ung-thư Thực đạo : (Ung thư cuống họng) Dùng các huyết cứu trị :

Cách-du, Thận-du, Kiên-tĩnh, Chiên-trung, Cu-vỹ, Thủ-tam-lý.

2. — Trị bệnh Ung-thư Dạ-dày : dùng các huyết cứu trị : Vị-du, Tỳ-du, Thương-uyên; Trung-uyên; Nội-dinh, Túc-tam-lý.

3. — Trị bệnh Ung-thư Ruột : dùng các huyết cứu trị : Tam-tiên-du, Thiên-xu, Thủy-đao, Đái-mạch, Túc-tam-lý, Tam-âm-giao.

4. — Trị bệnh Ung-thư Gan : dùng các huyết cứu trị : Can-du, Đởm-du, Kỳ-môn, Chương môn, Cự-khuyết, Hành gian.

5. — Trị bệnh Ung-thư Cổ hầu : dùng các huyết cứu trị : Đại-chùy, Kiên-tĩnh, Bách-Lao, Ấc-phong, Ngoại-quang, Trữu-tiên.

6. — Trị bệnh Ung-thư Phổi : dùng các huyết Cứu trị : Phế-du, Cao-hoan, Đại-trữ, Trung-phủ, Vận-môn, Thiếu-thương.

7. — Trị bệnh Ung-thư Vú : dùng các huyết cứu trị : Nhũ-cần, Kiên-tĩnh, Cao-hoan, Tâm-du, Chiên-trung, Đại-lăng.

Thủ pháp : Dùng viên ngải nhỏ hăng hột gạo trực tiếp cứu 3 đến 5 tráng, ban đầu dùng hai, ba huyết. sau tùy hiện chứng trạng mà tăng thêm từ 5 đến 7 tráng và dùng thêm huyết Cứu trị cho đến khi hết đau nhức.

Ngoài ra cũng có thể dùng cứu cách gừng hoặc ôn-cứu bằng ngải quện nhưng nên nhớ tại cuộc bộ không được dùng châm trị hay ôn cứu trên kim.

Ban đầu trị nên dùng những huyết viễn cách kinh Du-đạo và các huyết phụ cận cứu cho bớt đau nhức, cũng không nên trực tiếp cứu chỗ Ung-độc.

Nếu áp dụng các phương pháp này cứu trị cho hết ~~sung~~ **nhức** phối hợp với thuốc trị Ung-thư có thể cứu chữa được kết quả.

Sau đây theo Y-Sư Việt-Phong-Tiêu, nghiên cứu trị bệnh Ung-thư phổ biến cứu trị sau đây :

1) **Trị Ung-thư Tỳ Vị** : Cứu những huyết: Hiệp-cốc, Thủ-tam-lý, Khúc-trì, Túc-tam-lý, Kiên-tĩnh, Can-du, Lách-du, Tỳ-du, Quang-nguyên.

2) **Trị Ung-thư Nao** : Cứu những huyết : Hiệp-cốc, Bách-hội, Kiên-tĩnh.

3) **Ung-thư Cổ-hầu Giáp-trạng-tuyến, Lâm-ba-tuyến** : cứu những huyết : Hiệp-cốc, Thủ-tam-lý, Túc-tam-lý, Bách-hội, Kiên-tĩnh.

4) **Ung-thư Cánh tay** : Cứu những huyết : Hiệp-cốc, Khúc-trì.

5) **Ung-thư Gan** : Cứu những huyết : Thủ-tam-lý, Tâm-du, Can-du, Túc-tam-lý, Thận-du, Quang-nguyên.

6) **Ung-thư Ruột** : Cứu những huyết : Thủ-tam-lý, Khúc-trì, Túc-tam-lý, Cách-du, Vị-du, Đại-trường-du, Trung-cực, Quang-nguyên.

7) **Ung-thư Phổi** : Cứu những huyết: Túc-tam-lý, Phế-du, Tâm-du, Cách-du.

8) **Ung-thư Thận** : Cứu những huyết : Thận-du, Đại-trường-du, Trung-cực, Quang-nguyên.

9) **Ung-thư Bàng-quang** : Cứu những huyết : Đại-trường-du, Trung-cực, Đơn-diễn, Quang-nguyên

10) **Ung-thư Tử Cung, Âm-đạo** : Cứu những huyết : Đơn-diễn, Quang-nguyên.

Tất cả dùng 16 huyết : Hiệp-cốc, Thủ-tam-lý, Khúc-trì, Túc-tam-lý, Bách-Hội, Phế-du, Tâm-du, Cách-du, Can-du, Vị-du, Thận-du, Đại-trường-du, Kiên-tĩnh, Trung-cực, Đơn-diễn, Quang-nguyên. Cứu trị những bệnh Ung-thư tùy ứng dụng phối hợp rất công hiệu.

Vậy trên đây 2 tài liệu của 2 vị Châm-Cứu sư Trung-Hoa phổ biến trị bệnh Ung-thư xin trích dịch vào đây để Nghiên cứu.

— LÂM SÀN Y-ÁN TRỊ NGHIỆM

Xin giới thiệu Y-án của Châm-y Tư-Liệu-Thất Trung-Hoa trong thời gian trị bệnh ghi những kết quả sau đây !

1. Trị bệnh Tê-Liệt trẻ em (14 em).

Dùng những huyệt : Thiên-tru, Khúc-tri, Uyển-cốt, Đại-lăng, Kiên-Trinh, Tý-nhu, Đại-chùy, Khúc-trạch, Đại-trữ, Túc-tam-lý Thừa sơn, Phong-long, Tuyết-cốt, Bạch-hoàn-du, Phong-thị, Thái-xung, Hành-gian, Trung-liêu.

Trị pháp : Các huyệt chính : Châm Mạn-môn, Thận-du, Đại-chùy, Nhơn-trung. Cứu Mạn-môn, Thận-du, Quang-nguyên-du.

Các huyệt phụ : Côn-lôn, Linh-đài, Đào-đạo, Khửu-hư, Thiên-tru, Châm lưu kim từ 5 đến 15 phút, dùng trước tác thuật và dùng ôn cứu 15 đến 20 phút.

Kết quả : 80/100

2. — Trị bệnh Tê liệt trẻ em (16 em).

Dùng các huyệt : Bách-hội, Kiên-du, Khúc-tri, Phong-thị, Thũ-tam-lý, Hiệp-cốc, Kiên-lĩnh, Hoàn-khiêu, Túc-tam-lý, Ủy-trung, Dương-lăng-tuyền, Tuyết-cốt.

Toàn dùng châm trị, áp dụng theo Đại-thành trước châm vô bệnh thủ túc sau châm hữu bệnh thủ túc (châm giao kinh)

Kết quả : 5 Em hết hẳn, 10 em tiến bộ nhiều, có 1 em không kết quả.

3. — Trị bệnh Phong-thấp làm đau lưng (tích tủy viêm) 33 người.

Dùng các huyệt : Đại-chùy, Phong-môn, Can-du, Đại-trữ, Tích-trung, Mạn-môn, Thận-du, Quang-nguyên-du, Bàng-quang-du, Thử-liêu, Trật-biên, Hoàn-khiêu, Ủy-trung.

Trị pháp : Bão bệnh nhơn thở ra, tùy hơi thở châm vào 1 phân cho cảm giác tê rồi nhún kim lên xuống, sau bão hít vào đầy thêm vào 2 phân, làm như vậy từ 3 đến 5 lần cho tê rần hết mới lần lần rút kim, ấn tại huyệt, nếu chưa Tê thì lại tấn châm thêm cho Tê.

Kết quả 14 người hết hẳn, 17 người thiệt khá nhiều, có 2 người vô hiệu.

4. — Trị bệnh Câm Điết 53 người.

Dùng các huyệt chủ yếu : Bách-hội, Nhĩ-môn, Thính-cung, Thính-hội, Ấc-phong-Ấ-môn, Liêm-tuyền, Kim-tân, Ngọc-dịch, phối hợp các huyệt : Phong-phủ, Phong-tri, Thiên-đột, Nhơn-nginh, Đại-chùy, Tâm-du, Can-du, Thận-du, Ngoại-quang, Hiệp-cốc, Thông-lý.

Trung-chữ, Dịch-môn, Túc-tam-lý, Túc-lâm-khấp và có lúc dùng thêm các huyết Hiệp-khê, Khiếu-âm, Thái-xung, Thái-kê, Chiếu-hải.

Trị pháp : Cách 1 ngày trị 1 lần, Trị 7 lần là 1 liệu-trình.

Ngày thứ nhất châm 1 bên Ấp-phong, Thính-hội, Ngoại-quang, Túc-tam-lý, Bách-hội.

Ngày thứ 2 châm bên kia cũng dùng các huyết ấy.

Ngày thứ 3 châm cả 2 bên.

Mỗi lần cứ dùng chữ huyết 2,3 huyết và phối huyết 2,3 huyết luân phiên thay đổi. Ban đầu trị diết, sau trị cầm.

Châm dùng trước tác thuật cho cảm giác thật tê có thể lưu kim từ 20 phút đến 1 giờ, Trong khi lưu kim cứ 10 phút hay 20 phút áp dụng trước tác 1 lần.

Kết quả : Nói được 39 người, nói chút ít (43 người, tiến bộ khá 28 người, vô hiệu 30 người. Vậy kết quả được 78/100.

5. — Trị bệnh Tạng táo khờ ngốc 100 người. (Bệnh khùng).

Dùng huyết Nội-quang.

Trị pháp : Khi cơn đương pháp, bảo 2 người giữ bệnh nhân cho vững, châm huyết Nội-quang, xoay tả pháp trong 2 đến 5 phút lưu kim 20 hay 30 phút.

Kết quả : Trị 100 người chỉ dùng 1 huyết mà được 96 người hết hẳn có 2 người bớt phần nữa, và 2 người vô hiệu.

6. — Trị bệnh trẻ con ỉa chảy (phúc tả). 364 em.

Dùng các huyết : Hiệp-cốc; Thiên-xu, Túc-tam-lý, Thừa-sơn, Thiếu-thương, Dũng-tuyền, Nội-quang. Nhơn-trung.

Trị pháp : Dùng huyết Túc-tam-lý làm chủ.

Như có làm ấu thổ dùng thêm Hiệp-cốc, Dũng-tuyền.

Phúc-trưởng dùng Thiên-xu, Thừa-sơn.

Phát sốt châm Thiếu-thương ra máu.

Nếu đực kinh châm huyết Nhơn-trung, Nội-quang.

Áp dụng thủ pháp nhẹ để làm điều chỉnh cơ năng Trung-khu thần-kinh và châm ra máu các chữ tay phía trong chỗ đốt thứ nhất cả 2 tay 8 ngón (trừ ngón cái.)

Kết quả : 311 em hết bệnh hoàn toàn, bớt phần nữa 38 em, không có kết quả 3 em, còn 22 em không rõ vì không theo dõi được.

7. — Bệnh vì Trường nhiệt làm bị tiêu tiện. 16 người.

Dùng các huyết : Trung-cực, Khúc-cốt, Âm-lăng tuyền, Tam-âm-giao, Túc-tam-lý, Lệ-đoài.

Trị pháp : Châm dùng thủ thuật trước-tác cách 5 phút xoay kim 1 lần, lưu kim 15 đến 20 phút, rút kim không bế huyết.

Như người hư mạch yếu, có mồ hôi, dùng bình bổ, bình tả pháp, khi lưu kim 5 phút xoay trước tác 1 lần, sau rút kim cần chà hộp (Ấn-ma) tại bộ phận da con trong 15, 20 phút thì đi tiểu ngay.

Kết quả : 16 người chỉ trị 1 lần có hiệu không ai trở lại.

Chú ý : Trẻ con dưới 10 tuổi trong lúc lưu kim đái thông ngay, Trên dưới 30 tuổi châm sau đái thông, người già thì sau khi rút kim 1, 2, giờ đái thông. Trẻ em tuổi càng nhỏ thì càng mau có công hiệu.

8.— Trị chứng Tỳ-viêm. (bệnh mũi).

Dùng các huyết : Nghinh-hương, Hòa-liêu, Thượng-tinh, Bách-hội, Phong-phủ, Phong-trì, Thiên-tru, Đại-chùy, Mạng-môn, Hiệp-cốc, Tiễn-cốc, Túc-tam-lý.

Trị pháp : Mỗi lần dùng từ 2 đến 5 huyết tùy thay đổi.

1./ Nghinh-hương, Hòa-liêu, Thượng-tinh, Phong-phủ, Tiễn-cốc.

2./ Nghinh-hương, Mạng-môn, Túc-tam-lý, Phong-trì, Đại-chùy.

Thủ pháp : Xoay niêm vận kim 1, 2, phút, lưu kim 20 hay 30 phút, Cách 1 ngày châm trị 1 lần, 7 lần là 1 liệu trình nghĩ 1 tuần trị lại liệu trình thứ 2, liên tiếp trị 1 hay 2 liệu trình đều có công hiệu.

Kết quả : Trị 11 người hết hẳn 5 người, 2 người gần hết, Tiễn-hộ 3 người, có 1 người vì không theo trị nên không có hiệu.

9. Trị bệnh đau khớp xương 307 người.

Trị bệnh này đều tùy bộ phận bị bệnh mà áp dụng huyết vị các kinh huyết phần xạ và kinh huyết tại cuộc bộ.

Bệnh tại khớp xương cườm tay dùng các huyết Liệt-khuyết, Hiệp-cốc, Thũ-tam-lý. Tại phía trên cườm tay dùng các huyết Chi-chánh, Tiễn-hải.

Tại cườm tay phía ngoài dùng các huyết Ngoại-quang, Trung-chữ.

Đầu phía trong khớp chân dùng các huyết Thái-xung, Tam-âm-giao.

Thủ thuật : mới đau phát sốt như sốt thì kích thích mạnh cho thật tê rần đến chỗ đau, lưu kim 30 đến 40 phút, trong lúc lưu kim nên xoay 2, 3 lần và dùng tay đè chỗ đau sau rút kim gia cứu

Nếu đau lâu, không đỡ, sưng chỉ đau nhưc thì kích thích nhẹ lưu kim 15 đến 20 phút, mỗi lần lưu kim cũng xoay 1, 2, lần, sau rút kim gia cứu.

Nếu sưng nặng, lần thứ nhứt trị không hết sưng, trị lần thứ 2 nên dùng thêm cao dán ngoài để trợ tiêu viêm hoặc cho uống thêm thuốc Huyết huyết chỉ thống

Kết quả : Hết hẳn 198 người, giảm nhiều 20, Không công hiệu 4 người, có 76 người không theo dõi được.

10.— Trị bệnh Kiết-lỵ (do vi trùng kiết lỵ). 24 người,

Dùng các huyết Thiên-xu, Quang-nguyên.

Trị pháp : Mỗi ngày châm cứu 1 lần, lưu kim 20 đến 30 phút dùng xoay kim để tránh cho thật tê rần mới kết quả.

Trị bệnh này phần nhiều rút kim gia cứu, có số ít lưu kim và cứu (nhớ cứu đến đỏ da cảm nóng mới thôi), cứ tiếp tục mỗi ngày trị 1 lần, trị đến hết hẳn, đại tiện thường mới thôi.

Những bệnh có nóng sốt thì châm không nên cứu.

Kết quả : trong 24 bệnh đều hết hẳn (trị từ 3 lần đến 5 lần).

11.— Trị bệnh Sản phụ ít sữa 50 người

Dùng các huyết chủ yếu : Chiên-trung, Nhũ-căn, Huyết phổi hợp, Hiệp-cốc, Tam-âm giao.

Trị pháp : Châm nhẹ, và châm cho cảm giác tê đến bộ phận vú mới thôi, lưu kim 15 đến 20 phút, cứ 3, 5, phút xoay vận 1 lần.

Kết quả : Công hiệu 44 người, khá tiến bộ 5 người, vô hiệu 1 người.

KẾT LUẬN : 11 Y-án trị bệnh trên đây nhận thấy rất công hiệu xin giới thiệu để làm tài liệu học tập nghiên cứu.

LÂM SÀN TỰ TRỊ-NGHIỆM (Lớp dạy Châm cứu)

Những chứng bệnh và số bệnh nhơn trị có kết quả.

Số bệnh nhơn	Bệnh chứng	Huyệt chủ yếu	Thời gian	Kết quả	Giảm bớt	Vô hiệu	Tỷ số
51	Nhức đầu	Đầu duy, Phong tri, Liệt khuyệt Hiệp-cốc.	3-4	35	12	4	92/0
23	Đau lưng (Yếu thống)	Thận-du, Bắc liêu Ủy-trung.	3-6	14	5	4	82,6
17	Tọa cốt thần kinh thống	Hoàn-khiêu, Thừa-phò, Côn lôn, Ủy-trung.	5-7	11	4	2	88,2
72	Vị thần kinh thống (đau thần kinh Dạ dày)	Nội-quang, Túc tam lý, Trung- uyển, Vị-du.	2-3	36	13	23	68,2
13	Tiểu hóa bất lương (ăn không tiêu)	Trung-uyển, Vị du, Thiên-xu, Túc-tam-lý.	2-6	5	3	5	61,5
49	Trường vị viêm (sưng Dạ dày, Ruột)	Túc-tam-lý, Nội quang, Thần- khuyệt Trung-uyển	3-8	25	12	12	67,5
46	Chi khi quảng viêm (Hở sưng ống khí quang)	Phế-du, Phong môn, Thiên-đột, Kinh-cự.	3-5	13	7	26	43,3
16	Quang tiết viêm (Sưng khớp xương)	Dùng A thị huyết và các huyệt phụ cận dụ đạo	3-6	4	3	9	43,7
20	Kiết mạc viêm (Đau mắt)	Tư-trúc-không. Toán trúc, Tinh minh, Hiệp-cốc.	2-3	9	6	5	43,7
18	Đàn bà có kinh đau bụng (kinh thống)	Tam-âm-giao, Trung-cự, Nội đỉnh, Huyệt-hải	3-7	8	4	6	66,6
11	Áp huyết cao	Khúc-tri, Ủy- trung, Trung-xung Dùng-tuyền.	5-6	5	2	4	66,6
84	Sốt rét	Đại chùy, Gian sử Đào đạo, Cao hoan	2-7	63	10	11	87/
33	Cảm mạo	Phong tri, Thái dương, Hậu-khê Hiệp-cốc.	2-3	19	4	10	79.
9	Dương duy (Liệt Jương)	Thận-du, Quang nguyên, Tam-âm giao, âm lũng tuyền	3-5	4	3	2	7
120	Các bệnh khác	Tùy chứng dùng huyệt	5-10	68	37	31	74

KIỂM TRA HUYỆT VỊ THEO KINH-LẠC

TÊN HUYỆT	KINH LẠC	TÊN HUYỆT	KINH LẠC
— A —		— CH —	
	Kinh		
Á-môn	14-Đốc Kinh	Cự-Liêu	6 -Vị-Kinh
Ân-Bạch	1 -Tỳ-Kinh.	Cự-Khuyết	14-Nhâm-Kinh
Ân-môn	51-Bàng-quang	Cự-Cốt	16-Đại-Trường
Âm-Bào	9 -Can-Kinh	Cự-Tuyền	1 -Tâm-Kinh
Âm-Cốc	10-Thận-Kinh	Cường-Gian	17-Đốc-Kinh
Âm-Đô	19-Thận-Kinh	Cự-Vị	15-Nhâm-Kinh
Âm-Giao	7 -Nhâm-Kinh		
Âm-Ky	6 -Tâm-Kinh		
Âm-liêm	11-Can-Kinh.		
Âm-lăng-tuyền	9 -Tỳ-Kinh.		
Âm-Thị	33-Vị-kinh		
— B —			
Bách-Hội	19-Đốc-Kinh.	Chánh-Dir h	18-Đỗm-Kinh
Bạch-hoàn-du	30-Bàng-Quang	Châu-Vinh	20-Tỳ-Kinh
Bào-manh	48-Bàng-quang	Chi-Cấu	6 -Tam-Tiên
Bàng-q-du	28-Bàng-quang	Chi-Chánh	7 -Tiểu-Trường
Bất-dung	19-Vị-Kinh	Chi-Âm	67-Bàng-Quang
Bính-Phong	12 Tiểu-Trường	Chi-Dương	8 -Đốc-Kinh
Bộ-Lang.	42-kinh-Thận	Chi-Thất	47-Bàng-Quang
Bột-Tham	61-Bàng-quang	Chiên-Trung	17-Nhâm-Kinh
Bồn-Thần	9 -Đỗm-Kinh.	Chiếu-Hải	6 -Thận-Kinh
		Chương-Môn	13-Can-Kinh
		Chúc-Tán	9 -Thận-Kinh
— C —		— D —	
Cách-du	17-Bàng-quang.	Dịch-Môn	2 -Tam-Tiên
Cách-quang	41-Bàng-quang	Du-phủ	27-Thận-Kinh
Can-du	18-Bàng-quang	Duy-Đạo	28-Đỗm-Kinh
Cao-hoang	38-Bàng-quang	Dũng-Tuyền	1 -Thận-Kinh
Cấp-mạch	12-Can-Kinh	Dương-Cốc	5 -Tiểu-Trường
Côn-lôn	60-Bàng-quang	Dương-Bạch	10-Đỗm-Kinh
Công-Tôn	4 -Tỳ-Kinh	Dương-Cương	41-Bàng-Quang
Cơ-môn	11-Tỳ-Kinh	Dương-Giao	35-Đỗm-Kinh
Cân-súc	7 -Đốc-Kinh	Dương-l-Tuyền	34-Đỗm-Kinh
Cự-Liêu	29-Đỗm-Kinh	Dương-Khê	5 -Tiểu-Trường
		Dương-Phủ	38-Đỗm-Kinh
		Dưỡng-Lão	6 -Tiểu-Trường
		Túc-D-Quang	33-Đỗm-Kinh
		Dương-Quang	3 -Đốc-Kinh
		Dương-Trì	4 -Tam-Tiên

TÊN HUYỆT KINH LẠC

—Đ—

Đại-báo	21-Tý-Kinh
Đại-nghinh	8 -Vị-Kinh
Đại-trường-du	25-Bàng-quang
Đại-Cự	27-Vị-Kinh
Đào-Đào	12-Đốc-kinh
Đại-hoành	15-Tý-kinh
Địa-Thương	7 -Vị-kinh
Đại-trữ	11-Bàng-quang
Địa ngũ hội	42-Đỗm-kinh
Đại-đồ	2 -Tý-kinh
Địa-Cơ	8 -Tý-kinh
Điều-Khẩu	38-Vị-kinh
Đại-Hích	12-Thận-kinh
Đoài-Đoan	26-Đốc-kinh
Đại-chung	4 -Thận-kinh
Đỗm-du	19-Bàng-quang
Đại-lãng	7 -Tâm bào lạc
Đồng-tử-liêu	1 -Đỗm-kinh
Đái-mạch	26-Đỗm-kinh
Đầu-duy	1 -Vị-kinh
Đại-đôn	1 -Can-kinh
Đầu lâm khấp	11-Đỗm-kinh
Đầu Khiếu-Ấm	13-Đỗm-kinh
Đốc-du	16-Bàng-quang
Độc-Tỷ	35-Vị-kinh
Đại-Chủy	13-Đốc-kinh

—E—

Ế-Phong	17-Tam-Tiên

—G—

Giáp-xa	3 -Vị-kinh
Giãi-khê	4-Vị-kinh
Giao-Sử	5 -Tâm bào lạc
Giao-Tia	8 -Thận-kinh
Giác-Tôn	20-Tam-tiên

TÊN HUYỆT KINH LẠC

—H—

Hạ-lâm	8 -Đại-trường
Hạ-cự-Hư	39-Vị-kinh
Hạ-Liêu	34-Bàng-quang
Hạ-Quang	2 -Vị-kiuh
Hạ-Uyển	10-Nhâm-kinh
Hàm-cốc	43-Vị-kinh
Hàm-Yểm	4 -Đỗm-kinh
Hành-Gian	2 -Can-kinh
Hậu-Đãnh	18-Đốc-kinh
Hiệp-Bạch	4 Phế-kinh
Hậu-Khê	3 Tiều-trường
Hiệp-Cốc	4 -Đại-trường
Hiệp-Dương	55-Bàng-quang
Hiệp-Khê	43-Đỗm-kinh
Hoa-Cái	20-Nhâm-kinh
Hòa-Giao	19-Đại-trường
Hòa-Liêu	22-Tam-tiên
Hoàn-Khiêu	30-Đỗm-kinh
Hoàn-Cốt	17-Đỗm-kinh
Hội-Ấm	1 -Nhâm-kinh
Hội-Dương	35-Bàng-quang
Hội-Tông	7 -Tam-tiên
Hoặc-Trung	26-Thận-kinh
Hoành-Cốt	14-Thận-kinh
Hồn-Môn	42-Bàng-quang
Huyền-Chung	39-Đỗm-Kinh
Huyền-Lư	5 -Đỗm-Kinh
Huyền-Ly	6 -Đỗm-Kinh
Huyền-Xu	5 -Đốc-mạch
Hung-Hương	19-Tý-Kinh
Huyệt nhục môn	21-Vị-kinh
Huyết-Hải	10-Tý-kinh

—K—

Kinh-môn	25-Đỗm-kinh
Kinh-Cự	8 -Phế-kinh
Kinh-Cốt	64-Bàng-quang

Kinh-Môn	63-Bàng-quang
Kiên-Liêu	14-Tam-tiêu
Kiên-Lý	11-Nhâm-kinh
Kiên ngoai-du	14-Tiểu-trường
Kiên-Ngung	15-Đại-trường
Kiên-Tĩnh	21-Đỗm-kinh
Kiên-Trinh	9-Tiểu-trường
Kiên trung-du	15-Tiểu-trường
Kỳ-Môn	14-Can-kinh
Ky-môn	4-Tâm-bào-lạc

—KH—

Khánh chủ nhơn	3-Đỗm-kinh
Khế mạch	18-Tam-tiêu
Khí-Hộ	13-Vị-kinh
Khí-xá	11-Vị-kinh
Khí-Hải	6-Nhâm-kinh
Khí-huyệt	13-Thận-kinh
Khí-xung	30-Vị-kinh
Khổ-phòng	14-Vị-kinh
Khổng-tối	6-Phế-kinh
Khuyết-hồn	12-Vị-kinh
Khuyết-âm-du	14-Bàng-quang
Khí-hải-du	24-Bàng-quang
Khúc-cốt	2-Nhâm-kinh
Khúc-mấn	7-Đỗm-kinh
Khúc-tuyền	8-Can-kinh
Khúc-tri	11-Đại-trường
Khúc-trạch	3-Tâm-bào-lạc
Khúc-sai	4-Bàng-quang
Khúc-viện	13-Tiểu-trường
Khư-hư	40-Đỗm-kinh
Khiếu-âm	44-Đỗm-kinh
(Túc)	

—L—

Lao-cung	8-Tâm-bào-lạc
Lâm-khấp (Túc)	41-Đỗm-kinh
Lệ-Đoài	45-Vị-kinh

Linh-Đài	9-Đốc-kinh
Linh-Đạo	4-Tâm-kinh
Liệt-khuyết	7-Phế-kinh
Lạc-khước	8-Bàng-quang
Lậu-cốc	7-Tý-kinh
Lây-cầu	5-Can-kinh
Liêm-tuyền	23-Nhâm-kinh
Linh-khư	21-Thận-kinh
Lư-tức	19-Tam-tiêu
Lương-khư	34-Vị-kinh
Lương-môn	21-Vị-kinh

—M—

Manh-du	16-Thận-kinh
Manh-môn	46-Bàng-quang
Mạng-môn	4-Đốc-kinh
My-xung	3-Bàng-quang
Mục-liêu	23-Tam-tiêu
(Tư-trúc-không)	
Mục-song	13-Đỗm-kinh

—N—

Não-hộ	16-Đốc-kinh
Não-không	19-Đỗm-kinh
Nội-đinh	44-Vị-kinh
Nội-quang	6-Tâm-bào-lạc

—NH—

Nhi-gian	2-Đại-trường
Nhi-môn	21-Tam-tiêu
Nhiên-cốc	2-Thận-kinh
Nhơn-nghinh	9-Vị-kinh
Nhu-du	10-Tiểu-trường
Nhu-Hội	13-Tam-tiêu
Nhũ-căn	18-Vị-kinh
Nhũ-trung	17-Vị-kinh
Nhơn-trung	25-Đốc-kinh
Nhứt-nguyệt	24-Đỗm-kinh

—NG—

Ngân-giao	27 - Đốc-kinh
Ngoại-lãng	26 - Vị-kinh
Ngọc-Đường	18 - Nhâm-kinh
Ngoại-khuru	36 - Đổm-kinh
Ngoại-quang	5 - Tam-tiêu
Ngọc-châm	9 - Bàng-quang
Thủ-ngũ lý	13 - Đại-trường
Túc-ngũ-lý	10 - Can-kinh
Ngũ-xu	27 - Đổm-kinh
Ngũ-xử	5 - Bàng-quang
Ngư-tế	10 - Phế-kinh
Nghinh-Hương	20 - Đại-trường

—Ô—

Ôc-ế	15 - Vị-kinh
Ôn-lưu	7 - Đại-trường

—P—

Phách-hộ	37 - Bàng-quang
Phế-du	13 - Bàng-quang
Phi-dương	58 - Bàng-quang
Phò-đột	18 - Đại-trường
Phong-long	40 - Vị-kinh
Phong-môn	12 - Bàng-quang
Phong-phủ	15 - Đốc-kinh
Phong-tri	20 - Đổm-kinh
Phong-thị	31 - Đổm-kinh
Phù-bạch	16 - Đổm-kinh
Phù-ky	52 - Bàng-quang
Phụ-phần	36 - Bàng-quang
Phủ-xá	13 - Kỳ-kinh
Phúc-kiết	14 - Kỳ-kinh
Phúc-ai	16 - Kỳ-kinh
Phục-lưu	7 - Kinh-thân
Phục-thổ	32 - Vị-kinh
Phụ-Dương	59 - Bàng-quang

—Q—

Quang-minh	37 - Đổm-kinh
Quang-nguyên	4 - Nhâm-kinh

Quy-lai	29 - Vị-kinh
Quyền-liêu	18 - Tiểu-trường
Quang-nguyên-du	26 - Bàng-quang
Quang-môn	22 - Vị-kinh
Quang-xung	1 - Tam-tiêu

—S—

Suất-cốt	8 - Đổm-kinh

—T—

Tam-gian	3 - Đại-trường
Tam-âm-giao	6 - Tý-kinh
Tam-dương-lạc	8 - Tam-tiêu
Tiếp-cân	23 - Đổm-kinh
Tiểu-lạc	12 - Can-kinh
Tam-tiểu-du	22 - Bàng-quang
Tiểu-hải	8 - Tiểu-trường
Tâm-du	15 - Bàng-quang
Tiểu-trường-du	27 - Bàng-quang
Tiền-cốc	1 - Tiểu-trường
Tiền-đãnh	20 - Đốc-kinh
Tinh-minh	1 - Bàng-quang
Tinh-bội	21 - Đốc-kinh
Tích-trung	6 - Đốc-kinh
Toán-trúc	2 - Bàng-quang
Tổ-liêu	21 - Đốc-kinh
Tư-lúc-không	23 - Tam-tiêu
Tứ-bạch	5 - Vị-kinh
Tứ-Độc	9 - Tam-tiêu
Tứ-mãng	14 - Thân-kinh
Tữ-Cung	19 - Nhâm-kinh
Túc tam-lý	36 - Vị-kinh
Tuyệt-Cốt	39 - Đổm-kinh
Tý-Quang	31 - Vị-kinh
Tý-Du	20 - Bàng-quang
Tý-Nhu	14 - Đại-trường
Túc-lâm-Khấp	41 - Đổm-kinh

-TH-

Thái-Ất	23. Vị-Kinh
Thái-Bạch	3. Tý-Kinh
Thái-Khê	3. Thân-Kinh
Thanh-lãnh-Tuyền	11. Tam-Tiểu
Thái-Xung	3. Can-Kinh
Thái-Uyên	9. Phế-Kinh
Thanh-linh	2 -Tâm-Kinh
Thạch-Quang	18-Thận-Kinh
Thân-mạch	62-Bàng-Quang
Thân-Tru	11-Đốc-Kinh
Thạch-Môn	5 -Nhâm-Kinh
Thần-Đường	39-Bàng-Quang
Thần-Đạo	10-Đốc-Kinh
Thận-du	23-Bàng-Quang
Thần-đỉnh	23-Đốc-Kinh.
Thần-môn	7 -Tâm-Kinh
Thần-Phong	23-Thận-Kinh
Thần-Tàng	25-Thận-Kinh
Thần-Khuyết	8 -Nhâm-Kinh
Thiên-Đột	22-Nhâm-Kinh
Thiên-Dũ	16-Tam-Tiểu
Thiên-Dung	17-Tiểu-Trường
Thiên-Liệu	15-Tam-Tiểu
Thiên-Song	16-Tiểu-Trường
Thiên-dãnh	17-Đại-Trường
Thiên-Tĩnh	10-Tam-Tiểu
Thiên-Tông	11-Tiểu-Trường
Thiên-Tuyền	2 -Tâm-bào-lạc
Thiên-tri	1 -Tâm-bào-lạc
Thiên-Xung	15-Đỗ-Kinh
Thiên-Xu	25-Vị-Kinh
Thiên-Tru	10-Bàng-Quang
Thiên-Lịch	6 -Đại-Trường
Thiên-Phủ	3 -Thế-Kinh
Thiếu-Hải	3 -Tâm-Kinh
Thiếu-Phủ	8 -Tâm-Kinh
Thiếu-Thương	11-Khế-Kinh
Thiếu-Trạch	1-Tiểu-Trường
Thiên-Khê	16-Tý-Kinh

Thỉnh-Hồi	2 Đỗ-Kinh
Thiếu-Xung	9 -Tâm-Kinh
Thỉnh-Cung	19-Tiểu-Trường
Thông-Cốc (phúc)	20-Thận-Kinh
Thông-Cốc (lúc)	66-Bàng-Quang
Thông-Lý	5 -Thận-Kinh
Thông-Thiên	7 -Bàng-Quang
Thủ-tam-Lý	10-Đại-Trường
Thúc-Cốt	65 Bàng-Quang
Thủy-Cấu	25-Đốc-Kinh
Thủy-Hạo	28-Vị-Kinh
Thủy-Đột	10-Vị-Kinh
Thủy-Phân	9 -Nhâm-Kinh
Thủy-Tuyền	5 -Thận-Kinh
Thử-Liệu	32-Bàng-Quang
Thừa-Linh	14-Đỗ-Kinh
Thừa-Sơn	57-Bàng-Quang
Thừa-Phô	50-Bàng-Quang
Thừa-Mãn	20-Vị-Kinh
Thừa-Cân	56-Bàng-Quang
Thừa-Thấp	4 -Vị-Kinh
Thừa-Tương	25-Nhâm-Kinh
Thực-Độc	17-Tý-Kinh
Thương-Khúc	17-Thận-Kinh
Thương-Dương	1 -Đại-Trường
Thương-Khư	5 -Tý-Kinh
Thượng-cự-Hư	37-Vị-Kinh
Thượng-Liêm	9 -Đại-Trường
Thượng-Liệu	31-Bàng-Quang
Thượng-Tĩnh	22-Đốc-Kinh
Thượng-Uyên	12-Nhâm-Kinh

-TR-

Trát-Biên	49. Bàng-Quang
Triển-Cơ	21. Nhâm-Kinh
Trung-Cực	3. Nhâm-Kinh
Trung-Liệu	33. Bàng-Quang
Trung-Chữ	3. Tam-Tiểu
Trung-Chú	15. Thận-Kinh
Trung-Đô	6. Can-Kinh

Trung-Độc	32. Đổm-Kinh
Trung-Đỉnh	16. Nhâm-Kinh
Trung-Phủ	1. Phế-Kinh
• Trung-lữ-Du	29. Bàng-Quang
Trung-Xu	Đốc-Kinh
Trung-Xung	9. Tâm-hào-Lạc
Trung-Uyển	12. Nhâm-Kinh
Trữu-Giao	12. Đại-Trường
Trường-Cường	1. Đốc-Kinh
Trung-Phong	4. Can-Kinh

—U—

U.Môn	21. Thận-Kinh
Ung-Song	16. Vị-Kinh
Ủy- Trung	53. Bàng-Quang
Ủy-Dương	54. Bàng-Quang
Uyển-Cốt	4. Tiểu-Trường
Uyển-Dịch	22. Đổm-Kinh

—V—

Vân-Môn	2. Phế-Kinh
Vị-du	21. Bàng-Quang
Vị-Thương	45. Bàng-Quang

—X—

Xích-Trạch	5. Phế-Kinh
Xung-Dương	42. Vị-Kinh
Xung-Môn	12. Tỳ-Kinh

—Y—

Ý-Hy	40. Bàng-Quang
Ý-Xá	44. Bàng-Quang
Yêu-Du	2. Đốc-Kinh

BỊ CHÚ : Bản kiểm tra này, ghi vị trí Huyết thứ tự theo các kinh lạc bỏ khuyết vào bản kiểm tra quyển Châm cứu Thực hành trước.

Và cũng đề cho các bạn tiện tra huyết trong các Phương trị liệu trong sách này. (Xem đồ hình toàn bộ Đầu, Lưng, Bụng, Tay, Chân phía trước cũng có thể điểm huyết đúng vị trí).

CHUNG

MỤC LỤC

Thay lời tựa (Châm-cứ ở Âu-châu của Ông
SOULIÉ de MORANT.)

CHƯƠNG I.

I : Nguyên tắc Chẩn đoán bệnh của một Y-sĩ, Châm-y.	1
1) Vọng, Văn Vấn-,Thiết.	2
2) Hàn, Nhiệt, Hư, Thiết, Biểu, Lý, Âm, Dương.	2
II.— Luận Châm Bỗ Tả.	11
III.— Bí quyết châm thuật.	16
IV.— Châm cứu Tân-liệu-pháp.	21
1) Châm dẫn điện.	21
2) Ngại quỵện cứu trị.	26
3) Chỉ châm.	29
4) Thủy châm liệu Pháp (Tìm thuốc vào huyết trị bệnh).	30
V.— Châm cứu gấp - phản ứng.	31
VI.— Cứu trị bí truyền.	32
VII.— Cứu huyết Thận-du.	38
VIII.— Bối du huyết hiệu nghiệm.	40

CHƯƠNG II

I.— Những huyết chủ yếu đối với ngũ tạng, ngũ hành.	45
A. Thập nhị Tĩnh, Vinh, Du, Kinh, Hiệp.	46
B. Tĩnh, Vinh, Du, Kinh, Hiệp, Hư, Thiết, Bỗ, Tả.	53
C. Nguyên, Lạc Phối hợp.	57
1 — Can Đởm liên hệ trị nghiệm.	58
2 — Tâm Tiểu-trường liên hệ trị nghiệm.	—
3.— Thận Bàng-quang liên hệ trị nghiệm.	—
4.— Phế Đại-trường liên hệ trị nghiệm.	—
D.— Tĩnh, Vinh, Du, Kinh, Hiệp trị nghiệm.	60
II.— Áp dụng Nam tả, Nữ hữu,	76
V.— Ngũ hành sanh khắc trị nghiệm.	77
VI.— Ngũ tạng thuộc Ngũ hành.	80
VII. Ngũ tạng tương quan ngũ hành sanh khắc.	84
VIII. Ngũ sắc quan hệ ngũ tạng.	88
IX.— Ngũ tạng quan hệ ngũ vị.	90
X.— Ngũ tạng sở chủ.	92
XI. - Ngũ tạng bệnh cơ.	94
XII — Ngũ lao sở thương.	96

CHƯƠNG III.

A.— Y-án Châm cứu Đại-thành.	98
B.— Y-án thực nghiệm.	101
Nội Ngoại khoa.	
I.— Áp huyết-cao. (6 bệnh Áp huyết cao trị nghiệm).	101
II.— Bệnh nhức đầu (lô bệnh trị nghiệm).	106
III— Chứng bệnh Huyền-dương (xoa xăm) 12 bệnh trị nghiệm	114
IV.— Cơ năng thần kinh bìn : Diên-giản, Kinh phong,	123
Khờ-ngốc Ý-bệnh.	131
17 Bệnh Diên-giản kinh phong trị nghiệm.	—
V.— Thần kinh suy nhược, Tâm-uy, Chỉnh-xung (3 bệnh trị nghiệm.)	137
Phụ chứng Hư-lao.	139
VI.—Bệnh về mạch máu : Sưng tĩnh-mạch, Tĩnh mạch lỵ	141
Bàn huyết, Hồng huyết cầu quá nhiều.	
VII.— Bệnh đau tim (10 bệnh đau tim thực nghiệm).	142
VIII. Bệnh mất ngủ (6 bệnh thực nghiệm).	147
IX.— Bệnh Não Tích tủy. Trùng phong. Bại xuôi. 12 bệnh	150
Trùng phong đi lỵ trị nghiệm. Ngừa Trùng phong.	153
X.— Bệnh phổi, Ho suyễn, Lao. (23 bệnh đau phổi).	160
Ho ra máu, Suyễn, Lao phổi các bệnh trị nghiệm. Phụ	168
phương dùng tối sát trị nghiệm bệnh Lao phổi.	171
Bệnh Hen Suyễn nặng trị nghiệm của Bác-Sĩ COZE ở Pháp.	177
XI.— Bệnh Dạ dày và Ruột. (20 bệnh đau Dạ dày cấp	180
tánh và mạn tánh).	
Bệnh Thở huyết, Dạ dày lở, Dạ dày trụt.	190
Chứng nấc cục, Ỉa nước, Hoát-loạn, Bệnh Kiết-lỵ.	194
XII — Bệnh đau vùng Ngực, Hồng.	200
XIII. Bệnh đau vùng bụng.	202
XIV.—Bệnh Đau Gan, Mật (7 bệnh đau Gan da vàng, hắc đản)	207
Bệnh sưng Túi Mật.	212
XV. Bệnh Thận và Bàng-quang Bệnh Thủy thũng.	213
XVI—Tiểu tiện. Tiệt bí, Lâm lậu.	217
XVII — Bệnh Mộng, Di tinh.	220
XVIII. Bệnh Liệt-dương.	225
XIX.—Bệnh về Tinh hệ. Xán khí (5bệnh Xán khí trị nghiệm)	226
XX. Bệnh Phong-thấp. Phong-Tê. Bội-phận ở Tay, Chân, Lưng	229
Phong thấp khuốc khí.	259

XXI.— Bệnh ngoài Da. Bệnh Thấp xang, ghẻ ngứa.	260
XXII.— Bệnh về Mắt, Tai, Mũi.	263
Bệnh Cầm Điếc.	
XXIII.— Bệnh Miệng, Lưỡi, Răng.	274
XXIV.— Bệnh Cổ hầu, Cuống họng.	287
Bứu cổ, Nổi hạch.	290
XXV.— Phong Méo miệng.	294
XXVI.— Cầm-Mạo.	297
XXVII.— Bệnh Ban trái.	299
Thương-hàn phát ban Thủy-đàn. (Trái ra)	304
XXVIII.— Bệnh Sốt-Rét.	306
Hắc nhiệt bệnh.	312
XXIX.— Bệnh Đại đường. Mồ hôi trộm.	314
XXX.— Bệnh Đại tiện và Thoát-giang.	318
XXXI.— Bệnh Trĩ.	321
XXXII.— Bệnh Dương-mai.	323
XXXIII.— Ghẻ lở, Ngoai-thương. Ghẻ độc, Bị Rắn độc cắn.	330
PHỤ-NHON-KHOA.	
I.— Bệnh về Kinh nguyệt. Có kinh Đau bụng.	345
II.— Bệnh Kinh bế.	347
III.— Kinh quá nhiều.	353
IV.— Băng-huyết.	—
V.— Bệnh Tử cung, Buồng trứng.	357
VI.— Bạch Đại hạ.	363
VII.— Bệnh Vũ.	364
VIII.— Thai tiền.	367
IV.— Sản Hậu.	371
TIỂU-NHI-KHOA.	
I.— Cam-tích.	376
II.— Tưa-lưỡi (Đeo).	380
III.— Thương-thực, Trứng-thực.	381
IV.— Kinh-phong, Kinh-giãn, Cấp Mạng kinh.	382
V.— Bệnh Tê Liệt Trẻ con.	391
VI.— Bệnh Đốt-xương sống (Tích chùy).	391
VII.— Bệnh sưng phổi.	397
VIII.— Bệnh phát sốt, nóng.	399
IX.— Bệnh Ban-trái.	402
X.— Bệnh Ỉa mửa, Bệnh Kiết-ly, Bệnh Ỉa máu.	403
XIII.— Bệnh xán-khi.	407
XIV.— Bệnh ở đầu, Bệnh Miệng, Lưỡi, Bệnh Chân.	408
XVII.— Tập Bệnh. Ghẻ độc, Đại dâm.	416
IV.— Cứu trị Ung-thư.	417
CHƯƠNG IV.	418
Lâm sản — Y-án trị nghiệm.	419
Lâm sản tự trị nghiệm.	416
Phụ bản kiểm tra huyết vị theo Kinh lạc.	427

ĐÍNH CHÁNH

Trang	giòng	In sai	Chữ lại
2	28	hường thể	thường thể
8	4	băng lâu	băng lâu
—	29	vớt sự	với sự
12	6	Hưng phần	Hưng phần
13	14	Có thờ	Có vi trùng, thờ
14	4	rút khinh	rút kim
27	11	Thái-ất thầu	Thái-ất Thôn
36	3	7 tháng	7 tháng
54	20	Chứng thư	chứng thiết
55	32	khí nghinh	khí nghịch
—	34	Thốn-khâu	khí-khâu
58	1	nồng huyết	nồng huyết
59	22	hai tay	hai tai
60	18	lâm trị nên	nên trị lâm
—	18	nguyên nguyệt	nguyên huyết
64	15	hiện chương	hiện-chứng
78	10	Thủy khắc thổ	Thủy khắc Hỏa
96	24	hế nên	thế nên
100	1	Nội-quang	Nội-quang
121	4	chương phát	thường phát
125	12	sự vừa	sự không vừa
131	17	huyết ngày	huyết này
150	21	Nội-di	Nội-dinh
157	1	Giáp-xau	Giáp-xa
—	1	nhọt sự	nhơn sự
—	5	Thừa tương	Thừa tương
168	23	Khúc-truyền	Khúc-truyền
231	5	vai, nhất	vai mặt
274	15	Trước khi	Trước
301	26	Như nhiệt	Nhưng nhiệt
309	16	Dương châm	Dương-tri
310	26	quyền ngay	quyền cru ngay
—	—	nguyệt trung	huyết Trung
317	20	bột ghù	bột đau
312	—	Lao cung	Lao cung
—	31	tôi ra	lời ra
315	12	thê thê táo	thê khô táo
—	15	Phục lưu	Phục lưu
316	5	Tiểu khát	Tiểu-khát
—	25	Dã điền	dễ điều
317	24	Trị giác	Tự Giác
319	5	Bách-liêu	Bách-liêu
—	6	Tam tâm lý	Túc-tam-lý
—	20	Tiền ra huyết	phân lộn máu
321	27	Có niệm	Cơ niệm
322	33	Kỷ môn	Kỷ môn
323	20	Lao cung	Lao cung
324	7	Chết thuốc	Chế thuốc
331	4	do giấm	ho-glấm
332	5	bén bắt	bén mặt
—	24	Thác bạch	Thái-bạch
359	7	hoa du	Hoàn-du
361	29	Trị nặng	Trị nặng
367	14	Cải thái	Cổ thái
368	18	lân con	lân con
370	16	ai không	Cải không
372	36	như muốn	như nghệt
390	5	vì lỏng em	chỗ lỏng em
391	16	1-liêu trình	2-liêu trình
394	30	lo làm	lư làm
397	36	Cửu Khúc	Cửu Khúc

Nhà xuất bản HỒNG-DÂN

ĐÃ PHÁT HÀNH SÁCH VIỆT-VĂN

1 — Tiên-Thiên Diệt Số Di Bốc Tiên Tri	soạn giả : Nguyễn-Khắc-Hải	120đ
2 — Kim-Oanh-Ký I Bát-Môn	soạn giả : Thái-kim-Oanh	1 cuốn 60đ
3 — Kim-Oanh-Ký II Bát-Trạch Minh-Cảnh	—	1 — 120đ
4 — Kim-Oanh-Ký III Bát-Tự Lữ Tài	—	1 — 120đ
5 — Kim-Oanh-Ký IV Bát Lãm Quần Thơ	—	1 — 120đ
6 — Thông-Thơ Đồ-Hình	soạn giả : Viên-Tài	1 — 100đ
7 — Bát-Trạch Chánh-Tông	—	1 — 120đ
8 — Khảo-Cứu Chiêm-Tĩnh Lý-Số	—	1 — 200đ
9 — Văn-CôngThọ-Mai Gia-Lễ	—	1 — 80đ
10 — Hôn-Lễ Lễ-Tục Cưới-Gả	—	1 — 80đ
11 — Diển-Cầm Tam-Thế	Dương-công-Hầu	1 — 220đ
12 — Căn-Duyên Tiên-Định	—	1 — 200đ
13 — Thiên-Văn Vạn-Số	Dương-công-Vinh	1 — 300đ
14 — Long-Hoa Chuyển-Thế	Chơn-Tâm và Thiện-nghĩa-Minh	1 — 70đ
15 — Sấm Trạng Trình	Thiện-nghĩa-Minh	1 — 90đ
16 — Cao-Ly Đầu Hình	Đoàn-Văn-Đầu	— 60đ
17 — Lục-Huyền-Cam	soạn giả : Bảy-Bá (Viễn-Châu)	1 — 30đ
18 — Âm-Nhạc Thực-Hành (Banjo et Mandoline)	s.g. Nam-Phong	1 — 40đ
19 — Kim-Vân-Kiều	soạn giả : Nguyễn-Du	1 cuốn 30đ
20 — Văn Quốc Ngữ Con Gà Lốp Đồng Ấu.	1 nhóm giáo-viên	25đ
21 — Tập Đọc Quốc-Ngữ Mới Lớp Đồng Ấu.	1 nhóm giáo-viên	20đ
22 — Châm Cứu Học	soạn giả : Thượng-Trúc	1 — 400đ
23 — Y-Án Châm Cứu	soạn giả : Thượng-Trúc	1 — 450đ
25 — Xem Tướng, Chỉ Tay, không cần Thầy	—	1 —

Đã Phát Hành

Sách VIỆT ANH PHÁP VĂN

1 — Anh-Văn Thực-Dụng	Võ-quang-Châu	giá : 16đ00
2 — Những Câu Thông-Dụng Việt Mỹ	—	giá : 45đ00
3 — Việt-Mỹ Cấp-Tốc	—	giá : 30đ00
4 — Cẩm-Nang Giao-Thiệp Việt-Mỹ-Pháp	Đỗ-Văn	giá : 60đ00
5 — Nói Giỏi Tiếng Anh I	—	giá : 60đ00
6 — Nói Giỏi Tiếng Anh II	—	giá : 50đ00
7 — Anh-Việt-Mỹ Xã-Giao Hàng Ngày	Đỗ-Văn	giá : 30đ00
8 — Tiếng Mỹ Hàng-Ngày	—	giá : 20đ00
9 — Nói Tiếng Mỹ Cấp-Tốc	—	giá : 40đ00
10 — Cẩm-Nang Giao-Dịch Việt-Mỹ	Một nhóm giáo sư	giá : 70đ00
11 — Cẩm-Nang Đàm-Thoại Việt-Mỹ	Hoài-Phương	giá : 80đ00
12 — Nghệ Thuật Nói và Viết Tiếng Anh	Trần-hàn-Nga	giá : 72đ00